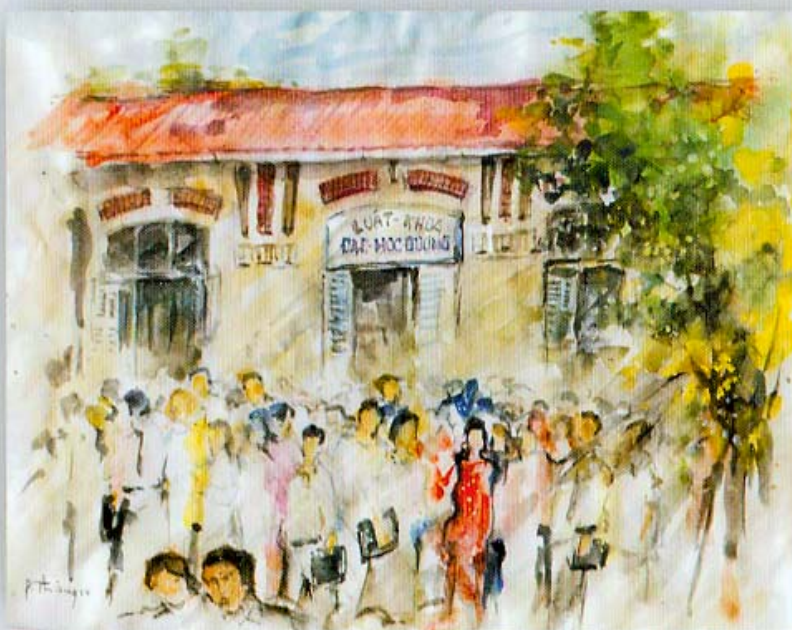




Đặc San **LUẬT KHOA** 2010

Hoài
Niệm
Tri
Ân
Luật
Khoa
Việt
Nam



Nỗi
Chí
Chiến
Đấu
Anh
Hùng
Nước
Việt

Phát hành nhân Hội Ngộ Mùa Xuân 2010
Cựu Sinh Viên Đại Học Luật Khoa Saigon
toàn cầu tại Houston T.X. Hoa Kỳ 3/4/2010

Đặc san Luật khoa 2010

CÂU LẠC BỘ LUẬT KHOA VIỆT NAM
Vietnamese Law Association (VILAS)



ẤN HÀNH NHÂN KỶ NIỆM

- *10 năm thành lập Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam (2000 – 2010)**
- * 55 năm thành lập Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn (1955 – 2010)**

Hình bìa: *Quang cảnh sinh viên nơi sân Trường Luật Sài Gòn
do Họa Sĩ Phạm Thông phác họa*



Đặc san Luật khoa 2010

LIÊN HỘI ĐỒNG CÂU LẠC BỘ LUẬT KHOA VIỆT NAM (Nhiệm kỳ 2008 – 2012)

* HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH:

- Chủ tịch: Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng
- Phó Chủ tịch Ngoại Vụ: Đỗ Kim Bảng
- Phó Chủ tịch Nội vụ: Nguyễn Văn Quát
- Tổng Thư ký: Phạm Thị Minh
- Thủ Quỹ: Dương Quế Lan



* HỘI ĐỒNG THƯỜNG VỤ ĐẠI

- Chủ tịch: Nguyễn Thế Linh
- Phó Chủ tịch: Trần Hạo
- Thư ký: Nguyễn Văn Cung
- Ủy viên: Nguyễn Thị Chính
- Ủy viên Nguyễn Trần Quý





Ban Tổ Chức cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn Toàn Cầu tại Houston, Texas, Hoa Kỳ, chân thành cảm tạ quý ân nhân, các vị chủ văn phòng nghiệp vụ và các cơ sở thương mại do chính các cựu sinh viên Luật khoa hoặc thân nhân hay thân hữu điều hành, đã bảo trợ tài chánh dưới mọi hình thức, để giúp thực hiện Đặc san Luật khoa 2010 này.

Chúng tôi ân cần giới thiệu và ước mong các giới thân chủ, đặc biệt là gia đình và thân nhân các cựu sinh viên Luật khoa, tích cực ủng hộ khi có nhu cầu liên quan đến các nghiệp vụ và các cơ sở thương mại được giới thiệu ở phần cuối trong Đặc san Luật khoa 2010.

Nhân dịp đầu năm, kính chúc quý ân nhân, quý thân chủ bảo trợ quảng cáo cùng gia đình và quý đồng hương Việt Nam ở Houston và khắp nơi ở hải ngoại cũng như đồng bào trong nước:

***MỘT NĂM MỚI CANH DẦN 2010
AN KHANG, THỊNH VƯỢNG VÀ HẠNH PHÚC TRẦN ĐẦY***

**Houston, Xuân Canh Dần 2010
BAN TỔ CHỨC**

HỘI NGỘ MÙA XUÂN 2010 CỰU SINH VIÊN LUẬT KHOA SÀI GÒN TOÀN CẦU



MỤC LỤC

	Trang.....
* Lời Phi Lộ	005
* Lá thư Khoa Trưởng & Thư của các Giáo sư Luật khoa.....	007

PHẦN I: SINH HOẠT LUẬT KHOA

* Lịch sử hình thành và các sinh hoạt của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam.....	013
* Hình ảnh và tư liệu sinh hoạt của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam (2000-2010).....	017
* Sinh hoạt ái hữu: Phái đoàn CSVLKSG đi Tết và chúc tuổi Gs Mai Văn Lễ.....	029
* Luật khoa Houston chào mừng hai đồng môn Luật khoa Sài Gòn đến thăm Houston.....	030
* Từ Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 qua Hội Ngộ Mùa Xuân 2009.....	039
* Từ Hội Ngộ Mùa Xuân 2009 đến hoạt động chuẩn bị cho Hội Ngộ 2010.....	043
* Giới thiệu đại cương tiến trình thành lập Hội Ái Hữu Luật Khoa Việt Nam.....	047
* Tường thuật: Về buổi họp mặt mừng xuân 2009 của Hội Ái Hữu Luật Khoa VN.....	049

PHẦN II: BÓNG THỜI GIAN

* Lịch sử đại cương về Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn (1955-2010).....	051
* Hình ảnh và tư liệu sinh hoạt của các giáo sư ngày xưa.....	057
* Hình ảnh và tư liệu sinh hoạt của các cựu sinh viên xưa và nay.....	059
* Hình ảnh và tư liệu sinh hoạt nghề nghiệp của các cựu sinh viên xưa và nay.....	060

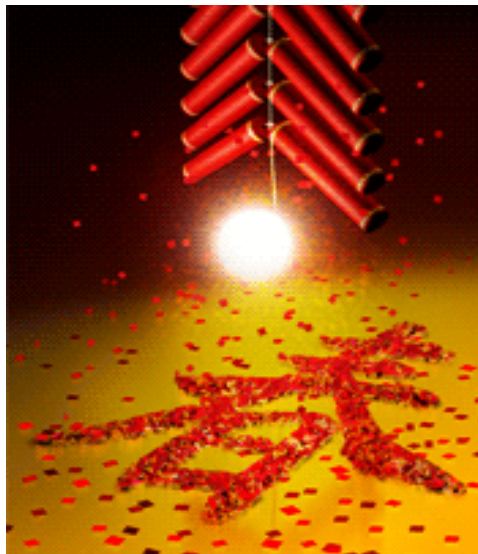
PHẦN III: THAM LUẬN VÀ BIÊN KHẢO

* Tham luận: Về Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ - Gs. Vũ Quốc Thùy -	069
* Giáo dục Việt Nam theo nhận định của các Đại học Mỹ - Gs. Tạ Văn Tài -	071
* Đông hải với Hoàng Sa & Trường Sa theo ngoại sử và – Ls. Nguyễn Hữu Thống.....	076
* Thương nữ bất tri vong quốc – CSVLK Nguyễn Trần Quý -	079
* Cái nhục lớn nhất của một dân tộc là có một chính quyền hèn nhát – Ls. Nguyễn Mạnh San -	083
* Cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn cảnh báo – Ls. Nguyễn Văn Thành -.....	085
* Tham luận: Thời thế mới, phương cách đấu tranh mới – Ls. Lâm Lễ Trinh -	094
* Nhận định: 35 năm nhìn lại Cộng đồng Việt Nam hải ngoại – Ls Nguyễn Vạn Bình -	099
* Khảo luận: Sau khi Liên Xô giải thể, phong trào cộng sản còn lại gì? – Ls. Đoàn Thanh Liêm -.....	105
* Đọc sử để nhìn nhận hôm nay – Ls. Lê Công Định -	111
* Sơ lược lịch sử phát triển nền luật học Việt Nam thời Pháp thuộc và – Ls. Lê Công Định -.....	113
* Nghiên cứu Luật pháp: vấn đề đặc miễn trong việc kiện chính phủ - CSVLK Tạ Quốc Tuấn -.....	115
* Thủ tục khiếu tố các vi phạm nhân quyền...- Ls. Trần Lê Nguyễn -	121
* Luật Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ - Ls. Nguyễn Mạnh San -.....	125
* Học luật ở Mỹ - Ts. Trần Minh Lợi -	129
* Làm thế nào để trở thành một luật sư ở Mỹ?- Ls. Nguyễn Thị Chính -.....	131
* How to becom a lawyer? – Ls. Elizabeth Ai Lan -.....	132
* Khảo cứu Đông Y: Chứng đau dây thần kinh hông (Sciatica).- DYS Cảnh Thiên -.....	134
* Khảo cứu: Chiến tranh và thơ – Ts. Nguyễn Minh Triết -.....	138

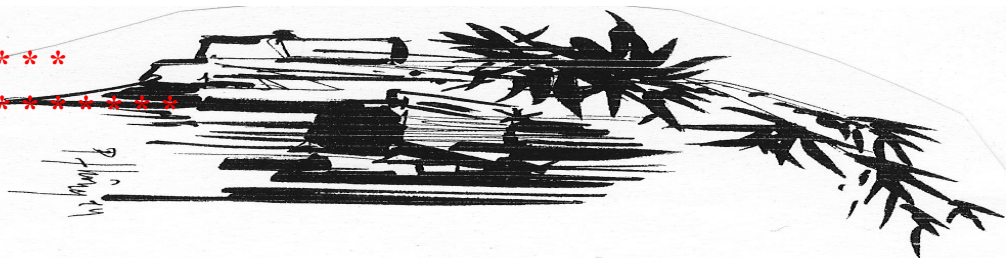
PHẦN IV: VĂN THƠ CHỦ ĐỀ “HOÀI NIỆM - TRI ÂN”

Đặc san Luật khoa 2010

* Gió đưa cành trúc la đà – Gs. <i>Vũ Quốc Thúc</i> -	153
* Bàn ngang tán đọc: Huế - Sài Gòn – Hà Nội – <i>Chính Phong Nguyễn Hoàng</i> -	156
* Tôi học và hành nghề chuyên viên kinh tế như thế nào? – Gs. <i>Phạm Văn Thuyết</i> -	162
* Hòa niệm: Về Giáo sư Nguyễn Huy Đầu, Thầy tôi – <i>CSVLK Tạ Quốc Tuấn</i> -.....	166
* Đóng góp của Gs. <i>Vũ Văn Mẫu</i> trong việc xây dựng nền luật học Việt Nam- <i>Tạ Q. Tuấn</i> -.....	169
* Hòa niệm: Kỷ niệm với Gs, <i>Nguyễn Độ</i> - <i>Ls. Đoàn Thanh Liêm</i> -.....	172
* Hòa niệm về Thầy Trò và Bằng hữu – <i>Ls. Nguyễn Thị Chính</i> -.....	174
* Nhớ về: Trường Đại Học Luật Khoa Huế - <i>Ls. Nguyễn Viết Đình</i> -.....	180
* Trường Sa Niềm Đau Nỗi Nhớ - <i>CSVLK Đỗ Công Thành</i> -.....	183
* Hồi ức: Trường Sa, những dấu chân kỷ niệm – <i>CSVLK Đỗ Hữu Phương</i> -.....	186
* Đất nước ta đẹp tươi: Chùa Hương – <i>Phương Nam</i> -.....	191
* Chữ Xuân trong truyện Kiều – <i>CSVLK Đỗ Hữu Phương</i> -.....	193
* Những chuyện tếu về Luật sư bên Mỹ Quốc – <i>Ls. Nguyễn Sĩ thụy</i> -.....	197
* Tường thuật: Tình Đồng Môn Luật khoa Sài Gòn – <i>CSVLK Nguyễn Văn Thắng</i> -.....	201



LỜI PHI LỘ



Mười năm trước đây, ngày 12-3-2000, một cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn đã được tổ chức tại Thành phố Houston, Tiểu bang Texas, Hoa kỳ. Cuộc Hội Ngộ đã có sự hiện diện của bốn vị Giáo sư khả kính: Giáo sư Khoa Trường Nguyễn Cao Hách và Phu nhân, Giáo sư Nguyễn Huy Dầu, Giáo sư Mai Văn Lễ và Giáo sư Phụ tá Khoa Trường Nguyễn Văn Canh, cùng chung vui với khoảng 400 cựu sinh viên Đại Học Luật Khoa Saigon cùng gia đình và thân hữu, phần đông ở Houston và các thành phố lân cận, như Dallas, San Antonio và Austin Thủ đô của Tiểu bang Texas; một số ít từ các tiểu bang khác, trong đó tiêu biểu có cố Luật sư Võ Văn Quan từ Florida...

Sau cuộc Hội Ngộ "có tính lịch sử" này, nói theo Thư Chúc Mừng cuộc Hội Ngộ của Giáo sư Khoa Trường Vũ Quốc Thúc viết từ Paris, Thủ đô nước Pháp, có lẽ vì đây là lần đầu tiên, sau 25 năm rời xa Trường Mẹ (1975-2000), cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn, mới có một cuộc họp mặt rộng lớn như vậy ở hải ngoại, Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam được hình thành, với các sinh hoạt ái hữu để thắt chặt tình tương thân tương trợ đồng môn Luật khoa Sài Gòn và đồng khoa luật; và qua các sinh hoạt tri thức góp phần trong khả năng chuyên môn và điều kiện cho phép, vào mục tiêu chung: dân chủ hóa và phát triển toàn diện Quê Mẹ Việt Nam đến giàu mạnh, văn minh tiến bộ theo kịp đà tiến hóa chung của nhân loại.

Mười năm qua, những cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn chiếm số đông trong Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam vẫn kiên trì theo đuổi các mục tiêu của hai hoạt động ái hữu và tri thức trên Nhiều thành quả tuy khiêm tốn những cũng được công luận trong và ngoài giới luật ghi nhận và đánh giá là đáng khích lệ.

Đặc san Luật khoa 2010 tiếp nối những Đặc san Luật khoa các năm trước, là một trong những

sinh hoạt tri thức, nhưng đặc biệt hơn, vì được phát hành nhân có cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn Toàn Cầu, tiếp nối các cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân hàng năm của các cựu sinh viên Luật khoa tại địa phương Houston và Vùng phụ cận, cũng là một trong những sinh hoạt ái hữu của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam. Nhưng đặc biệt hơn nữa là cả hai sinh hoạt tri thức và ái hữu này đã được thực hiện nhân kỷ niệm 10 năm thành lập Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam (2000-2010) và kỷ niệm 55 năm Luật khoa Đại học Đường Sài Gòn được thực dân Pháp bàn giao cho chính quyền chính thống Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa (1955-2010). Do đó cả hai sinh hoạt này đều nhằm thể hiện một chủ đề "Hòa Niệm, Tri Ân" qua chương trình văn nghệ trong những ngày Hội Ngộ và qua nội dung Đặc san Luật khoa 2010. Hòa niệm những kỷ niệm vui buồn của một thời đã qua, với Thầy, với Bạn, với ngôi Trường Luật cổ kính thân thương ngày nào. Tri ân ai? Tri ân các Giáo sư, các viên chức hành chánh của Trường Luật đã góp phần tổ chức, giáo dục đào tạo những nhân tài luật học hữu dụng cho đất nước, cho chế độ tự do, dân chủ pháp trị. Tri ân nâng cao hơn, là tri ân những anh hùng hào kiệt của lịch sử Việt Nam, đã có công dựng nước và giữ nước, mở mang bờ cõi để có được một giải giang sơn gấm vóc hình chữ S chạy dài từ Ái Nam Quan đến Mũi Cá Mâu, bên bờ Thái Bình Dương, lưu truyền cho con cháu muôn đời mai sau.

Hy vọng và ước mong rằng, Quý Giáo sư, Quý niên trưởng, các bạn đồng môn cựu sinh viên và độc giả thân hữu sẽ cảm nghiệm được phần nào những ý nghĩa của chủ đề "Hòa Niệm Tri Ân" sau khi tham dự cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn Toàn Cầu, và sau khi đọc nội dung Đặc san Luật khoa 2010 này.

Trân trọng,

Houston, ngày 3 tháng 4 năm 2010
BAN BIÊN TẬP

LÁ THƯ KHOA TRƯỞNG & CÁC GIÁO SƯ LUẬT KHOA ĐẠI HỌC ĐƯỜNG SÀI GÒN



Ngày lễ phát văn bằng Cử Nhân niên học 1973-1974 ngày 21 tháng 12, 74. Lễ phát văn bằng là một bước trong tiến trình cải tổ lại Trường Đại Học Luật Sài Gòn.

* **Hàng đầu** (từ phải sang trái): cố GS Nguyễn huy Chiêu, GS Khoa Trưởng Vũ quốc Thúc, GS Khoa Trưởng Nguyễn cao Hách.

* **Hàng 2:** Cố GS Lưu văn Bình, GS Hà như Vinh, GS Nguyễn văn Canh

* **Hàng 3:** cố GS Tôn thất Trung Nghĩa (sau GS

THƯ CỦA GIÁO SƯ VŨ QUỐC THỨC, NGUYÊN KHOA TRƯỞNG ĐẠI HỌC LUẬT KHOA SÀI GÒN

Gửi các cựu sinh viên tham dự Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn toàn cầu ngày 3-4-2010 tại Houston, Texas, Hoa kỳ

Kính gửi : Quý Anh Chị Em Cựu sinh viên trường Đại học Luật khoa Sài Gòn ,

Thưa quý bạn ,

Nhân dịp hội ngộ mùa xuân Canh Dần 2010 và kỷ niệm 55 năm sự thiết lập trường Đại học Luật khoa quốc gia ở Sài Gòn ,

Với tư cách Cựu Khoa Trưởng ,Tôi kính gửi lời chào mừng quý bạn , thân mến chúc quý bạn và bảo quyến an khang , thắng lợi , hạnh phúc.

Tôi rất tiếc vì lý do sức khỏe cũng như công chuyện gia đình đa đoan nên không thể đích thân tới chia vui cùng quý bạn , nhưng chúng ta lúc nào

cũng gần nhau trong nỗi nhớ nhưng mái trường cổ kính của chúng ta ở đường Duy Tân Sài Gòn .

Nhân dịp này tôi muốn nói lên niềm hân diện của tôi là đã được góp phần trong 24 năm liền , từ 1951 đến 1975 , vào công cuộc xây đắp nền luật học ở nước nhà . Chính nhờ chúng ta , giáo sư cũng như sinh viên , mà truyền thống thượng tôn pháp luật cùng tinh thần pháp trị đã được phát huy và duy trì . Trong mấy năm vừa qua , nhiều luật gia thuộc tầng lớp hậu duệ của chúng ta , đã can đảm xả thân bảo vệ truyền thống và tinh thần ấy . Đây quả thật là một thái độ làm vẻ vang toàn thể giới luật gia Việt Nam . Chúng ta ,những người đi trước có thể tự hào đã làm đúng nhiệm vụ của kẻ học luật .

Vững lòng tin tưởng ở tương lai của dân tộc Việt Nam , tôi kính gửi Quý bạn một lần nữa cảm tình trân quý của tôi ./.

Vũ Quốc Thúc

Viết từ Paris, Pháp quốc Mùa Xuân 2010

THƯ CỦA GIÁO SƯ NGUYỄN CAO HÁCH

Nguyên Khoa Trưởng Đại học Luật khoa Sài Gòn



Gs. Nguyễn Cao Hách trong ngày Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston, Texas, Hoa Kỳ (12-3-2000)

Gửi: Ban Tổ Chức và các cựu sinh viên tham dự Ngộ Mùa Xuân 2010 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn Toàn Cầu vào ngày 3 tháng 4 năm 2010 tại Houston, Texas, Hoa kỳ.

San Diego, ngày 18 tháng 2 năm 2010.

Thân gửi: các anh chị em cựu sinh viên Đại Học Luật Khoa Sài Gòn.

Trường Luật Saigòn đóng cửa 1975. Tới nay thành ra 35 năm. Nếu ta lấy tuổi trung bình thì nay chúng mình quá năm mươi, tôi rất mừng các anh em đều khoẻ mạnh, và tôi nay đã quá 90. Mong gia đình của các anh em khoẻ mạnh và chúc tất cả các anh chị em mọi sự tốt đẹp và sức khoẻ dồi dào qua năm mới.

Tôi cũng rất mong có dịp gặp lại các anh chị em, nhưng tuổi đã cao, đi lại cũng khó.

Giáo sư Nguyễn Cao Hách

Gửi: Ban Tổ Chức và các cựu sinh viên tham dự Ngộ Mùa Xuân 2003 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn vào ngày 12 tháng 3 năm 2003 tại Houston, Texas, Hoa kỳ.

San Diego, ngày 12 tháng 3 năm 2003.

Anh Thiện Ý nói chuyện với tôi qua điện thoại.

Tôi gọi anh Thiện Ý là thanh niên.

Thiện Ý bật cười lớn và nói: “ Lại còn thanh niên gì nữa Thầy ơi!Thầy có biết Thiện Ý năm nay bao nhiêu tuổi rồi không?.....

Tôi tính sơ sơ thế này: Trường Luật Sài Gòn đóng cửa năm 1975. Vậy là trường đóng cửa đã 28 năm rồi (1975-2003). Ngày đó sinh viên nào đậu Tú tài thường ở độ tuổi 18. Người nào theo học trường luật 4 năm tốt nghiệp Cử nhân thì lúc đó 22 tuổi. Nếu chúng ta cộng thêm 28 năm thì các cựu sinh viên nay ở độ tuổi 46 đến 50. Người nào ra trường lâu hơn nữa thì ở độ tuổi 50 đến 60.. Tôi cho tuổi này vẫn là tuổi thanh niên. Vì sao?

Vì các bạn thực may mắn, sống trong một thời đại y học tiến rất mau. Các bộ môn khác của khoa học cũng tiến mau như thế. Đặc biệt là sinh lý học, hiện khoa học tiến mau nhất trong kỹ thuật tạo ra cơ thể con người, tiếng Anh gọi là Cloning. Người ta đã tạo ra một con cừu Dolley và những con người theo kỹ thuật này, thì trong tương lai việc tạo ra những bộ phận con người để thay thế các bộ phận hư hỏng, như thay bao tử, tim, gan, phổi ... đâu có gì khó? Một ngày kia rất có thể, người ta sẽ thay được cả bộ óc nữa.. Dù ta thí dụ khoa học không tiến bộ hơn hay tiến rất chậm, thì các bạn vẫn có thể sống ít nhất là 40 năm nữa.. Nhưng thực tế khoa học tiến bộ rất nhanh như hôm nay, các bạn dễ dàng sống đến không phải 100 mà là 120 tuổi. Nghĩa là người nào hiện nay 60 tuổi, mới đi được một nửa đường của cuộc đời. Vậy các bạn không phải là thanh niên thì còn là gì nữa?

Tôi thành thật khuyên các bạn, là làm sao cho cuộc sống lâu dài có ý nghĩa và ích lợi cho xã hội

Việt Nam và cho cả nhân loại. Và tôi cũng xin khuyên các bạn thực hiện lý tưởng đó với con cháu của các bạn. Vì con cháu các bạn sinh đẻ ở xã hội Mỹ, chịu ảnh hưởng tinh thần, lối sống nơi chúng sinh ra, lớn lên và được giáo dục theo những thành kiến của Mỹ; và vì thế lúc lớn lên rất có thể là không biết tiếng Việt Nam là gì. Nếu các bạn dạy con cháu nhớ đến tổ tiên và nguồn gốc, để hành động tùy thời, nghĩa là dù ở xa nhưng vẫn có thể phụng sự dân tộc Việt. Các bạn làm được thế thì là một công dân Việt Nam xứng đáng và quý trọng lắm.

Tôi chân thành chúc các bạn thành công

Gs. Nguyễn Cao Hách

Khoa Trưởng Đại học Luật khoa Sài Gòn



***THƯ CỦA GIÁO SƯ LÊ ĐÌNH CHI**

Nguyên Giáo sư Đại Học Luật Khoa Sài Gòn



** Từ trái sang phải: Gs. Tạ Văn Tài, Gs. Mai Văn Lễ, Gs Lê Đình Chi và Phu nhân, tham dự Hội Luận chủ đề “Việt Nam Con Đường Chúng Ta Đi” tại Houston, Texas (2005)*

Gửi: Ban Tổ Chức và các cựu sinh viên tham dự Ngộ Mùa Xuân 2010 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn toàn cầu ngày 3-4-2010 tại Houston, Texas, Hoa kỳ

Texas, January 18, 2010

.....

Chúng tôi có nhận được Thông báo & Thư mời về cuộc “Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn Toàn Thế Giới”.

Chúng tôi thực sự cảm động vì luật sư Chủ tịch và các cựu sinh viên trường Đại học luật Sài Gòn, mỗi năm tổ chức Hội Ngộ Mùa Xuân, luôn luôn nhớ đến tôi, trước đây cũng là một cựu sinh viên trường Đại học luật Sài Gòn và sau đó trở thành giáo sư.

Trong hàng ngũ cựu sinh viên Đại học luật Sài Gòn từ năm 1954 đến 1975, biết bao nhiêu vị đã thành danh trong nhiều ngành nghề, nhưng dù ở cương vị nào trong xã hội, làm sao quên được những kỷ niệm Thầy Trò, bằng hữu trong ngôi trường cũ, nơi đây chúng ta đã trưởng thành trong việc học hành rồi tung cánh bay cao và biết bao nhiêu đồng môn của chúng ta đã làm vẻ vang cho Trường Đại Học Luật Khoa nằm trên con đường Duy Tân ngày trước.

Ngày nay, vật đổi sao dời, tập thể cựu sinh viên trường luật phải đành bỏ nước ra đi trước sự xâm lăng của cộng sản sau ngày quốc hận 30-4-1975. Ai trong chúng ta không đau lòng và ngậm ngùi trước thảm cảnh nước mất nhà tan và ai trong chúng ta không uất hận và phiền muộn khi nhìn lại quá khứ từ 1954 đến năm 1975 qua những biến

động chính trị 1963, 1966, 1968...1975 đã đưa Miền Nam vào trong tay Việt cộng.

Thật khó hiểu nổi những gì đã và đang xảy ra trên Quê Hương, nhất là trong thời đại này. Tất cả những tệ đoan xã hội bất hạnh và khủng khiếp nhất đang dày vò đất nước Việt Nam như trộm cướp, ma túy, đĩ điếm, buôn người, xuất khẩu phụ nữ...thậm chí các cô gái vị thành niên phải bán thân để sống còn. Trong khi đó, nhà cầm quyền cộng sản cúi đầu trước quan thầy Trung cộng, sẵn sàng hiến dân đất đai, tài nguyên của Tiên Nhân để được che chở nhằm củng cố quyền lực bất chính và yên tâm hưởng thụ trên nổi tủ nhục, đau khổ của đại đa số nhân dân.

Thực tại chính trị Việt Nam sau ngày 30-4-1975 đang đe dọa nghiêm trọng quyền sống của người dân trong một quốc gia hoàn toàn không có tự do dân chủ, không có đảng phái đối lập, không có tư pháp độc lập, không có tự do báo chí, không có tự do tôn giáo (tất cả các giáo hội độc lập với giáo hội quốc doanh do nhà nước lập ra đều bị đặt ra ngoài vòng pháp luật) và bất cứ ai lên tiếng đòi hỏi dân chủ, nhân quyền đều bị kết tội phản động để bị bắt giữ, quản thúc, thủ tiêu.

Riêng tại Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn, sau ngày 30-4-1975, Giáo sư Trần Chánh Thành đã tự sát ngày 1-5-1975, một ngày sau khi Việt cộng xua quân xâm chiếm Thủ đô Sài Gòn, bắt chấp Hiệp Định Paris. Giáo sư nằm xuống trên Quê Hương, lặng lẽ, cô đơn, không bằng lời nói đầu môi mà bằng hành động dũng cảm như những anh hùng đem sinh mạng của mình chống bọn xâm lăng Việt cộng để bảo vệ chính nghĩa Tự Do của Dân Tộc. Lính sử Việt Nam đời đời sẽ không bao giờ quên sự hy sinh hào hùng của Anh. Sau đó các vị Giáo sư cựu Khoa Trường Vũ Quốc Thúc, Gs. Khoa Trường Vũ Quốc Thông và nhiều vị Giáo sư khác bị bắt...rồi đến lượt tôi bị chúng giam giữ tù đầy trong suốt 13 năm.

Tức nước lã ra phải vỡ bờ, nhưng người dân cơm không đủ ăn, quần áo không đủ mặc thì làm gì được trước gọng kềm sắt máu mỗi ngày một siết chặt của nhà cầm quyền Việt cộng, với chính sách khủng bố tinh thần tạo nên một cảm giác khiếp sợ, bất an nơi quần chúng qua các biện pháp hành chánh, như lục soát nhà mỗi khi đêm về, kiểm soát mọi sự xê dịch, cưỡng bách lao động,

cưỡng bách đi vùng kinh tế mới, cắt hộ khẩu, tập trung cải tạo, bắt giam không cần xét xử...

Cho đến nay đại đa số người Việt, dù chính kiến khác nhau, đều khẳng định chỉ còn một phương cách duy nhất để thay đổi số phận của dân tộc, đó là tiêu diệt guồng máy thống trị của Việt cộng trên Quê Hương như đã từng xảy ra ở Liên Bang Sô-Viết và các nước Đông Âu cộng sản; trừ trường hợp Việt cộng thức tỉnh và chính thức tuyên bố: *"Tôn trọng quyền tự do chính trị của người dân và trả lại quyền tự quyết định cho nhân dân Việt Nam để chọn lựa một chế độ chính trị phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của Dân Tộc Việt Nam"*. Đây là lối thoát duy nhất và cuối cùng của tập đoàn cộng sản Việt Nam, nếu không *"Cách mạng tại Việt Nam nhất định phải xảy ra để thanh toán tởn gốc rễ quyền lực bất chính của Việt cộng, tàn dư của đế quốc cộng sản, đang độc quyền thống trị, nô dịch và bần cùng hóa nhân dân và đang âm mưu bán đứng Đất Nước Việt Nam cho ngoại bang."*

Đến đây, nhân dịp Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 của cựu sinh viên Đại Học Luật Khoa Sài Gòn trên toàn thế giới, tổ chức tại Houston, tiểu bang Texas, Hoa Kỳ, vì lý do đặc biệt tôi không thể đến tham dự được. Tôi xin thân chúc cuộc Hội Ngộ thành công tốt đẹp và khẳng định tinh thần gắn bó giữa tất cả các cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn, để hà hơi tiếp sức cho đồng bào, các tổ chức tôn giáo, các phong trào quần chúng trong nước đang liên tục nổi dậy đấu tranh trực diện với nhà cầm quyền Việt cộng, góp phần quang phục Quê Hương Việt Nam.

Xin thân kính gửi lời chào đến các vị Giáo sư đồng nghiệp, các bạn đồng môn trong đại gia đình Luật khoa Sài Gòn, Việt Nam.

Tiến sĩ Lê Đình Chi

*Cựu Giáo sư Đại Học Luật Khoa Sài Gòn,
Việt Nam Cộng Hòa.*



THƯ CỦA GIÁO SƯ TẠ VĂN TÀI GỬI: HỘI NGỘ MÙA XUÂN 2010 CỰU SINH VIÊN LUẬT KHOA SÀI GÒN TÒAN CẦU TẠI HOUSTON, TEXAS, HOA KỲ (3-4-2010)

XIN CÓ LỜI HÂN HOAN CHÀO MỪNG CÁC CỰU GIÁO SƯ VÀ SINH VIÊN THAM DỰ HỘI NGỘ LUẬT KHOA VIỆT NAM TẠI HOUSTON, TEXAS, 2010.



←Gs. Tạ Văn Tài phát biểu trong Hội Ngộ Mùa Xuân Luật khoa 2004

Liên-Như, bà xã tôi, và tôi, là Tạ Văn Tài, đều là cựu sinh viên Luật Khoa Saigon, ở những thời điểm khác nhau, nhưng chúng tôi gặp nhau khi tôi du học về nước năm 1965 và làm giảng sư năm thứ 3 mà Liên Như học năm thứ nhất. Thấm thoát hơn 40 năm trôi qua từ ngày ấy, hai chúng tôi cũng đã có dịp gặp lại anh chị em, vì đã cùng tham gia Hội Ngộ Luật Khoa vài năm trước đây, được vui chung với anh chị em trong đêm tiệc tùng và văn nghệ hội ngộ rất hào hứng và chúng tôi thấy mình như cá gặp nước và trẻ lại nhiều năm tuổi cùng với anh chị em Luật Khoa. Tôi rất trân quý cái liên hệ Luật Khoa thân tình này, cho nên đã mua vé máy bay đi dự Hội Ngộ năm kia tại San Jose, nhưng tiếc rằng Hội ngộ năm đó bất thành.

Tôi rất mừng là dù đôi khi có vài trở ngại, xích mích giữa các sinh viên, hay ngay cả giữa các giáo sư (thí dụ Giáo sư Mai Văn Lễ có lần không ưa ngồi cùng bàn với Giáo sư Nguyễn Huy Đầu vì khác biệt về chính trị), nhưng anh Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng và Ban Tổ Chức trong Câu Lạc Bộ Luật Khoa đã có tài duy trì được truyền thống hội ngộ hàng năm này, qua bao năm tháng. Giáo sư Đầu đã theo vết chân nhiều giáo sư khác trở thành người thiên cổ, vì thế chắc Giáo sư Lễ cũng thấy--và các anh chị em cựu sinh viên nào không bằng lòng nhau thì cũng thấy--là trong lẽ vô thường của cuộc đời, trong ý thức là trong trường kỳ ai rồi cũng đi xuống lòng đất như kinh tế gia John Maynard Keynes nói “in the long run, everyone will be dead” thì sự khác biệt chính kiến rồi cũng không quan trọng gì cả, và chỉ có tình cảm thân thiết gắn bó với nhau giữa các thành viên của cộng đồng luật khoa mới trường tồn mãi mãi.

Tôi còn khỏe “như vâm”, còn hy vọng sống trăm tuổi và còn gặp các anh chị em nhiều lần, và còn lâu mới gần đất xa trời, nhưng tôi xin nhắn nhủ tới các anh chị em lòng mong mỗi tha thiết là chúng ta, dù đôi khi có những bất đồng chính kiến, thì vẫn theo được cái tôn chỉ hòa nhi bất đồng và trung dung của Nho Giáo, từ bi hi xả của Phật Giáo, bác ái của Thiên Chúa Giáo, cái tinh thần dân chủ Tây Phương tôn trọng bình



Gs. Tạ Văn Tài nhận quà lưu niệm của Ban Tổ Chức do Thủ Quỹ CLB LKVN Dương Quốc Lan trao tặng.

đẳng, nhất là về nhân cách, tư tưởng, như trong câu của Jean Jacques Rousseau :” **tôi không đồng ý với anh, nhưng tôi sẽ bảo vệ đến chết quyền tự do phát biểu ý kiến của anh**”. Chúng ta là con nhà luật, mà lý tưởng là tìm chân lý và công lý—vì mục tiêu, lý tưởng là tìm sự thật/chân lý cho nên biện lý trong tòa án, ở Mỹ chẳng hạn, có nhiệm vụ thông báo cho luật sư đối phương các sự kiện giải trách của bị can--mục đích không phải là thù hằn hay thắng đối phương, mà là tìm sự thực, tìm công lý—và sau giờ làm việc chống nhau trong tòa, luật sư hai bên đối phương lại đi ăn với nhau vui vẻ như anh em cùng nhà, cái nhà luật khoa. Có phản biện trong khoa học mới tìm ra các sự thực hay chân lý khách quan. Có đối lập trong sinh hoạt xã hội và chính trị mới có dân chủ thực sự.

Tôi mừng là các bạn luật khoa ở đây còn ngồi với nhau và tránh được những đối thoại gay gắt, các sự ly tán đáng tiếc tại một số nơi, một số tổ chức, như chửi rủa nhau với ngôn ngữ nặng nề hay gây ra sự đuổi nhau ra khỏi diễn đàn hay làm tan tổ chức với những đòi hỏi không tương nhượng. Các bạn đã tránh những hành vi và lời nói có thể khiến thiên hạ ngoài giới luật khoa cho chúng ta là những “con rối”. Đó là một điểm son đáng hoan nghênh nhiều.

Tôi chỉ xin thêm một điểm nữa là nếu chúng ta biết tự riễu cợt, và đón nhận mọi cuộc đối thoại với óc dí dỏm, khôi hài một chút, chứ không “trầm trọng hóa” mọi chuyện một cách không cần thiết, thì chúng ta lại còn thành công hơn nữa trong việc tạo ra một cộng đồng luật khoa đoàn kết và vui vẻ.

Tạ Văn Tài, cử nhân khóa 1960

Giảng sư, Luật Khoa Đại Học Saigon

LỜI CHÀO MỪNG CỦA GIÁO SƯ TRẦN HOÀI TRÂN gửi Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 Cựu Sinh Viên Đại Học Luật Khoa Sài Gòn

Nhân dịp Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 khai mạc tại Houston, tôi xin thân mến gửi tới quý vị giáo sư và anh chị em sinh viên lời chào mừng nồng nhiệt nhất và xin chúc buổi Hội Ngộ được thành công mỹ mãn.

Rất tiếc là ở trên đất Pháp xa xôi tôi không bay qua tới tham dự để chia sẻ niềm vui đoàn tụ với quý bạn được, nhưng những kỷ niệm vui, buồn của những năm giảng huấn ở trường Đại Học Luật Khoa vẫn còn luôn luôn sống động trong tâm tư tôi.

Tôi còn nhớ dưới mái nhà trường đã cùng các sinh viên năm thứ 3 và cao học nghiên cứu và thảo luận nhiều vấn đề pháp lý, xã hội, chính trị trên nền tảng công lý.

Trên 30 năm trôi qua, biến dâu biến đổi, thầy trò tản mát nhiều nơi. Người ra đi sống lưu đầy nơi quốc ngoại, kẻ còn lưu lại ở quê nhà, nhưng tinh thần thượng tôn pháp luật trên nền tảng công lý vẫn còn tiềm ẩn trong lòng của mỗi người.

Vào lúc xuân Canh Dần trở về tôi xin chúc quý vị giáo sư và các anh chị em cựu sinh viên Luật Khoa một năm mới An Bình và một lần nữa chúc buổi Hội Ngộ gặt hái được nhiều thành quả trong tinh thần đoàn kết siết chặt.

Paris ngày 23-2-2010

GS Trần Hoài Trân



** Gs. Mai Văn Lễ nhận quà lưu niệm của Ban Tổ Chức. Thủ Quỹ CLBLKVN Phạm Thị Minh kính trao tặng tại Hội Ngộ Xuân 2004 tại Houston, TX, Hoa Kỳ*



** Gs. Phạm Văn Thuyết nhận qua lưu niệm của Ban Tổ Chức. Ca sĩ Ngọc Lan, nàng dâu Luật khoa kính trao tặng*



PHẦN I SINH HOẠT LUẬT KHOA & THÂN HỮU

TẾT THÀY* * *



THĂM BẠN* * *



HỌP HÀNH NGHIÊM TÚC * *



* BÀN LUẬN SÔI NỔI* * *



HỘI NGỘ VUI VẺ * *



VĂN NGHỆ ĐỘC ĐÁO * *



8/- CSVLK niên trưởng Nguyễn Tiến Đạt và LS. Nguyễn Ngọc Hải trong tiết mục văn nghệ vui nhộn.

PHẦN I SINH HOẠT LUẬT KHOA & THÂN HỮU



SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÀ SINH HOẠT CỦA CÂU LẠC BỘ LUẬT KHOA VIỆT NAM

* * * * *

Sau cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân năm 2000 của cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn vào ngày Chủ Nhật 12-3-2000 tại Houston, Texas, Hoa Kỳ, một số cựu sinh viên cảm thấy có nhu cầu hình thành một tổ chức để qui tụ, củng cố, phát huy tinh huynh đệ đồng môn luật khoa, thông qua các sinh hoạt ái hữu và hoạt động tri thức.

Sau nhiều phiên họp qui tụ đông đảo các cựu sinh viên, bàn thảo sôi nổi về tính chất, danh hiệu và hoạt động tương lai của tổ chức, đa số đã đồng thuận hình thành một tổ chức vừa mang tính ái hữu tương thân tương ái, vừa mang tính trí thức xứng hợp với phẩm chất của một tập thể trí thức Luật khoa.

Sau khoảng 3 tháng bàn luận, một bản Nội Quy được thông qua vào ngày 27-8-2000, định danh cho tổ chức là Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam, viết tắt theo tiếng Anh là VILAS (Vietnamese Law Society). Một tổ chức phi chính trị nhưng có lập trường và thái độ chính trị minh bạch đã được khẳng định trong Tuyên Ngôn Thành Lập được thông qua cùng với Bản Nội Quy VILAS. Theo đó *“Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam không phải là tổ chức chính trị như một chính đảng hay tổ chức đấu tranh, nhưng có lập trường chính trị: Quốc Gia Dân Tộc, Dân Chủ Tự Do, không chấp nhận mọi hình thái độc tài, áp bức, bất công xã hội...”*

Căn cứ trên Nội Quy, cơ chế tổ chức và nhân sự điều hành cùng các sinh hoạt chính của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam theo thời gian được ghi nhận

I/- CƠ CHẾ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ ĐIỀU HÀNH.

Theo Nội Quy cơ chế tổ chức bao gồm: Ban Thường Vụ Hội Đồng Sáng Lập gồm từ 3 đến 5 ủy viên do các hội viên sáng lập bầu ra, nhiệm kỳ là 2 năm, tương đương với nhiệm kỳ của các thành viên Hội Đồng Điều Hành và Hội Đồng Giám Sát. Hội

Đồng Điều Hành và Hội Đồng Giám Sát đều do Đại Hội khoáng Đại Câu Lạc Bộ Luật Khoa bầu ra. Sau đây là các nhân sự điều hành qua các nhiệm kỳ.

THƯỜNG VỤ HỘI ĐỒNG SÁNG LẬP (2000-2002)

- Chủ tịch : Luật sư Nguyễn Thê linh
- Phó Chủ tịch : CSVLK Nguyễn Trần Quý
- Thư Ký : CSVLK Nguyễn Văn Cung
- Ủy viên : Bà Kim Nix Trương
- Ủy Viên : CSVLK Nguyễn Minh Triết

HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT:

- Chủ tịch : Ls. Nguyễn Ngọc Hải
- Phó Chủ tịch: Ls. Ngô Hữu Liễn
- Thư Ký : CSVLK Phạm Minh Tân
- Ủy Viên : CSVLK Tạ Văn Khánh
- Ủy Viên : CSVLK Nguyễn Văn Quát

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH:

- Chủ tịch : Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng
- Phó Nội vụ : Ls. Nguyễn Hiếu
- Phó Ngoại vụ : Ls. Phạm Ánh Nguyệt
- Phó Kế hoạch : CSVLK Peter Trần Dũng
- Tổng Thư Ký : Ls. Phạm Ngọc Bảo
- Thủ quỹ : Bà Dương Quế Lan (Phu nhân Ls. Phan Tự Trọng)

Sau khi tu chính Nội Quy trong Đại Hội ngày 8-12-2002, danh hiệu Câu Lạc bộ Luật Khoa Việt Nam tiếng Việt không thay đổi, tên tiếng Anh thay từ “Society” bằng “Assosiation” (Vietnamese Law Association) vẫn viết tắt là VILAS. Đồng thời tu chính đã hủy bỏ Hội Đồng Sáng Lập nên không còn Ban Thường Vụ Hội Đồng Sáng Lập và Hội Đồng Giám Sát cũng hủy bỏ. Thay vào đó là Hội Đồng Thường Vụ Đại Hội, làm nhiệm vụ giám sát, bên cạnh Hội Đồng Điều hành. Tất cả do Đại Hội khoáng đại bầu ra. Nhân sự được bầu ngay trong Đại hội này, vào cơ chế mới **nhiệm kỳ 2002-2004** như sau:

HỘI ĐỒNG THƯỜNG VỤ ĐẠI HỘI:

- Chủ tịch : Ls. Nguyễn Thế Linh
- Phó Chủ tịch: Cựu Thẩm phán Trần Hạo
- Thư Ký CSVLK Nguyễn Văn Cung
- Ủy viên: Bà Kim Nix
- Ủy viên: CSVLK Nguyễn Trần Quý.

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH: (2002-2004)

- Chủ tịch : Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng
- Phó Nội vụ : CSVLK Đào Văn Thảo
- Phó Ngoại vụ : Ls. Phạm Ngọc Bảo
- Tổng Thư Ký : CSVLK Lê Tấn Thành
- Thủ quỹ : Bà Dương Quế Lan (Phu nhân Ls. Phan Tự Trọng)

Trong Đại Hội thường niên tháng 12-2003 đã bầu thành phần nhân sự mới cho **niệm kỳ 2004-2006** như sau:

HỘI ĐỒNG THƯỜNG VỤ ĐẠI HỘI: (2004-2006)

- Chủ tịch : Ls. Nguyễn Thế Linh
- Phó Chủ tịch: Cựu Thẩm phán Trần Hạo
- Thư Ký CSVLK Nguyễn Văn Cung

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH: (2004-2006)

- Chủ tịch : Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng
- Phó Nội vụ : CSVLK Đào Văn Thảo
- Phó Ngoại vụ : Ls. Phạm Ngọc Bảo
- Tổng Thư Ký : CSVLK Trần Anh
- Thủ quỹ : CSVLK Phạm Thị Minh

Trong Đại Hội thường niên 2005 thành phần nhân sự mới cho nhiệm kỳ 2006-2008 được bầu như sau:

HỘI ĐỒNG THƯỜNG VỤ ĐẠI HỘI: (2006-2008)

- Chủ tịch : Ls. Nguyễn Thế Linh
- Phó Chủ tịch: Cựu Thẩm phán Trần Hạo
- Thư Ký CSVLK Nguyễn Văn Cung
- Ủy viên : Ls. Nguyễn Thị Chính.
- Ủy viên : Ông Hoàng Bách (CSV Chính Trị Kinh Doanh)

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH: (2006-2008)

- Chủ tịch : Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng
- Phó Nội vụ : CSVLK Trương Đình Luân
- Phó Ngoại vụ : CSVLK Nguyễn Tấn Trí
- Tổng Thư Ký : CSVLK Nguyễn Hồng Vân
- Thủ quỹ : Bà Dương Quế Lan

Trong Đại Hội thường niên tháng 12- 2007, các nhân sự trong hai Hội Đồng Thường Vụ Đại Hội và Hội Đồng Điều Hành nhiệm kỳ 2008-2012 như sau

HỘI ĐỒNG THƯỜNG VỤ ĐẠI HỘI: (2008-2012)

- Chủ tịch : Ls. Nguyễn Thế Linh
- Phó Chủ tịch: Cựu Thẩm phán Trần Hạo
- Thư Ký CSVLK Nguyễn Văn Cung

- Ủy viên : Ls. Nguyễn Thị Chính.
- Ủy viên : Nguyễn Trần Quý

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH: (2008-2012)

- Chủ tịch : Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng
- Phó Nội vụ : CSVLK Nguyễn Văn Quất
- Phó Ngoại vụ : CSVLK Đỗ Kim Bảng
- Tổng Thư Ký : CSVLK Phạm Thị Minh
- Thủ quỹ : Bà Dương Quế Lan

II/- HOẠT ĐỘNG:

Để thực hiện tôn chỉ và mục đích được quy định trong Nội Quy, có ba lãnh vực hoạt động: Ái hữu, tri thức và nội quy hay sinh hoạt điều hành

1.-Về sinh hoạt ái hữu:

a) Hội Ngộ Mùa Xuân Cựu Sinh Viên Luật

Khoa:Thể hiện hàng năm qua cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân thường diễn ra vào tháng 3 Dương lịch hàng năm, quy tụ đông đảo các cựu sinh viên luật khoa, gia đình và thân hữu tại Houston.

Nội dung chương trình Hội Ngộ, ngoài phần nghi thức chào cờ mặc niệm các anh hùng hào kiệt của lịch sử Việt Nam, tưởng niệm các giáo sư và các cựu sinh viên luật khoa đã quá vãng, là dạ tiệc với các tiết mục văn nghệ đặc sắc do các cựu sinh viên Luật khoa tự biên tự diễn, xen kẽ các tiết mục kể chuyện về trường xưa bạn cũ, với những kỷ niệm khó quên của một thời vàng son đầy ấp ước mơ hoài bão của tuổi trẻ...Tất cả nhằm thể hiện chủ đề “Hoài niệm”, “Bóng thời gian”. . . qua các ca khúc, thơ văn thịnh hành trong giới sinh viên ngày xưa và thường được kết thúc bằng tiết mục dạ vũ.

Đây là dịp hàn huyên giữa các cựu sinh viên nhằm thắt chặt tình thân ái.Sinh hoạt này đã thực hiện đều đặn hàng năm từ ngày thành lập đến nay (2000-2009) (Xin xem tường thuật và hình ảnh các cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân Cựu sinh viên Luật khoa Việt Nam trong tiểu mục sinh hoạt ái hữu Web Site Vilas)

b) Thăm Thầy thăm Bạn Vui buồn có nhau:

Cũng nằm trong sinh hoạt ái hữu là những cuộc thăm viếng , , vui buồn có nhau giữa các cựu sinh viên luật khoa và gia đình. Hàng năm thường tổ chức thăm viếng cựu giáo sư Luật khoa Mai Văn Lễ, hiện nghỉ hưu tại Houston, trong các dịp lễ Thanksgiving hay Tết Âm lịch. . .Thời gian đầu có tổ chức mừng sinh nhật các hội viên trong một bữa ăn tại nhà hàng, với sự tham sự của các hội viên. Sau đây là một số hình ảnh tiêu biểu.

c) Đón tiếp đồng môn Luật khoa từ xa đến:

Mỗi khi được biết có một đồng môn cựu sinh viên luật khoa đến thăm gia đình hay bè bạn ở Houston, Câu

Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam thường tổ chức tiệc khoản đãi tại nhà hàng hay tại tư gia cựu sinh viên. Trong thời gian qua đã có những bữa ăn khoản đãi các Niên Trưởng và các bạn CSVLK từ các tiểu bang khác của Hoa Kỳ, từ các nước Âu Châu, Úc Châu, Canada hay từ Việt Nam đến Houston...(Xin coi các bản tường trình và hình ảnh đăng trong Đặc san này)

2.- Về sinh hoạt tri thức:

• Thuyết trình & Hội luận:

Lúc đầu dự hoạch hàng tháng sẽ tổ chức một cuộc Thuyết trình & Hội luận về một đề tài hữu ích, có thể mời các giáo sư luật khoa, các vị thức giả tại địa phương hay ở xa đến thuyết trình.



** Giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng trên mục thuyết trình*

Buổi thuyết trình hội luận đầu tiên vào tháng 10-2001, với Gs. Nguyễn Mạnh Hùng được mời đến thuyết trình về một đề tài chính trị liên quan đến Việt Nam. Gs. Nguyễn Mạnh Hùng nguyên Giáo sư học viện Quốc Gia Hành Chánh và Luật khoa Sài Gòn, hiện là giáo sư chính trị tại một đại học Hoa Kỳ.



**Giáo sư Phạm Văn Thuyết trên*

bục thuyết trình.

Sau đó là buổi thuyết trình của Gs. Phạm Văn Thuyết về một đề tài kinh tế Việt nam. Gs. Phạm Văn Thuyết nguyên Giáo sư Đại học Luật khoa Sài Gòn, Cố vấn kinh tế Ngân Hàng Thế Giới. Sau đó chỉ thực hiện được thêm vài buổi thuyết trình nữa rồi ngừng luôn vì những trở ngại thực tế chủ quan cũng như khách quan.

Cũng trong sinh hoạt tri thức, Câu Lạc Bộ cũng đã thực hiện chương trình hội luận “Những Vấn Đề Của

Chúng Ta” thực hiện mỗi tháng một giờ trên làn sóng phát thanh của một Đài phát thanh tại Houston. Chương trình này đã thực hiện 2 năm 2006 và 2007.

b) Mỗi tháng ra một Ban Tin Luật Khoa và mỗi năm ra một Đặc San Luật Khoa như những sản phẩm tri thức của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam.

Về Ban Tin Luật Khoa cũng ấn hành được 4 số trong năm 2002. Đặc san cũng ấn hành được 3 tập Đặc San Luật Khoa 2001, 2002, 2004 và 2007 và nay là Đặc san Luật khoa 2010

c) Nguyệt san Luật pháp & Đời sống:

Đầu năm 2004, Câu Lạc Bộ Luật Khoa chủ trương và cho ấn hành số đầu tiên Tạp chí chuyên đề **luật pháp & Đời sống**. Tạp chí này đã phát hành đều đặn vào thượng tuần mỗi tháng, nội dung phong phú, với các tiết mục thường xuyên thực dụng, hữu ích và giải trí lành mạnh, như Câu chuyện luật pháp, Diễn Đàn pháp Lý, Giải đáp luật pháp, An Ninh Cộng Đồng, Di trú & Nhập tịch, An sinh Xã Hội, Nghiên cứu luật pháp. Ngoài ra còn có các tiết mục Bình luận, Tham luận các vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, xã hội, lịch sử, khoa học và các sáng tác văn thơ, nghệ thuật, các vụ án hình hộ quốc tế và ở Việt Nam. . . Sau 5 năm ấn hành (2004-2009), báo đã tạm đình bản vào đầu năm 2009, sau khi phát hành đủ 60 số báo trong 5 năm.

d) Đề án Nghiên cứu:

Một số đề án nghiên cứu dự hoạch như: Dự thảo Hiến Pháp chế độ dân chủ pháp trị cho Việt Nam tương lai. Dự thảo Hệ Thống Tư pháp trong nền dân chủ pháp trị Việt Nam tương lai; Dự thảo chế độ an sinh xã hội, văn hóa giáo dục... trong chế độ dân chủ pháp trị Việt Nam tương lai.v.v.. Một hội nghị đã được tổ chức vào cuối năm 2001 tại phòng hội khách sạn Hilton ở Houston, thành lập một Ủy Ban Đặc Nhiệm thực hiện Đề Án Nghiên Cứu đầu tiên: Dự thảo Hiến Pháp chế độ dân chủ pháp trị Việt Nam.... Đề án này tiến hành chậm, song vẫn đang tiếp tục, hy vọng sẽ hoàn tất và công bố vào năm 2010 nhân kỷ niệm 10 năm thành lập Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam.

3.- Về sinh hoạt Nội Quy hay sinh hoạt điều hành:

Thời gian đầu, vì phát động nhiều sinh hoạt, trong tinh thần hăng say phấn khởi, nên Hội Đồng Điều hành đã mở các phiên họp hàng tuần để triển khai công tác. Nhưng phiên họp định kỳ giảm dần, để chỉ còn họp định kỳ mỗi tháng một lần, và một số cuộc họp bất thường liên Hội Đồng Thường Vụ Đại Hội và Hội Đồng Điều Hành để bàn công việc chung.

Đại Hội Thường Niên được triệu tập vào cuối tháng 12 hàng năm để Hội Đồng Điều Hành tường

trình kết quả hoạt động trong năm, tổng kết thu chi tài chánh và đưa ra chương trình sinh hoạt năm tới. Vào



Đại Hội Thường Niên 2001 tại phòng hội khách sạn Hilton ở Houston, TX, Hoa kỳ.

Đại Hội Thường Niên 2006...

năm cuối nhiệm kỳ thì thêm phần bầu cử các tân Hội Đồng Thường Vụ Đại Hội và Hội Đồng Điều Hành. Sinh hoạt này được giữ đều đặn mỗi năm từ ngày thành lập đến nay (2000-2009).

- * * *Tóm lại, tham vọng khi thành lập Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam thì thật nhiều. Muốn quy tụ các cựu sinh viên luật khoa và thân hữu thức giả, ngoài mục đích thắt chặt tình tương thân tương ái, qua các sinh hoạt ái hữu, những người sáng lập còn có hoài bão vận dụng được “chất xám” của giới luật khoa nói riêng, giới thức giả nói chung, để cùng nhau làm ra một số sản phẩm tri thức hữu dụng, góp phần kiến tạo một chế độ dân chủ đích thực cho Quê Mẹ Việt Nam, tạo tiền đề thuận lợi phát triển toàn diện đất nước đến phú cường, văn minh tiến bộ ngang tầm cao thời đại; để các thế hệ nhân dân, thuộc mọi giai tầng xã hội Việt Nam được sống trong công bình, tự do, ấm no, hạnh phúc.



Tham vọng và hoài bão trên được công bố rõ trong Tuyên Ngôn Thành Lập Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam như sau:

“ Vì vậy, chúng tôi:

-Những cựu sinh viên các trường Luật Việt Nam, Hoa Kỳ cũng như các quốc gia khác trên thế giới và thân hữu, do sự thôi thúc của lòng yêu nước, sự gắn bó của tình huynh đệ đồng môn và thân hữu, đã tự nguyện đứng ra thành lập **CẦU LẠC BỘ LUẬT KHOA VIỆT NAM (VILAS)**, tạo môi trường để những nhà trí thức Việt Nam có chung lý tưởng, cùng nhau góp phần vào công cuộc thực hiện những khát vọng chân chính của người Việt Nam.”

Và ghi trong Điều II và III Nội Quy như sau:

“ĐIỀU II: TÔN CHỈ

Đặt trên căn bản đồng môn luật khoa và thân hữu, **CẦU LẠC BỘ LUẬT KHOA VIỆT NAM (VILAS)** hoạt động trên nền tảng dân chủ và trọng pháp trong tinh thần độc lập, khách quan, trung thực, công bình và yêu quê hương.

ĐIỀU III: MỤC ĐÍCH

Mục đích của **CẦU LẠC BỘ LUẬT KHOA VIỆT NAM (VILAS)** phù hợp với điều 501(3)© của bộ luật thuế vụ Hoa Kỳ, được quy định như sau:

- a. Thắt chặt tình thân ái, tương trợ giữa các hội viên qua những sinh hoạt Giáo Dục, Văn Hóa và Xã Hội.
- b. Góp phần vào công cuộc kiến tạo một quê hương Việt Nam **TỰ DO, DÂN CHỦ TIẾN BỘ**, và **PHÚ CƯỜNG** qua các hoạt động Tri Thức.
- c. Tất cả mục đích trên cần được thực hiện trong khuôn khổ luật lệ của địa phương nơi hoạt động.”

Houston, ngày 3 Tháng 4 năm 2010
Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam



HÌNH ẢNH SINH HOẠT TIÊU BIỂU 10 NĂM QUA (2000 - 2010)

***TẾT THẦY – THĂM BẠN**

Thầy Trò cùng đi thăm CSVLK Tường Quy mới hồi phục sau 8 tháng hôn mê



- Mời Thầy đi ăn nhà hàng nhân Lễ TạƠn Thanksgiving

- Năm 2003: Tết Thầy Mai Văn Lễ



Thầy Trò nhắc lại chuyện xưa và nay.....



- **Thăm Thầy khi về nhà và ở bệnh viện**



*** Tết Thầy năm 2004**



*** Tết Thầy năm 2005**



- **Tết Thầy năm 2006**





* Thăm viếng Ls. Nguyễn Tiến Đạt tại tư gia



* Cùng uống trà, đàm đạo thân mật, thăm tình đồng môn



* Lưu luyến chụp hình lưu niệm trước khi ra về



* Đến thăm Ls. Nguyễn Mai và Chị Phương Nam tại tư gia năm 2001



Tổ chức mừng sinh nhật chung cho các cựu SVLK sinh cùng một tháng trong năm 2002



- Tại nhà hàng Việt Nam Coast: Từ trái sang phải: Ls. Nguyễn Thế Linh và phu nhân,, Bà Dương Quế Lan và Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng đang chúc mừng sinh nhật. Hình bên phải : Thắng, Linh, Ls. Ngô Thúy Loan và CSVLK Phạm Văn Minh (đứng)



- Sinh nhật Nguyễn Văn Quát & Nguyễn Văn Thắng vào tháng 12 – 2002 được tổ chức tại tư gia Nguyễn Văn Thắng. Cả hai cùng cắt bánh sinh nhật, trước sự chứng kiến của các đồng môn Luật khoa: Cửu Quý, Phạm Thị Minh, Nguyễn Thế Linh, Nguyễn Văn Cung, Đào Kim Khánh, Lê Tấn Thành, Nguyễn Văn Quát, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Trần Quý và Nguyễn Minh Triết..

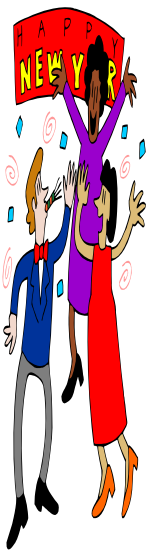
ĐÓN TIẾP ĐỒNG MÔN LUẬT KHOA TỪ XA ĐẾN



- Đón tiếp Thẩm phán Tối Cao Pháp Viện VNCH Mai Văn An. Từ trái sang phải: TP. Mai Văn An, Ls. Ngô Hữu Liễn, TP. Trần Hạo, Thiện Ý, Vũ Khắc Hiên và Nguyễn Văn Cung



*** Dạ tiệc khoản đãi Ls. Lê Nga & Phu quân đến từ Châu Âu, Ls Lê Phượng phu nhân của Ls. Trần Tử Huyền đến từ Bắc California và Gs. Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ đến từ Pháp Quốc(2007). Ls. Nguyễn Thụy Sĩ & Phu quân 2006(các hình phía dưới)**



Từ trái qua phải (Hàng ngồi): Gs. Mai Văn Lễ, Ls. Nguyễn Văn Quý. (hàng đứng), Bà Nguyễn Tiến Đạt, Ls Đinh Khắc tín, Bà Ngô Hữu Liên, Ls. Nguyễn Thế Linh, Ls. Đoàn Thúy Nga, Gs. Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ, Hai người lớn và một cháu nhỏ đứng kế bên Ls. Nga và Ls. Phương (mang kiếng), Phu nhân và CSVLK Nguyễn Trần Quý, Bà Phương Nam, CSVLK Phạm Thị Minh, Ls. Nguyễn Thị Nhung, Ls. Nguyễn Thị Chính, Ls. Ngô Hữu Liên, Ls. Nguyễn Mai và CSVLK Vũ Quang Vân (bìa phải)



**Dạ tiệc đón tiếp Ls. Sĩthuy & Phu Quân
tại nhà hàng Phố XưaSouthwesHouston**

Hàng ngồi: (Từ trái sang phải)
Ls. Nguyễn Thị Chính, Ls. Thúy Nga,
Ls. Sĩ thuy, Ls. Nguyễn Thị Muội.

***Hàng đứng:** Anh Bình phu quân
Ls Sĩthuy, Ls. Nguyễn Thế Linh,
Tp. Trần Hạo và Ls. Nguyễn Ngọc Hải

HÌNH ẢNH TIẾP ĐÓN Gs. NGUYỄN MẠNH HÙNG ĐẾN HOUSTON THUYẾT TRÌNH

- **Tiệc khoản đãi Gs. Nguyễn Mạnh Hùng tại nhà hàng Việt Nam Coast (Tháng 10-2000)**



Từ trái qua phải: CSVLK Tạ Văn Khánh, Thiện Ý, Gs. Nguyễn Mạnh Hùng và Gs. Nguyễn Văn Ngải (Hình bên trái) và thêm Bà Dương Quế Lan (Hình bên phải)



- **Hình có thêm:** Ls. Nguyễn Hiếu (giơ tay) và phu nhân Cửu Quý (quay lưng), Bs. Đức, CSVLK Vũ Khả và CSVLK Phạm Văn Minh (Hình bên trái) * Cửu Quý, Ls. Hiếu, CSVLK Khánh, Thiện Ý, Gs. Nguyễn Mạnh Hùng và Gs. Nguyễn Văn Ngải (Quay lưng)

HÌNH ẢNH SINH HOẠT NỘI QUY (2000 – 2010)

*Đại Hội Thường Niên 2001



- *Đại Hội Thường Niên 2001 tại phòng hội khách sạn Hilton ở Houston, TX, Hoa kỳ. Từ trái qua phải: CSVLK Nguyễn Cửu Quý, Ls Thúy Nga, CSVLK Phạm Thị Minh, Bà Dương Quế Lan, Bà Kim Nix, CSVLK Nguyễn Kinh, CSVLK Bùi Nhật Tú, Ls. Nguyễn Thế Linh, Ls. Ngô Hữu Liên, Ls. Nguyễn Hiếu, Ls. Nguyễn Văn Thắng (Thiện Ý), Ông John Nguyễn, CSVLK Lê Tấn Thành, Ls. Nguyễn Ngọc Hải, CSVLK Nguyễn Trần Quý, CSVLK Nguyễn Văn Cung và CSVLK Nguyễn Văn Quất.*



*** Đại Hội Thường Niên 2002.**



***Hình trên bên trái:** Vũ Khả, Đào Văn Thảo, Phương Nam và Nguyễn Mai, Trần Hạo, Nguyễn Văn Quất, Thiện Ý, Phạm Huy Cường, Đàm Châu Hà, Phạm Thị Minh, Nguyễn Văn Cung, Nguyễn Thế Linh, Nguyễn Trần Quý, Lê Tấn Thành, Nguyễn Tân Nguyễn Hiếu, Nguyễn Cửu Quý, Dương Quế Lan, Phạm Ngọc Bảo, Bùi Nhật Tú và Trần Anh. **Hình dưới bên trái:** Chủ tọa đoàn: Phương Nam, Đào Văn Thảo và Nguyễn Đức Định



• **Đại Hội Thường Niên 2003.**



**Từ trái sang phải: Phạm Thị Minh, Lê Ngọc Liêng, Dương Quế Lan và Đàm Châu Hà (Hàng ngồi)-Trần Hạo, Hoàng Bách, Nguyễn Văn Cung, Nguyễn Thế Linh Phạm Huy Cường (khuất mặt), Bùi Nhật Tú, Ông Tân và nhà báo Nguyễn Anh Tuấn (Hình bên trái)*



**Từ trái qua phải: Bùi Nhật Tú, Hoàng Bách, Phạm Huy Cường, Trần Hạo, Phạm Thị Minh, Nguyễn Văn Cung, Nguyễn Thế Linh, Đài Văn Thảo, Lê Ngọc Liêng, Dương Quế Lan, Đàm Châu Hà và Thiện Ý (Hình trên bên trái).*

• **Đại Hội Thường Niên 2005**



• Đại Hội Thường Niên 2009



**Chủ tọa Đoàn: Nguyễn Trần Quý, Nguyễn Thế Linh, Nguyễn Thị Chính- Thu ký Đoàn: Phạm T. Minh, Nguyễn V. Cung (Hai hình trên)- Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng, báo cáo sinh hoạt một nam qua và chương trình sinh hoạt năm 2010, trong đó ưu tiên hàng đầu là tổ chức ngày Hội NGỘ Mùa Xuân 2010 Cự Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn Toàn Cầu ngày 3-4-2010.*



***HỌP HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH & LIÊN HỘI ĐỒNG**

**Một phiên họp liên hội đồng định kỳ tiêu biểu tháng 3 năm 2001 tại trụ sở đầu tiên 1209 Dennis. Downtown Houston.*



** Thảo luận sôi nổi*



** Biểu quyết dân chủ*



Bất đồng nhưng không bất hòa



**** Một phiên họp định kỳ tiêu biểu tháng 8 năm 2002 tại trụ sở Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam
4607 Dove Springs Dr, HT, TX 77066.**



SINH HOẠT ÁI HỮU:

PHÁI ĐOÀN CÂU LẠC BỘ LUẬT KHOA ĐẾN TẾT VÀ CHÚC TUỔI GIÁO SƯ MAI VĂN LỄ TẠI TƯ GIA.

Tường thuật: Duy Anh

Hình ảnh: Nguyễn Văn Quát.



phái đoàn gồm có các cựu sinh viên Luật Khoa Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng, Chủ tịch Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam, CSVLK Nguyễn Văn Quát, Phó Chủ tịch Nội Vụ, CSVLK Phạm Thị Minh Tổng Thư Ký và CSVLK Nguyễn Văn Cung, Thư Ký Hội Đồng Thường Vụ Đại Hội, đã thay mặt Câu Lạc Bộ Luật Khoa đến tư gia Tết và chúc tuổi Giáo sư Mai Văn Lễ.

Giáo sư Mai Văn Lễ, tốt nghiệp Tiến sĩ kinh tế tại Hoa Kỳ, nguyên Khoa Trường Luật Khoa Đại học huế, nguyên giáo sư kinh tế đại học Luật Khoa Sài Gòn. Năm nay Giáo sư Mai Văn Lễ đã ngoài 80 tuổi, tình trạng sức khỏe về thể lực rất tốt, trí nhớ có sa sút sau cuộc giải phẫu tim cách nay ít năm. Hiện giáo sư Lễ đang sống chung với gia đình vợ chồng người con trai ở thành phố Sugarland, sát thành phố Houston, Tiểu Bang Texas, Hoa Kỳ. Mặc dầu tuổi già sức yếu, nhưng trong các cuộc hội ngộ hàng năm của cựu sinh viên Luật khoa Việt Nam, Giáo sư luôn tham dự.

Để giữ truyền thống “tôn sư học đạo” của nền đạo đức văn hóa Việt Nam, củng cố tình đồng môn, đồng khoa nghĩa thầy trò, Tết thầy, thăm bạn đã là một trong những hoạt động ái hữu của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam. Việc đi Tết và chúc tuổi Giáo sư Mai



Ngày Chủ nhật Mùng Bảy Tết Kỷ Sửu, tức ngày 1-2-2009, theo truyền thống hàng năm, một

Văn Lễ năm nay cũng nằm trong ý hướng đó. Trong buổi Tết và chúc tuổi này, Giáo sư Mai Văn Lễ đã tỏ ra vui mừng và cảm động. trong câu chuyện hàn huyên, thầy trò cùng nhau nhắc lại một vài kỷ niệm quá khứ nơi Trường Luật Sài Gòn, với thầy, với bè bạn đồng



mon, đồng lieu Luật Khoa Sài Gòn. Do bụi thời gian và trí lực suy giảm, có những kỷ niệm giáo sư Mai Văn Lễ nhớ rất rõ, song nhiều kỷ niệm giáo sư nói “Thế mà tôi quên rồi đó”.

Buổi Tết và chúc tuổi Giáo sư Mai Văn Lễ của phái đoàn đại diện Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam tại Houston đã diễn ra thân mật thăm tình thầy trò từ 12:30PM đến 2:30PM. Thầy trò quây quần chia tay sau khi chụp vài tấm hình lưu niệm. Nhìn hình chắc các bạn cựu sinh viên luật khoa không khỏi xúc động nhớ lại hình ảnh thầy trò ngày xưa tóc còn xanh, mà nay tóc thầy trò đều đã bạc. Biết bao kỷ niệm thân thương nơi trường luật, với trường luật chắc sẽ lại ủa về trong tâm trí chúng ta, phải không thưa quý niên trưởng, các bạn cựu sinh viên “Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn”?

Duy Anh

LUẬT KHOA HOUSTON: CHÀO MỪNG HAI ĐỒNG MÔN LUẬT KHOA SÀI GÒN ĐẾN THĂM HOUSTON.

Tường thuật: Duy Anh

Hình ảnh : Nguyễn Văn Quát



**Từ trái sáng phải: TP. Trang Sĩ Tấn, Ls. Dương Kiên, Ls. Nguyễn Tiến Đạt, Ls. Ngô Hữu Liễn, Ts. Nguyễn Minh Triết và TP. Lê Đình Ngọc.*

**Gs. Nguyễn Văn Ngải, Cô Ngọc Liêng, Ô. Hoàng Bách và Ls. Phạm Văn Khôi(H. Dưới)*



Tối Thứ Sáu 27-11-2009, Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam đã tổ chức bữa ăn tối tại nhà hàng Kim Sơn trên Đại lộ Bellaire vùng Southwest Houston, tiểu bang Texas, Hoa Kỳ để chào mừng và khoản đãi hai đồng môn: Ls. Dương Kiên đến từ Na Uy và Ls. Phạm Văn Khôi đến từ Việt Nam.



Gs. Nguyễn Văn Ngải, TP. Lê Đình Ngọc, TP. Trang Sĩ Tấn, Ts. Nguyễn Minh Triết, Ls. Nguyễn Tiến Đạt, Cô Ngọc Liêng, Ls. Ngô Hữu Liễn, Ls. Nguyễn Văn Thắng, Ls. Dương Kiên, Ls. Nguyễn Mai và Ls. Phạm Văn Khôi



Cô Ngọc Liêng, Ls. Khôi, Ô. Đỗ Kim Bảng, TP. Trần Hạo và Ls Nguyễn Mai

Tham dự bữa ăn tối thân mật thăm tình đồng môn này, có các Niên Trưởng và các Bạn cựu sinh viên Luật Khoa: Thẩm phán Trang Sĩ Tấn, Ls. Nguyễn Tiến Đạt, Ls. Ngô Hữu Liễn, Tiến sĩ Nguyễn Minh Triết, Thẩm phán Lê Đình Ngọc, Gs. Nguyễn Văn Ngải, Ông Hoàng Bách, nguyên



**Ô. Nguyễn Văn Quát, TP. Trang sử Tân, TP. Lê Đình Ngọc, Ls. Dương Kiên, Ls. Nguyễn Thế Linh, Ls. Nguyễn Tiến Đạt, Ô. Đỗ Kim Bảng, Ts. Nguyễn Minh Triết và Ls. Ngô Hữu Liên*



Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng chào mừng và giới thiệu thành phần tham dự

Gs. Nguyễn Văn Ngải, Ông Hoàng Bách, nguyên Ủy Viên HĐTVĐH/CLBLKVN, Ls. Nguyễn Thế Linh Chủ tịch Hội Đồng Thường Vụ Đại Hội CLBLKVN, Thẩm phán Trần Hạo, Phó Chủ tịch HĐTVĐH/CLBLKVN, Ls. Nguyễn Văn Thắng, Ls. Nguyễn Mai, Thẩm phán Nguyễn Hoan, CSVLK Lê Ngọc Liên, CSVLK Đỗ Kim Bảng Phó Chủ tịch Ngoại Vụ CLBLKVN, CSVLK Nguyễn Văn Quát, Phó Chủ tịch Nội Vụ CLBLKVN và Ls. Nguyễn Văn Thắng, Chủ tịch CLBLKVN.

Trước khi nhập tiệc, Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng đã thay mặt CLBLKVN chào mừng hai vị Luật sư đồng môn và nói rõ ý nghĩa những bữa ăn

đón tiếp các đồng môn từ xa tới thăm Houston đã là truyền thống của cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn ở Houston, để có dịp gặp gỡ và hàn huyên giữa những người bạn cũ hay mới cùng xuất thân từ Trường Luật Sài Gòn. Lần lượt Ls. Dương Kiên và Ls. Phạm Văn Khôi đã ngỏ lời cảm ơn và cầu chúc sức khỏe mọi người tham dự.

Cuộc sum họp hàn huyên đã diễn ra từ 6:30 đến 9:00, với những chuyện cũ mới liên hệ với nhau và bạn bè cùng lớp cùng trường đã được nhắc lại tạo bầu không khí sôi nổi, vui tươi và cảm động. Mọi người chụp thêm một số hình kỷ niệm và chia tay trong sự quyến luyến. Cả hai Ls. Dương Kiên và Ls. Phạm Văn Khôi đều hức cố gắng tham dự cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 củ Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn toàn thế giới tổ chức vào đầu tháng 4 năm 2010 tới đây.

Duy Anh

Tường thuật từ Houston



SINH HOẠT ÁI HỮU: HỘI NGỘ MÙA XUÂN NĂM 2000 CỦA CỰU SINH VIÊN LUẬT KHOA SÀI GÒN TẠI HOUSTON, TEXAS, HOA KỲ (12-3-2000)

Tường thuật: *Duy Anh*

Hình ảnh: *Tư liệu của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam*

● * * * * *

Sáng kiến tổ chức một cuộc họp mặt các cựu sinh viên Đại học Luật khoa Sài Gòn tại Houston đã được sự tán đồng của một nhóm cựu sinh viên luật khoa vào khoảng cuối năm 1999, đưa đến sự hình thành rất nhanh một Ban Tổ Chức cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 của các cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn sẽ diễn ra vào ngày Chủ nhật 12-3-2000 tại đại sảnh Nhà hàng Kim Sơn ở Downtown Houston.

Ban Tổ chức gồm các cựu sinh viên luật khoa (CSVLK): Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng (Trưởng Ban Tổ chức), CSVLK Nguyễn Văn Tâm (Phụ tá Trưởng Ban Tổ chức), CSVLK Nguyễn Thế Linh (Cố vấn), CSVLK Phạm Thị Minh (Thủ quỹ), CSVLK Đào Văn Thảo (Tài chánh), CSVLK Nguyễn Mai (Ban tiếp tân), CSVLK Nguyễn Văn Quát (Trang trí & Âm thực), CSVLK Nguyễn Hiếu Kính (Văn nghệ), CSVLK Phạm Văn Minh (Ban tài liệu: Chụp hình, quay phim, slide show...), các CSVLK Trà Anh Tú & Nguyễn Quỳnh Lan MC (Điều hợp chương trình). Đặc biệt phân trang trí dựng lại cộng trường Luật Sài Gòn đã được một thân hữu là Họa sĩ Phạm Thông thiết kế giúp theo lời mô tả theo trí nhớ của CSVLK Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng



*Giáo sư Khoa Trường Nguyễn Cao Hách phát biểu trong dạ tiệc tiền Hội Ngộ tối Thứ Bảy tại Nhà hàng Vietnam Coast (11-3-2000).

Theo Ban Tổ Chức cho biết, sau gần 3 tháng chuẩn bị và liên lạc được với một số Giáo sư và các



* Giáo sư Khoa Trường Nguyễn Cao Hách phát biểu trong dạ tiệc tiền Hội Ngộ. CSVLK Thiện Ý (Đứng), Những vị thấy mặt cùng bàn: Gs. Bùi Đình Tấn, nguyên Hiệu Trưởng Chu Văn An, CSVLK Triết, Ls. Nguyễn Thế Linh và phu nhân, Gs. Nguyễn Văn Ngải. Những vị thấy sau lưng: Gs. Canh, Gs. Đầu và Ls. Nguyễn Thị Chính

cựu sinh viên luật khoa ở xa đến dự, Ban Tổ Chức đã thực hiện hai chương trình: Tiền Hội Ngộ để khoản đãi và chào mừng các giáo sư từ xa đến dự, đã được tổ chức vào tối Thứ Bảy 11-3-2000 tại nhà hàng Việt Nam Coast trên đại lộ Bellaire vùng Southwest Houston, do bà Dương Quế Lan phu nhân của luật sư Phan Tự Trọng làm chủ. Chương trình Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 cựu sinh viên luật khoa Sài Gòn được tổ chức vào chiều tối hôm sau, Chủ nhật 12-3-2000 tại nhà hàng Kim Sơn ở trung tâm Downtown Houston.

DẠ TIỆC TIỀN HỘI NGỘ (11-3-2000)

● * * * * *

Trong dạ tiệc tiếp tân tiền hội Ngộ, có sự hiện diện của Quý Giáo sư Khoa Trường Nguyễn Cao Hách và phu nhân, đến từ San Diego miền Nam California, Gs. Nguyễn Văn Canh, nguyên phụ tá Khoa Trường đến từ San Jose miền Bắc California, Gs. Nguyễn Huy Đầu đến từ Minisota và Gs. Mai Văn Lễ cư ngụ tại Houston.

Đặc san Luật khoa 2010

Tham dự cuộc họp mặt tiếp tân này có khoảng 40 cựu sinh viên luật khoa và một số khách mời danh dự.



* CSVLK Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng thay mặt BTC Chào mừng Quý Giáo sư và các CSVLK cùng thân hữu tham dự dạ tiệc "Tiền Hội Ngộ". Ngồi bàn trước mặt: Tướng Văn Thành Cao, Gs. Mai Văn Lễ và CSVLK Nguyễn Văn Tâm.



* Giáo sư Nguyễn Văn Canh phát biểu trong dạ tiệc tiền Hội Ngộ, tối Thứ Bảy tại Nhà hàng Vietnam Coast (11-3-2000).



* Gs. Nguyễn Cao Hách đang hàn huyên với Cựu nghị sĩ VNCH Nguyễn Văn Ngải, bên trái là Gs. Nguyễn Huy Đầu và luật sư Nguyễn Thị Nhung tại bàn dạ tiệc "Tiền Hội Ngộ" tối Thứ Bảy tại Nhà hàng Vietnam Coast (11-3-2000).

Trưởng Ban Tổ Chức Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng đã thay mặt □ học ơ nồng nhiệt chào mừng và cảm ơn quý giáo sư đã đáp lời mời của Ban Tổ Chức đến tham dự cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 của các cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston. Thay mặt các Giáo sư, Khoa Trưởng Nguyễn Cao Hách đã đáp từ và mong rằng sẽ có

địp tham dự các cuộc họp mặt sau này với sự tham dự đông đủ của các giáo sư và các cựu sinh



* Từ trái qua phải (Hàng ngồi): CSVLK Gs. Nguyễn Văn Ngải, Phu nhân và Gs. Khoa Trưởng Nguyễn Cao Hách, Gs. Nguyễn Huy Đầu - (Hàng đứng) CSVLK. Ls. Nguyễn Thế Linh (Cố vấn BTC) và CSVLK Nguyễn Văn Tâm (Phụ tá Trưởng BTC).



* Từ trái qua phải (Hàng ngồi): CSVLK Gs. Nguyễn Văn Ngải, Phu nhân và Gs. Khoa Trưởng Nguyễn Cao Hách, Gs. Nguyễn Huy Đầu và Bà Dương Quế Lan phu nhân cô Ls. Phan Tự Trọng - (Hàng đứng) CSVLK Nguyễn Minh Triết và CSVLK Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng



* Gs. Nguyễn Văn Canh (ngồi) và Cựu Thẩm phán Trần Hạo (Đứng) trong dạ tiệc "Tiền Hội Ngộ" tối Thứ Bảy tại Nhà hàng Vietnam Coast (11-3-2000).

viên trường luật ngày xưa.

Giáo sư Nguyễn Văn Canh khi được mời phát biểu cũng đã bày tỏ sự cảm kích khi đến tham dự cuộc họp mặt đầu tiên này tại hải ngoại của các cựu sinh viên luật khoa Sài Gòn và ước mong giới luật sẽ đóng góp được gì cho quê hương đất nước trong hiện tại cũng như tương lai hậu cộng sản.

Đặc san Luât khoa 2010



* CSVLK Gs. Nguyễn Văn Ngải, Phu nhân và Gs. Khoa Trường Nguyễn Cao Hách tại bữa dạ tiệc "Tiền Hội Ngõ" tối Thứ Bảy tại Nhà hàng Vietnam Coast (11-3-2000).



* CSVLK. Phạm Thị Minh, Bà Vũ Thanh Thủy phu nhân CSVLK Dương Phục và một nữ CSVLK tại bữa dạ tiệc "Tiền Hội Ngõ" tối Thứ Bảy tại Nhà hàng Vietnam Coast (11-3-2000).



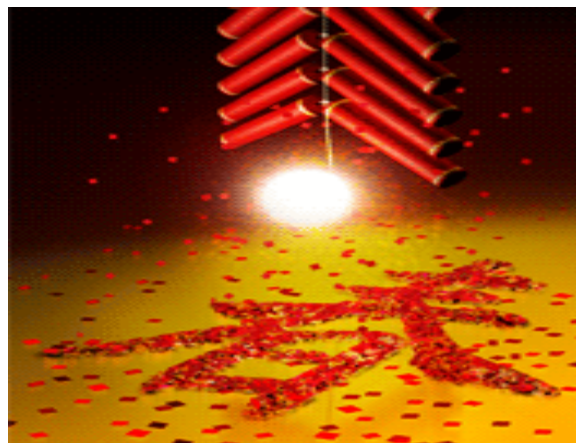
* Gs. Bùi Đình Tấn, nguyên Hiệu Trưởng Chu Văn An đang tâm tình với Gs. Canh (ngồi quay lưng) và các CSVLK Nguyễn Minh Triết (ngồi) và Trần Hạo (đứng), cũng là Cựu học sinh Chu Văn An.



* Hình lưu niệm từ trái qua phải: Một CSVLK, Gs. Nguyễn Văn Canh, Phu nhân và Gs. Nguyễn Cao Hách, Gs. Nguyễn Huy Đầu và CSVLK Tường Quy.



* Ls. Nguyễn Thị Nhung và phu quân đang hàn huyên với đồng môn cựu Thẩm phán Trần Hạo tại bữa dạ tiệc "Tiền Hội Ngõ" tối Thứ Bảy tại Nhà hàng Vietnam Coast (11-3-2000).



HỘI NGỘ MÙA XUÂN 2000 (12-3-2000)

□ * * * * *

□ * * * * *

Cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 của Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn đã được chính thức khai mạc lúc 4 giờ chiều Chủ Nhật 12-3- 2000. Trong phần nghi thức, ngoài lễ chào cờ Quốc Gia và mặc niệm các anh hùng hào kiệt của lịch sử Việt Nam đã có công dựng nước và giữ nước, các chiến sĩ và đồng bào đã chiến đấu và hy sinh cho nền độc lập dân tộc, cho lý tưởng tự do dân chủ, còn có phần nghi thức đặc biệt tưởng nhớ các giáo sư và các cựu sinh viên Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn đã khuất.



* Các MC/ CSVLK Quỳnh Lan & Anh Tứ mở đầu chương trình với nghi thức chào cờ, mặc niệm và tưởng niệm các Giáo sư và các CSVLK quá vãng.



* Ban Hợp ca cùng CSVLK hát Quốc Ca (Quỳnh Lan, Anh Tứ, Đoàn Văn Bốn và phu nhân, Nguyễn Văn Quất)



* Quang cảnh các cựu sinh viên luật khoa và thân hữu nghiêm chỉnh trong nghi thức chào cờ, mặc niệm và tưởng niệm.

Mở đầu chương trình Hội Ngộ, Trưởng Ban Tổ Chức Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng đã nhiệt liệt chào mừng và cảm ơn Quý Giáo sư và Quý cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn, đã không quản ngại đường xá xa xôi, tốn kém tiền bạc, đã dành thời gian đến tham dự cuộc Hội Ngộ có tính lịch sử này, như lời viết trong thư gửi đến cuộc Hội Ngộ của Giáo sư Vũ Quốc Thúc từ Paris.



* Quang cảnh các cựu sinh viên luật khoa và thân hữu nghiêm chỉnh trong nghi thức chào cờ, mặc niệm và tưởng niệm.



Sau lời chào mừng và cảm tạ của Trưởng Ban Tổ Chức, lần lượt các Giáo sư tham dự được mời lên phát biểu. Đó là Quý Giáo sư Nguyễn Cao Hách, Nguyên Khoa Trưởng Đại Học Luật Khoa Sài Gòn, Giáo sư Nguyễn Văn Canh, nguyên Phụ tá Khoa Trưởng Đại học Luật Khoa Sài Gòn, Giáo sư Nguyễn Huy Đầu và Giáo sư Mai Văn Lễ là các nguyên Giáo sư Đại học Luật Khoa Sài Gòn. Mỗi vị Giáo sư sau khi phát biểu, đã nhận quà tặng lưu niệm của Ban Tổ Chức do CSVLK Phạm Thị Minh kính trao tặng. Phu nhân giáo sư Nguyễn Cao Hách cũng nhận quà lưu niệm do CSVLK Tường Quy thay mặt Ban Tổ Chức kính tặng.

Đặc san Luật khoa 2010



* Ba trong bốn vị Giáo sư Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn từ xa đến dự được trang trọng giới thiệu đầu tiên trong thành phần tham dự Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 cựu sinh viên Luật khoa: Gs. Nguyễn Huy Dấu, Gs. Nguyễn Cao Hách và Gs. Nguyễn Văn Canh (Từ trái sang phải)



* Phát biểu của Giáo sư Nguyễn Cao Hách, nguyên Khoa Trưởng Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn.



* Giáo sư Mai Văn Lễ phát biểu trong Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston, Texas, Hoa Kỳ.(12-3-2009)



* Gs. Nguyễn Cao Hách và Phu nhân nhận quà lưu niệm của Ban Tổ Chức do CSVLK Phạm Thị Minh kính trao tặng.



* Giáo sư Nguyễn Huy Dấu phát biểu trong Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston, Texas, Hoa Kỳ.(12-3-2009)



* Và CSVLK Tường Quy kính trao tặng quà lưu niệm Phu nhân Giáo sư Khoa Trưởng Nguyễn Cao Hách.



Đặc san Luật khoa 2010



* Gs. Nguyễn Văn Canh phát biểu và nhận quà lưu niệm của Ban Tổ Chức do CSVLK Phạm Văn Minh kính trao tặng trong Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston, Texas, Hoa Kỳ.(12-3-2009)



* CSVLK Nguyễn Văn Tâm tuyên đọc thư của Quý Giáo sư Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn không đến dự được, chúc mừng Hội Ngộ thành công tốt đẹp.



* CSVLK Bắc sĩ Vũ Ban phát biểu cảm tưởng trong Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston, Texas, Hoa Kỳ.(12-3-2009)



* CSVLK Thẩm phán Trang Sĩ Tân phát biểu cảm tưởng trong Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston, Texas, Hoa Kỳ.(12-3-2009)

Tiếp theo chương trình, CSVLK Nguyễn Văn Tâm đã lên đọc thư của các nguyên giáo sư Đại học Luật Khoa Sài Gòn, vì không có điều kiện đến tham dự Hội Ngộ theo lời mời của Ban Tổ Chức đã gửi thư riêng chúc mừng Hội Ngộ, trong đó có thư của Giáo sư Khoa Trường Vũ Quốc Thúc và Gs. Trần thị Hoài Trân ở Pháp Quốc, Giáo sư Phạm Văn Thuyết và Tạ Văn Tài ở Washinton DC...

Sau phần đọc thư của các Giáo sư, là phần phát biểu của một số Niên Trưởng Luật khoa Sài Gòn, như CSVLK Thẩm Phán Trang Sĩ Tân, CSVLK Bắc sĩ Vũ Ban, CSVLK Luật sư Võ Văn Quan đến từ Florida...

Trước khi đi vào chương trình văn nghệ là phần chiếu Slide Show do CSVLK Phạm Văn Minh dàn dựng và thực hiện, với nhiều hình ảnh về Trường Mẹ Luật khoa Đại Học Đường Sài Gòn, cả hội trường im lặng, dường như những hình ảnh ngày xưa đã đưa các CSVLK trở về một thời quá khứ, với nhiều kỷ niệm vui buồn, với nhiều hoài bão ước mơ tuổi trẻ, của một thời sinh viên đã qua; hầu hết các hình ảnh và một phần tư liệu hiếm quý này, do Giáo sư Nguyễn Văn Canh cung cấp.

Một chương trình văn nghệ đặc sắc mang chủ đề "Hoài Niệm" đã được các tài năng văn nghệ luật khoa tại Houston và vùng phụ cận thực hiện, với sự phụ giúp của một số ca nhạc sĩ hàng đầu tại địa phương. CSVL Nguyễn Hiếu Kính, người phụ trách

Đặc san Luật khoa 2010

văn nghệ đã dàn dựng nhạc cảnh “Chuyện Chúng Minh ngày ấy” do CSCLK Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng viết kịch bản, với sự đóng vai thực hiện của hai MC Anh Tú và Quỳnh Lan và hai ca si trẻ đóng vai haisinh viên luật khoa, yêu nhau từ trường luật và nay đã là cặp vợ chồng già sống ở Houston, đến tham dự Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston, Texas, Hoa Kỳ, kể lại chuyện tình ngày xưa qua lời các ca



* Gs. Nguyễn Cao Hách và Phu nhân, Gs. Nguyễn Huy Đầu tại bữa tiệc trong Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston, Texas, Hoa Kỳ.(12-3-2009)



* Gs. Mai Văn Lễ tại bữa tiệc, bên phải là Bà Kim Nick (thần hủ), bên phải là Ls. Nguyễn Thị Chính, CSVLK Trùng Quý và một CSVLK không rõ tên.

khúc “Đường tình ta đi”, “ Em có nghe mùa thu mưa bay lá đỏ, em có nghe thu về hát khúc yêu thương...” và “trả lại em yêu khung trời đại học, con đường Duy Tân, cây dài bóng mát...uống ly tranh đường, uống môi em ngọt”...Nhạc cảnh này cũng đã đưa các cựu sinh viên luật khoa một thoáng tìm về quá khứ, với những cuộc tình đầy thơ mộng và ...mộng mơ.

Thế rồi chương trình văn nghệ được nối tiếp qua các tiết mục đơn ca, song ca, đồng ca với các ca khúc thịnh hành trong giới sinh viên ngày ấy, có lẽ đã đã làm các Quý giáo sư và các bạn Cựu sinh viên luật khoa Sài Gòn như sống lại một thời vàng son của quá khứ xa gần trước ngày biến cố 30 -4-1975, ngày chế độ dân chủ non trẻ Việt Nam Cộng Hòa bị cưỡng tử, và Trường Mẹ Luật Khoa Đại Học Đường thân thương của chúng ta cũng chết theo từ đó. Thầy trò luật khoa bắt đầu hành trình phiêu bạt bốn phương trời. Hôm nay, sau 20 năm rời xa đất nước (1975-2000) lần đầu tiên Thầy trò luật khoa mới có dịp hội ngộ hiếm hoi này. Có lẽ vì vậy mà trong thư của nguyên Giáo sư Khoa Trưởng Vũ Quốc Thúc mới coi cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn là cuộc hội ngộ có tính lịch sử?



* Gs. Nguyễn Văn Canh tại bữa tiệc, ngồi bên phải là Gs. Nguyễn Văn Ngai, cựu Thượng Nghị sĩ VNCH và hai CSVLK, bên trái là Thẩm phán Trang Sĩ Tấn, Bs. Vũ Ban và phu nhân Bà Bích Ngọc trong Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston, Texas, Hoa Kỳ.(12-3-2009)



* CSVLK Luật sư Võ Văn Quan phát biểu cảm tưởng và nhắc lại những kỷ niệm đáng nhớ về Trường Luật trong Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston, Texas, Hoa Kỳ.(12-3-2009)

Xen kẽ các tiết mục văn nghệ chủ đề “Hòa Niệm” là các lô xô số quà tặng lấy hên đầu năm, đã được Luật sư Nguyễn Thế Linh và CSVLK Đào Vĩnh Tuấn thực hiện thật hào hứng, vui nhộn, đưa các cựu sinh viên luật khoa Sài Gòn và mọi người tham dự Hội Ngộ trở về không khí sinh hoạt tuổi trẻ, sinh viên ngày nào. Cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 của cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston đã diễn ra từ 4 giờ chiều đến 8 giờ tối ngày Chủ nhật 12-3-2000 và đã kết thúc tốt đẹp. Mọi người từng nhóm bạn đồng lớp kéo nhau ra các góc hội trường chụp hình lưu niệm.

Trước khi chia tay trong tình lưu luyến và ước mong tương lai sẽ có những cuộc Hội ngộ cựu sinh viên luật khoa như thế này, để có dịp hàn huyên, ôn cố tri tân và thắt chặt tình đồng môn, đồng liêu luật khoa giữa những người có xuất thân từ Trường Mẹ: Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn. Mọi người ra về trong âm hưởng bài hát kết thúc chương trình “Việt Nam, Việt Nam” như còn vang vọng trong tâm tư mỗi người tham dự, như nhắc nhở các cựu sinh viên luật khoa Sài Gòn hãy làm gì và có thể làm gì cho đất nước sớm có tự do dân chủ và phát triển đến hùng cường, theo kịp đà tiến hóa chung của nhân loại trước ngưỡng cửa và trong trong thế kỷ 21 tới đây.

Duy Anh

Tường trình từ Houston, 18-3-2000

Từ Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 qua :

ĐÊM HỘI NGỘ MÙA XUÂN 2009 CỦA CỰU SINH VIÊN LUẬT KHOA VIỆT NAM TẠI HOUSTON, TEXAS, HOA KỲ (15-3-2009)

Hình ảnh: Nguyễn Văn Quát

Tường thuật: Duy Anh

● * * * * *

Đêm Hội Ngộ Mùa Xuân 2009 của các cựu sinh viên Luật khoa Việt nam đã diễn ra tại nhà hàng Phoenix Seafoods trên Đại lộ Bellaire vùng Southwest Houston, từ 6:00pm đến 10:00 pm và đã kết thúc tốt đẹp. Đã có khoảng 100 cựu sinh viên cùng gia đình và thân hữu tham dự, trong số này, ngoài Giáo sư Mai Văn Lễ, nguyên giáo sư kinh tế tại các trường đại học



Luật khoa Sài Gòn và Luật khoa đại học Huế, một số thân hữu đặc biệt, còn lại phần đông là các cựu sinh viên luật khoa Việt nam xuất thân từ Luật khoa Đại học đường Sài Gòn, một số ít tốt nghiệp các trường luật Hoa Kỳ.

- CSVLK Lê Ngọc Liêng, thay mặt BTC kinh tặng hoa cho Gs. Mai Văn Lễ.



Mở đầu chương trình là phần nghi thức chào cờ, mặc niệm các anh hùng hào kiệt có công dựng nước và giữ nước của lịch sử Việt Nam và lịch sử Hoa Kỳ, có phần tưởng niệm các giáo sư và cựu sinh viên luật khoa Việt Nam đã quá vãng. Sau đó, CSVLK Đỗ Kim Bảng, Phó chủ tịch ngoại vụ Câu Lạc Bộ Việt Nam, đã thay mặt Ban Tổ Chức ngỏ lời chào mừng và cảm ơn quý giáo sư, các Niên Trưởng và các bạn cựu sinh viên Luật khoa cùng gia đình và quý thân hữu đã tham dự đông đủ ngày họp mặt mừng xuân truyền thống hàng năm lần thứ 9 do Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam đứng ra tổ chức. Xin trích đăng toàn văn như sau:

LỜI CHÀO MỪNG CỦA TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC

Kính thưa: Giáo sư Mai Văn Lễ,

Quý Niên Trưởng, các bạn cựu sinh viên

Đặc san Luật khoa 2010

luật khoa cùng gia đình và quý thân hữu.

Trước hết, chúng tôi rất hân hạnh được thay mặt cho Ban Tổ chức đêm Hội Ngộ Mùa Xuân 2009 của cựu sinh viên luật khoa Việt Nam, gửi lời chào trân trọng và thân tình nhất đến quý Giáo sư, quý niên trưởng, các bạn cựu sinh viên luật khoa cùng gia đình và quý thân hữu hiện diện trong ngày họp mặt truyền thống hàng năm lần thứ 9 của gia đình Luật Khoa tại Houston hôm nay. Thử nữa, vì năm nay Tết ta đến sớm, nên không khí Tết không còn đậm đà, nhưng bây giờ vẫn còn là Mùa Xuân, chúng tôi xin gửi lời chúc Tết muộn đến toàn thể Quý vị hiện diện trong cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân này, cùng gia đình:

Một Mùa Xuân 2009 tươi vui, an bình và một Năm Mới 2009 an khang, thịnh vượng và hạnh phúc.

Đồng thời thay mặt Ban Tổ Chức, chúng tôi cũng chân thành cảm ơn quý giáo sư, các niên trưởng, các bạn cựu sinh viên cùng gia đình, đặc biệt là quý thân hữu, đã đáp lời mời đến tham dự đông đủ đêm Hội Ngộ hôm nay. Sự thể này đã nói lên sự gắn bó nghĩa thầy trò, tình đồng môn Luật khoa giữa các giáo sư và các cựu sinh viên luật khoa, và tình ưu ái đặc biệt mà quý quan khách thân hữu đã dành cho Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam, vốn có trách nhiệm tổ chức cuộc hội ngộ mùa xuân hàng năm của cựu sinh viên Luật khoa Việt Nam.

Sau cùng, việc tổ chức đón tiếp cũng như việc thực hiện chương trình Hội Ngộ Mùa Xuân 2009 của cựu sinh viên Luật khoa Việt Nam, chắc chắn không khỏi sai sót, rất mong quý vị niệm tình thư lỗi cho.

Một lần nữa xin nhiệt liệt chào mừng và chân thành cảm ơn quý Giáo sư, quý niên trưởng, các bạn cựu sinh viên luật khoa cùng gia đình và quý thân hữu hiện diện trong cuộc họp mặt hội ngộ Mùa xuân truyền thống này. Chúc tình thầy trò và đồng môn Luật khoa mãi bền chặt.

Trân trọng.

TM. Ban Tổ Chức

CSVLK Đỗ Kim Bảng.

Kể đến, theo truyền thống, Chủ tịch Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam sẽ đọc diễn văn và tuyên khai mạc cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân. Nội dung bài diễn văn ứng khẩu này, CSVLK Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng đã nhắc sơ lược sự khởi đầu và ý nghĩa ngày Hội Ngộ Mùa Xuân hàng năm. Theo đó, cuộc họp mặt đầu tiên khởi đầu cho các cuộc hội Ngộ Mùa Xuân sau này là cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 của các cựu sinh viên Đại học luật khoa Sài Gòn tại Houston, tiểu bang Texas, Hoa Kỳ vào tháng 3 năm 2000. Đây là cuộc hội ngộ đầu tiên của các cựu sinh viên luật khoa Việt Nam sau 25 năm rời xa đất nước, cách ly Trường Mẹ.

* Ls. Hoàng Duy Hùng, Chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Houston & Vùng Phụ Cận phát biểu.



- TP. Trần Hao và thân hữu (Hình trên)- Ls. Và Bà Nguyễn Tiến Đạt, Ls. Đinh Khắc Tín và Ls. Ngô Hữu Liễn. (Hình dưới)



Đã có khoảng 400 cựu sinh viên luật khoa cùng gia đình và thân hữu tại Houston và một số thành phố lân cận như Austin, Dallas, San Antonio, và tiểu bang khác đến tham dự. Đặc biệt, đã có sự hiện diện của Quý giáo sư Nguyễn Cao Hách, Nguyên Khoa Trưởng Đại học Luật khoa Sài Gòn và Phu nhân, giáo sư Mai Văn

Đặc san Luật khoa 2010

Lễ, giáo sư Nguyễn Văn Canh và cố giáo sư Nguyễn Huy Đầu. Sau cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân có tính lịch sử này, đã đưa đến việc thành lập Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam, và từ đó các ngày Hội Ngộ Mùa Xuân được tổ chức như là một trong những hoạt động ái hữu của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam, để thắt chặt tình đồng môn, nghĩa thầy trò luật khoa chúng ta. Một số ngày Hội Ngộ Mùa Xuân những năm sau đó, đã có sự tham dự thêm của các giáo sư Phạm Văn Thuyết và giáo sư Tạ Văn Tài đến từ Washington DC... Nhân dịp này ông Chủ tịch Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam cũng mời gọi các bạn cựu sinh viên luật khoa trẻ, học và tốt nghiệp tại các trường luật Hoa Kỳ, tham gia Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam, để tiếp nối truyền thống Luật Khoa Việt Nam từ thế hệ cha anh đã về chiều, “Tre già cần măng mọc”... .



- Từ trái qua phải: Ls Nguyễn Mai và Phu nhân Nam Phương, Ls. Nguyễn Thị Nhung và Phu quân Vũ Q. Vân

Sau diên văn khai mạc của Chủ tịch Câu Lạc Bộ Luật khoa Việt Nam, là huấn từ của giáo sư Mai Văn Lễ hiện đang sinh sống cùng Trường Nam ở thành phố Sugarland giáp Houston. Mặc dầu tuổi già sức yếu, song Giáo sư Lễ vẫn luôn có mặt trong các cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân của các cựu sinh viên luật khoa. Giáo *



Ls. Hoàng Duy Hùng (đứng) đàm đạo với hai Niên Trưởng: Đào Văn Thảo và Nguyễn Trần Quý



sư Mai Văn Lễ đã vắn tắt ngỏ lời chào các cựu sinh viên luật khoa và cảm ơn Ban Tổ Chức đã luôn nghĩ đến Ngài. Một bó hoa hồng tươi thắm đã được cựu sinh viên Lê Ngọc Liêng, thay mặt Ban Tổ Chức kính tặng Giáo sư Mai Văn Lễ. Luật sư Hoàng Duy Hùng, một trong những cựu sinh viên luật khoa tốt nghiệp tại Hoa Kỳ, đồng thời là đương kim Chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Houston & Vùng Phụ Cận, đã được mời lên phát biểu. Ls. Hùng bày tỏ sự trân quý các thế hệ cựu sinh viên luật khoa Việt Nam bậc cha chú, đàn anh đàn chị, cảm ơn Ban Tổ Chức đã cho cơ hội lên phát biểu. Nhân dịp này, Ls. Hùng đã nhắc đến sự việc nhà cầm quyền CSVN trong nước cho triển khai quy mô việc khai thác bauxite là một nguy cơ gây hại nhiều mặt trước mắt cũng như lâu dài cho người dân trong nước, cho đất nước và dân tộc. Ls. Hùng mạnh mẽ kêu gọi các cựu sinh viên luật khoa nói riêng và mọi người Việt hải ngoại nói chung cần đoàn kết thống nhất để ngăn chặn việc làm tai hại này của nhà cầm quyền CSVN. Một cựu sinh viên và là một luật sư trẻ khá nổi tiếng tại Houston, từng là cố vấn pháp luật cho Hội Đồng Đại Diện Cộng Đồng tiền nhiệm, là Luật

Đặc san Luật khoa 2010

sư Ngô Quốc Lân đã cùng gia đình tham dự cuộc hội Ngộ này.



** Các CSVLK Nguyễn Văn Quát, Lê Ngọc Liêng và hai thân hữu đồng ca Ly Rượu Mừng.*



** Lương Y Lê Thị Thu Cúc, Hiền tỷ của Bà Jackie Bông, Phu nhân Cố Giáo Sư Nguyễn Văn Bông. Bà luôn có mặt trong các cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân Cự Sinh Viên Luật Khoa Việt Nam*

Sau phần nghi thức và các phát biểu trên đây, là phần dạ tiệc, với các tiết mục văn nghệ, kể chuyện đặc sắc do các cựu sinh viên luật tự biên tự diễn, với sự giúp vui của một số ca nhạc sĩ hàng đầu tại địa phương như ca sĩ Trần Thanh Tùng, ca sĩ Lâm Bảo Trân, ca sĩ Thanh Diệp và ban nhạc Blue Star. Mở đầu phần văn nghệ là bài ca truyền thống “Trả lại em yêu” khung trời đại học, con đường Duy Tân, cây dài bóng mát. .. uống ly tranh đường, uống môi. . . em ngọt. . .” do ca sĩ Lâm Bảo Trân trình bày. Độc đáo nhất có lẽ là đại lão niên trưởng Nguyễn Tiến Đạt, nguyên luật sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn, dù năm nay đã ngoài thất tuần, dù lái xe ban đêm khó khăn, song năm nào cũng cùng phu nhân tham dự, không chỉ hội ngộ mà còn đóng góp

các tiết mục văn nghệ độc đáo và kể lại những kỷ niệm sâu sắc, khó quên về Trường Luật. Độc đáo không kém là nữ luật sư Nguyễn Thị Chính, nổi tiếng về các bài viết trong mục “Bàn Ngang Tán Đọc” trên tờ Luật pháp & Đời sống do Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam chủ trương, với bút hiệu “Già Hoang” cũng lên kể chuyện khó quên về Trường Mẹ. Nay sau 5 năm ấn hành, Luật pháp & Đời sống phải tạm đình bản, nhưng “Già Hoang” vẫn không thất nghiệp vì trên Web Site của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam mới thành lập, trong mục “Văn Hóa – Văn nghệ” vẫn có tiểu mục “Bàn ngang Tán đọc” dành riêng cho “Già Hoang” tức “Hòang Gia” tức gia đình nhà họ “Hòang” phu quân quá vãng của Bà. (Xin mở: luatkhoavietnam.com). Nhưng ngoài hai đại lão niên trưởng vừa kể, những động hát “vượt thời gian” của các cựu sinh SVLK Nguyễn Trung, Hồng Chung, Mỹ Quỳnh, với các ca khúc thịnh hành trong giới sinh viên ngày ấy, đã đưa mọi người trở về một thời vàng son đã qua. . . Có thể nói, năm nay có phần đặc biệt vui nhộn, thể hiện đúng ý nghĩa và mục đích của Hội Ngộ hàng năm cựu sinh viên luật khoa Việt Nam. Là vì số người tham dự năm nay khoảng 100 so với ít nhất 200 như các năm trước, nhưng hầu hết là các cựu sinh viên luật khoa. Do đó sự hàn huyên thật gần gũi, có thời gian xướng danh giới thiệu từng người tham dự, và phải khen người điều khiển chương trình kiêm hoạt náo viên năm nay là CSVLK Nguyễn Văn Quát, Phó chủ tịch Nội vụ CLBLKVN, đã điều hợp chương trình văn nghệ, xỏ số lấy hết thật “Xúc Sắc”, sau khi Hội viên cũng là thành viên Hội Đồng Thường Vụ Đại Hội Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam là Nguyễn Trần Quý làm xong nhiệm vụ MC phần nghi thức thật “Nghiêm túc, trang nghiêm và cảm động”. Không biết có phải vì vậy mà “Trời thương” nên cuộc xỏ số năm nay, ngoài lô độc đắc là một bức tranh quý do ông bà Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng tặng, trong 4 lô tiền mặt thì ông bà Nguyễn Trần Quý đã trúng tới 3 trên 4. Thật là chuyện hy hữu thuộc loại “Khó tin mà có thật” đã xảy ra trong cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2009 của cựu sinh viên luật khoa Việt Nam tại Houston.

Đến đây thì bản tường thuật cũng khá dài, xin mời quý giáo sư, quý niên trưởng, các bạn cựu sinh viên Luật khoa Việt Nam cùng gia đình và quý thân hữu coi những hình chụp minh họa đính kèm do MC “Quát voi” vừa “Nói” vừa “Chụp” vừa “Quay” (phim). Thật là nhân vật đa tài, đa năng, đa hiệu và “Đa...” gì nữa hử CSVLK “Quát già” mà còn “Gân”?!?!?

Duy Anh
Tường thuật từ Houston.

MỘT TRONG CÁC BÀI TƯỜNG THUẬT VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHUẨN BỊ CHO NGÀY HỘI NGỘ MÙA XUÂN 2010

SINH HOẠT LUẬT KHOA HOUSTON THÁNG 12: MỘT CUỐI TUẦN BẠN RỘN MÀ VUI.

Tường thuật: *Duy Anh*

Hình ảnh: *Liên Hương*

Thật đúng là một cuối tuần bận rộn mà vui đối với các cựu sinh viên Đại học Luật khoa Sài Gòn.



** Ca mẹ Cô Dâu và cô dâu chú rể với Ls Nguyễn Thế Linh (hình trên). Ls Nguyễn Tiến Đạt thay mặt đồng môn Luật khoa chúc mừng hai cháu và hai họ(H. dưới)*



Tối Thứ Bảy 19-12-2009 thì anh em cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn vốn sinh hoạt thường xuyên gắn bó với Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam ở Houston, đã có mặt trong tiệc cưới con trai



của luật sư Trần Loan Phương và phu quân là CSVLK Trần Ngọc Trung. Ít nhất đã có hai bàn mà anh chị Trung dành cho các đồng môn Luật khoa Sài Gòn. Nhân dịp này Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng, Chủ tịch Câu Lạc Bộ Luật khoa Việt Nam đã trao tặng cho đôi tân hôn một tấm Plaque lưu niệm.

Ngày hôm sau Chủ nhật 20-12-2009 thì họp nhau tập văn nghệ ở Hội Quán Nghệ Sĩ của cựu sinh viên luật khoa cử nhân công pháp Lê Ngọc Liên, từ 2 giờ đến 5 giờ chiều.

Đặc san Luật khoa 2010



Trong buổi tập văn nghệ tháng 12 theo đúng



lịch trình này, tuy có vắng mặt một số anh chị em vì lý do “Bất khả kháng”, nhưng số anh chị em tham gia tập dượt văn nghệ chuẩn bị cho cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 vào ngày 3-4-2010 vẫn còn đông đảo, trên dưới 20 anh chị em. Mọi

người vẫn hăng say tập dượt các tiết mục văn nghệ thể hiện chủ đề “Hòa Niệm Tri ân” như Liên khúc mở màn “Luật khoa Việt Nam hành khúc” của Ls Võ Đình và tình ca “Trả lại em yêu” khung trời đại học của Phạm Duy; Nhạc cảnh “Hội Ngộ Diên Hồng” . Để chương trình văn nghệ thêm phong phú, Niên Trưởng Ls. Nguyễn Tiến Đạt, người đặc trách chương trình văn nghệ chủ đề này,

mới cho tập thêm vở hài kịch “Ông Nội Trợ”. Vì thế, định rằng sẽ phải tập thêm giờ cho các “kịch sĩ bất đắc dĩ” vào Thứ Ba 29-12 này tại nhà của Niên Trưởng Đạt. Hoan hô tinh thần “yêu văn nghệ vì Trường Luật” này của Niên Trưởng Ls. Nguyễn Tiến Đạt, mặc dầu tuổi cao (gần 80 rồi đấy quý đồng môn ạ), nhưng sức và tinh thần hoạt động so ra còn mạnh hơn đàn em tuổi thấp rất nhiều nhiều, lắm lắmĐể hỗ trợ cho tiếng hát và giọng nói của anh chị em, kỳ tập văn nghệ lần này, ngoài nước uống do CSVLK Lê Ngọc Liên cung cấp, phu nhân Thiên Ý Nguyễn Văn Thắng còn khòan đãi một nôi “Chè Thái Cocktail” thật ngon ngọt....Ban Tổ Chức đã cảm ơn cả hai vị nội tướng con nhà luật và đầu Trường Luật Saigon....



Dời nơi tập văn nghệ, anh chị em cựu SVLK đã kéo nhau đến Hội Quán Làng Tre nằm trong khu vực Southwest Houston, cách nơi tập văn nghệ không xa, chừng 5 phút lái xe (nếu không kết xe) để dự Sinh nhật niên Trưởng Ls. Nguyễn Thế Linh. Tại tiệc mừng sinh nhật này, anh Thiên Ý Nguyễn Văn Thắng đã thay mặt Câu Lạc Bộ Luật Khoa kính tặng Ls Nguyễn Thế Linh một tấm blaque lưu niệm. Ls Nguyễn Thế Linh đã rất xúc động ngỏ lời cảm ơn anh chị em đồng môn và thân hữu Gia Long, đã không quản ngại đến tham dự bữa tiệc này.

Ngoài ra, để có hình ảnh lưu niệm, CSVLK Nguyễn Văn Quất thì lo quay phim, Bà Liên Hương và CSVLK Phạm Văn Minh thì lo chụp hình lia lịa cho album Sinh Nhật Thứ 72 của Niên Trưởng Nguyễn Thế Linh. Niên Trưởng Luật sư Nguyễn Tiến Đạt thì kéo anh chị em lên “sân khấu dã chiến” trình bày thử bài “Ly Rượu Mừng” và một số tiết mục đơn ca đã tập dượt để trình diễn trong ngày Hội Ngộ Luật Khoa Sài Gòn vào đầu Tháng 4 năm tới. Không khí thật tung bừng náo nhiệt, đông vui thấm tình đồng môn và thân hữu

Buổi mừng sinh nhật niên trưởng LS Nguyễn Thế Linh đã kết thúc bằng dạ vũ thật vui tươi nồng ấm.

Houston, ngày 27 tháng 12 năm 2009

Duy Anh

ĐẶC SAN
LUAT KHOA



HỘI AI HUU TRƯỞNG LUẬT VIỆT NAM
tháng 11.1990

Đặc san **LUẬT KHOA**

HỘI ÁI HỮU LUẬT KHOA VIỆT NAM

Trong số này :



Nguyễn Cao Hách : Tìm
hướng tiến để phục vụ dân
tộc - Đoàn Văn Tiên : The
Curent Recession - Phạm
Nam Sách : Ngọn triều lịch
sử - Nguyễn Cần : Vấn đề
song tịch của người Việt hải
ngoại và những hậu quả rắc
rối về pháp lý - Đỗ Thái
Nhiên : Nhân quyền, dân
quyền và Cộng sản VN - Lữ
Giang : Vấn đề định đem
định chế Hội Thẩm Đoàn về
áp dụng tại Việt Nam -
Nguyễn Hữu Thống :
Nhân kỷ Đại Hội Luật Gia
1993 - Võ Văn Quan : Các
vụ án - Ngô Tăng Giao :
Luật đầu có lạ đời ? -
Trịnh Khắc Hồng : Pho
Tượng - Nguyễn Đức Lập :
Cái xe than - Nhiều hình
ảnh kỷ niệm và các mục
linh tinh khác.



5

Phát hành tháng 8 năm 1993

Giới thiệu đại cương:

TIẾN TRÌNH THÀNH LẬP HỘI ÁI HỮU LUẬT KHOA VIỆT-NAM

LTS. Sau biến cố 30-4-1975, Trường Đại học Luật Khoa Sài Gòn cũng như các Đại học Luật khoa Huế và Luật khoa Cần Thơ đều bị đóng cửa. Các cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn kịp di tản ra Hải ngoại ngay sau khi chế độ dân chủ Việt Nam Cộng Hòa bị sụp đổ, và sau đó bằng mọi phương cách đã đến Hoa Kỳ và nhiều nước khác trên thế giới định cư. Theo thời gian, các cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn đã tìm đến nhau qui tụ thành các Hiệp Hội để tương trợ và có những hoạt động tri thức, nghề nghiệp. Hội Luật Gia Việt Nam được thành lập đầu tiên ở Miền Bắc California, kế đến là Hội Ái Hữu Luật Khoa ra đời ở Nam California và sau cùng là sự hình thành Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam ở Houston, Texas Hoa Kỳ. Sự hình thành ba tổ chức riêng biệt nhưng không biệt lập này của cựu sinh viên luật khoa Việt Nam là để phù hợp với hoàn cảnh địa lý xa cách, trên thực tế đã có sự hỗ trợ trong các hoạt động ái hữu và tri thức.

Một điển hình thực tế là, Đặc san Luật khoa 2010 do Câu Lạc Bộ Luật Khoa ấn hành nhân cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Toàn Cầu từ ngày 2 đến ngày 4 tháng 4 năm 2010 tại Houston Texasm, Hoa Kỳ, đều có sự đóng góp bài vở và cử đại diện đến tham dự Hội Ngộ của các Hiệp Hội Luật Khoa bạn.

Tòa soạn có nhận được bài giới thiệu đại cương về “Tiến Trình Thành Lập Hội Ái Hữu Luật Khoa Việt Nam” và một số bài khác do luật sư Nguyễn Viết Đình gửi cho Đặc san 2010. Trân trọng giới thiệu đến Quý Giáo sư và các đồng môn Luật khoa Sài Gòn cũng như quý độ cgiả đồng hương khắp nơi.

Vào khoảng cuối năm 1980, tại Orange County và Los Angeles County, tiểu bang California, có rất nhiều anh chị em cựu Luật Sư và Thẩm phán Việt Nam đến định cư. Một thiểu số muốn quay về nghề nghiệp cũ. Đại đa số tìm kế sinh nhai bằng các nghề khác.

Do những liên hệ nghề nghiệp và bằng hữu đa số có sẵn từ Việt Nam, một số anh chị em luật gia hăng hái cổ động để hình thành một hội luật gia Việt Nam tại Miền Nam California. Địa giới bao gồm các địa phương từ Los angeles, đến Orange County và xuống đến San Diego.

Ban vận động thành lập hội luật gia mạnh mẽ kết hợp được một Ban chấp hành lâm thời với thành phần như sau:

Chủ tịch lâmn thời: Ls. Đào Ngọc Thúy.

Phó chủ tịch: Lg. Nguyễn Đức Cung

Tổng Thư ký: Ls Nguyễn Viết Đình

Sau đó, số anh chị em luật gia đổ về miền Nam California mỗi ngày một đông, nên vào ngày 27-8-1983 một buổi Đại hội đã được tổ chức tại thành phố Westminster, quận Orange để bầu Ban Chấp Hành mới.

Thành phần Ban Chấp Hành Hội Luật Gia Việt Nam nhiệm kỳ 1983-1985 gồm có:

Chủ tịch: Ls. Lê Tất Hào

Phó Chủ tịch: Ls. Nguyễn Viết Đình.

Phó Chủ tịch: Ls. Lê Quang Cường

Tổng Thư Ký: Ls. Đỗ Xuân Hiệp.

Hội Luật Gia Miền Nam California thời đó thực ra chỉ là một phân bộ của Hội Luật Gia Việt Nam (Vietnamese Lawyers association) do Tiến sĩ Nguyễn Văn Canh, Ls Vũ Ngọc Tuyền, Ls. Nguyễn Hữu Thống và các luật gia Việt Nam tại San Jose sáng lập vào năm 1976

Vì nhu cầu phát triển, vào năm 1986, Hội Luật Gia Việt Nam Miền Nam California được đổi tên thành Hội Ái Hữu Luật Khoa (Vietnamese Law Foundation).

Hội giờ đây không những chỉ qui tụ giới cựu luật sư và cựu Thẩm phán Việt Nam mà còn bao gồm cả những cựu sinh viên đã tốt nghiệp hay theo học tại các trường luật Sài Gòn, Huế, Cần Thơ và cả những sinh viên đã theo học tại các trường luật ở Hoa Kỳ và trên toàn thế giới.

Mục tiêu của hội đề ra là:

- 1.- Gây tình tương thân, tương ái giữa các hội viên.
- 2.- Tham dự và đóng góp tiếng nói vào các hoạt động công ích.
- 3.- Đóng góp tiếng nói trung thực về những biến cố có liên hệ đến người Việt Nam tỵ nạn tại Hoa Kỳ và trên toàn thế giới.

Kể từ ngày thành lập đến nay, hội đã trải qua nhiều thăng trầm. Nhưng chung cục hội vẫn giữ được truyền thống tốt đẹp về cách thức bầu cử, cung cách ứng xử của Ban Chấp Hành, và nhất là tình đoàn kết giữa các hội viên.

Vào những năm 1990 đến 1995, với sự tiếp tay của Hội, Đặc san Luật khoa đã hình thành và phổ biến nhiều luận đề giá trị của các vị giáo sư, luật sư và thẩm phán Việt Nam về nhu cầu xây dựng một nền dân chủ pháp trị cho Việt Nam.

Với sự tiếp tay trực tiếp của nhiều vị có nhiệt tâm như: Ls. Đoàn Văn Tiên, Ls. Đào Ngọc Thúy, Ls. Lê Tất Hào, Ls. Nguyễn Hồng Nhuận... Hội đã tổ chức được nhiều khóa học luyện thi lấy bằng hành nghề luật sư cho các hội viên. Ngoài ra hội còn đứng ra tổ chức nhiều khóa hội thảo cho các vị muốn hành nghề phụ tá pháp lý tại Hoa Kỳ.

Các vị Chủ tịch Hội kế tiếp là: Ls. Phạm Nam Sách, Ls. Nguyễn Hồng Nhuận, Gs. Nguyễn Cao Hách, Ls. Đào Ngọc Thúy, Ls. Đào Văn Tiên, Ls. Đỗ Đức Hậu, Gs. Nguyễn Sĩ Tế, Ls. Đỗ Xuân Hòa, Thẩm phán Nguyễn Văn Thông, Ls. Trần Sơn Hà

Ban Chấp Hành đương nhiệm gồm có:

Chủ tịch: Thẩm phán Đặng Đình Long

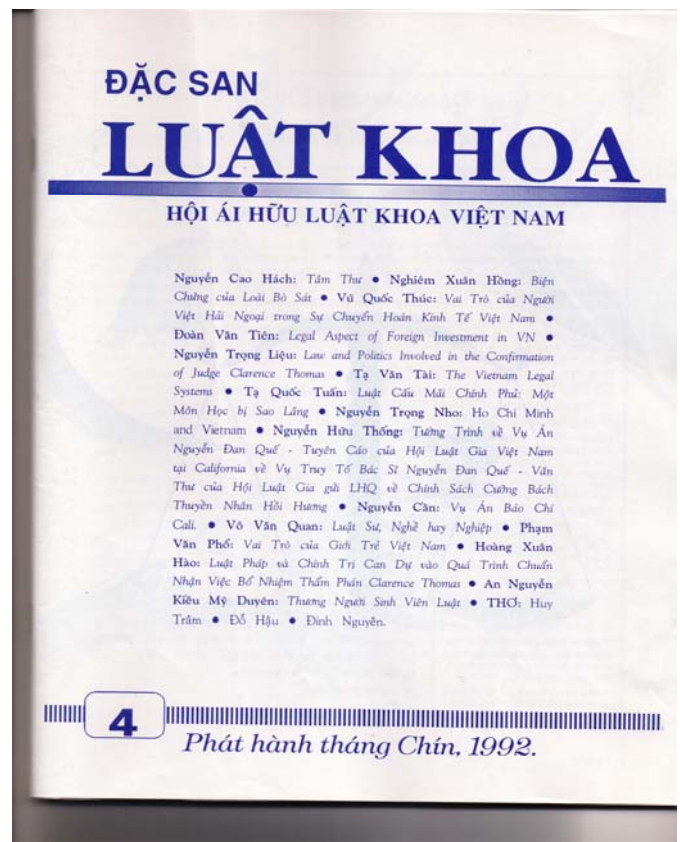
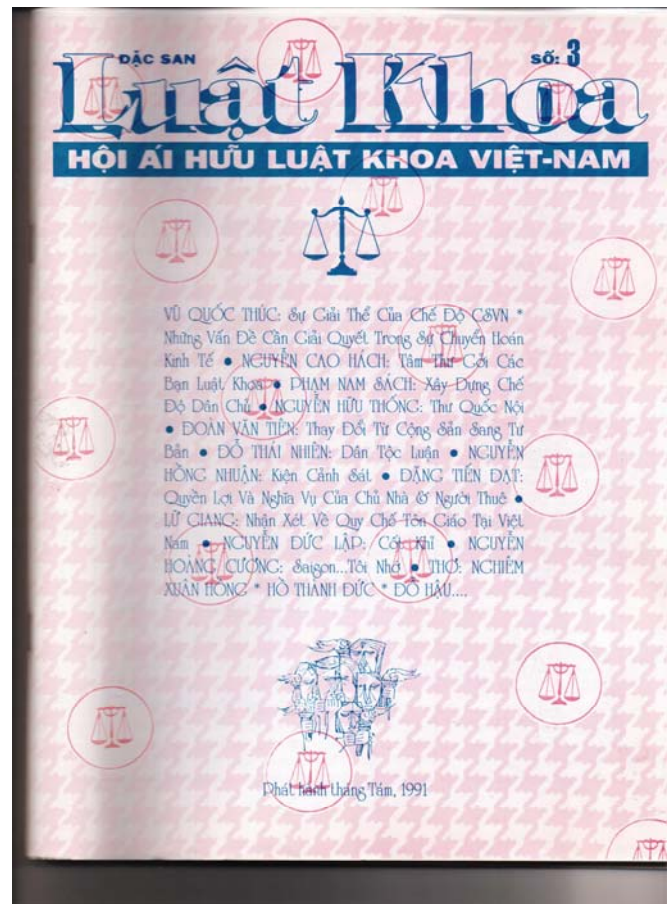
Tổng thư ký: Ls. Võ Văn Đình

Trong năm 2019, Hội Đã tổ chức thành công ngày Đại Hội Luật Khoa qui tụ được hơn 300 hội viên. Với sự tiếp tay của Ls. Đào Ngọc Thúy, một mạng thông tin điện tử mang tên WWW.AIHUULUATKHOA.COM được hình thành do sự nối kết và chuyển tin giữa các hội viên, giữa các đoàn thể rất mau chóng và hiện đại

Hy vọng trong tương lai Hội Ái Hữu Luật Khoa sẽ hoạt động và phát triển vững mạnh hơn nữa.

01/2010

Người Luật Khoa



TƯỜNG THUẬT:

**VỀ BUỔI HỌP MẶT MỪNG XUÂN 2009 CỦA HỘI
ÁI HỮU LUẬT KHOA VIỆT NAM**

□ * * * * *

□ * * * * *

* * * *

- **Tường thuật & Hình ảnh:**
- **Ls Đoàn Thanh Liêm**

Vào chiều ngày Thứ Sáu 6 Tháng Hai 2009 vừa qua, một buổi Họp Mặt Mừng Xuân Kỷ Sửu 2009 của Hội Ái Hữu Luật Khoa Việt Nam đã được tổ chức trong bầu không khí ấm cúng, thân mật với trên 200 người tham dự, tại nhà hàng Paracel, thành phố



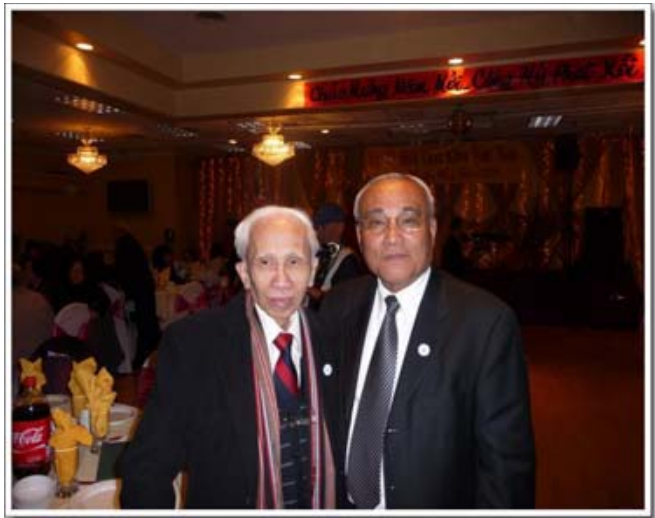
Westminster miền Nam California. Cử tọa gồm các hội viên cùng gia đình và thân hữu, phần đông thì đã vào tuổi lục tuần, hay “thất thập cổ lai hy” cả rồi. Chỉ có lớp hậu duệ thì mới ở tuổi thanh xuân cỡ 20-30, còn son trẻ và đặc biệt lại còn nói tiếng Việt khá sõi. Dù trời mưa lạnh, bà con cũng vẫn lũ lượt kéo đến rất đông, nhất là các bà với quần áo, khăn quàng vai và mũ nỉ đủ loại màu sắc, đủ kiểu mode này mode nọ, nhất là vẫn còn nhiều áo dài tha thướt, khiến cho cuộc tao ngộ thật là sinh động, lịch lãm mà khởi sắc.

Mở đầu luật sư lão thành Phùng Văn Tuệ, Trưởng ban Tổ chức đã ứng khẩu nói về lai lịch của Hội Ái Hữu mà đã khởi sự thành lập từ trên 20 năm trước và vẫn sinh hoạt liên tục qua nhiều đợt các vị Hội trưởng và Ban Chấp hành. Hội được mở rộng cho mọi thành phần trong gia đình Tư pháp gồm các luật sư, thẩm phán cũng như các cựu viên chức trong các ban ngành thuộc chánh quyền của Việt Nam Cộng Hoà



trước đây. Và trước nhu cầu trẻ trung hóa nhân sự, Hội cũng đang tìm cách mời gọi, lôi cuốn thêm nhiều

**Ban Hợp Ca trình bày Luật khoa Hành khúc của tác giả: Võ Đình, luật sư Tổng Thư ký đương nhiệm*



**Ls. Trần Thanh Hiệp và Thẩm Phán Đặng Đình Long Hội Trưởng đương nhiệm*

các thành phần trẻ hiện đang hành nghề trong hệ thống Tư pháp của Hoa Kỳ. Ngoài các hoạt động thông thường của một Hội Ái hữu có tính cách tương trợ thân ái giữa các hội viên, thì Hội còn quan tâm đến những vấn đề làm sao mà giới luật gia ở hải ngoại có thể góp phần thật hữu ích cho quê hương đất nước Việt nam. Đó là lý do mà gần đây, Hội đã mở được một website “aihuuluatkhoa.com” để vừa thông tin liên lạc vừa trao

đổi những suy nghĩ cụ thể, tích cực trong ý hướng xây dựng nói trên. Luật sư Đào Ngọc Thụy là người phụ trách chính yếu của website này (webmaster).

Tiếp theo là Thẩm phán Đặng Đình Long, vị đương kim Hội Trưởng đã nhân danh Hội gửi lời chào mừng đến các quan khách, hội viên và gia đình cùng thân hữu. Thẩm phán Long nói rất vắn tắt, ông kêu gọi các hội viên tích cực hơn nữa trong các hoạt động tương thân tương ái trong nội bộ gia đình luật khoa. Đồng thời cũng hứa là Hội sẽ phát triển thêm nhiều hoạt động chuyên môn về luật pháp, trong ý hướng góp phần xây dựng đất nước quê hương Việt nam thân yêu của tất cả chúng ta.



*** Bàn tiếp tân**

Mấy luật sư trẻ hơn như Nguyễn Hồng Nhuận, Lê Công Tâm cũng tham gia phát biểu hưởng ứng lời kêu gọi của Luật sư Tuệ và Thẩm phán Long. Luật sư Nhuận nói về mối ưu tư là “Giới luật gia ở hải ngoại phải làm gì trước hiện tình của đất nước?”. Đặc biệt LS Tâm còn nhắc lại công lao rất lớn trong việc thành lập Hội từ trên 20 năm trước của Luật sư Đoàn Văn Tiên, là người vừa mới từ già cõi đời hơn một tháng nay.

Một vị Luật sư lão thành khác vừa mới đến từ nước Pháp được mời làm người phát biểu chính yếu (keynote speaker) cho buổi Họp Mặt, đó là Luật sư Trần Thanh Hiệp. Với giọng nói sang sảng như mọi khi, LS Hiệp đã nhấn mạnh đến sự đóng góp vững chắc của giới luật gia trong việc xây dựng nền móng pháp luật cho chế độ Cộng hoà tại miền Nam VN trước đây, thì công trình đó vẫn còn có giá trị không những về mặt lịch sử, mà còn là một kinh nghiệm rất quý báu cho việc xây dựng thể chế dân chủ trong tương lai, khi chế độ độc tài cộng sản hiện nay cáo chung, như đã xảy

ra ở Liên Xô và Đông Âu vài chục năm nay. Ông sẽ trình bày chi tiết hơn trong bài gửi cho website của Hội.

Nhân dịp này, Hội trưởng Đặng Đình Long cũng nhân danh Hội để tuyên dương công lao của những hội viên đã rất tích cực đóng góp cho sự phát triển của Hội trong những năm qua và trao tặng mỗi vị một tấm plaque vinh danh để làm kỷ niệm. Qua đến phần văn nghệ “cây nhà lá vườn” do Luật sư Nguyễn Đình Sơn dàn dựng, thì thật là phong phú, hấp dẫn. Đặc biệt có ái nữ của Luật sư Võ Văn Dinh, còn rất trẻ mà phát âm tiếng Việt rất chuẩn trong mấy bài hát. Em quả thật xứng đáng nối dõi được tài năng văn nghệ rất đặc sắc của người cha mình. Phần âm nhạc đã giúp cho những màn khiêu vũ thật nhịp nhàng, êm dịu và lôi cuốn.



*** Ls Võ Đình và Ls. Đoàn Thanh Liêm và...**

Nói chung, thì Buổi Họp Mặt Mừng Xuân năm Kỷ Sửu đã gây được ấn tượng rất đậm đà tình cảm thân thương gắn bó thêm mãi giữa các đồng nghiệp luật gia cùng với gia đình và thân hữu. Đó là một hứa hẹn thật lạc quan, phần khởi cho sự phát triển sinh hoạt tập thể của Hội trong những ngày sắp tới, cả về mặt tình cảm liên đới gia đình, cũng như về mặt phục vụ chuyên môn đối với cộng đồng dân tộc vậy./

California, Tháng Hai 2009

Ls. Đoàn Thanh Liêm





PHẦN II BÓNG THỜI GIAN

Giới thiệu lịch sử đại cương về:

LUẬT KHOA ĐẠI HỌC ĐƯỜNG SÀI GÒN

Ngành Luật Khoa Việt Nam được chính phủ bảo hộ Pháp hình thành vào thập niên 1920 hay sớm hơn, khoảng 1918, vì nhu cầu cai trị một thuộc địa. Nhưng Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn đã chính thức được thành lập vào năm 1955, sau khi giành được độc lập, nhằm đào tạo các nhà trí thức có kiến thức luật học, cung ứng cho mọi ngành nghề của một quốc gia độc lập, có chủ quyền được thiết lập ở Miền Nam Việt Nam, sau Hiệp Định Geneve 1954 chia đôi đất nước. Vì vậy, viết về lịch sử Trường Luật Sài Gòn, chúng ta cần phân chia làm hai thời kỳ, trước và sau khi Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn ra đời.

I/- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LUẬT KHOA ĐẠI HỌC ĐƯỜNG SÀI GÒN:

Thật vậy, trước năm 1933, chính quyền bảo hộ Pháp đã cho thành lập một trường luật lấy tên là Trường Cao Đẳng Pháp Chính Đông Dương(Ecole Supérieure D'Aministration Indochinoise) đặt trụ sở tại Hà Nội, nhằm đào tạo một tầng lớp quan lại người bản xứ, cung ứng cho guồng máy cai trị ba nước thuộc địa Đông Dương là Việt, Miên, Lào. Người Việt thường gọi trường này là Trường Hậu Bô. Từ năm 1933 trường được đổi tên thành Trường Cao Đẳng Luật Học(Ecole Supérieure De Droit). Những vị học sĩ tốt nghiệp những niên khoa đầu tiên có thể kể: LS. Vũ Văn Hiền, LS. Hoàng Cơ Thụy, LS. Trần Văn Trí(1936); GS. Vũ Văn Mẫu tốt nghiệp năm 1938, GS. Vũ Quốc Thúc, GS. Nguyễn Cao Hách tốt nghiệp năm 1942. . .

Ngoài ra có thể kể thêm một số vị tốt nghiệp trong các khoa đầu tiên này có tham chánh qua các chế độ chính trị tại Việt Nam như: LS. Vũ Văn Hiền, Bộ Trưởng Tài Chánh trong nội các Trần Trọng Kim thành lập năm 1945. LS. Phan Anh, Bộ Trưởng Thanh Niên chính phủ Trần Trọng Kim và năm 1946 là Bộ Trưởng Quốc Phòng,



Mặt tiền Đại Học Luật Khoa mới xây sau này quay ra đường Nguyễn Đình Chiểu không còn là 17 Duy Tân, Sài Gòn, với biểu ngữ về Ngày Lễ Phát Văn Bằng, tháng 12 năm 1974

cùng Dương Đức Hiền là Bộ Trưởng Thanh Niên trong chính phủ Hồ Chí Minh; Ông Trương Tử Anh sáng lập viên và Đảng Trưởng đầu tiên của Đại Việt Quốc Dân Đảng; Phan Mỹ là em LS. Phan Anh làm Gouverneur Militaire De Hà Nội năm 1946; Vũ Văn Mẫu là Bộ Trưởng Ngoại Giao chính phủ Ngô Đình Diệm, từ chức năm 1963 và được Tổng Thống không dân cử Dương Văn Minh bổ nhiệm làm Thủ Tướng Chính Phủ Việt Nam Cộng Hoà chỉ 24 giờ trước khi Miền Nam sụp đổ; Võ Nguyên Giáp giữ nhiều chức vụ quân sự cũng như chính trị quan trọng trong chính phủ Hồ Chí Minh và sau này trong chế độ đương quyền Việt Nam, trước cũng như sau 1975. Một sinh viên người Pháp được ghi nhận là tốt nghiệp trong thời khoảng này là Groiss Jean, sau làm Giám Đốc Hãng Bia Sài Gòn cho đến năm 1975. . .

Đến năm 1938, Trường Cao Đẳng Luật Học được nâng lên thành một Phân Khoa Luật(Faculté De Droit) tại Hà Nội trực thuộc Đại Học Luật Khoa Ba Lê. Bắt đầu từ năm học này, Đại Học Ba Lê mới cử một số Thạc Sĩ tân tuyển như GS. Camelynck, Grégoire Khérian sang Hà Nội giảng dạy. . . Sau đó vì chiến tranh, khởi đi từ vụ Mỹ ném bom Hà Nội ngày 10-12-1944, tiếp đến Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945, rồi chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, Trường Luật cũng đã đi theo số phận nổi trôi của Đất Nước và dân tộc, phải tạm ngưng hoạt động khoảng ba năm. Đến năm 1947, khi Pháp trở lại Hà Nội, Trường Luật được mở cửa lại cho các sinh viên đang học dở dang được ghi danh tiếp tục học lại. Năm 1948, trường đã tổ chức một kỳ thi tốt nghiệp khoá đặc biệt dành cho các sinh viên đang học năm thứ ba bị gián đoạn vì chiến tranh, trong số sinh viên tốt nghiệp khoá này có LS. Vũ Ngọc

Tuyển. Trước khi Trường Luật mở cửa lại vào năm 1947, cùng thời gian này, một chi nhánh của Phân Khoa Luật Hà Nội được mở ở Sài Gòn vào năm 1946, trụ sở đặt ở số 17 Duy Tân Sài Gòn.

Trước năm 1954, GS. Grégoire Khérian là Khoa Trưởng Luật Khoa Hà Nội, kiêm nhiệm Giám Đốc Trung Tâm luật Sài Gòn. Vào tháng 5-1951, GS. Vũ Quốc Thúc được cử làm Xứ Lý Thường Vụ Giám Đốc Trung Tâm Hà Nội thay thế một giáo sư người Pháp.. Đến Tháng 6-1952, GS. Thúc qua Pháp thi lấy bằng Thạc Sĩ, trở về nước được bầu làm Khoa Trưởng kiêm Giám Đốc Trung Tâm Hà Nội. Năm 1954, GS. Thúc tham gia nội các chính phủ Bửu Lộc, GS. Vũ Văn Mẫu được bầu làm Phó Khoa Trưởng thay thế GS. Thúc.

Sau Hiệp Định Genève năm 1954 chia đôi lãnh thổ, Trung Tâm Hà Nội di chuyển vào Miền Nam, sát nhập với Trung Tâm Sài Gòn, lấy tên là Phân Khoa Luật(Faculté De Droit) trực thuộc Viện Đại Học Sài Gòn. Ngày 30-4-1955, cùng lúc thu hồi chủ quyền đất nước Trường Luật Của Chúng ta được khai sinh dưới tên Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn, hay thường gọi là Đại Học Luật Khoa Sài Gòn. Khoa Trưởng cuối cùng người Pháp là Khérian đã chuyển giao quyền quản trị trường luật cho các giáo sư Việt Nam. Các vị Khoa Trưởng sau đây đã lần lượt coi sóc Trường Luật của chúng ta: GS. Vũ Văn Mẫu(1955-1957), GS. Vũ Quốc Thúc(1957-1963), GS. Nguyễn Cao Hách (1963-1967), GS. Nguyễn Độ(1967-1971), GS. Bùi Tường Chiêu(1971-1973), GS. Vũ Quốc Thông(1973-1975).

Như vậy là GS. Vũ Quốc Thông đã là vị Khoa Trưởng cuối cùng của Trường Luật chúng ta, sau đúng 20 năm hoạt động(30-4-1955 đến 30-4-1975). Trong khoảng thời gian này tiếng Việt được dùng để giảng dạy thay tiếng Pháp, nhưng chương trình giảng dạy căn bản vẫn theo chương trình giảng huấn và tài liệu giáo khoa tham khảo của các giáo sư Việt Nam vẫn là theo Đại Học Ba Lê Pháp Quốc. Mãi sau này, khi trường luật có một số Giáo Sư tốt nghiệp từ Hoa Kỳ về giảng dạy, giáo trình, tài liệu giáo khoa mới được mở rộng thêm qua các trường luật của Hoa Kỳ. Sự chuyển hoá nội dung chương trình giảng dạy cùng lúc với sự chuyển hoá trường ốc đã làm mất đi hình ảnh ngôi Trường Luật cổ kính, với biết bao kỷ niệm buồn vui của nhiều thế hệ cựu sinh viên luật khoa chúng ta; Thay vào đó, một cơ sở trường ốc kiến trúc tân kỳ ngay trên nền xưa đường cũ, chưa kịp hoàn thành, thì chế độ Dân Chủ còn non trẻ ở Miền Nam đã sụp đổ, kéo theo bao hoài bão, ước mơ của các thế hệ sinh viên sau ngày độc lập, mong muốn có cơ hội đem kiến thức luật học hấp thụ được từ Trường Mẹ, góp phần kiến tạo

một chế độ Tự Do Dân Chủ đích thực cho Đất Nước và Dân Tộc Việt Nam yêu quý của chúng ta.

II/- CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH:

Sau ngày giành được độc lập , lãnh thổ chia cắt , Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn, lúc đầu vẫn giữ nguyên cơ cấu tổ chức và điều hành như đại học Luật khoa Ba Lê. Sau này có đôi chút thay đổi trong chương trình đào tạo khi một số Giáo Sư tốt nghiệp từ Hoa Kỳ về giảng dạy.

1/- Về trường sở và sĩ số sinh viên:

Sau khi Trung Tâm Hà Nội di chuyển vào Miền Nam đã sát nhập với Trung Tâm Sài Gòn thành Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn, có trường sở đặt tại số 17 đường Duy Tân Sài Gòn. Trường sở này nguyên là một trường Mẫu Giáo thời Pháp thuộc, được Bộ Quốc Gia Giáo Dục chính phủ Nam Triều thu hồi, cấp cho Phân Khoa Luật Hà Nội để mở một chi nhánh tại Sài Gòn vào năm 1946. Nay chính thức được dùng làm trường sở Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn.

Ngoài văn phòng Khoa Trưởng và phòng hành chánh , thư viện, lúc đầu trường chỉ vón vẹn có 4 giảng đường. Giảng đường lớn nhất chứa được khoảng 100 sinh viên. Mãi về sau này Trường mới được xây lại theo một kiến trúc tân kỳ có hai tầng lầu. Phòng hành chánh được đặt ở tầng trệt ngay phía cổng vào để tiện cho sinh viên ghi danh học. Một cầu thang lớn dẫn lên một phòng lớn lầu trên, dùng làm nơi sinh hoạt hay tổ chức các buổi lễ qui tụ đông đảo sinh viên. Kế liền phòng này vào phía trong là một toà nhà có hai lầu, sắp theo hình vuông vây quanh một sân nhỏ ở giữa. Một hành lang rộng, sinh viên có thể đi lại bốn xung quanh. Các phòng dưới đất dành làm giảng đường. Trên lầu kế cận với phòng sinh hoạt lớn vừa kể là phòng Khoa Trưởng và phòng Phụ Tá Khoa Trưởng ở phía trái,. Phòng ốc còn lại dùng làm lớp học. Thư viện được đưa lên lầu 2 và một số phòng ở tầng này được dùng làm lớp học. Một đại giảng đường đã được xây cất vào năm 1975 có sức chứa khoảng 300 sinh viên.

Về sĩ số sinh viên, vào khoảng cuối thập niên 1960 trở đi, sĩ số sinh viên ghi danh tăng nhanh. Năm 1970 đã có trên 13.000 ghi danh học bốn năm cử nhân luật. Vậy quả là con số sinh viên quá lớn so với khả năng trường ốc, với số phòng ít lại nhỏ hẹp, số giáo sư ít ỏi. Vì thế đã có thời gian phải mượn cả rạp Thống Nhất để giảng dạy cho sinh viên năm thứ 1&2. Sau khi quân đội Mỹ rút khỏi Việt Nam năm 1973, cơ sở bán hàng PX của Mỹ có sức chứa khoảng 1000, đã có lúc được dùng làm giảng đường cho sinh viên năm thứ 1&2 ban cử nhân.

2/-Tổ chức:

Trường là một định chế đơn lập, nhưng lại là một phân khoa của Viện Đại Học Sài Gòn. Vì vậy điểm quan trọng là Faculté được hưởng quy chế tự trị.

Trường Đại Học Luật khoa Sài Gòn được tổ chức và điều hành bởi một Hội Đồng Khoa (HĐK), với các Giáo Sư là thành viên, bầu ra Khoa Trưởng, Phụ Tá để điều hành công việc. Hội Đồng Khoa quyết định chính sách, chương trình giảng dạy, tự tuyển Giáo Sư mà không có sự can thiệp của Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Bên cạnh Hội Đồng Khoa là một Ban Hành Chánh do một Tổng Thư Ký điều hành.

Trường Đại Học Luật khoa Sài Gòn tổ chức theo mô thức của Đại Học Ba Lê, song có khác. Luật Khoa Sài Gòn có ba ban: Ban Công Pháp, Ban Tư Pháp và Ban Kinh Tế, còn Luật khoa Ba Lê thêm Ban pháp Chế Sứ với hai môn chính Droit Romain và Ansien Droit(Luật Pháp Quốc trước cuộc cách mạng 1789) .

-Ban công pháp(Droit public) gồm các môn Luật Hiến Pháp(Droit constitutional), luật hành chánh(Droit administratif) và luật công pháp quốc tế(Droit international public).

-Ban tư pháp(Droit privé) gồm các môn Dân Luật (Droit civil), Hình luật (Droit penal) luật thương mại(Droit commercial) và luật quốc tế tư pháp(Droit international privé)

-Ban kinh tế (Économie Politique) gồm các môn Phân Tích Kinh Tế (Analyse economique), Lịch Sử Các Học Thuyết(Histore Des Doctrines) và Địa Lý Kinh Tế Phát Triển (Geographie Économique Development).

Như vậy là Đại Học Luật khoa Sài Gòn chỉ có ba ban, còn Luật khoa Ba Lê của Pháp có bốn ban. Vì ĐHLKSG thấy không cần thiết phải có Ban Pháp Chế Sứ với các môn Luật La Mã và Cổ Luật Pháp. Tuy nhiên, có thêm môn Pháp Chế Sứ Việt Nam dạy ở năm thứ nhất, và đến giữa thập niên 1960, sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai phải học thêm môn Cồ Luật Việt Nam.

Về ban giảng huấn của ĐHLKSG từ ngày thành lập(1955) sau khi dành được độc lập từ tay thực dân Pháp, gồm các Giáo Sư sau đây:

-Ban Công Pháp: GS. Vũ Quốc Thông , Trưởng Ban và các Giáo Sư: Nguyễn Độ, Nguyễn Văn Bông, Lưu văn Bình, Lê Đình Chân(Người đầu tiên trình luận án Tiến Sĩ tại Việt nam sau ngày độc lập), Tăng Kim Đông, Trần Thị Hoài Trân, Nguyễn Xuân Lai, Nguyễn Văn Canh, Lê Quý Chi và Trần Như Tráng.

-Ban Tư Pháp: Giáo Sư Vũ Văn Mậu, Trưởng Ban và các Giáo Sư: Bùi Tường Chiêu, Lê Tài Triên, Nguyễn Tấn Thành, Nguyễn Huy Chiêu,, Trần Văn Liêm, Nguyễn Quang Quynh, Nguyễn Văn Thành, Vũ

Tâm Tư, Nghiêm Xuân Việt, Vũ Thị Việt Hương, Đặng Thị Tám và Hà Như Vinh.

-Ban Kinh Tế: Giáo Sư Vũ Quốc Thúc, Thạc Sĩ Kinh Tế là Trưởng Ban và các Giáo Sư: Nguyễn Cao Hách, Mai Văn Lễ, Phan Tấn Chức,Châu Tiên Khương, Trần Thiên Vọng, Hồ Thới Sang, Nguyễn Hải Bình, Vũ Quốc Thùy, Phạm Văn Thuyết, Nguyễn Văn Ngôn, Tôn Thất Trung Nghĩa, Bùi Tường Huân và Trịnh Đình Khải.

Ngoài ra nhà trường còn mời thêm một số vị Thẩm Phán, Chánh Án hay Luật Sư đến giảng dạy một số môn chuyên biệt, như Cựu Bộ Trưởng Tư Pháp Nguyễn Văn Lương dạy môn Phạm Tội Học, Cựu Bộ Trưởng Thông Tin Trần Chánh Thành dạy môn Thông Tin Báo Chí, Cựu Thẩm Phán Mai Văn An dạy môn Luật Hàng Hải, Cựu Chánh Nhất Toà Thượng Thẩm Sài Gòn Nguyễn Huy Đầu dạy môn Dân Sự Tố Tụng, Cựu Chánh Án Phòng Toà Thượng Thẩm Sài Gòn Nguyễn Văn Hảo dạy môn Hình Sự Tố Tụng,, Luật Sư Bùi Sơn Huy dạy môn Dân Sự Tố Tụng. Trường cũng mời một số Giáo Sư thuộc học viện Quốc Gia Hành Chánh đến giảng dạy, như GS Nguyễn Mạnh Hùng dạy môn Chính Sách Ngoại Giao Các Quốc Gia Đông Nam Á, GS. Tạ Văn Tài dạy môn Phương Pháp Khoa Học Xã Hội, GS. Nguyễn Quốc Trị dạy môn Hành Chánh Công Quyền. Một số Giáo Sư Pháp, Mỹ cũng được mời đến giảng dạy tại các Ban Cao Học Công Pháp và Tư Pháp.

III/- NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHẾ ĐỘ THI CỬ:

1/-Trường và phân khoa: (École & Faculté)

Thông thường nếu là một trường thì đó là một cơ sở giáo dục mang tính chuyên nghiệp, có mục đích huấn luyện sinh viên về một ngành nghề với một quy chế gò bó hơn và có tính thực hành, như Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, Trường Kiển Trúc, Trường Sư Phạm, Trường Kỹ Thuật Quốc Gia Phú Thọ. . . Những sinh viên các trường này, sau khi tốt nghiệp sẽ hành nghề theo mục đích đào tạo chuyên nghiệp của mỗi trường.

Trong khi đó, sinh viên thuộc một phân khoa đại học (Faculté) thì được hưởng quy chế tự do và hành nghề tự do. Chương trình giảng dạy của các phân khoa thường thiên nhiều về lý thuyết, cung cấp kiến thức tổng quát rộng rãi hơn và sinh viên phải học nhiều môn hơn. Do đó, phân khoa luật cũng vậy, tốt nghiệp Cử Nhân hay Tiến Sĩ Luật, sinh viên có thể dùng kiến thức phục vụ trong nhiều ngành nghề khác nhau, như Thẩm

Phán, Luật Sư, công chức hành chánh, ngoại giao, kinh tế, xã hội, quân sự, an ninh cảnh sát. . . Mặt khác, sinh viên phân khoa luật còn được chuẩn bị kiến thức căn bản cho việc nghiên cứu, tìm tòi để khám phá hay phát minh mới về bộ môn của mình. Do đó càng học lên cao, các phân khoa nói chung, phân khoa luật nói riêng, thường đặt nặng về phương pháp học, để giúp các sinh viên có thể tiếp tục học lên Ban Cao Học, với các công trình nghiên cứu chuẩn luận án Tiến Sĩ hay Thạc Sĩ như ngành luật của Pháp Quốc.

2/- Phân khoa và bằng cấp(*Faculté & Diplôme*)

Dưới thời Pháp thuộc, phân khoa luật Hà nội chỉ cấp đến văn bằng cao nhất là Cao Học Luật(*Diplôme D' etudes Supérieures De Droit* hay DES), còn bằng Tiến Sĩ thì do Đại Học Ba Lê cấp. Vậy là Tiến Sĩ Quốc Gia và ở Pháp còn có một loại văn bằng Tiến Sĩ giá trị thấp hơn gọi là Tiến Sĩ Đại Học hay Tiến Sĩ Đệ Tam Cấp. Các văn bằng Tiến Sĩ này có được thiết lập tại một số phân khoa khác của Đại Học Việt Nam trước năm 1975, như Văn Khoa, Khoa Học. . . Sau khi giành được độc lập, Đại Học Luật khoa Sài Gòn đã chỉ cấp phát văn bằng cao nhất là Tiến Sĩ Quốc Gia theo tiêu chuẩn của Đại Học Ba Lê.

3/- Chương trình học:

Trước năm 1967, học trình Ban Cử Nhân Luật là 3 năm, chưa phân ban, các sinh viên đều học như nhau, khi tốt nghiệp đều được cấp phát văn bằng Cử Nhân Luật. Nếu tiếp tục lên Cao Học, sinh viên mới chọn ban ngành: Công Pháp, Tư Pháp hay Kinh Tế.

Từ sau năm 1967, học trình Ban Cử Nhân Luật là 4 năm. Hai năm đầu chưa phân ban, sinh viên học chung cùng một chương trình, với các môn học như sau:

-Cử Nhân Năm Thứ Nhất, sinh viên phải học 7 môn: Dân luật(*Civil Law*), Luật Hiến Pháp (*Constitutional Law*), Kinh Tế Học (*Economics*), Công Pháp Quốc Tế (*International Public Law*), Pháp Chế Sử(*History of Law*), Danh từ kinh tế Anh Ngữ(*Economical Terminology In English*) và Danh Từ Pháp Lý(*Justdical Terminology*)

-Cử Nhân Năm Thứ Hai, sinh viên học 8 môn: Hình Luật (*Penal Law*), Dân Luật (*Civil Law*), Bang Giao Quốc Tế(*International Relations*), Kinh Tế Học (*Economics*) Tài Chánh Công (*Finances*), Luật Hành Chánh (*Administrational Law*), Danh Từ Kinh Tế (*Economical Terminology In English*) và Luật Đối Chiếu(*Comparative Law In French*).

Bắt đầu từ năm thứ ba trở đi, sinh viên sẽ ghi danh học theo ngành mình chọn, với các môn học chung và chuyên biệt, như Ban Kinh Tế sẽ học thêm các môn Thống Kê (*Stagistic*), Kinh Toán Học(*Econometric*).

Sau 4 năm tốt nghiệp, sinh viên được cấp văn bằng Cử Nhân Luật ban công pháp, tư pháp hay kinh tế. Sau khi tốt nghiệp Cử Nhân, sinh viên có thể ghi danh tiếp tục học Ban Cao Học Luật hai năm theo ngành của mình, để đủ điều kiện trình luận án thi lấy bằng Tiến Sĩ Luật.

Nội dung tổng quát chương trình học của Ban Cử Nhân Luật có hai phần: Phần kiến thức ngoài luật học, như kinh tế học(Sinh viên phải học ít nhất 3 năm kinh tế), bang giao quốc tế, tổ chức quốc tế, học thuyết chính trị, đoàn thể áp lực, thông tin báo chí, tội phạm học, xã hội học và luật đối chiếu. Phần thuần túy luật học, như dân luật(Gồm ba phần chia làm ba năm: luật gia đình, khế ước & nghĩa vụ, tài sản), luật dân sự tố tụng, hình luật, hình sự tố tụng, luật thương mại, luật hiến pháp, công pháp quốc tế, quốc tế tư pháp, luật hành chánh, tổ tụng hành chánh, các luật bảo hiểm, lao động, hàng hải, hàng không và luật an sinh xã hội. . .

Nội dung chương trình Ban Cao Học Luật được chia làm hai cấp: Cấp I và Cấp II.(*DES.I & DES II*). Sinh viên sẽ phải học một số môn chính đã học ở ban cử nhân, với tính cách như ôn lại những gì đã học rồi thâm cứu. Mỗi ban(công pháp, tư pháp , kinh tế) gồm 5 môn. Chẳng hạn ban cao học công pháp, cao học I: Sinh viên phải học luật hành chánh, luật hiến pháp, quốc tế công pháp, dân luật và luật đối chiếu(Hệ thống của Pháp). Qua cao học I, bước lên cao học II, sinh viên phải học các môn: Học thuyết chính trị, hành chánh công quyền, các tổ chức quốc tế, các vấn đề chính trị quốc tế đương thời, và luật đối chiếu(Hệ thống của Anh).

Tựu chung chương trình đào tạo của Đại Học Luật Khoa Sài Gòn chú trọng vào mục tiêu huấn luyện cho sinh viên về phương pháp giải thích luật pháp. Giáo sư thường đưa ra nguyên tắc, giải thích nguyên tắc ấy bằng sự biện luận lý thuyết và dựa vào các án lệ ứng dụng. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có được một kiến thức tổng quát vững vàng, nhờ đó có thể ứng phó với mọi hoàn cảnh hay trong phạm vi nghề nghiệp của mình.

4/- Chế độ thi cử:

Thông thường Đại Học Luật Khoa Sài Gòn mỗi năm có hai kỳ thi tháng 6 và tháng 9 cho các sinh viên ban cử nhân. Thí sinh phải thi viết 2 môn trong 7 môn chính, 5 môn còn lại thi vấn đáp.. trước ngày thi, thí sinh đến trường dự cuộc rút thăm hai môn thi viết. Trong những năm cuối tập niên 1950 và đầu thập niên 1960, sinh viên chỉ rút thăm một môn, còn môn dân luật thi bắt buộc cho cả ba năm nên không rút thăm. Giáo sư phụ trách môn giảng dạy ra đề thi bỏ trong một phong bì kín. Vào ngày thi, giáo sư đem đề thi đến phòng Khoa Trường đánh máy và quay ronéo.

Giáo sư Khoa Trường phân phát đề thi cho các giáo sư phụ trách đem đến phòng thi để đọc cho các thí sinh cùng một lượt. Thời gian thi viết là 3 giờ cho mỗi môn.

Để bảo mật và sự công bằng, các bài thi của các thí sinh sau khi nộp đều được giám thị phòng thi ghi số mật mã trên phần lý lịch thí sinh và phần bài viết trước khi rọc phách, bỏ vào một phong bì ghi rõ số phòng, trung tâm và niêm lại. Bài sau khi giám khảo chấm xong sẽ được rập phách lại để biết kết quả thí sinh có qua được các môn thi viết để vào vấn đáp hay không. Những thí sinh đạt 10/20 điểm trở lên hai bài thi viết sẽ được vào thi vấn đáp. Kết quả này thường được niêm yết sau ngày thi viết 1 tháng. Thí sinh được vào vấn đáp sẽ phải thi vấn đáp tất cả các môn còn lại.

Bắt đầu từ năm 1967, ban cử nhân luật năm thứ nhất học 7 môn, năm thứ hai học 8 môn, năm thứ ba tùy theo ngành, cũng khoảng 10 môn, năm thứ tư 13 môn. Thí sinh phải đạt điểm trung bình mỗi môn là 10/20 mới được coi là trúng tuyển. Nếu có một môn bị điểm loại (4/20) thí sinh coi như rớt dù điểm trung bình có vượt quá điểm đậu là 10/20. Về sau có ân giảm về điểm loại cho các môn vấn đáp ban cử nhân. Sinh viên có thể được bù điểm giữa các môn. Trong niên học, sinh viên bị rớt thi vấn đáp kỳ I, sẽ được thi lại vấn đáp kỳ I I mà không phải thi viết lại. Nếu rớt vấn đáp cả hai kỳ, năm sau thí sinh phải thi lại từ đầu. Riêng năm thứ tư là năm cuối ban cử nhân, sinh viên phải học 13 môn, chia làm 2 vấn đáp 1 và 2. Thí sinh chỉ được bù điểm giữa các môn trong cùng một vấn đáp. Ngoài ra, nếu trong kỳ thi thứ hai của năm học, thí sinh chỉ đậu một trong hai vấn đáp, năm sau được ân huệ chỉ thi lại những môn thuộc vấn đáp đã rớt, nhưng chỉ được thi lại một kỳ, nếu rớt sẽ phải thi lại từ đầu. các môn thi còn lại có cao đến đâu.

Đối với thi cử của ban cao học, thí sinh phải thi viết môn học chính của ngành đã chọn (Công pháp, tư pháp hay kinh tế). Thời gian thi viết là 5 giờ. Vào vấn đáp thí sinh phải trả lời những câu hỏi liên quan đến phần tổng quát cũng như thâm cứu. Ngoài ra thí sinh còn phải nộp hai bài luận văn (Tiểu luận) trong mỗi cấp (Cao học I và cao học II). Đồng thời thí sinh còn phải đưa ra những luận cứ trước giáo sư chủ khảo để bảo vệ các luận điểm trong bài luận văn ấy.

Sau khi đã đậu hai cấp bằng Cao Học Luật, thí sinh có thể thỉnh xin một giáo sư bảo trợ cho một luận án lấy bằng tiến sĩ. Thường thì phải mất 4 năm hay lâu hơn mới hoàn tất một luận án tiến sĩ, dưới sự hướng dẫn và giám sát của một vị giáo sư bảo trợ, mà sau này cũng là chánh chủ khảo. Giáo sư bảo trợ thường là một người biết rõ ứng viên về năng lực, kiến thức cũng như một vài yếu tố khác như nghiên cứu, suu tầm có sáng tạo, có phương pháp khoa học. Một khi được chấp thuận đề tài, ứng viên phải đệ trình giáo sư bảo trợ, để

án với đầy đủ dàn bài, viết từng chương với đầy đủ chứng liệu tham khảo, phương pháp suu tầm nghiên cứu. Giáo sư bảo trợ sau khi xem xét sẽ gửi luận án trở lại, kèm theo những lời phê yêu cầu ứng viên sửa chữa hay biện luận thêm để bảo vệ quan điểm của mình. Sau khi thấy ứng viên hoàn tất công việc và nếu xứng đáng giáo sư bảo trợ sẽ ấn định ngày Lễ Đề Xuất và yêu cầu Khoa Trường cử hai giáo sư phụ khảo để xem trước luận án rồi mới quyết định tham dự việc chấm thi. Chánh chủ khảo và hai vị phụ khảo hợp thành Hội Đồng Giám Khảo Cuối cùng trong một buổi lễ đề xuất long trọng, thí sinh phải bảo vệ các luận điểm trong luận án trước ba vị giáo sư: một chánh chủ khảo và hai phụ khảo sát hạch. Sau đó, Hội Đồng Giám Khảo họp kín, thảo luận và bỏ phiếu quyết định về luận án theo đa số. Như vậy, được trình luận án không hẳn là sinh viên ứng viên đương nhiên trở thành Tiến Sĩ Luật.

Về thi lấy văn bằng Thạc Sĩ, Luật Khoa Sài Gòn chưa cấp phát văn bằng nào cho sinh viên. Nhưng một số giáo sư của trường đã tốt nghiệp văn bằng Thạc Sĩ từ Đại Học Ba Lê Pháp Quốc. Đó là quý Giáo Sư: Nguyễn Quốc Định, Thạc Sĩ Công Pháp năm 1948, đã ở lại Pháp dạy học. GS Vũ Quốc Thúc, Thạc Sĩ Kinh Tế năm 1952. GS Vũ Văn Mẫu, Thạc Sĩ Tư Pháp năm 1953. GS Nguyễn Cao Hách, Thạc Sĩ Kinh Tế năm 1956. GS Nguyễn Văn Bông, Thạc Sĩ Công Pháp năm 1962 (Nguyên Viện Trưởng Quốc Gia Hành Chánh). GS Vũ Quốc Thông, hàm Thạc Sĩ (Agregatif).

Thạc sĩ là cấp bằng để dạy học. Người Pháp định nghĩa AREGATION là kỳ thi tuyển chọn các giáo sư dạy đại học (Concours de reerutement de professeur d'enseignement superieur). Khi nói đến kỳ thi tuyển chọn, người ta hiểu rằng số chỗ dành cho các kỳ thi đó đã được ấn định trước. Do đó số người thi đậu trong các kỳ thi tuyển này phải có số điểm cao nhất trong danh sách tương ứng với số chỗ đã ấn định để được tuyển chọn. Thành ra, những thí sinh kể đó dù khả năng có thực sự giỏi đến đâu, vẫn bị loại. Đây là những điều kiện để được thi tuyển lấy bằng Thạc Sĩ: Một là phải đã có văn bằng Tiến Sĩ; hai là phải đệ trình nhiều công trình khảo cứu có giá trị đã xuất bản; ba là phải có kinh nghiệm giảng dạy đại học ít nhất 2 năm; bốn là phải trải qua một kỳ thi viết kéo dài 7 giờ đồng hồ; năm là sau khi đậu kỳ thi viết, ứng viên phải dự kỳ thi vấn đáp dưới hình thức thuyết trình trước Ban Giám Khảo bốn kỳ liên tiếp. Mỗi kỳ phải đến trường thi gặp chủ khảo nhận đề tài và sau 24 giờ trở lại trình bày đề tài trong 1 giờ đồng hồ, không được nhìn xuống giấy quá 3 lần trong suốt thời gian thuyết trình. Sáu là ứng viên nào đậu kỳ thi viết mà bị loại sau bài thuyết trình đầu tiên thì được gọi là Admissible à l' Argrégation hay Agrégatif (Như GS Vũ Quốc Thông, hàm Thạc Sĩ là vậy). Người nào bị loại sau hai hay ba bài thuyết

trình kế tiếp, cũng được đầu dự khuyết, được xếp cuối danh sách, cũng khó được tuyển dụng. Sau cùng, ứng viên vượt qua tất cả bốn bài thuyết trình vấn đáp, được gọi là Agrége De Droit(Thạc Sĩ).

Thi cử ở Đại Học Luật Khoa Sài Gòn trước năm 1975 rất khắt khe. Thời kỳ đầu, mỗi cuối niên học, sinh viên phải trải qua các kỳ thi trắc nghiệm sự hiểu biết về tất cả các môn học trong một kỳ thi duy nhất và phải đạt điểm trung bình 10/20 mới được chấm đậu. Sau này có sự cải tổ nên đã có hai kỳ thi mỗi năm học và chế độ thi cử bớt khắt khe hơn, song vẫn bảo đảm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp có được một vốn kiến thức luật học căn bản vận dụng vào các lãnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời thúc đẩy cho sinh viên muốn giỏi và cầu tiến phải nỗ lực học tập thực sự. Những con số cụ thể về kết quả tốt nghiệp năm học cuối cùng của ĐHLK Sài Gòn có thể ghi nhận: năm 1970 số sinh viên ghi danh học năm thứ nhất Ban Cử Nhân là 13.000 sinh viên, bốn năm sau(1974) số sinh viên tốt nghiệp cả hai khoa là 715. Sĩ số sinh viên Ban Cao Học I đã ít, lên đến Cao Học I I thì chỉ đếm trên đầu ngón tay. Vì thế suốt thời gian 20 năm giáo dục đào tạo(1955-1975), Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn, chỉ đào tạo được một số ít ỏi Tiến Sĩ, nhiều năm học không có một văn bằng Tiến Sĩ nào được cấp phát. Có thể kể một số Giáo Sư đậu bằng Tiến Sĩ Luật Quốc Gia từ Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn như GS Nguyễn Văn Canh, Tiến Sĩ Công Pháp, GS Vũ Thị Việt Hương, Tiến Sĩ Tư Pháp, GS Nguyễn Văn Thành, Tiến Sĩ Tư Pháp, GS. Vũ Quốc Thùy, Tiến Sĩ Công Pháp(?).

...

Bài này viết theo tài liệu của Giáo Sư Nguyễn Văn Canh, Tiến Sĩ Công Pháp, nguyên Phụ Tá Khoa Trưởng (1973-1975). Xin chân thành cảm ơn Giáo Sư Nguyễn Văn Canh đã bỏ nhiều công sức tâm để có một tài liệu khá đầy đủ và trung thực về lịch sử Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn, để lại cho các thế hệ mai sau. Chúng tôi hy vọng Câu Lạc Bộ Luật khoa Việt nam khi có điều kiện sẽ phổ biến toàn bộ tài liệu này đến các cựu sinh viên Luật Khoa khắp nơi qua các phương tiện truyền thông.

Houston, ngày 4 tháng 11 năm 2002

CSVLK Nguyễn Văn Cung

CSVLK Nguyễn Văn Thắng (Thiện Ý)

** Các sinh viên tốt nghiệp Cử nhân Luật năm 1951 chụp hình lưu niệm với các Giáo sư Việt Pháp.*

** Hàng đầu: Ba vị ngồi giữa mặc áo đen bên cạnh một Giáo sư người Pháp là Gs. Vũ Quốc Thúc, Gs. Vũ Văn Mẫu và Gs. Vũ Quốc Thông...*



- Sinh viên chụp hình lưu niệm với Giáo sư Vũ Quốc Thông và Gs. Bùi Tường Chiêu tại sân trước Trường Luật*



BÓNG THỜI GIAN* *

*** * * * ***

HÌNH ẢNH CÁC GIÁO SƯ ĐẠI HỌC LUẬT KHOA SÀI GÒN NGÀY XƯA



H.1: Hàng đầu (từ phải sang trái): cố GS Nguyễn huy Chiêu, GS Vũ quốc Thúc, GS Nguyễn cao Hách.**Hàng 2:** Cố GS Lưu văn Bình, GS Hà như Vinh, GS Nguyễn văn Canh.**Hàng 3:** cố GS Tôn thất Trung Nghĩa (sau GS Bình); GS Nguyễn xuân Lại (sau GS Hà như Vinh); GS Vũ quốc Thùy (sau GS Nguyễn văn Canh)

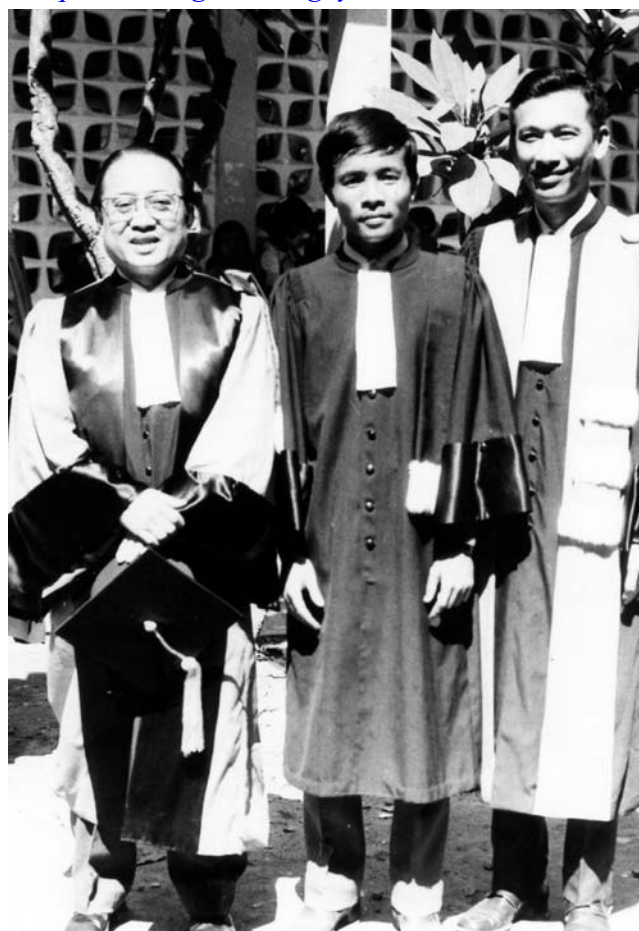


H.2.-Hàng đầu (từ phải sang trái) GS Nguyễn cao Hách, cố GS Bùi tường Chiêu **Hàng 2:** GS Hà như Vinh, GS Nguyễn văn Canh, cố GS Trịnh xuân Ngạn **Hàng 3:** GS Vũ quốc Thùy (sau GS Nguyễn văn Canh), GS Vũ Thị việt Hương (?) **Hàng 4:** GS Nguyễn xuân Lại (Sau cố GS Trịnh xuân Ngạn)



H. 3 Từ trái sang phải : cố GS Bùi tường Chiêu, Sinh viên tốt nghiệp Nguyễn thị Minh Nguyệt, GS Nguyễn văn Canh

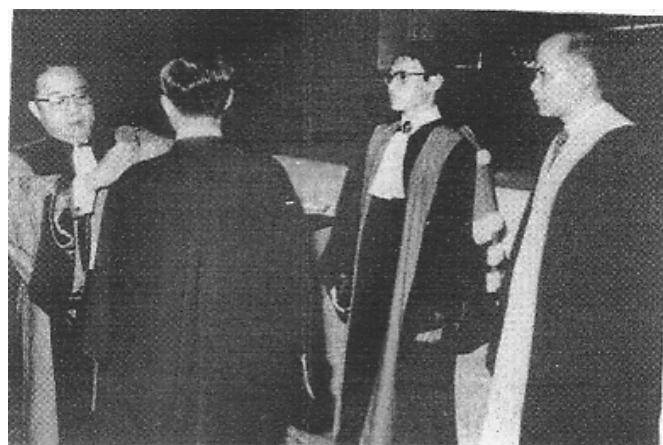
H. 4: Từ trái sang phải: , cố GS. Khoa trưởng Vũ quốc Thông, GS Nguyễn văn Canh, Sinh viên



tốt nghiệp Vũ Chương

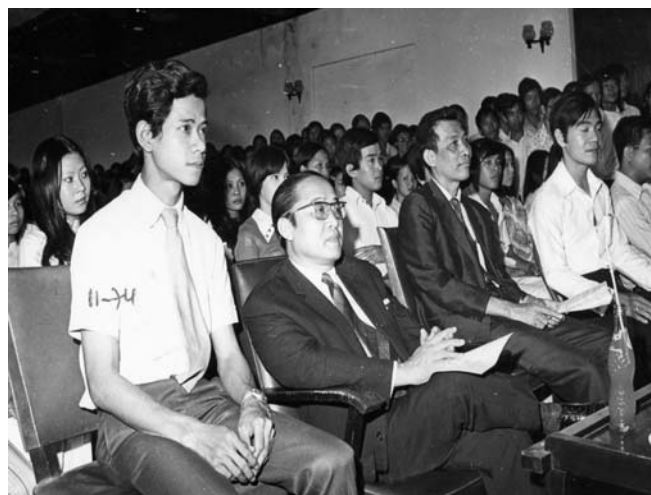


5:GS Nguyễn văn Canh, nguyên Phụ tá Khoa Trưởng Luật khoa Đại học Đường Sài Gòn



Hình 7&8: Các giáo sư Vũ Quốc Thông, Tạ Văn Tài và.... trong hội đồng Giám khảo trong một kỳ trình luận án Tiến Sĩ tại Trường Luật Sài Gòn

*Gs. Khoa Trưởng Nguyễn Độ đội mũ cho tân Tiến sĩ Lê Đình Chi (4-11-1971) Và Thạc sĩ Nguyễn Văn Bông bắt tay chúc mừng Tân Tiến sĩ Lê Đình Chi. (Hình dưới)



H. 6 Đêm sinh hoạt văn nghệ tại Giảng Đường,, mới xây xong (tháng 11, 1974 Hàng đầu có GS Vũ quốc Thông, Khoa Trưởng, GS Nguyễn văn Canh, Phụ tá à đại diện sinh viên (Các hình từ số 1 đến số 6 của Gs. Nguyễn Văn Canh)

BÓNG THỜI GIAN* *

* * * * *

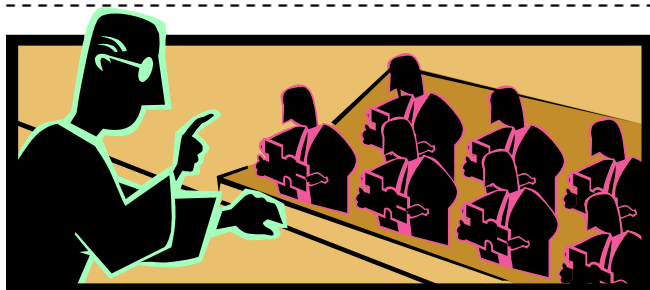
**HÌNH ẢNH CÁC CỰU SINH VIÊN
TRONG LUẬT KHOA SÀI GÒN
NGÀY XƯA.**



Hình 10: CSVLK Tạ Văn Tài (gãì cổ) và nhóm bạn cùng lớp tại sân Trường Luật, sau khi tốt nghiệp Tiến Sĩ ở Mỹ trở về làm Giáo sư Trường Luật.



Hình 11: Hình lưu niệm của các cựu sinh viên niên học 1961-1962, chế độ 3 năm Ban Cử Nhân



NIÊN - KHÓA 66 - 67

Hình 12: Hình lưu niệm của các Giáo sư và các cựu sinh viên niên học 1966-1967, chế độ 4 năm đầu tiên Ban Cử Nhân.

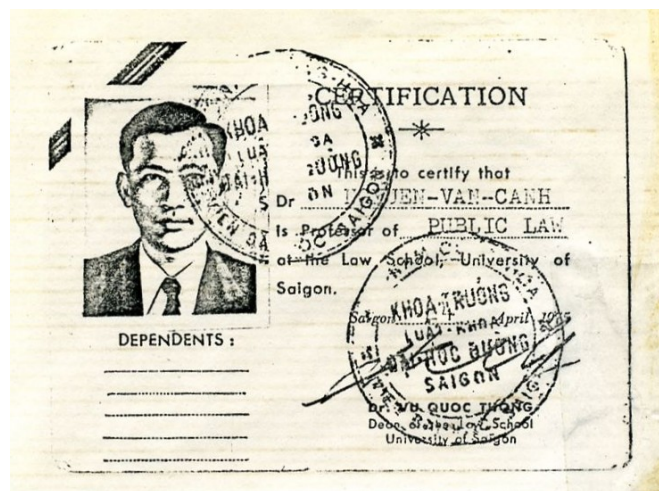


1. Gs Bùi Tường Chiêu (2) Gs Vũ Quốc Thông
(3) Gs Nguyễn Cao Hách, (4) Gs Trịnh Đình Khải
(5) Gs Trần Thiên Vọng

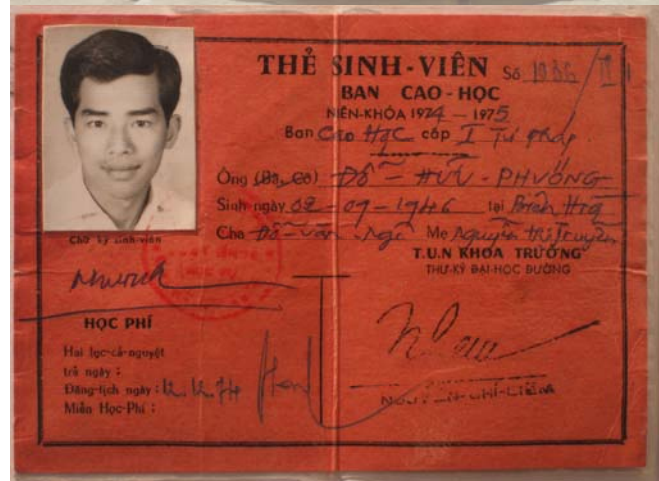
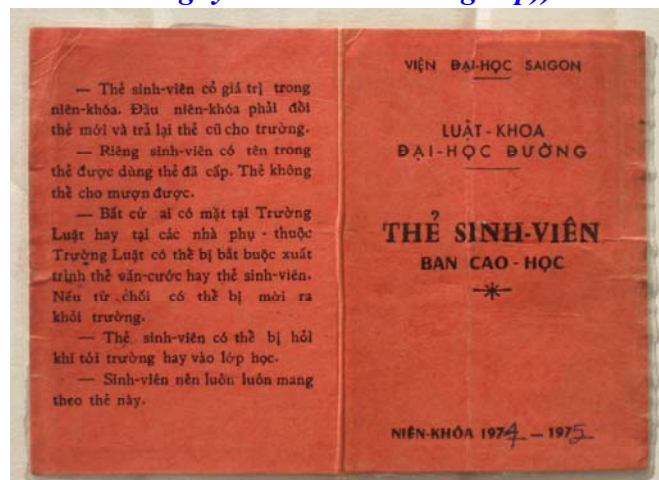
* Hình lưu niệm giữa các Giáo sư và sinh viên Luật Khoa Sài Gòn. Trong hình chúng ta thấy có các Giáo sư Bùi Tường Chiêu, Vũ Quốc Thông, Nguyễn Cao Hách, Trịnh Đình Khải và Trần Thiên Vọng.

TU LIỆU * * * * *

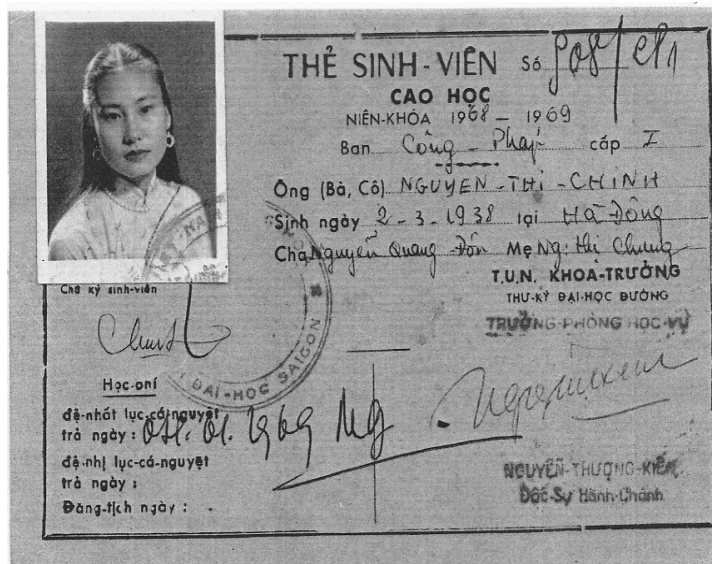
* * * * *



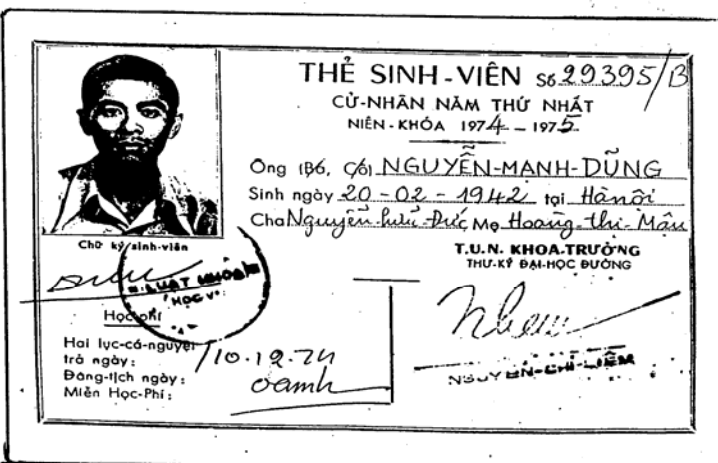
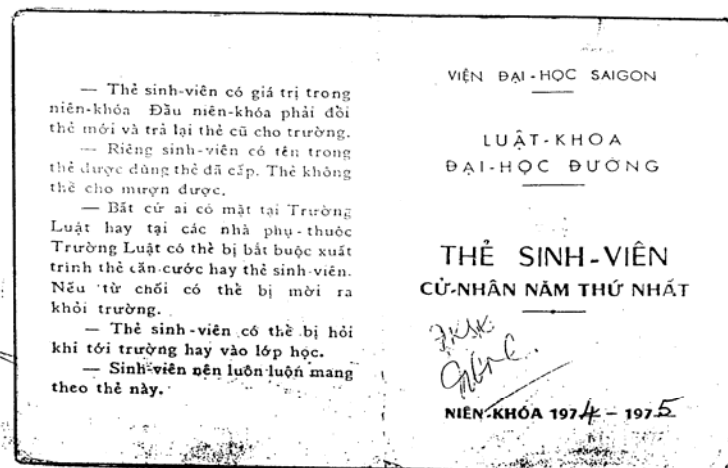
Một Chứng chỉ Giáo sư (Hình chụp sau 1975 do Gs Nguyễn Văn Canh cung cấp))



*** Một Thẻ Sinh Viên Ban Cao Học Luật niên khóa (1974-1975) do CSVLK Đỗ Hữu Phương cung cấp**



*** Thẻ Sinh Viên Ban Cao Học của CSVLK Nguyễn Thị Chính niên học 1968 - 1969**

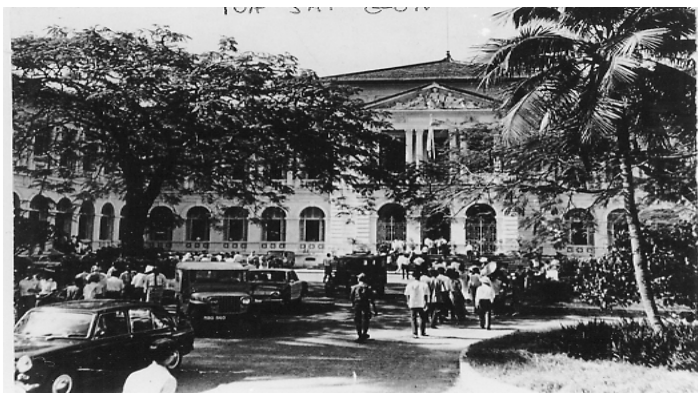


*** Thẻ Sinh Viên Ban Cử Nhân Luật niên khóa 1974-1975 csvlk Nguyễn Mạnh Dũng cung cấp.**

BÓNG THỜI GIAN* *

* * * * *

HÌNH ẢNH SỰ NGHIỆP CÁC CỰU SINH VIÊN XUẤT THÂN TỪ LUẬT KHOA SÀI GÒN XƯA VÀ NAY



* Các luật sư họp trong phòng Luật sư đoàn Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn để hỗ trợ ngày Công lý và Báo chí thọ nạn (1-11-1974). Hình trên cùng là Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn trên đường Công Lý



* Các luật sư trước Tòa Sài Gòn để hỗ trợ cho ngày Công Lý và Báo Chí thọ nạn. Trong hình này có Ls. Ý (đứng góc trái), Ls. Nguyễn Văn Chúc (đứng góc phải cầm giấy, trước mặt là Ls. Bùi Chánh Thời đứng cầm giấy), Ls. Tân (trước mặt nhìn ngang), Ls. Nguyễn Thị Chính đứng trên cao sau

lưng Ls. Hồ Tri Châu, cựu Thủ Lãnh Luật sư Đoàn Sài Gòn (Chỉ thấy nửa mặt đeo kính). Hình dưới: Ls. Chính mặc áo dài đứng giữa (1974)

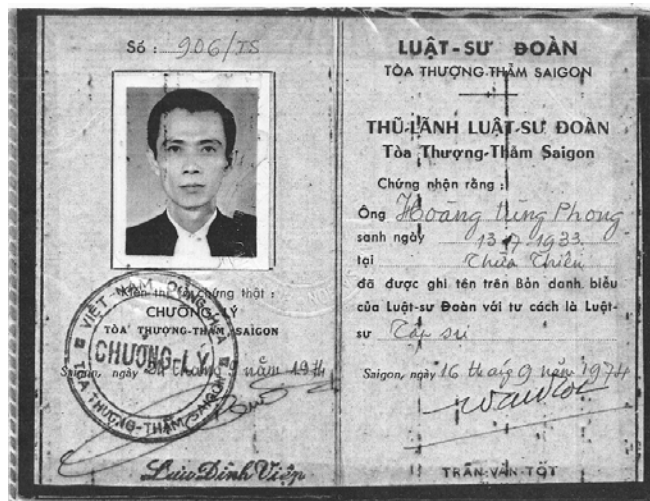


*Ls. Nguyễn Thị Chính ngày xưa.....



*Sau khi cải tại Tòa Mỹ Tho, Ls. Chính ra chợ Mỹ Tho gặp chị em buôn gánh bán bưng...để thăm dân cho biết sự tình?

*** Ls. Hoàng Tùng Phong, Phu quân của Ls. Chính**
lúc còn tập sự luật sư, thực tế đã là luật sư thực thụ từ lâu rồi



*** ... và nay gặp lại "Quý đồng nghiệp" Luật sư: Cẩm, Lương, Thục Lan, Kiều Thanh và Chính,**



***Gặp lại "Đồng nghiệp bậc Thầy": Ls. Võ Văn Quan (Bìa phải), thân mẫu và IS. Chính (Ngồi giữa) và Bà Dương Quế Lan, Phu nhân cố Ls. Phan Tự Trọng.**



*** Với các Phu quân ngồi sát bên...Trong cuộc họp mặt bỏ túi tại nhà Kiều Thanh ở California năm 2009.**



*** Trong cuộc họp mặt này còn có Ls Nguyễn Mai (bìa phải) và Ls. Thúy Nga (bìa trái)**



*** Và bây giờ Ls. Chính (đứng khoanh tay góc trái) là một ... "Mâm gà" trong Ban Văn Nghệ Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam, sẽ trình diễn trong ngày Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn Toàn Cầu vào ngày 3 tháng 4 năm 2010..**





***Ls. Nguyễn Tiến Đạt ngày xưa:** Ls. Nguyễn Văn Quý ngày xưa, với các đồng nghiệp: Ls. Lý Quốc Sinh, Ls. Trần Tân Thái (ngồi), Ls. Nguyễn Tiến Đạt (đứng) dự Tân Niên 1970 tại Luật sư Đoàn Sài Gòn.



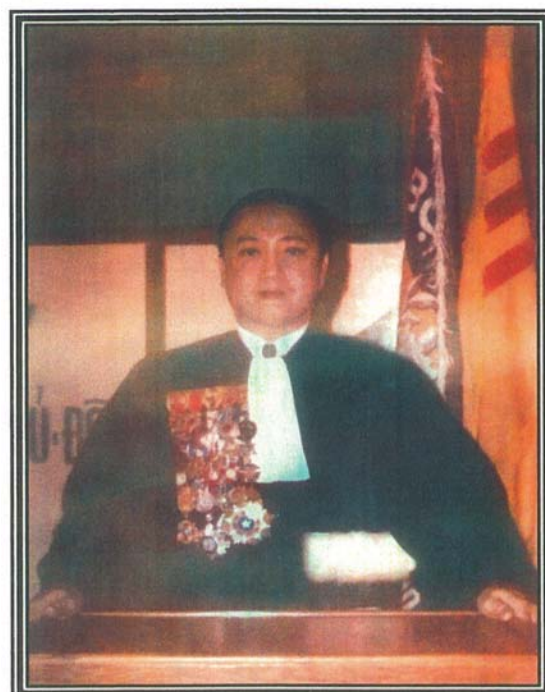
***Ls. Nguyễn Tiến Đạt sau này qua Montreal, Canada** gặp lại Quý đồng nghiệp năm 1995: (từ trái sang phải): Ls. Trần Nguyên Phu, Ls. Vũ Ngọc Truy, Ls. Lê Văn Mão và Ls. Nguyễn Tiến Đạt.



***Và bây giờ mời anh em đồng môn đến nhà để bàn các tiết mục chính yếu cho chương trình văn nghệ chủ đề "Hòa niệm Tri Ân" trình diễn trong ngày Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn Toàn Cầu vào ngày 3 tháng 4 năm 2010..**



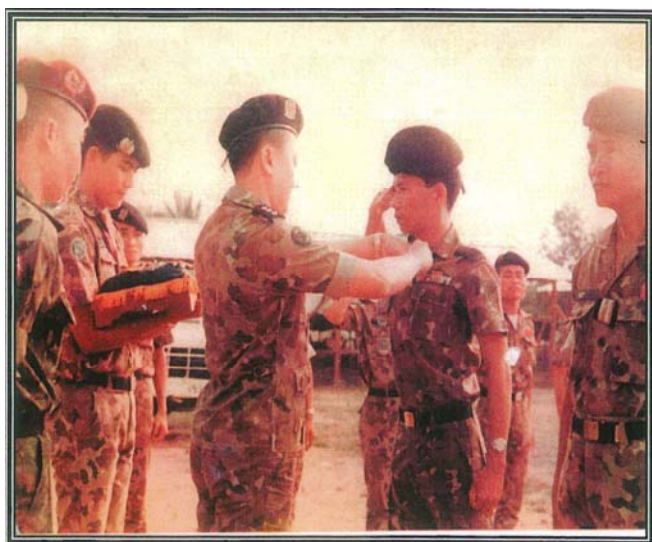
***TỪ CSVLK TRANG SĨ TÂN TẠI TRƯỜNG LUẬT SAIGÒN**



*** ĐẾN THẨM PHÁN TRANG SĨ TÂN TẠI TÒA VẢ:**

- Thứ trưởng Bộ Nội Vụ
- Thiếu Tướng Tư Lệnh CSQG Thủ đô Sài Gòn
-

TRONG CHÍNH PHỦ QUỐC GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA



***CSVLK NGUYỄN SĨ THỤY XUẤT THÂN TỪ TRƯỜNG LUẬT SÀI GÒN**

*** Đền luật sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn**



*** Hiện nay:**

. Chaiman of Board Directors and President Northside Hospital, Houston, Texas USA



* CSVLK Thẩm phán Trang Sĩ Tấn phát biểu cảm tưởng trong Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston, Texas, Hoa Kỳ.(12-3-2009)

*** Luật Sư Nguyễn Sĩthụy trước Văn Phòng Luật Sư, đường Trương Công Định, Sài Gòn.**



Chị Châu (bìa trái), ngồi nghiêng mặt bên phải Ls Chính (giữa) là CSVLK tốt nghiệp cử nhân cuối cùng (1974)

*** Các đồng nghiệp tập sự luật sư cùng khóa (1972 – 1974) Hàng đầu từ trái sang phải: LS Tập Sự Hoàng Thị Thân, Lại Thị Yên, Nguyễn Sĩthụy, Nguyễn Thị Mộng Châu, Nguyễn Hoàn, Nguyễn Thị Hiền**
Hàng sau từ trái sang phải: LS Tập Sự Lê văn Lưu, Nguyễn Ngọc Hải, Đinh Khắc Tín, Đỗ Văn Võ, Đoàn Khắc Xuyên.





* **Hợp Mặt:** tiệc mừng mãn khóa Cử Nhân 4 năm 1971. Bà Nguyễn Sĩthụy đứng giữa và cô Nghệ Sĩ Thanh Nga, đứng trước Phu Quân Đồng Lân



* Hình chụp Bà Luật Sư Nguyễn Sĩthụy cùng phu quân Kỹ Sư Nguyễn Thanh Bình tại tư thất. Hai Ông Ba đều là nhân viên của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ. Bà Nguyễn Sĩthụy hiện là Chuyên Viên về Ngành Contract của U.S. Department Of Defense.



* LUẬT SƯ NGUYỄN MAI NGÀY XƯA



*Ls. Nguyễn Mai tại một phòng xử án Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn (1969)



* Ls. Nguyễn Mai, Trưởng Ban Tiếp Tân trong cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2000 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn tại Houston, Texas và CSVLK Nguyễn Văn Tâm, Phụ tá Trưởng BTC đã hướng dẫn Gs. Nguyễn Cao Hách & Phu nhân đi thăm Trung Tâm Không Gian NASA.

* Từ trái sang phải: Giáo sư THU, Bà Nguyễn Cao Hách, Anh Nguyễn Văn Tâm (Luật Khoa), Nguyễn Mai, Gs Nguyễn Cao Hách, Nguyễn Sơn (NASA Engineer, con trai Ls. Mai)



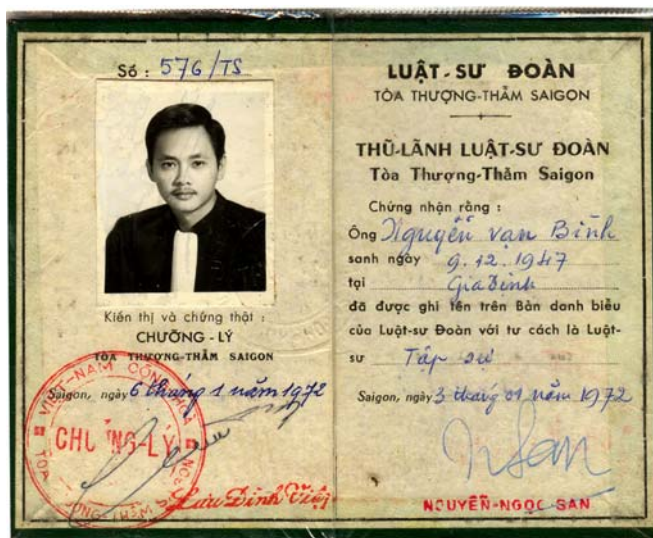
*Và bây giờ là Phó Ban Tiếp Tân cho cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 Cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn Toàn Cầu....



*Luật sư Nguyễn Bình ngày xưa....



- Luật sư Nguyễn Văn Thắng ngày xưa, (1972 - 1975). Tập sự văn phòng luật sư Phạm Mạnh Khôi (1972) - văn phòng các luật sư Lý Quốc Sinh, Trần Tân Thái & Mai Văn Đại (1973-1975)



*Và nay là Chủ Bút báo Ý Dân ở San Jose, California
* Ls. Nguyễn Bình & Phu nhân trong một dạ tiệc.



*Tại văn phòng số 36 Phạm Hồng Thái Quận Nhì, Sài Gòn.

PHẦN III THAM LUẬN & BIÊN KHẢO



EARN A LAW DEGREE IN YOUR SPARE TIME AND QUALIFY FOR THE BAR EXAM



HOA KỲ LÀ XỨ SỞ CỦA LUẬT PHÁP TƯƠNG LAI TRONG TAY BẠN

Hãy ghi tên học luật tại trường Đại học Luật khoa:

UNIVERSITY OF SILICON VALLEY LAW SCHOOL SAN JOSE, CALIFORNIA *(Law School for Working Adults)*

170 Rose Orchard Way, Suite #200 San Jose
(Near Hwy's 101, 880 & 237 in North San Jose, CA.)

Bạn đã tốt nghiệp đại học (cử nhân mọi ngành) và đang đi làm?

Đây là cơ hội thuận tiện cho quý bạn đang làm ban ngày. Lớp học vào buổi chiều, mỗi tuần chỉ học 3 buổi từ 6:30pm đến 9:30pm.

Học phí hạ nhất so với các trường luật khác ở vùng Silicon Valley.

Chỉ sau 4 năm học, các bạn sẽ có văn bằng Tiến Sĩ Luật Khoa (Juris Doctor) và có thể trở thành:

- Luật sư, thẩm phán, cố vấn luật pháp hoặc chuyên viên luật ở mọi ngành nghề.

Có bằng luật học trong tay, bạn sẽ tự giúp mình rất nhiều trong công việc làm ăn hàng ngày.

Muốn biết thêm chi tiết, xin quý bạn liên lạc với chúng tôi:

TRẦN MINH LỢI, LL.B., J.D.

Assistant Dean of Students

(Nguyên Luật Sư tập sự Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn)

(408) 580-7586

Email: tran.minh.loi@usvlaw.com

Website: www.usvlaw.com

THAM LUẬN VỀ:

HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

CỦA QUỐC VŨ THÙY NHÂN



*******LTS.** Bài nhân định này của Giáo sư Vũ Quốc Thùy, nguyên Giáo sư Đại học Luật khoa Sài Gòn, là **Thu Nam** của Cố Giáo sư Vũ Quốc Thông. Giáo sư Vũ Quốc Thùy (**hiện**) cùng gia đình sinh sống tại Tiểu bang Washington State và hiện đang giảng dạy về Kinh Tế và Quản Trị tại Đại Học Washington và Evergreen của tiểu bang. Giáo sư và Phu nhân đã nhận lời mời của Ban Tổ chức tham dự Hội Ngộ Mùa Xuân 2010 Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn tổ chức tại Houston, Texas, Hoa Kỳ từ ngày 2 đến 4 tháng 4 năm 2010.

Đúng với danh xưng Hợp Chung Quốc, xứ Hoa Kỳ là một quốc gia hình thành do sự kết hợp của nhiều sắc dân trên thế giới mà trong đó có tập thể gốc Việt chúng ta. Theo các tài liệu về nhân chủng học, 32.000 năm trước sắc dân đầu tiên đến định cư ở vùng Bắc Mỹ thuộc dân gốc Mông Cổ, khi vùng đất của Alaska còn dính liền với Châu Á. (Việc gọi sắc tộc này là Da Đỏ hay người Ấn (Indian) là một sự sai lầm của người Tây Phương khi mới khám phá ra Mỹ Châu). Tiếp sau đó là các sắc dân khác bắt đầu tới lập nghiệp tại Hoa Kỳ, khởi đầu là dân gốc Anh vào thế kỷ thứ 17, rồi tới Pháp, Ý, Bồ Đào Nha, Ái Nhĩ Lan, Bắc Âu, Phi Châu, Do Thái, Nhật, Trung Hoa, Mễ, Phi... và mới đây là các sắc dân gốc Việt, Đại Hàn, Cam Bốt, Lào, Mường, Trung Đông

Nói chung, Hoa Kỳ là xứ của nhiều tập thể di dân đã chọn nơi này làm quê hương thứ hai. Tuy bị thúc đẩy bởi nhiều nguyên nhân di dân khác nhau, những sắc dân này đều đồng ý về một mục tiêu chung là cố gắng chung sức để xây dựng vùng đất này thành một quốc gia tự do và hùng mạnh. Xét qua lịch sử nhân loại ta có thể nói rằng, Hoa Kỳ là một quốc gia hợp chủng duy nhất trên thế giới đã thành công trong việc xây dựng một tập thể vững mạnh và đoàn kết, hóa giải được những sức ly tâm tiềm tàng trong mọi quốc gia kết hợp bởi nhiều thành phần sắc tộc có màu da khác nhau. Trong quá khứ liên bang Sô Viết đã cố gắng thực hiện một cơ chế quốc gia thống nhất dựa trên lý thuyết cộng sản, nhưng đã bị thất bại. .

Câu hỏi ta cần nêu lên là yếu tố nào đã đưa đến sự thành công đó? Để trả lời câu hỏi này ta cần phải tìm hiểu căn bản của sự kết hợp giữa các sắc tộc trong công tác xây dựng cộng đồng. Yếu tố căn bản của sự kết hợp này là việc chấp nhận ganh đua ôn hòa và kỷ luật giữa các tập thể sắc tộc với mục tiêu giành ảnh hưởng và quyền lực trong xã hội **hợp chung** Chung (**Quốc**) Hoa Kỳ. Việc chấp nhận quyền tự do ganh đua trong vòng luật pháp và trật tự là căn bản chính yếu đã giúp cho một quốc gia hợp chủng rộng lớn như Hoa Kỳ trở nên hùng mạnh để đóng vai trò lãnh đạo thế giới. Việc chấp nhận nguyên tắc dân chủ, đa số thắng thiểu số và tinh thần thượng tôn luật pháp đã giúp xứ Hoa Kỳ thực hiện được sự ganh đua ôn hòa này **ma** không đưa đến tình trạng ly khai hay không chế bằng võ lực. Từ khi lập quốc tới nay, nhờ số đông và nhất là biết bao bọc lẫn nhau, tập thể da trắng Bắc Âu đã thành công trong công cuộc tranh giành quyền lực và nắm giữ vai trò lãnh đạo Hoa Kỳ.

Về phần các sắc tộc khác, vì lý do thiểu số và nhất là vì tình trạng phân hóa thiếu tinh thần tương trợ, nên phải chịu thua thiệt trong cuộc ganh đua và phải chấp nhận vai trò làm công cho tập thể lãnh đạo da trắng Bắc Âu. Tuy nhiên, khi phân tích mức độ thành công của các tập thể sắc tộc tại Hoa Kỳ, ta phải nói đến sự thành công của tập thể Mỹ gốc Do thái. Có thể nói rằng mức độ thành công của tập thể này không thua sút tập thể

Bắc Âu và nếu đứng về mặt chìm thì trong vài lãnh vực còn vượt trên tập thể Bắc Âu nữa.

Nhìn lại lịch sử lập quốc hoa Kỳ, những thế hệ đầu tiên của cộng đồng Do Thái khi mới tới Bắc Mỹ đã gặp nhiều kỳ thị về mọi mặt. Một thí dụ điển hình là đại học Havard một thời đã quyết định hạn chế sinh viên gốc Do Thái ghi danh học tại đây vì cho rằng **“sẽ làm giảm phẩm chất”** sinh viên của trường. Tuy nhiên tập thể gốc Do Thái không để sự kỳ thị này làm nản chí cầu tiến, mà trái lại đã cố gắng nâng đỡ bao bọc lẫn nhau để cho đến nay thì đã thành công một cách vẻ vang trong mọi lãnh vực sinh hoạt của xã hội Hoa Kỳ, đặc biệt nhất là về lãnh vực chính trị, kinh tế, doanh nghiệp, giáo dục, xã hội và khoa học...

Trong cuộc ganh đua giữa các tập thể, mô thức mà cộng đồng Mỹ gốc Do Thái áp dụng trong suốt mấy thế kỷ nay rất giản dị: đặt mục tiêu xây dựng tương lai của tập thể Do Thái lên hàng đầu trong sinh hoạt cộng đồng. Nói như vậy không có nghĩa là phải gạt bỏ mọi tranh chấp nội bộ giữa các thành viên trong cộng đồng, trái lại cộng đồng Do Thái sẵn sàng chấp nhận các khác biệt và bất đồng ý kiến giữa các cá nhân. Tuy nhiên điều căn bản mà đa số thành viên trong cộng đồng mặc nhiên chấp nhận là không để những khác biệt về chánh kiến làm tổn hại đến uy tín chung của cộng đồng và nhất là không để sự bất đồng ý kiến làm phương hại tiềm năng thành công của các cá nhân trong cộng đồng. Nói một cách nôm na **“Nếu không giúp được thì thôi, chớ nên làm phương hại tới tương lai và tiềm năng của các cá nhân trong cộng đồng Do Thái”**, **“Đừng làm gì có hại cho uy tín chung của tập thể gốc Do Thái”** và **“Cố gắng nâng đỡ tài năng gốc Do Thái nắm giữ các địa vị then chốt trong guồng máy cai trị của Hoa Kỳ”**.

Chính vì có quy ước mặc thị như vậy mà ta thấy rất ít tình trạng tranh chấp đã phá công khai giữa các thành viên trong tập thể Do Thái vì lý do quyền lợi cá nhân hay bất đồng chính kiến

Không những thế, ta còn chứng kiến hiện tượng đặc biệt là một lãnh đạo gốc Do Thái trong đảng Cộng Hòa cố gắng giúp đỡ các thanh niên Do Thái thuộc khuynh hướng Dân Chủ vào nắm giữ các

chức vụ quan yếu trong chính quyền Cộng Hòa. Và ngược lại, khi đảng Dân Chủ nắm quyền ta cũng thấy hiện tượng tương tự xảy ra. Kết quả là dù bất cứ đảng nào nắm giữ chính quyền, tập thể Do Thái đều có người ở trong giai cấp lãnh đạo. Chính vì biết khép mình trong kỷ luật cộng đồng và biết hy sinh cá nhân cho quyền lợi tập thể, mà cộng đồng người Mỹ gốc Do Thái đã thành công trong cuộc ganh đua giữa các tập thể sắc tộc **va** vượt qua các tập thể khác trong cuộc tranh giành quyền lực tại xứ này. Nhờ có một lập trường rõ rệt và thống nhất như vậy mà cộng đồng Mỹ gốc Do Thái đã thăng tiến rất nhanh và thành công trong mục tiêu đưa được thành viên của mình vào hệ thống đầu não của xã hội Hoa Kỳ. Sự thành công của tập thể Do Thái đã tùy thuộc rất nhiều vào sự hiểu biết của các thành viên trong cộng đồng và ý thức hậu quả tai hại đối với tương lai nếu không chịu chấp nhận mô thức phát triển cộng đồng này. Đây là mô thức mà cộng đồng gốc Việt chúng ta phải cố gắng bắt chước hâu giúp cho chính chúng ta và các thế hệ tương lai sớm thành công trên xứ sở hợp chủng này.

Tóm lại, Hoa Kỳ có thể ví như một người khổng lồ có quyền năng thay đổi được vận mệnh các quốc gia trên thế giới. Tập thể các sắc tộc nào đưa được người của tập thể mình vào hệ thống đầu não thì sẽ sai khiến được người khổng lồ này. ***Trong sự ganh đua giữa các tập thể sắc tộc, sự thành công sẽ được dành cho tập thể nào ý thức được quyền lợi tối hậu của cộng đồng, nhất là nhu cầu nâng đỡ thế hệ trẻ đi vào guồng máy lãnh đạo của quốc gia Hợp Chúng.*** Nếu tập thể gốc Việt chúng ta không cố gắng thực hiện được những mục tiêu này thì có lẽ vĩnh viễn tương lai của cộng đồng người Mỹ gốc Việt sẽ phải chấp nhận vai trò làm công cho các cộng đồng khác tại vùng đất Hợp Chúng này.

QUỐC VŨ THÙY NHÂN



Tiếng Việt Thời Sự



Giáo dục Việt Nam theo nhận định của các Đại học Mỹ

Thanh Quang, phóng viên RFA

2009-10-19

LTS: Đây là bài phỏng vấn Giáo sư Tạ Văn Tài của Đài Á Châu Tự Do (AFA). Giáo sư Tạ Văn Tài, nguyên Giáo sư học Viện Quốc Gia Hành Chính Việt Nam Cộng Hòa và Đại học Luật khoa Sài Gòn. Sau biến cố 30 tháng 4 năm 1975 Gs. Tạ Văn Tài đã di tản qua Hoa Kỳ tỵ nạn CS, hiện hành nghề luật sư và từng giảng dạy tại Đại học Harvard Hoa Kỳ. Gs. Tạ Văn Tài đã gửi bài phỏng vấn này và cho phép đăng tải vào Đặc san Luật khoa 2010. Xin cảm ơn Gs. Tạ Văn Tài và xin giới thiệu đến độc giả.

Gần đây, các chuyên gia của Đại Học Harvard đưa ra một số nhận định về thực chất của giáo dục Đại học tại Việt Nam hiện nay cũng như một số khuyến nghị cho Bộ Giáo dục Việt Nam.



AFP PHOTO

Học sinh, sinh viên Việt Nam tìm hiểu về hệ thống giáo dục Hoa Kỳ.

Tính xác thực

Trong Tờ trình gửi Ủy ban Đặc nhiệm Hỗ trợ về Giáo dục Đại học Việt Nam, hai chuyên gia của Trường Chính Quyền Học Kennedy tại Đại Học Harvard là Thomas Vallety (Giám Đốc Chương Trình Việt Nam) và Ben Wilkinson cho rằng đang có sự khủng hoảng suy sụp trong nền giáo dục đại học Việt Nam.

Để tìm hiểu thêm về vấn đề này, Thanh Quang hỏi chuyên Giáo sư Tạ Văn Tài từng giảng dạy tại Đại học Harvard. Trước tiên Giáo sư Tài nhận định:

GS Tạ Văn Tài: Tôi đồng ý với đa số ý kiến và bất đồng về một số ý kiến khác trong tờ trình. Tôi đã quen biết ông Vallety từ lâu, từ hồi ông còn là phó cho một bà Giám đốc tiền nhiệm của chương trình Việt Nam và nhờ tôi gặp đại sứ Việt Nam Bùi Xuân Nhật tại Liên Hiệp Quốc ở New York (hồi chưa có bộ cấm vận nên chưa có toà Đại sứ ở Hoa Thịnh Đốn) để nhắc nhở sao Việt Nam chưa cử hai ứng viên du học đến Harvard, nơi đã cấp hai học bổng, cho nên trong quá trình ông Vallety làm việc dài dài, nhiều năm cho chương trình Việt Nam để cử sinh viên du học qua Harvard, chương trình Fulbright v.v... Tôi đã thấy ông rất thương mến sinh viên Việt Nam và lo cho tiền đồ tương lai của dân tộc Việt Nam, mặt khác ông có cá tính là cựu thủy quân lục chiến Mỹ, cho nên ông là người thẳng tính, sẵn sàng nói mạnh mẽ ý kiến của ông chẳng e dè ai.

Vậy thì những ý kiến của ông phê bình đại học Việt Nam suy sụp trầm trọng, tôi có thể hiểu được đó là sự thành tâm lo lắng khẩn thiết của ông cho tương lai Việt Nam, muốn như một bác sĩ giỏi và tận tâm, cho thuốc đắng già tật, chữa cho các căn bệnh trầm trọng của nền đại học Việt Nam. Có mấy ý kiến liệt kê như sau về đại học Việt Nam, mà tôi đồng ý một phần:

a) Thành tích xuất bản các công trình nghiên cứu rất nghèo nàn, thí dụ vào năm 2007, Đại học Quốc gia Việt Nam chỉ có 52 công trình xuất bản, Viện Khoa Học Công Nghệ có 44 công trình, thua xa các đại học Quốc Gia Seoul của Đại hàn (5060 công trình), Singapore (3598 công trình), Đại Học Bắc Kinh (3219), Đại Học Fudan (2343 công trình), Đại Học Mahidol và Chulalongkorn của Thái Lan (950 và 822)

v.v...Thành tích về bằng sáng chế của Việt Nam là số không, so với Đại Hàn có 102.633 bằng sáng chế, Trung Quốc có 26.292 bằng sáng chế, Singapore 955, Thái Lan 158, Mã Lai 147, Phi Luật Tân 76...Tờ Trình báo động là nếu không cấp thời cải cỗ thể chế cho giáo dục đại học, Việt Nam sẽ thất bại hoàn toàn trong mục tiêu phát triển tiềm năng to lớn của mình.

b) Không huấn luyện sinh viên đúng nhu cầu kinh tế, do đó 50% sinh viên tốt nghiệp đại học không tìm được việc làm đúng nghề chuyên môn, sự chuẩn bị sinh viên đi vào nghề nghiệp chuyên môn đã bị tồi tệ vì 25% giáo trình bắt buộc tập trung vào giáo điều chính trị (political indoctrination).Tìm trong sinh viên không đủ nhân công chuyên môn hay các nhà quản trị giỏi cho nền kinh tế Việt Nam. Tờ Trình báo động là nếu không cấp thời cải cỗ thể chế cho giáo dục đại học, Việt Nam sẽ thất bại hoàn toàn trong mục tiêu phát triển tiềm năng to lớn của mình.

c) Việt Nam có ước vọng xây dựng đại học có phẩm chất quốc tế nhưng hiện nay không có một đại học Việt Nam nào được xếp vào hàng đại học có phẩm chất của Á Châu. Tờ trình này nói rằng trái với sinh viên Trung Quốc và Ấn Độ, sinh viên Việt Nam không cạnh tranh nổi để được thâu nhận vào những chương trình cao học thượng thặng tại Hoa Kỳ và Âu châu.



Tôi thấy có lẽ ông Vallely, trong khi điều khiển chương trình Việt Nam ở Harvard và nhất là lại được Bộ Ngoại Giao Mỹ cho thâu lại việc tuyển lựa sinh viên cho chương trình Fulbright., đã có dịp thấy trong những sinh viên xin vào chương trình cao học ở Mỹ, người giỏi thì thường là đã đi du học sang Liên Xô hay Đông Âu trước đây rồi bây giờ sang Mỹ lấy thêm bằng Mỹ, còn người xuất thân từ đại học Việt Nam thường kém (có lần ông nhờ tôi làm người dịch hay hỗ trợ trong lớp cho một sinh viên từ Việt Nam đã được gửi gắm qua học tại trường Công Quyền Học Kennedy, vì thế nên Harvard miễn cưỡng nhận, nhưng kém quá cần có người dạy kèm—nhưng tôi thấy việc dạy kèm hay dịch giùm này mất nhân vị cho tôi, là nhân viên nghiên cứu ban giảng huấn bên trường Luật Harvard, nên tôi từ chối.)

Một nữ sinh viên đang trình bày trước lớp tại trường đại học RMIT ở Sài Gòn.

Nhưng tôi phải nói là tôi không có khuynh hướng nói quá khẳng định về phẩm chất kém cỏi của Đại học Việt Nam, theo kiểu ông Vallely và Wilkinson nói mạnh, vơ đũa cả nắm—

Thanh Quang: Như vậy ý kiến của Giáo sư ra sao?

GS Tạ Văn Tài: Tôi nghĩ rằng khi nói về phẩm chất nền đại học ở Việt Nam cũng như ở Mỹ, ta phải phân biệt các đại học đẳng cấp cao và các đại học đẳng cấp thấp, thí dụ ở Mỹ, có nhiều đẳng cấp, từ hạng siêu (như Harvard, Yale...) đến hạng đẳng cấp quốc gia (national universities and colleges), đến loại đại học thuộc hạng có vị thế ở địa phương (regional universities, colleges) đến các loại đại học cộng đồng (Community colleges). Tờ trình của ông Vallely và Wilkinson quên mất sự khác biệt tại Việt Nam giữa một bên, là các đại học mở rộng, chuyên tu, tại chức... với sự thu nhận sinh viên bừa bãi không có trình độ, với sự huấn luyện lỏng lẻo thiếu tiêu chuẩn, thiếu phương tiện (theo một tờ trình hồi năm 1992 của UNESCO, 66% đại học, phần lớn là các đại học có sĩ số dưới 800, chỉ có phòng ốc tồi tệ, với thư viện và máy móc trang bị rất giới hạn.)Chúng hạ thấp phẩm chất nền đại học Việt Nam xuống một mức trung bình thấp, và một bên, là các đại học quốc gia có thi tuyển sinh viên và học trình và ban giảng huấn quy củ hơn.Ngoài nhà nước, các trường đại học cũng phải thấy không thể thâu nhận bừa bãi và cho ra trường các sinh viên trong các ngành nghề ít việc làm, nghĩa là phải cố gắng cho số cung đi sát số cầu trong thị trường nhân lực.

Tôi có diễn giảng khoá huấn luyện ngắn hạn về luật thương mại và đầu tư quốc tế tại Đại Học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, thì thấy trình độ sinh viên cũng khá, và nhất là rất hiếu học muốn giao lưu với các nguồn kiến thức mới (tôi dùng sách giáo khoa dùng trong Đại Học Luật Harvard, dịch ra tiếng Việt, nhưng sinh viên ưa sách tiếng Anh và tự chụp hình in lại cuốn đó).

Tôi cũng không thấy Tờ Trình “chẩn bệnh đúng nguyên nhân” của cái nạn 50% sinh viên tốt nghiệp không kiếm được việc, vì lý do không hẳn là học nhiều giờ chính trị, đó chỉ là một phần, lý do chính là tuy nhà nước không còn ép sinh viên đi vào các ngành này kia như thời kỳ kinh tế hoạch định cứng rắn, nhưng mà nhà nước, từ khi chuyển sang kinh tế thị trường, chưa đưa ra các con số thống kê về nhu cầu các ngành nghề có triển vọng trong thị trường tương lai, để các cá nhân sinh viên tự quyết định chọn ngành nghề cho sát nhu cầu nền kinh tế.

Ngoài nhà nước, các trường đại học cũng phải thấy không thể thâu nhận bừa bãi và cho ra trường các sinh viên trong các ngành nghề ít việc làm, nghĩa là

phải cố gắng cho số cung đi sát số cầu trong thị trường nhân lực.

Nguyên nhân khủng hoảng

Thanh Quang: *Giáo sư nhận xét như thế nào về các nguyên nhân tạo ra khủng hoảng đại học ở Việt Nam, mà Tờ Trình đã đề cập tới?*

GS Tạ Văn Tài: Đây là vấn đề tôi cũng có một số ý kiến khác với Tờ Trình. Tôi đồng ý với Tờ Trình là đường lối quản trị đại học của nhà nước đã tạo ra phẩm chất suy trầm của nền đại học: tập trung quyền về trung ương mà không cho tự trị và tự quản đại học, do đó tiêu diệt hay giảm đi các sáng kiến và sự tận tâm say mê công việc.

Tuyển chọn và thăng thưởng nhân viên, cung cấp hay phát các nguồn tài trợ ngân sách (cho nghiên cứu chẳng hạn), không theo khả năng và thành quả công việc nhiều, mà theo thâm niên, lai lịch chính trị hay liên hệ cá nhân, kèm theo sự ách cảm của các cấp quản trị cao trong đại học, thường được huấn luyện từ Liên Xô và Đông Âu, đối với các nhân viên trẻ tuổi giáo dục từ các nước Âu Mỹ.

Giáo trình không được tự do như bên Trung Quốc, tuy rằng đã dần dần cởi mở hơn, khiến cho thiếu năng động trí thức; và cũng vì thiếu năng động trí thức cho nên các học giả trẻ không thể giao lưu dễ dàng được với các nguồn kiến thức bên ngoài.

Nhưng có điểm tôi không đồng ý với Tờ Trình là cho rằng nền đại học Việt Nam yếu kém vì nó thừa kế nền đại học thời thực dân Pháp, và đến khi độc lập thì bị chiến tranh và cai trị độc tài mà không có chỉ đạo để xây dựng nền đại học có phẩm chất cao. Pháp đã du nhập nền đại học có phẩm chất cao vào Việt Nam, với quan niệm đồng hóa giai cấp thống trị bản xứ vào nền văn minh Pháp, theo sứ mạng văn minh hóa của Pháp (mission civilisatrice), khiến đại học Đông Dương, nhất là y khoa, dược khoa, luật khoa, và khoa học trở thành nơi huấn luyện các tầng lớp ưu tú (elite) của Việt, Mên và Lào.

Những sinh viên tốt nghiệp Đại học Đông Dương sang Pháp thi Tiến sĩ, thạc sĩ luật (như Vũ Văn Mẫu), tiến sĩ, thạc sĩ kinh tế (như Vũ Quốc Thúc, Nguyễn Cao Hách), Tiến sĩ Toán (Đặng Đình Áng), đã là những người xây dựng nền đại học Việt Nam sau khi Pháp rút lui năm 1954 tại miền Nam Việt Nam. Nơi đây đã tiếp tục một nền đại học tốt đẹp, thí dụ riêng về ngành luật, đã tạo ra một học trình với các sách giáo khoa tốt, các người tốt nghiệp có khả năng, mà sau này các người sống trong chế độ Việt Nam Cộng Sản cũng phải công nhận là có phẩm chất cao: thí dụ Luật sư Lê Công Định phải viết bài công nhận giá trị Đại học Luật Khoa Saigon trước 1975; Giáo sư Hoàng Ngọc Giao của Phân Khoa Luật Đại học Quốc Gia Hà Nội du học

tại Boston, muốn nhờ chúng tôi tìm các sách giáo khoa tốt của các giáo sư quốc tế công pháp của Đại Học Luật Saigon trước 1975.

Từ 1954 đến 1975, từ các đại học Miền Nam Việt Nam, đã nhiều sinh viên du học sang Pháp, Đức, Anh, Úc, Nhật và Hoa Kỳ v.v.. và thành công, nhiều khi ngay trong năm đầu, ở các đại học ở các nước ấy, rồi đậu bằng đại học Âu Mỹ dễ dàng, và hàng loạt, trong đủ các ngành, kể cả nguyên tử lực, nhiều người đậu đến bằng tiến sĩ, chứng tỏ nền đại học Miền Nam Việt Nam có phẩm chất và đào tạo người giỏi.

Những sinh viên học trong đại học Pháp thành lập thời thuộc địa mà sau này góp phần xây dựng nền đại học ở Miền Bắc Việt Nam trước năm 1954, như tiến sĩ luật Đỗ Xuân Sảng, Nguyễn Mạnh Tường, bác sĩ y khoa khoa trưởng trường Y Hoàng Đình Cầu (mà sau 1975, báo chí Mỹ đã biết tới), bác sĩ Tôn Thất Tùng, giáo sư Toán học Hoàng Tụy là bằng chứng sống về nền đại học tốt do Pháp xây dựng tại Việt Nam, còn để lại ảnh hưởng ngay tại Miền Bắc Việt Nam.

Tương lai đại học VN?

Thanh Quang: *Giáo sư nhận thấy Tờ Trình vừa nói có ghi nhận lạc quan hay bi quan gì về triển vọng tương lai của nền đại học Việt Nam không?*

GS Tạ Văn Tài: Tôi thấy Tờ Trình có nếu hy vọng về tương lai đại học Việt Nam nhưng rất dè dặt và tôi cùng thấy Tờ Trình chưa chú trọng nhiều lắm về đãi ngộ và mức sống của các giới chức giảng huấn đại học, điều mà tôi muốn bổ túc cho Tờ Trình.

Tờ Trình có nói đến Nghị quyết 14 muốn cải tổ toàn diện giáo dục đại học vào năm 2020, cho phép tự trị nhiều hơn và sự tuyển chọn dựa trên thành quả, và nhà nước đã đặt ưu tiên về giáo dục đại học trong 3 năm qua. Đó là những điểm hy vọng. Nhưng Tờ Trình cho rằng tốc độ cải tổ còn rất chậm, và nhất là nhà nước vẫn muốn ôm giữ quyền hành theo nào trạng kế hoạch toàn diện từ trung ương, nhất là muốn giữ quyền phân phối các ngân khoản tài trợ của các cơ quan quốc tế, khiến cho khó lập đối tác với các đại học Mỹ vốn tự trị đến mức rất cao.

Tôi cũng thấy Tờ Trình nói một cách không lạc quan cho lắm về các yếu tố quốc tế giúp đỡ nền đại học Việt Nam. Thí dụ: nói rằng việc cử sinh viên du học, gia tăng rất mau những năm gần đây, nhất là sang Mỹ, cũng không thể là giải pháp cho nền đại học Việt Nam, vì du sinh chỉ là một số cực nhỏ, gồm những gia đình có tiền cho con cái du học hay những ai may mắn xin được học bổng.

Tờ trình cũng nói các khoản tài trợ của các cơ quan quốc tế không được phân phối theo tiêu chuẩn

khả năng, còn các đại học quốc tế đi vô Việt Nam huấn luyện thì phần lớn chỉ nhằm trục lợi thu học phí từ sinh viên theo các ngành thực dụng, nhưng học phí cao này chỉ một số trả nổi, đại chúng không kham nổi. Việt Nam muốn lập một hay vài đại học thuộc loại “đẳng cấp quốc tế” và từ 2005 đã tranh thủ sự hỗ trợ của Mỹ, với việc Thủ tướng Phan Văn Khải, trong cuộc viếng thăm Harvard năm 2005, yêu cầu Harvard giúp. Năm 2006, Thủ Tướng Khải ký quyết định về đại học đẳng cấp quốc tế và năm 2007, Chủ tịch Nước Nguyễn Minh Triết thăm Hoa Kỳ và tiếp tục thúc đẩy Hoa Kỳ giúp. Năm 2008, Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm Hoa Kỳ và ký bản ghi nhớ về việc lập vài trường đại học Hoa Kỳ tại Việt Nam. Tháng 6/2009, Việt Nam tuyên bố vay Ngân Hàng Thế Giới và Ngân Hàng Phát Triển Á Châu 400 triệu Mỹ Kim để xây 4 trường đại học đẳng cấp quốc tế (Việt -Đức, Khoa Học Công Nghệ Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ). Tờ Trình của Harvard nói về tham vọng lập đại học đẳng cấp quốc tế của Việt Nam như sau:

Tuy biết Việt Nam rất mong thu hút sự tham gia hợp tác của các đại học hàng đầu tại Hoa Kỳ, các đại học danh tiếng tại Hoa Kỳ sẽ không vào Việt Nam theo kiểu các nhà đầu tư, tức là sẽ không hạ thấp tiêu chuẩn của mình để thu lợi tài chánh, nếu chính quyền Việt Nam “không quyết tâm theo đuổi các tiêu chuẩn một đại học tốt”, tức là “tự do trong giáo trình” (được tự do đưa vô giáo trình và việc nghiên cứu các đề tài mà không phải tham khảo trước với bộ giáo dục—về điểm này, nếu Quyết định 97 mới ban hành gần đây, mà Tờ Trình Harvard không nói tới, sẽ có hại nếu hủy bỏ hay sửa đổi—nó đưa ra một danh sách hạn chế các đề tài có thể bàn luận khoa học và do đó có thể có hại cho việc nghiên cứu khoa học và việc thành lập được các đại học đẳng cấp cao-) và “tự quản, tự trị”, theo đó chính quyền chỉ đóng vai hạn chế, và đại học sẽ tìm các nguồn tài trợ giảng huấn và nghiên cứu ngoài ngân sách nhà nước.

Tờ Trình kết luận là Ủy Ban Hỗ Hợp Đặc Nhiệm về Giáo Dục Đại Học sẽ có một vai trò đặc biệt trong việc vẽ một lược đồ toàn diện cho việc cải tổ giáo dục đại học và xúc tiến việc cải cách.

Thanh Quang: Thừa GS, dường như Tờ Trình này quên đề cập tới việc đãi ngộ qua lương bổng và ngân khoản nghiên cứu cho các giáo sư đại học ở VN?

GS Tạ Văn Tài: Chúng tôi bỏ túc cho Tờ Trình Harvard: đó là sự đãi ngộ bằng lương bổng và các ngân khoản nghiên cứu sao cho cuộc sống vật chất đáng hoàng hơn để các giáo sư có thể tận tụy vào việc nghiên cứu. Hiện nay, tình trạng lợi tức đại khái như sau:

(1) Theo các tờ trình tin tức, 70% sinh viên Việt Nam du học (có thể nói là thành phần trí tuệ chọn lọc) không muốn về nước, và muốn ở lại ngoại quốc kiếm

tiền nhiều hơn lương bổng thấp kém trong đại học Việt Nam; việc xây dựng đại học Việt Nam bị thiệt mất lực lượng nhân sự đó (trong khi đó thì, như một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra, số lượng trí thức Việt Kiều tuổi trẻ và trung niên về nước khá quan trọng, đem theo không những trí tuệ, mà còn cả vốn đầu tư, các sự quen biết và liên hệ ở hải ngoại, và kinh nghiệm về thị trường quốc tế--còn trí thức hải ngoại ở tuổi hưu thì có thể nâng cao trình độ cho giới chuyên môn trong nước—Xin xem Đề Án của Bộ Ngoại Giao Việt Nam về việc “thu hút trí thức chuyên gia người Việt ở nước ngoài trong việc xây dựng đất nước”);

(2) Lương bổng giáo chức đại học Việt Nam được coi là thấp nhất thế giới, theo chính thông tin của nhà nước trong trang nhà về giáo dục : trong khi lương giáo sư đại học trung bình tại các nước Á Châu là 1,000 Mỹ kim, thì ở Việt nam, giáo chức đại học, ngoài cảm tưởng các ý tưởng cải tổ giúp nước bị coi thường, họ chỉ có lương căn bản trung bình là 150 Mỹ Kim, dạy thâm niên 15 năm thì 170 Mỹ Kim, thâm niên 30 năm, đến tuổi sắp về hưu, thì 279 Mỹ Kim; mỗi giờ dạy sẽ tính thêm tiền giờ phụ trội, do đó lương người mới vô nghề có thể là 200 Mỹ Kim; còn nếu có thêm tiền do dự án nghiên cứu thì có thể có lợi tức tới 500 Mỹ Kim một tháng (tin tức này do sự trao đổi trong website của các giáo sư Mỹ và Việt có kinh nghiệm tại Việt Nam) ;

(3) Nhưng kiểm được dự án nghiên cứu trong ngân sách nhà nước Việt Nam thì là cả một sự cạnh tranh trong bầu không khí phân biệt đối xử dựa trên vây cánh và chính trị; còn các nguồn tài trợ nghiên cứu của các cơ quan quốc tế như các quỹ tặng lập (Foundations) thì ít giáo sư Việt Nam biết tới; và lại nhà nước, theo chính sách, có lẽ học của Nga, là không dễ dãi cho các tổ chức phi chính phủ (non-governmental organizations—đang bàn rất kỹ về luật chi phối các tổ chức này), có lẽ ngại sự trưởng thành của các tổ chức trong khu vực tư (Ford Foundation đã đóng cửa ở Việt Nam, sau nhiều năm làm nhiều việc ích lợi);

(4) Rút cục thì trí thức đại học Việt Nam hoặc là phải dạy thêm rất nhiều giờ, có khi đã dạy 20 giờ một tuần mà còn phải dạy thêm giờ nữa (và lại đại học cũng có khi bắt họ dạy thêm giờ để thi hành các hợp đồng kiếm thêm tiền của chính đại học), bỏ bê việc nghiên cứu, không còn khả năng xây dựng đại học đẳng cấp cao với các công trình nghiên cứu khám phá kiến thức mới; hoặc là bỏ nghề giáo chức đại học để ra ngoài làm việc cho các công ty ngoại quốc, kiếm gấp đôi lương bổng (thí dụ, làm cho hãng ngoại quốc có thể kiếm mỗi tháng 1,000 Mỹ Kim với bằng cử nhân đậu tại hải ngoại, hay 2,000 Mỹ Kim với bằng chuyên môn cao cấp (tiến sĩ..). Nhà nước sẽ thua cuộc, mất nhân tài, trong cuộc cạnh tranh thị trường nhân công trí thức cấp đại học, nếu không có sự đãi ngộ xứng đáng đối với họ.

Thanh Quang: Như vậy kết luận của GS là gì?

GS Tạ Văn Tài: Nhà nước phải thấy rằng nhà nước sẽ thua cuộc, mất nhân tài, trong cuộc cạnh tranh thị trường nhân công trí thức cấp đại học, nếu không có sự đãi ngộ xứng đáng đối với họ. Rất không nên triệt tiêu các quyền lợi của các giáo sư học giả, dù đến tuổi hưu, nhưng còn khả năng đóng góp, thí dụ các phương tiện giao dịch của họ với các đồng nghiệp và cơ quan, như chỗ làm việc, điện thoại (đừng có cắt điện thoại của họ ngay khi hồi hưu như đã cắt điện thoại của Giáo sư Viện Trưởng Đại học An Giang Võ Tòng Xuân, người đã có công lao xây dựng Đại học Cần Thơ và An Giang, và có khả năng vận dụng các nguồn tài trợ quốc tế cho đại học Việt Nam).

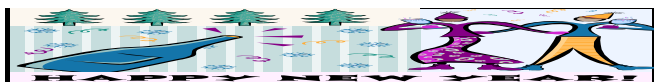
Việc đãi ngộ xứng đáng trí thức trong nước cũng cần để tránh tình trạng mà Bộ Ngoại Giao Việt Nam đã tả trong “Đề Án Thu Hút Trí Thức Chuyên Gia Người Việt ở nước ngoài”: “Trí thức trong nước chưa được trọng dụng, được trả lương xứng đáng, nên việc ưu đãi Việt kiều gây so bì, bất hợp tác. Ngoài ra còn có tâm lý lo ngại trí thức Việt kiều về sẽ làm bộc lộ sự yếu năng lực chuyên môn hoặc chiếm mất vị trí của người trong nước. Đây cũng là một trở ngại khi đưa ra bất cứ kiến nghị nào ưu đãi trí thức Việt kiều”.

Thanh Quang: Xin cảm ơn Giáo sư Tạ Văn Tài.



***Hội ngộ Mùa Xuân Luật Khoa 2003 tại Houston, TX, Hoa Kỳ.** Từ trái qua phải: **Hàng ngồi:** Phu nhân Ls Ngô Hữu Liễn, Ls. Nguyễn Thị Nhung, Gs. Tạ Văn Tài, Gs. Mai Văn Lễ, Bà Nguyễn Văn Lê, Ls. Nguyễn Văn quý (nghiên mặt)

Hàng đứng: Ls. Ngô Hữu Liễn, CSVLK Nguyễn Văn Quất, Ts. Nguyễn Minh Triết, CSVLK Nguyễn Văn Lê, Ls. Nguyễn Ngọc Hải, Ls. Nguyễn Hiếu, Ls. Nguyễn Thế Linh, Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng, và Thảm Phán. Trần hạo



Ngẫu hứng thơ

Trần Khải Thanh Thuý

HỒN CẮM

33 năm trời người dân cầm phẫn
Mặt trời hồn cầm, mặt đất cũng hồn cầm
Biển nổi sóng gằm lên bao tiếng hét
Bao oan hồn từ đáy biển vọng, rên

Người may mắn tìm ra chân trời lạ
33 năm qua mấy bận thăm nhà?
Thương nhớ lắm, sao về thăm lại được
(Giữa bạn bè, xóm thôn có trăm con sông và triệu lũ độc tài)

Nhớ mẹ già đau yếu, lệ rung rung

Người ở lại: 33 năm rồi vẫn thiếu ăn, thiếu mặc
Tuổi 40 mà tóc đã ngả màu
Thức ăn bao năm vẫn là rau cháo loãng
Nhà như lều chận vịt giữa đồng hoang

Bao ánh điện, nhà hàng, khách sạn, vi la
Luôn vẫy gọi những ví tiền căng chặt
Một bữa tiệc gấu, trâu, trị giá cả nghìn cân thóc
Lãnh đạo khao nhau, dân chỉ biết ...khóc oà

Bão lũ quanh năm, thuế má, cơ hàn
Bàn tay trẻ xòe ra mà đang trơ mắt ếch
Bao ngày trời giữa im lìm sóng nước
Mỗi gia đình hai gói mì tôm

Giữa bốn bề sóng dâng, lệ dân nhiều hơn nước lũ
Đánh trệu trạo nhai, hồng sống qua ngày
Lại đóng góp, dựng xây, lại nộp thuế
Trăm khoản không tên, khi bão qua rồi

Chúng ta- những đứa con của nòi giống Vua Hùng
Không may sinh ra trong độc tài, gian ác
Không nỡ quay mình trước nỗi khổ triệu dân
Chỉ một đường vững bước tiến lên

Dù biết đó là đường nguy hiểm nhất
Là nhà tù, công sắt, dùi cui
(Tình yêu lớn luôn trả bằng giá đắt
Cả sinh mạng mình, đâu dám phân vân)

21-3-2008

TKTT



PHẦN THỨ HAI

ĐÔNG HẢI VỚI HOÀNG SA TRƯỜNG SA THEO NGOẠI SỬ VÀ VĂN HỌC SỬ TRUNG QUỐC

Ls. Nguyễn Hữu Thống

*Trúc rừng Nam Sơn không ghi hết tội
Nước biển Đông Hải chưa rửa sạch mùi*
(Bình Ngô Đại Cáo)

Để có một ý niệm tổng quát chúng ta có thể phân chia lịch sử Trung Quốc như sau:

Thời Đế Quốc Thứ Nhất (First Empire) khoảng 440 năm với các đời Tần-Hán từ năm 221 Trước Công Nguyên đến năm 220 Tây Lịch.

Thời Đại Phân Hóa Thứ Nhất (First Partition) khoảng 370 năm với các đời Tam Quốc (220-265), Lương Tấn (265-420) và Nam Bắc Triều (420-589).

Thời Đế Quốc Thứ Hai (Second Empire) khoảng 320 năm với các đời Tùy và Đường (589-907).

Thời Đại Phân Hóa Thứ Hai (Second Partition) khoảng 370 năm với các đời Ngũ Đại và Lương Tống (907-1280).

Từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 20 có nhà Nguyên Mông (1280-1368) và Mãn Thanh (từ 1644 đến 1911).

Giữa hai đời Hung Nô thống trị có nhà Minh xen vào (từ 1368 đến 1644).

Sau Cách Mạng Tam Dân (1911) là thời Trung Hoa Dân Quốc. Và kể từ 1955 dưới thời Cộng Hòa Nhân Dân, Mao Trạch Đông phục hồi Chủ Nghĩa Bá Quyền tiếp nối Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế và Minh Thành Tổ.

Trở lại vấn đề Hoàng Sa Trường Sa theo ngoại sử và văn học sử Trung Quốc chúng ta ghi nhận những sự kiện lịch sử sau đây:

Cuối năm 1946, khi chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, viện cơ giải giới quân đội Nhật Bản, Trung Quốc chiếm đảo Phú Lâm thuộc Nhóm An Vĩnh Hoàng Sa và đảo Ba Bình thuộc quần đảo Trường Sa. Tuy nhiên, năm 1950, khi triệt thoái về Đài Loan, quân đội Trung Hoa Dân Quốc đã rút khỏi các hải đảo này.

Đến tháng 4-1956, thừa dịp Hải Quân Pháp rút khỏi biển Đông Hải, Trung Quốc xâm chiếm 7

đảo Hoàng Sa trong Nhóm An Vĩnh (Amphitrite Group). 18 năm sau, tháng 1-1974, khi quân lực Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam theo Hiệp Định Paris 1973, Trung Quốc huy động toàn lực để xâm chiếm 6 đảo Hoàng Sa trong Nhóm Lưỡi Liềm (Crescent Group).

Đây là những hành vi xâm lăng võ trang vi phạm Hiến Chương Liên Hiệp Quốc (Điều 2) đồng thời vi phạm chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa mặc dầu mọi cam kết minh thị của các quốc gia tham dự và ký kết Hiệp Định Geneva 1954 và Hòa Ước Paris 1973.

Ngay sau đó, để lấp liếm tội trạng và biện minh cho các hành động xâm lược, các báo chí và học giả Trung Quốc như Tề Tân đã nêu lên một số tài liệu ngoại sử và văn học sử để che dấu chính sách Đại Hán. Thay vì xuất trình các bằng chứng lịch sử và viện dẫn các điều khoản pháp lý, Trung Quốc chỉ nêu lý do duy nhất là **Biên Đông Nam Á** hay **Biển Nam Hải** là **Biển Lịch Sử** của Trung Quốc. Đối với họ đây là một vấn đề bất khả tranh nghị. Điều đáng lưu ý là *những lý lẽ và tài liệu này chỉ được đưa ra sau cuộc xâm lăng võ trang năm 1974.*

Đối với các tài liệu trích từ văn học sử hay ngoại sử chúng ta phải cảnh giác về thái độ và lập trường của một số nhà văn, nhà thơ. Nhiều khi họ thường diễn giải những sự kiện lịch sử bằng cách thi vị hóa và lý tưởng hóa những sự thật lịch sử.

Tự hào về những thành tích bành trướng thời Đại Hán, các tiểu thuyết gia như La Quán Trung trong Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa thường gán cho đồng minh của nhà Lưu, những ý tưởng và âm mưu hoàn toàn trái ngược với ý nghĩa cao cả của cuộc liên minh chống kẻ thù chung. Trong đời Tam Quốc với Ngụy, Thục và Ngô, sách lược căn bản của Gia Cát Lượng và Lưu Bị là *“Bắc Cự Tào Tháo, Đông Hòa Tôn Quyền”*. Theo chính sử Khổng Minh và Chu Công Cẩn (Chu Du) là những bạn đồng minh và tri kỷ:

*Đồng hao đồng tuổi liên Tôn Sách,
Một kiếp tri âm kết Khổng Minh.
(Tổ Như, Chu Lang Mộ)*

Vậy mà, tác giả Tam Quốc Chí cố tình gán cho Chu Du những âm mưu đen tối chỉ muốn bách hại Gia Cát Lượng dầu chưa đạt được chiến thắng Xích Bích.

Cũng trong tinh thần này, theo chính sử, Tôn Quyền muốn gả em gái Tôn Quận Chúa cho Lưu Bị để thắt chặt tình thân hữu giữa hai nhà Tôn Lưu. Vậy mà La Quán Trung đã thêu dệt nên truyện Tôn Trọng Mưu dùng Quận Chúa làm mồi nhử để quân thúc Lưu Huyền Đức. Nhằm đề cao nhà Hán, một số văn nghệ sĩ Trung Hoa thường gọi người hào kiệt là “Hào Hán”.

Cũng vì nhớ tiếc thời Đế Quốc Tần Hán, các văn nghệ sĩ vẫn quan niệm Trung Hoa là một quốc gia thống nhất với lãnh thổ bao la. Kể cả trong thời Đại Phân Hóa từ các đời Tam Quốc, Lưỡng Tấn và Nam Bắc Triều. Bài Vu Thành Phú của Bảo Chiếu là một dẫn chứng điển hình trong phương pháp lấy văn chương thay lịch sử.

VU THÀNH PHÚ CỦA BẢO CHIẾU ĐỜI NAM BẮC TRIỀU

Đây là thời đại loạn của lịch sử Trung Quốc với các đời Tam Quốc (3 nước), Lưỡng Tấn (16 nước) và Nam Bắc Triều (7 nước). Ước mơ được thấy quê hương thống nhất, nhà thơ Bảo Chiếu mừng tượng lãnh thổ Trung Quốc bao la:

*“Về phía Nam: rong ruổi đến miền Thương Ngô,
Trướng Hải;*

Về phía Bắc: chạy thẳng đến miền biên tái Nhạn Môn Quan”

(Nam trì Thương Ngô Trướng Hải; Bắc tẩu từ tái Nhạn Môn)

“Tri” có nghĩa là phi ngựa thật mau hay phóng xe như bay từ miền Quảng Tây (Thương Ngô) và Quảng Đông (Trướng Hải) đến biên thùy Thanh Hải, Thiểm Tây, Tây Vực hay Gobi.

Ngày nay, một số học giả Trung Quốc như Tề Tân đã khiến cường viện dẫn câu phú này để giải thích rằng lãnh thổ Trung Hoa thời xưa bao gồm cả miền Trướng Hải hay biển Nam Hải nơi tọa lạc các hải đảo Hoàng Sa Trường Sa.

Đây là phương pháp dẫn chứng tài tử, dùng văn chương thơ phú, ca dao ngôn ngữ làm tài liệu lịch sử để đòi chủ quyền lãnh thổ.

Chẳng khác nào dân gian Việt Nam thường hát câu: “*Dã tràng xe cát Biển Đông, Nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì*”, hay câu “*Thuận vợ thuận*

chồng tát Biển Đông cũng cạn” để đòi cho Việt Nam chủ quyền lãnh thổ toàn vùng Biển Đông Hải chạy từ Việt Nam qua Phi Luật Tân, Mã Lai, Brunei và Nam Dương.

Đời Tây Hán, Nam Hải hay Trướng Hải là vùng biển ven bờ Nam Hoa cách huyện Hải Phong hay Kim Huyện (Quảng Đông) 50 dặm về phía nam (khoảng 25 km). Các nhà thám hiểm đại dương người Ả Rập, Ba Tư, Ấn Độ, Hòa Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp v...v... khi đến vùng tiếp giáp Trung Hoa, muốn cho tiện họ gọi đó là Biển Nam Hoa. (*Ngoại nhân xưng Nam Trung Quốc Hải*).

Theo chính sử Trung Quốc, năm 214 Trước CN Tần Thủy Hoàng thôn tính các nước Bách Việt để chia thành 3 quận: *Nam Hải* (Quảng Đông), *Quế Lâm* (Quảng Tây) và *Tượng Quận* (Bắc Việt). Như vậy, từ nguyên thủy Nam Hải là *Biển Nam* của Trung Quốc (Southern Sea) cũng như *Biển Đông* của Việt Nam, *Biển Tây* của Phi Luật Tân hay *Biển Bắc* của Mã Lai, Nam Dương.

Như đã trình bày trong phần chính sử, theo Tân Tự Điển Thực Dụng Hán Anh do các học giả Trung Hoa biên soạn tại Hongkong năm 1971 “*Nam Hải là vùng biển kéo dài từ Eo Biển Đài Loan đến Quảng Đông*”.

Như vậy Nam Hải không có nghĩa là biển của nước Trung Hoa về phía Nam. Cũng như *Biển Ả Rập*, *Biển Ấn Độ* (Ấn Độ Dương) hay *Biển Nhật Bản* không thuộc chủ quyền riêng biệt của Saudi Arabia, Ấn Độ hay Nhật Bản.

Từ thế kỷ 15 khi phong trào thám hiểm và doanh thương quốc tế phát triển mạnh trên đại dương, các tàu xuyên dương chạy từ Đại Tây Dương qua Mũi Hảo Vọng đến Ấn Độ Dương. Trước hết phải qua *Biển Ả Rập* (Arabian Sea) là **vùng biển chung** của các nước Saudi Arabia, Ba Tư, Đại Hôi, Ấn Độ, Oman và Yemen.

Cũng theo ý nghĩa này, *Ấn Độ Dương* là vùng biển chung của một số quốc gia tại Đông Phi và tại Nam Á như Ấn Độ, Đại Hôi, Tích Lan, Bangladesh, Miến Điện, Thái Lan, Mã Lai, Tân Gia Ba, Nam Dương...

Về phía bắc Thái Bình Dương, *Biển Nhật Bản* cũng là vùng biển chung cho 4 nước: Nhật Bản, Nam Hàn, Bắc Hàn và Nga.

Về phía nam, *Biển Nam Hải* cũng là *vùng biển chung* cho một số các quốc gia Đông Nam Á như Việt Nam, Trung Hoa, Phi Luật Tân, Mã Lai, Brunei, Nam Dương v...v...

Theo cuốn Tự Điển Từ Hải xuất bản năm 1948, “*Nam Hải thuộc chủ quyền chung của 5 quốc gia là Trung Hoa, Việt Nam, Mã Lai, Phi Luật Tân và Đài Loan*”.

Nói tóm lại, nếu Biển Ả Rập, Ấn Độ Dương hay Biển Nhật Bản *không thuộc chủ quyền chuyên độc* của Ả Rập, Ấn Độ hay Nhật Bản, thì Biển Nam Hoa (South China Sea) cũng *không thuộc chủ quyền riêng biệt* của Trung Hoa. Nó là vùng biển tiếp giáp Hoa Nam. Danh xưng chính xác của nó là **Biển Đông Nam Á** (Southeast Asian Sea).

Đây chỉ là một tập quán trong ngôn ngữ hàng hải của các nhà thám hiểm và doanh thương quốc tế. Khi tàu ghé đến nước nào, muốn cho tiện, họ gọi đó là biển của nước ấy như Biển Ả Rập, Biển Ấn Độ, Biển Trung Hoa hay Biển Nhật Bản. Đây không phải là sự bất thông sử sách của các nhà địa lý học Âu Mỹ. Ngay cả người Trung Hoa, với mặc cảm tự tôn sẵn có về thiên quốc hay thiên triều, cũng không dám ghi trong chính sử để độc chiếm danh nghĩa và chủ quyền lãnh thổ của họ tại vùng biển này. Họ muốn bắt chước Đế Quốc La Mã gọi Địa Trung Hải là “*Biển của Chúng Tôi*” (Mare Nostrum/Notre Mer).

Năm 111 Trước CN, Hán Vũ Đế thôn tính Nam Việt do Triệu Vũ Đế thành lập (năm 207 Trước C.N.). Từ đó Nam Việt được đổi tên thành *Giao Chỉ Bộ*, và vùng biển Việt Nam có tên là **Giao Chỉ Dương** chạy từ bờ biển Bắc Việt đến Thanh Hóa, Nghệ An (Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam),

Đời nhà Tống (từ thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ 13) trong cuốn *Lĩnh Ngoại Đại Đáp*, học giả Chu Khứ Phi cũng gọi Biển Nam Hải là *Giao Chỉ Dương*.

Đời nhà Minh (thế kỷ thứ 15), về những chuyến công du của Trịnh Hòa, Mã Hoan viết *Doanh Nhai Thắng Lãm*, và Phi Tín viết *Tĩnh Tra Thắng Lãm* nhắc đến *Thất Châu Dương* tại vùng biển Hoàng Sa, và *Côn Lôn Dương* tiếp giáp Trường Sa.

Đặc biệt dưới đời nhà Thanh, nho sĩ Trần Luân Quýnh viết cuốn *Hải Quốc Văn Kiến Lục* (xuất bản năm 1744), nói về các hải đảo và vùng biển từ Trung Hoa đến các nước Đông Nam Á, đã minh thị xác nhận *Việt Hải* và *Việt Dương* là hai danh xưng của *Biển Việt Nam*:

“Tại Đông Nam Châu Á, đảo Nam Áo nhỏ mà bằng phẳng, vùng có bãi cát thu hút dòng nước từ phía thuyền không đến được, nếu lại gần thì bị cuốn hút không thể quay ra được. Cách Nam Áo 7 canh đường chỗ nổi chỗ chìm đều có ngấn cát dài tới 200 dặm. Phía nam ngấn cát nổi tiếp đến **Việt Hải** là Vạn Lý Trường Sa [Hoàng Sa]. Và phía nam bãi cát ấy lại mọc đá ngầm đến Bãi Thất Châu [Thất Châu Dương] gọi là Thiên Lý Thạch Đường. Thuyền Tây Dương đi Trung Quốc về phía đông Côn Lôn Dương và Thất Châu Dương ở ngoài Vạn Lý Trường Sa đến Phúc Kiến và Chiết Giang. Thuyền Nhật Bản đi Nam Dương phía ngoài Vạn Lý Trường Sa mệnh mông không lấy gì làm chuẩn đích đều từ **Việt Dương** trong khoảng các đảo

ấy mà đến Thất Châu Dương” (Đại Nam Nhất Thống Chí trích dẫn, Hà Nội, 1970).

Trước đó, đời nhà Minh bản đồ Mao Khôn cũng ghi *Giao Chỉ Dương* là vùng Biển Việt Nam.

Về phương diện chính sử, trong 22 thế kỷ từ các đời Tần Hán đến Thế Chiến II, *không thấy tài liệu nào, hay nói rõ hơn, không có câu nào trong sử sách Trung Hoa ghi Hoàng Sa-Trường Sa là lãnh thổ của Trung Quốc*.

Từ khi thôn tính Nam Việt cho đến khi mất ngôi, nhà Tây Hán không có một chút thế lực nào tại vùng biển phía Nam đảo Hải Nam. Trong thời gian này dân Lê (hay Ly) thường nổi dậy chống đối. Rốt cuộc nhà Hán không giữ nổi hai quận Châu Nhai và Đạm Nhĩ. Dưới đời Hán Nguyên Đế (48-33 Trước C.N), theo trình tấu của Giả Quyên Chi, vua Hán đã truyền rút quân khỏi Châu Nhai và Đạm Nhĩ (Hải Nam). Mãi tới các đời Lương Tày trong thế kỷ thứ 6 mới đem quân trở lại.

Câu phú của Bảo Chiếu nói về đại lục Trung Hoa chạy từ Nhạn Môn Quan phía bắc đến miền Trường Hải phía nam chỉ là mơ ước của nhà thi sĩ. Đây là giai đoạn Đại Phân Hóa 170 năm thời Nam Bắc Triều với 7 nước Ngụy, Tề, Chu tại miền bắc và Tống, Tề, Lương, Trần tại miền nam [Tranh thủ thời cơ này, tại Giao Châu, Lý Bôn, Triệu Quang Phục và Lý Phật Tử đã lần lượt nổi dậy chống nhà Lương để dựng nước Vạn Xuân tự chủ và thiết lập nhà Tiền Lý trong 60 năm, từ năm 544 đến 602].

Như vậy, phương pháp của Tề Tân lấy văn chương thơ phú làm tài liệu lịch sử là một sáng kiến kỳ dị trái với khoa học khách quan và sự thật lịch sử.

Mãi đến tháng 3-1974, sau khi Trung Quốc tiến chiếm Hoàng Sa, Tề Tân mới tìm cách biện hộ cho hành động xâm lược này bằng cách viện dẫn những tài liệu về ngoại sử và văn học sử để bao biện bằng *những luận điệu chủ quan và những quyết đoán hồ đồ, vô căn cứ*. (a posteriori gratuitous affirmations). Đặc biệt nhất và kỳ dị nhất là câu phú của Bảo Chiếu đời Nam Bắc Triều.

Lược cứ Tề Tân được phổ biến trên báo Thất Thập Niên Đại Nguyệt San tháng 3-1974 với bài “Nam Hải Chư Đảo Đích Chủ Quyền Dữ Tây Sa Quần Đảo Chi Chiến”. Ngoài bài phú của Bảo Chiếu, tác giả còn trích dẫn một số tác phẩm về ngoại sử và văn học sử trong 22 thế kỷ, từ đời nhà Hán đến đời nhà Thanh.

(Trích trong cuốn “**Đông Hải với Hoàng Sa Trường Sa theo Chính Sử, Ngoại Sử và Văn Học Sử Trung Quốc**” sẽ được xuất bản vào Mùa Xuân tới đây)

Luật Sư Nguyễn Hữu Thông



THƯƠNG NỮ BẤT TRI VONG QUỐC HẬN

--
Nguyễn Trần Quý

LTS. CSVLk Nguyễn Trần Quý, tốt nghiệp Cao học hành chánh, nguyên Giám đốc Nha Công Tác Lập Pháp Thương Nghị viện Việt Nam Cộng Hòa. Hiện là Ủy viên Hội Đồng Thương Vụ Đại Hội Cái Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam

Nước Việt ngày nay còn tồn tại, dân Việt ngày nay còn góp mặt với năm châu là nhờ công ơn của tiền nhân đã bao lần chiến thắng những cuộc xâm lăng của giặc Tàu phương Bắc: Ngay từ những thế kỷ đầu tiên hai bà Trưng đã gươm đao phát cờ khởi nghĩa chống lại sự đô hộ của quân Đông Hán, bà Triệu chống quân Đông Ngô. Đến thế kỷ thứ 10, ông Ngô Quyền lại chiêu tập binh mã đánh đuổi quân Nam Hán về Tàu, để dành lại độc lập cho quê hương. Triều đại nhà Lý cũng đã tốn bao xương máu tại bến sông Như Nguyệt để chặn đứng đoàn quân xâm lược của nhà Tống. Triều đại nhà Trần với những chiến thắng liên tiếp Hàm Tử, Chương Dương, Vạn Kiếp, Bạch Đằng làm quân Nguyên khiếp vía, nên đã giữ nổi non sông trước ba lần xâm lược tàn bạo của quân Nguyên. Lê Lợi cũng chỉ lập nên cơ nghiệp nhà Lê sau 10 năm gian khổ, hao binh tổn tướng chống lại guồng máy cai trị hà khắc của nhà Minh và thời đại Nguyễn Quang Trung cũng đã nhờ những trận đại phá quân Thanh ngay tại Đống Đa, Ngọc Hồi, Hà Hồi, Thăng Long, nên đã bảo vệ được giang sơn toàn vẹn.

Ở cạnh một nước Tàu to lớn, người đông, hung hãn, và thời nào cũng nuôi mộng thôn tính Việt Nam. Việt Nam cũng chỉ tồn tại đến ngày nay nhờ lần nào cũng chiến thắng giặc Tàu xâm lược, mặc dù cuộc chống chọi nào dân Việt cũng phải hy sinh, trăm họ điêu linh, nhưng bắt buộc phải chiến thắng, vì chỉ một lần thua là mất nước.

Ngày nay, giặc Tàu lại đang từng bước lần chiếm Việt Nam bằng những âm mưu thâm độc

hơn, dưới nhiều hình thức khác nhau, nhiều giai đoạn khác nhau. Thay vì chống lại những âm mưu xâm lược ấy, CSVN lại "nổi giáo cho giặc" bằng những "hiệp ước" bán nước, bằng những cuộc đàn áp những người yêu nước, huỷ diệt sức sống của dân tộc. Liệu có còn một giải pháp nào cứu nguy cho đất nước, cho dân tộc?

A-Những nguy cơ mất nước:

1-Phân định lại biên giới trên bộ và trên biển: Những năm vừa qua Trung Quốc và CSVN đã âm thầm ký kết hiệp ước xoá bỏ biên giới cũ, phân định lại cột mốc, làm Việt Nam bị mất đi hàng chục ngàn cây số vuông ở các tỉnh biên giới Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, trong đó có những điểm cao chiến lược, và những địa điểm lịch sử lâu đời như thác Bản Giốc, ải Nam Quan, bãi Tục Lãm. Bản hiệp ước quy định lại ranh giới trên biển cũng huỷ bỏ hiệp ước Thiên Tân, làm Việt Nam mất đi 1/3 diện tích biển trong Vịnh Bắc Việt, nên Việt Nam vừa mất biển, vừa mất tài nguyên, vừa mất một khoảng cách xa cần thiết cho sự phòng thủ bờ biển.(1)

2-Ngăn chặn nguồn nước trên dòng sông Cửu Long: Sông Cửu Long bắt nguồn từ những dãy núi cao bên Tây Tạng, chảy qua các nước Trung Quốc, Lào, Thái. và Việt Nam trước khi đổ ra biển. Sông Cửu Long cung cấp nước và phù sa bồi đắp cho đồng bằng Nam Bộ thêm trù phú, một vựa lúa lớn nhất của Việt nam. Sông Cửu Long cũng là nguồn cung cấp thủy sản dư thừa cho các tỉnh miền Nam. Giờ đây Trung Quốc xây cất hàng

chục con đập khổng lồ trên thượng nguồn, làm cạn giòng sông Cửu Long về mùa khô, nên một số tỉnh ven biển của miền Nam bị nước biển lấn sâu vào nội địa, không còn trồng lúa được: Vừa lúa miền Nam bị đe dọa! Ngoài ra nếu một trong những con đập trên bị vỡ, hoặc Trung Quốc cố tình xả nước những con đập trên thì đồng bằng miền Nam sẽ chìm trong biển nước và hậu quả sẽ vô cùng to lớn, nhà cửa, cầu đường, làng mạc thuộc 6 tỉnh miền Tây sẽ trôi ra biển, mạng sống của hàng chục triệu người Việt sẽ bị đe dọa.(2)

3-Hàng hoá Trung Quốc tràn ngập thị trường Việt Nam: Nhiều năm gần đây nông phẩm và sản phẩm tiêu dùng của Trung Quốc tràn ngập thị trường Việt Nam với giá rẻ vì phẩm chất kém và lậu thuế, nhưng tất cả đã góp phần giết chết nền kỹ nghệ nhẹ của Việt Nam. Hậu quả là trong tương không xa, Việt Nam không còn khả năng sản xuất hàng tiêu dùng, hàng triệu công nhân trong ngành này bị thất nghiệp, cả nước sẽ lệ thuộc vào hàng hóa của Trung Quốc. Từ lệ thuộc thương mại, lệ thuộc kinh tế, đi đến lệ thuộc chính trị chỉ là bước kế tiếp tất nhiên.(3)

4-Khai thác bauxít tại Tây Nguyên: Từ 2 năm qua, CSVN đã cho Trung Quốc vào Tây Nguyên miền Trung VN, độc chiếm khai thác quặng bauxít. CSVN cho biết việc khai thác này sẽ đem về cho ngân sách nhà nước hàng tỉ Mỹ Kim, tạo ra nhiều công ăn việc làm cho dân chúng quanh vùng. Tuy nhiên, đây chỉ là những chiếc bánh vẽ, hoặc lợi ít mà hại thì quá nhiều. Ngay những nhà khoa học và những nhà quân sự trong nước cũng đã dấy lên một phong trào phản bác với những nghiên cứu, chứng minh khoa học cho thấy việc khai thác và chuyên chở khối quặng này sẽ quá tốn kém, không đem lại lợi nhuận như CSVN tuyên bố, nhưng sự thiệt hại thì quá to lớn và rõ ràng:

-Thiệt hại thứ nhất là làm đảo lộn đời sống của hàng triệu đồng bào kinh và thiểu số tại Tây

Nguyên. Họ phải di dời khỏi mảnh đất đã sinh sống từ nhiều đời, nhưng di dời đi đâu, cuộc sống của họ sau đó sẽ ra sao? CSVN không có câu giải đáp! Những đồn điền trà, cà phê, cao su... hiện đang khai thác sẽ bị tiêu hủy, làm mất đi một nguồn tài nguyên xuất cảng hiện thu về hàng tỉ Mỹ Kim mỗi năm.

-Thiệt hại thứ hai là làm ô nhiễm môi trường do những hóa chất thải ra khi sàng lọc quặng bauxít. Sự ô nhiễm này sẽ tiêu diệt cỏ cây, sinh vật, tạo ra những bệnh tật dị thường cho hàng chục triệu con người trong tương lai không xa. Sự ô nhiễm này cũng không phải chỉ xảy ra trong thời gian đang khai thác bauxít, mà cho cả hàng trăm năm sau. Sự ô nhiễm cũng không những chỉ gây hại cho các tỉnh Tây Nguyên, mà còn gây ô nhiễm nguồn nước sinh sống cho các tỉnh miền Đông gồm các tỉnh Long Khánh, Biên Hoà, Bà Rịa, Bình Dương, Gia Định và Thành phố Saigon, vì Tây Nguyên là đầu nguồn của sông Đồng Nai và sông La Ngà, nguồn cung cấp nước cho các tỉnh trên đây.



-Thiệt hại thứ ba còn to lớn hơn nữa: Trung Quốc đã đưa vào Tây Nguyên mấy chục ngàn công nhân người Tàu và còn có thể tăng thêm nhiều nữa, với lý do để khai thác bauxít, nhưng họ lập những khu vực sinh sống riêng biệt ngoài sự kiểm soát của chính quyền địa phương. Liệu có thực họ chỉ là những công nhân hay họ còn là những quân nhân trá hình, những người làm tình báo, khi "tĩnh vi dân" nhưng "động vi binh"? Nếu quả đúng như vậy thì Trung Quốc đã cho quân mai phục ngay tại yếu huyệt của Việt Nam: Sự mất nước đã bắt đầu!(4)

5-Xâm chiếm Hoàng Sa, Trường Sa và hầu hết Biển Đông: Năm 1974 Trung Quốc đánh chiếm một số đảo tại Hoàng Sa thuộc Việt Nam Cộng Hoà, năm 1988 Trung Quốc lại đánh chiếm một đảo khác tại Trường Sa thuộc CSVN. Nghiêm trọng hơn nữa, gần đây Trung Quốc lại ngang ngược cho phổ biến bản đồ lãnh hải "hình lưỡi bò" của Trung Quốc gồm hầu hết Biển Đông mà ranh giới vào sát đất liền Việt Nam,

chỉ cách bờ khoảng 40 dặm và chạy dọc suốt chiều dài bờ biển Việt Nam, bao gồm trọn hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, bao gồm cả các vùng có dầu lửa mà Việt Nam đang cho khai thác. Mặc dù Việt Nam có phản đối (một sự phản đối lấy lệ, yếu ớt), nhưng Trung Quốc bất chấp sự phản đối và coi như việc "không thể tranh cãi" bằng cách cho hải quân xua đuổi, bắt giam các ngư thuyền Việt Nam, ngay trên hải phận Việt Nam. Trung Quốc còn cho các ngư thuyền có vũ trang của họ vào đánh cá sát bờ biển Việt Nam thuộc Quảng Nam, Quảng Ngãi. Các ngư thuyền này chỉ rút đi khi có tàu hải quân CSVN Nam đến "mời" đi nơi khác!(5)

6-Chính sách di dân và đồng hoá: Hiện nay, người Trung Quốc qua lại Việt Nam không cần phải có chiếu khán, nghĩa là người Trung Quốc đi lại trên đất nước Việt Nam như họ đang ở trên đất nước Tàu. Số công nhân Tàu do các nhà thầu Trung Quốc đưa sang làm việc đã tới hàng trăm ngàn người, còn số người qua buôn bán, làm ăn riêng tư thì ngay nhà cầm quyền CSVN cũng không biết được con số chính xác. Báo chí trong nước cho biết có nhiều nơi như Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Lâm Đồng người Tàu sang sinh sống, lập thành những khu phố hay làng mạc riêng như trên đất Tàu. Mới đây lại có tin 10 tỉnh sát biên giới Việt Hoa và Cao Nguyên Trung Phần đã cho Tàu thuê khoảng 200 ngàn mẫu rừng để trồng cây công nghiệp trong thời hạn dài 50 năm, thì rồi lại có thêm hàng trăm làng Tàu mọc lên ở những khu vực này. Rồi đây số hàng trăm ngàn công nhân Tàu hiện ở Việt Nam và hàng triệu người Tàu khác sẽ sang Việt Nam, kết hôn với những phụ nữ Việt và lập nghiệp trên đất Việt thì họa đồng hóa hẳn khó tránh khỏi. (6)

B-Nhà cầm quyền CSVN "nổi giặc cho giặc" :

Nguy cơ mất nước đã khởi đầu và thời gian để Việt Nam tìm ra giải pháp hoá giải thật cấp bách. *Kinh nghiệm của tiền nhân qua hàng ngàn năm lịch sử để lại: để chiến thắng ngoại xâm thì điều kiện quan trọng nhất phải có là từ vua quan cho đến thứ dân phải một lòng chống giặc giữ nước: vua thương dân, lo cho dân như con, dân*

hết lòng trung quân, ái quốc. Điều kiện này hiện nay không có!

Nhà cầm quyền CSVN không lo cho đời sống dân chúng nói chung, mà chỉ dành ưu tiên cho 3 triệu đảng viên. Vì dành ưu tiên cho đảng viên, nên nhà cầm quyền CSVN trở thành một guồng máy cai trị tham nhũng bất trị, đục khoét tài nguyên quốc gia, cướp đất, cướp tài sản của dân, gây nên cảnh oan ức cho hàng triệu người ở khắp mọi tỉnh thành từ Bắc chí Nam nên hàng đoàn người không nhà kéo nhau đi khiếu kiện, năm này qua năm khác, người dân bị đẩy đến đường cùng, tuyệt vọng: một thảm trạng chưa bao giờ từng xảy ra tại Việt Nam! Những người yêu nước, giới trí thức, sinh viên còn lương tri, còn muốn đóng góp cho đất nước, lên tiếng bênh vực cho lẽ phải, cho quyền làm người, cho sự vẹn toàn lãnh thổ của tổ tiên thì bị khủng bố, bị đàn áp, bị cầm tù, làm cho lòng dân ly tán. Nhà cầm quyền CSVN tước đoạt những quyền tự do căn bản của người dân: quyền tư hữu ruộng đất, quyền tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, ngay cả quyền yêu nước cũng không có, nên tạo ra sự chống đối của người dân đối với nhà cầm quyền. Như vậy làm sao nhà cầm quyền có thể huy động được toàn dân một lòng giữ nước?

Từ ngàn xưa Trung Quốc vẫn là một nước lớn, các vua chúa Việt Nam biết nước mình nhỏ hơn nên vẫn tìm cách cầu hoà với Trung Quốc, nhưng không bao giờ sợ hãi Trung Quốc, không để cho Trung Quốc áp đặt lên chính sách trị nước và sẵn sàng đánh trả không để cho Trung Quốc lấn chiếm một tấc đất của tổ tiên. Trái lại CSVN hiện nay coi Trung Quốc là người thầy vĩ đại, chấp nhận làm chư hầu, hay ít ra cũng là "đàn anh, môi hở răng lạnh", nên nhất nhất đều làm theo Trung Quốc, cắt đất, cắt biển dâng cho Trung Quốc và nhất là sợ hãi Trung Quốc, không dám phản đối những hành động xâm lăng trắng trợn của Trung Quốc, ngược lại đàn áp, bỏ tù những người yêu nước chống đối sự xâm lăng ấy. Vậy thì còn mong gì nhà cầm quyền CSVN lãnh đạo cuộc chiến chống Trung Quốc xâm lược!

C- Đây là giải pháp?

Đứng trước nguy cơ mất nước, hẳn ai cũng thấy xót xa và cầu mong sẽ có một lối thoát hiểm

cho đất nước. Người trong nước thì mong chờ khỏi người Việt hải ngoại, người Việt hải ngoại thì mong chờ có sự vùng dậy từ người dân trong nước. Điều mong chờ ấy liệu có xảy ra không? Bao lâu nữa sẽ xảy ra?

Nếu ai cũng giữ thái độ "thương nữ bất tri vong quốc hận" thì điều mong đợi trên đây sẽ chẳng bao giờ xảy đến, đất nước sẽ trở thành một tỉnh, huyện của Trung Quốc và vài ba thế hệ sau sẽ chẳng còn ai biết đến một đất nước từng có tên là Việt Nam. Tuy nhiên nếu mỗi người đều thấy bổn phận con dân đất Việt "quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách", thì dù Trung Quốc trong nhất thời có chiếm được Việt Nam, rồi cũng sẽ phải tìm đường rút chạy về Tàu như đã nhiều lần xảy ra trong quá khứ.

Nếu ví khối đại đa số người Việt trong nước như "một khối thuốc nổ" lớn, có thể phá vỡ thế bí hiện nay cho đất nước, thì khối thuốc nổ ấy đang bị CSVN khống chế, đàn áp, chưa có một "ngòi nổ" khả dĩ làm cho khối thuốc nổ ấy nổ tung, phát huy sức mạnh, nên vẫn nằm yên chờ đợi. Khỏi người Việt hải ngoại hiện nay có nhiều điều kiện có thể đóng vai trò "ngòi nổ", làm cho "khối thuốc nổ" trong nước nổ tung, tiêu diệt thù trong, giặc ngoài. Nhưng để làm được vai trò ngòi nổ, khỏi người Việt hải ngoại cần phải làm gì? Theo truyền thống từ ngàn xưa thì kẻ sĩ, sĩ phu đã là những người luôn có mặt ở hàng đầu khi "non sông chuyển động", để dẫn dắt dân tộc bảo vệ non sông. Tiền nhân đã để lại biết bao gương sáng như Lý Thường Kiệt rành ròi xác định chủ quyền đất nước "*Nam quốc sơn hà Nam đế cư...*", như "Hội nghị Diên Hồng" để cùng thề quyết hy sinh chống giặc, như Trần Bình Trọng "*thà làm quỷ nước Nam, còn hơn làm vương đất Bắc*", như Trần Thủ Độ "*đầu tôi chưa rơi xuống đất xin bệ hạ đừng lo*", như Nguyễn Trãi âm thầm lập kế "*bình Ngô*", như Quang Trung dũng mãnh đánh thắng vào đại quân của giặc...

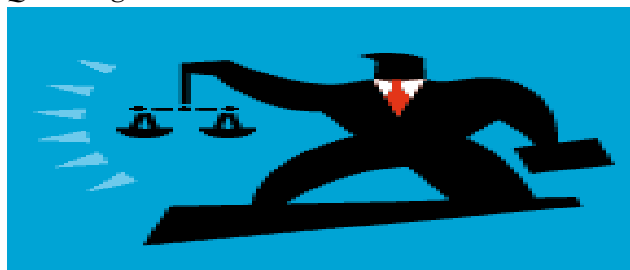
Ngày nay trong lúc tổ quốc lâm nguy, liệu những nhân sĩ, trí thức Việt Nam có thể cùng đặt quyền lợi tổ quốc trên hết, để cố tìm cho ra một phương sách cứu nguy đất nước? Đất nước không phải của riêng ai, thì trách nhiệm cứu nước cũng không phải của riêng ai. Do đó không cần phải

chờ xem có ai lãnh đạo, mà mỗi người đều có bổn phận nhận trách nhiệm phần mình. Tuy nhiên mỗi người hành động riêng lẻ thì ít hiệu quả hơn cùng hành động chung. Xin đan cử một ví dụ: 100 người đứng biểu tình lẻ tẻ, thì ít gây được chú ý, nhưng nếu cũng 100 người đó cùng biểu tình ở một nơi thì chắc chắn sẽ gây được chú ý lớn, và nếu có 1000 người cùng biểu tình thì sẽ tạo được dư luận trong thành phố, còn nếu có 10,000 người cùng biểu tình thì sẽ là một biển cờ vang đi khắp Hoa Kỳ. (Người Việt ở Mỹ nếu đồng lòng, có thể làm nhiều cuộc biểu tình hơn 10,000 người, ở nhiều nơi, nhiều lần, chắc chắn có thể gây áp lực đối với CSVN và Trung Quốc). Do đó, những ai không ở vào hoàn cảnh thuận tiện để lãnh đạo thì cần trợ giúp cho những người có thể lãnh đạo, để tạo nên những hành động có tổ chức, có kế hoạch, hầu qui tụ thành một tổ chức rộng lớn, một Ban Lãnh Đạo sẵn sàng vì đại nghĩa, để cùng nhau giải thoát quê hương khỏi cảnh "thù trong giặc ngoài"? Công việc hẳn nhiên khó khăn, nhưng cũng có thể vượt qua, nếu mỗi người đều tâm niệm "quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách". Công việc hẳn sẽ thiên nan, vạn nan, không bao giờ thành tựu, nếu ai cũng giữ thái độ "thương nữ bất tri vong quốc hận". Việt Nam đang ở vào hoàn cảnh "cùng tắc biến", hy vọng rằng "biến tắc thông". Mong lắm thay!

Cựu SVLK Nguyễn Trần Quý

Tài liệu tham khảo:

- (1) Tài liệu Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng CSVN số 56-TB/TW 30.3.2002
- (2) Các hiểm họa từ thượng nguồn sông Cửu Long. KS Phạm Phan Long, Blog Con dân đất Việt.
- (3) Mối nguy từ hàng Trung Quốc. Đoàn hữu Tuệ. www.thanhnien.com.vn
- (4) Đại kế hoạch Bauxit Tây Nguyên bị phản đối quyết liệt. TuanVietNam.net
- (5) Trung Tâm dữ liệu Hoàng Sa. www.Hoangsa.org
- (6) Thư gửi các bạn trẻ VN kỳ thứ 5: hiểm họa Trung Quốc. NguoiViet online.





CÁI NHỤC LỚN NHẤT CỦA MỘT DÂN TỘC LÀ CÓ MỘT CHÍNH QUYỀN HÈN NHẤT.

Luật Sư Lê Duy San

Nhiều người nghĩ rằng cái nhục lớn nhất của một dân tộc là cái nhục mất nước. Điều này không đúng hẳn. Nước nhỏ, dân ít, bị một nước lớn, dân đông, xâm chiếm là điều thường xảy ra trên thế giới, nhất là vào thời kỳ khoa học, kỹ thuật chưa được tiến bộ. Vấn đề quan trọng là dân tộc đó có ý chí, có quyết tâm để tìm cách lấy lại chủ quyền hay không. Chỉ khi nào dân tộc đó cam chịu số phận mất nước, không có ý chí phục thù, không có quyết tâm giành lại độc lập, mới gọi là nhục.

Nước ta bị người Tàu đô hộ một ngàn năm và bị người Pháp đô hộ gần 100 năm, nhưng dân tộc ta không bao giờ chịu nhục. Lúc nào dân tộc ta cũng tìm cách nổi dậy để đánh đuổi người Tàu, người Pháp ra khỏi bờ cõi, giành lại độc lập cho đất nước và lấy lại chủ quyền cho dân tộc. Nhưng có độc lập, có chủ quyền mà đất bị lấn bị chiếm, biển bị xâm phạm mà chính quyền lại hèn nhát, không dám liên tiếng, thì quả là một cái đại nhục cho dân tộc.

Ngày 19/1/74, trong khi Hải Quân của Việt Nam Cộng Hòa tử chiến với quân xâm lược Trung Cộng để bảo vệ Hoàng Sa thì ngụy quyền Việt Cộng Hà Nội im hơi lặng tiếng một cách hèn hạ, không một lời phản đối Trung Cộng.

Ngày 2/12/07, Trung Quốc phê chuẩn việc thành lập một quận lỵ lấy tên là Tam Sa trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam để trực tiếp quản lý cả hai quần đảo này, ngụy quyền Cộng Sản Việt Nam cũng chỉ dám phản đối một cách yếu ớt qua lời tuyên bố của Lê Dũng, người phát ngôn của Bộ Ngoại Giao Cộng sản Việt Nam, rằng *“Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”,* và rằng *“Hành động này đã vi phạm chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam, không phù hợp với nhận thức chung của Lãnh đạo cấp cao hai nước, không có lợi cho tiến trình đàm phán tìm kiếm biện pháp cơ bản, lâu dài cho vấn đề trên biển giữa hai bên”*.

Ngày 16/5/09, Trung Cộng đã thính thức ra lệnh cấm đánh cá đặc khu kinh tế không lồ bao quanh quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, không phải cả các vùng đang bị tranh chấp mà cả các vùng mà Việt Nam có chủ quyền. Là cơ quan hành pháp, đại diện cho một

quốc gia, đứng trước hành động hỗn xược này của Trung Quốc, đúng lý ra, bộ Ngoại Giao Việt Nam phải cho mời Đại Sứ Trung Quốc tới để phản đối hoặc gửi công hàm phả đối với lời lẽ thật mạnh mẽ và cương quyết như *“vi phạm chủ quyền của Việt Nam”* *“xâm phạm lãnh hải Việt Nam”* và *“yêu cầu Trung Quốc tôn trọng chủ quyền Việt Nam, lãnh hải của Việt Nam cũng như quyền đánh cá của ngư dân Việt Nam”*.

Theo phát ngôn viên của chính quyền Việt Cộng thì bộ Ngoại Giao Việt Cộng đã yêu cầu Đại Sứ Trung Quốc tại Hà Nội kêu gọi chính phủ Bắc Kinh ngừng các hoạt động trên biển. Nhưng thực ra chính quyền Cộng Sản Việt Nam không những đã không dám phản đối mà chỉ xin xỏ một cách hèn hạ như *“đề nghị phía Trung Quốc không nên có các hoạt động cản trở hoạt động bình thường của ngư dân Việt Nam”* hoặc *“việc Trung Quốc tăng cường tuần tra sẽ dẫn tới có thêm nhiều vụ bắt bớ ảnh hưởng tới các hoạt động đánh bắt cá bình thường của ngư dân Việt Nam tại khu vực đánh bắt cá truyền thống của Việt Nam”*.

Thế nào là *“khu vực đánh bắt cá truyền thống”* ? Phải chăng đó là ngôn từ ngoại giao của bè lũ bán nước Nông Đức Mạnh, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Phú Trọng, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Văn An ? Ôi, nghe sao mà hèn hạ vậy? Nếu không dám dùng những danh từ đao to, búa lớn, những danh từ sắc mùi khác mầu mà bọn mi đã dùng trong thời gian xâm chiếm miền Nam thì ít nhất cũng phải dùng những chữ cho rõ nghĩa, cho đúng với ngôn từ của một quốc gia độc lập và có chủ quyền như: *“không được có những hành động cản trở những hoạt động bình thường của ngư dân Việt Nam”* hoặc *“không được xâm phạm tại khu vực đánh cá thuộc chủ quyền của Việt Nam”* v.v.... Đúng là phương khôn nhà đại chợ, chỉ quen áp bức dân lành.

Hèn mạt, không dám phản đối quan thầy Trung Quốc, nhưng lại sợ lòng yêu nước của người dân nổi dậy, bọn lãnh đạo hèn nhát Việt Cộng quay sang tìm cách đàn áp những người bất đồng chính kiến để bịt miệng, đúng như tờ báo chui, *“Báo Sinh Viên Yêu Nước”* của anh em Sinh Viên trong nước đã nhận định

trong cổ báo thứ 5: “Thời gian qua, sự kiện Trung Quốc khai thác Bauxit ở Tây Nguyên còn đang bị dư luận phản đối. Vụ ngư dân Việt Nam đã không dám đánh cá vì bị tàu Trung Quốc tấn công. Vụ lãnh hải Việt Nam bị thu hẹp vì Trung Quốc dùng sức mạnh bá quyền công khai áp lực. Vụ luật sư Cù Huy Hà Vũ dám ra mặt kiện Nguyễn Tấn Dũng. Trước áp lực dư luận có nguy cơ bùng nổ, phó bày bản chất yếu hèn, phản động của đảng CSVN trước tham vọng xâm lăng Việt Nam của Trung Quốc. Hà nội quyết định bắt luật sư Lê Công Định cũng là cách để chuyển dư luận chống đối sang ngã rẽ khác, vừa răn đe thành phần đấu tranh dân chủ, vừa nhả nhủ giới luật sư, trí thức, thanh niên sinh viên Việt Nam đang manh nha hình thành lực lượng nhằm phản đối vụ khai thác Bauxit và những quyết định bạc nhược, hèn yếu của Chính trị bộ đối với quan hệ Trung - Việt.

Hắn chúng ta còn nhớ, cách đây gần 2 năm, sau khi biết tin Trung Cộng công khai xâm chiếm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam và sát nhập vào một quần đảo khác của Trung Cộng để thành lập một quận lỵ lấy tên là Tam Sa, các học sinh và sinh viên Việt Nam cùng đồng bào trong nước đã tổ chức 2 cuộc biểu tình vào ngày 9/12/07 tại Saigon và Hà Nội để phản đối hành động xâm lược của Trung Quốc. Bọn nguy quyền Cộng Sản Hà Nội, không những không ủng hộ hay khuyến khích mà lại còn bắt bớ, cầm đoán và hăm dọa. khiến một nữ sinh viên quía uất ức đã vừa khóc vừa la: “Chúng cháu đến đây để thể hiện lòng yêu nước của mình...tại sao lực lượng an ninh lại ngăn cản lòng yêu nước của chúng cháu...? ngăn chặn chúng cháu lại và không cho chúng cháu vào tham gia cùng mọi người...? Tại sao? Tại sao?. Và một thanh niên khác, không dẫn được sự tức giận, đã hiên ngang đập mạnh tay xuống bàn và la lớn: “Các ông chỉ biết lo cho cái ghế của các ông, các ông chỉ biết tham nhũng”.

Thật là một điều nghịch lý khi những nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam gán cho những người Việt Nam yêu nước dám bày tỏ thái độ, lập trường của mình trước những vấn đề liên quan đến sự tồn vong của đất nước, của dân tộc lại bị gán cho những tội danh như “xâm phạm an ninh quốc gia”, “lợi dụng quyền tự do, dân chủ để xâm hại quyền lợi nhà nước” để bỏ tù những người yêu nước như nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa, nhà giáo Vũ Hùng, sinh viên Nguyễn Tiến Nam cho tới các bloggers Điều Cây Nguyễn Hoàng Hải, Mẹ Năm Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, Người Buôn Gió Bùi Thanh Hiếu, rồi nhà báo Phạm Đoan Trang, cùng nhiều người khác nữa có tâm huyết với đất nước đã không tránh khỏi cảnh tù tội hay những sự trù dập, đàn áp dã man.

Ngày nay chúng ta đã thấy, người dân đã dám bàn chuyện chính trị, dám phê phán chính quyền công khai, không còn dè dặt và sợ hãi như những năm trước nữa. Nhiều người còn dám rủ nhau đi kiện, đi biểu tình phản đối những vụ chính quyền trưng dụng nhà cử đất đai của họ. Các anh em sinh viên cũng đã dám ra một tờ báo chui gọi là Báo Sinh Viên Yêu Nước để bày tỏ thái độ và các trí thức trong nước cũng đã dám công khai bày tỏ lập trường, họ không còn sợ hãi trước sự hù dọa hay sự bắt bớ, giam cầm, bỏ tù một số người chống đối của nguy quyền Cộng Sản Việt Nam. Một vài luật sư đã dám tranh luận thẳng thừng với các chánh án Việt Cộng để bênh vực cho thân chủ trong các vụ án có liên can tới chính trị. Nhưng số người này còn quá ít ỏi, vẫn chưa đủ, cần phải đông đảo hơn nữa, tích cực hơn nữa, mạnh mẽ hơn nữa cho tới khi nào chế độ Cộng Sản Việt Nam bán nước phải cáo chung.

Một người dân trong nước cũng viết: “Tôi bản thân tự hỏi, chính quyền hiện hành có còn là chính quyền của dân tộc VN hay không ? Tự hỏi để rồi ngâm trả lời :Không, không, không. Chính quyền này không phải là của dân tộc VN, mà là chính quyền của đảng cộng sản VN ! Tôi và bao bậc cha mẹ khác lẽ nào đưa con mình đi cầm súng để bảo vệ đảng nó lệ như thế này ??? Tôi đã rớt nước mắt. **Tệ hại quá, tôi phải “nướng” con tôi cho lũ cầm quyền phản dân tộc này sao? Tôi sẽ phải làm thế nào ? Cầm súng bảo vệ đất nước thì tôi không sợ, cầm súng chống bọn xâm lấn Trung Cộng thì tôi sẵn sàng đưa con tôi lên đường ! Còn cầm súng, hi sinh con cái chúng tôi cho quyền lợi riêng của đảng cộng sản VN thì khác nào sự ngu xuẩn, hơn nữa, đó là sự nhục nhã !**

Thật không có cái nhục nào to lớn bằng cái nhục của một dân tộc có một chính quyền hèn hạ và đốn mạt như chính quyền cộng sản Việt Nam ngày nay, một chính quyền bán nước hại dân, chỉ biết tham nhũng và hiếp đáp dân lành. Không những thế, bọn nguy quyền Cộng Sản Việt Nam còn muốn tất cả dân tộc Việt Nam phải hèn nhát như bọn chúng. Vì thế nếu có người nào can đảm, dám biểu lộ lòng yêu nước và dám nói lên những việc làm sai trái, đốn mạt của bọn chúng, là bọn chúng tìm cách đàn áp và bắt giam như ta đã thấy. Không biết người dân còn chịu đựng sự nhục nhã này tới bao giờ mới tìm cách lật đổ bọn hèn nhát này xuống để trị tội?

Luật Sư Lê Duy San



Nguyễn Tấn Dũng mưu toan hoàn tất tiến trình dâng Trường Sa, Hoàng Sa, Vịnh Bắc Việt cho Trung Cộng qua hai hồ sơ nộp LHQ!

“Hà Nội đã lùi bước khi vẽ hải-đồ nộp LHQ: 3/4 biển Hoàng Sa nằm trong hải-phận Trung Quốc; 4/5 biển Trường Sa không còn nằm trong hải-phận Việt Nam!” [Cựu Hạm-trưởng VNCH Vũ Hữu San]

Tường trình - Nhận định: CSVLK Sài Gòn **Nguyễn Thành**

LTS. *Ls Nguyễn Thành, cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn, điều hợp viên của “Ủy Ban Công Lý và Hòa Bình Cho Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam”, là người chuyên tâm nghiên cứu và có nhiều bài viết có giá trị sử liệu và pháp lý liên quan đến vấn nạn lãnh thổ, lãnh hải và các hải đảo của Việt Nam trước họa xâm lăng của Trung cộng. Chúng tôi trân trọng giới thiệu bài Tường trình – Nhận định của Ls. Nguyễn Thành về hồ sơ Hà Nội nộp LHQ về vấn đề Hoàng Sa và Trường Sa của VN đến quý đồng môn Luật khoa Sài Gòn, thân hữu và độc giả.*

I. Ủy Ban Thềm Lục Địa Thông Cáo

Ủy Ban Phân Ranh Thềm Lục Địa [từ đây viết là **Ủy Ban**=Commission] đã kết thúc khoá họp 24 về thềm lục địa mở rộng ngoài 200 hải lý tại trụ sở LHQ, New York, ngày 11/12/2009. Thông Cáo rất dài của Ủy Ban đã được phổ biến trên trang nhà “UNCLOS” và người viết bài này tóm lược một số điều cần biết và liên quan tới VN dưới đây.

1. Ủy Ban cho biết đã nhận được 35 hồ sơ mới cho khóa họp 24, từ 10/8/2009 đến 11/9/2009; trong số này có 2 hồ sơ của Hà Nội. Tuy là khóa họp 24 nhưng là khóa họp đầu tiên dài nhất của Ủy Ban về thềm lục địa mở rộng sau hạn kỳ nộp đơn 10 năm, hạn chót là 13/5/2009. Vì số lượng hồ sơ quá nhiều nên Ủy Ban đã phải họp thêm 2 lần, mỗi lần 1 tuần lễ vào đầu tháng 11 và 12/2009. Tuy vậy, Ủy Ban vẫn chưa giải quyết được gì về 35 hồ sơ mới này.

Ủy Ban đã dành gần hết khóa họp để giải quyết 5 hồ sơ cũ [của Pháp, Barbados, Anh và North Ireland, Indonesia, Nhật] tồn đọng từ các khóa họp cũ. Dù cả 5 hồ sơ này đều đã được các **Tiểu Ban** [Sub-Commission] thành lập bởi các khóa họp cũ xem xét và đề nghị khuyến cáo, Ủy Ban chỉ giải quyết dứt điểm được 1 hồ sơ của Pháp, nộp từ hơn 2 năm trước. Bốn hồ sơ cũ còn lại, Ủy Ban có giải quyết thì sớm nhất cũng cuối năm 2010.

Ủy Ban đã nghe đại-diện 18 nước trình bày về hồ sơ mở rộng thềm lục địa và VN là nước duy

nhất trong số 18 nước này đã nhờ chính chuyên viên của Ủy Ban Thềm Lục Địa giúp soạn thảo hồ sơ. Ngày 27/8/2009, đại diện Hà Nội được trình bày trước Ủy Ban về hồ sơ ngày 6/5/2009 liên quan tới Nam Biển Đông trong đó có Trường Sa và ngày 28/8/2009 trình bày về hồ sơ 7/5/2009 liên quan tới Bắc Biển Đông trong đó có Hoàng Sa và Vịnh Bắc Việt.

2. Về **Thủ Tục Cứu Xét**, muốn mở rộng thềm lục địa ngoài 200 hải lý, nước ven biển phải nộp hồ sơ cho Ủy Ban. Hồ sơ gồm bản đồ với toạ độ rõ ràng và cách tính toạ độ để qui định đường ranh thềm lục địa ngoài 200 hải lý theo qui định của Luật Biển LHQ. Tổng Thư Ký LHQ phải thông báo bằng văn bản cho các nước hội viên Luật Biển khi nhận hồ sơ và phổ biến văn bản này trên trang nhà “UNCLOS.”

Để giải quyết hồ sơ, Ủy Ban phải chỉ định 1 Tiểu Ban 7 người để xem xét hồ sơ. Tiểu Ban họp riêng khi xét hồ sơ, có thể yêu cầu nước liên hệ cung cấp thêm tài liệu hay thay đổi hồ sơ, phải thông báo cho nước liên hệ biết kết luận về hồ sơ và phải đọc cho nước này biết các **khuyến cáo** [Recommendations] của Tiểu Ban trước khi đệ trình Ủy Ban.

Nước liên hệ được quyền tham dự buổi họp của Ủy Ban để trình bày quan điểm về khuyến cáo của Tiểu Ban. Ủy Ban cũng có thể yêu cầu nước liên hệ thay đổi một phần hay toàn bộ hồ sơ cho hợp với Luật Biển. Nếu Ủy Ban không có ý kiến khác

thì khuyến cáo của Tiểu Ban sẽ là quyết định của Ủy Ban. Quyết định của Ủy Ban có giá trị chung quyết và ràng buộc nước liên hệ.

3. **Ủy Ban hiện nay** do Đại Hội Đồng các nước hội viên Luật Biển [hợp năm 2007] bầu ra, gồm 21 ủy viên, nhiệm kỳ 5 năm [2007 - 2012]. Như thế, Ủy Ban chỉ có thể thiết lập tối đa 3 Tiểu Ban; do đó, việc giải quyết hồ sơ rất chậm và thường mất vài năm. [Thí dụ: Hồ sơ Brazil nộp ngày 17/5/2004, Ủy Ban giải quyết ngày 9/4/2008, mất 4 năm; hồ sơ của Cuba nộp 1/6/2009 [tức sau 13/5/2009 17 ngày], Ủy Ban quyết định năm 2030 mới giải quyết, tức 20 năm nữa]

Điều cần lưu ý ở đây là trong số 21 ủy viên của Ủy Ban đương nhiệm - có quyền cứu xét và chấp thuận hồ sơ mở rộng thêm lục địa đến năm 2012 - có 3 đại diện của 3 nước CS Trung Cộng, Bắc Hàn và Nga.

Điều cần lưu ý nữa là trước khi Ủy Ban họp để cứu xét hồ sơ thì các nước hội viên Luật Biển họp trước để thông qua chương trình nghị sự của Ủy Ban. **Ủy Ban chỉ có 2 nhiệm vụ:** a) Cứu xét và chấp thuận hồ sơ thêm lục địa mở rộng ngoài 200 hải lý và b) Cố vấn về khoa học và kỹ thuật biển cho các nước ven biển, nếu được yêu cầu. [1]

Tóm lại, căn cứ vào Thông Cáo của Ủy Ban [và Luật Biển LHQ] thì Hà Nội có lợi thế cầm quyền và hội viên Luật Biển nên “độc quyền” nộp hồ sơ về thêm lục địa mở rộng của VN và độc quyền “nhào nặn” hồ sơ theo “ý đồ” sau khi nộp. Trong số 21 ủy viên của Ủy Ban đương nhiệm có đại diện của Nga, Trung Cộng và đàn em Bắc Hàn là một lợi thế khác của Hà Nội. Hà Nội đã nghiên cứu rất kỹ Luật Biển và nhận ra lợi thế cũng như “kẻ hở” của Luật Biển. Hà Nội đã bắt ngờ nộp hồ sơ vào phút chót là có sự đồng ý của Bắc Kinh vì đã đến lúc phải hoàn tất việc dâng Hoàng Sa, Trường Sa và phần lớn Vịnh Bắc Việt cho Trung Cộng và những gì đang xảy ra trên Biển Đông đã chứng tỏ cho sự tăng tốc đòi hỏi này của bành trướng Bắc Kinh.

II. Hà Nội nộp hồ sơ cho Ủy Ban Thêm Lục Địa

[Người viết xin được tóm lược dưới đây bài phân tích 2 hồ sơ của Hà Nội nộp LHQ đã thuyết trình ở 2 buổi Hội Luận do TS Nguyễn Thanh Liêm [cựu Thứ-trưởng Giáo-dục VNCH] tổ chức ở Nam CA, Hoa Kỳ, ngày 25 & 26/7/2009].

A. Hà Nội không mở rộng Thêm Lục Địa VN, chỉ xác nhận Vùng Đặc Quyền Kinh Tế. [2] [3]

1. **Ngày 13/5/2009** là hạn kỳ chót để nộp hồ sơ mở rộng thêm lục địa, không phải là ngày chót để xác định Vùng Đặc Quyền Kinh Tế 200 hải lý. Hà Nội bỏ phí suốt 10 năm [tính từ 13/5/1999], chỉ còn vài ngày là hết hạn thì bắt ngờ nộp 2 hồ sơ nhưng không xin mở rộng mà xác nhận thêm lục địa VN có 200 hải lý; việc xác nhận 200 hải lý này Hà Nội đã làm từ ngày 12/11/1982 rồi. Ngoài ra, ai cũng biết là hiện nay Đảng CSVN hoàn toàn lệ thuộc vào Đảng CSTH; do đó, nếu không có sự chấp thuận của Bắc Kinh thì không khi nào Hà Nội dám nộp hồ sơ.

2. Theo Luật Biển, **Vùng Đặc Quyền Kinh Tế** rộng 200 hải lý thuộc chủ quyền tuyệt đối và đương nhiên của các nước ven biển, không cần phải đăng ký. Nếu xảy ra tranh chấp ở vùng này thì có thể nhờ Toà Án Quốc Tế Hamburg hay Toà Án Quốc Tế La Hague phân xử hoặc đưa ra trước Hội Đồng Bảo An LHQ nếu có xâm lăng.

Hà Nội ký Luật Biển từ ngày 10/12/1982 và phê chuẩn ngày 25/7/1994, tức rất sớm, tất phải biết rõ những điều trên đây. Khi Trung Cộng lần chiếm Vùng Đặc Quyền Kinh Tế 200 hải lý của VN, bắn giết bừa bãi ngư dân VN hành nghề hợp pháp trong vùng và dùng võ lực xâm lăng Trường Sa, Hà Nội có trách nhiệm phải nhờ các cơ quan thẩm quyền phân xử, trừ khi đã ngầm dâng vùng này cho Bắc Kinh nên Trung Cộng mới ngang ngược trắng trợn như vậy.

Điều 8 Luật Biển LHQ qui định:

-**Đường căn-bản** [Baseline] là lần nước thủy triều xuống thấp nhất. Nội-hải [Internal water] là vùng biển bên trong đường căn-bản

-**Lãnh-hải** [Territorial water] là vùng 12 hải lý ngoài đường căn-bản

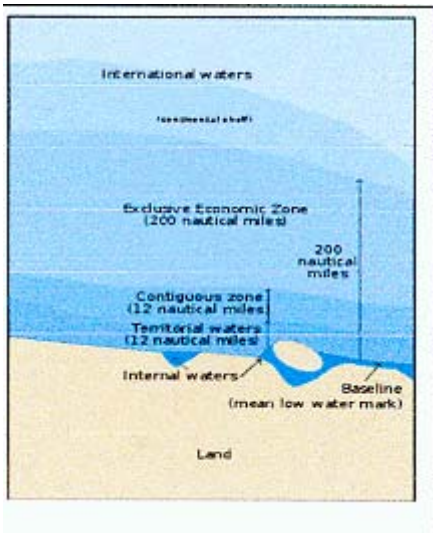
-**Hải-phận** [Contiguous Zone] là vùng biển ngoài lãnh-hải

-**Vùng đặc quyền kinh tế** [Exclusive Economic Zone] 200 hải lý

-**Thềm lục địa** [Continental Shelf] 200 hải lý, tức là Thềm Lục Địa trùng điệp với Vùng Đặc Quyền Kinh Tế 200 hải lý

-**Thềm Lục Địa mở rộng** [Extended Continental Shelf]: Luật Biển qui định từ 13/5/1999 các nước ven biển có thời hạn 10 năm để xin mở rộng thềm lục địa đến tối đa 350 hải lý. Thềm Lục Địa **mở rộng hay nền lục địa** [continental margin] có thể kéo dài tới 350 hải lý nếu đáy biển là sự tiếp nối tự nhiên từ đất liền ra biển [như trường hợp VN].

-Lưu ý: **Lãnh hải** rộng 12 hải lý; **Hải phận** là vùng biển từ lãnh hải ra khơi và có thể rộng 350 hải lý, tức **thềm lục địa mở rộng hay nền lục địa**.



[Xin đọc bản đồ của LHQ kê bên để thấy rõ Hà Nội không xin mở rộng Thềm Lục Địa VN mà chỉ xác định Vùng Đặc Quyền Kinh Tế]

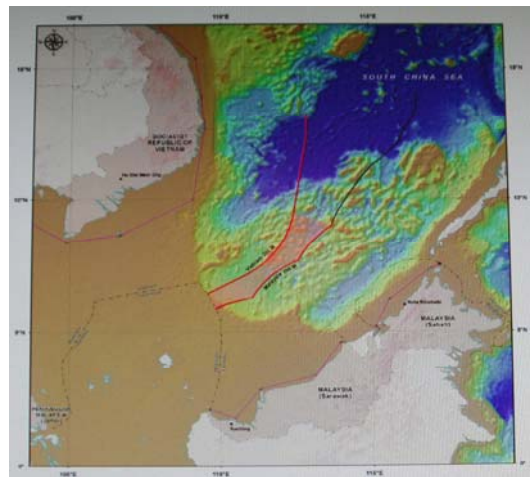
3. **Biển Đông** rộng gần 1 triệu 100 ngàn hải lý vuông, Vịnh Bắc Việt chiếm hơn 1/3 diện tích Biển Đông, VN nằm sát bên Biển Đông và bờ biển dài 3,260 km, trải qua 13 vĩ độ, từ vĩ độ 21 N đến vĩ độ 8 N. Nếu **Thềm Lục Địa VN mở rộng ra 350 hải lý theo qui định của Luật Biển LHQ thì hải phận VN rộng gấp 4 lần đất liền và bao gồm luôn Hoàng Sa Trường Sa** vì khi đó hai quần đảo này nằm gần trọn trên Thềm Lục Địa mở rộng hay địa chất 350 hải lý của VN.

Cần biết là 2 nhóm đảo Hoàng Sa và Trường Sa chỉ có một phần rất nhỏ nằm cách bờ biển VN 200 hải lý, hầu hết các đảo của hai nhóm này đều nằm rất xa ngoài khơi, có nơi cách bờ biển VN tới

400 hải lý. Hà Nội biết rõ điều này nên khi xác nhận Thềm Lục Địa VN chỉ 200 hải lý là có ý đồ gạt Trường Sa Hoàng Sa ra ngoài hải phận VN.

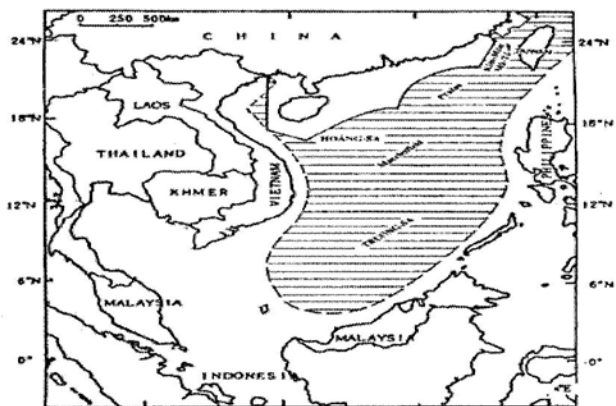
B. Hà Nội gạt Trường Sa ra ngoài hải phận 200 hải lý của VN

1. Hà Nội không xin mở rộng thềm lục địa VN ra 350 hải lý mà VN có đủ điều kiện để được hưởng mà xác nhận hải phận VN có 200 hải lý và bản đồ kèm theo hồ sơ 6/5/2009 thì gạt hầu như toàn bộ Trường Sa ra ngoài hải phận VN.



[Bản đồ hồ sơ 6/5/2009 của Hà Nội, đường ranh 200 hải lý của VN màu đỏ bên trái]

Trung Cộng ký Luật Biển ngay từ ngày đầu 10/12/1982 và phê chuẩn ngày 7/6/1996 nhưng chưa bao giờ tôn trọng. Trung Cộng còn tự ban hành luật biển riêng vào năm 1992 và công bố bản đồ hình lưới bò chiếm 80% Biển Đông, bất chấp các qui định của Luật Biển LHQ.



Hình 103. Hải-phận Trung-Cộng đòi hỏi quá đáng

Bản đồ lưỡi bò Trung Cộng lần sát bờ biển VN ở nhiều nơi, có nơi [ở Quảng Ngãi] chỉ cách bờ biển VN 40 hải lý, vi phạm Vùng Đặc Quyền Kinh Tế 200 hải lý của VN, chạy xuống tận đảo Natuma của Nam Dương, tức cách lục địa Trung Hoa gần 1000 hải lý, trong lúc Luật Biển qui định thêm lục địa mở rộng cũng không được vượt quá 350 hải lý.

2. Trung Cộng không nộp hồ sơ mà chỉ cho đại diện tại LHQ gửi công hàm ngày 8/5/2009 cho Tổng Thư Ký LHQ để yêu cầu Ủy Ban không cứu xét hồ sơ của VN và Mã Lai. Kèm với công hàm là bản đồ lưỡi bò mà Trung Cộng biết chắc Ủy Ban sẽ không thể nào chấp thuận được vì nó trái ngược với các qui tắc của Luật Biển LHQ.

Ủy Ban Thềm Lục Địa không có quyền chia ranh giới biển. Nguyên tắc của Ủy Ban là khuyến khích các nước liên hệ tự giải quyết việc phân ranh với nhau. Nếu có tranh chấp giữa 2 hay nhiều nước thì Ủy Ban có thể không chấp thuận hồ sơ của cả 2 hay nhiều nước.

3. Tuy thế, vấn đề chưa hẳn phải kết thúc ở đây. Các nước liên hệ còn quyền đưa vấn đề ra trước

Toà Án Quốc Tế chuyên về biển ở Hamburg, Đức-quốc hay Toà Án Quốc Tế ở La Hague, Hoà Lan.

Đưa ra Toà Án Quốc Tế La Hague thì cũng như không, chẳng giải quyết được gì vì theo quy chế của Toà này thì hai bên tranh tụng có quyền “không thi hành” phán quyết của Toà cho dù chính họ nhờ Toà phân xử.

Trái lại, phán quyết của Toà Án Quốc Tế Hamburg chuyên về Luật Biển thì có giá trị chung quyết và các bên tranh tụng phải chấp hành. Nhưng vấn đề là Hà Nội có dám tiến tới hay không? Điều này rất khó xảy ra lúc này vì ai cũng biết đảng CSVN hiện nay hoàn toàn lệ thuộc đảng CSTH. Bắc Kinh bảo sao thì Hà Nội cúi đầu làm vậy.

C. Hà Nội gạt Hoàng Sa ra ngoài hải phận 200 hải lý của VN

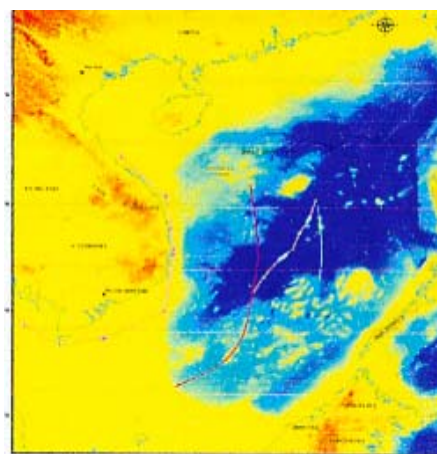
1. Ngày 7/5/2009, Hà Nội nộp Ủy Ban liên quan đến phía Bắc Biển Đông, tức Vịnh Bắc Việt và quần đảo Hoàng Sa. Tuy lời mở đầu hồ sơ này có

nói Hoàng Sa Trường Sa là của VN và nói tới việc mở rộng Thềm Lục Địa VN ngoài 200 hải lý nhưng phần văn bản thì lờ đi và đường ranh 200 hải lý ở bản đồ thì gạt Hoàng Sa ra ngoài hải phận VN.

Bản đồ hồ sơ 7/5/09 của Hà Nội [dưới đây] vùng xin mở rộng có hình tam giác ngược, đỉnh ở dưới và cạnh đáy nằm nghiêng ở trên

2. **Đường ranh giới 200 hải lý VN** màu đỏ chạy từ vĩ tuyến 10 N lên phía Bắc, khi vừa gặp quần đảo Hoàng Sa ở vĩ tuyến 15 N thì đột ngột dừng lại. **Đường vẽ ở bản đồ của Hà Nội không chính xác**; Hà Nội cố ý vẽ đường ranh 200 hải lý này nhô lên tận vĩ tuyến 16 N, trong lúc hồ sơ ghi đường ranh này dừng lại ở 15 N 067, tức chỉ nhô khỏi 15 N một chút, chứ không thể tới vĩ tuyến 16 N được.

3. **Vùng biển Hà Nội nói là mở rộng** ra ngoài 200 hải lý trong hồ sơ 7/5/2009 có hình tam giác ngược, đỉnh rất nhọn phía dưới và ở vĩ tuyến 10 N 798, cạnh đáy hơi nghiêng nằm chéch ngang phía trên; cạnh phía Đông có đỉnh ở vĩ tuyến 15 N 067, và cạnh phía Tây với đỉnh ở vĩ tuyến khoảng 15 N 200.



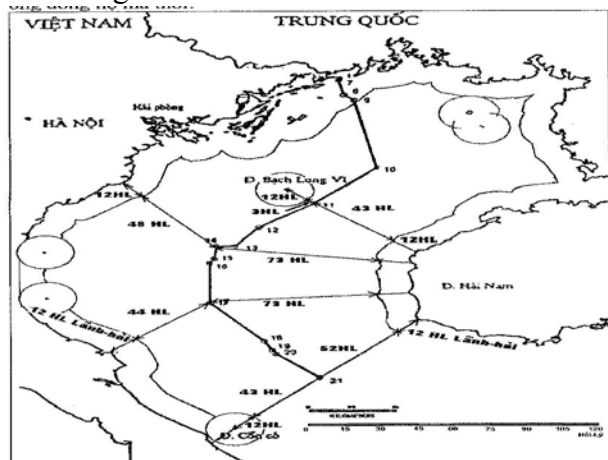
Đỉnh của hình tam giác ngược mở rộng nằm cách xa nhóm Trường Sa, cạnh đáy nằm chéch ngang ở phía trên chưa đụng nhóm

đảo Hoàng Sa đã dừng lại vì nhóm đảo Hoàng Sa chỉ nằm từ vĩ tuyến 15 N đến 17 N, **tức Hoàng Sa Trường Sa đều ở ngoài tam giác xin mở rộng.**

Tóm lại, vùng biển Hà Nội xin mở rộng ngoài 200 hải lý hình tam giác ngược chỉ là một vùng nước biển, dưới cố tránh đụng Trường Sa, trên cố né chạm Hoàng Sa, tức chẳng ảnh hưởng gì tới phần chính của hai quần đảo này hay đụng chạm đôi chút đến nhóm Trường Sa thì cũng chỉ là một vài đụn hay đá mà thôi.

D. Hiệp ước 25/12/2000 làm VN mất phần lớn Vịnh Bắc Việt

1. Ngày 25/12/2000, Đảng CSVN và Đảng CSTH ký hiệp ước phân định lại Vịnh Bắc Việt, nhưng dấu kín nội dung trong nhiều năm tuy dư luận đã âm ỉ từ trong nước ra hải ngoại việc Đảng CSVN đã dâng cho Đảng CSTH 11 ngàn km² vùng Vịnh Bắc Việt qua hiệp ước lén lút này. Đến khi 1 bản đồ trong 1 hồ sơ mật của Hà Nội bị phát hiện thì giới nghiên cứu cho rằng Hà Nội đã dâng cho Bắc Kinh tới 20 ngàn km² Vịnh Bắc Việt, chứ không chỉ 11 ngàn km².



[Bản đồ trong hồ sơ mật của Hà Nội về hiệp-ước Vịnh Bắc Việt 25/12/2000 bị phát hiện]

Trong số 21 điểm qui định trong bản đồ đính kèm hiệp ước 25/12/2000, ngoại trừ điểm 1 nằm ở vĩ tuyến 21 độ Bắc, tức cửa sông Bắc Luân [ranh giới tỉnh Móng Cai/VN và tỉnh Quảng Đông/TH], các điểm mốc từ số 2 đến số 21 đều lún sâu vào bờ biển VN. Thí dụ: Điểm mốc 17 cách bờ biển VN 44 hải lý và nhưng cách đảo Hải Nam 73 hải lý; tức TH vượt trội VN 29 hải lý; sự phân chia không đồng đều và cũng không giữa bờ biển với bờ biển hay đảo với đảo như Luật Biển qui định.

2. Trước dư luận lên án đảng CSVN lén lút dâng biển cho đảng CSTH ngày càng dữ dội, ngày 28/1/2002 Lê Công Phụng [Thứ-trưởng Ngoại Giao - Trưởng đoàn đàm phán về biên giới và phân định lại Vịnh Bắc Việt] lên tiếng thanh minh thì lại càng lộ ra chẳng những Đảng CSVN đã bán nước cho Đảng CSTH từ lâu mà chính Phụng cũng dối gạt trắng trợn về Luật Biển LHQ và có trách nhiệm chính trong việc mất đảo mất biển qua hiệp ước 25/12/2000.

Theo Lê Công Phụng, chính TBT Đỗ Mười [năm 1993] và TBT Lê Khả Phiêu [1997] đã sang tận Bắc Kinh để “thỏa thuận các nguyên tắc căn bản về biên giới và lãnh hải” với TBT Giang Trạch Dân. Phần Phụng thì dối gạt trắng trợn rằng y đã “căn cứ vào các qui định của Luật Biển LHQ và các nguyên tắc quốc tế và tập quán” trong lúc đàm phán với phía Bắc Kinh. Sự thực trái ngược hẳn lời Phụng nói với báo chí và sau đây là vài dẫn chứng:

a] Theo Luật Biển, nếu 2 bên không thể thỏa thuận được với nhau thì phân chia lãnh hải theo “đường trung tuyến” [median line]. Đường trung tuyến ở đây phải là đường giữa đảo Bạch Long Vĩ của VN và đảo Hải Nam của TH và khoảng cách phải bằng nhau giữa 2 đảo này. Nhưng Phụng bất chấp điều luật này và chấp thuận đường phân chia cách Bạch Long Vĩ 15 hải lý và cách Hải Nam tới 55 hải lý, tức không đều nhau và TH vượt trội VN tới 40 hải lý.

b] Luật Biển qui định đường trung tuyến phải chạy giữa 2 đường bờ biển hay giữa đảo với đảo. Phụng cũng bất chấp qui định này và chấp thuận đường trung tuyến giữa đảo Hải Nam TH với bờ biển VN, hy sinh đảo Bạch Long Vĩ của VN vì theo luật thì đường trung tuyến phải giữa đảo Bạch Long Vĩ VN với đảo Hải Nam TH.

c] Tòa Án Quốc Tế, Án lệ Lybia kiện Malta [1985], đã phán quyết: Đảo dù lớn đến đâu cũng không bình đẳng với Lục-địa được và không cho đảo Malta được có hải phận rộng bằng lục địa nước Lybia. Phụng đảo ngược Án lệ này khi cho đảo Hải Nam của TH có hải phận rộng hơn cả lục địa nước VN.

3. Theo giới hiểu biết thì Hà Nội và Bắc Kinh đều không có một lý do nào để phân định lại Vịnh Bắc Việt. Hiệp ước Constans ký kết tại Bắc Kinh ngày 16/6/1887 giữa đại diện Pháp [đô hộ VN lúc đó] và đại diện nhà Thanh [đô hộ TH] vẫn còn nguyên hiệu lực và hoàn toàn phù hợp với Luật Biển LHQ mà Hà Nội và Bắc Kinh đều đã ký kết. Ngày 12/11/1982, chính Hà Nội đã công bố lãnh hải VN vùng Vịnh Bắc Việt phải theo hiệp ước 16/6/1887, tức 63% diện tích Vịnh Bắc Việt thuộc về VN. Nhưng Bắc Kinh không chịu, buộc Hà Nội phải phân định lại vùng này và đảng CSVN -qua Thứ trưởng Ngoại Giao Lê Công Phụng, đã ngoan

ngoãn cúi đầu khuất phục và ký hiệp ước 25/12/2000.

Hậu quả của hiệp ước 25/12/2000 là VN đi từ 63% diện tích cũ xuống còn 53%. Theo học giả Vũ Hữu San thì thực tế còn bi đát hơn nữa: TH chiếm 55%, VN 45% là tối đa, tức VN mất 20% hay 20 ngàn km² Vịnh Bắc Việt và vùng biển Hoàng Sa cũng về tay Trung Cộng qua hiệp ước phân định lại Vịnh Bắc Việt. Vì mất mát quá nhiều Hà Nội đã phải dấu kín hiệp ước 25/12/2000 và nay Nguyễn Tấn Dũng âm mưu hợp pháp hóa qua hồ sơ nộp LHQ.

III. Một vài nhận định

1. Công hàm 14/9/1958 của Phạm Văn Đồng và vấn đề chủ quyền Hoàng Sa Trường Sa.

Trước hết, công hàm 14/9/1958 là một bằng chứng không thể chối cãi trong số biết bao hành vi bán nước của Đảng CSVN từ khi đảng này du nhập vào VN. Sau khi Phạm Văn Đồng gửi Chu Ân Lai để nhìn nhận lãnh hải 12 hải lý Trung Quốc, bao gồm cả Hoàng Sa Trường Sa của VN, Hà Nội dù có “cãi chày cãi cối” đến đâu cũng không xoá đi được tội ác bán nước của Đảng CSVN. Bút sa gà chết, gà ở đây là Đảng CSVN, vì công hàm 14/9/1958 không thể làm mất chủ quyền VN đối với Hoàng Sa Trường Sa trước pháp luật.

Vì thế, tuy thường dùng công hàm 14/9/1958 để tuyên bố lung tung về Hoàng Sa Trường Sa nhưng Trung Cộng thừa biết nó vô giá trị trước luật pháp. Nguyên tắc của hình luật phổ thông là: Không ai được quyền cho một vật mà mình không có. Huống hồ là Hoàng Sa Trường Sa, biển đảo của một nước, không những không phải “của” Đồng và Đồng còn biết chắc “chúng” thuộc về VNCH qua nhiều văn kiện có giá trị quốc tế còn lưu trữ.

Chính vì biết rõ văn kiện 14/9/1958 vô hiệu trước luật pháp nên Trung Cộng chưa bao giờ dám nộp vào hồ sơ để tranh chấp Hoàng Sa Trường Sa trong khi đó Trung Cộng đã lập một hồ sơ với đầy đủ văn kiện, bản đồ nộp cho Ủy Ban Thêm Lục Địa để tranh chấp chủ quyền với Nhật về bãi đá ngầm Okinotori, phía Đông Biển Đông [East China Sea], một bãi đá nhỏ mà giá trị không thể nào so sánh với Hoàng Sa Trường Sa.

Giới học giả Trung-quốc cũng biết rõ như thế và Tiền Sĩ Lo Chi-Kin Trung-quốc từng thú nhận: “**Bắc Kinh không bao giờ dám đưa những tranh chấp về hải đảo tại Biển Đông ra trước các cơ quan trọng tài quốc tế.**” [4]

Hà Nội cũng biết thế nên mới bày ra việc phân chia lại Vịnh Bắc Việt, ký hiệp ước 25/12/2000 để Trung Cộng lấn sâu vào hải phận VN [có nơi chỉ cách bờ biển VN 40 hải lý] và nay, nhân việc nộp hồ sơ về thêm lục địa mở rộng, Hà Nội đã không ngần ngại gạt Hoàng Sa Trường Sa ra ngoài hải phận 200 hải lý của VN và giải thích quanh co.

LS Nguyễn Hữu Thống, luật gia VN hàng đầu về vấn đề Hoàng Sa Trường Sa theo Công Pháp Quốc Tế, nhận xét về công hàm 14/9/1958: “**Trên phương diện luật pháp và hiến pháp, vấn đề lãnh thổ quốc gia thuộc chủ quyền của quốc dân do Quốc Hội đại diện. Chính phủ là một cơ quan hành pháp có nhiệm vụ chấp hành các đạo luật, hiệp ước và công ước do Quốc Hội phê chuẩn và ban hành. Do đó thủ tướng chính phủ không có tư cách và thẩm quyền chuyên nhượng chủ quyền lãnh thổ.**” [5]

2. Nguyễn Tấn Dũng hoàn tất tiến trình dâng Hoàng Sa Trường Sa cho Trung Cộng.

a] Công hàm 14/9/1958 thì vô hiệu và hiệp ước 25/12/2000 thì vẫn phải lén lút nên **Luật Biển LHQ là cơ hội** “ngàn năm một thuở” để Nguyễn Tấn Dũng hoàn tất tiến trình dâng biển đảo cho Bắc Kinh, khởi đi từ công hàm 14/9/1958 của Phạm Văn Đồng và rất có thể trước nữa, giữa Hồ Chí Minh và Mao Trạch Đông.

Học giả Vũ Hữu San, sau khi đọc 2 hồ sơ của Hà Nội đã lên án: “**Hà Nội đã lùi bước khi vẽ hải-đồ nộp LHQ. Dân chúng VN đừng bao giờ nghe chúng nói, hãy nhìn những gì chúng làm. Nếu xem hải-đồ do Hà Nội vẽ để nộp LHQ, chúng ta sẽ thấy: 3/4 biển Hoàng Sa nằm trong hải phận Trung-quốc [VN chỉ còn 1 đảo độc nhất là Tri Tôn trong số trên 100 đảo của nhóm Hoàng Sa]; 4/5 biển Trường Sa không còn nằm trong hải phận Việt Nam. [VN chỉ còn đảo Trường Sa nổi và 2 đảo chìm, trong số trên 100 đảo nổi và chìm của nhóm Trường Sa].**

Vẫn theo Vũ Hữu San, “**Hà Nội đã công khai vẽ hải-đồ và chính thức nộp cho LHQ. Từ nay, Việt Nam cãi gì ngược lại về hải phận cũng không được. Hà Nội tuyên bố sẽ tìm mọi cách để giải quyết vấn đề Biển Đông và trong thời gian sắp tới, hai bên “cùng bàn bạc, đàm phán, phân định biên giới biển. Khi đó, Trung Quốc sẽ dùng hải-đồ mà Việt Nam đã nộp LHQ để đàm phán thì số phận Hoàng Sa Trường Sa coi như xong!**”

b] Thật ra, như đã nói ở trên, Hà Nội âm mưu dâng trọn Hoàng Sa Trường Sa và phần lớn Vịnh Bắc Việt cho Trung Cộng qua 2 hồ sơ nộp LHQ, không chỉ 3/4 Hoàng Sa và 4/5 Trường Sa. Dưới đây là một vài lý do.

Trước hết, đường hải phận 200 hải lý ở bản đồ Hà Nội nộp LHQ không đúng với vĩ độ thực của nó. Hà

Nội đã cố ý vẽ đường ranh 200 hải lý này nhô lên quá vĩ độ 16 N, trong lúc tọa độ thực của nó trong hồ sơ Hà Nội nộp LHQ ghi rõ ràng là nó dừng lại ở vĩ độ 15 N 067, tức nhô quá vĩ độ 15 N một chút, chứ không thể vượt quá cả vĩ độ 16 N như Hà Nội vẽ được. Nhóm đảo Hoàng Sa nằm trọn trong 3 vĩ độ, 15 N đến 17 N; đường ranh 200 hải lý VN dừng lại ở vĩ độ 15 N 067, tức **Hà Nội gạt toàn bộ nhóm đảo Hoàng Sa ra ngoài hải phận 200 hải lý của VN.**

Theo Luật Biển, Ủy Ban sẽ không cứu xét nếu hồ sơ bị phản đối. Hồ sơ của Hà Nội bị Bắc Kinh phản đối ngay sau khi nộp nhưng vẫn được Ủy Ban cứu xét. Điều này chỉ có thể giải thích: Hoặc công hàm phản đối của Bắc Kinh đã không được Ủy Ban lý cứu xét vì cái bản đồ lưỡi bò bất hợp pháp của Trung Cộng hoặc Hà Nội và Bắc Kinh đã thay đổi hồ sơ sau khi nộp như Thủ Tục Cứu Xét cho phép. Vì lý do nào thì cũng chứng tỏ một điều là Hà Nội và Bắc Kinh đã nghiên cứu kỹ Luật Biển và Thủ Tục Cứu Xét và đang lợi dụng Luật Biển để dâng biển đảo cho Bắc Kinh.

Bắc Kinh biết Ủy Ban sẽ không lý tới phản đối của mình vì cái bản đồ hình lưỡi bò được vẽ bất chấp qui định của Luật Biển nhưng vẫn gửi công hàm phản đối để tung hỏa mù và đánh lạc hướng dư luận. Hà Nội, trước sự đòi hỏi chính đáng từ trong nước đến hải ngoại nên không thể không nộp hồ sơ. Hà Nội và Bắc Kinh đều biết rõ có quyền sửa đổi hay thậm chí thay đổi hồ sơ sau khi nộp và kết quả cuối cùng thì vẫn do 2 bên liên hệ quyết định vì, theo Luật Biển, Ủy Ban hầu như chỉ đóng vai trọng tài điều đình hay hoà giải và nhất nhất đều phải tham khảo với đôi bên.

3. Việc mở rộng thêm lục địa ra ngoài 200 hải lý và vấn đề chủ quyền Hoàng Sa Trường Sa.

a] Tại hội nghị chuyên đề về Biển Đông ở Hà Nội ngày 10/11/2009, Vụ-trưởng Ban Biên-giới Nguyễn Duy Chiến phát biểu: **“VN là nước ven biển nên đã nộp báo cáo cho Ủy Ban Ranh Thềm Lục Địa để bảo vệ quyền của VN đối với thềm lục địa ngoài 200 hải lý”** và **“việc Ủy Ban này xem xét báo cáo không ảnh hưởng đến vấn đề chủ quyền biển đảo.”** Qua lời Chiến, Hà Nội một lần nữa lại dối gạt và bóp méo Luật Biển, y hệt Lê Công Phụng khi ký hiệp định 25/12/2000 và Vũ Dũng, một thứ trưởng của Hà Nội, nói với báo chí về biên giới năm 2008. [6] [7]

Thật vậy, hồ sơ của Hà Nội là một thiệt hại vô tiền khoáng hậu cho VN vì chẳng những trước mắt mất Hoàng Sa Trường Sa và phần lớn Vịnh Bắc Việt qua Luật Biển mà hậu quả tất yếu là Trung Cộng có thể thôn tính VN dễ dàng bất cứ lúc nào khi đã khống chế toàn bộ phía Đông VN! Quyền lợi cấp thiết và sinh tử của VN ở đây rõ ràng là mở rộng thềm lục địa ra 350 hải lý mà VN có đủ điều kiện theo Luật Biển để được hưởng và khi đó thì Hoàng Sa Trường Sa nằm trên

thềm lục địa VN. Theo Luật Biển [Điều 77], **quyền của các nước ven biển đối với thềm lục địa là một quyền tuyệt đối** để thăm dò và khai thác dầu khí và như thế thì liệu các công ty dầu khí quốc tế có dám ký hợp đồng hàng chục tỷ với Trung Cộng để vào khai thác ở vùng biển được xác định là của VN nữa hay không?

Thế nhưng Hà Nội lại xác định thềm lục địa VN chỉ có 200 hải lý; tức gạt vùng biển Hoàng Sa Trường Sa ra ngoài thềm lục địa VN, gián tiếp gạt Hoàng Sa Trường Sa vào trong hải phận hay chu vi bản đồ lưỡi bò Trung Cộng. Về mặt luật pháp thuần túy thì đây là một hành vi **“chuyển nhượng lãnh thổ quốc gia”** bất hợp pháp và có dự mưu cho ngoại bang; tức Nguyễn Tấn Dũng và đồng bọn có thể bị truy tố về tội danh phản quốc và chí ít cũng thêm tội lạm quyền; khuynh hướng luật pháp quốc tế hiện nay liệt **tội lạm quyền** vào loại **tội ác nghiêm trọng**. [8]

b] Âm mưu dâng Hoàng Sa Trường Sa cho ngoại bang của Đảng CSVN lộ rõ hơn nữa khi Hà Nội cũng vừa tuyên bố là **“sẽ tìm mọi cách để giải quyết vấn đề Biển Đông”** và trong thời gian sắp tới **“2 bên cùng bàn bạc, đàm phán, phân định biên giới trên biển.”** Hai bên sẽ đàm phán thế nào thì vụ đàm phán 10 năm trước với hiệp ước 25/12/2000 về Vịnh Bắc Việt đủ để biết trước hậu quả của đàm phán song phương mà Hà Nội chắc chắn sẽ mang lại cho VN trong những cuộc đàm phán với Bắc Kinh sau này.

10 năm trước, Nhật Báo Nhân Dân Bắc Kinh của Trung Cộng đã hoan hỉ ghi lại kết quả về đàm phán: **“Hải Nam là tỉnh nhỏ nhất của TH, nhưng sở hữu tới 2 triệu 200 ngàn km2 Vùng Đặc Quyền Kinh Tế”** và học giả Vũ Hữu San nhận xét: **“Chỉ một hòn đảo Hải Nam thôi, TH đã chiếm phần lớn Biển Đông... Làm sao VN còn đầy đủ sức lực cho cuộc thương thảo nhiều lần quan trọng hơn về Trường Sa Hoàng Sa cũng như toàn thể chủ quyền Biển Đông sau này.** Phía Trung Cộng vẫn chưa chính thức bước vào cuộc thương thảo lớn về Biển Đông thế mà họ đã thực sự thắng hiệp quyết định. Sĩ nhục Quốc Thể! Sĩ khí ở chỗ nào thế? Hỡi các “đồng chí” CSVN ơi!”

Hay nói cụ thể hơn nữa, kết quả của thương thảo 10 năm trước trong vụ phân định lại Vịnh Bắc Việt Hà Nội đã dâng cho Bắc Kinh khoảng 20 ngàn km2 Vịnh Bắc Việt, đã để cho Bắc Kinh lấy bằng hết vùng thủy tra thạch ở cửa sông Hồng, nơi có tiềm năng dầu khí, và để cho Trung Cộng lấn

chiếm Vùng Đặc Quyền Kinh Tế phía Bắc VN, có nơi chỉ còn cách bờ biển VN có 40 hải lý.

c] Hà Nội cũng cho rằng “**việc mở rộng thêm lục địa không liên hệ gì đến chủ quyền Hoàng Sa Trường Sa**” hay “**việc Ủy Ban cứu xét hồ sơ thêm lục địa mở rộng không ảnh hưởng đến vấn đề chủ quyền biển đảo.**”

Sự thật cũng trái ngược với lập luận này, việc mở rộng thêm lục địa VN liên quan chặt chẽ hay liên đới tới chủ quyền Hoàng Sa Trường Sa vì rõ ràng là nếu thêm lục địa VN mở rộng ra 350 lý thì VN đương nhiên làm chủ Hoàng Sa Trường Sa vì khi đó Hoàng Sa Trường Sa nằm trên thêm lục địa VN và hơn nữa, theo Điều 77 Luật Biển, đây là chủ quyền tuyệt đối của nước ven biển trong việc thăm dò và khai thác dầu khí. Nếu quả thực Hà Nội biết rõ điều này mà vẫn cố ý cho rằng việc mở rộng thêm lục địa hay việc mở không ảnh hưởng hay liên quan tới chủ quyền Hoàng Sa Trường Sa thì tội của Hà Nội không một tội ác nào có thể so sánh được.

Một lý do vô cùng quan trọng khác nữa khiến không nên tách Hoàng Sa Trường Sa ra khỏi thêm lục địa VN là vì 2 nhóm đảo này không được xem là hải đảo hay quần đảo theo nghĩa của Luật Biển. Theo Luật Biển LHQ, hải đảo hay đảo là một giải đất thiên nhiên bao bọc bởi nước và cao hơn mực nước thủy triều. Nhóm Hoàng Sa Trường Sa chỉ có những tiểu đảo, không có thường dân cư ngụ và không tự túc về kinh tế nên không được hưởng quy chế hải đảo hay đảo [Điều 121 Luật Biển] Hoàng Sa Trường Sa cũng không phải là quần đảo theo nghĩa Luật Biển vì diện tích quá nhỏ [6 hải lý vuông] trong một vùng biển rộng tới 180 ngàn hải lý vuông, vì theo Luật Biển [Điều 46 và 47], quần đảo bao gồm các đảo nằm san sát bên nhau và phải có diện tích ít nhất 1/9 vùng biển [như Nam Dương chẳng hạn].

d] Hà Nội lúc nào cũng cho rằng VN có chủ quyền đối với Hoàng Sa Trường Sa nhưng chỉ tuyên bố cho có tuyên bố hay hội thảo um sùm nhưng thực tế thì để cho Trung Cộng chiếm trọn Hoàng Sa và lấn chiếm dần dần Trường Sa. Hoàng Sa Trường Sa là của VN với đầy đủ bằng cứ giá trị về tất cả phương diện lịch sử, địa lý, hành chánh và pháp lý thì ai cũng biết và chắc chắn Trung Cộng cũng biết nên mới phải dùng võ lực lấn

chiếm. Nếu không đủ sức để bảo vệ khi Hoàng Sa Trường Sa bị xâm lăng, Vùng Đặc Quyền Kinh Tế 200 hải lý huyết mạch bị xâm lấn và thậm chí ngư dân VN bị bắn giết bừa bãi, tịch thu tàu thuyền trong lúc hành nghề hợp pháp trong vùng biển VN, thì chỉ ít Hà Nội có trách nhiệm phải đưa vấn đề ra trước các cơ quan thẩm quyền phân xử. Nhưng Hà Nội chỉ phản ứng xuống qua loa vì có nhiều dấu hiệu khả tin chứng tỏ Đảng CSVN đã dâng Hoàng Sa Trường Sa và phần lớn Vịnh Bắc Việt cho Đảng CSTH từ lâu rồi và nay Nguyễn Tấn Dũng nộp hồ sơ cho LHQ để hoàn tất tiến trình bàn giao những gì đã thoả thuận ngầm giữa 2 Đảng CS này mà thôi.

Học giả chuyên về Hoàng Sa Trường Sa Vũ Hữu San rất hữu lý khi cho rằng: “**Hà Nội đã công khai vẽ hải đồ và chính thức nộp cho LHQ. Từ nay VN cãi gì ngược lại về hải phận cũng không được.**” Thật vậy, sau nhiều thập niên bàn cãi qua nhiều hội nghị quốc tế, Luật Biển LHQ ra đời để giải quyết những tranh chấp xảy ra trên biển nhất là từ khi khám phá ra tiềm năng to lớn về dầu khí và khí đốt dưới đáy biển. Quan niệm biển cả là tài sản chung của nhân loại, Luật Biển dành quyền giải quyết mọi tranh chấp xảy ra trên biển, đặc biệt là vấn đề mở rộng thêm lục địa với những điều khoản qui định rõ ràng và **chỉ vấn đề nào Luật Biển không đề cập tới mới giải quyết theo tập tục hay qui tắc tổng quát của Công Pháp Quốc Tế**. Do đó, các nguyên tắc cũ như **quyền chiếm hữu** [occupation] hay **công bố minh thị** [express proclamation], nếu được viện dẫn sau này để cho rằng “việc Trung Cộng chiếm cứ Hoàng Sa Trường Sa không có tác dụng tước đoạt chủ quyền lãnh thổ của VN” thiết nghĩ khó mà vô hiệu được quyết định của Ủy Ban Thềm Lục Địa LHQ khi Ủy Ban này đã căn cứ vào các quyền hạn minh thị của Luật Biển để xác định thêm lục địa VN 200 hải lý do Hà Nội chính thức đề nghị; tức gạt Hoàng Sa Trường Sa ra ngoài hải phận VN “đề 2 bên sẽ bàn thảo sau này,” một âm mưu của Hà Nội.

Ls. Nguyễn Thành

Coordinator of Justice & Peace Group for Paracel & Spratly Islands of Vietnam

Florida, 19/2/2010, viết cho Hội Ngộ Cựu SV Luật Khoa Sài Gòn Toàn Cầu, 2 & 3/4/2010, Houston, Texas, Hoa Kỳ.

Tài liệu tham khảo:

-**Statement** by the Chairman of the Commission 23 and 24th Sessions [8 Aug 2009 to 11 Dec 2009]
-**Submission** by VN in respect of North Area, VNM-N [7 May 2009]
-**Joint Submission** by Malaysia & VN in respect of the South part of the South China Sea [6 May 2009]
-**UN Convention on the Law of the Sea**
-Vũ Hữu San, **Địa Lý Biển Đông với Hoàng Sa Trường Sa**, 2007; *vuhusan.com*
-Nguyễn Hữu Thống, **Vấn đề Hoàng Sa Trường Sa theo Công Pháp Quốc Tế**, 2008
-Nguyễn Thành, **Đưa Việt Cộng ra trước Toà Án Hình Sự Quốc Tế và Toà Án các Quốc Gia về những Tội Ác Nghiêm Trọng**, bài nghiên cứu, báo Tiếng Vang, CaliToday, Gọi Đán,... California, Hoa Kỳ, tháng 5 và 6 năm 2002; **Hà Nội âm mưu dâng Hoàng Sa Trường Sa cho Bắc Kinh qua hồ sơ nộp LHQ**, bài thuyết trình, Nam CA, Hoa Kỳ, ngày 25-26/7/2009, *vietvungvinh, take2tango, thovanlacviet*,... tháng 7/2009

Chú thích:

[1] The functions of the Commission shall be: 1] to consider the data and other material submitted by coastal States concerning the outer limits of the continental shelf in area where those limits extend beyond 200 nautical miles, and to make recommendations in accordance with article 76 and 2] to provide scientific and technical advice, if requested by coastal States. [Điều 3 Phụ Bản II Luật Biển LHQ]

[2] The continental shelf of a coastal nation extends out to the outer edge of the continental margin but at least 200 nautical miles from the baselines of the territorial sea margin does not stretch that far. The outer limit of a country's continental shelf shall not stretch beyond 350 nautical miles of the baseline, or beyond 100 miles nautical miles from the 2,500 meter isobath. [Điều 77 Luật Biển LHQ]

[3] An Exclusive Economic Zone extends for 200 nautical miles [370km] beyond the baselines of the territorial sea, thus it includes the territorial sea and its contiguous zone. A coastal nation has control of all economic resources within its EEZ, including fishing, mining, oil exploration, and any pollution of those resources. However, it can't regulate or prohibit passage or loitering above, on, or under the surface of the sea, whether innocent or belligerent, within that portion of its EEZ beyond its territorial sea. [Điều 76 Luật Biển LHQ]

[4] "On its position over the islands, China has been most reluctant to subjects the disputes to international legal arbitration: The case of South China Sea Islands by Chi-Kin Lo, 1989".

[5] LS Nguyễn Hữu Thống, sdd, tr. 38.

[6] Vietnamnet, Hội nghị về Biển Đông tại Hà Nội, ngày 10/11/2009.

[7] Vũ Dũng, một thứ-trưởng ngoại giao Hà Nội khác, sau Lê Công Phụng, tuyên bố với báo chí đầu năm 2008 đã bị chính cựu Đại tá CS Bùi Tín cho là dối trá và thách đối chất như sau: "Do năm chắc tình hình...mà tôi [Bùi Tín] muốn hỏi ông Vũ Dũng là theo ông có thật là ta không mất đất ở vùng Hà Giang, Lào Kay, Hoàng Liên Sơn không? Theo tôi, các đoàn đàm phán của ta từ 1996 đến 1999 đã tỏ ra rất mềm yếu. Nhiều giải núi ở Tây Bắc thừa dân, giàu tài nguyên, có giá trị quân sự bị lấn chiếm. Con số 700 đến 800 km2 bị mất không phải là bịa đặt. Thực tế có thể hơn... Giang Trạch Dân luôn thúc dục Lê Khả Phiêu phải thương lượng nhanh, phải ký hiệp ước trên bộ trong năm 1999 và trên biển trong năm 2000. Có ai đi thương lượng lại chịu ép trước về thời gian đến thế? Cho nên rất dễ hiểu là các nhà đàm phán VN đều nhũn như con chi chi. Chính Đỗ Mười cũng tố cáo Lê Khả Phiêu là nhượng bộ quá, "để mất quá nhiều" cho Trung-quốc... Hai bên đã thỏa thuận tháng 6/2008 này sẽ hoàn tất việc phân giới, cắm mốc và ký nghị định thư về biên giới trên bộ... Lúc ấy muốn che dấu, úp mở cũng không được nữa. Phía Bắc Kinh sẽ nhanh nhẩu phổ biến tập bản đồ mới để khoe thắng lợi, vì họ thắng đậm... Lúc ấy, các ông Vũ Dũng, Lê Dũng, Lê Công Phụng, rồi các ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cẩm, Nguyễn Di Niên, đến ông Lê Khả Phiêu và 4 ông tứ trụ Nông Đức Mạnh, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Phú Trọng sẽ có đầy đủ chứng cứ minh bạch là đã bảo vệ biên giới bất khả xâm phạm của Tổ-quốc ra sao, hay sẽ đục mắt bán đất bán nước ra sao!" [Vietbao.com, 4/9/2008]

[8] Toà Án Quốc Tế về Bosnia do LHQ thiết lập ngày 25/5/1994 đã truy tố Slobodan Milosovic, tổng thống đương nhiệm LB Nam Tư, và thẩm phán Tây Ban Nha Baltasar Garçon năm 1998 đã thành công trong việc ký trát nã bắt quốc tế Augusto Pinochet, cựu tổng thống Chile khi Pinochet có mặt ở London nhưng không thành công khi đòi thẩm vấn Henry Kissinger, cựu ngoại trưởng Hoa Kỳ, khi Kiss sang London diễn thuyết năm 2002 vì Kiss vội trốn về nước khi được báo tin; Milosovic, Pinochet và Kiss đều bị truy tố về tội lạm quyền cùng với nhiều tội ác nghiêm trọng khác.



Tham luận:

THỜI THẾ MỚI, PHƯƠNG SÁCH ĐẤU TRANH MỚI

Ls.Lâm Lễ Trinh

Rồi một năm nữa sắp qua, với những biến cố trọng đại dồn dập. Hoa kỳ, đất tạm dung của trên hai triệu người Việt, vẫn chưa tìm ra lối thoát tại Afghanistan và Irak, mặt khác đang vật lộn vất vả với một cuộc khủng hoảng tồi tệ về kinh tế, tài chính, ô nhiễm và mối đe dọa hạt nhân mở rộng đến Bắc Hàn, Iran và Nam Mỹ. Nhìn về quê hương Việt Nam, càng thêm thảm thương: Đảng CS nát bấy nội bộ, tập đoàn cầm quyền vẫn ngáo ngổ tấn công tôn giáo, đàn áp man rợ đối kháng, hỗ trợ tham nhũng, bán rẻ lao công, xuất cảng mãi dâm, đả phá khối người Việt nước ngoài và khiếp nhược hàng phục Trung quốc bằng cách hiến dâng quốc thổ, hải phận và tài nguyên. Hơn lúc nào hết, quốc nạn bị Hán hóa trở nên một viễn tượng thực tế.

Trước bối cảnh ấy, Cộng đồng người Việt hải ngoại nghĩ gì? làm gì? Dưới đây là một cố gắng phân tách thực trạng. Bài này gồm có hai phần: 1) nhận định tổng quát những ưu, nhược điểm của công cuộc đấu tranh chống Cộng, trong và ngoài xứ, từ 1975 cho đến nay. 2) gợi ý về một số biện pháp đề đối phó với nhà cầm quyền Hà nội trong những ngày sắp đến.

Những ưu và nhược điểm trong quá trình đấu tranh cho Dân chủ và Nhân quyền.

1 – TRONG NƯỚC.

Qua ba cuộc chiến chống Tàu, Pháp và Mỹ, kéo dài gần 40 năm và gây tử vong cho trên ba triệu người dân Việt, CS đã thống nhất Việt Nam bằng võ lực. Các vấn đề được giải quyết gần đây cho thấy những xung đột này không cần thiết, do Hồ Chí Minh và các đồng chí cố tình gây ra để xây dựng độc quyền đảng trị và đưa đất nước vào quỹ đạo của Đệ tam Quốc tế. CSVN đã trắng trợn vi phạm – trước sự im lặng khiếp nhược của Thế giới - Hiệp định Élysée (ký ngày 8.3.1949 giữa Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Quốc trưởng Bảo Đại), và hai Hiệp ước đình chiến Genève (1954) và Paris (1973).

"Độc lập, Tự do và Hạnh phúc", được Hồ đề cao, chỉ là bánh vẽ. Hiện nay, Việt Nam vẫn bị xem như một nước kém mở mang về giáo dục, y tế, môi sinh. nhưng lại đứng hàng đầu về tham nhũng, đòi trục xã hội và giàu nghèo chênh lệch. Đề cứu nguy chế độ, Chính trị bộ áp dụng hồi hã năm 1986, theo lệnh của Gorbachev, kế hoạch "Đổi Mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa" mà Hà Sĩ Phu biếm nhẽ mệnh danh

"đứa con lai láu cá", kết quả của một cuộc chấp nối gượng ép giữa Adam Smith và Karl Marx. Đến nay, CS Hà nội cũng không hiểu và giải thích được "theo định hướng xã hội" là gì. Đối với người dân, định hướng này không nhằm mục tiêu nào khác hơn là giúp cho các cán bộ đã mập càng mập thêm!

Hiệp thương Việt-Mỹ đánh dấu một một sự nhượng bước mới của CSVN trước ngọn thủy triều toàn cầu hóa dân chủ và kinh tế thị trường. Vừa đưa cổ vào chiếc giầy thông lưng của tư bản các lãnh tụ Hà nội vừa hô hoăng "diễn biến hòa bình". Không còn ai ở Việt Nam, ngay cả trong Đảng, tin tưởng chủ thuyết Mác- Lê có thể hồi sinh, dù có gắn thêm cái đuôi "tư tưởng Hồ Chí Minh."

Tuy nhiên, không nên vội tưởng chế độ CSVN sẽ kết thúc đúng theo phương cách đã thấy ở Tây phương. Tại ba xứ Baltic, Hung Gia Lợi, Ba lan, Tiệp khắc, Đông Đức..., CS bị giải thể do quần chúng chán ghét chế độ đương quyền, sự đối lập quyết liệt của các tổ chức công đoàn và thái độ phản tỉnh kịp thời của nhà chức trách mặc xít. Những yếu tố này khó tìm thấy ở Việt Nam, một cựu thuộc địa của Pháp, nơi mà đảng CS đã phát động cách mạng. bằng cách lợi dụng chiêu bài giải phóng dân tộc và khai thác tận cùng mỗi hận sâu đậm của quần chúng đối với đế quốc thực dân.

A – Dân trong nước chống Cộng còn rời rạc.

Sau một phần tư thế kỷ sống nghèo đói, thiếu tự do và nhút nhát sau vụ chính quyền Hà nội thậm thọt nhượng đất và dâng biển cho Bắc Kinh, người dân Việt nhận thấy bộ mặt bán nước của Cộng sản. Đảng đang phản bội Tiền nhân và Quân đội Nhân Dân. Các thành phần bất mãn, trong và ngoài đảng, bắt đầu lên tiếng, gởi thỉnh nguyện và đơn tố cáo lên Chính phủ, có nơi biểu tình, xung đột với cán bộ an ninh địa phương (vụ Tam Tòa, Thái Hà, Xã Đoài, chùa Bát Nhã; sinh viên, thanh niên xuống đường phản đối năm ngoái về Trường Sa, Hoàng Sa; buổi Hội luận của trí thức về Biển Đông..v.v...)

Đến nay, mức độ đối kháng CS trong nước còn giới hạn, chưa quyết liệt, thiếu tổ chức và không liên tục vì nhiều lý do. Mạng lưới công an cô lập những thành phần chống đối, trong đạo cũng như ngoài đời, nhục mạ họ để làm mất uy tín và kiểm soát dưới mọi hình thức như buộc khai lý lịch, khám xét bất thân, quản chế theo Nghị định 31/CP không đưa ra tòa án,

hăm dọa, cắt điện thoại, tịch thu phi pháp các phương tiện truyền thông, đóng cửa các báo chệch hướng...vv... Lý do khác là đa số dân chúng không được thông tin đầy đủ, kiệt sức sau nhiều năm chinh chiến và phải vô cùng chật vật để sinh nhai. Phần đông giới trẻ lo làm giàu bằng mọi cách. Họ đua tranh hưởng thụ và không mấy thiết tha đến chính trị như một cuộc thăm dò của báo Thanh Niên năm ngoái cho biết. Nhà chức trách cũng không khuyến khích họ tham gia công tác cộng đồng. Trong tác phẩm "Đôi điều suy nghĩ của một công dân", Hà Sĩ Phu chán nản nhận xét: "Dân tộc phải đương đầu với một cuộc tổng khủng hoảng nhân cách! Xã hội đang lộn ngược do thang giá trị bị lộn ngược. Chủ nghĩa vô hồn tạo ra một khoảng trống ghê rợn. Về văn hóa, lý tưởng và nhân cách."

B –Đường lối vừa áp đảo, vừa ru ngủ của nhà cầm quyền Cộng sản.

CS rất thâm độc: mỗi khi thấy quần chúng bất mãn cao độ thì chúng xoa dịu bằng cách xã bót ông hơi an toàn, bố thí vài nhân nhượng nhỏ nhoi để tránh cái cách sâu rộng và dứt khoát. Mặt khác, chúng còn tung ra đòn xảo quyết "hòa hợp hòa giải", kêu gọi thống thiết lòng yêu nước thương nòi của "khúc ruột ngàn dặm" và gài những "cò mồi CS thức tỉnh" trong hàng ngũ đối phương để gieo rắc những tư tưởng cầu an, chờ thời. Vụ tổ chức buổi hội thảo "Gặp gỡ VN, Meet Viet Nam" ngày 15 và 16.1.2009 tại San Francisco và Hội nghị Việt kiều tiêu biểu tại Hà Nội từ 21 đến 24.11.2009 nằm trong kế hoạch bịp bợm thực hiện "một cộng đồng đoàn kết vững mạnh, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng đất nước". Âm mưu này thất bại vì chủ trương lộ liễu củng cố một "nội lực bên ngoài, cinquième colonne, để bảo vệ công dân", theo ngôn từ của Thứ trưởng ngoại giao Nguyễn Thanh Sơn, chủ tịch Ủy ban Nhà nước về người Việt hải ngoại.

Kiệt quệ vì 40 năm chinh chiến, dân trong xứ cần hòa bình để yên thân xây dựng lại. Sống như trong một nhà tù, dân không có cơ hội so sánh với thế giới phát triển bên ngoài. Bởi thế, làm sao dân tình không chán nản, dân khí không suy vi và dân trí không lụn bại?

Mau chóng hơn phía Quốc gia, CSVN biết rút từ sự sụp đổ của Nga xô và các chư hầu một số kinh nghiệm thích đáng để xoay trở thoát nguy. Đảng CS ngày nay là một mafia, liên kết để bảo vệ nòi con. Không có viễn kiến chính trị và không đặt nổi kế hoạch dài hạn, họ áp dụng nhu cương tùy lúc, để giải quyết từng khó khăn một, chuẩn bị ngày cuốn gói ra đi. Thật vậy, đã từ lâu, họ biết xã hội chủ nghĩa không còn giúp gì được. Triết thuyết Mác Lê - phản khoa học và ảo tưởng - đã giải đáp sai bài toán nhân loại. Mác Lê chỉ

dạy cướp quyền, san bằng xã hội, không dạy làm kinh tế và xây dựng hòa bình.

Để tồn tại, nhà cầm quyền Hà Nội cam nhận đóng vai trò thái thú xã thân phục vụ cho mộng bá quyền của Đại Hán tại Đông Nam Á. Bắc bộ Phủ mở cửa đón hàng hóa Trung quốc tràn ngập vùng biên giới Lào Cay, Cao Bằng và Lạng Sơn; khai thác bauxite tại Cao Nguyên, nơi có một trọng lượng uranium đáng kể; đón nhận người Hoa vào VN miễn chiếu khán (visa). Hiện nay, có trên 100.000 công nhân Hán làm việc và sinh sống trong những ốc đảo riêng biệt ở Lâm Đồng, Hải Phòng, Cà Mau, Bắc Kạn, Đak Nông, Nông Sơn, Quảng Nam...là những cứ điểm chiến lược then chốt. Mặt khác, CSVN cũng đã thương lượng giao cho Trung quốc xây hai lò phản ứng hạt nhân trị giá 3 tỷ Mỹ kim tại Phước Dinh (Ninh Thuận) và Hòa Tân (Tuy Hòa, Phú Yên), dự trù hoạt động năm 2015.

Thái độ hèn hạ của Hà Nội thúc đẩy Bắc kinh khinh thường và lấn áp thêm. Cuối tháng chín vừa qua, trên 100 ngư phủ Việt thuộc đảo Ly Sơn và Bình Châu ghé vào cảng Cần Cầu tránh bão. Họ đã bị lính Tàu cướp bóc, tra tấn, đánh đập tàn nhẫn và công khai đòi tiền chuộc mạng. Quốc hội và Bộ Ngoại giao VN không dám lên tiếng khiếu nại, kiện trước Tòa án quốc tế hay loan báo trên báo chí, truyền hình. Trong con mắt nhà cầm quyền Bắc kinh, đàn em CSVN vẫn là một bọn người vô ơn bạc nghĩa. Họ không quên Lê Duẩn đã sửa Hiến pháp ghi lời lên án Trung quốc, rồi hoàn toàn thần phục Liên Xô và còn gọi xác xược Đặng Tiểu Bình là Đặng Lưu Manh. Năm 1979, đại ca Lưu Manh xua quân làm cỏ biên giới Bắc Việt. Thái độ coi rẻ đó còn thể hiện trong các hội ký quân sự mô tả sự yếu kém của quân đội Bắc Việt và vai trò lãnh đạo chiến thuật và điều binh của các tướng Trung cộng Trần Canh, Vi Quốc Thanh...trong cuộc chiến chống Pháp và thôn tính miền Nam VN. Năm 1954, tại Genève, Chu Ân Lai đã bắt tay với Molotov ép Hà Nội chấp nhận chia đôi VN nơi vĩ tuyến 17 khiến cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng (người ký công hàm năm 1958 hiến Trường Sa và Hoàng Sa cho Trung quốc), phải bức tức gọi Chu Ân Lai là "đồ chó má".

Dưới áp lực mạnh của công luận trong và ngoài nước, CSVN miễn cưỡng tổ chức cuối tháng 11 vừa qua tại Hà Nội một 'Hội nghị Quốc tế về Biên Đông: Hợp tác vì an ninh và phát triển khu vực'. Ngày 23.11.2009, Quốc hội VN thông qua luật thành lập lực lượng phối hợp các đơn vị biên phòng, hải quân và cảnh sát địa phương để "bảo vệ an ninh biên giới và chủ quyền trên biển." Quyết định này bị nhiều chuyên gia chỉ trích nặng vì các lực lượng vừa kể quá yếu để giữ gìn một bờ biển dài 3200 cây số trong vùng có dầu hỏa. Để trấn an Bắc Kinh, tướng Lê Quang Bình, chủ tịch Ủy ban Quốc phòng của Quốc hội, tuyên bố "nhiệm vụ của dân quân là bảo vệ ngư dân và chủ

quyền lãnh hải chứ không nhằm chống bất cứ ai" (sic). Như vậy, Đảng CSVN đã lảng nhục Quân đội Nhân dân vì Quân đội không còn được tin dùng trong trách vụ hàng đầu là bảo vệ quốc gia.

2 -NGOÀI NƯỚC

Sự bức tử của Chính phủ Sài Gòn năm 1975 đã buộc gần ba triệu người Việt đi tìm tự do tại 80 quốc gia, 60% hiện sinh sống tại Hoa kỳ. Sánh với tổng số dân 80 triệu của VN ngày nay, đây là một tỷ lệ nhỏ, trên 2%. Cộng đồng VN hải ngoại, tuy nhiên, có một tiềm năng kinh tế và trí tuệ thật quan trọng. Là nạn nhân khôn khổ của CS, khối người này dứt khoát với xã hội chủ nghĩa và tự coi mình như một hậu phương tân mác trên năm châu, một "hậu phương không biên giới" sẵn sàng hỗ trợ "tiền tuyến" chống cộng trong nước.

Người Việt hải ngoại tương đối thành công về mặt vật chất, tiếp cận khá mau với nếp sống nơi tị nạn và đã lập ra vô số hội hè văn hóa, tương tế và đoàn thể chính trị, lắm khi nặng về trình diễn. Tiếc thay, trên bình diện phục quốc, từ hơn một phần tư thế kỷ, họ ở trong thế đỡ hơn là thế đánh, thế thủ nhiều hơn thế công. Họ phản ứng bén nhạy khi bị Hànội và tay sai khiêu khích. Nhưng mỗi khi cơn thử thách vượt qua, đầu lại vào đó, thụ động đợi một bảo tố khác. Trong các nhược điểm, cần phải kể tình trạng phân hóa nội bộ, ảnh hưởng của lối sống buông thả của thế giới tự do, việc đột nhập để phá hoại của CS và sự bất lực kết hợp thành một tổ chức có uy tín trong cộng đồng và trên thế giới, có lãnh đạo, kỷ cương và lập trường để hành động.

Người Việt chống Cộng cũng không hồ hởi với Diễn biến Hòa bình vì cho rằng chiến lược này giúp cho CS sống lâu hơn và là hình thức "hòa giải, hòa hợp" sẽ bị CS lợi dụng. Nhưng làm thế nào sớm đảo ngược thế cờ trong khi Thế giới Tự do, với Hoa kỳ đứng đầu, chủ trương cải tiến, phát triển trong hòa bình? Nguyên Tổng thống Nam Hàn Kim Đại Trọng từng tuyên bố: "Chưa có trường hợp nào mà chủ nghĩa Cộng sản bị đánh bại nhờ vào chiến tranh hay bao vây kinh tế". Kinh nghiệm cho thấy đường lối chống Cộng bằng cách đánh võ mồm đã lỗi thời. Để khai trừ hữu hiệu chủ trương thống trị của CS căn cứ vào Đói, Sợ và Dốt, cần áp dụng triệt để chính sách Khai phóng Dân tộc bằng cách nâng cao mức sống, mở mang trí tuệ của người dân và củng cố các tự do nhân bản, đặt những nền móng cần thiết cho một xã hội công dân. Dân sinh vững, dân trí mới cao, dân khí mới mạnh. Khi được võ trang bằng các tự do tối thiểu, người dân sẽ đòi hỏi quyết liệt hơn và dũng mãnh chọn lựa cấp lãnh đạo xứng đáng của mình. Những số tiền to lớn mà Liên Hiệp Quốc, Hoa kỳ, Nhật, Úc, Pháp...v.v..đang đổ vào

Việt Nam để xây dựng có điều kiện hạ tầng cơ sở về kỹ thuật, giáo dục, thông tin...vv.. sẽ giúp giải phóng người dân Việt. CSVN không dễ gì lường gạt và quyết tiền của các con cá xà, cá mập tư bản. Trong thông điệp Ngày Hòa bình Thế giới 2005, Đức cố Giáo hoàng John Paul II đã vạch ra con đường của Giáo hội: "Vượt thắng điều ác bằng điều thiện." Chủ trương này sáng suốt và cũng là hướng đi của Thế giới Tự do.

Ngoài các nhược điểm nêu trên của cộng đồng VN, tương cũng nên kể một nhược điểm chung cho hai cánh chống cộng, ở trong và ngoài VN. Nhược điểm này là một hội chứng nguy hiểm: "Hội chứng chờ đợi." Tiền tuyến đợi hậu phương, hậu phương đợi tiền tuyến, trẻ đợi già và già đợi trẻ, dân đợi quân, quân đợi dân phát cờ khởi nghĩa. Một sự mong đợi mãi mòn! Hội chứng trở thành một bi kịch nếu kèm theo tính thần vọng ngoại, ngồi đợi một cường quốc đồng minh "bực đèn xanh" mới hành động. Từ vọng ngoại chuyển qua vong bản, chỉ có một bước.

Kinh nghiệm tại Việt Nam cho thấy: liên minh với một thế lực ngoại bang, dù mạnh đến đâu, rồi cũng sa vào ngõ cụt thê thảm nếu không có nhân dân hậu thuẫn. Tâm trạng thiếu tự tin này bắt nguồn từ sự coi thường sức quật khởi của dân tộc. Dân tộc bất diệt, dân tộc vĩnh cửu trong khi các thể chế và học thuyết chính trị chỉ là những viên đá lót đường cho lịch sử. Nhưng làm thế nào để tạo ra cái thể nhân dân và nắm được dân? Có dân mới tạo nổi thời cơ. Khai thác thời cơ kịp thời và đúng mức mới thắng địch. Đó là chìa khóa của thành công. Các bậc tiền bối trong dĩ vãng đã bao phen chứng minh điều đó.

Vai trò của Cộng đồng người Việt hải ngoại trong sứ mệnh dân chủ hóa Việt Nam. Thời thế mới đòi hỏi phương sách đấu tranh mới.

Những nhược điểm phân tách trên đây có tính cách tạm thời và có thể điều chỉnh nếu được sớm mổ xẻ can đảm, không tự ti. Mặt khác, cần triệt khai các ưu điểm căn bản. Hiện nay, xã hội chủ nghĩa tại bốn nước cộng sản cuối cùng: Việt nam, Bắc Hàn, Trung quốc và Cuba, đang ở trên đà khảnh tận. Thế giới đang bị cuốn hút vào cơn lốc Dân chủ và Kinh tế thị trường. Hai khuynh hướng này tất thắng, không thể đảo ngược. Sự giải thể, sớm hay muộn, của chế độ độc đảng tại Việt Nam tùy thuộc chẳng những nơi tốc độ của trận bão toàn cầu hóa mà còn – và trên hết – nơi khả năng kết hợp mau chóng và đối kháng hữu hiệu của khối người đấu tranh cho dân chủ tại VN, trong và ngoài nước.

Trên bình diện này, cộng đồng Việt hải ngoại có một tiềm lực kinh tế đáng kể. Thống kê năm 2001 cho biết VN cộng sản có một tổng sản lượng quốc dân 14,7 tỷ kim trong khi tổng thu nhập của người Việt nước ngoài đạt đến 15 tỷ mỹ kim và số tiền họ gởi hằng năm về giúp thân nhân lên tới gần 3 tỷ đô la. Điều buồn nên

nhắc lại là năm 1975, chính phủ Nguyễn Văn Thiệu van xin Hoa kỳ viện trợ 700 triệu mỹ kim mà thôi để tiếp tục đơn độc cuộc chiến và đã bị từ chối. Nếu có kế hoạch chỉ đạo chung để xử dụng thiết thực nguồn tài chính 3 tỷ mỹ kim vừa nói cho công cuộc vận động dân chủ hóa - công khai, bán công khai hay bí mật - trong xứ thì hay biết bao!

Ngoài tài chính, cộng đồng Việt hải ngoại còn có nhiều tiềm năng trí tuệ: một đội ngũ không dưới 300.000 chuyên viên lỗi lạc thuộc đủ mọi ngành (văn hóa, khoa học, giáo dục và kỹ thuật). Không có một nước nào tại Á châu - và ngày cả trên thế giới - có một cái vốn chất xám quý giá như thế, đào tạo bởi quốc tế. Tiếc thay, đến nay, các nguồn tài lực trên đây không được tận dụng như những lực lượng hạt nhân để đẩy mạnh cuộc cách mạng dân chủ hóa đất nước. Lý do là vì thiếu tổ chức. Thiếu tổ chức vì không đoàn kết. Có đoàn kết mới có lãnh đạo, có lập trường, có cán bộ, có kỷ luật để tiến đến hành động có kết quả hầu gây tin tưởng quốc nội và quốc tế.

Hiện trạng của CSVN có thể tóm tắt như sau:

A- Cộng sản đang sống cảm hơi do sự phân hóa của chúng ta. Cái yếu của cánh chống xã hội chủ nghĩa tạo sức mạnh cho Hà Nội. CS đang tư bản hóa, xã hội chủ nghĩa đang hữu sản hóa do ảnh hưởng xoi mòn của khuynh hướng toàn cầu hóa dân chủ và tự do mậu dịch. Để tránh bị giải thể, chúng run rẩy biến thể. Chúng dùng những danh hiệu mỹ lệ "dân chủ tập trung, dân chủ nhất nguyên" để che đậy một chính thể xuống cấp tận cùng. Hơn nửa thế kỷ nay, đảng CS dành độc quyền: độc quyền yêu nước, độc quyền sát hại, độc quyền cai trị và, gần đây, độc quyền phản bội, bán nước. Điều 4 Hiến pháp vẫn còn thì không có dân chủ, tự do, phát triển và đa nguyên. Phải đấu tranh bưng bít điều 4 vì điều 4 (chép y nguyên văn điều 6 của Hiến pháp Liên xô) hợp thức hóa đảng trị và cho phép khủng bố vô tội vạ: khủng bố trí thức, quần chúng, đối lập và tôn giáo.

B- Nhưng Đảng CSVN sẽ chết nhỏ giọt sau khi ký bản Hiệp thương với Hoa kỳ. Để tuân hành các điều khoản cam kết, chúng phải từ nay chấp nhận pháp trị, quyền tư hữu, tự do cạnh tranh và những nhân quyền căn bản Đó là những viên thuốc đắng sẽ tiêu hóa nền kinh tế chỉ huy của Hà Nội. Khi cơ chế kinh tế CS bị vướng mắc vào cái lưới "thiên la địa võng" kinh tài quốc tế thì sức ép của Thế giới tự do có thêm cơ hội và phương tiện thay đổi mọi việc. Tiến trình "diễn biến hòa bình" - thường được mệnh danh strategy of peaceful evolution hay peaceful change- có thể kéo dài một hay hai thập niên.

Bằng mọi cách, CSVN chống Diễn biến Hòa bình, DBHB, mà chúng còn gọi nôm na cuộc Chiến Hòa bình. Phe tư bản áp dụng những thủ đoạn phi quân sự, những "cuộc cách mạng màu" để xóa bỏ các chế độ

còn theo Xã hội chủ nghĩa. Gần đây, tạp chí Quân đội Nhân dân có đăng một loạt bài nghiên cứu của Trung tướng Nguyễn Tiến Bình và hai đại tá Nguyễn Đức Độ và Nguyễn Đức Thắng phân tích nguy cơ DBHB và đề ra một số biện pháp đối phó. Đặc biệt, Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, kiêm Bí thư Trung ương Đảng, có lên tiếng trên tờ Nhân Dân ngày 3.8.2009 cảnh báo về "hiểm họa chuyển biến nội bộ" và kêu gọi đảng viên CS chống khuynh hướng "tự diễn biến, tự chuyển hóa" và "các quan điểm sai trái, luận điệu tuyên truyền phản động, âm mưu gây bạo loạn, hình thành lực lượng đối lập của các thế lực thù nghịch".

Để xoa dịu cái mối lo sốt vó Cộng đảng bị tan rã trong tiến trình dân chủ hóa, để tránh cho Đảng thăm họa bị "xử lăng trì", các chiến thuật gia CS như Võ Đại Lương, Vũ Văn Hiến có một lúc đã ồn ào tuyên bố rằng vẫn có thể hội nhập mà vẫn xây dựng được một nền kinh tế độc lập và tự chủ, chuyển từ kinh tế công nghiệp qua "kinh tế tri thức" để thực hiện một "xã hội tri thức." Đến nay, chủ đề này chìm dần, không thấy bàn đến nữa. Hiện tượng đầu voi đuôi chuột vừa nói thường thấy ở VN.

Chúng ta có trách vụ rút ngắn thời gian ra đi của đảng CS vì hai lý do khẩn yếu:

1. để xóa cái nhục chậm tiến. CS còn cai trị thì đất nước thêm thụt lùi, vô phương cứu chữa, trong khi các xứ Á châu liên tục tiến tới.

2. để tránh cái họa Hán thuộc. Thật vậy, việc dâng đất và lãnh hải cho Tàu để củng cố Đảng là chủ trương từ lâu của Đảng CSVN chứ không phải âm mưu thâm kín của vài cá nhân hay phe nhóm trong Đảng. Điều 3 trong Thông cáo chung Hoa-Việt ngày 1.3.2002 xác nhận không úp mở: "...Hai đảng góp phần không ngừng củng cố và nâng cao sự tin cậy lẫn nhau, hai bên đã đi đến nhất trí trên một số vấn đề." Điều 5 chú thích thêm: "...Hai bên khẳng định quyết tâm tích cực triển khai quá trình phân giới cắm mốc trên thực địa theo đúng kế hoạch". Bị đặt trước sự chọn lựa "Theo Tàu thì mất nước, theo Mỹ thì tan Đảng", rõ ràng Đảng CSVN đã dứt khoát quyết định: "thà mất Nước, chứ không mất Đảng."

CS Hà Nội đang phạm lỗi lầm u tối nhất trong cuộc đời chính trị của họ. Khi hay mất Ải Nam Quan, Trường Sa và Hoàng Sa, toàn dân uất hận. Đây là cơ hội ngàn vàng cho người Việt hải ngoại ngồi lại với nhau, dẹp bỏ tị hiềm và lập một Ủy ban Vận động để hình thành một Liên minh rộng rãi, có lãnh đạo, có lập trường và quyết tâm hành động.

Ba công tác khẩn yếu sau đây nên được đặc biệt chú ý:

1 - Điều nghiên lại kế hoạch ngoại vận và quốc tế vận. Xử dụng tối đa kỹ thuật thông tin hiện đại (paltalk, websites, bloggers, tweeters...) để quảng bá sâu rộng các tư tưởng dân chủ trong nước hầu thể hiện

một khối đối lập có quy củ.. Điều chỉnh tổ chức lobby những chính quyền địa phương, các cơ quan quốc tế và giới truyền thông. Thúc đẩy các phần tử Việt có khả năng ứng cử vào những cơ chế địa phương và Liên bang. Trê trung hóa cấp lãnh đạo cộng đồng. Lập nhíp cầu giữa các sinh viên Việt ở trong và ngoài nước để thảo luận về công cuộc canh tân, phát triển đất nước. Vấn đề bảo tồn văn hóa và giáo dục con em chúng ta để tránh nạn mất gốc cũng rất hệ trọng. Khi người tị nạn chính trị chấp nhận mình là kẻ di cư tha phương cầu thực thì ngọn lửa đấu tranh trong lòng cũng đã tắt. Bởi thế, cần giữ vững lý lịch của chúng ta để tiếp tục chiến đấu, chuẩn bị cho ngày hồi hương.

2- Trả sự thật lại cho lịch sử bằng cách, một mặt, công nhận những lỗi lầm tai hại của chúng ta trong quá khứ để tự sửa sai và mặt khác, xóa bỏ, với bằng chứng nghiêm chỉnh, một số huyền thoại từng nuôi sống CS Việt Nam cho tới nay trong quần chúng: huyền thoại Hồ Chí Minh là một anh hùng dân tộc (trong khi Hồ lại là một tội đồ khát máu nhuộm đỏ VN với chủ thuyết ngoại lai) - huyền thoại Quân đội Nhân dân có công đầu giải thoát và thống nhất đất nước (trong khi họ chỉ đánh giặc mướn cho Nga-Tàu, cho Đệ tam quốc tế) - huyền thoại đảng CSVN khai phóng dân tộc và đấu tranh thắng lợi về chính trị, ngoại giao (trong khi họ thi hành chính sách ngu dân, đưa gian trá lên hàng quốc sách và vi phạm thô bạo các Hiệp ước, coi thường công pháp quốc tế)... .

3- Chuẩn bị ngay bây giờ tiến trình chuyển tiếp qua giai đoạn hậu CS càng khó hơn. Phe chống cộng, nếu không thức tỉnh, sẽ không được đại diện hay sẽ yếu thế trong những cuộc thương thảo sắp đến quyết định tương lai đất nước. Tới nay, cộng đồng Việt hải ngoại vẫn chưa tổ chức nổi những nhóm nghiên cứu (think tanks) có tầm vóc và khả năng để cứu xét nghiêm chỉnh các vấn đề quốc gia trọng đại. Quan niệm về dân chủ và quốc gia vẫn còn nhiều ý kiến đối chọi. Ngay cách thực thi quy tắc dân chủ căn bản giữa anh em chúng ta ở nước ngoài vẫn còn sơ sót đáng tiếc. Không thể chấp nhận ý niệm rằng chỉ cần phỏng theo các mẫu dân chủ tân tiến của ngoại bang là đủ. Dân chủ không phải là một món hàng nhập cảng. Tự do không phải là một món quà tặng không. VN hậu CS xứng đáng có một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên, một nền dân chủ nhân bản thích hợp với nhu cầu và trình độ của dân tộc, với đầy đủ đặc tính VN, một nền dân chủ bởi dân, của dân và vì dân. Dân Việt Nam. Không lai căng, không vay mượn.

Tình trạng xã hội suy đồi trầm trọng, chính sách nhân nhượng quá độ Trung quốc, chủ trương bưng bít thông tin, đàn áp tôn giáolà những căn nguyên của mọi tai họa và hiện gây nhiều bất mãn trong giới trí thức, thanh niên và ngay cả nội bộ Đảng. Lãnh đạo

CSVN đang sống trong lo sợ, vì thế ráo riết chuẩn bị rất kỹ - từ các ngành, địa phương cho đến trung ương- Đại hội Đảng XI sẽ họp đầu năm 2011.

Không có con đường đấu tranh nào dễ dàng, trải đầy gấm hoa. Đấu tranh từ bên ngoài đất nước, xa quê cha đất tổ nghìn dặm lại càng gay go thập bội. Nhưng tất cả chúng ta đều tin chắc ngày mai trời lại sáng, dân chủ và phồn thịnh sẽ nở rộ trên Quê hương rách nát, sau cơn mê mẩn triền miên. Đến nay dư luận vẫn thắc mắc vì sao Quân đội Nhân dân lại có thể cam chịu gục mặt thị chứng cho Đảng ta tái diễn trần tráo bi hài kịch Lê Chiêu Thống?

Điều 4 của Hiến pháp năm 1992 và nội bộ thoái nát là tử huyệt của CS. Thật vậy, độc đảng tạo đặc quyền, bất công gây bất mãn. Giữa Đảng và Dân, sự chia tay ý thức hệ đã kết thúc bằng một cuộc ly hôn vĩnh viễn. CSVN phản bội dân nên mất dân. Hồ đã nói: “Mất dân là mất tất cả.” Không Tử từng xác quyết: “Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong.” CS hành động trái ý dân. Ý dân là ý trời. Với chính sách tàn bạo và sai lầm chồng chất, CS lấn dân vào ngõ bí, gây phản uất, nổi loạn. Lửa cách mạng sẽ cắt ngắn và hỏa thiêu giấc mơ diễn biến hòa bình. Gieo gió thì gặt bão. Đó là hai quy tắc thiên nhiên “Vật cùng tắc biến” và “Tương quan nhân quả”.

Thời cơ đã đến để chấm dứt một chế độ phi nhân, phi pháp và vô thần. Nếu thất bại lần này thì đó sẽ là đại họa chung cho dân tộc. Và tất cả chúng ta - người dân Việt, trong và ngoài nước, già trẻ, nam nữ, bất phân chính kiến và tín ngưỡng - sẽ phải gánh hết trách nhiệm. Trách nhiệm với tiền nhân, với hậu thế.

LS LÂM LỄ TRINH

Thủy Hoa Trang

Giáng Sinh 2009



35 NĂM NHÌN LẠI CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI

NGUYỄN VĂN BÌNH

LTS. *Ls. Nguyễn Văn Bình, nguyên luật sư tập sự Luật sư đoàn Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn. Hiện là Chủ Bút bán nguyệt san Ý Dân ở San Jose California. Tòa soạn trân trọng giới thiệu bài nhận định: “35 năm nhìn lại cộng đồng Việt Nam hải ngoại” của Ls Bình đến các độc giả đồng môn Luật khoa Sài Gòn và thân hữu, đồng hương Việt Nam.*

Xuân Canh Dần 2010 đánh dấu thời gian 35 năm cộng đồng người Việt tỵ nạn Cộng Sản xa quê hương và đến định cư tại nhiều quốc gia trên thế giới. Thời gian 35 năm quả là dài cho một đời người, nhưng xét ra vẫn còn ngắn ngủi để ghi lại sự phát triển và sự thành công của cộng đồng người Việt tại hải ngoại so với các cộng đồng bạn.

Con số người Việt định cư tại hải ngoại ước tính vào khoảng 3 triệu người. Đông đảo nhất là tại Hoa Kỳ có khoảng trên 1 triệu 200 ngàn người, ở Pháp và Úc Châu mỗi nơi có khoảng vài trăm ngàn người.

Khởi đầu chỉ với đôi bàn tay trắng, lòng tan nát, hận tử vì phải xa quê hương, xa thân nhân, bè bạn và bỏ lại sau lưng tài sản và bao kỷ niệm đẹp. Nhưng với lòng quả cảm, ý chí phấn đấu, sự cần mẫn, sự ham học, nhẫn nại, với niềm tin tôn giáo, tình gia đình và tình tương trợ mà cộng đồng Việt Nam đã nhanh chóng thành công trên nhiều phương diện: văn hóa, giáo dục, kinh tế, chính trị, tôn giáo, quân sự và truyền thông tại hải ngoại.

Về phương diện văn hóa: Hầu hết người Việt tại hải ngoại vẫn tiếp tục duy trì và phát triển ngôn ngữ Việt. Mọi đồng hương vẫn tiếp tục giao thiệp với nhau bằng tiếng Việt và tại nhiều nơi còn có nhiều lớp dạy Việt ngữ cho các trẻ em. Tại một vài đại học, nơi có đông người Việt cư ngụ, Việt ngữ được chọn là sinh ngữ phụ để dạy cho các sinh viên. Các lễ hội như các ngày Tết Nguyên Đán, Tết Trung Thu, Đám Hối, Đám Cưới, Đám Tang v.v. vẫn còn được duy trì theo lễ nghi Việt Nam. Đây là một điểm son để cộng đồng người Việt tiếp tục duy trì văn hoá của mình mà không lo ngại bị dân địa phương đồng hóa.

Về phương diện giáo dục: Hiện nay giới trẻ Việt Nam đã là những sinh viên ưu tú tại nhiều trường đại học danh tiếng trên thế giới. Nhiều bạn trẻ Việt Nam nay đã là các kỹ sư, luật sư, nha sĩ, dược sĩ, kiến trúc sư, bác sĩ, phi hành gia, khoa học gia, giáo sư danh tiếng tại hải ngoại.

Về phương diện kinh tế: Tại nhiều thành phố xưa kia vắng vẻ, nay nhờ số đông người Việt đến cư ngụ đã trở nên trù phú với nhiều khu thương mại sầm uất với nhiều cửa tiệm, nhà hàng, văn phòng dịch vụ v.v. Tại Hoa Kỳ, tại Pháp và tại Úc đã có những khu thương mại Việt Nam sinh hoạt nhộn nhịp và thu hút đông đảo khách du lịch các nơi.

Về phương diện chính trị: Một số bạn trẻ Việt Nam nay đã bước vào chính trường tại địa phương. Tại Đức, người ta có bộ trưởng y tế Phillip Roesler. Tại Hoa Kỳ, chúng ta có ông Đình Việt, nguyên phụ tá tổng trưởng Tư Pháp, dân biểu liên bang Cao Quang Ánh, dân biểu tiểu bang California Trần Thái Văn, dân biểu tiểu bang Texas Hubert Võ, giám sát viên Janet Nguyễn cùng một số nghị viên thành phố, các chánh án Liên bang và tiểu bang.

Về phương diện tôn giáo: Có hồng y Nguyễn Văn Thuận, Tổng trưởng Bộ Công Lý và Hòa Bình tại Vatican đã làm rạng danh cho giáo hội Công Giáo và cho cộng đồng người Việt tại hải ngoại. Nhiều ngôi chùa, nhà thờ, thánh thất hoặc tu viện thuộc các tôn giáo đã được cộng đồng người Việt xây cất khang trang và thu hút đông đảo các tín đồ.

Về phương diện quân sự: chúng ta có nữ khoa học gia Dương Nguyệt Ánh, phi hành gia Eugene Trinh, đại tá Lương Xuân Việt, lữ đoàn trưởng Dù, trung tá Lê Bá Hùng hạm trưởng chiến hạm USS Lassen cùng nhiều sĩ quan Việt Nam trong nhiều binh chủng của quân đội Hoa Kỳ.

Sau cùng về phương diện truyền thông: Chúng ta có nhiều chương trình truyền hình, truyền thanh, báo chí, sách, web site, DVD, CD với đầy đủ các tiết mục tin tức, khoa học, văn học, y tế, thể thao, gia chánh v.v. giúp cho cộng đồng người Việt truyền đạt những tin tức cần thiết và trau dồi kiến thức một cách dễ dàng.

Tóm lại, tất cả những sự thành công nêu trên của cộng đồng người Việt tại hải ngoại cần phải được mọi người tiếp tục phát huy thêm để cộng đồng người Việt càng thêm vững mạnh.

NGUYỄN VĂN BÌNH

Nhận định:



SAU KHI LIÊN XÔ GIẢI THỂ, PHONG TRÀO CỘNG SẢN CÒN LẠI NHỮNG GÌ? (What's left of the Communist Movement?)

Ls. Đoàn Thanh Liêm

Sự sụp đổ bức tường Bá linh vào năm 1989, và sự giải thể của Liên bang Xô viết vào năm 1991 liền sau đó, đã đánh dấu một bước ngoặt rõ rệt của lịch sử thế giới vào cuối thế kỷ XX. Sau 20 năm tức là khoảng cách của một thế hệ, chúng ta đã có đủ thời gian để quan sát và lượng định về sự chuyển biến của cục diện thế giới trong thời đại “hậu cộng sản” vào đầu thế kỷ XXI hiện nay.

I / Trước hết, là không còn một cơ cấu tổ chức nào mà có thể được gọi là “Phong trào Quốc tế Cộng sản” (World Communist Movement) do Liên Xô lãnh đạo như hồi thập niên 1960-70 nữa.

Và do đó cũng không còn có một khối cộng sản để đối địch với khối tư bản; mà cuộc chiến tranh lạnh giữa Nga và Mỹ, phát sinh từ ngay sau lúc chiến tranh thứ hai chấm dứt cũng tự động mà tiêu tan luôn. Hậu quả là hiện nay, thế giới chúng ta không còn phải lo sợ về một cuộc chiến tranh toàn cầu do sự tranh chấp giữa 2 siêu cường Liên Xô và Mỹ, giống như trường hợp đối đầu nảy lửa gay gắt giữa 2 lãnh tụ Krushchev và Kennedy trong cuộc khủng hoảng Cuba hồi năm 1962 nữa.

Mà cũng chẳng còn một chủ thuyết bao gồm toàn bộ các tín điều như tổ chức “Đệ tam quốc tế” (Comintern) vẫn truyền bá hồi thập niên 1930-40 nữa rồi. Trên thế giới ngày nay, chẳng còn một lãnh tụ đảng cộng sản nào mà còn dương dương xưng tụng “lý thuyết về ba dòng thác cách mạng” như ông Lê Duẩn đã từng đồng dục tuyên bố tại Việt nam sau hồi tiên chiếm được miền Nam năm 1975. Ý của nhà lãnh đạo cộng sản Việt nam muốn nói là : Lực lượng cách mạng đã toàn thắng ở trong khối xã hội chủ nghĩa, tại các nước trong thế giới thứ ba, và lực lượng này cũng đang dâng lên cả trong nội bộ các nước tư bản nữa. Vì thế mà họ mới trưng ra khắp nơi các khẩu hiệu đến là nực cười như : “Chủ nghĩa Marx – Lénine bách chiến bách thắng”, “Chủ nghĩa xã hội là đỉnh cao của trí tuệ loài người” v.v...

Việc thêm cái mục “Tư tưởng Mao Trạch Đông” hay “Tư tưởng Hồ Chí Minh” gắn liền vào

với chủ thuyết kinh điển Marx-Lénine, thì lại càng làm mờ nhạt thêm cái căn bản lý thuyết mà vốn là rường cột của phe xã hội chủ nghĩa cho đến ngay thập niên 1980 gần đây mà thôi.

II /Không còn bóng dáng nào của chủ nghĩa cộng sản trên toàn thể các quốc gia thuộc Âu châu ngày nay nữa, kể cả tại các quốc gia vốn xưa kia nằm trong Liên bang Xô viết.

Điều này rất đáng chú ý, bởi lẽ chủ thuyết Marx-Engels cũng như cuộc cách mạng Bolshevik đều được phát sinh ra tại Âu châu, và cho đến giữa thập niên 1980, thì có đến một nửa Âu châu vẫn còn nằm trong khối cộng sản do Liên Xô lãnh đạo. Ta sẽ phân tích chi tiết tình hình này ở Âu châu hiện nay như sau đây :

A/ Tại Tây Âu : Trước đây vào thập niên 1950 – 60, các đảng cộng sản ở Pháp và Italia rất là hùng hậu mạnh mẽ, có lúc thu được đến trên 30% phiếu bầu của cử tri toàn quốc, khiến cho họ đã nhiều lần khuynh loát được chính quyền tại các nước này. Ấy thế mà hiện nay, các đảng này đã tuột dốc thê thảm, hầu như chỉ còn là một cái bóng mờ nhạt trong đời sống chính trị quốc gia. Mặc dầu họ đã công khai từ bỏ lập trường “tranh đấu giai cấp” và xoá bỏ chủ trương “vô sản chuyên chính, bạo lực cách mạng”, thì các đảng cộng sản này cũng vẫn chẳng còn thu hút được sự ủng hộ của quần chúng như trước đây nữa. Còn tại các nước khác như Anh quốc, Bỉ, Hoà lan, v.v..., thì các đảng cộng sản tuy vẫn tồn tại, nhưng hầu như không còn khả năng lôi cuốn được mấy ai mà còn phần khởi tin tưởng hay tham gia sinh hoạt với đường lối “cách mạng vô sản” nữa.

Nhân tiện cũng xin ghi chú thêm là : Vào hồi thập niên 1970 trở đi, các đảng cộng sản tại Tây Âu, đặc biệt tại Italia và Tây ban nha đã có một đường lối khá cởi mở, thông thoáng được mệnh danh là “cộng sản Âu châu (Euro – communism). Đường lối này cũng tương tự như chủ trương của giới lãnh đạo cộng sản Tiệp khắc trong vụ “Mùa xuân Praha năm 1968” với khẩu hiệu “Xã hội chủ nghĩa với bộ mặt nhân bản” (socialism with human face). Các nhà nghiên cứu gần đây đã đánh giá rằng chủ trương nhân bản thông thoáng này đã có sức thuyết phục trong nội bộ giới lãnh đạo Xô Viết và nhờ đó mà Liên Xô đã không ra tay can thiệp vào phong trào đòi tự do dân chủ ở Đông Âu, khiến đưa đến sự sụp đổ của cộng sản ở vùng này, và rồi kéo theo cả sự tan vỡ toàn bộ của hệ thống Xô viết. Như vậy, ta cũng nên ghi điểm son cho công trạng của Euro-communism trong việc gián tiếp góp phần vào việc xóa bỏ cộng sản ở Đông Âu và làm tan rã đế quốc Liên Xô.

B/ Tại Đông Âu : Kể từ cuối năm 1989, các nước Đông Âu đều đã rũ bỏ hoàn toàn chế độ cộng sản và tiến hành được công cuộc chuyển hoá dân chủ (democratic transition) một cách thật êm thấm ngoạn mục. Tất cả các nước này đều đã thiết lập được một chế độ chính trị đa nguyên đa đảng, xây dựng được một nền kinh tế thị trường rất thành công vững mạnh. Và đặc biệt đã hội nhập được với Cộng đồng Âu châu, cũng như gia nhập được với khối liên minh phòng thủ Nato. Nhờ vậy mà các nước cựu cộng sản này đã bắt kịp được với trào lưu tiến bộ về mọi mặt của các quốc gia dân chủ ở Tây Âu. Khu vực xã hội dân sự gồm hàng ngàn, hàng vạn các tổ chức phi chính phủ, bất vụ lợi, cùng với các tổ chức văn hoá-giáo dục-xã hội xuất phát từ các tôn giáo đã được phục hồi một cách vững chắc, khiến tạo được tiền đề cho một “nền dân chủ tham gia” của quảng đại quần chúng khắp nơi (a participatory democracy). Đây rõ rệt là một quá trình dân chủ hoá đích thực và dứt khoát không thể nào đảo ngược lại, để trở về với thể chế độc tài toàn trị cộng sản như trước đây được nữa (an irreversible process).

Ta có thể đánh giá ngắn gọn được rằng cái tiến trình dân chủ hóa này đã thành công xuất sắc tại Tiệp khắc, Hungary, Balan và đặc biệt là tại nước Đức nữa. Bởi lẽ Tây Đức đã hết lòng cur mang đón nhận người anh em từ bên phía Đông về hiệp nhất với mình. Và sự kiện vị Thủ tướng hiện

nay là Bà Angela Merkel vốn xuất thân từ bên Đông Đức là một biểu hiện tuyệt vời của sự thống nhất nước Đức trong tinh thần hiếu hòa và tự do dân chủ vốn đã ăn rễ lâu đời trong truyền thống văn hóa của Âu châu.

C/ Tại chính nước Nga và các nước thuộc Liên bang Xô viết cũ, thì cũng lại không hề có dấu hiệu nào là chế độ cộng sản còn có thể “tái xuất hiện”.

Hiện tình chính trị xã hội trong khu vực này, mà xưa kia người cộng sản khắp nơi trên thế giới vẫn coi như “thành trì của chủ nghĩa xã hội”, lại càng đáng cho chúng ta chăm chú theo dõi quan sát chi tiết rành mạch hơn.

Như ta đã biết kể từ năm 1991, Liên Xô đã bị chia thành 15 nước cộng hoà riêng biệt, trong đó nước Nga là một nước lớn nhất và là đại diện kế thừa của Liên bang Xô viết đã được chính thức khai tử vào ngày 25 tháng 12 năm 1991. Kể từ ngày đó nước Nga đã phải rất vất vả khó nhọc với sự “thanh toán di sản” của Liên bang đối với 14 nước cộng hoà kia. Chỉ riêng với số 25 triệu người thuộc sắc tộc Nga mà lại còn sinh sống phân tán ở các nước cộng hoà biệt lập đó, thì đã là một việc phức tạp làm điên đầu cho giới lãnh đạo của nước đàn anh này rồi. Và những cuộc căng thẳng xung đột liên tục có khi biến thành chiến tranh đẫm máu như ở Chechnya hồi năm 1994-95, hay mới đây tại Georgia đã và đang làm cho nước Nga phải liên miên đối phó với những hậu quả rất ư nặng nề của cái quá khứ do “đế quốc đỏ” để lại cho mình rồi. Mặc dầu đảng cộng sản vẫn tồn tại ở nước Nga, nhưng mới đây trước cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế tài chánh vào năm 2008, thì đảng này cũng không hề dám động tĩnh gì để khai thác “thời cơ bất ổn” này, nhằm lật lại thể cờ hầu đưa đảng cộng sản trở lại nắm chánh quyền như trước kia được nữa.

Trường hợp của Liên bang Nam Tư được tách ra thành 6 nước riêng biệt, thì cũng tương tự như của Liên Xô, tức là sự “tranh chấp về chủng tộc” mới là đặc tính chính yếu của các quốc gia, chứ không phải là cuộc “tranh đấu giai cấp” như trong kinh điển của chủ nghĩa Marxist (ethnic conflict, chứ không phải là class struggle). Lại nữa, riêng tại nước Nga hiện nay thì đã có đến cả nửa triệu các tổ chức phi chính phủ (NGO) mới được thành lập, với khả năng đáp ứng kịp thời đối với nhu cầu thực tiễn thường ngày của người dân;

đó là một thay thế rất hiệu quả cho chánh sách an sinh xã hội mà trước đây chánh quyền cộng sản vẫn tự hào cho đó là một điểm son của chế độ. Kết cục là mặc dầu bản thân người lãnh đạo nước Nga là Vladimir Putin vốn xuất thân từ lò mật vụ KGB, thì ông ta cũng đã chẳng thể tiến hành việc tái lập chế độ cộng sản được, dù ông có lẽ lỗi cai trị với bàn tay sắt của một nhà độc tài chuyên chế như nhiều người vẫn phê phán về ông.

Còn về phần 14 quốc gia khác mà được tách ra từ Liên Xô, thì mỗi ưu tư về việc củng cố chủ quyền quốc gia cho mỗi nước của mình lại mới chính là yếu tố nòng cốt để xây dựng và phát triển sự thịnh vượng của đất nước. Và sự xóa bỏ chủ nghĩa cộng sản tại các quốc gia này rõ rệt là một sự kiện lịch sử dứt khoát, mà điển hình nhất là tại 3 nước cộng hòa vùng Baltic là Estonia, Latvia và Lithuania.

Đó là tình hình hiện nay tại khu vực được coi như là quê hương của cuộc Cách mạng Tháng Mười do người cộng sản Bolshevik khởi xướng thành công từ năm 1917 dưới sự lãnh đạo của Lénine.

III / Chỉ còn lại có 5 quốc gia sau đây là do đảng cộng sản giữ độc quyền lãnh đạo. Đó là 4 nước ở Á châu, gồm có Trung quốc, Việt nam, Bắc Triều tiên và Lào quốc. Và một nước khác ở Châu Mỹ La tinh, đó là Cuba.

Nói chung thì tuy do đảng cộng sản còn nắm giữ quyền bính, nhưng tùy theo mỗi nước mà chế độ cộng sản cũng đã “đổi màu” nhiều rồi, không còn tính cách sắt máu khắc nghiệt như cách nay vài ba chục năm nữa. Họ theo đúng khẩu hiệu “Đổi mới hay là Chết” để mà thích nghi với tình trạng biến chuyển của thời đại, hầu có thể duy trì được sự tồn tại của mình.

Ta sẽ lần lượt xét đến trường hợp riêng biệt của từng nước một trong số 5 quốc gia này.

A/ Trước hết là Bắc Triều Tiên, được coi là một nước cộng sản quá khích, hung hãn, độc ác và tàn bạo nhất trên thế giới ngày nay. Tính chất phong kiến hủ lậu còn rất nặng nề do việc “cha truyền, con nối”, bắt đầu từ Kim Nhật Thành trao cho con là Kim Chính Nhật nắm giữ quyền lãnh đạo tại xứ sở này. Và bây giờ Kim Chính Nhật lại đang chuẩn bị “truyền ngôi” cho một người con

của mình; như vậy là sắp bắt đầu đến thế hệ thứ ba của dòng họ Kim tiếp nối giữ quyền thống trị tại một nước vẫn được coi là giữ vững truyền thống cách mạng cộng sản.

Với chế độ sắt máu, khắc nghiệt, nền kinh tế lẹt đẹt không sao phát triển được, khiến cho dân chúng đói khổ cùng cực, đến nỗi phải liều mình vượt biên giới để thoát qua Trung quốc tìm cách kiếm ăn. Một số rất ít có may mắn đào thoát qua được với bà con ở phía Nam Triều Tiên, để mà làm lại cuộc đời hầu có được một cuộc sống xứng đáng với phẩm giá con người. Dân thì đói khổ lắm than như vậy, mà giới lãnh đạo ở xứ này vẫn cứ ngoan cố phung phí ngân sách, tài sản quốc gia vào công việc chế tạo vũ khí rất đắt tiền, cụ thể là kho vũ khí hạch tâm để hù dọa, làm yếu sách đối với Mỹ, Nhật, Đại Hàn... nhằm tống tiền, đòi viện trợ thực phẩm, nhiên liệu vật liệu đủ mọi thứ. Cái tác phong “ăn vạ kiểu Chí Phèo” này đã khiến cho công luận thế giới liệt kê Bắc Triều Tiên vào hàng ngũ mấy “quốc gia côn đồ” (rogue state).

Nhưng mà về lâu về dài, cứ cái đà kinh tế tụt hậu bết bát như hiện nay, thì Bắc Triều Tiên không thể làm sao cạnh tranh được với sự phồn thịnh rất vững chắc của Nam Triều Tiên với dân số đông đảo gấp quá 2 lần, mà lợi tức tính theo đầu người thì lại gấp mấy chục lần. Tình trạng này cũng y hệt như giữa Đông Đức và Tây Đức cách nay mấy chục năm, trước khi bức tường Bá linh sụp đổ.

B/ Trường hợp của Lào quốc, một nước cộng sản hiền lành nhất. Là một nước nhỏ với dân số có chừng 8 triệu, Lào bị Việt nam khống chế và cũng được Trung quốc chèo kéo, o bế. Tuy vậy chế độ cộng sản ở đây được coi là bớt khắc nghiệt nhất, trái hẳn với ở Bắc Triều Tiên. Người dân Lào vẫn còn giữ được lễ lối bình thân, hiền hậu theo ảnh hưởng sâu đậm của Phật giáo. Sự gần gũi về văn hoá, ngôn ngữ, tôn giáo với dân tộc láng giềng Thái lan về phía Tây về lâu dài có khả năng làm quân bình với ảnh hưởng của Việt nam và Trung quốc ở phía Đông và Bắc. Và cái quá khứ nặng nề từ cuộc chiến tranh Đông Dương 1945 - 75 cũng lần hồi bị vượt qua trong viễn tượng nước Lào mỗi ngày thêm tiến triển với công cuộc hội nhập với cộng đồng địa phương Đông Nam Á vậy.

C/ Trường hợp của nước khổng lồ Trung hoa với dân số 1,300 triệu đang trỗi dậy thành một siêu cường, nhờ sự thành công thần kỳ về kinh tế

thương mại trong 30 năm qua, khiến cả thế giới phải chú tâm theo dõi. Rõ ràng là tính thực dụng truyền thống của dân tộc Đại Hán đã giúp họ thoát ra khỏi cơn mê loạn của cuộc cách mạng văn hoá của lãnh tụ Mao Trạch Đông ở vào tuổi cuối đời của ông hồi cuối thập niên 1960. Người kế vị Đặng Tiểu Bình đã phát biểu thật rõ ràng trong câu nói lịch sử : “ Mèo trắng hay đen thế nào cũng được, miễn là nó bắt được chuột”. Tức là ý ông muốn nói : Không cần câu nệ vào giáo điều cộng sản, mà điều quan trọng là làm sao phát triển kinh tế để đem lại sự ấm no cho dân tộc và sự cường thịnh của xứ sở. Và chỉ trong vài chục năm, với chính sách “mở cửa ra với bên ngoài, đặc biệt là với khối Âu Mỹ, Trung hoa đã gặt hái được những thành tựu xuất sắc vượt bậc nhờ ở sự thu hút được kỹ thuật tiên bộ và vốn liếng đầu tư khổng lồ từ khối đông đảo người Hoa kiều hải ngoại, cũng như của Nhật, Đại hàn, Mỹ và cả Tây Âu, đặc biệt là của Đài loan.

Cái sự thành công vĩ đại này đã củng cố cho địa vị của giới lãnh đạo cộng sản ở Bắc kinh, nhưng mặt khác nó cũng làm nhẹ bớt đi tính chất khắc nghiệt tàn bạo của nạn giáo điều cuồng tín cố hữu mà điển hình là của thời kỳ Mao Trạch Đông lãnh đạo. Dù vẫn còn bảo thủ với lối cai trị độc tài chuyên chế với sự bóp nghẹt tự do dân chủ, mà cụ thể là sự tàn sát Thiên An Môn năm 1989 và nhất là sự đàn áp môn phái Pháp Luân Công gần đây, cũng như sự mạnh tay kèm kẹp tại Tây Tạng, Tân Cương; thì đảng cộng sản vẫn chẳng ngăn cản được sự phát triển khu vực xã hội dân sự, đặc biệt là trong các đô thị đông đúc và thịnh vượng ở Trung hoa hiện nay. Và ngay cả trong hàng ngũ cán bộ đảng viên cộng sản, họ đã thu nhận cả giới doanh nhân tư sản như là một thành phần quan trọng cần thiết cho sự xây dựng và phát triển quốc gia. Đường lối thực dụng trong công cuộc canh tân đổi mới này đã ảnh hưởng cả đến các đảng cộng sản đàn em, mà điển hình là cộng sản Việt nam mà ta sẽ phân tích trong mục tiếp liền theo đây.

D/ Kể từ khi Liên Xô tan vỡ, đảng cộng sản Việt nam phải quay về bám víu vào đàn anh Trung quốc, mà chỉ mới một thập niên trước đó họ đã tố cáo là một kẻ thù phương bắc với mộng “bá quyền nước lớn”, nhất là sau trận chiến tranh biên giới đầu năm 1979 mà Trung quốc gọi là “phải dạy cho Việt nam một bài học”. Giới lãnh

đạo cộng sản Việt nam đã phải cay đắng nuốt nhục để xin làm hoà với đàn anh Trung quốc, mà hậu quả tai hại nhất là phải “dâng đất dâng biển cho Bắc kinh”. Việc này hiện đang là mối nguy cơ trầm trọng cho sự tồn vong của đất nước, khiến cho dân chúng càng thêm bất mãn với giới lãnh đạo già nua, hủ lậu và ngoan cố ở Hanoi. Rõ ràng là đảng cộng sản đã chỉ lo bảo vệ quyền lợi riêng tư của chính mình, chứ không phải là chăm sóc cho quyền lợi chính đáng của đất nước, của toàn thể dân tộc.

Nhưng mặt khác, sự đổi mới về kinh tế do chủ trương mở cửa ra với bên ngoài theo gương của Trung quốc thì đã đem lại cho Việt nam một sự thành công đáng kể khả dĩ có thể cứu vãn phần nào cho vị thế lãnh đạo của đảng cộng sản để vẫn giữ được quyền bính trong tay. Mặc dầu Hanoi vẫn tìm cách bưng bít thông tin, xiết chặt sự hoạt động của các tổ chức tôn giáo, cấm đoán các tổ chức chính trị văn hoá độc lập v.v..., thì họ cũng vẫn phải nhượng bộ để cho xã hội dân sự bắt đầu phát triển trong một số lãnh vực. Do vậy mà tính chất độc tôn, độc quyền của đảng cộng sản cũng bớt đi được sự cực đoan cứng rắn trước đây, khi họ mới tiến chiếm được miền Nam và chủ trương “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa”! Sự tranh đấu cho tự do dân chủ và nhân quyền của các thành phần trẻ ở trong nước trong những năm gần đây, mặc dầu bị đàn áp nặng nề, thì vẫn được tiếp diễn và được sự hưởng ứng mạnh mẽ của quần chúng, kể cả trong giới tôn giáo. Đó là một viễn tượng lạc quan cho tiến trình dân chủ hoá tại Việt nam ngày nay vậy.

E/ Trường hợp của Cuba và Châu Mỹ La tinh.

Chế độ cộng sản ở Cuba đã tồn tại được 50 năm. Và mặc dầu bị cắt hết nguồn viện trợ kể từ khi Liên Xô tan rã, Cuba vẫn còn đứng vững được với sự khâm phục và cổ vũ của một số quần chúng tại châu Mỹ La tinh như là biểu tượng của anh chàng “ David tý hon” mà dám ra tay đối đầu thách thức với “anh khổng lồ Goliath là nước Mỹ” vốn xưa nay ít được thiện cảm của những nước nhỏ ở phía Nam bán cầu.

Về kinh tế, Cuba cũng bị trì trệ như các nước cộng sản trước đây và lại không chịu đổi mới như Trung quốc, Việt nam. Phần lớn số ngoại tệ có được là do của các kiều bào từ hải ngoại gửi về cho thân nhân, hoặc do khách du lịch, chứ phần

thu nhập nhờ xuất cảng cũng không được bao nhiêu. Nhưng Cuba có ưu điểm là duy trì được hệ thống chăm sóc y tế đại chúng tương đối khá vững chắc và hiệu quả. Nền giáo dục phổ thông cũng được chú trọng, mặc dầu ngân sách quốc gia cũng chẳng được dồi dào bởi lẽ năng suất kinh tế quá yếu kém. Mặt khác Cuba vẫn còn được một số chính quyền thiên tả và chống Mỹ như Venezuela chi viện giúp đỡ, để có thể còn giữ vững được cái biểu tượng là “anh hùng chống Mỹ” tại khu vực châu Mỹ La tinh. Nhưng nói chung, thì cái lý tưởng Marxist cực đoan đã bắt đầu suy yếu đi nhiều, chứ không còn hung hãn như hồi 30-40 năm trước nữa.

Còn tại khu vực toàn thể Châu Mỹ La tinh, thì sau khi chế độ thiên tả của Salvador Allende tại Chili bị thất bại năm 1973 và chế độ Sandinista thiên cộng sản ở Nicaragua sụp đổ vào đầu thập niên 1980, không còn một nước nào lại có khả năng biến thành một thứ “Cuba thứ hai” nữa. Cho nên công trình “xuất cảng cách mạng” do Fidel Castro và Che Guevara khởi xướng từ thập niên 1960 đã không thể nào thành công được tại khu vực Nam bán cầu, cũng như tại Phi châu như Angola, Mozambique, Ethiopia v.v...

IV / Để tóm lược lại, ta có thể ghi lại mấy nét chính yếu như sau :

***Thứ nhất :** Thoạt đầu số đông quần chúng đi theo cộng sản, đó là vì lý tưởng công bằng xã hội, chống đối việc giới chủ nhân khai thác bóc lột người lao động. Họ cũng tham gia công cuộc tranh đấu do người cộng sản tổ chức lãnh đạo nhằm chống thực dân đế quốc, bài trừ phong kiến địa chủ. Đó là giai đoạn “cách mạng dân tộc dân chủ”. Nhưng đến khi thành công, nắm được chính quyền trong tay rồi, thì đảng cộng sản phát động giai đoạn cách mạng sắt máu, dùng bạo lực để xây dựng nền “chuyên chính vô sản”, “diệt trừ giai cấp tư sản”, “thực hiện kinh tế chỉ huy để nắm giữ độc quyền về kinh tế”, “tiêu diệt tôn giáo”, “loại trừ mọi đảng phái chính trị” v.v..., thì họ đã gây ra bao nhiêu tội ác, làm băng hoại mọi tiềm năng của dân tộc, do đó mà đưa đến sự sụp đổ tan rã toàn thể phong trào cộng sản trên thế giới. Rõ rệt là “bạo phát, bạo tàn”, như cổ nhân vẫn thường nói.

***Thứ hai:** Cái vốn liếng uy tín mà giới lãnh đạo cách mạng tiên khởi tích lũy được trong giai đoạn

chống thực dân đế quốc, thì sau mấy chục năm độc tài tàn bạo sắt máu, đã bị tiêu tan lãng phí đến độ cạn kiệt hết tất cả rồi. Và càng về sau, thế hệ những người lãnh đạo cộng sản kế tiếp đã không thể nào lôi cuốn quảng đại quần chúng nô nức phấn khởi tham gia ủng hộ họ như trước đây được nữa. Vì thế mà bây giờ họ phải tìm cách “sửa sai, đổi mới” nhằm thích nghi được với hoàn cảnh đã thay đổi toàn diện hiện nay. Mà đó thực chất cũng chỉ là những trò vá vúi tạm bợ để kéo dài thời gian cho chế độ độc tài toàn trị mà thôi. Bởi vậy cho nên chúng ta có thể xác tín rằng “quá trình dân chủ hóa nhằm xây dựng một chế độ nhân bản và nhân ái là một xu thế tiến bộ tất yếu của thế kỷ XXI, mà không một đảng cộng sản nào có thể làm cản trở ngăn chặn được nữa “.

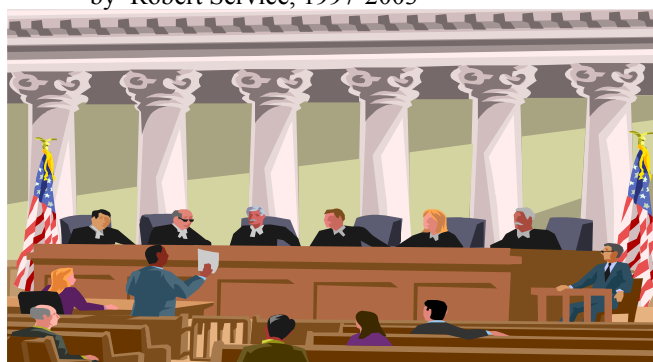
***Thứ ba:** Ngày nay ý thức về nhân phẩm và nhân quyền đã được phổ biến rộng rãi cùng khắp mọi nơi trên toàn cầu. Và quần chúng nhân dân đang mạnh dạn muôn người như một, quyết tâm đứng lên thực hiện quyền tự chủ của mình thông qua hàng vạn, hàng triệu những tổ chức độc lập, phi-chính phủ, bất vụ lợi nhằm giải quyết các nhu cầu chính đáng và thiết thực của chính mình. Họ không còn để cho người cộng sản nắm giữ mãi cái “độc quyền yêu nước để mà tự tung tự tác” như xưa nay được nữa. Bởi thế mà chúng ta có quyền lạc quan cho tương lai tươi sáng của nhân loại, cũng như cho dân tộc Việt nam yêu quý của mình vậy.

California, Tháng Mười Một 2009

Ls.Đoàn Thanh Liêm

Tham khảo :

- 1/ The Rise and the Fall of Communism
by Archie Brown, 2009
- 2/ A Short History of the XXth Century
by Geoffrey Blainey, 2005-06
- 3/ A History of Modern Russia
by Robert Service, 1997-2003



Tham luận:



NỀN CỘNG HÒA VÀ CÁC CHẾ ĐỘ VIỆT NAM CỘNG HÒA

Thiện Ý

Trong bài viết này, chúng tôi muốn lần lượt trình bày:

- 1.- Bối cảnh hình thành Nền Cộng Hòa tại Việt Nam.
- 2.- Nền Cộng Hòa và Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm
- 3.- Nền Cộng Hòa và các bản Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa.
- 4.- Nền Cộng Hòa và các chế độ Việt Nam Cộng Hòa (Đệ nhất và Đệ Nhị VNCH)

I/- BỐI CẢNH HÌNH THÀNH NỀN CỘNG HÒA TẠI VIỆT NAM.

Như quý độc giả đã biết, sau Thế Chiến Hai, chủ nghĩa thực dân cũ đã bước vào thời kỳ suy tàn, xu thế giải thực đã buộc các đế quốc từng có nhiều thuộc địa như Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan đã phải lần lượt trao trả độc lập cho các nước bị trị. Điển hình là một số nước trong vùng như Ấn Độ và Hồi Quốc được Đế Quốc Anh trao trả độc lập năm 1947; Indonesia được Hà Lan trao trả độc lập năm 1949; Triều Tiên Nhật trao trả độc lập năm 1945; Lào và Cao Miên Pháp trao trả độc lập năm 1953. . . Do đó, theo nhận định của nhiều sử gia và học giả nghiên cứu chính trị và lịch sử, thì chẳng cần cuộc kháng chiến gian khổ 10 năm do đảng CSVN phát động độc tôn tiến hành (1945- 1954) làm hao tổn nhiều xương máu nhân dân, tàn phá tài nguyên đất nước vô ích, để có cái gọi là “Chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử”(7-5-1954), thì thực dân Pháp sớm muộn cũng phải trao trả độc lập cho Việt Nam cũng như nhiều thuộc địa khác. Chẳng qua Hồ Chí Minh và Cộng đảng Việt Nam tiến hành cuộc chiến tranh này, chỉ là lợi dụng lòng yêu nước của nhân dân, dùng chiêu bài độc lập dân tộc để chiếm quyền thống trị đất nước, để áp đặt chế độ độc tài đảng trị CS, theo chủ trương bành trướng lãnh thổ, nhuộm đỏ toàn cầu của cộng sản quốc tế, đứng đầu là hai tân đế quốc Đỏ Nga – Tàu

Thật vậy, trên thực tế, trước áp lực của xu thế giải thực, thực dân Pháp đã phải lùi từng bước, trao trả độc lập từng phần cho Việt Nam, qua các Hiệp Định Vịnh Hạ Long ngày 5 tháng 6 năm 1948, “đề cử”

hoàng đế Bảo Đại làm Quốc Trưởng, và Pháp thừa nhận Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Quốc Trưởng Bảo Đại như là một quốc gia độc lập nằm trong Liên Hiệp Pháp. Ngày 8 tháng 3 năm 1949 Tổng Thống Pháp Vicent Auriol và Quốc Trưởng Bảo Đại đã ký “Thỏa Ước Elysée”. Theo đó, Pháp hứa sẽ xây dựng cho Việt Nam một quân đội quốc gia chống cộng. Đây là khởi điểm của sự thành lập Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, gồm có các binh lính và sĩ quan “Khố Xanh Khố Đỏ” của Pháp chuyển qua. Chính những sĩ quan có xuất thân này, đã nắm vận mệnh quốc gia sau khi đảo chánh lật đổ Tổng Thống Diệm, cho đến ngày Miền Nam mất vào tay cộng sản (30-4-1975).

Thế rồi, cuối cùng thực dân cũng đã Pháp phải trao trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam. Nhưng Việt Nam có số phận không may đã rơi vào thế gọng kìm của một chiến lược quốc tế mới, với cuộc chiến tranh ý thức hệ (cộng sản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa), nên đất nước bị chia phân theo Hiệp Định Genève ngày 20-7-1954, do sự áp đặt của các cường quốc, trái với nguyện vọng quốc dân Việt Nam.

Hệ quả là một nửa nước Miền Bắc rơi vào tay đảng Cộng sản Việt Nam, thiết lập “Nền Chuyên Chính Vô Sản”, trên đó xây dựng chế độ độc tài toàn trị cộng sản, với quyền thống trị độc tôn, độc quyền của đảng CSVN, một công cụ chiến lược của hai tân đế quốc Đỏ Nga-Tàu. Nửa nước Miền Nam Việt Nam được trao trả cho chính quyền chính thống quốc gia Việt Nam, thiết lập nền Cộng Hòa trên đó xây dựng chế độ tự do dân chủ, tức Việt Nam Cộng Hòa, với sự hỗ trợ của Hoa Kỳ và các đồng minh Thế Giới Tự Do trên nguyên tắc, song trên thực tế đã bị Hoa Kỳ biến thành công cụ chiến lược của mình, một công cụ ngay tình khác với công cụ tri tình cho Nga- Tàu của Cộng đảng và chế độ Cộng sản Bắc Việt. Vì đảng Cộng sản Việt Nam vốn là một công cụ bành trướng của cộng sản quốc tế, đứng đầu là Nga Tàu lúc đó, nên đã phát động và tiến hành cuộc chiến tranh thôn tính Miền Nam. Chính quyền quốc gia và nhân dân Miền Nam, trong thế chẳng đặng đừng phải làm tiền đồn chống cộng cho Hoa Kỳ và Thế giới tự do, buộc lòng phải thực hiện cuộc chiến tranh tự vệ để ngăn chặn,

đẩy lùi cuộc chiến tranh xâm lược đó của Cộng sản Bắc Việt, để bảo vệ phần đất tự do Miền Nam, trong ý hướng giữ vững độc lập quốc gia, chủ quyền dân tộc, để vừa chiến đấu chống cuộc xâm lăng của CSBV, vừa nỗ lực xây dựng thành công chế độ dân chủ Việt Nam Cộng Hòa, tiến tới thống nhất đất nước, không phải bằng bạo lực quân sự, mà bằng sự ưu thắng của chế độ Việt Nam Cộng Hòa và nền kinh tế phát triển phồn vinh ở Miền Nam, trên chế độ độc tài toàn trị CS và nền kinh tế nghèo nàn lạc hậu ở Miền Bắc. Nghĩa là chúng ta, muốn tiến tới tình trạng như Nam Bắc Hàn hiện nay, mà sự thống nhất Hàn Quốc một cách hòa bình, với sự ưu thắng của Nam Hàn dân chủ trên Bắc hàn độc tài cộng sản nghèo đói và lạc hậu, chỉ còn là vấn đề thời gian.

Chính vì mục tiêu và lý tưởng vừa nêu, Nền Cộng Hòa đã được thiết lập tại Việt Nam, trên đó xây dựng chế độ dân chủ Việt Nam Cộng Hòa thay thế cho chế độ quân chủ phong kiến tồn tại nhiều thế kỷ trước đó tại Việt Nam.

II/- NỀN CỘNG HÒA VÀ TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM:

Theo tự điển Hán Việt của học giả Đào Duy Anh, Cộng Hòa (Republic: Cộng đồng, dân chúng) có ý nghĩa như là nền tảng cho một chế độ dân chủ, “Chế độ Cộng Hòa” (Republican Regime) với “Chủ quyền quốc gia thuộc về toàn dân”. Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm được coi là người khai sáng Nền Cộng Hòa như thế tại Việt Nam.

Sử liệu cận đại Việt Nam ghi nhận các sự kiện có ý nghĩa sau đây: ngày 7 tháng 7 năm 1954, chí sĩ Ngô Đình Diệm đang sống lưu vong ở hải ngoại đã về nước chấp chánh theo sự ủy thác của Vua Bảo Đại trong ngôi vị Thủ Tướng Chính Phủ Quốc Gia Việt Nam, để chống cộng và nếu cần chống cả phóng kiến để bảo vệ tổ quốc (Như hồi ký của cựu hoàng Bảo Đại đã viết). Vì xu thế thời đại, Thủ Tướng Diệm không thể duy trì thể chế quân chủ chuyên chế, nên với sự hậu thuẫn của 18 đoàn thể chính trị (Hội Đồng Cách Mạng Quốc gia), họp tại Dinh Độc Lập đã quyết định thiết lập chế độ Cộng Hòa, theo xu thế thời đại, đáp ứng ý nguyện của quốc dân, qua cuộc trưng cầu dân ý ngày 23-10-1955 truất phế vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng của nền phong kiến Việt Nam thiết lập nhiều thế kỷ trước đó, tôn vinh Thủ Tướng Ngô Đình Diệm là Tổng Thống đầu tiên chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Để có căn bản pháp lý, ngày 26-10-1955 Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đã ban hành Hiến Ước Tạm Thời Số 1, và ngày 23 tháng 1 năm 1956 đã ký ban hành Dự Số 8 thiết lập Quốc Hội Lập Hiến định hướng cho chế độ Cộng Hòa sẽ được xác lập. Trên căn bản các văn kiện pháp lý hành chánh này, nhân dân Miền Nam lần đầu tiên được cầm lá phiếu với tư cách là

người dân một nước độc lập, bầu người đại diện vào Quốc Hội Lập Hiến để thay mặt mình soạn thảo ra một bản hiến pháp dân chủ trên nền tảng Cộng Hòa đầu tiên. Trong vòng 9 tháng sau, Quốc hội do dân bầu này đã hoàn thành bản Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa và ngày 26 tháng 10 năm 1956,

Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đã ký ban hành bản hiến pháp đầu tiên làm căn bản thiết lập các định chế quốc gia, với tam quyền phân lập và cơ cấu của một chính quyền cộng hòa với chủ quyền quốc gia thuộc về toàn dân.

III/- NỀN CỘNG HÒA VÀ CÁC BẢN HIẾN PHÁP VIỆT NAM CỘNG HÒA.

Như trên đã trình bày Nền Cộng Hòa là nền tảng của một chế độ chính trị với chủ quyền quốc gia thuộc về toàn dân, theo học thuyết chính trị dân chủ Phương Tây, tương tự quan niệm dân chủ Phương Đông “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”, đều lấy “Dân làm gốc”. Tiếc rằng, quan niệm dân chủ này chỉ có trong sách vở ở xã hội phong kiến, thực tế Vua vẫn là tối thượng, chủ quyền quốc gia thuộc về vua, chứ không phải của toàn dân. Cũng như trong “nền chuyên chính vô sản” chủ quyền quốc gia thuộc về đảng cộng sản, quyền “Làm chủ của nhân dân” chỉ là bánh vẽ.

Vì vậy muốn chủ quyền quốc gia thuộc về toàn dân, cần xây dựng một chế độ dân chủ trên nền tảng Cộng Hòa. Để thiết định chế độ Dân Chủ Cộng Hòa này, cần có một bản Hiến Pháp, một văn kiện pháp lý căn bản qui định rõ quyền lợi nghĩa vụ người dân trong tương quan với các cơ quan công quyền, với các viên chức được người dân ủy quyền qua lá phiếu trong các cuộc bầu cử tự do, cử người đại diện cho dân, làm nhiệm vụ công bộc ăn lương của nhân dân, điều hành guồng máy công quyền quốc gia, từ thượng tầng kiến trúc đến hạ tầng cơ sở, theo ý nguyện của người dân, sao cho xã hội ổn định, phát triển, quốc gia phú cường, mọi tầng lớp nhân dân có điều kiện phát triển đồng đều, “cộng đồng đồng tiến”, có đời sống ấm no, mưu cầu hạnh phúc riêng (cá nhân) cũng như chung (tập thể).

Trong ý hướng trên, bản Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa đầu tiên được soạn thảo và ban hành ngày 26-10-1956 và bản Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa thứ hai được ban hành ngày 1-4-1967. Bản Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa 26-10-1956 được soạn thảo dựa trên hai nền tảng triết lý và chính trị. Nền tảng triết lý là chủ thuyết Nhân Vị, lấy con người là trung tâm, là chủ thể xã hội và là đối tượng phục vụ của xã hội. Chủ đích của các nhà lập hiến khi chọn chủ thuyết Nhân Vị làm nền tảng cho Hiến Pháp hữu thần Việt Nam Cộng Hòa là để đối kháng với chủ thuyết Cộng Sản với hiến pháp vô thần của chế độ cộng sản Bắc Việt, vốn coi con người là sản phẩm, là công cụ của xã hội, cá nhân phải

phục vụ xã hội và quyền lợi cá nhân phải hy sinh cho quyền lợi tập thể (thực chất là hy sinh cho quyền lợi của một tập đoàn thống trị CS), trong một xã hội mà những người cộng sản muốn thiết lập, đó là xã hội “Xã hội chủ nghĩa”, giai đoạn đầu của xã hội cộng sản.

Tham vọng của các nhà lập hiến Việt Nam khi chọn chủ thuyết Nhân Vị đối kháng với chủ thuyết Cộng sản, như là một vũ khí lý luận để đánh bại chủ nghĩa Cộng sản về mặt ý thức hệ, song song với nỗ lực quân sự đập tan cuồng vọng xâm lăng Miền Nam của Cộng sản Bắc Việt lúc bấy giờ. Với vũ khí lý luận là chủ thuyết Nhân Vị, các nhà lập hiến Việt Nam Cộng Hòa tin rằng, người dân sẽ thấy được hai con đường “Nhân vị chủ nghĩa” và “Cộng sản chủ nghĩa” dẫn đến mục tiêu tối hậu hoàn toàn trái ngược: Chủ nghĩa Nhân vị “*Vì con người, tôn trọng phẩm giá con người và xã hội phải phục vụ lợi ích tối thượng của con người*”. Trong khi chủ nghĩa cộng sản “*Vì đảng cộng sản, nô dịch và xã hội hóa con người, biến con người thành công cụ phục vụ xã hội, nhân vị bị hạ thấp ngang tầm loài vật*” (theo lý luận và thực hành Duy vật biện chứng của CS). Đồng thời, chủ thuyết Nhân Vị sẽ hỗ trợ với nền tảng chính trị là chủ thuyết Dân chủ Cộng Hòa, để bảo đảm được nhân vị và các nhân quyền căn bản của người dân. Trong bối cảnh cuộc chiến tranh chống cộng bảo vệ nền Cộng Hòa và chế độ dân chủ VNCH, chủ thuyết Nhân Vị giúp người dân phân biệt được mục tiêu và lý tưởng tranh đấu tối hậu của người Việt Quốc gia là thiết lập cho kỳ được một chế độ dân chủ cộng hòa là vì con người, vì nhân dân, được bảo đảm với tam quyền phân lập, trái ngược với chế độ độc tài toàn trị cộng sản độc tài, độc tôn và độc quyền thống trị, vì quyền lợi của giai cấp thống trị là các cán bộ đảng viên CS..

Chính vì vậy mà chủ thuyết nhân vị được xác tín qua phần “Mở Đầu” của Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày 26-10-1956 như sau:

“*Tin tưởng ở sự trường tồn của nền văn minh Việt Nam, cần có trên nền tảng duy linh mà toàn dân đều có nhiệm vụ phát huy;*

“*Tin tưởng ở giá trị siêu việt của con người mà sự phát triển tự do. Điều hòa và đầy đủ trong cương vị cá nhân cũng như trong đời sống tập thể phải là mục đích của mọi hoạt động quốc gia. . .*”.

Như vậy, chính trên nền tảng chủ thuyết Nhân Vị, Quốc hội Lập Hiến đầu tiên của Quốc Gia Việt Nam đã soạn ra bản Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa đầu tiên, (hoàn toàn khác với cái gọi là *Hiến pháp Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa của Cộng sản Bắc Việt* “ngụy cộng hòa”), và đã được Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, sau trở thành vị Tổng Thống đầu tiên chế độ Việt Nam Cộng Hòa, đã ký ban hành ngày 26-10-1956.

Nội dung Bản Hiến Pháp này, ngoài phần “Mở Đầu”, gồm 10 Thiên và 98 Điều thể hiện rõ Nguyên tắc

phân quyền: Thiên thứ nhất quy định những “Điều khoản căn bản”; Thiên Thứ Hai: “Quyền lợi và Nhiệm vụ người dân”; Thiên thứ ba: “Tổng Thống”; Thiên thứ tư: “Quốc Hội”; Thiên thứ năm “Thẩm Phán”; Thiên Thứ sáu “Đặc biệt Pháp Viện”; Thiên Thứ Bảy “Hội Đồng Kinh Tế Quốc gia”; Thiên thứ tám “Viện Bảo Hiến”; Thiên Thứ Chín “Sửa Đổi Hiến Pháp” và Thiên Thứ mười “Các Điều Khoản Chung”.

Cuộc đảo chánh quân sự ngày 1-11-1963, với sự trợ giúp của ngoại bang đã đưa đến cái chết thảm thương cho Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, người có công khai sáng nền Cộng Hòa Việt Nam. Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày 26-10-1956 bị hủy bỏ cùng với sự cáo chung nền Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa.

Sau những năm bất ổn chính trị, xã hội xáo trộn do các phe phái chính trị quân sự tranh giành quyền lực (1963-1967) Bản Hiến Pháp Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa đã được Quốc Hội Lập Hiến thông quan ngày 18-3-1967 và đã được Tướng Nguyễn Văn Thiệu trong tư cách Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạp Quốc gia ban hành ngày 1-4-1967. Cuộc bầu cử ngày 3-9-1967 đã đưa Tướng Nguyễn Văn Thiệu lên ngôi vị Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, là vị Tổng Thống thứ hai của nền Cộng Hòa Việt Nam. Ngày 5-4-1975, trước áp lực của ngoại bang và biến chuyển của tình thế, Tổng Thống Thiệu đã phải từ chức và trao quyền cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương theo qui định của Hiến Pháp. Chưa đầy một tháng sau, ngày 28-4-1975, Tổng Thống Trần Văn Hương, vị Tổng Thống thứ ba và cũng là vị Tổng Thống cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa, do áp lực của tình thế, đã lại phải từ chức để trao quyền ngoài dự liệu của Hiến Pháp cho Tướng Dương Văn Minh làm nhiệm vụ khai tử chế độ đệ nhị cộng hòa Việt Nam theo sự đạo diễn, sắp xếp của ngoại bang, như ông ta đã từng theo lệnh ngoại bang cầm đầu nhóm đảo chánh phá đổ chế độ Đệ nhất Việt Nam Cộng Hòa, sát hại Tổng Thống Diệm, người khai sáng nền Cộng Hòa Việt Nam 12 năm trước đó (1963-1975)

Nếu so sánh tổng quát hai bản Hiến Pháp chế độ đệ nhất và đệ nhị Việt Nam Cộng Hòa, cả hai có nền tảng chung là Cộng Hòa, cùng vận dụng nguyên tắc phân quyền theo học thuyết chính trị dân chủ Phương Tây, trong việc thiết lập và điều hành các định chế quốc gia và guồng máy công quyền, nhằm thể hiện “Quyền lực quốc gia thuộc về toàn dân” và bảo đảm các nhân quyền và dân quyền cơ bản của công dân được tôn trọng, bảo vệ và hành xử.

Nhưng khác là Hiến pháp 26-10-1956 dựa trên hai nền tảng triết lý (chủ thuyết nhân vị) và chính trị (chủ thuyết dân chủ Phương Tây, với nguyên tắc phân quyền), còn bản Hiến Pháp 1-4-1967, chỉ dựa trên nền tảng chủ thuyết chính trị dân chủ Phương Tây. Nếu so sánh nội dung thì Hiến pháp VNCH ngày 1-4-1967 hoàn chỉnh hơn Hiến Pháp 26-10- 1956, với các định

chế quốc gia và cơ cấu tổ chức chính quyền có nhiều điểm giống Hiến Pháp Hoa Kỳ nên có tính dân chủ cao hơn, như phân định rõ Tổng Thống nắm quyền hành pháp, Quốc Hội lưỡng viện (Thượng viện và Hạ viện) lập pháp và Tối cao Pháp Viện nắm quyền tư pháp, thể hiện rõ quyền lực quân binh của nguyên tắc tam quyền phân lập, trong khi Hiến pháp 26-10-1956, chỉ có quyền hành pháp (Tổng Thống) và lập pháp (Quốc Hội) là thể hiện qua cơ chế, còn tư pháp chỉ quy định như một đoàn thể (Thẩm phán) không có tính cơ cấu mạnh. Thế nhưng, việc vận dụng Hiến Pháp vào thực tế thì có lẽ, Hiến Pháp VNCH 26-10-1956 có thể là phù hợp hơn trong bối cảnh đất nước đang có chiến tranh lúc bấy giờ, với trình độ ý thức dân chủ người dân chưa cao và đối phương CS có thể lợi dụng quyền dân chủ rộng rãi để lung lay chính quyền, quân đội và các lực lượng an ninh của VNCH, như thực tế cho thấy.

IV/- NỀN CỘNG HÒA VÀ CÁC CHẾ ĐỘ VIỆT NAM CỘNG HÒA.

Như vậy nền cộng hòa thể hiện rõ mục tiêu chống cộng bấy lâu nay của người Việt Quốc gia hay là người Việt Nam không cộng sản là để nhằm thành đạt mục tiêu tối hậu là xây dựng một chế độ dân chủ đích thực trên nền Cộng Hòa đã được xác lập tại Việt Nam, đánh dấu bằng sự ra đời của bản Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa 26-10-1956. Chế độ đó là chế độ đệ nhất và đệ nhị Việt Nam Cộng Hòa kế tiếp nhau (1956-1975).

Ngày 30-4-1975, cộng sản Bắc Việt đã cưỡng chiếm Miền Nam, vi phạm trắng trợn Hiệp Định Paris ngày 27-1-1973, tức vi phạm luật pháp quốc tế, trước sự đồng lõa, phũ tay của đồng minh Hoa kỳ, và sự làm ngơ của quốc tế, cụ thể là các cường quốc để quốc đóng vai trò trung tâm quyền lực thế giới bảo đảm việc thực thi Hiệp Định Paris, thông qua tổ chức Liên Hiệp Quốc, vốn là công cụ của họ, do họ dựng lên và vì quyền lợi của họ, nhân danh nền hòa bình thế giới áp chế các dân tộc nhược tiểu.

Sau đây là nguyên văn **Điều 15, Chương V. “Vấn đề thống nhất Việt Nam và vấn đề quan hệ giữa Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam”** (Bản tiếng Việt).

Điều 15: Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình trên cơ sở bàn bạc và thỏa thuận giữa Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam, không bên nào cưỡng ép hoặc thôn tính bên nào và không có sự can thiệp của nước ngoài. Thời gian thống nhất sẽ do Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam thỏa thuận.

Trong khi chờ đợi thống nhất:

a) Giới tuyến quân sự giữa hai miền tại vĩ tuyến thứ mười bảy chỉ là tạm thời và không phải là một ranh giới về chính trị hoặc về lãnh thổ, như quy định trong

đoạn 6 của Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Giơ-ne-vơ năm một nghìn chín trăm năm mươi tư.

b) Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam sẽ tôn trọng khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến quân sự tạm thời..

c) Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam sẽ sớm bắt đầu thương lượng nhằm lập lại quan hệ bình thường về nhiều mặt. Trong các vấn đề sẽ được thương lượng, có vấn đề thể thức đi lại dân sự qua giới tuyến quân sự tạm thời.

d) Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam sẽ không tham gia bất cứ liên minh quân sự hoặc khối quân sự nào và không cho phép nước ngoài có căn cứ quân sự, quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự trên đất mình, như Hiệp định Giơ-ne-vơ năm một nghìn chín trăm năm mươi tư về Việt Nam quy định.”

Đọc Điều 15 trên đây, người ta không khỏi liên tưởng đến việc tiếp xúc bí mật giữa Cố vấn chính trị Ngô Đình Nhu và Phạm Hùng, một lãnh tụ Cộng Đảng Việt Nam lúc đó đang làm nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo cuộc chiến tranh thôn tính Miền Nam, vào thời điểm Chính quyền Ngô Đình Diệm bị áp lực nặng nề nhất của Hoa Kỳ (62-63), muốn mưu tìm một giải pháp thương lượng hòa bình giữa người Việt (Quốc gia) và người Việt (Cộng sản). Việc làm này có thể chỉ là động tác giả của ông Nhu như một cảnh cáo Hoa Kỳ rằng nếu ép chúng tôi quá, chúng tôi sẽ trực tiếp nói chuyện với đối phương, trên tinh thần người Việt nói chuyện với người Việt để chấm dứt xung đột, (bằng sự duy trì nguyên trạng qua phân tạm thời, với hai chế độ trên hai miền hiệp thương tương tự như quy định của Điều 15 Hiệp Định Paris vừa nêu, chứ không phải “Dâng Miền Nam cho CSBV” như sự gán ghép chủ quan của một số người có định kiến với cá nhân TT. Diệm và chính quyền Đệ nhất Việt Nam Cộng Hòa). Đây có thể coi là một viễn kiến có giá trị thực tiễn, tương tự như ý hướng quy định trên. Nhưng việc làm này đã là quá sớm đối với Hoa Kỳ, nên đã bị Hoa Kỳ kết án và làm một trong những lý do xúi dục nhóm Tướng tá làm cuộc đảo chánh lật đổ và sát hại Tổng Thống Diệm và bảo vệ Ngô Đình Nhu như mọi người đã biết.

Vì lúc đó người Mỹ chưa muốn chấm dứt mà muốn mở rộng và trực tiếp tham chiến và chỉ đạo chiến tranh, để những nhà tư bản quân sự, quốc phòng Mỹ có thêm thời gian tiêu thụ cho hết những vũ khí đạn dược còn tồn đọng sau Chiến tranh Thế Giới II và cần môi trường thử nghiệm các loại vũ khí mới. Tổng Thống Ngô Đình Diệm, người tha thiết và cương quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc, không muốn chiến tranh lan rộng có hại cho đất nước, không muốn đối phương xuyên tạc chính nghĩa chống cộng của chính quyền quốc gia, song đã là bức cản trở mà Hoa Kỳ cần phải loại trừ bằng mọi cách, với những lý cơ giả tạo, như các tài liệu được giải mật sau này cho thấy.

Như thế là Chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã bị cưỡng tử về mặt thực tế, song chúng tôi cho rằng vẫn tồn tại về mặt pháp lý căn cứ theo Điều 15 và nhiều điều khoản khác trong Hiệp Định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình cho Việt Nam.

Chế độ Việt Nam Cộng Hòa chỉ không tồn tại trên đất nước Việt Nam trong tư thế một quốc gia với đầy đủ ba yếu tố cấu thành: lãnh thổ, chính quyền và dân chúng, song vẫn tồn tại về mặt pháp lý, với thực tế là hầu hết bộ phận đầu não chính quyền, và một số khá đông (nay ước chừng 4-5 triệu) quân, dân, cán chính của chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã kịp di tản ra nước ngoài trước ngày 30-4-1975, hay chạy trốn chế độ CS sau này, trong thân phận lưu vong, vẫn không bỏ cuộc, đã quy tụ lại tại hải ngoại tiếp tục cuộc chiến đấu chống cộng, với cùng mục tiêu đánh đổ chế độ độc tài cộng sản, thành đạt mục tiêu tối hậu là tái lập chế độ Dân Chủ trên nền Nền Cộng Hòa đã được xác lập tại Việt Nam từ năm 1956; và hiện vẫn tồn tại trên đất nước Việt Nam, trong lòng hơn 80 triệu nhân dân Việt Nam với khát vọng tự do dân chủ, vì các quyền tự do, dân chủ, dân sinh, nhân quyền đã và đang bị “nền chuyên chính vô sản” với chế độ “Độc tài toàn trị cộng sản” cướp đoạt và chà đạp. Khát vọng này đã và đang được nhân dân trong nước thể hiện ngày một lan rộng và mạnh mẽ qua các cuộc đấu tranh đòi dân chủ, dân sinh, nhân quyền, tức đòi tái lập nền Cộng Hòa đã được xác lập trước đây, bởi chính quyền Quốc gia chính danh, kế thừa lịch sử dựng nước và giữ nước của tiền nhân; trái với chính quyền cộng sản ngụ danh, kế thừa lịch sử bành trướng quyền thống trị thế giới của cộng sản quốc tế, phản dân hại nước, như mọi người đều biết qua việc làm của họ, kể từ khi những môn đồ đầu tiên, đứng đầu là Hồ Chí Minh tình nguyện làm môn đồ của cộng sản quốc tế, du nhập chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam, tụ đảng từ ngày 3-2-1930 làm công cụ thực hiện nghĩa vụ quốc tế cộng sản để mở mang bờ cõi cho các tân đế quốc Nga-Tàu, phá hoại toàn diện đất nước, để lại hậu quả nghiêm trọng nhiều mặt, lâu dài cho dân tộc Việt Nam.

• KẾT LUẬN:

Tóm lại, như vậy là cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân Miền Nam bảo vệ chế độ dân chủ Việt Nam Cộng Hòa đã thất bại, song chỉ là thất bại tạm thời, có tính giai đoạn. Vì sau đó và cho đến nay, cuộc chiến đấu chống cộng sản độc tài để tái lập chế độ cộng hòa trên cả nước vẫn đang tiếp diễn. Đây là giai đoạn chống cộng cuối cùng vì dân chủ, cho nền cộng hòa Việt Nam của người Việt Quốc gia hay là người Việt Nam không cộng sản trong cũng như ngoài nước. Thực tế đã và đang ngày một khẳng định chính nghĩa “Cộng Hòa” tất thắng nguy nghĩa “Cộng sản”.

Nhân dân Việt Nam nhất định sẽ thiết lập được nền “Đệ Tam Cộng Hòa” trên toàn cõi Việt Nam trong

một tương lai không xa, với một Bản Hiến Pháp Cộng Hòa “**thể hiện được nguyện vọng của nhân dân (Việt Nam), từ Mũi Cà Mau đến Ải Nam Quan**”, như từng được khẳng định trong lời “Mở Đầu” của bản Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày 26-10- 1956.

Năm mươi hai năm qua, mục tiêu chống cộng để thực hiện lý tưởng thiết lập cho kỳ được một chế độ dân chủ cộng hòa trên quê hương đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta vẫn kiên định. Chúng ta tạm thời thất bại trong giai đoạn chiến đấu bảo vệ chế độ Việt Nam Cộng Hòa trong cuộc chiến tranh quốc-cộng vừa qua (1954-1975), song không chỉ có niềm tin mãnh liệt mà cả thực tế đã và đang ngày một khẳng định: Chân lý tất thắng, chính nghĩa quốc gia tất thắng nguy nghĩa cộng sản. Nền cộng hòa nhất định sẽ thay thế nền độc tài chuyên chính cộng sản hiện nay tại Việt Nam trong tương lai không xa.

Kỷ niệm 54 năm ngày thành lập nền Cộng Hòa Việt Nam vào thời điểm này, ngoài mục đích tưởng niệm và ghi ơn những người đã có công thiết lập nền cộng hòa Việt Nam, như Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm và các dân biểu Quốc Hội Lập Hiến đã soạn thảo ra bản Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày 26-10-1956, chúng ta còn tưởng nhớ và ghi ơn hai vị Tổng Thống kế nhiệm Nguyễn Văn Thiệu và Trần Văn Hương (dù các vị Tổng Thống ai cũng có những khiếm khuyết sai lầm về lãnh đạo khi còn tại chức, song đều một lòng bảo vệ nền Cộng Hòa Việt Nam), cũng như các Tướng lãnh, quân dân cán chính Việt Nam Cộng Hòa đã chiến đấu hy sinh để bảo vệ nền Cộng Hòa non trẻ ấy. Đồng thời, cũng là dịp nhắc nhở chúng ta về mục tiêu chống cộng để thành đạt lý tưởng xây dựng một chế độ dân chủ cộng hòa đích thực trên quê hương Việt Nam hậu cộng sản, chứ không nhằm thay thế chế độ độc tài cộng sản bằng một chế độ độc tài không cộng sản.

Vì thực tế, đã có những hiện tượng cho thấy một số cá nhân và một số chính đảng quốc gia, đoàn thể chống cộng ở Hải ngoại nói chung, Houston nói riêng, dường như đã coi nhẹ mục tiêu tối hậu này của sự nghiệp chống cộng. Do đó đã có những chủ trương, hoạt động và cách ứng xử thiếu khôn ngoan, có tính “Độc tài không cộng sản” với những chiến hữu và đồng hương cùng bè quốc gia dân tộc, phái tự do dân chủ cộng hòa, có chung mục tiêu chống cộng với mình. Thực tế điều này đã tác hại rất lớn đến sức mạnh đoàn kết của lực lượng chống cộng hải ngoại, cần phải được chấn chỉnh, nếu chúng ta, những cá nhân hay đoàn thể muốn chống cộng vì dân chủ và chống cộng để thắng cộng, chứ không phải chống cộng để lấy tiếng, chống cộng mà chơi, chống cộng cho vui bớt thù hận, dù cộng sản thực tế quả đã gây và để lại quá nhiều thù hận trong lòng mỗi người Việt chúng ta.

Thiện Ý

THOÁNG BUỒN ĐẦU XUÂN

thơ: Nguyễn Văn Ngai
nhạc: Nguyễn Thanh Nhân

Moderato.

Bao mùa hoa nở bao mùa lá tàn, máu đào vẫn đỏ xuân này mấy xuân?

Xuân đến nơi phôi hoa, Xuân qua miền duyên hải, em lo mùa xuân khô trở

lại. Bao mùa xuân đến bao mùa xuân tàn, tin người khô về xuân này mấy xuân?

Xuân đến nơi thanh dã, Xuân qua miền sông hồ, em lo mùa xuân khô hội ngộ.

Xin hãy nguyện cầu, cho dân Việt Sơn thành công, cho anh thơ chí tang

băng Tôi là một kẻ đang đi tìm tình, lại xa nhà từ buồn đứng sa

mai bụi viễn phương mờ phủ khắp hình hài, Bao mùa hoa nở bao mùa xuân tàn

mở lòng Nguyễn Huệ tôi chờ Xuân sang. Xuân mang về chín

thơ, nhưng khô Xuân về thêm lạnh như lạc loài, bỏ ý trăng long trời -

Thanh Nhân

Độc sử để nhìn nhận hôm nay



Luật sư Lê Công Định

Gửi cho BBCVietnamese.com từ Sài Gòn

Từ khi bắt đầu vào đại học lúc 17 tuổi đến nay, tôi vẫn giữ thói quen đều đặn hàng năm dành khoảng hơn một tháng đọc sách vở và tài liệu viết về đề tài Việt Nam, quá khứ cũng như hiện tại, chủ yếu nhằm giúp trao đổi vốn kiến thức hạn hẹp của tôi về lịch sử nước nhà.



Tây Nguyên là vùng đất quan trọng chiến lược của Việt Nam. Tôi thường chọn thời gian làm

công việc nhẹ nhàng, nhưng đầy hào hứng này vào độ trung tuần tháng 3 đến cuối tháng 4 mỗi năm. Đó cũng là khoảng thời gian của một năm thường gọi nhớ trong tôi nhiều biến cố vui buồn lẫn lộn, vừa hào hùng nhưng cũng vừa bi thương, của dân tộc.

'Vai trò Tây Nguyên'

Năm nay, trong số những sách vở và tài liệu tôi đọc có một quyển sách đặc biệt mà năm 18 tuổi tôi đã có dịp xem qua, đó là tập hồi ký "Bên dòng Lịch Sử, 1940-1965" của Linh mục Cao Văn Luận, nguyên Viện trưởng Đại học Huế và Giáo sư Đại học Văn khoa Sài Gòn. Hơn 20 năm trước tôi đọc quyển sách mang tính chất sử liệu này chủ yếu với ý định tìm hiểu các diễn biến lịch sử, mà vì nhiều lý do khác nhau thầy cô "dạy sử" của tôi ở trường trung học và cả những nhà "nghiên cứu" sử học sau 1975 tránh đề cập đến hoặc cố tình diễn giải sai lệch.

Tuần vừa rồi có dịp mượn lại "Bên Dòng Lịch Sử" từ người bạn lớn tuổi để tra cứu một số chi tiết cần cho công việc nghiên cứu cá nhân, tôi xem lại tập sử liệu một cách say mê, bởi lẽ lần đọc này mang đến cho tôi tâm trạng khác trước, gần

như là khám phá mới lạ. Quả thật Linh mục Cao Văn Luận có nhiều cơ hội tiếp xúc và đối thoại với các nhân vật lịch sử khác nhau của Việt Nam ở hai bên chiến tuyến trong giai đoạn từ 1940 đến 1965, nhờ vậy thiên hồi ký của ông đã dẫn dắt người đọc đi qua các biến cố lịch sử trọng đại của đất nước một cách sinh động và lôi cuốn.

Trong phần kể về cuộc gặp gỡ và trò chuyện lần đầu tiên với cố Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm vào nửa đầu năm 1948 tại Đà Lạt, mà Linh mục Cao Văn Luận gọi là "câu chuyện bên lò sưởi năm 1948" (xem từ trang 165 đến 171 của bản in năm 1972), ông có nhắc đến một chi tiết lý thú trong nội dung câu chuyện mà tôi nghĩ ít nhiều liên quan đến một sự việc nghiêm trọng gần đây ở nước ta.

Khi được Linh mục Cao Văn Luận hỏi về chính sách của mình đối với Pháp trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất (1946-1954), ông Ngô Đình Diệm lúc ấy là nhà cách mạng khả kính tại Việt Nam, đã đề cập đến vấn đề Tây Nguyên như sau: "... ít người để ý là người Pháp lập ra Hoàng Triều Cương Thổ, để biến tất cả vùng cao nguyên Trung và Nam Phần thành đất thuộc địa trực tiếp của Pháp." Linh mục Cao Văn Luận không khỏi ngạc nhiên vì Cụ Ngô Đình Diệm dường như xem Tây nguyên là chuyện hệ trọng đối với chủ quyền quốc gia, mà khi ấy dù chưa cầm quyền ông vẫn trăn trở về vận mệnh đất nước trước ý đồ của thực dân Pháp.

Linh mục Cao Văn Luận tường thuật tiếp: *"Ông Diệm trầm ngâm một lúc. Tôi vẫn im lặng. Những lời ông nói ra nửa như suy tư, nửa như phân trần với tôi:*

- Vùng Cao Nguyên này có một tầm quan trọng lớn về chiến lược và kinh tế. Về chiến lược, nó nằm ở giữa ba quốc gia Việt Miên Lào. Ai chiếm giữ được Cao Nguyên này có thể gây áp lực được đối với cả ba quốc gia đó. Người Pháp gọi vùng Cao Nguyên là Hoàng Triều Cương Thổ chỉ là một lối trá hình trên thực tế, chủ tâm của họ là

biển vùng này thành thuộc địa Pháp. Về mặt kinh tế, thì vùng Cao Nguyên hết sức quan trọng đối với Việt Nam trong tương lai. Ở đó chắc chắn có nhiều tài nguyên thiên nhiên, nhiều khoáng sản chưa được khám phá và khai thác, nhưng chúng ta cần phải bảo vệ cho Việt Nam. Rồi còn vấn đề thể diện quốc gia, chủ quyền quốc gia nữa. Không thể bỗng dưng nhường cho Pháp một vùng đất quan trọng như thế, nằm ngay giữa lãnh thổ quốc gia, người Việt Nam nào muốn lên lại phải xin thông hành!

Ở đó chắc chắn có nhiều tài nguyên thiên nhiên, nhiều khoáng sản chưa được khám phá và khai thác, nhưng chúng ta cần phải bảo vệ cho Việt Nam.

Ngô Đình Diệm, theo lời kể của LM Cao Văn Luận. “Tôi (tức là Linh mục Cao Văn Luận) chợt nhớ đến một cuốn sách khảo luận về địa dư Đông Pháp (tức là Đông Dương thuộc Pháp), không nhớ rõ tác giả, và tôi đem những ý kiến được nêu lên trong tập sách này trình bày lại với cụ Diệm:

- Cụ nói đúng. Tôi có đọc một cuốn sách viết đại ý rằng Pháp muốn ngăn chặn sức bành trướng của dân tộc Việt Nam về phía tây, muốn để dân tộc Việt Nam dừng lại ở các miền duyên hải, còn Pháp thì phải giữ vững vùng Cao Nguyên Trường Sơn, vừa để ngăn chặn sức bành trướng của dân tộc Việt Nam, vừa canh phòng phía Lào. Như vậy khi lập Hoàng Triều Cương Thổ, đặt trực thuộc Pháp, thì Pháp đã bắt đầu thi hành đúng cái chính sách đó rồi.”

Tiếp theo, tại trang 194 và 195, Linh mục Cao Văn Luận kể rằng vào năm 1953 khi ông gặp cụ Ngô Đình Diệm lần thứ hai ở Paris, cụ Diệm một lần nữa nhắc lại vấn đề Hoàng Triều Cương Thổ với nhiều ưu tư và lo lắng hơn, khiến mọi người có mặt lúc ấy đều tỏ ý trách cứ cựu hoàng Bảo Đại mãi mê ăn chơi mà không lưu tâm đến bảo vệ chủ quyền quốc gia, đã vậy còn trao hết cho người Pháp toàn quyền khai thác Tây nguyên. Sử học trung thực

Đọc xong những đoạn đối thoại quan trọng này trong “Bên Dòng Lịch Sử”, tôi hạ quyền sách xuống với tâm trạng bàng hoàng. Chuyện của hơn 60 năm trước đây thật chẳng khác lắm so với vắn nạn của ngày hôm nay. Có điều những nhân vật lịch sử ngày ấy, như cụ Ngô Đình Diệm chẳng

hạn, xem chừng rất quan tâm đến lợi ích, chủ quyền và thể diện của quốc gia. Họ trăn trở về điều này và xem Tây Nguyên thực sự là vấn đề ưu tiên trong chính sách của các chính quyền miền Nam thời bấy giờ, nhất là giữa bối cảnh có nhiều kẻ mang dã tâm xâm lược Việt Nam dù công khai hay âm ý.

Thật đáng trân trọng biết bao cách viết sử trung thực, tất nhiên theo nhãn quan và hiểu biết tối đa của tác giả, trong đó lối diễn đạt và sử dụng ngôn ngữ chừng mực, thể hiện sự tôn trọng dành cho mọi nhân vật của một thời đã qua, đặc biệt với cả những người không cùng chính kiến với mình. Chính vì vậy, đọc các công trình khảo cứu của giới học giả ở miền Nam trước đây, nhất là trong lĩnh vực sử học mà tôi yêu thích, kẻ hậu sinh ở lứa tuổi tôi thường cảm thấy an tâm và có thể đặt phần lớn niềm tin vào những thông tin và kiến thức mà mình tiếp nhận. Bởi lẽ ít ra các tác giả đó không có gì phải lo sợ khi muốn viết sự thật và trình bày nhận định thật của mình.

Cái hay của sử học trung thực là giúp người đời sau hiểu được các diễn biến lịch sử trong quá khứ, bác bỏ lối đánh giá sai lệch với dụng ý bôi nhọ những nhân vật lịch sử ở bên kia chiến tuyến. Song điều quan trọng hơn cả, đọc sử giúp người đời nay có được cơ hội “ôn cố tri tân”, học hỏi điều hay lẽ phải của đời trước để làm điều hữu ích cho dân tộc hầu lưu tiếng thơm muôn đời.

Tất nhiên, không chỉ có gương tốt, lịch sử còn đặc biệt răn dạy người đời sau bằng cả gương xấu. Trong lần đọc lại sử sách nước nhà năm nay, không hiểu vì sao tôi lại quan tâm nhiều đến các nhân vật “thân bại danh liệt” như Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống và Hoàng Cao Khải, rồi tự hỏi không biết 30 năm nữa, nếu còn sống, tôi sẽ biết thêm những cái tên nào tương tự như vậy trong lịch sử hiện đại của dân tộc. Bất giác tôi cầu mong điều đó đừng xảy ra...

Ls. Lê Công Định

Đọc sử giúp người đời nay có được cơ hội "ôn cố tri tân", học hỏi điều hay lẽ phải của đời trước để làm điều hữu ích cho dân tộc."

Lê Công Định

TƯ LIỆU NGHIÊN CỨU:

Nguồn: Bao Tia Sang, 4 tháng 2, 2009 <http://www.tiasang.com>

Sơ lược lịch sử phát triển nền Luật học Việt Nam thời Pháp thuộc và miền Nam Việt Nam trước đây

Ls. Lê Công Định.

10:25-04/02/2009

LTS. Theo lời giới thiệu của một cựu Giáo sư Đại học Luật Khoa Sài Gòn, thỉnh thoảng có dịp về công tác tại Việt Nam, có tiếp xúc với tác giả bài nghiên cứu này, thì luật sư Lê Công Định là một luật sư trẻ, tốt nghiệp ở Đại học luật khoa trong nước và có du học, rồi mở văn phòng luật sư DC Lawyers, ở Đường Nguyễn Huệ tại Sài Gòn, và có mời một cựu luật sư đứng tuổi đã hành nghề trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa trước đây cùng cộng tác. Luật sư Lê Công Định là một người can đảm đã làm bài cãi yêu cầu Tòa Án Tối Cao giám đốc thẩm (xử lại) vụ các luật sư Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân. Nhận thấy bài viết này có tính khách quan, khoa học, thể hiện tính độc lập về tri thức thật hiếm hoi trong chế độ độc tài toàn trị CS hiện nay tại Việt Nam, chúng tôi cho trích từ nguồn đã ghi trên, để chuyển tải lại như một tư liệu nghiên cứu về ngành luật học tại Việt Nam.

* * * * *

Nền luật học Việt Nam phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau, tương ứng với mỗi giai đoạn lịch sử cận đại và hiện đại của dân tộc, khởi đầu dưới thời Pháp thuộc khi xuất hiện trường đào tạo chuyên môn về luật pháp ở Hà Nội, đó là Trường Luật và Pháp chính (Ecole de Droit et d'Administration) được thành lập theo Nghị định ngày 15/10/1917 của Toàn quyền Đông Dương.

Trong thời gian gần 38 năm hiện hữu từ 1917 đến 1955 nền luật học thời Pháp thuộc đã du nhập vào Việt Nam những nguyên tắc pháp lý hoàn toàn mới mẻ so với quan niệm luật pháp phương Đông vốn tồn tại hàng ngàn năm dưới ảnh hưởng của Khổng giáo qua các triều đại phong kiến từ nhà Lý đến nhà Nguyễn.

Có thể nói Trường Luật và Pháp chính đã đặt viên đá đầu tiên cho một nền luật học dựa trên những nguyên tắc pháp lý theo quan niệm phương Tây, được hiểu bao gồm các hệ thống Luật Dân sự (Civil Law) của khối châu Âu lục địa, hệ thống Thông luật (Common Law) của khối Anglo-Saxon và hệ thống Luật Xã hội Chủ nghĩa của khối Liên-Xô cũ.

Mục đích của Trường Luật và Pháp chính là hoàn thiện kiến thức phổ thông và khả năng nghề nghiệp cho những người bản xứ muốn được thu dụng vào ngạch hành chính Pháp hay ngạch quan lại Việt Nam. Trình độ của những người tốt nghiệp trường này chưa đạt bậc cao đẳng.

Khi số lượng người có bằng trung học phổ thông ngày càng gia tăng, thì Trường Luật và Pháp chính được thay thế bằng Trường Cao học Đông Dương (Ecole des Hautes Etudes Indochinoises) để tuyển vào

những sinh viên có bằng Tú tài toàn phần cho chương trình đào tạo 4 năm. Dù trình độ của trường này có cao hơn so với trường trước đó, nhưng Trường Cao học Đông Dương vẫn chưa phải là một Đại học Luật khoa theo đúng nghĩa mà nước Pháp thời bấy giờ đã có.

Chương trình luật bậc đại học của Pháp chỉ chính thức giảng dạy đầy đủ tại Việt Nam khi Trường Cao đẳng Luật khoa (Ecole Supérieure de Droit) được thành lập theo Sắc lệnh ngày 11/9/1931. Tuy nhiên, do tình hình suy thoái của cuộc đại khủng hoảng kinh tế toàn cầu lúc đó, nên mãi 2 năm sau Trường Cao đẳng Luật khoa mới chính thức khai giảng vào ngày 15/2/1933 với 101 sinh viên và 3 giáo sư.

Chương trình đào tạo bậc Cử nhân của Trường Cao đẳng Luật khoa kéo dài trong 3 năm học liên tục. Kể từ năm 1935 trường mở thêm chương trình đào tạo năm thứ tư dành cho những sinh viên muốn thi lấy Chứng chỉ Luật học Đông Dương (Certificat d'Etudes Juridiques Indochinoises).

Năm 1941, Trường Cao đẳng Luật khoa được nâng cấp thành Đại học Luật khoa Đông Dương (Faculté de Droit de l'Indochine) để đào tạo thêm sinh viên bậc Tiến sĩ luật với hai chương trình Cao học Tư pháp và Cao học Kinh tế, và tiếp tục hoạt động cho đến khi Nhật đảo chính Pháp vào ngày 9/3/1945 thì tạm ngưng.

Sau khi quân đội Nhật rời khỏi Đông Dương trường vẫn chưa hoạt động trở lại ngay vì ảnh hưởng của thời cuộc lúc đó, đặc biệt là cuộc kháng chiến chống Pháp diễn ra trên toàn quốc. Đến tháng 1/1947 Đại học Luật khoa Đông Dương được tái lập tại Sài Gòn, thay vì Hà Nội do hoàn cảnh chiến tranh. Dù vậy,

từ tháng 5/1948 một Trung tâm Luật học đã được mở tại Hà Nội để chuẩn bị cho sự tái lập hoạt động bình thường của Đại học Luật khoa Đông Dương ở Hà Nội vào tháng 1/1949 với sự tham gia giảng huấn của các giáo sư từ Pháp sang.

Như vậy, từ năm 1947 đã xuất hiện một trung tâm mới của nền luật học Việt Nam là Sài Gòn, tiếp sau Hà Nội, mặc dù miền đất phía Nam này là nơi nghề luật sư xuất hiện đầu tiên ở Việt Nam từ năm 1867.

Sự hình thành trung tâm luật học ở Sài Gòn đã tạo tiền đề và nền tảng cho sự bàn giao chương trình đào tạo luật học theo trường phái Pháp từ chính quyền thuộc địa sang cho Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tiếp sau sự thất trận của quân đội Pháp ở Đông Dương và việc ký kết Hiệp định Genève chia cắt đất nước vào năm 1954.

Sau thời điểm bàn giao nói trên vào ngày 11/5/1955, nền luật học ở miền Nam Việt Nam chính thức thoát khỏi sự chi phối nặng nề của người Pháp và phát triển mạnh mẽ với công cuộc Việt hóa chương trình đào tạo và tăng cường các môn học về luật đối chiếu nhằm bảo đảm các sinh viên tốt nghiệp vừa thông thạo luật pháp Việt Nam vừa am hiểu luật pháp các nước.

Những trung tâm mới của nền luật học ở miền Nam Việt Nam cũng được chính quyền miền Nam thời đó chú trọng phát triển, đầu tiên tại Huế vào năm 1957 với việc thành lập Đại học Luật khoa Huế, và tiếp theo tại Cần Thơ vào năm 1966 với việc thành lập Đại học Luật khoa Cần Thơ.

Thành phần ban giảng huấn hầu hết là các giáo sư Thạc sĩ^[1] và Tiến sĩ luật khoa tốt nghiệp từ các nước Pháp, Thụy Sĩ và Hoa Kỳ, cùng các chuyên gia xuất sắc từ những lĩnh vực hành nghề luật pháp, như luật sư, thẩm phán và công tố viên. Chương trình giảng dạy đã đặc biệt chú trọng đến các môn như cổ luật và pháp chế sử Việt Nam nhằm nghiên cứu các định chế tư pháp và công pháp trong lịch sử dân tộc qua các thời đại, luật đối chiếu nhằm nghiên cứu các định chế pháp lý tương tự ở những quốc gia tiên tiến khác, kinh tế học và tài chính chuyên sâu nhằm trang bị kiến thức hỗ trợ cho sinh viên luật.

Điều đáng lưu ý là ngay từ buổi đầu hình thành nền luật học ở miền Nam, các giáo sư và giới chuyên gia pháp lý đã chú tâm gây dựng nên các Học thuyết Pháp lý (Doctrines Juridiques) riêng cho Việt Nam dựa trên nền tảng án lệ mà các tòa án Việt Nam lúc đó phát triển thông qua việc xét xử những vụ án và vụ kiện phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam ở những thời kỳ khác nhau.

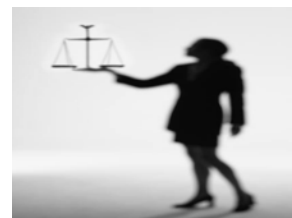
Công cụ xây dựng nên những học thuyết pháp lý đó chính là các tạp chí luật học chuyên ngành được ấn hành để cập nhật hóa sự phát triển của pháp luật và giới thiệu những công trình nghiên cứu của các giáo sư và chuyên gia pháp lý, trong đó quan trọng nhất có thể kể đến Luật học Kinh tế Tạp chí của Đại học Luật khoa Sài Gòn, xuất bản lần đầu tiên vào năm 1955 và lần cuối cùng vào tháng 4/1975.

Bên cạnh những học thuyết pháp lý áp dụng riêng cho nền luật pháp Việt Nam lúc ấy, các giáo sư luật học tại miền Nam cũng đóng góp đáng kể cho kho tàng luật học thế giới trong lĩnh vực luật dân sự và luật thương mại. Nhiều học thuyết pháp lý do họ đề xuất vẫn tiếp tục được giới luật học ở các nước thuộc hệ thống Luật Dân sự (Civil Law) dẫn chiếu và phân tích trong các công trình nghiên cứu luật pháp ngày nay.

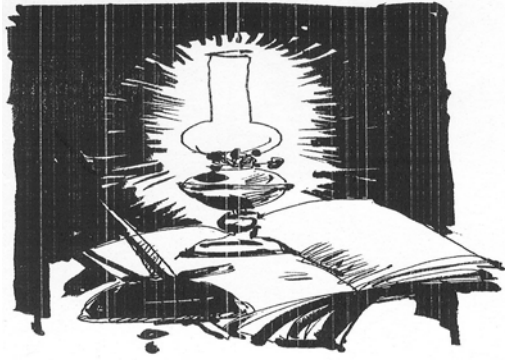
Luật pháp phát triển theo thời đại. Những kiến thức trước đây tuy không còn áp dụng trong bối cảnh kinh tế-xã hội hoàn toàn khác biệt hiện nay, song phương pháp nghiên cứu và tư tưởng pháp lý của nhân loại vẫn trường tồn với thời gian. Đó là lý do tại sao các đại học luật trên thế giới vẫn tiếp tục giảng dạy môn Luật La Mã cho sinh viên hầu duy trì truyền thống tư duy và tiếp cận các vấn đề pháp lý mà nhân loại đã xây dựng và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử hiện hữu của mình.

[1] Cần lưu ý rằng bằng Thạc sĩ (Agrégation) theo chương trình đào tạo luật của Pháp là bằng cấp tối cao trong ngành luật, chỉ trao cho những giáo sư luật chuyên tâm vào công việc giảng huấn tại các đại học luật, thông qua một kỳ thi tuyển quốc gia vô cùng khó khăn và chặt chẽ vốn chỉ dành riêng cho những thí sinh đã có bằng cấp Tiến sĩ luật. Do danh dự rất cao trong giới học thuật mà bằng Thạc sĩ luật mang lại, nên thậm chí các thí sinh thi trượt vẫn tự hào từng dự tuyển một kỳ thi Thạc sĩ. Trong lịch sử luật học Việt Nam cho đến nay chỉ 6 người đạt được bằng Thạc sĩ này bao gồm các giáo sư Nguyễn Quốc Định, Vũ Quốc Thúc, Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Văn Bông, Nguyễn Cao Hách và Trần Văn Minh. Công trình nghiên cứu và bài giảng của họ đều tạo nên những chuẩn mực mà giới nghiên cứu luật có thực học tại Việt Nam đều phải tham khảo.

Luật sư Lê Công Định



Nghiên Cứu Luật pháp:



VẤN ĐỀ ĐẶC MIỄN TRONG VIỆC KIẾN CHÍNH PHỦ VÀ CÔNG TY QUỐC DOANH NGOẠI QUỐC

Tạ-quốc-Tuấn

**LTS. CSVLK Tạ Quốc Tuấn, tốt nghiệp Cao học Luật khoa Sài Gòn và một số bằng cấp chuyên môn Đại học Hoa Kỳ. Hiện nghỉ hưu tại Dallas, Texas, Hoa Kỳ. Ông đã có nhiều bài nghiên cứu về luật pháp Hoa Kỳ đang trên báo Luật pháp & Đời sống và*

nhiều báo khác ở hải ngoại.

Năm 1976 Quốc hội Hoa-kỳ đã biểu quyết chấp thuận đạo luật mệnh danh là **Foreign Sovereign Immunities Act** (viết tắt: **FSIA**) cho phép các tòa án Hoa-kỳ thụ lý và xét xử những vụ tư nhân hay công ty tư kiện chính phủ ngoại quốc cũng như là các công ty quốc doanh ngoại quốc.

Xin mở một đầu ngoặc ở đây. Từ “*công ty quốc doanh ngoại quốc*” ở đây dùng với nghĩa rộng, chỉ chẳng những là các công ty làm những hoạt động có tính cách thương mại, vụ lợi cũng như là bất vụ lợi, mà còn cả các xã đoàn được đăng ký theo luật công ty và tổ chức thành công ty của các chính phủ ngoại quốc hay do các chính phủ ngoại quốc sở hữu.

I. Nguyên Tắc Đặc Miễn Tuyệt Đối

Trước khi đạo luật FSIA được ban hành ngày 19.1.1977⁽¹⁾ rất ít có những vụ kiện chính phủ hay công ty quốc doanh ngoại quốc và những vụ kiện như vậy rất thất thường. Đó là vì người ta thường hay viện dẫn nguyên tắc đặc miễn tuyệt đối (absolute immunity) của các quốc gia ngoại quốc để phản đối hay chống lại việc xử kiện hay chấp hành phán quyết đối với các nước ngoài.

Mặc dù chúng ta có thể tìm thấy các tiền lệ trong những phán quyết của các tòa án Anh hay Hoa-kỳ trước năm 1800 hay trong những tác phẩm của nhiều học giả về luật quốc tế, nhưng Gamal Moursi Badr kết luận rằng các tòa án Hoa-kỳ là những pháp viện đầu tiên nêu lên thuyết đặc miễn cho các nước ngoài và các nhân viên chính phủ của nước ngoài⁽²⁾.

Trong nhiều thế kỷ trước, quốc thủ (head of state, sovereign) cũng như là các đại sứ của một nước được hưởng quyền đặc miễn, thường được gọi là đặc miễn ngoại giao (diplomatic immunity), không bị một tòa án ngoại bang nào xét xử cả. Sự đặc miễn này có tính

cách cá nhân, vì chỉ áp dụng cho bản thân vị quốc thủ hay đại diện của vị ấy. Theo thuyết này, thẩm quyền của một quốc gia độc lập có tính cách tuyệt đối và độc hữu (absolute and exclusive) trên lãnh thổ của quốc gia. Do đó, một vị quốc thủ không phải phục tùng bất cứ một vị quốc thủ nào khác và không thể tự đặt mình hay bị đặt vào trong thẩm quyền của nước khác.

Phán quyết chủ yếu trọng tâm của nguyên tắc đặc miễn tuyệt đối là *The Schooner Exchange v. M'Fadden*, 11 U.S.(7 Cranch) 116 (1812).

Tháng 8 năm 1811, khi một chiếc tàu hải quân Pháp ghé vào thành phố Philadelphia (tiểu bang Pennsylvania) để tránh thời tiết xấu, M'Fadden và một người cộng đồng hợp doanh đã nộp đơn kiện ở tòa án địa phương liên bang (federal district court), nại có rằng chiếc tàu đó vốn là của họ đã bị hải quân Pháp bắt giữ ở ngoài khơi năm trước (1810). Tòa địa phương đã bác cáo trạng, nhưng tòa lưu động liên bang (federal circuit court) đã triệt tiêu phán quyết này. Kiểm sát trưởng Hoa-kỳ (U.S. Attorney), tức Biện lý, đã kháng tố lên Tối Cao Pháp Viện Hoa-kỳ (TCPVHK). Chánh án Tối Cao Pháp Viện Hoa-kỳ Marshall, nhân danh TCPVHK, đã viết phán quyết, theo đó, thẩm quyền của mỗi quốc gia độc lập trên lãnh thổ nước đó có tính cách độc hữu và tuyệt đối.

Chánh án Marshall đã kết luận rằng vì lý do một vị quốc thủ về bất cứ phương diện nào không phải phục tùng một vị quốc thủ khác và lại có bổn phận tối thượng là không được hạ sự tôn nghiêm của quốc gia mình bằng cách tự đặt bản thân mình hay chủ quyền của quốc gia mình vào trong thẩm quyền của quốc thủ khác hay quốc gia khác. Do đó, người ta nghĩ rằng khi một vị quốc thủ đi vào lãnh thổ một quốc gia khác, vị đó đã được sự đặc hứa minh thị của quốc gia này, hay tin tưởng là các đặc miễn thuộc thân phận của vị quốc

thủ một quốc gia độc lập và có chủ quyền, dù không được minh thị qui định thì cũng phải được coi là được mặc thị áp dụng cho vị quốc thủ đó. Sự bình đẳng hoàn toàn và độc lập tuyệt đối của một vị quốc thủ là điều kiện tiên quyết trong bang giao giữa hai nước với nhau.

Chỉ có một ngoại lệ đối với nguyên tắc này là khi quốc gia bãi miễn một phần nào thẩm quyền quân hạt tuyệt đối và độc hữu và sự bãi miễn này phải được minh thị truyền đạt tới quốc gia khác.

Ý kiến của Chánh án Marshall chẳng những đã nói lên một học thuyết về đặc miễn cho quốc gia ngoại quốc như người thời đó hiểu mà còn cho thấy hai điểm sau:

Thứ nhất, quyền đặc miễn là quyền chuyên quyết đối với chủ quyền lãnh thổ.

Thứ hai, quyền đặc miễn có thể dành cho tài sản công cộng hay các hoạt động của một vị quốc thủ ngoại quốc.

Bằng cách đặt thuyết của mình trên căn bản một sự bãi miễn mặc thị quyền uy lãnh thổ, Chánh án Marshall đã tạo nên một khả năng là chủ quyền lãnh thổ có thể đặt điều kiện hay thu hồi đặc miễn. Bởi vì mong muốn được hưởng sự đặc miễn quá phổ thông trong các quốc gia, cho nên một quốc gia nào đặt ra một ngoại lệ đối với sự đặc miễn thì phải thông báo cho các quốc gia khác hay để ngăn ngừa sự tin cậy vào sự mong muốn hợp lý được hưởng đặc miễn (*The Schooner Exchange*, tr. 137).

Hơn nữa, Chánh án Marshall đã nhấn mạnh là sự đặc miễn nài ra trong vụ *The Schooner Exchange* liên quan tới một tàu hải quân. Ông đã đưa ra nhận xét là động sản của một quốc thủ “có thể bị coi là phục tùng ... thẩm quyền lãnh thổ” của một nước khác, chứ không phải là “một bộ phận của quân đội phù trợ chức quyền của vị quốc thủ và quốc gia vị ấy được ủy thác cai trị.” (tr. 145)

Điều này là dấu hiệu cho thấy Chánh án Marshall đã dự đoán sự xuất hiện của thuyết đặc miễn quốc gia ngoại quốc hạn chế (restrictive theory of foreign sovereign immunity), thường được gọi tắt là thuyết đặc miễn hạn chế (theory of restrictive immunity). Nó cũng phù hợp với quan điểm có trước cho rằng đặc miễn có tính cách cá nhân đối với vị quốc thủ hay đại sứ của quốc thủ (*The Schooner Exchange*, tr.142-147). Quan điểm này cũng không có gì là trái ngược với việc TCPVHK 4 năm sau cho một chiếc tàu tư nhân thi hành hải vụ cho quốc gia được hưởng đặc miễn. *The Invincible*, 14 U.S. (1 Wheat.) 238 (1816).

Tuy nhiên, nhiều tòa án sau đó đã bắt lấy các từ như là “tuyệt đối” và “độc hữu” dùng trong phán quyết *The Schooner Exchange* mà cho rằng ý kiến đó đã tuyên bố thuyết đặc miễn tuyệt đối đối với các quốc gia ngoại quốc trước tòa án Hoa-kỳ. Thí dụ *United States v. Diekelman*, 92 U.S. 520, 524 (1876) (phán từ phi chủ văn không có ước thúc lực); *Oliver Am. Trading Co. v. Mexico*, 5 F. 2d 659 (2d Cir. 1924), đơn xin phúc thẩm bị từ khước, 267 U.S. 596 (1925). Theo thuyết này, một quốc gia ngoại quốc chỉ chịu trách nhiệm đối với một tòa án Hoa-kỳ nếu quốc gia đó đồng ý để cho bị kiện. *Dexter & Carpenter, Inc. v. Kunglig Jarnsvagsstyrelsen*, 43 F. 2d 705 (2d Cir. 1930), đơn xin phúc thẩm bị từ khước, 282 U.S. 896 (1931); Restatement (Second) of Foreign Relations Law §70 (1963).

II. Sự Xuất Hiện của Thuyết Đặc Miễn Hạn Chế

Cho tới đầu thế kỷ thứ 20 các tòa án ở Hoa-kỳ cũng như tại những quốc gia phổ thông pháp khác tuân thủ nguyên tắc đặc miễn tuyệt đối. Tuy nhiên, ngay từ khi học thuyết đặc miễn tuyệt đối hình thành vào đầu thế kỷ thứ 19, nhiều tòa án, học giả, luật gia, cũng đã bắt đầu thắc mắc về hiệu dụng của nguyên tắc đặc miễn tuyệt đối.

Vì vậy, trong vụ *The Santissima Trinidad*, 20 U.S. (7 Wheat.) 283 (1822), một vụ kiện không khác gì vụ *The Schooner Exchange*, TCPVHK đã từ chối đặc miễn cho một chiến hạm Tây-ban-nha sau khi chiến hạm đó đã bị những người thỉnh cầu chiếm giữ một cách bất hợp pháp ngoài biển cả.

Qua phán quyết này, do thẩm phán Story viết, người ta có thể nghĩ rằng TCPVHK đã không chấp nhận đặc miễn đối với các hành vi của một quốc gia ngoại quốc vi phạm luật quốc tế hay luật của Hoa-kỳ (*The Santissima Trinidad*, tr. 352-354); *the Appam*, 243 U.S. 124 (1917).

Tuy nhiên, hầu hết các tòa khác lại cho rằng phán quyết *The Santissima Trinidad* chủ trương là trong một tổ tụng xác định quyền chiếm hữu tài sản, quốc gia ngoại quốc phải chứng minh bằng khoán của mình đối với tài sản đó theo luật quốc tế hay luật quốc nội. *In re Muir*, 254 U.S. 522 (1921); *the Appam* (đã dẫn trên); *the Appollon*, 22 U.S. (9 Wheat.) 362 (1822); *the Attualita*, 238 F. 909 (4th Cir. 1916).

Lại có một số tòa án khác đi xa hơn nữa và đã giải thích rằng phán quyết *The Santissima Trinidad* định rằng tổ tụng để giải quyết vấn đề bằng khoán đối với tài sản đương tranh có thể thành lập ngày nào nó không làm hại đến sự sở hữu thực sự của quốc gia

ngoại quốc. *The Attualita* (đã dẫn trên); *Tucker v. Alexandroff*, 183 U.S. 424 (1902); *the Tampico*, 16 F. 49 (S.D.N.Y. 1883).

Một tòa án đã phán rằng việc chỉ có chiếm hữu không thôi mà không có sở hữu, như trong trường hợp thuê bao (charter), không khiến cho tàu được hưởng đặc miễn. *The Beaverton*, 273 F. 539 (S.D.N.Y. 1919).

Ý nghĩa của phán quyết *The Santissima Trinidad* còn khó hiểu hơn nữa khi phán quyết này thường hay được viện dẫn song song với phán quyết *United States v. Lee*, 106 U.S. 196 (1882) -- được dẫn trong phán quyết *Ervin v. Quintanilla*, 99 F. 2d 935 (5th Cir. 1938), đơn xin phúc thẩm bị từ khước, 306 U.S. 635 (1939) --, là phán quyết chủ trương rằng việc kiện nhân viên chính phủ Hoa-kỳ không phải là kiện Hoa-kỳ.

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Trong phán quyết *United States v. Wilder*, 28 F. Cas. 601, 604 (C.C. Mass. 1838), thẩm phán Story còn đưa ra một thuyết khác, nói rằng nguyên tắc đặc miễn quốc gia ngoại quốc không áp dụng đối với những thương thuyền do chính phủ quốc gia đó sở hữu.

Quan điểm của thẩm phán Story nêu trong phán quyết *The Santissima Trinidad* không được ai theo, vì ngay cả một quan điểm chật hẹp nhất về phán quyết này cũng có thể làm tổn hại cơ sở của qui tắc đặc miễn tuyệt đối cho quốc gia ngoại quốc. Bằng chứng là trong 114 năm sau khi có phán quyết này không có một phán quyết nào theo nó cả. Chúng ta phải đợi tới năm 1921 mới thấy thẩm phán Julian Mack của một tòa lưu động liên bang trong phán quyết *The Pesaro*, 277 F. 473 (S.D.N.Y. 421) đã dựa vào các thuyết của thẩm phán Story về đặc miễn hạn chế, cũng như vào các căn cứ khác, kể cả khuyến cáo của Bộ Ngoại giao Hoa-kỳ, đã từ chối không cho một thương thuyền do nước Ý sở hữu được hưởng đặc miễn.

Tuy nhiên, khi vụ này được kháng tố lên TCPVHK, Tòa đã hoàn toàn không để ý tới các nghiên cứu của thẩm phán Mack cũng như là khuyến cáo của Bộ Ngoại giao Hoa-kỳ.

Ngoài ra, trong vụ kiện *Berizzi Bros. Co. v. the Pesaro*, 271 U.S. 562 (1926), TCPVHK đã tái xác nhận đặc miễn tuyệt đối trên căn bản là việc tạo nên an sinh kinh tế (economic welfare) cho một dân tộc trong thời bình cũng là một mục đích công như là việc duy trì hải quân vậy (tr. 574). Nói cách khác, phán quyết *Berizzi Bros.* dường như là đã an định qui tắc đặc miễn tuyệt đối cho các quốc gia ngoại quốc như là một luật lệ của Hoa-kỳ.

Tuy vậy, các tòa án Hoa-kỳ vẫn tiếp tục bác bỏ các thỉnh cầu về đặc miễn trong những tố tụng đối vật mà một quốc gia ngoại quốc không thực sự sở hữu. *The Navemar*, 303 U.S. 68 (1938); *the Uxmal*, 40 F. Supp. 258 (D. Mass. 1941); *Ervin v. Quintanilla* (đã dẫn bên trên).

Các tòa án Hoa-kỳ cũng đã quyết định là nguyên tắc đặc miễn không áp dụng cho các công ty do chính phủ ngoại quốc sở hữu, trừ phi công ty được thành lập để thực hiện các công tác hoàn toàn công cộng.

Thuyết đặc miễn đối với các quốc gia ngoại quốc thực ra phát triển qua nhiều đường lối khác nhau ở khắp các quốc gia theo hệ thống dân pháp (civil law system), chứ không từ các quốc gia theo hệ thống phổ thông pháp (common law system).

Sự phân biệt giữa các hành vi công (acta jure imperii) và các hành vi tư (acta jure gestionis) bắt nguồn từ nước Pháp và các nước lân cận trong thế kỷ thứ 19 để làm công cụ tách biệt các tố tụng chính quyền quốc nội trong phạm vi thẩm quyền của các tòa án thường với những tố tụng trong phạm vi thẩm quyền của các tòa án hành chính. Các luật gia Âu-châu một mặt chịu sự thúc đẩy của quan niệm phân quyền mà kết luận rằng hai ngành hành pháp và lập pháp không phải chịu trách nhiệm với một tòa án, nhưng mặt khác lại chịu sự thúc đẩy của một ý thức công đạo phải tìm cách để cho người dân có thể khiếu tố về những hành vi của chính quyền trước một tòa án, nên cuối cùng họ đã giải quyết vấn đề bằng cách cho phép người dân được quyền kiện chính phủ tại một tòa án thường khi hành vi của chính phủ có tính cách tư và tạo ra tòa án hành chính đặc biệt xét xử những khiếu tố đối với những hành vi của chính phủ có tính cách công.

Các tòa án quen nghĩ rằng chính phủ của mình đôi khi hành động với tư cách tối thượng (sovereign capacity) và đôi khi không áp dụng nhanh chóng các quan niệm này đối với các quốc gia ngoại quốc. Trong mỗi quốc gia châu Âu, các đặc trưng trong việc hành xử quyền đối với các quốc gia ngoại quốc giống y hệt các đặc trưng trong việc hành xử quyền đối với vị quốc thủ của quốc gia.

Tới năm 1950 thì hầu hết các quốc gia không theo xã hội chủ nghĩa hay theo hệ thống phổ thông pháp đã áp dụng học thuyết đặc miễn hạn chế. Nhiều học giả đã giải thích hiện tượng này bằng việc các chính phủ tái tham dự các hoạt động thương mại một cách đại qui mô sau trận Thế Chiến thứ I (1914-1918), làm đảo lộn một thế kỷ các chính phủ rút lui không tham dự trực tiếp các hoạt động thương mại. *Mexico v.*

Hoffman, 324 U.S. 30, 38-41 (1945) (hai thẩm phán TCPV Black và Frankfurter tán đồng); thư đề ngày 29.5.1952 của Quyền Cố vấn Pháp luật bộ Ngoại giao Hoa-kỳ Jac k B. Tate gửi Quyền Kiểm Sát Trưởng Hoa-kỳ Phillip B. Perlman⁽³⁾.

Sau năm 1950 hầu hết các quốc gia phổ thông pháp và ngay cả một vài quốc gia xã hội chủ nghĩa cũng tiếp thụ học thuyết này.

Trong các quốc gia phổ thông pháp, việc biến thiên từ thuyết đặc miễn tuyệt đối sang thuyết đặc miễn hạn chế rất khó khăn, do nguyên tắc tuân thủ tiền lệ (*stare decisis*), nhất là không đâu bằng ở Hoa-kỳ. Ở đây sự biến thiên bắt đầu bằng một sự thay đổi quan trọng về nền tảng chính sách cho học thuyết quyền đặc miễn quốc gia ngoại quốc từ việc áp dụng nghiêm túc các nguyên tắc của luật quốc tế sang việc ngăn ngừa không cho tư pháp can thiệp vào việc xử lý quan hệ đối ngoại của Bộ Ngoại giao. *Ex parte Peru*, 318 U.S. 578, 586-589 (1943); *the Navemar*, 303 U.S. 68, 74 (1938).

Căn cứ vào kiến giải chuyên môn của Bộ Ngoại giao về các vấn đề có liên hệ đến ngoại giao và khả năng điều đình các an bài giải quyết hữu hảo hơn là các tố tụng, thủ tục tư pháp, TCPVHK đã kết luận rằng các tòa án buộc phải theo đề nghị của Bộ Ngoại giao là có nên thừa nhận khiếu nại đặc miễn của một quốc gia ngoại quốc hay không. Xem các án lệ *Hoffman*, *Ex parte Peru*, *the Navemar* đã dẫn bên trên.

Có nhiều người đã chỉ trích qui tắc tư pháp tôn trọng các đề nghị của Bộ Ngoại giao, cho là tư pháp đã từ bỏ trách nhiệm thẩm phán các tố tụng. Thái độ này của tòa án tương phản với sự tự tin tư pháp trong những tố tụng trước kia và bị nghi ngờ là tư pháp đã phù trợ cho Bộ Ngoại giao thi hành trách nhiệm của mình.

Vì vậy, năm 1952 Bộ Ngoại giao Hoa-kỳ đã đáp lại những chỉ trích đó bằng **Thư Tate** (đã dẫn ở một đoạn bên trên), trong đó Bộ tuyên bố rằng khi đưa ra các đề nghị Bộ đã theo hướng dẫn của học thuyết đặc miễn hạn chế.

Để phản ánh cái mà các luật gia ở Hoa-kỳ coi là nguyên động lực trọng yếu cho việc thừa nhận học thuyết đặc miễn hạn chế, **Thư Tate** đã thay thế danh xưng “*thương mại*” (*commercial*) bằng danh xưng “*tư*” (*private*) mà các quốc gia phổ thông pháp vẫn dùng. Ngoài ra, **Thư Tate** còn phản ánh sự khản trương ý thức hệ do sự cạnh tranh với các quốc gia xã hội chủ nghĩa vốn coi mậu dịch quốc tế là độc quyền của quốc gia tạo ra mậu dịch.

Kết quả là các tòa án đã thừa nhận **Thư Tate**, coi như là một đề nghị tổng quát, buộc tòa án phải theo trong khi thẩm phán các tố tụng theo như các tiêu chuẩn dành cho đặc miễn hạn chế nêu ra trong **Thư Tate**, ngay cả khi Bộ Ngoại giao từ chối không đưa ra một đề nghị đặc biệt nào. *Heany v. Spain*, 445 F. 2d 501 (2d Cir. 1971); *Victory Transport, Inc. v. Comisaria General*, 336 F. 2d (2d Cir. 1964), đơn xin phúc thẩm bị từ khước, 381 U.S. 934 (1965); *Rovin Sales Co. v. Romania*, 403 F. Supp. 1298, 1302 (N.D. Ill. 1975).

Xin mở một đầu ngoặc khác ở đây. Trong thời gian này có một tòa án, trong một phán từ phi chủ văn không có hiệu lực câu thúc (*dictum*), đã nhắc lại học thuyết đặc miễn tuyệt đối và đã thẩm phán một tố tụng theo các dữ kiện thì quốc gia ngoại quốc sẽ được hưởng đặc miễn cho dù có theo học thuyết đặc miễn hạn chế đi chăng nữa. *Argentina v. City of New York*, 26 N.Y. 2d 252, 262, 250 N.E. 2d 698, 704, 303 N.Y.S. 2d 644, 650 (1969).

Dù vậy, cả các tòa án lẫn Bộ Ngoại giao Hoa-kỳ đều nhận thấy việc giải thích học thuyết mới rất khó khăn. **Thư Tate** không đưa ra một tiêu chuẩn nào để phân biệt các hành vi thương mại với các hành vi phi thương mại. Bộ Ngoại giao, và tòa án khi Bộ Ngoại giao không can thiệp, đã theo một số trắc nghiệm khác nhau. Thí dụ so sánh án lệ *Renchard v. Humphrey & Harding, Inc.*, 381 F. Supp. 382, 385, n. 2 (D.D.C. 1974) với án lệ *Heaney v. Spain* (đã dẫn bên trên, nơi tr. 504).

Cuối cùng, trong vụ *Victory Transport* (đã dẫn bên trên, nơi tr. 360), Tòa Thượng thẩm Lưu động Đề Nhị Khu đã tìm cách cho thuyết đặc miễn hạn chế một nội dung nhất định bằng cách nêu ra danh sách 5 hành vi “*chính trị*” hay công cộng: (1) các hành vi hành chính nội bộ (*internal administrative acts*); (2) các hành vi lập pháp (*legislative acts*); (3) các hành vi liên quan tới quân lực (*acts concerning the armed forces*); (4) các hành vi liên quan tới hoạt động ngoại giao (*acts concerning diplomatic activity*); và (5) công trái (*public loans*). Còn tất cả các hành vi khác đều được coi là hành vi thương mại.

Tuy nhiên, các quốc gia ngoại quốc tiếp tục làm áp lực với Bộ Ngoại giao Hoa-kỳ, đề nghị cho hưởng đặc miễn ngay cả đối với những hành vi hoàn toàn có tính cách thương mại không ai phủ nhận được, và nhiều khi Bộ Ngoại giao đã phải nhượng bộ. Sự lợi hại, chứ không phải là nguyên tắc, đã chi phối những đề nghị của Bộ Ngoại giao. *Flota Maritima Browning de Cuba, S.A. v. M/V Ciudad de la Habana*, 335 F. 2d

619, 623 (4th Cir. 1964); *Jet Line Services, Inc. v. M/V Marsa el Hariga*, 462 F. Supp. 1165, 1169 (D. Md. 1978).

Để chấm dứt mọi vấn đề có thể xảy ra nữa, Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Tư pháp đề nghị một dự án luật điển chế các nguyên tắc về đặc miễn quốc gia và trao cho tòa án trách nhiệm áp dụng các nguyên tắc vào các tố tụng. S. 566, H.R. 3493, 93D Cong., 1st Sess. 1973. Sau khi hai bộ Ngoại giao và Tư pháp tái thảo dự án luật để ghi nhận các mối quan tâm của Luật Sư Đoàn Hoa-kỳ, cuối cùng Quốc hội Hoa-kỳ ngày 21.10.1976 đã thông qua luật **FSIA**. Đồng thời, trên thế giới nhiều quốc gia cũng đã điển chế vấn đề đặc miễn quốc gia ngoại quốc, như là một số nước Âu-châu, Nam-Phi, Pakistan, Singapore, v.v.

III. Nhận Xét Tổng Quát về Đạo Luật Foreign Sovereign Immunities Act

Quốc-hội biểu đạt 6 mục đích đặc biệt trong đạo luật **FSIA** này.

1. Chế định thuyết đặc miễn hạn chế đối với các quốc gia ngoại quốc, kể cả những công ty do chính phủ ngoại quốc sở hữu, để cho việc ứng dụng luật lệ của Hoa-kỳ nhất quán với hiện trạng của luật quốc tế.

2. Giảm thiểu sự chính trị hóa các quyết định về đặc miễn bằng cách qui thuộc những quyết định này cho các tòa án chứ không phải là cho Bộ Ngoại giao, với những tiêu chuẩn xác định, khách quan mà không gây ra rắc rối lúng túng trầm trọng cho quan hệ đối ngoại của Hoa-kỳ.

3. Ấn định những qui tắc xác định và thích đáng về quản hạt, thẩm quyền, phương thức tài phán, nguyên tắc quyết định, lục tổng và địa điểm tài phán.

4. Bảo đảm sự đối xử đồng nhất các quốc gia ngoại quốc tại các tòa án ở Hoa-kỳ.

5. Làm cho sự đối xử các quốc gia ngoại quốc tại các tòa án ở Hoa-kỳ nhất quán với sự đối xử các thể nhân và pháp nhân Hoa-kỳ ở Hoa-kỳ cũng như ở ngoại quốc.

6. Ấn định sự thi hành một cách hài hòa các phán lệnh đối với các quốc gia ngoại quốc.

Nói cách khác, trong luật **FSIA**, Quốc hội Hoa-kỳ tìm cách đưa ra một tư thế pháp lý hài hòa giữa tư nhân bị thương hại và một bị cáo có liên hệ tới một quốc gia ngoại quốc. Để đạt được mục đích này, Quốc hội Hoa-kỳ cố gắng đưa ra giải đáp cho những vấn đề

phát sinh từ thân phận của bị cáo là một quốc gia ngoại quốc (kể cả công ty do chính phủ ngoại quốc sở hữu). Luật **FSIA** được cấu tạo dưới hình thức một sự phỏng định đặc miễn đi kèm theo với một danh sách 7 ngoại lệ. Cấu trúc này, không riêng gì của Hoa-kỳ mà còn là của rất nhiều nước trên thế giới, nhằm:

1. quân bình nhu cầu có một phương pháp bảo cứu cho các đương sự bị thương hại và nhu cầu bảo vệ các quốc gia ngoại quốc khỏi bị các sự xâm phạm bất đáng vào việc quốc gia ngoại quốc điều hành công vụ của mình (mục đích thứ 1);

2. bảo vệ Bộ Ngoại giao Hoa-kỳ khỏi lâm cảnh rắc rối lúng túng tiến thoái lưỡng nan trong những tố tụng đáng nghi ngờ (mục đích thứ 2);

3. bảo đảm một sự đối xử đồng nhất các quốc gia ngoại quốc tại các tòa án Hoa-kỳ (mục đích thứ 4);

4. bình đẳng hóa tư thế của các quốc gia ngoại quốc với tư thế của Hoa-kỳ tại các tòa án Hoa-kỳ (mục đích thứ 5).

Luật **FSIA** đã định nghĩa “quốc gia ngoại quốc” bao gồm cả các bộ phận hành chính hay chính trị, cơ quan, công cụ, công ty của quốc gia ngoại quốc hay do quốc gia ngoại quốc sở hữu. Tuy nhiên, những cách xử lý khác nhau do đạo luật này qui định chỉ là đối với các cơ quan, các công cụ và cũng chỉ là đối với một vài vấn đề tố tụng thôi. Nói cách khác, định nghĩa của đạo luật bao hàm 2 loại thực thể: chính quốc gia ngoại quốc và các cơ quan, công cụ của quốc gia ngoại quốc.

Sự phân biệt căn bản giữa những hành vi được đặc miễn và không được đặc miễn được định nghĩa như là phân biệt giữa những hành vi thương mại và phi thương mại, mặc dù một vài ngoại lệ đối với đặc miễn có quan hệ đến những sự việc khác.

Mặt khác, luật **FSIA** định nghĩa lại vấn đề quản hạt, thẩm quyền của các tòa địa phương liên bang Hoa-kỳ, ấn định thẩm quyền, cả nguyên phán lẫn triệt hoán, đối với những tố tụng có liên quan đến các quốc gia ngoại quốc.

Ngoài ra, luật **FSIA** còn ấn định một phương án chi tiết về các thủ tục tố tụng, bắt đầu bằng việc cấm chỉ tất cả các thẩm quyền phụ thêm, mặc dù vẫn duy trì một vài khía cạnh của thẩm quyền đối vật cho các tố tụng hải sự (admiralty proceedings). Luật đòi hỏi các tòa án phải chú ý tới các hạn chế tổng quát về thẩm quyền theo luật quốc tế và thủ tục chính đáng (due

process). Tuy nhiên, luật không đề cập tới việc các vụ kiện quốc gia ngoại quốc tại các tòa án tiểu bang có đòi hỏi thẩm quyền đặc biệt nào không.

Hơn nữa, luật **FSIA** cũng ấn định một phương án phức tạp chi tiết cho thủ tục tổng đạt truyền phiếu, triệu hoán trạng tới quốc gia ngoại quốc, tùy theo là tổng đạt tới chính quốc gia ngoại quốc hay tới các công ty do chính phủ ngoại quốc sở hữu, cùng là đòi hỏi những thông tri và phiên dịch đặc biệt. Luật lại còn ấn định những qui tắc đặc biệt về địa điểm tài phán quốc gia ngoại quốc theo khuôn mẫu các qui tắc về địa điểm tài phán áp dụng đối với những vụ kiện Hoa-kỳ. Tuy nhiên, luật không đề cập tới việc liệu các tòa án Hoa-kỳ có thể tự ý từ chối hành xử quản hạt và thẩm quyền được luật ban cho không.

Luật **FSIA** chỉ qui định một cách rất sơ sài luật nào sẽ được áp dụng để xét xử: đó là luật nơi xảy ra hành vi hay quá thất không được đặc miễn do quốc gia hay công ty ngoại quốc gây nên. Luật còn ấn định một số qui tắc hạn chế về tác dụng của việc ra hầu tòa, nhưng không cho biết cách thực hiện việc này, và bãi bỏ tài phán có sự tham dự của bồi thẩm đoàn (jury trials), ít nhất là tại các tòa án liên bang, và giới hạn các phán quyết khuyết tịch (default judgments).

Ngoài ra, luật **FSIA** còn qui định sự phóng định đặc miễn không bị chấp hành (immunity from execution), với một số ngoại lệ chặt chẽ hơn những ngoại lệ đối với đặc miễn không bị kiện (immunity from suit), khác nhau tùy theo bị cáo là chính quốc gia ngoại quốc hay là cơ quan hoặc công cụ của quốc gia đó. Luật còn duy trì đặc miễn tuyệt đối không bị chấp hành đối với một số tài sản của quốc gia ngoại quốc. Ngoài ra, luật chỉ nói rằng các tòa án giữ nguyên quyền cấm chỉ hay cho phép sử dụng các phương thức khác thường khác để đòi hỏi quốc gia ngoại quốc phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Sau hết, luật **FSIA** không làm gì mấy và hoàn toàn không nói gì về việc chấp hành ở ngoại quốc các phán quyết xử theo luật **FSIA**, cũng như không minh thị đề cập tới các vấn đề có thể xảy ra do việc cố chấp hành các quyết định trọng tài đối với quốc gia ngoại quốc, dù là quyết định được ban hành ở Hoa-kỳ hay ở quốc gia nào khác.

Đứng về một phương diện khác mà xét, chúng ta thấy rằng khi khởi thảo đạo luật này Quốc hội đã dùng ngôn từ hết sức hàm súc, đúc kết nhiều vấn đề lại với nhau. Trong vụ *Texas Trading Corp. v. Nigeria*, 647 F. 2d 300, 306 (2d Cir. 1981), đơn xin phúc thẩm bị từ khước, 454 U.S. 1148 (1982), Tòa Lưu động Độ nhị khu đã phải nói rằng luật **FSIA** là “một đúc kết kỳ dị” (a marvel of compression). Quốc hội còn đặt những điều khoản xử lý các vấn đề đặc biệt rải rác

trong nhiều tiết mục khác nhau trong đạo luật, khiến cho đôi khi khó lòng tìm được một giải đáp đầy đủ về những vấn đề đặc biệt. Ngoài ra, Quốc hội hoặc là nói một cách mơ hồ hoặc là tạo nên nhiều vấn đề cho việc tìm hiểu giải đáp. Đây là chưa kể vì hăng hái muốn đúc kết các vấn đề, Quốc hội đã đôi khi hoàn toàn không đưa ra một giải đáp nào hết.

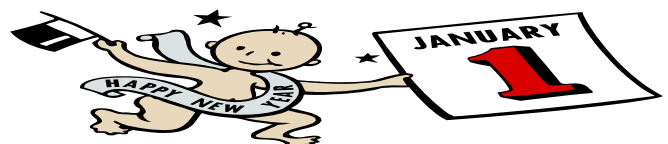
Kết quả là, như lời nhiều thẩm phán, luật **FSIA** rất hỗn độn. Xem thí dụ: *Chisholm & Co. v. Bank of Jamaica*, 649 F. Supp. 1393, 1398 n. 2 (S.D. Fla. 1986); *Gibbons v. Udaras na Gaeltachta*, 549 F. Supp. 1094, 1106 (S.D.N.Y. 1982); *Harris v. VAO Intourist*, 481 F. Supp. 1056, 1062 (E.D.N.Y. 1979); v.v. Nhất là, hậu quả định án (res judicata) của một tố tụng bị bác theo luật **FSIA** không chắc chắn chút nào. Quốc hội cho rằng một tố tụng bị bác vì lý do đặc miễn có tính cách định án đối với vấn đề đặc miễn. H.R. Rep. 94-1487 tr. 6612. Tuy nhiên, tố tụng bị bác theo luật **FSIA** vì lý do không có quản hạt hay thẩm quyền (nghĩa là không có tính cách định án) cũng căn cứ theo đặc miễn. Do đó, người ta không thể biết được cơ sở thực sự của tố tụng bị bác hay là hậu quả định án của tố tụng.

Kết quả là sau ngót 10 năm khởi thảo, luật **FSIA** về nhiều phương diện vẫn chỉ là một văn kiện khởi thảo tồi tệ. Thế mà mục đích chính yếu của Quốc hội Hoa-kỳ đối với đạo luật này lại là trọng tâm của việc giải thích chính xác đạo luật. Chẳng hạn TCPVHK đã dùng những mục đích của luật **FSIA** để kết luận rằng các qui tắc về đặc miễn có tính cách thực thể (substantive), chứ không phải là có tính cách tài phán (jurisdictional). Thí dụ xem *Verlinden B.V. v. Central Bank of Nigeria*, 461 U.S. 480, 495-497 (1983).

Tạ Quốc Tuấn

Chú Thích

- (1) Viết tắt là *FSIA*; Public Law số 94-583, in trong 90 Stat. 2892; diễn chế trong 284 S.C. 1330, 1322 (a), 1391(f), 1441(d), 1602-1611).
- (2) Gamal Moursi Badr, *State Immunity: An Analytic and Prognostic View* (Developments in International Law), Kluwer Law International, Deventer, The Netherlands, 1984, tr. 9-10.
- (3) In lại trong 26 Dep't State Bull. 984 (1952). Trong bài này gọi tắt là *Thur Tate*.



THỦ TỤC KHIẾU TỐ CÁC VI PHẠM NHÂN QUYỀN TẠI HỘI ĐỒNG NHÂN QUYỀN LIÊN HIỆP QUỐC.

Luật-sư Trần Lê-Nguyên

- * * * * * **LTS:** Chúng tôi xin hân hạnh giới thiệu tài liệu quan trọng sau đây về "Thủ tục khiếu kiện các vi phạm nhân quyền tại Hội đồng Liên Hiệp Quốc" do luật sư Trần Lê-Nguyên soạn. Luật sư Trần Lê Nguyên và các người con của ông cũng là những luật sư chuyên môn về luật quốc tế và các luật lệ liên quan tới nhân quyền. Tài liệu sẽ giúp cho người Việt Nam chúng ta được hiểu rõ những quyền lợi của mình, đồng thời cũng cho thấy những hậu quả mà các kẻ lãnh đạo độc tài CS lạm dụng quyền thế đàn áp dân chúng, rồi sớm muộn những vi phạm nhân quyền sẽ bị đưa ra ánh sáng Công Lý và những kẻ phạm dù quyền lực cao đến mấy cũng sẽ bị trừng phạt.
- Theo vị Giám đốc ban chấp hành của Hiệp hội Nhân quyền Washington DC chi nhánh Châu Á, có tới thiếu 50 vụ kiện chống các viên chức Đảng Cộng Sản Trung Quốc nộp bởi các học viên Pháp Luân Công từ 2002 đến 2007. Có hơn 30 quốc gia và hơn 70 luật sư đang giúp các học viên trong các vụ kiện, phần lớn kể cả trường hợp hộ và hình, là chống Giang Trạch Dân (hiện có 15 quốc gia).

Nghị Quyết 5/1 của Hội Đồng Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc ngày 18/6/2007 đã mở ra một cơ hội mới cho các nạn nhân bị trả đũa các quyền căn bản được công nhận (1).

Thực vậy, Thủ tục có tên 1503 đã được cải tiến theo Quyết Nghị 5/1, trở thành phổ quát và tự động phải được xem xét bởi một Ủy Ban Hành Động thuộc Hội Đồng Nhân Quyền LHQ.

AI CÓ THỂ TÔ CÁO HAY KHIẾU KIẾN

Trước đây, theo các Thỏa Ước cũ, các đơn kiện khiếu tố chỉ được chấp nhận một khi quốc gia liên hệ công nhận thẩm quyền của Hội Đồng Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc.

Trái lại, Thủ tục mới đơn kiện khiếu tố được chấp nhận, không cần quốc gia liên hệ có ký hay phê chuẩn các thỏa ước về nhân quyền hay không.

Chính vì vậy, thủ tục khiếu tố này có tính cách PHỔ QUÁT (universelle). Do vậy mỗi công dân của một quốc gia thành viên của Liên Hiệp Quốc có thể tự mình đứng nguyên đơn khiếu tố tại Hội Đồng Nhân Quyền LHQ.

Hơn thế nữa, tất cả các cá nhân, đoàn thể, hoặc một nhóm người tự thấy mình là nạn nhân của sự đàn áp nhân quyền hay các quyền căn bản, đều có thể khiếu kiện.

CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƠN ĐƯỢC CHẤP NHẬN

Đơn khiếu kiện, trước tiên phải liên quan tới một trong các quyền của con người hay các quyền tự do căn bản được công nhận và phải hội đủ các yếu tố sau đây :

- Đơn khiếu kiện phải rõ ràng không có ý đồ (motivation) chính trị và mục tiêu hợp với Hiến Chương Liên Hiệp Quốc, Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền và Công Ước Quốc Tế về quyền dân sự và Chính Trị và các qui ước khác về nhân quyền..

- Đơn khiếu kiện phải ghi rõ chi tiết các sự kiện của các vi phạm và mục đích của đơn kiện cũng như các quyền đã bị chà đạp (2).

- Đơn khiếu kiện cần được biên soạn theo cung cách nhã nhặn, không dùng các từ, các câu văn có tính cách phỉ báng hay nhục mạ.

- Đơn khiếu kiện có thể là do một cá nhân, một tổ chức, một nhóm người tự thấy mình là nạn nhân của sự đàn áp nhân quyền, nhóm người này có thể là một tổ chức ngoài chính phủ, hành động vì thiện ý, không có mục tiêu chính trị, và quả quyết trực tiếp và chắc chắn các vi phạm ghi trong đơn. Tuy nhiên, nếu sự hiểu biết các vi phạm trên mặc dù không trực tiếp, cũng được chấp nhận, miễn là các chi tiết của chứng cứ đó không thể tranh cãi được.

- Đơn khiếu kiện không được chỉ căn cứ duy nhất dựa trên các thông tin trên các phương tiện truyền thông đăng tải.

- Đơn khiếu kiện này phải là mới, không liên hệ tới vụ việc đã xem xét trong khuôn khổ của một thủ tục đặc biệt của một cơ quan của LHQ hay các tổ chức miền tương tự.

- Đơn khiếu kiện này không có hiệu quả hay quá lâu nếu hành sử trong nước.

TIẾN TRÌNH ĐƠN KHIẾU KIỆN

Khi nhận được các đơn khiếu kiện bởi các cá nhân, một tổ chức hay một nhóm người, một Ủy Ban Hành Động trực thuộc Hội Đồng Nhân Quyền gồm 5 thành viên sẽ cứu xét xem các tố cáo này có tuân thủ các tiêu chuẩn qui định hay không.

Nếu đơn khiếu kiện này được tuyên bố chấp nhận (recevable), quốc gia liên hệ sẽ nhận được đơn tố cáo này và phải trả lời các tố cáo đó.

Một khi có đủ bằng chứng cho thấy thực tế có những vi phạm trầm trọng và có hệ thống các quyền được công nhận, Ủy Ban Hành Động sẽ đệ trình lên Hội Đồng Nhân Quyền bản tường trình chi tiết các vi phạm và các quyền bị chà đạp đồng thời đưa ra các biện pháp thích nghi cần thiết khuyến cáo quốc gia vi phạm nhân quyền.

Các khuyến cáo vi phạm nhân quyền này cũng được trình lên Cao Ủy Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc để cơ quan này có những biện pháp trợ giúp nhằm cải thiện và phòng ngừa các vi phạm bị chỉ trích tố cáo.

Ngoài ra còn có một thủ tục đặc biệt dành cho các nhóm chuyên viên, thu nhận các hồ sơ khiếu kiện cá nhân, gia đình họ hay các người đại diện, hay do một tổ chức bảo vệ nhân quyền, tổ chức ngoài chính phủ, thay thế họ hành động.

Các nhóm này chuyển các đơn khiếu kiện, qua đường lối ngoại giao cho chính phủ bị tố cáo vi phạm nhân quyền và yêu cầu họ cho biết trong hạn 90 ngày, ý kiến, bình luận về các cáo buộc nêu trên, cả về các sự kiện lẫn luật áp dụng, tiến trình, kết quả điều tra.

Sau đó các nhóm này sẽ đưa ra một thông báo kèm theo những khuyến cáo và gửi cho chính phủ liên hệ vi phạm nhân quyền. Các người khiếu tố cũng sẽ nhận được thông báo trên, ba tuần sau. Thông báo này cũng được công bố trong phúc trình hàng năm của Hội Đồng Nhân Quyền LHQ.

ĐƠN KHIẾU KIỆN GỬI VỀ :

SERVICE D APPUI
HCDH-UNOG
1211 GENEVE
SUISSE
Télécopie : (4122) 917-9011
Email : 1503@OHCHR.ORG

Tiến đây chúng tôi cũng xin lưu ý quý độc giả rằng một số lớn các quốc gia dân chủ tự do cho phép khởi kiện trước Tòa Án địa phương, các vi phạm nhân quyền trầm trọng và có hệ thống, không những thủ phạm trực tiếp đàn áp mà cả những người lãnh đạo chính quyền từ trung ương tới địa phương.

THÍ DỤ :

- Tòa án Đức quốc ngày 25/01/2010 đã ra án lệnh quốc tế bắt giam Tướng Jorge Rafael Videla, nguyên lãnh đạo cuộc đảo chánh tại Argentine năm 1976 vì tội vi phạm nhân quyền.

- Bresil đã cho dẫn độ một lãnh đạo quân sự về hưu tới Argentine để trả lời về những vi phạm nhân quyền trong chiến dịch “Condor.”

- Tòa Tối Cao Pérou đã xác nhận cựu TT Fujimori 25 năm tù, và bị dẫn độ vào tù sau nhiều năm lần trốn ở ngoại quốc.

- Tướng Reynaldo Bignone, nay 83 tuổi, nguyên Chủ Tịch nước Argentine, bị kết án hàng chục năm vì tội bắt cóc, hành hạ, thủ tiêu đối thủ chính trị.

- Giang Trạch Dân, nguyên Chủ Tịch, cùng 4 ủy viên trong Bộ chính trị Đảng Cộng Sản Trung Quốc bị ông Ismael Moreno, Thẩm phán Tòa án Quốc gia Tây Ban Nha truy tố về tội ác tra tấn và diệt chủng đối với học viên Pháp Luân Công ở Bắc Kinh và các tỉnh Liêu Ninh, Sơn Đông.

- Tại Canada, nhiều vụ kiện vi phạm nhân quyền bởi các cựu lãnh đạo ngoại quốc cư trú tại Canada đang bị truy tố hình sự mà một hai trong số vụ kiện do VP Luật sư của hai đứa con người viết đảm trách và hai 2 vụ tại Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Rwanda (3).

Theo cô Theresa Chu, giám đốc ban chấp hành của Hiệp hội Nhân quyền Washington DC chi nhánh Châu Á, có tối thiểu 50 vụ kiện chống các viên chức Đảng Cộng Sản Trung Quốc nộp bởi các học viên Pháp Luân Công từ 2002 đến 2007. Có hơn 30 quốc gia và hơn 70 luật sư đang giúp các học viên trong các vụ kiện, phần lớn kẻ cả trường hợp hộ và hình, là chống Giang Trạch Dân (hiện đang thụ lý trong 15 quốc gia).

Chúng tôi chỉ nêu lên vài vụ kiện tiêu biểu, còn hàng trăm các vụ kiện khác đang tiếp diễn trên nhiều nước khác nhau vì những vi phạm trầm trọng và có hệ thống các quyền căn bản được quốc tế công nhận.

Các điều trình bày trên chứng tỏ rằng, sớm muộn những vi phạm nhân quyền sẽ bị đưa ra ánh sáng Công Lý và những kẻ phạm dù quyền lực cao đến mấy cũng sẽ bị trừng phạt.

Không gian bắt đầu dần dần càng chật hẹp cho những chính quyền độc tài và các nhà lãnh đạo chà đạp các quyền căn bản của con người, tự cho mình cái quyền ngồi trên luật pháp quốc nội và quốc tế.

GHI CHÚ

Các quyền căn bản được ghi nhận trong Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền :

Điều 7

Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ bình đẳng không kỳ thị. Mọi

người đều được bảo vệ chống lại mọi kỳ thị hay xúi giục kỳ thị trái với Tuyên Ngôn này.

Điều 13

Ai cũng có quyền tự do đi lại và cư trú trong lãnh thổ quốc gia. Ai cũng có quyền rời khỏi bất cứ quốc gia nào, kể cả quốc gia của mình, và có quyền hồi hương.

Điều 18

Ai cũng có quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo; quyền này bao gồm cả quyền tự do thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng và quyền tự do biểu thị tôn giáo hay tín ngưỡng qua sự giảng dạy, hành đạo, thờ phụng và nghi lễ, hoặc riêng mình hoặc với người khác, tại nơi công cộng hay tại nhà riêng.

Điều 19

Ai cũng có quyền tự do quan niệm và tự do phát biểu quan điểm; quyền này bao gồm quyền không bị ai can thiệp vì những quan niệm của mình, và quyền tìm kiếm, tiếp nhận cùng phổ biến tin tức và ý kiến bằng mọi phương tiện truyền thông không kể biên giới quốc gia.

Điều 20

Ai cũng có quyền tự do hội họp và lập hội có tính cách hoà bình.

Không ai bị bắt buộc phải gia nhập một hội đoàn.

Điều 21

Ai cũng có quyền tham gia chính quyền của quốc gia mình, hoặc trực tiếp hoặc qua các đại biểu do mình tự do lựa chọn.

Ai cũng có quyền bình đẳng tham gia công vụ trong nước.

Ý nguyện của quốc dân phải được coi là căn bản của mọi quyền lực quốc gia; ý nguyện này phải được biểu lộ qua những cuộc tuyển cử có định kỳ và trung thực, theo phương thức phổ thông đầu phiếu kín, hay theo các thủ tục tuyển cử tự do tương tự.

Các quyền căn bản ghi nhận trong Công Ước Quốc Tế về quyền dân sự và Chính Trị.

Điều 12

Những người cư trú hợp pháp trong lãnh thổ một quốc gia đều có quyền tự do đi lại và tự do lựa chọn nơi cư trú trong lãnh thổ.

Mọi người đều được quyền tự do rời khỏi một quốc gia, kể cả quốc gia của mình.

Những quyền tự do ghi trên không thể bị giới hạn, ngoại trừ những trường hợp luật định vì nhu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khoẻ công cộng, đạo lý, hay những quyền tự do của người khác, và nếu không trái với những quyền tự do khác được thừa nhận trong Công Ước này.

Không ai có thể bị tước đoạt quyền hồi hương một cách độc đoán.

Điều 18

Ai cũng có quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo. Quyền này bao gồm quyền tự do theo một tôn giáo hay tín ngưỡng và quyền tự do biểu thị tôn giáo hay tín ngưỡng qua sự thờ phụng, hành đạo, nghi lễ hay giảng dạy, hoặc riêng tư hoặc với người khác, tại nơi công cộng hay tại nhà riêng. Không ai bị cưỡng bách tước đoạt quyền tự do lựa chọn tôn giáo hay tín ngưỡng.

Quyền tự do biểu thị tôn giáo hay tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn theo luật, vì nhu cầu bảo vệ an toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khoẻ công cộng, đạo lý hay những quyền tự do căn bản của người khác.

Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết tôn trọng quyền của cha mẹ hay người giám hộ trong việc giáo dục các con về tôn giáo hay đạo lý theo tín ngưỡng của họ.

Điều 19:

Mọi người đều có quyền giữ vững quan niệm mà không bị ai can thiệp.

Mọi người đều có quyền tự do phát biểu quan điểm; quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận, và phổ biến mọi tin tức và ý kiến bằng truyền khẩu, bút tự hay ấn phẩm, dưới hình thức nghệ thuật, hay bằng mọi phương tiện truyền thông khác, không kể biên giới quốc gia.

Việc hành sử quyền tự do phát biểu quan điểm (ghi ở khoản 2 nói trên) đòi hỏi đương sự phải có những bổn phận và trách nhiệm đặc biệt. Quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật vì nhu cầu:

- Tôn trọng những quyền tự do và thanh danh của người khác.

- Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khoẻ công cộng hay đạo lý.

Điều 21

Quyền hội họp có tính cách hoà bình phải được thừa nhận. Việc hành xử quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi luật pháp, vì các nhu cầu cần thiết trong một xã hội dân chủ để bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khoẻ công cộng, đạo lý, hay những quyền tự do của người khác.

Điều 22

Ai cũng có quyền tự do lập hội, kể cả quyền thành lập và gia nhập các nghiệp đoàn để bảo vệ quyền lợi của mình.

Việc hành xử quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi luật pháp, vì các nhu cầu cần thiết trong một xã hội dân chủ để bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khoẻ công cộng, đạo lý, hay những quyền tự do của người khác. Điều luật này không có tác dụng ngăn cấm việc ban hành các giới hạn luật định liên quan đến sự hành xử quyền tự do lập hội của các giới quân nhân và cảnh sát.

Điều luật này không có hiệu lực cho phép các quốc gia hội viên ký kết Công Ước Lao Động Quốc Tế

năm 1948 về Quyền Tự Do Lập Hội và Bảo Vệ Quyền Lập Hội, được ban hành hay áp dụng những đạo luật có tác dụng vi phạm những bảo đảm về những quyền tự do ghi trong Công Ước Lao Động Quốc Tế.

Điều 25

Không bị kỳ thị (như đã quy định ở điều 2) và không bị giới hạn bất hợp lý, mọi công dân đều có quyền và có cơ hội:

Được tham gia vào việc điều hành chính quyền, hoặc trực tiếp hoặc qua những đại biểu do mình tự do tuyển chọn.

Được bầu cử và ứng cử trong những cuộc tuyển cử tự do và công bằng theo định kỳ, bằng phổ thông đầu phiếu kín, bảo đảm trung thực ý nguyện của cử tri.

Được quyền bình đẳng tham gia công vụ trong nước.

Điều 26

Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, và được pháp luật bảo vệ bình đẳng không kỳ thị. Trên phương diện này, luật pháp cấm mọi kỳ thị và bảo đảm cho tất cả mọi người quyền được bảo vệ một cách bình đẳng và hữu hiệu chống mọi kỳ thị về chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay quan niệm, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản, dòng dõi hay bất cứ thân trạng nào.

Điều 27

Đối với các cộng đồng thiểu số về chủng tộc, tôn giáo, hay ngôn ngữ tại các quốc gia hội viên, Công Ước này bảo đảm cho các thành phần thiểu số cũng với những người khác trong cộng đồng của họ được quyền hưởng văn hoá riêng, được truyền giáo và hành đạo riêng, và được sử dụng ngôn ngữ riêng của họ.

Đơn khiếu kiện phải ghi rõ: tên tuổi, giới tính, nơi cư trú; nếu là tổ chức hay nhóm người phải ghi danh tính của tổ chức, cộng đồng; diễn tả trường hợp xảy ra tai nạn; tác giả vi phạm hay suy đoán; quan chức, chức vụ, lý do viện cớ hay suy đoán; Các cấp chính quyền cao có liên hệ và, hay họ đã có những biện pháp gì khi đã được thông báo.

Toà An Hình sự Quốc Tế Rwanda (TPIR) : phụ trách hai vụ : Jérôme.C Bicomumpaka, cựu Tổng Trưởng Ngoại Giao (vụ kiện bắt đầu từ hơn 4 năm trước, hồ sơ đã hoàn tất và biện minh trạng đã trình bày, đang chờ phán quyết) & Callite Nzabonimana, cựu Tổng Trưởng Thanh Niên và Thể Thao xứ Rwanda (đang thẩm đnh và tranh biện trước Toà án từ 2 năm nay). Và đang tiến hành vụ Jacques Mungwarere, bị bắt tại Windsor, Ontario mấy tháng trước, và bị truy tố tại Tòa Án Canada vì tội diệt chủng (dự tính kéo dài 2 năm). Ngoài ra Desire Munyneza, Trưởng đoàn Thanh Niên Rwanda, cũng đã bị Tòa Án Canada kết án chung thân, ngày 29/10/2009 về tội diệt chủng căn cứ vào

Đạo Luật về tội phạm chống lại nhân loại và tội phạm chiến tranh, ban hành năm 2000.

Luật-sư Trần Lê-Nguyên



***Sao ngoan thế**

Hai bà vợ hỏi thăm nhau về chuyện chồng con:

- Tết nhất chồng chị có đi chơi đâu không?
- Không hề.
- Thế có đi vào mấy sòng bài không?
- Cũng không.
- Làm sao mà ông ấy "ngoan" thế?
- Chẳng có gì lạ, ông ta say bí tỉ, quắc cần câu từ sáng đến tối còn biết trời trăng gì đâu

*** Chọn**

Ông chồng ngày mùng Hai Tết say xin vừa bước vào nhà, bà vợ đã la toáng lên:

- Này mới đầu năm mà ông bê bối vậy. Năm nào vào dịp Tết ông cũng vin vào đó mà say xin phải không? Tôi hết chịu nổi rồi. Tôi hỏi ông lần chót, giờ thì ông chọn tôi hay là chọn rượu?
- Thế tôi chọn rượu thì bà cho tôi mấy chai nào?

*** Xem bói đầu năm** Đầu năm, cô gái đi xem bói. Thầy bói xem chỉ tay của cô rồi phán:

- Nửa đầu cuộc đời, cô sẽ khổ sở vì thiếu tiền, sau đó... sẽ đỡ hơn nhiều.

Cô gái mừng rỡ reo lên :

- Vì tôi sẽ kiếm được một ông chồng giàu ư?

Thầy lắc đầu nói :

- Không, vì cô sẽ quen

*** Quà tết** Chiều cuối năm, vợ nói với chồng:

- Anh ơi, áo khoác của em cũ quá, đứt hết cả cúc rồi. Tết này anh mua tặng em áo mới nhé!
- Dĩ nhiên, ngay sáng mai anh sẽ mua.
- Mua áo chứ?
- Không, mua cúc thôi!

LUẬT DI TRÚ VÀ NHẬP TỊCH HOA KỲ



Phó Tế Nguyễn Mạnh San

LTS: Ông Nguyễn Mạnh San Phó Tế Giáo Hội Công Giáo Oklahoma, Cựu sinh viên LKSG, Nguyên Luật sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn. Sau năm 1975, từng là , Phụ Tá Trưởng Phòng Tổ Tụng Đặc Trách Luật Sư Đoàn Liên Bang và Nhập tịch Hoa Kỳ Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ Oklahoma City, Oklahoma. Hiện đã nghỉ hưu tại Oklahoma.

Để ghi nhớ hơn 30 năm liên tục đặc trách vấn đề nhập tịch tại Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ, thì đây là lần đầu tiên cho tôi viết một đề tài thuần túy về Luật Di Trú Hoa Kỳ, để cống hiến đến đọc giả một số những điều lệ di trú căn bản và thông dụng nhất cho những ai muốn nhập cảnh Hoa Kỳ hay muốn nhập tịch, có thể dùng làm tài liệu tham khảo mỗi khi cần đến, và để giúp chúng ta có thể tự mình giải quyết vấn đề hoặc cho chúng ta có một khái niệm hiểu biết tổng quát, trước khi chúng ta thấy cần phải nhờ đến một vị luật sư chuyên biệt về di trú (Immigration Attorney) giúp cho chúng ta giải quyết vấn đề, mà chúng ta không tự mình giải quyết được.

Khi chúng ta nói về Luật Di Trú và Nhập Tịch Hoa Kỳ (US Immigration & Naturalization Law) là chúng ta nói đến một bộ luật bao gồm những thủ tục hành chánh pháp lý, được coi là phức tạp nhất trên thế giới. Điều này không lấy gì làm lạ đối với mọi người, vì Hoa Kỳ là một quốc gia tạp chủng, bao gồm đủ mọi sắc dân trên thế giới đến đây sinh sống và lập nghiệp. Do đó, Luật Di Trú Hoa Kỳ thường được tu chính án bởi Quốc Hội Hoa Kỳ và thủ tục hành chánh pháp lý di trú cũng thường được thay đổi bởi Tổng Trưởng Tư Pháp Hoa Kỳ, để cho thích ứng với hoàn cảnh và tình trạng của những người di dân đang cư ngụ tại đây, cũng như cho những người sắp được phép nhập cảnh vào Hoa Kỳ.

Sau biến cố hải hùng khủng khiếp xảy ra vụ nổ bom tại thủ đô Oklahoma City vào ngày 22 tháng 4 năm 1995, làm sập một cao ốc liên bang đồ sộ và làm chết 168 người, Sở Di Trú đã được

đổi tên, không còn gọi là Immigration & Naturalization Services (INS) nữa, mà tên mới là Citizenship & Immigration Services, gọi tắt là CIS, đồng thời Sở Di Trú cũng không còn trực thuộc Bộ Tư Pháp Hoa Kỳ như trước kia nữa, mà thuộc Bộ An Ninh Nội Địa (Department of Homeland Security), gọi tắt là DHS. Tuy nhiên có một số phần hành trong cơ cấu mới của CIS vẫn trực thuộc Bộ Tư Pháp Hoa Kỳ như trước kia. Hơn thế nữa, sự thay đổi này nhằm chủ đích chính yếu cho vấn đề an ninh quốc phòng, mỗi khi Bộ Ngoại Giao cấp chiếu khán cho ngoại kiều được phép nhập cảnh Hoa Kỳ và đồng thời cho quyền lợi tối thiểu của mọi cá nhân di dân thuộc mọi sắc tộc khác nhau đang sinh sống tại đây, mà họ coi nơi đây như là một quê hương thứ hai của họ, nghĩa là vui thì ở lại đây lâu dài hay mãi mãi, còn buồn thì trở về lại quê hương cũ của mình lúc nào mình muốn. Vì thế mà hầu hết những người tuyên thệ nhập tịch Hoa Kỳ, đương nhiên mang trong mình tới 2 quốc tịch, nhất là người Việt-Nam chúng ta nói riêng, hầu hết đều trở thành song tịch, vì chúng ta đến đây để tỵ nạn cộng sản, chứ không phải đến đây vì vấn đề kinh tế, điều này hiển nhiên không một ai có thể chối cãi được. Mặc dầu khi tuyên thệ, tất cả mọi người thuộc mọi sắc tộc đều dơ tay lên thề hứa là từ bỏ quốc tịch cũ của mình, nhưng đó chỉ là hình thức bề ngoài hoàn toàn mang tính cách chính trị, chứ trên thực tế người ta vẫn giữ nguyên quốc tịch cũ, trong khi luật di trú Hoa Kỳ không công nhận công dân nhập tịch Hoa Kỳ được quyền mang song tịch tại quốc gia này.

Bộ Luật Di Trú và Nhập Tịch Hoa Kỳ được chia ra làm 2 phần chính yếu: Phần thứ nhất nói về Luật Di Trú. Phần thứ hai nói về Luật Nhập Tịch :

Luật Di Trú thì rất phức tạp và đòi hỏi nhiều thủ tục hành chánh pháp lý, để có thể hội đủ các điều kiện di trú vào Hoa Kỳ, mà đôi khi ngay cả một số luật sư chuyên biệt về di trú (Immigration Attorneys) vì thiếu kinh nghiệm lâu năm trong nghề, vẫn có thể bị thiếu sót, không kịp cập nhật hóa những luật lệ mới được thay đổi, nên đã xúc tiến hồ sơ cho thân chủ của mình không đầy đủ, làm cho hồ sơ bị trở ngại, chậm trễ hay bị trả về, mất thời gian tính và đã không đem lại thành quả tốt đẹp như ý mong muốn của thân chủ; còn về Luật Nhập Tịch, tương đối các giấy tờ thủ tục hành chánh thì đơn giản hơn nhiều so với Luật Di Trú, vì Luật Nhập Tịch không đòi hỏi người ta phải nhập tịch mới được cư ngụ hợp pháp tại Hoa Kỳ, mà hoàn toàn tùy thuộc vào ý muốn của mọi cá nhân muốn nhập tịch. Nếu muốn, đương sự có thể tự mình điền đơn và nộp đơn xin nhập tịch. Nếu không, người ta có quyền cư ngụ tại đây suốt đời, mà không cần phải nhập tịch. Trước tiên, chúng tôi chỉ xin trình bày cùng quý đọc giả về một số ít các điều lệ pháp lý căn bản trong Bộ Luật Di Trú, mà những điều lệ này rất thông dụng cho những ai muốn nhập cảnh Hoa Kỳ theo các diện nhập cảnh khác nhau (Different Types of Nonimmigrant Visas) được liệt kê theo thứ tự dưới đây:

A. Luật Di Trú Hoa Kỳ (US Immigration Law):

1. Các loại chiếu khán cho phép nhập cảnh Hoa Kỳ tạm thời (Temporary Visas)

- a) Loại chiếu khán B-1 Visa (Temporary Business Visitor) được cấp cho những người có dịch vụ thương mại với những cơ quan công tư hay hãng xưởng tại Hoa Kỳ. Chẳng hạn như đến tham dự các cuộc hội thảo, gặp khách hàng, ký kết các giao kèo thương mại v.v.. Loại này không được phép đến Hoa Kỳ làm việc.
- b) Loại chiếu khán B-2 Visa (Temporary Visitor For Pleasure). Loại chiếu khán này được cấp cho những người muốn đến thăm bạn bè, họ hàng thân thuộc để nghỉ hè tại đây, nhưng phải có thư mời của người cư ngụ tại đây. Loại này có thể được cấp cho phép nhập cảnh nhiều lần vào Hoa Kỳ, mỗi lần tối đa 6 tháng và phải có sự bảo đảm về tài chánh. Loại này cũng có thể cho phép nhập cảnh Hoa Kỳ vì lý do chữa bệnh. Nhưng phải có giấy tờ của bác sĩ hay của nhà thương chứng nhận là sẽ chữa

bệnh cho bệnh nhân và cần phải nêu rõ thời gian chữa bệnh là bao lâu.

- c) Loại chiếu khán C Visa. Loại này được cấp cho những người đến viếng thăm một quốc gia khác, nhưng trên đường đi hay trên đường về, muốn ghé qua Hoa Kỳ. Loại này có thể xin cư ngụ tại Hoa Kỳ tối đa 1 tháng, nhưng không thể xin đổi sang một loại chiếu khán khác và loại chiếu khán này cũng không được phép xin gia hạn.
- d) Loại chiếu khán E-1 và E-2 Visas. Loại này được cấp cho những nhà đầu tư thương mại với Hoa Kỳ, mà những nước này đã ký hiệp ước thương mại với Hoa Kỳ như Anh, Pháp, Nhật, Nga và Tầu v.v...
- e) Loại chiếu khán F-1 Visa cho du học sinh. Loại này đòi hỏi du học sinh phải có đủ điểm khả năng Anh Ngữ tối thiểu tùy theo các đại học đòi hỏi, hoặc cấp cho những du học sinh nằm trong chương trình trao đổi văn hóa giữa hai quốc gia từ cấp trung học trở lên.
- f) Loại chiếu khán H Visa (Temporary Worker). Loại này cấp cho nhân công được thuê mướn làm việc tại các nông trại, hoặc những ngoại kiều đến học việc (Trainees) và cấp cho những thân nhân trong gia đình của những nhân công làm việc tại nông trại như vợ chồng con cái. Loại chiếu khán này chỉ có giá trị tối đa từ 1 năm cho đến 3 năm. Loại chiếu khán học việc chỉ có giá trị tối đa là 2 năm và thân nhân trong gia đình như vợ chồng con cái cũng có thể được đi theo bằng loại chiếu khán H-4.
- g) Loại chiếu khán K-1 Visa (Fiancee). Loại này cấp cho những người đã hứa hôn (Hôn thê hay hôn phu). Những người này khi đã nhập cảnh Hoa Kỳ rồi, thì phải lập hôn thú trong vòng 3 tháng, quá hạn này mà không làm hôn thú thì phải trở về nguyên quán. Nếu những người này có con dưới tuổi vị thành niên có thể được phép đem theo vào Hoa Kỳ.
- h) Loại chiếu khán Nonimmigrant R-1 Visa (Religious Worker). Loại này cấp cho các

nam nữ tu sĩ hay những chuyên viên đến làm việc cho các cơ quan tôn giáo như Nhà thờ, Chùa, các trường học tôn giáo, các cơ quan truyền giáo, các tổ chức tôn giáo từ thiện bất vụ lợi. Những người này chỉ cần có giấy chứng thực là hội viên 2 năm liên tục của cơ quan tôn giáo tại quê nhà và phải có giấy xác nhận của cơ quan tôn giáo ở đây, là sẽ thuê dụng đương sự vào làm việc cho cơ quan trọn đủ thời gian (Full-time job) và cơ quan thuê dụng phải chứng tỏ có đủ ngân quỹ để trả lương cho đương sự. Đối với hầu hết trường hợp được phép nhập cảnh vào Hoa Kỳ theo loại chiếu khán này, đương sự phải chứng tỏ được là mình sẽ quay trở về nguyên quán sau khi giấy chiếu khán hết hạn. Ngoại trừ có một số ít loại chiếu khán này, sau khi làm việc liên tục được 2 năm cho cơ quan, đương sự có thể xin chuyển đổi sang loại chiếu khán di dân (Immigrant Visa) thay vì đang ở loại chiếu khán không di dân (Nonimmigrant Visa). Sự chuyển đổi sang loại này rất có giới hạn và ít người hội đủ điều kiện.

2. Các loại chiếu khán cho phép nhập cảnh Hoa Kỳ theo diện di dân (Immigrant Visas):

- a) Những công dân có quốc tịch Hoa Kỳ (US Citizens) có thể bảo trợ những người có liên hệ ruột thịt (Immediate relatives) như Cha Mẹ, vợ chồng, con cái, anh chị em ruột vào Hoa Kỳ theo diện di dân, để trở thành thường trú ngay khi những người này đặt chân đến Hoa Kỳ. Tuy nhiên những công dân không có quốc tịch Hoa Kỳ, chỉ là thường trú nhân thôi, vẫn có thể bảo trợ cho vợ hoặc chồng, con cái độc thân dưới 21 tuổi, hoặc con cái độc thân từ 21 tuổi trở lên, nhưng thời gian nhập cảnh Hoa Kỳ phải chờ đợi lâu hơn công dân có quốc tịch Hoa Kỳ.
- b) Tất cả có 4 Loại Thích Ứng Ưu Tiên (4 Preference Categories) được áp dụng cho vấn đề bảo trợ những thân nhân ruột thịt vừa kể ở đoạn trên:
- c) Loại Thích Ứng Ưu Tiên Thứ Nhất (First Preference Category). Loại này bao gồm người có quốc tịch được quyền bảo trợ Cha Mẹ, vợ chồng, con cái dưới 21 tuổi

không bị chi phối bởi thời gian chỉ định (Quota). Tuy nhiên Cha Mẹ có quốc tịch vẫn có quyền bảo trợ những đứa con trưởng thành trên 21 tuổi còn độc thân. Nếu con cái đã lập gia đình rồi thì không thuộc vào loại diện này nữa, mà thuộc vào Loại Diện Thứ Ba (Third Preference Category) phải chờ đợi lâu hơn mới có thể đoàn tụ với Cha Mẹ được.

- d) Loại Thích Ứng Ưu Tiên Thứ Hai (Second Preference Category). Thường trú nhân có thể bảo trợ cho vợ hay chồng như người có quốc tịch Hoa Kỳ, nhưng phải chờ đợi lâu hơn từ 4 cho đến 5 năm mới có giấy chiếu khán nhập cảnh. Trong thời gian chờ đợi giấy chiếu khán, nếu người chồng hay người vợ nhập quốc tịch thì không còn phải chờ đợi thời gian lâu nữa. Thường trú nhân vẫn có thể bảo trợ cho con cái còn độc thân bất cứ ở tuổi nào. Cha hay Mẹ thường trú nhân (Permanent resident parent) vẫn có thể bảo trợ cho con cái riêng (Stepchildren) của hai bên, nếu giá thú ký trước ngày đứa con riêng đủ 18 tuổi. Cha hay Mẹ thường trú nhân cũng có thể bảo trợ cho con nuôi trước khi chúng đủ 16 tuổi, nhưng ít nhất Cha hay Mẹ phải sống chung với chúng được 2 năm.
- e) Loại Thích Ứng Ưu Tiên Thứ Ba (Third Preference Category). Cha Mẹ có quốc tịch có thể bảo trợ cho con cái đã lập gia đình cùng với các cháu còn độc thân dưới 21 tuổi.
- f) Loại Thích Ứng Ưu Tiên Thứ Tư (Fourth Preference Category). Anh, chị, em có quốc tịch có thể bảo trợ cho anh chị em độc thân hay lập gia đình rồi. Anh chị em cùng Cha khác Mẹ hay cùng Mẹ khác Cha (Half-brother or half-sisters) có quốc tịch vẫn có thể bảo trợ cho nhau và những đứa con dưới 21 tuổi còn độc thân được quyền đi theo Cha Mẹ của chúng.

3. Thẻ Thường Trú Hết Hạn (Expired Resident Card).

Tất cả các thẻ thường trú chỉ có giá trị tối đa là 10 năm. Có thể nộp đơn xin đổi thẻ mới 6 tháng trước khi thẻ cũ hết hạn. Thẻ thường trú

của trẻ em trên 13 tuổi cũng phải làm đơn xin đổi lại thẻ mới càng sớm càng tốt.

B. Luật Nhập Tịch Hoa Kỳ (US Naturalization Law).

1. Các Điều kiện và Thủ Tục Nhập Tịch Hoa Kỳ (Requirements & Procedures for US Naturalization):

- a) Cư ngụ 5 năm tại Hoa Kỳ sau khi có thẻ Thường Trú. Phải cư ngụ tại Hoa Kỳ tổng số thời gian ít nhất là 2 năm 6 tháng của 5 năm. Có thể nộp đơn xin nhập tịch trước 3 tháng vừa đủ 5 năm. Nhưng nếu ở nước ngoài qua 1 năm liên tục sẽ không hội đủ điều kiện nộp đơn.
- b) Nếu lập gia đình với người Mỹ hay công dân có quốc tịch Hoa Kỳ, chỉ cần 3 năm là thường trú nhân với những điều kiện: Thường trú 3 năm tại Hoa Kỳ, lập giá thú với nhau đủ 3 năm và đương đơn phải cư ngụ đủ 3 tháng tại tiểu bang nơi mình nộp đơn xin nhập tịch.
- c) Hồ sơ xin nhập tịch gồm có: Mẫu đơn Form N.400, 2 tấm hình, bản sao mặt trước và mặt sau của thẻ thường trú, lệ phí là \$675 bằng personal check hay bằng money order.
- d) Từ lúc nộp đơn cho đến khi nhận được thư mời đi phỏng vấn, có nơi đông thường trú nhân cư ngụ, phải chờ đợi lâu tới 8 tháng. Nhiều năm trước đây, không cần phải điều tra an ninh (Background check) trước khi được mời đi phỏng vấn. Nhưng bây giờ hầu hết đương đơn được mời đi phỏng vấn là đã có kết quả điều tra an ninh rồi.
- e) Trong cuộc phỏng vấn, vị giám khảo sẽ hỏi lại những câu hỏi ở trong mẫu đơn N.400 mà đương đơn đã điền vào những câu trả lời, để xem đương đơn có muốn thay đổi câu trả lời không. Tiếp theo đương đơn sẽ được hỏi về lịch sử Hoa Kỳ trong số 100 câu hỏi

đã được phát trước để học. Đọc và viết một câu ngắn bằng tiếng Mỹ.

- f) Những đương đơn nào trên 55 tuổi, mà đã là thường trú nhân, cư ngụ tại Hoa Kỳ ít nhất đã đủ 15 năm, thì được quyền trả lời những câu hỏi bằng ngôn ngữ của mình qua thông dịch viên. Còn những ai trên 50 tuổi mà là thường trú nhân, cư ngụ tại Hoa Kỳ ít nhất 20 năm thì cũng được quyền trả lời những câu hỏi bằng ngôn ngữ của mình qua thông dịch viên. Những đương đơn nào có giấy bác sĩ chứng nhận tàn tật, kém trí nhớ, bệnh thần kinh đều được miễn trừ trả lời những câu hỏi khi nhận được thư mời đi phỏng vấn và coi như tự động được vô quốc tịch.
- g) Sau khi đã thi đậu xong cuộc phỏng vấn, đương đơn sẽ nhận được thư mời đến Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ để tuyên thệ nhập tịch. Ở những nơi có quá đông người được tuyên thệ, Tòa Án không đủ chỗ ngồi, sẽ phải tổ chức cuộc tuyên thệ ở một nơi công cộng có thể chứa từ 1 ngàn đến 3 ngàn người. Hoặc quá 30 ngày, vì lý do nào đó, Tòa án không thể tổ chức cuộc tuyên thệ được, Tòa sẽ chỉ định cho Sở Di Trú cho đương đơn tuyên thệ ngay tại trụ sở của Sở Di Trú. Do đó, có những trường hợp vừa đậu xong cuộc phỏng vấn, nếu hồ sơ phỏng vấn của đương đơn đã có kết quả an ninh, vị giám khảo có thể cho đương đơn tuyên thệ ngay tại chỗ, mà không cần phải chờ đợi ngày ra Tòa tuyên thệ.

Trong những năm trước đây, tôi cũng đã từng viết những đề tài về pháp lý, thuộc loại pháp luật thực dụng Hoa Kỳ (US Applicable Law), nhưng luôn luôn được xen kẽ bởi những câu chuyện tình cảm có thật, điền hình cho các nhân vật chính trong câu chuyện vi phạm pháp luật. Riêng đề tài này hoàn toàn nói về các điều luật di trú và nhập tịch, nên nội dung rất khô khan, thiếu hấp dẫn đối với người đọc. Vậy xin hẹn gặp lại quý độc giả trong một đề tài pháp lý khác, có nội dung tình cảm như những bài viết trước đây của tác giả.

Phó Tế Nguyễn Mạnh San
Cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn



HỌC LUẬT Ở MỸ

Ts.Trần minh Lợi.

đánh giá tương đương văn bằng LL.B. của Mỹ (Bachelor of Laws. -

Cử nhân Luật khoa) . Thứ đến, ứng viên phải nộp giấy chứng nhận do 5 vị nguyên Luật sư hay thẩm phán chứng thực ứng viên đã hành nghề trong ngành Luật tại Sài Gòn trước đây . Mỗi năm có hai kỳ thi (The Bar Exam): một kỳ vào cuối tháng 2 và một vào cuối tháng 7, được tổ chức tại hai miền Nam (Los Angeles) và Bắc (San Francisco) California.

Thí sinh phải qua 3 ngày thi viết (thứ 3, thứ 4 và thứ 5) từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều .Sau khi thi đậu thí sinh còn phải qua một bài thi trắc nghiệm về đạo đức, tư cách cùng trách nhiệm khi hành nghề luật sư .

Có điều đặc biệt khác với chúng ta là thí sinh thi hành nghề Luật sư dự thi bao nhiêu kỳ cũng được. Vì vậy, đã có một mẩu chuyện về gương kiên nhẫn có một không hai của một sinh viên Luật ở tiểu bang New York. Chuyện kể là, có một sinh viên nọ sau khi tốt nghiệp ở trường luật đã thi trong suốt mấy chục năm mà vẫn không đậu, trong khi người con trai của ông đã hành nghề Luật sư được nhiều năm rồi. Cuối cùng, nhờ nhẫn nại ông cũng thi đậu để trở thành Luật sư vào năm 65 tuổi .

Riêng tại thành phố San Jose Tiểu bang California đã có những vị nguyên là Luật sư, giáo sư trường Luật đã thi đậu và đang hành nghề Luật sư từ nhiều năm qua như LS Nguyễn hữu Thống và LS. Nguyễn công Bình.

Tựa đề bài “ Học Luật ở Mỹ “ này đúng ra chỉ đề tặng cho anh bạn cùng lớp thuở nào ở trường Luật -Thiện Ý Nguyễn văn Thắng qua thư thăm hỏi, nhưng thấy viết cho các bạn khác đọc để mua vui thì cũng không sao .

Ở đây xin thêm đề rõ hơn, bài viết này nhằm đến các bạn cựu sinh viên Luật khoa thời Việt nam cộng hòa (trước 30 tháng 4 năm 1975), chứ không dành cho sinh viên Luật của chế độ Việt cộng hiện nay (xin lỗi các bạn chưa quen nhé).

Nếu tính từ thời điểm ngày miền Nam Việt nam rơi vào tay cộng sản bạo tàn phương Bắc đến nay đã gần 35 năm (1975-2010). Các bạn cựu sinh viên Luật khoa nếu tốt nghiệp năm đó thì đến nay tuổi cũng xấp xỉ gần 60 (sáu mươi năm cuộc đời), vừa qua ngưỡng cửa của tuổi già rồi! Thế mà còn cấp sách đi học được ở trường Luật sao ? Thưa bạn, với vốn Luật học của quý bạn đã có sẵn, bạn thừa sức để trở lại ngành luật tại xứ Mỹ này . .

Trong bài này, chúng tôi sẽ nói qua về việc tiếp tục hành nghề Luật (Luật sư) tại Mỹ và học Luật ở Mỹ .

TIẾP TỤC HÀNH NGHỀ LUẬT (LUẬT SƯ) TẠI MỸ .

Những vị đã từng hành nghề Luật tại Việt Nam trước đây như luật sư, thẩm phán, giáo sư trường Luật đều được chấp nhận hành nghề Luật sư tại tiểu bang California với điều kiện phải đậu kỳ thi hành nghề Luật sư (California Bar Exam) do Luật sư đoàn tổ chức .

Đề hội đủ điều kiện dự thi, ứng viên phải nộp văn bằng tương đương do một tổ chức duyệt xét văn bằng ngoại quốc được sự chuẩn nhận của Luật sư đoàn. (Văn bằng cử nhân Luật của mình được

CHUYỆN CŨ : HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ TẠI VIỆT NAM.

Tại Việt nam trước đây, sinh viên với mảnh bằng cử nhân trong tay sau 4 năm học miệt mài ở trường luật ra, muốn làm nghề Luật sư cũng không phải là chuyện dễ. Quàng đường khó khăn trước mắt là chuyện tìm được một văn phòng Luật sư nhận cho tập sự liền khi mới ra trường. Cho nên không lạ gì chuyện sinh viên tốt nghiệp đã phải mất một hai năm mới tìm được văn phòng nhận

cho tập sự. (mỗi văn phòng luật sư chỉ được nhận 2 đến 3 tập sự, may ra văn phòng lớn mới nhận được 4 sinh viên tập sự) .

Sau khi mãn hạn tập sự (3 năm), các Luật sư tập sự bây giờ sẽ lần nữa trở thành thí sinh dự kỳ thi ra Luật sư thực thụ. Nếu lần đầu không đậu, thí sinh còn được dự thi thêm hai lần nữa, mỗi lần thi cách nhau một năm. Sau 3 lần thi không đậu thì thí sinh sẽ vĩnh viễn từ giã nghề luật sư với mộng không thành! Và đã có chuyện một cô luật sư tập sự đã bật khóc trước tiền đình Tòa Thượng thẩm Sài gòn khi hay tin mình lại rớt trong lần thi thứ 3 kỳ thi Luật sư thực thụ .

Mời các bạn xem qua mẩu chuyện (do người bạn kể lại) về kỳ thi Luật sư thực thụ khóa tháng 12 năm 1974, đề biết thi ra làm Trạng Sư ở nước mình trước đây gay go như thế nào?

Sau đúng 3 năm tập sự, thí sinh sẽ dự kỳ thi Luật sư thực thụ tại Tòa Thượng thẩm Sài gòn. Thể thức thi gồm có hai phần: Phần thi viết và phần thi vấn đáp. Phần thi viết, thí sinh phải lập lý doán một vụ kiện dân sự thuộc về Hộ luật, (do chính Ông Chánh nhất Tòa Thượng thẩm ra đề thi). Nếu được chấm đậu thí sinh mới được dự thi phần vấn đáp (trực tiếp trả lời trước Giám khảo các môn: Hình luật do Ông Nguyễn văn Hào - Hội thẩm Tòa Thượng thẩm phụ trách) và Hộ luật (do Ông Đinh văn Huân – Chánh nhất Tòa Thượng thẩm phụ trách). Phần vấn đáp về Luật Trước bạ do chính vị Giám đốc Nha Trước bạ hỏi Và sau cùng về Nghiệp vụ đạo đức của nghề Luật sư do Thủ lãnh Luật sư đoàn Trần văn Tốt khảo vấn. Sau khi đậu qua phần vấn đáp thí sinh sẽ dự thi phần biện hộ về Hình sự tại Tòa Thượng thẩm Sài gòn. Lần lượt các thí sinh lên bốc thăm một vụ Hình đã được xử trước đây . Mỗi thí sinh được 15 phút để nghiên cứu hồ sơ bút lục đề sau đó lần lượt biện hộ (trình bày). Thành phần Ban giám khảo gồm có Quý Ông: Chánh nhất, hai vị Hội thẩm và Luật sư Thủ lãnh Luật sư đoàn (Thủ lãnh LSD lúc đó là LS Trần văn Tốt).

Trong khóa thi ra Luật sư thực thụ này có 63 thí sinh dự thi với kết quả có 22 thí sinh thi đậu, đạt tỉ lệ 34%. Đây cũng là khóa thi Luật sư cuối cùng của thời Việt Nam Cộng Hòa chúng ta .

HỌC LUẬT TẠI MỸ

Tại Việt nam như chúng ta đã biết, sau khi đậu Tú Tài 2 (toàn phần) sinh viên được nhận vào

trường Luật mà không phải qua một kỳ thi tuyển nào . Trong khi trường Luật ở Mỹ đòi hỏi sinh viên phải có bằng đại học của bất cứ ngành nghề gì . Cả hai hệ thống trường tư cũng như trường công đều không phải thi tuyển. Trường sẽ nhận đơn của sinh viên theo nhu cầu của trường, cho nên có những trường Luật nổi tiếng chỉ nhận vào học khoảng 5-10 phần trăm trên con số hàng chục ngàn đơn nộp. Tuy nói là không phải thi tuyển nhưng hầu hết các trường Luật đòi hỏi sinh viên phải nộp cho trường bằng kết quả của kỳ thi LSAT. (Law School Admissions Test) và nhà trường sẽ đánh giá trên điểm thi để tuyển sinh. Tuy nhiên cũng có trường nhận sinh viên vào học không cần LSAT.

Sau khi hoàn tất học trình học (3 hay 4 năm tùy theo trường theo học) sinh viên sẽ nhận văn bằng Tiến Sĩ Luật khoa (Juris Doctor). Những sinh viên nào muốn làm Luật sư phải thi đậu kỳ thi lấy bằng hành nghề và nếu có chỉ thì cứ xách bút thi hoài thi mãi cho đến khi nào thi đậu thì ngừng. Như thế sinh viên có nhiều cơ hội trở thành Trạng Sư hơn.

Qua phần trình bày vừa qua, chỉ là khái lược nên có nhiều thiếu sót mong các bạn lượng thứ cho . Và mong các bạn già đồng môn (1967-1971) của tôi ngày nào, có được những giây phút thoải mái khi đọc bài này để nhớ lại những ngày xưa ở trường Luật với “đường Duy Tân cây cao bóng mát” của ai đó, chớ chúng mình thì bù đầu bù cổ học thi chứ chẳng biết cây cao cây thấp gì cả.

Trần Minh Lợi

Tiến sĩ Luật khoa Hoa Kỳ

CSVLK Sài gòn

A HAPPY
NEW YEAR

Tìm hiểu:

LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRỞ THÀNH MỘT LUẬT SƯ TẠI HOA KỲ ? (HOW TO BECOME A LAWYER).

Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu và trình làng bài viết của cặp luật sư trẻ, vào thế hệ thứ hai hoặc thứ ba của chúng ta tại quê hương thứ hai ở Hoa Kỳ, đó là :

*NGUYỄN ÁI LAN, sinh năm 1972 tại Hoa Kỳ.
Phụ mẫu : Việt Nam. Tốt nghiệp luật khoa và hành nghề luật sư từ năm 1999 tại EPCO Inc.Houston. Phụ quân : *Anthony Referente, văn phòng luật sư tại Katy, Houston. Ls Anthony là ứng cử viên chức vụ Chánh án tòa án Thiếu Nhi đơn vị 313 Juvenile District Court tại Houston trong kỳ bầu cử năm nay 2010.

Với đề tài nêu trên : “HOW TO BECOME A LAWYER”. Xin sơ lược vài ý chính bằng Việt ngữ như sau

ĐIỀU KIỆN ĐỂ TRỞ THÀNH LUẬT SƯ

Ở Mỹ muốn trở thành một Luật sư, bất cứ ai, đều phải qua những giai đoạn sau đây :

Phải tốt nghiệp đại học bất cứ môn học nào, thí dụ như : Chính trị học, hay ngôn ngữ học v.v... đều có thể nộp đơn vào trường Luật. Để được chọn vào trường, bạn phải có điểm trung bình (GPA) cao ở đại học. Đồng thời, điểm cao của bài khảo hạch LSAT (Law School Admissions Test).

Cũng xin nhắc lại là ở Hoa Kỳ, trường đại học cũng như trường Luật rất nhiều ở mọi bang, nên trường Luật họ cũng lựa chọn những bạn có điểm cao như đã trình bày. Ngoài ra, nếu bạn có những thư giới thiệu tốt của các cơ quan, tổ hợp luật sư, chánh án v.v... nơi bạn đã làm, cũng giúp bạn có nhiều cơ hội tốt để trường luật chấp nhận bạn vào học.

Khi bạn đã được trường luật chấp nhận rồi ; vấn đề thứ hai là tài chánh để trang trải tiền học, ăn ở, xe cộ và chi tiêu vặt. Ngoài trừ trường hợp gia đình bố mẹ giàu có giúp đỡ, nếu không thì bạn cần phải có học bổng, vay mượn và đi làm thêm vào mùa hè v.v...

Vay tiền (student loan) từ liên bang (Federal loan) là tốt nhất vì lãi suất nhẹ. Tuy nhiên cũng rất hạn chế chỉ đủ cho tiền trường, sách vở và chi tiêu chút đỉnh thôi. Không đủ thì bạn phải vay cơ quan tư (private loan), với lãi suất cao và vài điều kiện

khác hơn Federal loan, (về vấn đề này trường hướng dẫn rất chu đáo).

Yên bề về tài chánh ; những kinh nghiệm của trường luật đã thay đổi đời sống của bạn , đó là sự khác biệt giữa những gì bạn đã học ở đại học . Trước hết phải chú tâm vào một mục tiêu để đọc và hiểu luật cho những vụ kiện ...và nhiều, nhiều nữa mà bạn phải học.

Cổ nhiên, bạn phải đọc từ 100 trang đến 300 trang mỗi tối, như vậy bạn phải có một trí nhớ tốt phải không ạ ?

Để có kinh nghiệm, bạn có thể đi làm bán thời gian hoặc có lương hay không lương cho các văn phòng luật sư, toà án v.v... vào mùa hè.

Trong khi học ở trường luật, bạn còn phải đỗ qua kỳ thi MPRE (Multistate Professional Responsibility Exam).

Sau ba năm học tại trường luật, bạn rộn như vậy bạn đã tốt nghiệp, nhưng để hành nghề luật sư, bạn phải qua một kỳ thi lấy bằng hành nghề (Bar exam MBE).

Kỳ thi này được tổ chức tại mỗi tiểu bang trên khắp nước Mỹ, mỗi năm hai kỳ vào tháng 2 và tháng 7. Đề tài tùy thuộc vào luật lệ của mỗi tiểu bang. Đề tài cũng thay đổi đôi chút từ năm này qua năm khác. Kết quả được công bố trên mạng vào tháng 4 và tháng 11, nếu bạn đỗ.

Tóm lại, bạn đã có trong tay bằng hành nghề (bar) và MPRE, bạn được tuyên thệ để rồi bạn có thể luật sư (Bar card).

Lương bổng từ 40.000 đến 160.000 đồng, năm đầu nếu bạn đi làm cho một cơ quan nào đó. Bạn cũng có thể mở văn phòng luật sư riêng.

Với tài - trí - cần cù - nhẫn nại bạn đã thành công.

Thân chúc bạn thành công lừng lẫy hơn nữa trong trường đời.

Chính Phong Nguyễn Hoàng.





How to Become a Lawyer

By Elizabeth Ai-Lan Referente and Anthony Referente

* * * * *

* * * * *

* * *

* * *

In the U.S., attorneys come from a variety of backgrounds and practice in many different areas. In order to become a lawyer, you must have a college bachelor's degree; however, you can study any major. Most law school applicants major in pre-law, political science or government relations in order to gain some exposure to the law and the U.S. courts, but there is no requirement of a specific major in order to attend law school. Many English majors also apply to law school, which makes sense since you will need to have good reading comprehension and analysis skills, but is not a requirement. While there is no required major to apply to law school, in order to have a competitive application, you should have a good grade point average and a good Law School Admissions Test (LSAT) score.

Just as there are many colleges and universities in the U.S., there are also many law schools, and the more competitive your GPA and LSAT score, the better your chances of being admitted to a school with a higher reputation. The reputation of your law school will affect your ability to find internships and clerkships during law school as well as your first job opportunities as a lawyer, so it is best to attend the best law school that will accept you.

Once you've been admitted to law school, you'll need to be prepared for the cost. Law school, as with any professional or graduate school, is expensive and very limited financial assistance is available. Unless you are fortunate enough to have the support of your family or employer in paying for law school, or win one of the less than a handful of scholarships available at any given school, you will more than likely have to apply for student loans. Federal loans are your best option, since they tend to be offered at a lower fixed interest rate and will generally not accrue interest until after graduation, but the funds are limited, occasionally delayed, and will usually only cover tuition and books with a very small amount of money left for living expenses. In the alternative, you can take out generous private loans, but these loans will be provided at a higher variable rate and begin accruing interest

immediately. Depending on the city where you attend law school, additional expenses such as transportation and housing can be expensive.

Once you've finished your financial arrangements, the law school experience will change your life. It is different from college since everything you study will be focused on one goal – to read and understand legal cases and statutes. Also, law school is notorious for use of the Socratic method, a teaching style developed by Socrates whereby a random student's knowledge of the day's reading assignment is tested through a series of seemingly random questions regarding the material until the professor is satisfied that the student either understands the material or has failed to learn the material. This confrontational style of teaching is intended to prepare the law student for the challenge of analysis on a daily basis as an attorney; although many view it as a scare tactic to reduce the large number of law students! Along with the daily intimidation, students are given between 100-300 pages per night of reading, depending on the number of classes taken. No quizzes are provided, and only a single test at the end of the term determines your grade in the course. An excellent memory and great self-discipline are necessary in order to absorb the information. Besides the heavy reading required for school, it is a good idea to also participate in the law review, law journals, practice clinics and moot court and mock trial competitions while in school. Although these activities require a significant commitment of time (possibly including research and preparation into the late night hours), these extracurricular activities help to distinguish you from other students and provide you with experience and ideas to decide in what area of practice to begin your law career. Participation on law review is usually reserved for only the students with the highest GPA. And while awards from competitions are viewed positively on your resume, there is also no better place to practice advocacy than in the moot court and mock trial competitions, where you can experience the level of effort required to bring a case before the court without having someone's life or money dependent on the verdict.

Another way to gain experience is to secure a summer clerkship or work part-time as a law clerk

during the school year. Summer clerkships are difficult to obtain and highly competitive. Students are chosen to be summer clerks through a highly selective interviewing and screening process, and only the students with the highest grades are invited to interview. Often, a law firm may have from 2-20+ high-paying clerkships available for the summer, so the competition is fierce with thousands of law students across the country who may be interested in working at that firm or in that city for the summer. Many of these law firms allow summer clerks to split the summer into two sessions, so they have the chance to clerk at another law firm or accept a judicial clerkship for the second part of the summer. Judicial clerkships are also competitive, but there tend to be more positions available since there are so many courts and the positions are unpaid. Law firms and courts will consider hiring you based on your performance during these clerkships, so it will be important to make a good impression.

If you can survive the law school experience intact, your next hurdle will be the bar exam. The bar exam is a licensing exam given in each state across the country. Each state has its own requirements as to which areas of law will be covered. The topics change slightly from year to year, and the structure of the exam may change periodically, but essentially, you will be tested on over 20 subject areas of law in a one to three day exam. In Texas, considered to be one of the most difficult, the exam is a 2.5 day test, consisting of short answer, essay, and multiple choice questions. The multiple choice section is known as the Multistate Bar Examination (MBE) and the MBE test is distributed at the same time as part of every state's bar exam. The bar exam is given twice each year at the same time in every state in the U.S., in either July or February. Results are posted on the Internet in April and November – your name is posted on the Internet if you passed the exam. The exam is further scaled so that only a certain percentage of students will pass. Although it sounds difficult, the majority of the examinees pass. Also, some take the exam several times before passing. It is important to develop a good test-taking strategy in order to prepare for and pass the bar exam.

However, being a lawyer is more than the knowledge of the law; it is also about the exercise of good judgment. Therefore, in addition to completing the bar exam, it is also necessary to separately register for and pass the Multistate Professional Responsibility Exam (MPRE). This is a 125 multiple choice question, 1 hour exam, with a scaled score.

Once you have passed the bar exam and the MPRE, you are sworn in and given a license to practice

law in your jurisdiction and a “bar card,” an identification card which shows you are a member of the state bar and licensed to practice law. Once you have a law degree and a license to practice, you can begin your career as a lawyer.

There are many career options both within the practice of law and outside the practice of law, and salaries can range from \$40,000+ to as high as \$160,000 for a first-year attorney. Only the largest law firms are able to command such a high salary for their first year attorneys, and only have an average of 40 first year positions available at each firm. On the other hand, government jobs tend to begin in the lower salary range, but usually provide great legal experience. Corporate legal jobs tend to begin somewhere in the middle, dependent on experience, but are usually more difficult to obtain since a legal department is typically unable to provide training to first year attorneys. Additionally, many attorneys choose to open their own law office immediately after becoming licensed and learn through experience. Aside from starting salaries, an attorney is eligible to practice in any practice area upon graduation, so you can develop your career in any direction and change your practice at any time. All practicing lawyers are required to maintain a minimum number of Continuing Legal Education (CLE) credit hours and Ethics hours in order to remain current. You can earn credits by attending various seminars, many of which are sponsored by law schools, the State Bar, or bar organizations. It also helps to meet many other attorneys who are experienced in a particular areas and can help advise you as you progress in your career. You may meet mentors through various bar organizations. Some local bar organizations include the Houston Young Lawyers Association, the Houston Bar Association, and the Asian American Bar Association, among others.

The most rewarding aspect of the practice of law is the ability to help someone through your legal knowledge. Whether you are interpreting contract language or arguing before a judge, you will use your legal skills to the best of your ability to represent your client. You may have the opportunity to argue defense cases for part of your career, and you may also have the chance to argue for the prosecution. You will also build a reputation as you continue to practice. Through hard work, you will find that the law is a rewarding, flexible career.

By Elizabeth Ai-Lan Referente and Anthony Referente

KHẢO CỨU ĐÔNG Y:

CHỨNG ĐAU DÂY THẦN KINH HÔNG (SCIATICA) VÀ LIỆU PHÁP ĐẶC TRỊ ĐÔNG Y



Lời mở đầu:

-Theo thống kê, trên thế giới hiện nay có hơn 30 triệu người đang rên khóc hàng ngày bởi cơn đau vùng thắt lưng hành hạ, trong đó người Việt Nam chiếm tỷ lệ đến 37%.

-Nếu như bệnh tim mạch, ung thư được xếp vào loại đáng sợ nhất vì có sức giết người nhanh nhất hoặc chưa có thuốc đặc trị, thì chứng đau dây thần kinh hông

cũng là loại tai họa khủng khiếp mà bất cứ ai, độ tuổi nào cũng có thể gặp, dẫn tới hệ lụy bị tật nguyền.

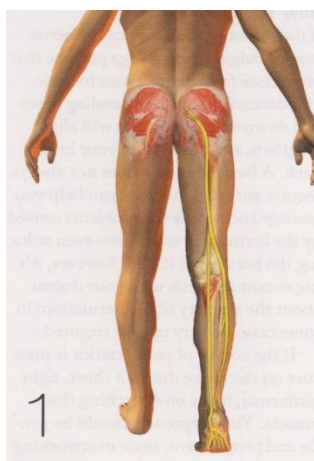
Đông Y Sĩ Cảnh Thiên

Cựu SVLK Sài Gòn (1961-1962)

GIẢI PHẪU SINH LÝ

Thuật ngữ y khoa gọi đau dây thần kinh hông là **sciatica** hay **sciatic nerve**, còn người Việt quen gọi là ‘**đau thần kinh tọa**’. Chữ ‘**tọa**’ là mông, chỉ phần tiếp xúc với chỗ ngồi, nhưng bệnh lý không chắc ‘**khai sinh**’ ở đây.

Trước hết, chứng đau dây thần kinh hông là gì? Theo cơ thể học, là chứng đau rễ thần kinh thắt lưng V và rễ cùng I. Chữ ‘**rễ**’ mang hàm nghĩa ‘**gốc**’, chỉ nơi phát xuất cơn đau hay nguyên nhân gây bệnh. Dựa vào cấu trúc cơ thể học, Bác sĩ Heinerman, Hoa Kỳ, giải thích:



-Bên trong xương sống của chúng ta có chứa hai thành phần quan trọng: hành tủy (*medulla oblongata*) tức phần thân não đối với tủy sống và dây thần kinh (*nerves*).

-Tại vùng thắt lưng có rất nhiều rễ dây thần kinh từ tủy sống ‘**chui**’ qua các khe xương sống và xương hông để đi xuống đùi, cẳng chân, gót

Dựa vào giải phẫu sinh lý, cấu trúc và vận hành của dây thần kinh hông được lý giải khá tỉ mỉ như sau (hình 1):

*Dây thần kinh hông được cấu tạo bởi hai rễ: rễ lưng V và rễ cùng I thuộc đám rối cùng.

*Tủ chậu hông, dây thần kinh hông chui qua lỗ mề hông to, chạy qua giữa ụ ngồi và mấu chuyển lớn của xương đùi, chui sâu vào mặt sau đùi đi đến khoeo chân.

*Đến đây, dây thần kinh hông phân làm hai nhánh tại vị trí trên nhượng chân chừng 10 cm: một đi thẳng xuống gót chân qua nhượng chân, một đi lệch ra phía ngoài theo hình chớp chạy xuống mắt cá ngoài và kết thúc ở các đầu ngón chân.

*Mặt khác, cũng cần biết thêm vai trò của rễ thần kinh thắt lưng V và rễ cùng I.

-Rễ thần kinh thắt lưng V: Có chức năng chỉ huy các cơ cẳng chân trước ngoài như gập lưng bàn chân và duỗi các ngón chân hoặc đi trên các ngón chân, chỉ huy cảm giác một phần mặt sau đùi, mặt trước ngoài cẳng chân hướng đến ngón cái và các ngón lân cận.

-Rễ thần kinh, đoạn cùng I: Có chức năng chỉ huy các cơ cẳng chân sau như duỗi bàn chân, gập các ngón chân khi đi trên mũi chân, phản xạ gân gót. Về chức năng cảm giác thì chỉ huy cảm giác mặt sau đùi, mặt sau cẳng chân, bờ ngoài bàn chân và lòng bàn chân ở 2/3 phía ngoài.

chân và kết thúc tại các ngón chân.

NGUYÊN NHÂN VÀ TRIỆU CHỨNG

Giờ lại lịch sử y khoa thời cổ đại, vào thế kỷ thứ 5 trước Công Nguyên, các thầy thuốc đã biết chữa đau dây thần kinh hông và từng cho đĩa hút máu chỗ đau nhưng ai cũng biết đây không phải là phương pháp điều trị ‘chính qui’. Một nhóm Bác sĩ khác lại dùng than đá hơ nóng chuôm lên chỗ đau, lúc đầu cảm giác dễ chịu nhưng hết nóng thì bệnh trở lại như cũ. Đến thế kỷ 20, nhiều Bác sĩ cổ suý phương pháp dùng kem bôi da và chích thuốc giảm đau. Dĩ nhiên cũng không thành công. Như vậy, suốt 2,500 năm qua, đã có hàng chục triệu bệnh nhân chịu đựng sự ‘nhục hình’ do cơn đau vùng thắt lưng hành hạ. Và cho đến lúc này, đầu thế kỷ 21, căn bệnh quái ác vẫn còn đó. Quả là kẻ thù đáng nể!

Trở lại vấn đề, khi đối diện với một vài triệu chứng mang tính cổ điển, thường dẫn dắt các Bác sĩ đến kết luận ‘hung thủ’ do thoát vị đĩa đệm (*herniated disk*) tại khu vực cột sống thắt lưng. Vấn đề trở nên nghiêm trọng đến nỗi nhiều Bác sĩ nhanh chóng chuyển bệnh nhân đến bệnh viện hoặc Bác sĩ chuyên khoa về xương để chụp hình, kéo xương, giải phẫu cột sống, chích thuốc chống đau v.v..

Sự thực vấn đề nằm ở đâu? Nhận định ban đầu của các Bác sĩ rất đúng, có thể do chấn thương cột sống, xương sống tăng sinh (mọc gai), lõi đĩa đệm...Tuy nhiên, ít ai ngờ tới ‘hung thủ’ lại là một bắp thịt nhỏ xíu nhưng cực kỳ lợi hại mang tên **cơ hình quả lê** (*piriformis*), nằm sâu bên trong lỗ xương hông (hình 2). Khi cơ hình quả lê bị viêm hay bị bó chặt sẽ gây chứng đau thần kinh hông.

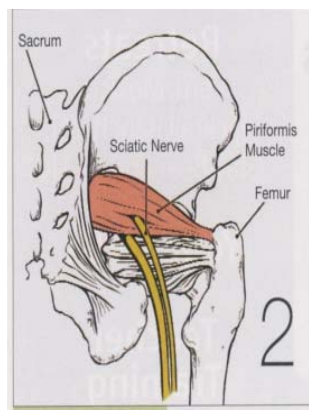
Theo thống kê năm 2007 của Cơ Quan Y Tế Công Cộng Hoa Kỳ (United States Public Health Service) cho biết, gần 70% trường hợp đau thần kinh hông là do cơ hình quả lê. Vậy thì làm sao chứng minh cơ piriformis là thủ phạm? Trước hết, đau và tê là hai triệu chứng đặc trưng. Tiếp theo, cơn đau thường phát xuất từ vùng thắt lưng hoặc dưới thắt lưng truyền qua xương mông, xuống đùi, xuống cẳng chân và bàn chân. Tê mất cảm giác cũng là dấu hiệu thường gặp qua trạng thái: tê từ đùi lan xuống cẳng chân, bàn chân, ngón chân. Sau đây là 5 chỉ dấu điển hình:

1. Đau lưng, đau hông, đau đùi, đau vòng ra mặt ngoài chân và chạy xuống ngón chân thứ tư. Cơn đau có cảm giác như kim châm vào da thịt.

2. Đi đứng khó khăn vì thấy căng bắp thịt, cứng gân, tệ hại nhất ở nhượng chân, cổ chân và ngón chân.

3. Cảm thấy nóng rát như bị bỏng lửa tại vùng thắt lưng hoặc ở vùng mông, có khi ở đùi hay bàn chân.

4. Cảm thấy đau nhiều khi ngồi xuống. Đứng hoặc đi thường xuyên sẽ giảm đau. Tuy vậy, triệu chứng tê rần mất cảm giác vẫn duy trì.

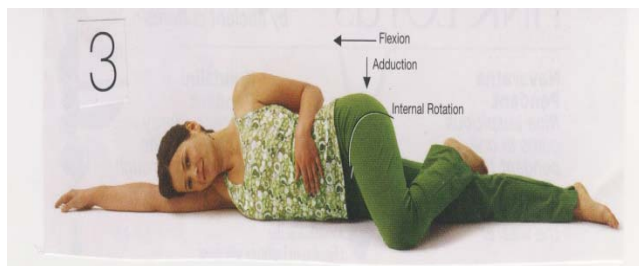


đây thần kinh hông hoặc cơ hình quả lê bị viêm nặng hay nhẹ.

LIỆU PHÁP ĐẶC TRỊ ĐÔNG Y

I. TÁM (08) THẾ TẬP YOGA:

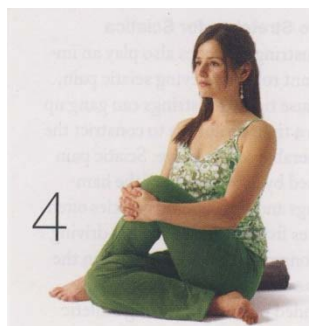
-Thế thứ nhất (hình 3): Nằm nghiêng một bên, tay và



chân bên nằm nghiêng duỗi thẳng, đầu tựa lên cánh tay duỗi trong khi tay kia co lại gác lên hông, bàn tay ôm nhẹ bụng và chân co lại gác cổ chân lên nhượng chân duỗi.

Động tác thực tập: Giữ chân ở thế co độ một phút rồi duỗi dài ra chậm rãi, sau đó co lại như động tác ban đầu. Lập đi lập lại 5 lần rồi đổi thế nằm, tức thay đổi chân.

Tập thế này, lúc đầu cảm thấy đau khi co chân lại nhưng càng về sau cảm giác đau càng giảm dần.



-Thế thứ hai (hình 4):

Ngồi xuống sàn với tư thế co hai đầu gối lại.

Động tác thực tập: Một chân co lại và khép cổ chân vào sát mông trong khi chân kia gác chéo qua đùi của chân co, hai bàn tay ôm lấy đầu gối

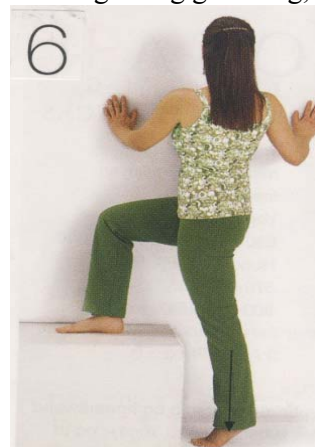
của chân vừa bắt chéo, giữ lưng thẳng, mặt nhìn thẳng ra trước. Giữ như vậy độ một phút rồi đổi thế, tức đổi chân. Lập đi lập lại mỗi bên 5 lần.



-Thế thứ ba (hình 5): Ngồi xuống sàn với tư thế co hai đầu gối lại (giống thế tập thứ hai).

Động tác thực tập: Chân phải co lại và khép cổ chân vào sát hông trong khi chân trái gác chéo qua đùi

của chân phải. Cánh tay phải tỳ qua đầu gối chân trái (nhằm mục đích giữ chặt không cho lay động) trong khi cánh tay trái duỗi dài và áp bàn tay xuống sàn phía sau lưng. Lưng giữ thẳng, đầu nghiêng về phía trái.



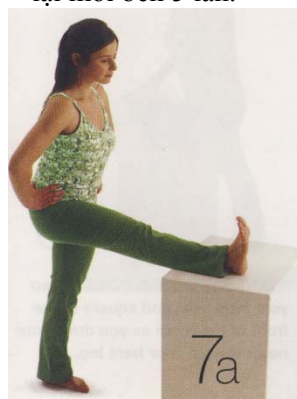
Giữ như vậy độ một phút rồi đổi tư thế (qua chân trái và tay trái). Lập đi lập lại mỗi thế 5 lần.

-Thế thứ tư (hình 6): Đứng thẳng sát tường.

Động tác thực tập: Hai bàn tay áp lên tường ở vị trí cao gần ngang vai, chân phải co lại và đặt bàn chân lên một chiếc ghế (đặt sát

tường ở phía bên cánh tay trái) có chiều cao bằng đầu gối, bàn chân phải đặt song song với tường trong khi nhón gót chân trái lên, dồn cả sức nặng lên 5 đầu ngón chân. Mặt nhìn thẳng vào tường.

Giữ như vậy độ một phút rồi đổi tư thế. Lập đi lập lại mỗi bên 5 lần.



Tác dụng: Thế tập này giúp xương sống, đặc biệt các khớp xương vùng thắt lưng, chuyển động như bị vận nhẹ. Nhờ đó, tình trạng các khớp bị dấn hoặc thần kinh hông bị chèn ép có cơ hội mở rộng, dần dà được cải thiện và phục hồi chức năng.

-Thế thứ năm (hình 7a): Đứng thẳng, hai bàn tay chống

nạnh.

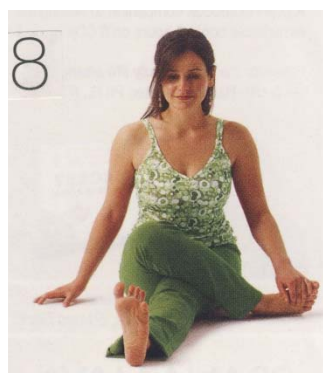
Động tác thực tập: Đặt chân phải lên mặt ghế có chiều cao bằng hoặc cao hơn chiều cao đầu gối một chút,

chân duỗi thẳng, bàn chân hướng thẳng lên trời, lưng cũng giữ thẳng.

Giữ tư thế này độ một phút rồi đổi qua chân trái. Lập đi lập lại mỗi bên 5 lần.

-Thế thứ sáu (hình 8): Ngồi xuống sàn.

Động tác thực tập: Chân trái duỗi thẳng, bàn chân hướng trên trời. Chân phải co lại và choàng qua gối chân trái. Dùng bàn tay trái giữ chặt bàn chân phải trong khi tay phải duỗi thẳng và áp bàn tay xuống sàn, cách hông phải chừng 40 cm nhằm giữ thế thẳng bằng. Lưng giữ thẳng, mặt nhìn về trước.



Giữ tư thế này độ một phút rồi đổi thế tập (qua chân phải). Lập đi lập lại mỗi bên 5 lần.

-Thế thứ bảy (hình 9):



Chuẩn bị: Đặt trước mặt một chiếc ghế hoặc thùng gỗ, chiều cao bằng 3/4 chiều dài chân người tập.

Động tác thực tập: Đứng sát ghế, co gối lại, đặt đùi phải và cẳng chân phải áp sát lên mặt ghế. Dùng bàn tay trái giữ bàn chân phải trong khi bàn tay phải tì lên mép ghế để giữ thẳng bằng. Lưng giữ thẳng,

mặt nhìn về trước.

Giữ tư thế này độ một phút rồi đổi qua chân trái.

Lập đi lập lại mỗi bên 5 lần.

-Thế thứ tám (hình 10): Ngồi xuống sàn.

Động tác thực tập: Chân phải co lại, khép gót chân áp sát vào hông trái. Hai cánh tay dang rộng và tì 10 ngón tay lên mặt sàn

để giữ thẳng bằng trong khi chân trái duỗi thẳng ra phía sau như hình đuôi cá, 5 ngón chân bám lấy mặt sàn.

Giữ yên động tác này độ một phút rồi đổi thế tập (qua chân trái). Lập đi lập lại mỗi bên 5 lần.



Ghi chú: Trong 8 thế tập Yoga trị chứng đau thần kinh hông, thế thứ tám được coi là thế khó nhất, đau nhất nhưng hiệu quả cao nhất. Mỗi ngày tập 1 hoặc 2 lần. Nếu kiên nhẫn thực hành liên tục từ 7-30 ngày, phần đông bệnh khỏi hoặc giảm đau một cách đáng kể.

II: DỤNG DƯỢC:

Đông y học nói chung, y học cổ truyền Việt Nam nói riêng, từng có kinh nghiệm chữa trị chứng đau thần kinh hông qua bệnh lý ‘đau thần kinh tọa’, ‘tọa cốt thống’ hoặc ‘yêu thống’. Sách ‘Nam Dược Thần Hiệu’ của danh y Tuệ Tĩnh, tại Chương VI, mục ‘Đau lưng’, có qui kết 4 tác nhân gây bệnh: ‘do thận âm suy, bị đánh ngã ú huyết, khí không đủ hoặc do Phong, Hàn, Thấp làm hại’. Thuật ngữ ‘Khí không đủ, Phong, Hàn, Thấp’ của Đông y tương đồng với bệnh lý suy yếu, vi khuẩn, vi trùng, viêm, sưng, bế tắc của Y học hiện đại.

Về phương dược, danh y Tuệ Tĩnh có hướng dẫn một số vị thuốc điều trị hiệu quả. Sau đây là 2 phương dược tiêu biểu:

1. Lộc nhung (sừng non hươu, nai):

-Cách làm: Thái phiến mỏng, bôi sữa tươi, nướng vàng, xay bột mịn.

-Cách dùng: Ngày uống 2 lần, mỗi lần 4 grams với rượu thì lạnh.

-Ghi chú: Nếu không có Lộc nhung, có thể thay bằng Lộc giác (gạc hươu, tấc sừng già hươu, nai). Đốt chín, tán bột. Ngày uống 2 lần, mỗi lần 8 grams với rượu vào lúc bụng đói, rất hay.

2. Thổ ty tử tán:

-Công thức: Hạt tở hồng vàng (thổ ty tử) 40 grams + rễ cỏ xước (xuyên ngưu tất) 40 grams.

-Cách làm:

.Cho hạt tở hồng vào tô nước, vớt bỏ hạt lép (nổi trên mặt), chỉ chọn phần hạt tốt (chìm dưới đáy tô). Rửa cỏ xước, rửa sạch, thái nhỏ.

.Cho cả hai vị thuốc vào thổ sành, đổ ngập rượu, ngâm qua đêm.

.Sáng hôm sau vớt thuốc ra, đem sấy hoặc phơi thật khô, xay bột mịn.

.Dùng rượu ngâm còn dư trộn bột thuốc, khuấy thành hồ dẻo, vò viên bằng hạt bắp, sấy khô.

-Cách dùng: Ngày uống 2 lần, mỗi lần 20-30 hoàn với nước ấm vào lúc bụng trống. Rất hay.

Với những trường hợp bệnh nặng do lồi đĩa sụn hoặc viêm dây thần kinh gây đau nhức khủng khiếp, lưng

cứng khó xoay trở, chân tê, yếu mỏi, đi đứng khó khăn..., các thầy thuốc Đông y cũng có một số phương thang tổng hợp (gồm nhiều vị thuốc) đặc trị, vừa kháng viêm vừa phục hồi chức năng dây thần kinh hông. Sau đây xin giới thiệu 2 bài thuốc được xếp vào hàng ‘kinh điển’:

1. Bài ‘Gia vị thuốc được cam thảo thang’:

-Biện chứng Đông y: Do cân mạch tổn thương, bế tắc, khí huyết ứ trệ.

-Pháp trị: Thử cân, hoạt lạc, hóa ứ, chỉ thống.

-Công thức: Sinh bạch thuốc 50 gr + Chích cam thảo 50 gr + Sinh hoàng kỳ 30 gr + Tử đàn sâm 20 gr + Diên hồ sách 15 gr + Chế thảo ô 10g + Chế nhũ hương 6 gr + Chế một dược 6g.

Đổ nước sắc uống mỗi ngày một thang, 20 thang là một liệu trình điều trị. Sau khi bệnh giảm hoặc khỏi, có thể chế biến dạng thuốc tễ để củng cố sức khỏe lâu dài.

2. Bài ‘Tân phương quế chi thang’:

-Biện chứng Đông y: Do Phong, hàn, thấp tý bế tắc kinh lạc.

-Pháp trị: Tán hàn, khử thấp, thông kinh hoạt lạc.

-Công thức: Sinh hoàng kỳ 60 gr + Tang ký sinh 30 gr + Sao ý dĩ nhân 30 gr + Lộc giác sừng 30 gr + Tử đàn sâm 20 gr + Cẩu tích 20 gr + Xuyên tặc đoạn 20 gr + Xuyên đồ trọng 20 gr + Bạch phục linh 12 gr + Phòng phong 12 gr + Hoài ngưu tất 12 gr + Xuyên độc hoạt 12 gr + Xa tiền tử 10 gr + Nhục quế 3 gr.

Đổ nước sắc uống ngày một thang, 20 thang là một liệu trình điều trị. Sau khi bệnh giảm hoặc lành, có thể chế biến dạng thuốc tễ để củng cố sức khỏe lâu dài.

* * * * *

Kết luận: Không ai muốn có bệnh nhưng bệnh ập đến bất cứ lúc nào, trong đó đau thần kinh hông là loại bệnh khá phổ biến mà giới cao niên thường đối mặt và ứng phó hàng ngày. Với chút kinh nghiệm sau gần 50 năm theo nghiệp Đông y nhưng bằng tất cả tấm lòng kính nhớ thầy bạn dưới mái trường Luật Khoa Sài Gòn trước 1975, xin dâng hiến sự hiểu biết nhỏ nhoi này như phong pháo đỏ chào mừng ngày Đại Hội Luật Khoa toàn thế giới năm 2010 tại Houston, Texas, Hoa Kỳ.

Đông Y Sĩ Cảnh Thiên - Đào Văn Thảo
cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn 61+62.

Biên khảo:



TS Nguyễn Minh Triết

CHIẾN TRANH VÀ THƠ

LTS. Tác giả Nguyễn Minh Triết, cựu sinh viên Cao học Đại học Luật khoa Sài Gòn, tốt nghiệp Cao Học Hành Chánh Việt Nam và Tiến sĩ điện toán Hoa Kỳ. Đặc san Luật khoa trân trọng giới thiệu bài biên khảo công phu có giá trị “Chiến tranh và Thơ” của tác giả đến quý độc giả, đặc biệt là các đồng môn Luật khoa Sài Gòn.

Từ thuở xa xưa chiến tranh là một sự kiện dính liền với cuộc sống loài người. Từ khi xã hội loài người được thành hình sự va chạm quyền lợi đã xuất hiện đưa đến tranh chấp và chiến tranh. Lịch sử của con người là lịch sử của một chuỗi dài chiến tranh. Chiến tranh theo thời gian đã thay đổi bộ mặt đi từ thô sơ đến tàn bạo và khốc liệt. Những hệ lụy và khổ đau do chiến tranh gây ra cho con người cũng gia tăng theo sự tiến bộ của nền văn minh nhân loại đi từ giáo mác đến thuốc súng rồi đến sức mạnh vạn năng của nguồn lực nguyên tử.

Trong khi đó thơ là khả năng chuyển hóa những cảm hứng rạt rào trong hồn cũng như những đớn đau bất hạnh của cuộc sống thành những câu thơ ý nghĩa có vần điệu. Và thi nhân là những người có tâm hồn dễ xúc cảm, luôn sẵn sàng “rung với gió, mơ theo trăng, và vơ vẩn cùng mây” để viết lên những câu thơ cho người đời ngâm nga và yêu mến. Nhờ thi nhân mà tất cả những biến động của cuộc sống bên trong và bên ngoài của con người đều được ghi lại trong các tác phẩm thi ca từ thế hệ này qua các thế hệ khác.

Trong các tác phẩm văn học đầu tiên của nhân loại còn được lưu đến ngày nay hầu hết đều được tìm thấy dưới dạng thơ. *Kinh Vệ đà* của Ấn độ ra đời khoảng 1500 năm trước Công nguyên, *Kinh Thi* của Trung Hoa, khoảng 1200 năm trước công nguyên hay những sử thi *Iliad* và *Odyssey* của phương tây xuất hiện vào khoảng 800 năm trước công nguyên đều là những tác phẩm có vần. Nguyên do có thể vì thơ dễ nhớ do đó dễ truyền khẩu và truyền bá trong dân gian, đặc biệt là trong giai đoạn xã hội chưa có chữ viết. Như vậy có thể nói Thơ là hình thức văn học lâu đời nhất của con người hay nói cách khác thơ và con người đã có những liên hệ chặt chẽ từ lúc ban sơ. Và cuộc sống của con người trong giai đoạn này luôn được phản chiếu trong thơ cho nên qua thơ ta có thể tìm thấy lại những diễn biến và những thăng trầm của cuộc sống

con người trong quá khứ, cũng như những bài học ghi lại cho đời sau.

Kinh Vệ Đà (Vedas) của Ấn Độ xuất hiện vào khoảng 1500 năm trước công nguyên là một sưu tập gồm mấy ngàn bài thơ, bài ca, cùng những bài niệm chú, và nghi thức tế lễ. Đây là một tài liệu về tôn giáo cổ nhất của nhân loại còn tồn tại cho đến ngày nay. Bên cạnh những giá trị về tôn giáo, *Kinh Vệ Đà* còn cho thấy cuộc sống hằng ngày đặc thù của người dân Ấn độ gần bốn ngàn năm trước.

Mấy trăm năm sau *Kinh Vệ Đà* ở Trung Hoa khoảng thời Xuân Thu (tức từ thế kỷ XI đến thế kỷ VI trước công nguyên) một tác phẩm thi ca khác xuất hiện là *Kinh Thi*. Đó là một sưu tập các bài thơ dân gian có từ trước thời Khổng Tử, đề cập tới mọi khía cạnh của cuộc sống xã hội trong thời kỳ đầu của nước Tàu như lao động với tình yêu, chiến tranh với sưu dịch, áp bức với chống đối, phong tục với hôn nhân, cúng tế tiên với yến tiệc, thậm chí bao gồm cả thiên văn, địa lý, động vật, thực vật v.v... Những bài thơ này về sau được Khổng Tử san định thành 305 bài nhằm giáo dục mọi người có tình cảm lành mạnh và cách thức diễn đạt tình cảm đó một cách rõ ràng và trong sáng. *Kinh Thi* dần dần trở thành mẫu mực trong giáo dục và trong xã giao.

Tuy nhiên ngày nay, theo nhiều nhà nghiên cứu, *Kinh Thi* là tập thơ do các quan âm nhạc triều Chu sưu tập, dựa trên công trình tìm kiếm của các nhạc công những nước chư hầu. Thêm vào đó còn có các sáng tác của các thi nhân và quý tộc soạn để phổ nhạc. Nhưng về sau chỉ ghi lại được phần lời là 305 bài thơ còn lại đến ngày nay. Trong quá trình biên soạn và sử dụng *Kinh Thi*, các quan âm nhạc và các nhà quý tộc, trong

đó có cả Khổng Tử, đã chỉnh lại, sắp xếp ít nhiều về nội dung cũng như hình thức.

Vì bản chất tự tại và nội tại của thi ca là khả năng giao cảm giữa người và sự vật nên *Kinh Thi* cho thấy từ buổi bình minh của nhân loại, thơ đã biểu hiện sự bình đẳng trong mối tương giao giữa người và vạn vật. Ngoài ra, tính chân thật, súc tích và tự do của *Kinh Thi* được xem như những mẫu mực nghệ thuật mà thi ca thời nào cũng muốn đạt được. Nhờ *Kinh Thi* đã thấm sâu vào tâm hồn của mọi tầng lớp dân chúng trong xã hội Trung Hoa từ hàng sĩ phu đến giai cấp bình dân nên đến thời đại nhà Đường văn học Trung Hoa đã nở hoa thành giai đoạn thịnh trị của thi ca mà những tên tuổi của các đại thi sĩ như Thi pháp Vương Duy (699-761), Thi tiên Lý Bạch (701-762), Thi thần Đỗ Phủ (712-770)... đã vang danh khắp Đông Á và để lại nhiều dấu ấn trong văn học Việt Nam cũng như về sau được văn học thế giới ca ngợi.

Vì *Kinh Thi* được hình thành trong giai đoạn nước Tàu có nhiều chiến tranh và loạn lạc nhất là trong giai đoạn Xuân Thu Chiến quốc nên rất nhiều bài thơ trong *Kinh Thi* nói về cảnh chiến tranh, cảnh lầm than của các nạn nhân chiến cuộc, cũng như những cảnh người dân bị áp bức và chống đối....Như vậy từ thuở xa xưa thơ và chiến tranh đã luôn gắn bó với nhau và nhờ thơ mà cuộc sống con người được ghi chép lại cho hậu thế.

Ở nước ta không có tài liệu nào cho biết đích xác thơ có từ bao giờ, nhưng có một điều chắc chắn là dân Việt Nam rất yêu mến thơ và ca dao là một kho tàng thi ca truyền khẩu to lớn đã tồn tại cùng dân tộc rất lâu đời. Dân tộc ta không có may mắn có được một người như Khổng Tử sưu tập và san định tất cả những bài ca dao dân gian đó thành một bộ “*Kinh Thi*” cho Việt Nam. Tuy nhiên, từ lúc có chữ Nôm và chữ Quốc ngữ, ca dao cũng đã được nhiều nhà nghiên cứu văn học dân gian sưu tập và in lại thành sách. Trong số này cuốn *Nam Phong Giải Trào* được Trần Danh Án (1754-1794) soạn vào cuối thời nhà Lê và sau được kế tục bởi Ngô Đình Thái và Trần Doãn Giác là tập sách sưu tập ca dao xưa nhất của Việt Nam.(1)

Ngoài ca dao đã có từ lâu đời về phương diện văn học chánh danh, theo nhiều sử liệu bài thơ *Vương Lang Quy* của sư Khuông Việt viết vào năm 987 có thể được xem như bài thơ đầu tiên của lịch sử văn học Việt Nam. Nguyên vào năm 987 có phái bộ của Tàu do Lý Giác cầm đầu đến thăm Việt Nam. Vua Lê Đại Hành đã nhờ sư Khuông Việt và Pháp Thuận cùng đứng ra đón tiếp. Trước khi Lý Giác ra về, vua Lê Đại Hành đã ra lệnh cho sư Khuông Việt viết một từ khúc để tiễn

đưa phái bộ. Từ khúc là một hình thức thơ phổ nhạc khá phổ biến thời bấy giờ.(2)

Trong suốt quá trình tiến hóa của văn học Việt Nam thơ luôn giữ một vai trò quan trọng. Thơ là một phần quan yếu của chương trình đào tạo văn quan và cả võ quan trong suốt thời kỳ phong kiến. Cho nên trong lịch sử Việt Nam có rất nhiều nhân vật từ vua chúa cho đến các quan văn, quan võ đều làm thơ và đã để lại cho đời sau nhiều bài thơ giá trị. Ngoài vai trò văn học thơ nhiều lúc còn được dùng như một vũ khí chống xâm lăng sắt bén. Các vua như Trần Nhân Tông, Lê Thái Tổ khi đích thân chỉ huy ba quân đi đánh Lào hay Chiêm Thành đều có làm nhiều bài thơ cảm hứng từ những cuộc thân chinh này. Các văn quan, võ tướng như Trần Quang Khải, Lý Thường Kiệt, Đặng Dung, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trãi, Nguyễn Công Trứ...v.v... cũng đều để lại cho đời sau nhiều bài thơ về chiến tranh nổi tiếng trong văn học Việt Nam.

Trong khi đó ở phương Tây, hai tác phẩm thi ca truyền khẩu xưa nhất còn lưu lại đến ngày nay là *Iliad* và *Odyssey* mà Homer được xem như là tác giả. Sử thi *Iliad* đã xuất hiện vào giữa thế kỷ thứ VIII trước công nguyên gồm 24 bài thơ viết về giai đoạn liên quân Hy Lạp đánh chiếm thành Troy, là một thiên anh hùng ca không có anh hùng, chỉ có những con người đầy phần nộ và cuồng bạo hành động với đầy toan tính và thủ đoạn. Tất cả những con người đó cùng với dân lành trầm luân trong khổ đau và oan khiên vì đã gây ra chiến tranh và chịu hậu quả tàn khốc của chiến tranh.

Sử thi *Odyssey* cũng gồm 24 bài thơ chép lại quãng đời 20 năm phiêu lưu, mạo hiểm đầy thơ mộng của Odysseus trên đường trở về cố quốc Ithaca sau chiến thắng thành Troy. Nếu *Iliad* là một thiên anh hùng ca, trong đó thần thánh đồng lõa và đồng nghĩa với người trần, thì *Odyssey* có thể xem như cuốn tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm đầy mộng ảo đầu tiên của loài người viết bằng thơ. Sự phổ biến về ý nghĩa của tác phẩm này rất rộng rãi đến nỗi về sau chữ “*odyssey*” đã biến thành danh từ chung và có nghĩa là một cuộc phiêu lưu thần kỳ.

Sử thi *Iliad* thiết thực tổng hợp một quá khứ chiến tranh để rút tía bài học cho hòa bình hiện tại và là tác phẩm nghệ thuật đầu tiên của loài người xung tụng tình nhân loại trùng hợp với quan niệm đã phá chiến tranh của Mặc Tử sau này. Trong khi *Odyssey* là một tác phẩm đầy mộng ảo, huyền hoặc, mở rộng vào tương lai, vào cõi an bình, điền viên dân dã, với khả năng chinh phục và bảo tồn những miền đất mới. Đối lập trong tiêu đề, khác nhau trong phong cách, nhưng cả hai sử thi *Iliad* và *Odyssey* đều cùng ca tụng tính

chất thuần túy thi ca là vươn lên cái đẹp và kết hợp tình người,

Như vậy, từ thuở nguyên sơ thơ đã hiện diện trong cuộc sống con người. Càng về sau thơ càng nở rộ và gắn chặt với các diễn biến của cuộc sống con người hơn qua các thời đại. Mặt khác, diễn biến của cuộc sống con người là một cuộc tranh đấu không ngừng giữa con người với thiên nhiên và giữa con người với nhau. Vì tranh sống nên phải chạm trán nhau cho nên lịch sử nhân loại là một chuỗi dài những cuộc chiến tranh, một chuỗi dài những cơn gió bụi. Và cơn gió bụi nào cũng để lại trong thơ bao nhiêu là đau thương và nước mắt, tình yêu và tan vỡ, chia ly và chết chóc, hận thù và oán than.

Mới nhìn qua thơ và chiến tranh về bản chất khó mà dung nạp nhau vì một bên là dịu dàng, thương yêu, ca tụng cái Đẹp, một bên là sắt máu và hận thù cô vũ cho sự tàn bạo. Chiến tranh chia cắt thân xác con người ra từng mảnh (dismember) và tung rải khắp nơi trong khi thi ca kết hợp và tưởng nhớ (re-member) những mảnh vụn của thân xác và linh hồn sống trong đó bằng những lời thơ hoa mỹ. Kỹ thuật chiến tranh là tàn phá từ con người đến các đội quân và thành trì để chiến thắng trong khi đó kỹ thuật của thi ca là xây dựng và kết nối ngôn ngữ bằng mọi cách để xúc động được con tim và làm giàu thêm cho tâm hồn. Trong lịch trình tiến hóa của chiến tranh, chiến lược, chiến thuật và vũ khí mới phải có tác dụng làm vô hiệu hóa những chiến thuật, chiến lược, vũ khí cũ trong khi đó trong lịch trình tiến hóa của thi ca cho dù tác phẩm thơ nổi tiếng độc đáo cũng thường dựa vào những nề nếp cũ và trong cấu trúc cũng phản chiếu nhiều hình thức và tư tưởng của thời trước. Nói một cách khác, chiến tranh xóa bỏ quá khứ trong khi quá khứ nuôi dưỡng thi ca.

Tuy nhiên, thi ca và chiến tranh vẫn có nhiều điểm giống nhau vì không phải lúc nào chiến tranh cũng xóa bỏ quá khứ. Những quân nhân chuyên nghiệp cũng thường tìm về quá khứ để học hỏi và rút kinh nghiệm từ các chiến pháp, hoặc từ các giá trị và kỹ năng quân sự của người xưa. Trong lãnh vực này nhiều khi họ lại rất bảo thủ đôi khi đến mù quáng. Một thí dụ điển hình là trong giai đoạn nước Nhật mở cửa để tiếp nhận các kỹ năng quân sự của phương tây các samurai của Nhật đã ương ngạnh chối bỏ và đương đầu với sự hữu hiệu của súng và thuốc súng vì sợ kỹ năng kiếm pháp tuyệt vời của họ bị mai một. Phim The Last Samurai được chiếu gần đây có nhắc đến và diễn lại cảnh các tay kiếm samurai ly khai đã mù quáng đương đầu và ngã quy trước các họng súng của binh đoàn hoàng gia Nhật được các cố vấn phương tây huấn luyện.

Như vậy, chiến tranh và thơ tuy rất khác nhau về bản chất nhưng lại có số mạng phải kết hợp và hòa quyện vào nhau rất chặt chẽ từ lâu đời. Từ lâu đời thi nhân đã viết nhiều về chiến tranh và chiến tranh đã hiện diện đầy đủ trong thơ. Vì chiến tranh mang nhiều bản sắc, đa dạng và rất phức tạp mà báo chí và các phương tiện truyền thông chỉ tường trình sự kiện nên không phản ánh đầy đủ được hết mọi khía cạnh của các cuộc chiến. Thi ca ngoài việc ghi lại sự kiện còn đảm nhận vai trò tỏ bày, trao gửi những ưu tư, những thực trạng của xã hội, và những dấu tích của tư tưởng. Thi ca rất thích hợp trong việc diễn tả tánh cách siêu thực của chiến tranh vì bản chất của thơ là diễn tả bằng hình ảnh sinh động và ngôn ngữ súc tích. Thơ thường nói được nhiều hơn văn xuôi, ngôn ngữ thơ thường hàm súc nhiều gấp hai hay ba lần ngôn ngữ văn xuôi. Bằng cách dùng ẩn dụ, tỉ giáo và nhân cách hóa, thơ cho ta những so sánh sống động, tạo ra cảnh tượng, và cả những mùi vị cho đọc giả thưởng lãm. Ngoài ra, nhịp điệu và âm sắc của thơ cũng góp phần trong việc diễn giải và truyền đạt nguồn xúc cảm về chiến tranh đến người đọc. Một nền văn chương có giá trị bao giờ cũng bày tỏ được thái độ và ý thức của người làm văn chương trước xã hội. Chiến tranh càng khốc liệt, văn chương càng phát sinh ra những sáng tạo bi thiết. Sáng tạo đó cũng là một lối xử thế, một thái độ trước cuộc đời, mang ý nghĩa một đối thoại với đời, với người. Đối thoại với một tinh thần thẳng thắn, nghiêm trang như là một hành động thuộc về trí thức.

Hơn nữa, chiến tranh cũng là một khía cạnh của cuộc sống con người nên chiến tranh không thể không có mặt trong thi ca được. Giữa cô đơn và chết chóc, người lính dễ quay về với thơ để tỏ bày, để gởi gắm, để một mình tâm sự với mình. Khi cô đơn và cận kề hiểm nguy tâm hồn ta tưởng nhớ đến cái gì? Những toan tính về quyền lực hay những ham muốn về tiền bạc chắc khó lọt vào tâm hồn ta những lúc ấy. Còn gì thích hợp bằng một bài thơ chia sẻ được trạng thái tâm hồn ta lúc đó bằng ngân vang hay một bài hát nằm sâu trong tiềm thức chọt lên tiếng. Nếu người lính lại là bạn của Nàng Thơ, những bài thơ thời chiến tranh được ra đời ngay trong những giây phút ấy. Nếu không là bạn của Nàng Thơ thì người lính cũng mong gởi gắm và tin tưởng những nhà thơ đồng đội sẽ ghi khắc lại nỗi lòng và hành động của họ để chia sẻ cho muôn đời sau.

Giữa tiếng gầm thét của bom đạn, giữa máu và nước mắt thơ đem đến cho người lính chút dịu mát của ánh nắng đầu ngày. Thơ trong chiến tranh lúc giống như người yêu, lúc giống như người đồng đội, lúc lại giống ánh mắt buồn thăm thăm của mẹ vẫn dõi mắt trông chờ tin con nơi quê nhà. Thơ đến bất chợt như bàn tay mẹ xoa trên lưng con một chiều trước hôm tiễn

biệt. Thơ thiết tha như giọt nước mắt người yêu rơi lặng lẽ lúc chia xa. Thơ an ủi con người trong chiến tranh, thơ khích lệ tinh thần người lính chiến trong những nơi chốn hiểm nguy và thơ cũng nói lên nỗi lòng của những người nơi hậu phương nhớ thương, lo lắng cho người thân nơi tuyến đầu lửa đạn. Chiến tranh khiến thơ được yêu thương hơn, khiến thơ gần với cái sống và cái chết, cũng như gần với nỗi đau và nỗi lòng khát khao được chia sẻ của tất cả những con người lớn lên và sống trong khói lửa. Tóm lại, chiến tranh đem thơ gần lại với con người, đem thơ vào với số phận của con người.

Ngoài ra, chiến tranh cũng là một đề tài sáng tác hấp dẫn cho các thi nhân vì nó đem lại những cảm hứng có tánh cách hùng vĩ khốc liệt và đầy thử thách, những cảm hứng tổng hợp của sức mạnh, của kinh sợ, của khiếp đảm, và của tôn kính ở quy mô lớn. Đối với các thi nhân này, chiến tranh dù khủng khiếp vẫn có nét đẹp riêng của nó cho nên chiến tranh cũng không ra ngoài phạm trù của thi ca. Homer trong *Iliad* đã so sánh cảnh một chiến sĩ bị thương máu chảy thấm đỏ cả đùi đẹp như cảnh một thiếu nữ đang dùng phẩm đỏ son lên một vật trang trí làm bằng ngà.(3) Gần đây, Tim O'Brien trong sách *The Things They Carried* nói về chiến tranh Việt Nam khi tả cảnh những tràng đạn đại liên liên tiếp bắn đi từ máy bay trực thăng trông giống như một tấm màn thép, cảnh những bom napalm bùng nổ những khối lửa màu da cam, cảnh những ánh sáng đỏ lóe ra của đạn rốc két...hoặc cảnh từ trực thăng nhìn những hàng quân tiến lên rất cân đối...đều là những cảnh không những chỉ đẹp mà còn đẹp kinh hoàng được nhìn no mắt. Có thể ta không thích nhìn những cảnh ấy nhưng mắt ta lại thích nhìn vì vẻ đẹp nội tại của nó. Bất cứ trận đánh nào hay bất cứ cuộc oanh tạc hay pháo kích nào cũng mang những nét mỹ học thuần khiết (aesthetic purity) của sự lãnh đạm luân lý tuyệt đối. (4)

Nét đẹp của chiến tranh mà Tim O'Brien ghi nhận cũng đã được thi sĩ William Butler Yeats nhận thấy từ lâu và trong một bài thơ viết vào năm 1916 ông gọi đó là “nét đẹp kinh hoàng” (terrible beauty) của chiến tranh:

*“All changed, changed utterly,
“A terrible beauty is born”.*

*“Tất cả đổi thay, đổi thay hoàn toàn
“Nét đẹp kinh hoàng vừa mới phát sinh”. (5)*

Ở mức độ nào đó, thi ca giúp một nền văn hóa nhớ về quá khứ của nó vì mỗi thi nhân khi sáng tác đều ít hay nhiều bị ảnh hưởng bởi các thi ca và các thi nhân của thời trước. Nhiều bài thơ chiến tranh đã dùng

những nhân vật và hình ảnh của quá khứ để nhằm so sánh và xung tụng sự anh hùng và sự hi sinh của những người đang dấn thân vào những cuộc xung đột đương thời. Tuy nhiên, khi viết về chiến tranh mỗi thi nhân nhắm vào những mục tiêu khác nhau, có thi nhân xung tụng sự can đảm, sự anh hùng, có thi nhân lại oán trách cho sự tàn bạo và hủy diệt của chiến tranh, khóc thương cho những nạn nhân của cuộc chiến, cũng có thi nhân vừa ca ngợi kẻ chiến thắng vừa xót xa cho các nạn nhân... Dù nhắm vào mục tiêu nào, một thi nhân có tài phải biết tận dụng khả năng huyền diệu của ngôn ngữ để tạo nên những câu thơ có ý nghĩa và tiết tấu, biết dùng những hình ảnh của quá khứ để làm sáng rõ hiện tại, biết triển khai sự tinh tế tinh thần cần thiết để xung tụng sự hi sinh và can đảm cũng như hối tiếc cho sự tàn bạo và mất mát do chiến tranh tạo ra. Tóm lại, một nhà thơ chiến tranh có tài phải là người biết xư dụng mọi sức mạnh của ngôn ngữ thi ca để lột tả được hết những “nét đẹp kinh hoàng” của nó.

THƠ CHIẾN TRANH VÀ DANH DỰ

Trong thơ chiến tranh trên bình diện cá nhân các đề tài như danh dự và ô nhục, vinh quang và anh hùng... thường được đề cập đến như những động lực chánh của bạo lực. Trong khi trên bình diện tập thể các đề tài như tinh thần yêu nước, tinh thần thượng võ, tình quê hương, lý tưởng tự do... được các thi nhân khai thác như là động lực chánh gây nên chiến tranh.

Trong các đối tượng đó, ý niệm danh dự hay các hành động anh hùng thường hay được ca tụng rất nhiều trong thơ chiến tranh. Danh dự là sự coi trọng của dư luận xã hội, dựa trên giá trị tinh thần, đạo đức tốt đẹp. Danh dự là một ý niệm đã có từ lâu đời, trước cả ý niệm về quốc gia. Danh dự thời Homer và thời La Mã là được có nhiều chiến lợi phẩm. Đến thời đại của các hiệp sĩ phương tây tay kiếm tay cương dong ngựa khắp đó đây hành thiện giúp đời, danh dự được xác định bằng một cuộc so gươm. Ở phương tây ngày trước khi danh dự của một hiệp sĩ bị vi phạm bao giờ cũng được phục hồi bằng một cuộc so gươm và danh dự bao giờ cũng thuộc về bên chiến thắng. Đến thế kỷ 18 theo sử gia George Lyttelton danh dự trở nên phức tạp hơn và là một sự tách biệt với sự trung thực, đòi hỏi nơi người thượng lưu phải biết ghê tởm mạnh mẽ sự phản bội, sự giả dối, hay sự hèn nhát, và một ý thức tế nhị và nâng cao về phẩm giá của đức hạnh hơn người bình thường. (6)

Trong khi đó, ở trời đông danh dự mang một ý nghĩa đơn giản nhưng linh thiêng không ai được làm ô uế. Khi một kiếm sĩ Nhật bị mất danh dự vì bại trận

trước đối thủ phải biết tự xử bằng tự mổ bụng để phục hồi danh dự đã đánh mất. Ở Việt Nam danh dự cũng được xem có một giá trị luân lý cao, được mọi người trong xã hội trân trọng tôn vinh và nhắc nhở truyền dạy từ thế hệ trước sang thế hệ sau.

Huy hiệu của quân lực Việt Nam Cộng Hòa có 3 chữ vàng “Danh dự - Tổ quốc – Trách nhiệm” gắn liền với chiếc mũ trên đầu của mọi người lính. Trong huy hiệu “Tổ quốc” được đặt giữa và cao hơn “Danh dự” và “Trách nhiệm” nên có thể nói quân lực Việt Nam Cộng Hòa lúc nào cũng đặt Tổ quốc lên trên hết. Quân lực Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) trong suốt quá trình lịch sử của mình đã luôn nâng cao đầu nêu cao danh dự của tổ quốc và quân đội cũng luôn luôn hành xử xứng đáng với trách nhiệm tổ quốc đã giao cho. Tinh thần “chí làm trai dặm ngàn da ngựa / Gieo Thái sơn nhẹ tựa lông hồng” của cha ông từ ngàn xưa lúc nào cũng luân lưu trong dòng máu của những người trẻ Việt Nam. Do đó khi quê hương lên tiếng gọi họ sẵn sàng “giã nhà đeo bức chiến bào” để ra sa trường bảo vệ danh dự cho tổ quốc, làm tròn trách nhiệm của người trai thời loạn. Vì nhu cầu chiến tranh, phần lớn thanh niên Việt Nam đều gia nhập quân đội. Trong một đất nước bị chiến tranh như vậy, những người lính trận chánh là bối cảnh cũng là tác nhân làm nên lịch sử, đồng thời là nền tảng đích thực của một nền văn chương phải vận động lịch sử bằng một ý thức hành động thực nghiệm. Trong 30 năm chiến đấu để giữ gìn quê hương, một phần tư triệu người lính phương Nam đã nằm xuống cho danh dự và ngọn cờ tổ quốc được bay cao. Đồng thời những người lính trận này cũng để lại cho đời rất nhiều bài thơ bi hùng ghi dấu một thời nhiều tang thương trong dòng lịch sử của Việt Nam.

Vì danh dự của quân đội nói chung và của binh chủng kiêu hùng nói riêng bao nhiêu người lính chiến đã mang trong người tinh thần Nguyễn Công Trứ “chí làm trai nam bắc đông tây / cho phi chí tang bồng hồ thi” đã chiến đấu anh dũng cho đến khi ngã gục giữa chiến trường, vì họ luôn quyết:

*“Đã xông vào khói lửa, quyết liều thân
“Để bảo vệ Tự Do cho Tổ Quốc
“Trong chiến đấu, không nài muôn khó nhọc
“Cười hiểm nguy bất chấp nỗi gian nan...”
Chiến sĩ vô danh - Đằng Phương (7)*

Hay khi “thất cơ đành thịt nát xương tan” vì danh dự của quân lực thà tự xử hơn là để kẻ thù sỉ nhục. Sự tự sát tập thể của các toán quân VNCH bị vây vào bước đường cùng và sự tự tử của các tướng lãnh chỉ huy các đơn vị lớn của quân lực VNCH vào những

ngày tàn của cuộc chiến 30 năm cho thấy chiến tuyến danh dự của quân lực VNCH đã được giữ vững dù cho xích sắt xe tăng của Bắc quân đã phá vỡ bao nhiêu chiến tuyến từ phía nam sông Bến Hải cho đến vòng rào sắt bao quanh dinh Độc Lập. Theo nhà thơ Đằng Phương cũng là một chánh trị gia suốt đời tranh đấu cho lý tưởng tự do dân chủ Nguyễn Ngọc Huy, tất cả những người con yêu của tổ quốc đó đều là những người “biết sống”, “dám sống” và “quyết sống” và đã nêu cao tinh thần “anh hùng tử, chí hùng nào tử” mà hình ảnh 13 liệt sĩ của Yên Bái ngày nào trong âm mưu vùng lên chống lại cường quyền thực dân Pháp là những hình ảnh bi hùng đầy “nét đẹp kinh hoàng” khó phai pha trong lòng mọi người Việt Nam:

*“Việt Nam muôn năm!” Một đầu rơi rụng,
“Việt Nam muôn năm!” Người kẻ tiến lên.
“Và Tử Thần kính cẩn đứng ghi tên
“Những liệt sĩ vào bia người tuần quốc...”
Ngày tang Yên Bái - Đằng Phương (7)*

Tất cả những chiến sĩ đó là những người đáng cho ta kính phục và vinh danh vì lúc nào họ cũng nêu cao Danh Dự và Tổ Quốc lên trên hết và cho dù Tử Thần hay người đời có kính cẩn đứng ghi tên họ hay không họ không màng vì:

*“Họ là những anh hùng không tên tuổi
“Sống âm thầm trong bóng tối mông mênh,
“Không bao giờ được hưởng ánh quang vinh
“Nhưng can đảm và tận tình giúp nước...”
Chiến sĩ vô danh - Đằng Phương (7)*

Danh dự là một ý niệm thay đổi tùy theo môi trường địa lý và văn hóa, nhưng chết cho tổ quốc luôn là một danh dự dù theo quan niệm đông hay tây. Rupert Brooke một nhà thơ người Anh đã so sánh Danh dự như một vị vua rộng lượng và cho sự chết cho tổ quốc của người lính biến họ từ nghèo nàn thành giàu sang “để lại cho đời những món quà quý hiếm hơn vàng”:

*“Danh dự đã trở về với trái đất như một vị vua
“Và trả cho thân dân những đồng lương hậu hĩ
.....
“Không có người nào cô đơn và nghèo mạt
“Nhưng khi chết lại để lại cho đời những món quà
quý hiếm hơn vàng”
The Dead – Rupert Brooke (8)*

Danh tướng của Thế chiến thứ hai Douglas MacArthur năm 1962 trong một bài diễn văn dài đọc trước các sinh viên sĩ quan của trường West Point-Hoa

Kỳ đã nhắc đến nhiều điều liên hệ đến giá trị văn hóa cổ xưa La-Hi. Ông đã so sánh các quân nhân Hoa Kỳ như là “những giác đầu của quốc gia trên vũ đài của trận chiến”. Một so sánh ông muốn ám chỉ đến đế quốc cổ La mã và sự dũng mãnh của những tay giác đầu thời đó nhưng ông quên là Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ chưa bao giờ là một đế quốc và những tay giác đầu ngày xưa đều là nô lệ. Ở một đoạn khác ông lại so sánh một cách rất thi vị là các chiến sĩ đã “viết nên lịch sử bằng máu đỏ trên ngực kẻ thù” ông đã đồng hóa lưỡi lê với cây viết, và máu đỏ với mực, mặc nhiên ông đã biến chiến sĩ thành văn thi sĩ. Hình ảnh tướng MacArthur gọi ra là một hình ảnh đẹp nhưng là một “nét đẹp kinh hoàng”. Đồng thời cho thấy tướng MacArthur dù là một danh tướng rất sát máu lừng lẫy trên chiến trường Đệ nhị thế chiến nhưng tâm hồn ông cũng thấm đượm hồn thơ. (9)

Tuy nhiên, điều nổi bật nhất trong bài diễn văn tại West Point là ông đã ngẫu nhiên nhắc đến ba ý niệm mà quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã khắc sâu vào huy hiệu của mình. Nhưng MacArthur đã nhắc đến với một thứ tự khác biệt, ông đã đưa Trách nhiệm lên đầu trước Danh dự và Tổ quốc. Từ khi độc lập cho đến nay nước Mỹ là đất nước chưa bao giờ phải oằn oại dưới gót giày xâm lăng của ngoại bang, nên quân lực Hoa Kỳ chưa bao giờ phải hi sinh đánh đuổi kẻ xâm lăng ra khỏi bờ cõi. Cho nên khi khuyên nhủ các vị chỉ huy tương lai của quân lực Hoa Kỳ tướng MacArthur đã có lý khi đặt Trách nhiệm lên hàng đầu và xếp Tổ quốc vào hàng thứ yếu. Mỗi khi quân lực Hoa Kỳ tham chiến đều tham chiến trên các lãnh thổ ở hải ngoại nên người lính Mỹ không có niềm lo lắng phải bảo vệ thôn làng và nhà cửa trong đó người thân yêu đang sinh sống. Họ chỉ có trách nhiệm để hoàn thành mà thôi, và phải hoàn thành một cách chuyên nghiệp. Vì tinh thần trách nhiệm và chuyên nghiệp này mà quân lực Hoa Kỳ được nổi tiếng là rất có hiệu quả trong trận mạc. Cho nên khi đưa trách nhiệm lên hàng đầu vào năm 1962 MacArthur không chỉ khuyên nhủ các sinh viên sĩ quan trường West Point mà đồng thời cũng muốn nhắn nhủ quân lực Hoa Kỳ trước khi bước chân sâu vào cuộc chiến Việt Nam.

Nhưng vị tướng lãnh tài ba của Đệ nhị Thế chiến quên một điều là vì không xem Tổ quốc là lý tưởng cao cả để bảo vệ và hi sinh nên thực tế đã cho thấy là khi lâm vào một thế trận khó khăn, hiểm nguy tình thần của một phần không nhỏ trong những đoàn quân Hoa Kỳ chiến đấu ở những vùng đất lạ rất dễ bị sa sút, mất định hướng để sẵn sàng làm mọi cho si ke, ma túy... hoặc hoài nghi về mục đích của việc họ đang làm và “không thấy vui thích, tuyệt đối không thấy hứng thú” trong sứ mạng mà họ phải thi hành vì trách nhiệm chứ không vì một lý do cao cả nào hết như lời của chiến binh Tammi Lavacheck đã ghi:

*“Đêm rồi ngày và ngày rồi đêm
“Thời gian nhanh như tên bay, nhưng không đem sợ hãi
“Những điều ai cũng đã biết lại được che giấu
“Đó bị coi là sai lầm nhưng xử tôi cho là lẽ phải
“Là lính chúng tôi có trách nhiệm phải đứng lên chiến đấu
“Ai biết được gì chờ nơi góc rẽ, ai biết được gì về sự khổ ai của tôi...”
Tờ Lịch - Tammi Lavacheck (10)*

Vì thiếu một lý tưởng cao cả để tôn thờ và vì tâm trạng luôn muốn truy vấn lý do của chiến tranh và nhứt là chánh nghĩa của sự tham chiến không được sáng tỏ đã đưa tới sự chống đối chiến tranh của đa số các phương tiện truyền thông Mỹ và nhiều phần tử dân chúng thiếu ý thức trách nhiệm, hoặc trốn quân dịch. Cho nên không lạ gì khi người lính Mỹ xong trách nhiệm đã trở về quê xưa một cách không danh dự chút nào vì quê hương ngoảnh mặt làm ngơ và họ đã trở về trong sự âm thầm tẻ lạnh của xóm giềng, “không trông kèn, không một bóng người chào đón”:

*“Đôi giày bóng âm vang trống rỗng
“Khi tôi bước chân về nơi chốn linh thiêng
“Nơi thiếu thời rộn rã tiếng cười và ánh nắng rạng ngời
“Thuở xa xôi khi tay tôi còn chưa biết bắn súng.
“Giờ tôi về không trông kèn, không một bóng người chào đón
“Khi tôi rời xe tìm lại những con đường
“Tôi còn thấy nhiều người quay mặt đi hướng khác
“Tránh nhìn bộ quân phục thẳng nếp lấp lánh huân chương
“Thị trấn nhỏ không ai thốt lời “Chào” thân thiết
“Thị trấn nhỏ không ai mà tôi không biết....”
Âm Thầm Trở Về Quê - Richard E. McGinty – (10)*

Chiếc huy chương nào cũng có hai mặt nên mặt trái của danh dự là ô nhục. Bên dưới những lời khuôn sáo ca ngợi danh dự và vinh quang ẩn chứa nỗi sợ hãi bị nhạo báng hay mất danh dự. Homer đã cho người hùng của sử thi *Iliad* là Hector tâm sự với vợ là sẽ cảm thấy ô nhục to lớn nếu phải lui bước trước đạo quân thành Troy. Niềm âu lo bị mất danh dự này là hậu quả của tinh thần hiệp sĩ vẫn còn sót lại và tiềm tàng trong văn hóa phương tây cho đến ngày nay. Trong một suy tư về chiến tranh Việt Nam, Tim O'Brien cũng giống như Homer 2600 năm trước đã cho sự bị mất danh dự là niềm ô nhục to lớn nhất đối với những người lính Mỹ đang chiến đấu ở Việt Nam. (11)

Trong rất nhiều trường hợp người lính Mỹ trên chiến trường Việt Nam đã chiến đấu chỉ vì sợ mất danh

dự cho cá nhân và danh dự của đơn vị hay vì bản năng sinh tồn chứ không phải vì danh dự của tổ quốc. Trước những hiểm nguy chết người, người lính nào cũng mang trong người những bản năng khiếp nhược dẫu kín như bò chạy, sợ đến đông đá hay lẫn trốn hoặc đào ngũ... Nhưng vì thể diện, vì thanh danh, vì danh dự đơn vị người lính bề ngoài thường phải tỏ ra bình thản hay không quá sợ hãi. Dù muốn hay không lính trận là phải giết hay phải chết, không thể làm khác được. Đó là điều trước tiên đã đưa người lính ra chiến trường, không có gì là cao cả, không có gì là vinh quang hay danh dự, chỉ có một điều là phải làm sao tránh bị mất danh dự vì đó là điều ô nhục khó gột rửa. Nếu có phải chết người lính cũng hi vọng đừng để bị chết trong bẽ bàng. (12)

Trong số 58 ngàn lính Mỹ đã giả tử vũ khí ở chiến trường Việt Nam và hơn một phần tư triệu người lính miền Nam Việt Nam đã nằm xuống trên quê hương chắc chắn không thiếu những trường hợp chết bẽ bàng. Nhưng không có gì đáng chê trách vì đó là nhân tánh và là một sự thực như lời của nhà thơ Phan Xuân Sinh đã ghi nhận:

*“Thằng lính nào mà không rét lúc ra quân
“Khi xung trận mà không té dãi...”*

Nhưng tin vào quan niệm “nhân sinh tự cổ thù vô tử / lưu thủ đan tâm chiêu hân thanh” nên người lính miền Nam thanh thản chấp nhận:

*“Chuyện sống chết căn bệnh trầm kha
“Đâu dễ gì thoát vòng sinh mệnh...”
Uống rượu với người lính Bắc phương - Phan Xuân Sinh (13)*

Trong một tình huống khác khi đơn vị đi phục kích từng toán nhỏ nằm nhìn ra vùng trời đêm tối đen như mực đầy hăm dọa, nhà thơ Lâm Chương nhớ lại những cảm giác rất “người” như sau:

*“Đêm nằm giữa chốn u minh
“Nghe con nước lớn, nghe mình lạnh run
“Nghe đi những bước vong hồn
“Nghe hoang thổ dậy, nghe lòng xót xa.
Đêm nằm phục kích - Lâm Chương (*)*

Hoặc giữa cảnh “mịt mù pháo giặc nổ vòng quanh”, nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh tuy “nghe mình lạnh run” nhưng cũng “gắng đóng cho oai tuồng anh dũng”:

*“nón sắt che đầu cho vững bụng
“men cay vãi ngum nhấp đỡ buồn
“gắng đóng cho oai tuồng anh dũng
“vèo cánh chim qua nổi mắt còn...”*

*Uống Rượu Đêm Chiến Hào –
Nguyễn Mạnh Trinh (14)*

THƠ CHIẾN TRANH VÀ THẨM HỌA.

Ở bất cứ đâu và trong bất cứ tình huống nào, chiến tranh luôn là thảm họa, thảm họa cho đất nước, cho người lính và gia đình cũng như cho người dân vô tội. Chiến tranh luôn để lại những mất mát đau đớn hằn sâu vào cuộc sống của mỗi gia đình và của cả quốc gia. Những mất mát về vật chất và về tinh thần đó không dễ nguôi ngoai với thời gian, sẽ còn để lại những vết thương nhức nhối lâu dài cho nhiều thế hệ. Sứ mạng của văn chương và đặc biệt là thi ca của bất cứ xã hội nào cũng phải phản chiếu và ghi nhận tất cả những bi thương của chiến tranh đó.

Một trong nhiều nhà thơ đã làm tròn sứ mạng này của văn chương một các trọn vẹn là Thi Thánh Đỗ Phủ của Trung Hoa. Ông đã để lại cho đời hơn 1400 bài thơ ghi lại tất cả nỗi trầm luân của cuộc sống mà ông đã trải nghiệm qua như là giai đoạn tướng An Lộc Sơn làm loạn khiến cho nước Tàu phải chịu nhiều điều linh và nhân dân cơ cực. Trước cảnh sống lầm than của dân chúng ông đã đứng hẳn về phía người dân đói khổ và dùng tài làm thơ của ông để lên án vua Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi cùng đám quan lại thối nát quen thói ăn chơi xa hoa và dâm dật trong khi dân chúng thì bị đói kém triền miên: “Cửa son rượu thịt ôi / Ngoài đường đầy xác chết / Sướng khổ cách gang tấc / Quận lòng không nói được”. (15)

Trong khi đó triều đình vẫn liên tục phát động chiến tranh khiến bao nhiêu là dân vô tội phải bị xung vào quân ngũ rồi bỏ mạng trong những cuộc viễn chinh phục vụ cho tham vọng mở mang bờ cõi khiến Thi Thánh Đỗ Phủ đã phải chất vấn nhà vua: “Mỗi nước có biên thủy / Chỉ cần chặn xâm lược / Tàn sát để làm chi?”. (15) Nỗi đau thương của dân chúng đã làm tâm hồn thơ của ông rung động tột cùng nên thơ ông đã thấm máu và nước mắt của người dân trong thời tao loạn. Trong thơ Đỗ Phủ tất cả những dòng sông, chim muông hay vầng trăng đều nhuốm nét bi ai: vầng trăng thôn thức, chim muông cảm lạnh, và cây cỏ ứa vàng.

Tương tự ở phương tây vào cuối thế kỷ 19, thi sĩ người Mỹ Stephen Crane qua 5 đoạn thơ với 26 dòng thơ trong bài thơ *War is Kind and Other Lines*, ấn hành năm 1899 cũng đã diễn tả tài tình tâm trạng của 3 người đàn bà bị mất người thân cho chiến tranh là người yêu, người cha, và người con. Bài thơ cho thấy 3 cảnh chết thảm và sự man rợ của chiến tranh. Đồng thời bài thơ cũng bày tỏ sự xót thương cho nạn nhân của chiến tranh và giễu cợt mục đích của chiến tranh cũng như đánh đổ những hình ảnh anh hùng lãng mạn bằng những cảnh thực tế sinh động về sự tàn sát ở

chiến trường và nỗi thống khổ của người thân còn lại.
(16)

Việt Nam là đất nước cũng luôn đắm mình trong chinh chiến nên văn thơ Việt Nam về thảm họa của chiến tranh rất là phong phú và đa dạng. Thi ca chiến tranh của Việt Nam đầy những cảnh chiến tranh tàn phá quê hương và giết hại bao nhiêu người con yêu của đất nước:

“Mày chết vào năm chín bảy hai

“Mùa hè đỏ lửa khói bay bay

“Mẹ tao cũng chạy từ Quảng trị

“Làng xóm bốn ba súng nổ đầy...”

Bài Tưởng Niệm – Chu Vương Miện ()*

Trước cảnh những người thân, người bạn khoác áo chinh y ra đi không hẹn ngày về đó đã biến nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn thành bệnh hoạn nhìn đâu cũng thấy sự chết, thấy hư vô:

“Ta mắc bệnh ung thư thời chiến

“Thoi thóp còn một trái tim khô

“Sợ hãi con người hơn thú dữ

“Nhìn nơi nào cũng thấy hư vô...”

Mẹ Việt Nam - Nguyễn Bắc Sơn ()*

Chiến tranh đã biến con người thành thú dữ và hư vô không còn là bóng tối thanh bình của nhà thơ mỗi khi va chạm cuộc đời. Hư vô ở đây hiện hữu bằng muôn vạn cách bất ngờ, dị kỳ của chết chóc và tàn phá bởi chiến tranh. Vì chiến tranh Việt Nam có sự tham dự của quân lực Hoa Kỳ nên nhiều nhà thơ lính chiến Hoa kỳ cũng ghi nhận được nhiều hư vô bất ngờ của chết chóc:

“Bỗng nhiên cả toán giết mình

“Bên đường mòn chiếc sọ nằm lẻ loi

“Thoạt nhìn đồ cổ lâu đời

“Thực ra mới chỉ tháng trời trước đây

“Bên trong chiếc sọ trắng này

“Ồ còn lo sợ cho ngày lâm nguy...”

The Skull Beside The Mountain Trail – Frank Cross
(17)

Hư vô và chết chóc cũng hiện hữu khắp nơi trên giải đất đầy tội tình chữ S đã khiến thi sĩ Quách Thoại phải than thở: “Ngày mong manh / Anh sợ quá phút linh hồn anh tan vỡ...”. Đời sống như là đời sống trong chiến tranh là những mong manh ghê sợ như vậy. Trong suốt 30 năm của cuộc chiến tương tàn thơ không còn thanh bình, không còn tình yêu trong trắng mà chỉ còn là chiến tranh và hủy hoại. Thơ vì thế mang tính chất đắng cay nhưng sống thực nhất của thân phận tuổi trẻ Việt Nam:

“Trung đội những thằng trai tứ chiến.

“Những thằng bỏ lại tuổi thanh xuân.

“Điều hâu bôi mặt hủ ma quỷ.

“Thuở đất trời bày đặt nhiều nhưong.

“Đêm qua âm binh về xứ khổ.

“Poncho phơ phát gió hồn oan.

“Trên vai cấp số hai lần đạn.

“Không một vì sao để chỉ đường.”

Trung đội – Trần Hoài Thư (18)

Đối diện với cảnh quê hương luôn ngập tràn khói lửa và cảnh tuổi trẻ bơ vơ vô vọng thi sĩ Nguyễn Sa cũng đã từng thốt lên “Thế kỷ chúng tôi chót buồn trong mắt / Dăm bảy nụ cười không đủ xóa ưu tư”. Chiến tranh không những làm thay đổi bộ mặt của trái đất mà cũng làm thay đổi thái độ của những người còn biết suy tư đồng thời cũng thay đổi luôn tính khí của thơ. Sự tàn ác của chiến tranh và sự đảo lộn của nhiều giá trị tinh thần cũng như xã hội đã làm những người làm thơ có cảm sung hay không cảm sung đều nhìn cuộc đời một cách bi quan và cay đắng. Nhưng chánh sự thay đổi trong tính khí của thi ca đã giúp làm sáng tỏ sự phức tạp của mỗi tình huống của con người trong chiến nạn.

Mặt khác, các nhà thơ quân nhân hiểu được sự tàn ác của chiến tranh nên thường bị ám ảnh bởi cuộc sống không những của chánh họ mà còn bởi cuộc sống của ông cha các thế hệ trước, bởi cuộc sống tâm tối của các người đương thời và cả bởi những lo ngại không thể khuây khỏa cho cuộc sống của thế hệ tương lai. Vào năm 1940 trước khi trước viễn ảnh của một trận chiến sắp trở nên khốc liệt vì bom nguyên tử, nhà thơ Mỹ gốc Anh lừng danh W.H. Auden đã than:

“... mọi ngôn ngữ đều là vô ích,

“Vì không còn chữ nào con người diễn dịch

“Có thể chấm dứt được chiến tranh

“Hay có thể lượng định được sự thoi thớt thanh nhàn

“Với sự tuyệt cùng thống khổ ...”

Poetry in Our Time - Babette Deutsch (19)

Nhưng thảm nạn lớn nhất của chiến tranh là chết chóc và thương tật. Trong các cuộc hành quân, dù của thời xa xưa với cung thương hay thời nay với vũ khí tối tân, mọi phương tiện quân sự đều được xử dụng để phối hợp tiến quân và chiến thắng. Vì thế khi đụng trận, hỏa lực trở nên khủng khiếp cho cả đôi bên, kể cả sự tàn sát thường dân. Những hình ảnh sau đây của nhà

thơ Philip Appleman phóng phát hình ảnh thảm khốc của chiến tranh thời xa xưa lẫn lộn với hình ảnh chiến tranh Việt Nam:

Đặc san Luật khoa 2010

“... Và rồi là cuộc tấn công, tiếng vũ khí loang choang
“đoàn kỵ binh với thương dài bố trí, một chiến
thắng đầy vinh quang:
“một trăm ngàn tấn thuốc nổ sẵn sàng
“những thôn làng bốc hơi, những rừng cây trơ gốc
“những ruộng đồng muôn năm nhiễm độc
“những hố hầm đầy tiếng trẻ khóc
“những bia tập bắn cho lính bộ binh ...

Philip Appleman (20)

Trái với giọng điệu đầy mỉa mai cay đắng trong
thơ của các chiến binh Hoa Kỳ, thơ của các người lính
miền Nam đã nhìn sự đau thương cũng không kém
phần bi ai do chiến tranh mang lại đó một cách bình
thản và khẳng khái:

“Mày gửi một chân ngoài trận mạc
“Mang về cho mẹ một bàn chân
“Mẹ già khóc đến mù hai mắt
“Đời tàn theo lứa tuổi thanh xuân..”

Mẹ Việt Nam - Nguyễn Bắc Sơn (*)

Không chỉ người mẹ đón đau vì người con đã để
lại một phần thân thể ngoài chiến địa mà cuộc đời của
người lính cũng trở nên vô vản bi đát, tột cùng đau
thương khi tình cảm bị giằng xé đối với gia đình, người
yêu. Hình ảnh này đã được Linh Phương ghi lại trong
bài thơ *Kỷ vật Cho Em* đã một thời rất thịnh hành qua
dòng nhạc phổ thơ của Phạm Duy:

“Mai anh về trên đôi nạng gỗ
“Bại tướng về làm gã cụt chân
“Em ngại ngừng dạo phố mùa xuân
“Bên người yêu tật nguyên chai đá

Kỷ vật Cho Em – Linh Phương (*)

Hình ảnh của người thương binh hoặc người lính
đã gục ngã được chuyển từ mặt trận trở về bệnh viện
trên chiếc trục thẳng là niềm đau không cùng của cuộc
chiến:

“Anh trở về hàng cây nghiêng ngã
“Anh trở về hòm gỗ cài hoa
“Anh trở về bằng chiếc băng ca
“Trên trục thẳng sơn màu tang trắng...”

Kỷ vật Cho Em – Linh Phương (*)

Cho nên nhiều người lính mong muốn nếu chẳng may
phải trả nợ máu xương cho non sông thì thà chết hơn là
bị tàn phế, đúng là một sự chọn lựa đầy bi ai:

“Dăm thằng đánh trận, dăm thằng chết
“Chỉ sót mình ta cứ sống nhăn,
“Đù má, nhiều khi buồn hết biết

“Lo mãi sau này cụt mắt chân..”

Hành Quân – Linh Phương (*)

Nhưng nỗi đau thương lớn nhất vẫn là người vợ
trẻ phải đón chồng về trong “hòm gỗ cài hoa”:

“Trục thẳng chở xác về
“Giọt buồn lăn trên mi
“Nàng như loài gỗ đá
“Còn biết nói năng gì?”

Sân bay buổi chiều – Lữ Quỳnh (*)

Anh đã vĩnh viễn ra đi thì mọi thứ trên đời này
“từ nay chẳng một ý lời đẹp hay”. Dù anh là người
phương đông hay phương tây hay của thời đại nào sự
mất mát to lớn này bao giờ cũng để lại những thương
đau như nhau trong lòng người góa phụ. Ta hãy nghe
thi sĩ lừng danh của văn học Hoa Kỳ W.H. Auden ghi
lại những thương đau mất mát đó trong bài thơ rất
được truyền tụng *Funeral Blues (Đám Tang Buồn)*:

“Dừng thời gian, tắt điện đèn
“Dừng cho tiếng chó sủa vang tìm mồi
“Đàn ngưng cho trống bồi hồi
“Đem quan tài đến cho người chịu tang.

“Máy bay quanh quẩn trời xanh
“Viết câu tin hiệu rằng Anh Chết Rồi
“Bỏ câu cổ trắng nợ đời
“Găng đen cảnh sát gọi lời tiễn đưa.

“Anh người Nam Bắc Đông Tây
“Là tuần làm việc, là ngày nghỉ ngơi
“Là trưa, là tối, chuyện đời
“Bài ca bắt diệt rặng ngời thân thương.

“Than ôi! tình thực làm đường
“Cho nên tình tú thẹn thùng lánh xa
“Dấu luôn cả ánh trăng tà
“Xóa tan mặt nhật chói lòe trên cao

“Đổ nghiêng biển nước rạt rào
“Đón rừng cho sạch hết màu xanh tươi
“Vì rằng mọi thứ trên đời
“Từ nay chẳng một ý lời đẹp hay.”

Funeral Blues – W.H.Auden (21)

Chiến tranh nào cũng ghi lại trong thi ca nhiều đau
thương thương mất mát, nhưng khác với mọi chiến
tranh trong lịch sử loài người, cuộc chiến Việt Nam 30
năm đã để lại nhiều hậu quả không bút mực nào tả siết
với hàng triệu dân quân cán chính bị tập trung làm lao
động khổ sai trong các trại tù cải tạo:

“Hăm chín tuổi: hai năm đi đánh giặc;
“Bảy năm tù cải tạo, phá núi trồng khoai...”

Miếng Khoai Cốt nhục – Lưu Trọng Tường (22)

Giữa không khí hận thù và tù đầy đó người dân miền Nam đã phải đau lòng giả từ cổ quốc để vượt biên, vượt biển tìm lẽ sống mới. Rất nhiều người trong số các người ra đi này đã phải gởi thư giữa rừng sâu hay biển cả:

*“Phải chăng đây là hải trình,
“Tử lộ của thuyền nhân?
“Nơi nổi hận chưa tan thành bọt biển!
“Phải chăng đây là con đường tuyệt mệnh
“Của những người lỡ hẹn với Tự do?”*

Giọt Lệ Cho Ngàn Sau – Lưu Trọng Tường (22)

và trong số họ rất nhiều rất người bị giết hại hoặc bị hãm hiếp giữa biển khơi bởi lũ hải tặc hình người da thú:

*“Hình dáng đó,
“Sắc hương kia,
“Còn nguyên hình sấu nảo.
“Dấu tìm son chẳng chịt vết hận thù.
“Buổi dậy thì vỡ tan trên đầu sóng bạo!”*
Đôi Môi Hoàng Hôn – Lưu Trọng Tường (22)

THƠ CHIẾN TRANH VÀ TÌNH YÊU

Thơ không những khai ngộ cảm xúc của con người đối với quê hương và cuộc chiến mà thơ cũng giúp người lính bày tỏ nỗi lòng với người thương, với gia đình, và với đồng đội. Thơ cũng là nơi cho người lính trải lòng mình để tìm an ủi hoặc giải khuây cho những lúc lòng trống vắng trên bước đường hành quân hay trấn đóng nơi biên cương xa xăm.

Đối với người lính trận ngoài tình yêu tổ quốc Mẹ là thần tượng muôn đời. Tình yêu và hình ảnh người mẹ luôn có khuôn mặt riêng và cận kề bên tâm hồn người lính xa nhà. Hình ảnh người Mẹ trong thơ của cuộc chiến Việt Nam 30 năm không còn bình an như Lưu Trọng Lư thuở xa xưa “áo đỏ người đem trước đầu phơi” hay người mẹ “ngồi vá bên chiếc rổ thơm mùi cũ” của Tế Hanh. Giống như người Mẹ của Phùng Quán dạy con tôn thờ sự chân thực, Má của Nguyễn Dương Quang đã dạy cho nhà thơ hai tiếng yêu thương mà ông nhớ mãi trong những ngày đêm ôm súng trấn giữ những nơi đầy sắt máu:

*“Hình như cây súng con lạ lắm
“Sao nó run lên khi đạn lên nòng
“Tâm hồn nó như tâm hồn con vậy
“Một kẻ nằm, kẻ đứng, xót xa không?”*

*“Trước mặt con: những ngọn đồi cát máu
“Đêm thì thăm cùng những nắm xương
“Ôi, trái tim con mãi tôn thờ má
“Đã dạy con hai tiếng yêu thương”*
Viết thư cho Má – Nguyễn Dương Quang ()*

Dù phải luôn đương đầu với lửa đạn hàng ngày nhưng người lính miền Nam nhớ lời dặn của má cộng thêm một hồn thơ nên luôn mang trong người một tình thương rất nhân bản, do đó luôn cảm thấy “xót xa” khi phải làm chuyện chẳng đáng dừng vì như nhà thơ Phan Xuân Sinh đã một lần tuyên xưng:

*“Những thằng lính thời nay không mang thù hận
“Bạn hay thù chẳng có một lần ranh...”*
*Uống rượu với người lính Bắc phương –
Phan Xuân Sinh (*)*

Bên cạnh tình yêu dành cho mẹ, tình yêu cho người yêu bé nhỏ ở hậu phương cũng luôn là một ngữ tri trong thơ tình thời chiến. Nhưng thơ tình của người lính trong cuộc chiến Việt Nam không còn hiền lành, thanh thoát, và đạo đức như thơ tình thời trước chiến tranh hay xa hơn nữa. Thơ viết bởi những con người lớn lên trong lửa đạn này không còn dấu tích hiền hòa của bóng dáng thiếu nữ ẩn mình sau lá trúc, những giọng lệ vỡ tan nát khóc người con gái sang ngang, những lời tỏ tình trong đêm buồn canh vắng, những ánh trăng lãng mạn trên đầu hai kẻ yêu nhau. Những cảnh tình mềm yếu ấy không còn nữa. Tất cả đã trôi đi biệt tăm biệt tích trong mịt mù của thời gian.

Thi ca Việt Nam từ năm 1960 là thời gian cuộc chiến Việt Nam bước vào giai đoạn leo thang, là thi ca của bom đạn, người chết, máu lửa, nhục dục, của những thực trạng phi lý của xã hội, những mòn mỏi chờ đợi mùa xuân thanh bình, những khao khát nụ hôn tình đầu, những khao khát hiền lành không bao giờ có thực. Thi ca thời chiến mãnh liệt, táo bạo, và nóng nảy hơn nhiều. Tình yêu của những người trai trẻ thời chiến phải “sát đôi đầu, kẻ đôi ngực / hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài” như Xuân Diệu đã từng diễn tả. Thơ của thời đại vừa đau thương vừa hào sảng này là thơ của những người nằm gai nếm mật, những người vừa cầm súng vừa cầm bút, vừa nhớ thời gian cũ vừa dỗi về thời gian mới. Chừng thứ ấy đem sức mạnh nóng bỏng đến với thi ca thời chiến tranh Việt Nam. Thơ tình thời chiến tranh Việt Nam là thơ lửa, lửa chiến tranh và lửa tình người. Thơ tình thời chiến mơ hồ ngơ ngác mù lòa, lẫn lộn giữa tiếng đạn bom và tiếng xích sắt xe tăng, lẫn lộn giữa tiếng phi cơ gầm thét và tiếng súng vang dội nên “anh còn tiếng nào để nói yêu em...”. Thơ tình thời chiến tranh cũng là những giấc mơ chân gỏi của người lính, hoặc những lần làm tình vội vã như

không còn ngày mai của người vợ thăm chồng nơi chiến hào tiền đồn:

“đêm choàng hơi đá núi
“sương ướt đầm poncho
“chợp mắt mơ chấn gối
“ọc sữa từ bao giờ”

Mặt trận Quảng Ngãi - Luân Hóan (*)

“...com gạo sấy ướt đầm nước mắt
“chảy âm thần giữa hai nụ hôn
“con vui cạn, ngực đầy cát bụi,
“phả nóng hầm, tóc đỏ mồ hôi
“biết tới bao giờ tàn cuộc chiến
“mà nữ bảo nhau, mình ơi, thôi...”

Cuộc chiến còn đang ở kiếp này – Nguyễn Hữu Nhật (23)

Thơ tình thời chiến đã nói lên tiếng nói thống thiết của khát vọng từng cá nhân, và cả thể hệ bơ vơ lạc hướng trong chiến tranh. Thơ tình thời chiến cũng giải bày dùm cho những người tham dự cuộc chiến và nói lên bao nhiêu khao khát bị đất tàn tật cũng như nỗi lòng đầy đau thương:

“Nằm trong hầm lắng nghe chim hót
“Mà tưởng mình đang sống thái bình
“Tiếng súng tiếng chim. Nghe buồn lạ
“Vây quanh ta giữa chốn đao binh...”

Nghe chim hót trên đồi 55 – Nguyễn Bắc Sơn (*)

Thơ tình thời chiến cũng là tình yêu mặn đắng rợn rợn hồn tử sĩ của người lính chiến lứa tuổi hai mươi phải “chém tre đẵn gỗ trên ngàn” ngồi ôm súng nơi núi rừng biên cương xa thăm nhớ về người yêu nơi quê nhà:

“Biên cương, biên cương xuân biên cương
“Bát ngát trời mây buồn viễn phương
“Ta rót rượu mời muôn uống tử
“Hồn thiêng gió rợn rợn sa trường...”

Trường Sơn Xuân Quạnh Đôn Biên Giới – Lê Nguyên Ngữ (*)

Tất cả những thương đau đó đều là hậu quả của tình trạng đất nước chia hai, hậu quả của cảnh “bờ lũy đôi miền”, cảnh đối đầu “mà tấu lưỡi lê” làm cho thể hệ trẻ của cả hai miền đất nước phải luôn sống trong máu lệ và quê hương thành vùng nghèo đói nhưt Á châu:

“Anh sẽ nghĩ gì sau lần trận đánh
“Máu Việt Nam lẫn sỏi Việt Nam
“Mà tấu lưỡi lê dao dài hụ đạn
“Mảnh quê hương vùng Á châu buồn...”

Tình Tự - Chu Vương Miện (*)

Trong chiến tranh người lính phải sống xa gia đình, xa người thân nên chỉ còn tình chiến hữu, tình đồng đội và tình này nhiều khi còn đậm đà gần bó hơn cả những thứ tình khác. Gần bó vì phải cùng kẻ vai, đầu lưng trong chiến hào, cũng như khi tiến lên xung phong vào quân địch họ luôn luôn sát bên nhau, cần nhau và bảo vệ cho nhau. Còn gì gần bó với nhau bằng cùng nhau vượt suối băng rừng, chia nhau ca nước lưng hoặc gói cơm sấy. Còn gì thân thiết bằng giữa khi mưa dầm cùng che một tấm poncho và chia nhau những hơi thuốc ẩm tình. Còn hi sinh nào bằng khi giữa những lần đạn vẫn nhào lên kéo bạn vừa ngã quy vì đạn thù vào chỗ an toàn. Tất cả những khổ cực bên nhau, và vào sinh ra tử có nhau đã tạo nên tình chiến hữu, tình đồng đội đôi khi cũng đậm đà như tình máu mủ. Cho nên khi mất đi đưa em trong chiến đấu người “anh” đã phải dằn dặt tuổi đời vì những “giấc ngủ không yên”:

“thiếu tá cho em về với mẹ
“mẹ em đang đợi ở Sài Gòn.
“tôi nguyện rửa tội đêm lui quân
“sao không công bằng em trên lưng?

Giấc Ngủ Không Yên - Nguyễn Phúc Sông Hương (*)

Cũng giống với phương đông, người lính chiến phương tây cũng tìm thấy sự gần bó và thương yêu trong tình đồng đội. Một trong các bài thơ nổi tiếng khóc thương cho tình chiến hữu là bài thơ *In Flanders Field* của John McCrae, một nhà thơ chiến binh người Canada khóc thương cho người bạn vừa nằm xuống hôm trước tại một chiến địa ở Âu châu trong kỳ Thế chiến thứ nhất. Hôm sau, ngồi nhìn cánh đồng Flanders đầy hoa poppy một màu đỏ máu giống như nhà thơ Hữu Loan nhớ người vợ trẻ khi “hành quân qua những đồi sim / màu tím hoa sim...tím cả chiều hoang biên biệt” thi sĩ chiến binh John McCrae cũng đã xúc cảm mãnh liệt và viết nên bài thơ *In Flanders Fields* bất hủ đã trở thành biểu trưng cho ngày Cựu chiến binh 11/11 của Hoa kỳ và Canada. Mấy câu đầu của bài thơ này cũng được chính phủ Canada cho in trên tờ tiền giấy 10 dollar:

“Đồng Flanders hoa poppy lác lác trong gió
“Mọc tràn lan giữa hàng hàng thánh giá
“Ghi khắc chốn này, nơi yên nghỉ của ta;
“Trên trời xanh tiếng chim sơn ca
“Vẫn hót kiêu hùng giữa tiếng súng xa
“Trong khi bao người vừa gục ngã.
“Vài ngày trước đây ta còn trên đời
“Còn ngắm bình minh và nắng chiều rạng ngời
“Còn yêu và được yêu nhịp tim rộn rã
“Giờ ta nằm đây giữa đồng Flanders buồn bã...
“Xin anh tiếp nhận cuộc chiến đấu này

*“Hãy nhận nơi tay những người ngã xuống
“Ánh đuốc rạng ngời tỏa sáng trời cao
“Đừng phụ niềm tin của người thiên cổ
“Cho ta yên bình trong giấc ngàn thu
“Giữa đồng Flanders hoa poppy nở rộ...”*

Cánh đồng Flanders – John McCrae (24)

Nhưng người lính chiến phương tây nhiều khi cho tình đồng đội này vượt qua giới hạn bình thường để biến tình đồng đội thành tình đồng tính. Trong một giới hạn nào đó sự không bình thường này lại là một cần thiết là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy người lính chiến đấu trong khi những giá trị luân lý truyền thống bị soi mòn. Nhà thơ chiến binh Wilfred Owen còn cho tình đồng đội đồng tính này không những khác lạ mà còn hay hơn tình trai gái. (25) Tình đồng tính giữa các chiến binh này là một thứ tình yêu nhiều bị thương nhưng mãnh liệt vì luôn luôn bị sự chết đe dọa làm họ phân ly. Và thi ca không những chỉ là nơi cho những tình yêu bình thường mà cũng là nơi chốn cho những nhà thơ chiến binh đồng tính này giải bày tất cả những nỗi niềm và thú đau thương đó. Một trong các bài thơ tiêu biểu của các chiến binh đồng tính là bài thơ của Robert Graves viết cho người tình chiến hữu Siegfried Sassoon cùng bị thương sứt chết trong Thế chiến thứ nhất có đoạn kết như sau:

*“Chỉ cho tôi hai người gắn bó chặt chẽ
“Như chúng tôi, bằng sự ràng buộc ướt đẫm máu
đào
“Bằng tình bằng hữu nở rộ giữa bùn đất
“Bằng sự chết mà chúng tôi nhìn tận mặt,
“Chúng tôi khám phá được Nét đẹp trong sự chết
“Và từ những thấy người chết chúng tôi tìm thấy
hơi thở. (26)*

Qua những vần thơ này Graves đã vẽ nên một hình ảnh tình đồng đội đồng tính rất đẹp và rất gần gũi. Đó là một “sự ràng buộc ướt đẫm máu đào” rất thiết thiết và được “nở rộ lên từ bùn đất” của những ngôi mộ nên không có gì có thể chia cách họ dù cho cái Chết mà họ vừa nhìn tận mặt, và từ đó khám phá nét đẹp của sự sống trong môi tình đồng tính.

Sau cùng tưởng cũng nên lưu ý là thơ chiến tranh nhiều khi cũng thăng hoa lên khỏi cuộc sống bình thường để đi vào lãnh vực triết học. Chiến tranh và các hệ lụy thảm khốc của nó đôi khi cũng khiến nhà thơ hoang mang, quay về cõi huyền nhiệm uyên nguyên của mình để lục vấn tra hỏi và tìm một lối thoát cho hiện tại bi thảm. Vẫn biết lối thoát vốn đã nằm trong đời sống nhưng thi ca có thể khơi dậy, trình bày, phác họa một lối thoát trên bình diện triết lý mà ta thấy phảng phất trong những thi phẩm của Bùi Giáng, Phạm

Thiên Thư, Trần Tuấn Kiệt... tuy chưa được rõ nét cho một sự bàn thảo sâu rộng.

Tóm lại, thơ vẫn thường được người đời cho chỉ thích hợp cho những tình cảm lãng mạn ủy mị nhưng qua quá trình lịch sử thi ca từ lúc ban sơ cho đến ngày nay của nhiều nước trên thế giới đã cho thấy thi ca đã giữ một vai trò quan trọng trong công việc ghi lại một cách hiệu quả các diễn biến của lịch sử nói chung và của chiến tranh nói riêng. Đối với báo chí và cả lịch sử, chiến tranh chỉ là một sự giao tranh trong đó có kẻ thắng người thua và hậu quả là sự quân bình quyền lực của một vùng nào đó trên thế giới sẽ bị thay đổi. Nhưng thi ca là hình thức lý tưởng để ghi lại một cách đầy đủ tất cả các nét bi hùng và phức tạp của chiến tranh. Qua thi ca chúng ta diện kiến khuôn mặt tình yêu và tuổi trẻ thời chiến. Chúng ta cũng gặp được những nét hèn yếu của con người trong hiểm nguy cũng như khí độ hiên ngang yêu nước của những người trai thời loạn. Chúng ta cũng kinh hoàng chứng kiến những hệ lụy thảm khốc của chiến tranh. Chúng ta cũng ghi nhận và thán phục sự anh hùng của những kẻ chiến bại, cũng như những giá quá đắt của chiến thắng, và trên hết là cảm giác phức tạp và mâu thuẫn của tất cả những người bị tác động bởi chiến tranh. Có thể nói thi ca luôn là một sức lực mạnh mẽ và uy quyền vì vũ trụ thi ca là một vũ trụ do bởi tác động dung hóa của ý thức và giọng hiện hữu thế gian. Và nhờ tác động này của chiến tranh mà nền văn học thế giới có được nhiều thi nhân tài ba lỗi lạc. Do đó, chiến tranh sẽ luôn luôn hiện hữu trong thi ca và thi ca mãi mãi là một yếu tố không thể thiếu trong chiến tranh.

1208

TS. Nguyễn Minh Triết

Chú Thích:

- 1.<http://www.sankhauvietnam.com.vn/story/xuatbanphathanh/2006/11/1291.html>
- 2.http://vi.wikipedia.org/wiki/Khu%C3%B4ng_Vi%E1%BB%87t
3. James Anderson Winn, *The Poetry of War*, New York: Cambridge University Press, 2008, t.2.
4. Winn, *sđđ*, t.6
5. Winn, *sđđ*, t.7.
6. Winn, *sđđ*, t.61.
7. <http://www.hqvncn.net/default.asp?id=101&lstd=5>
8. Winn, *sđđ*, t.16.
9. Winn, *sđđ*, t.12-13.
- 10.<http://www.angelfire.com/wa/warpoetry/Vietnam.html>
11. Winn, *sđđ*, t.39.
12. Winn, *sđđ*, t.54.

13. Trần Hoài Thư ed., Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến, New Jersey: Thư Ấn Quán, 2006. Từ đây tất cả thơ trích dẫn từ tuyển tập thơ này được ghi chú bằng dấu(*).

14. <http://75.177.129.43/LuanHoan/thoVN/GoiSungTimTho/000main.htm>

15. <http://www.thivien.net/viewauthor.php?ID=60>

16. <http://www.theotherpages.org/poems/crane01.html>

17. Philip Mahony, ed., From Both Sides Mow – The Poetry Of The Vietnam War and Its Aftermath, New York: Scribner Poetry, 1998, t.128.

18. Trần Hoài Thư, Ô Cửa, New Jersey: Thư Ấn Quán, t.31.

19. Babette Deutsch, Poetry In Our Time, New York: DoubleDay & Company, Inc., 1963, t.421.

20. Winn, sdd, t.99.

21. <http://www.audensociety.org/poems.html>

22. <http://www.vantuyen.net/index.php?view=story&subjectid=22081>

23. Nguyễn Hữu Nhật, Cuộc Chiến, Oslo: Nhà Xuất Bản Anh Em, 1998, t.81.

24. <http://www.arlingtoncemetery.net/flanders.htm>

25. Winn, sdd, t.146.

26. Winn, sdd, t.55.

SÁCH THAM KHẢO:

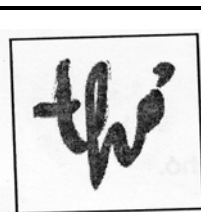
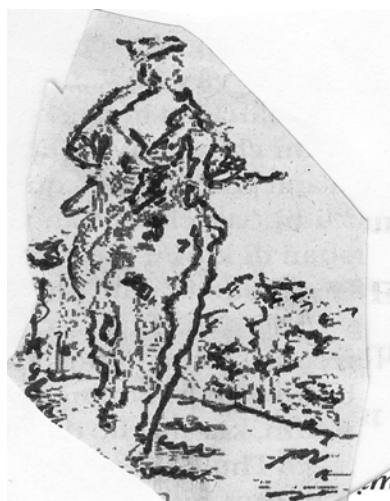
1. Babette Deutsch, Poetry In Our Time, New York: DoubleDay & Company, Inc., 1963.

2. Philip Mahony, ed., From Both Sides Mow – The Poetry Of The Vietnam War and Its Aftermath, New York: Scribner Poetry, 1998.

3. Nguyễn Hữu Nhật, Cuộc Chiến, Oslo: Nhà Xuất Bản Anh Em, 1998.

4. Trần Hoài Thư ed., Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến, New Jersey: Thư Ấn Quán, 2006.

5. James Anderson Winn, The Poetry of War, New York: Cambridge University Press, 2008



TÌM LẠI CỘI NGUỒN

*Thuở nước non đắm chìm bão lửa
Năm mươi con theo cha ra khơi
Cha Lạc Long lòng đau quặng thắt
Nhìn đàn con thất tán muôn nơi.*

*Sóng ngàn khơi chân trời rộng mở
Đàn con thơ lạc đến vô bờ
Vũ trụ bao la - lòng trống vắng
Tình túy còn khôn một chữ vô.*

*Năm mươi con theo mẹ lên non
Hẹn cùng cha hai chữ vương tròn
Thông trời đất tình sâu nghĩa nặng
Động Đình hồ một lòng sắt son.*

*Biển sâu thăm thẳm áng mây trôi
Nước xanh trong non cao vọi vọi
Đàn con nhớ mẹ đau lòng đất
Tình mẹ thương con chắt ngát trời.*

*Mẹ Âu Cơ ngóng đợi đàn con
Đàn con yêu tìm lại cội nguồn
Chắp cánh chim bay về tổ Lạc
Đem trí nhân đập lừa bạo tàn.*

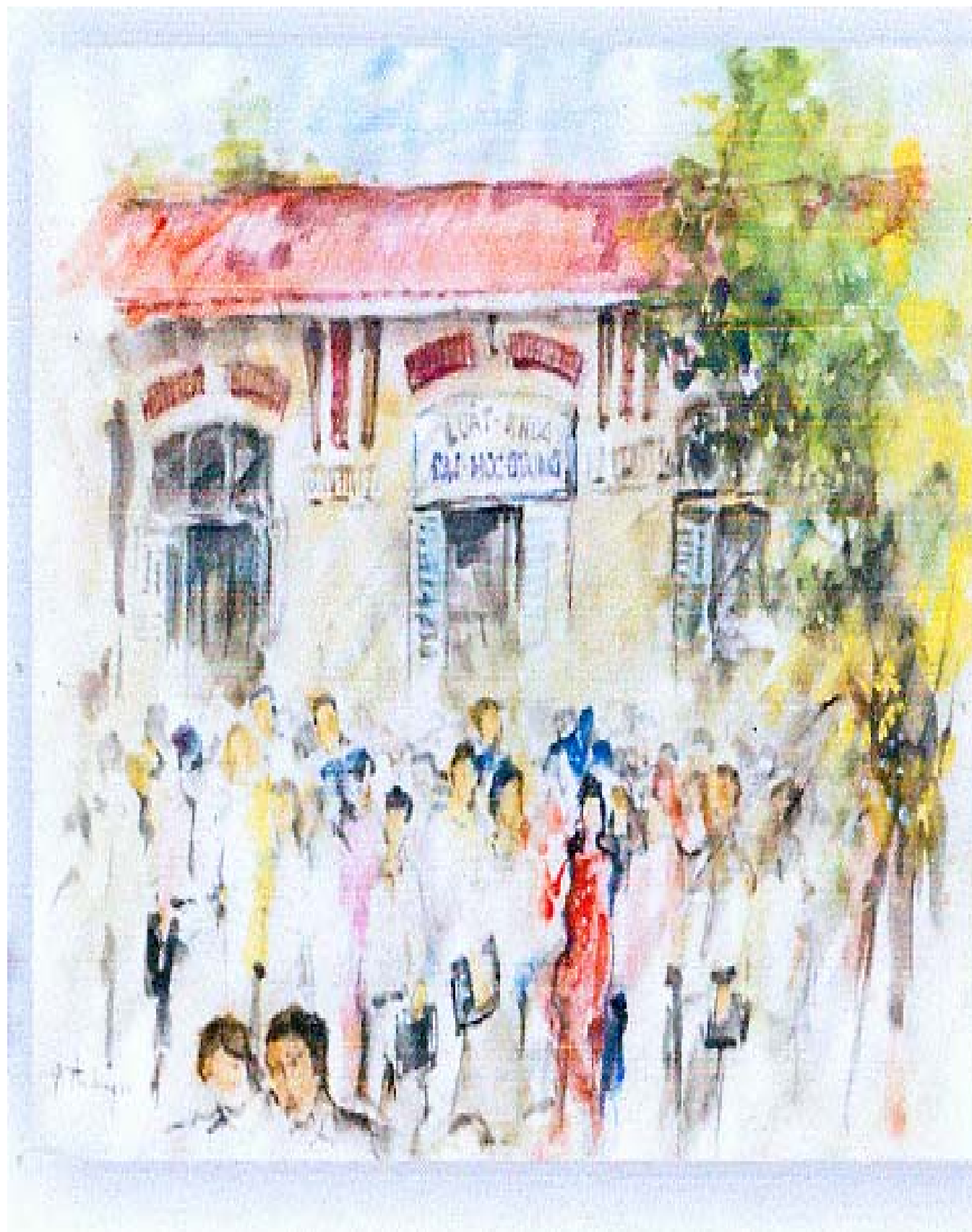
*Năm mươi con từ nơi biển ngoài
Về quê mẹ góp sức dựng xây
Sách ước xưa đưa đường dẫn lối
Lời kinh vô tự vắng đầu đây.*

*Năm mươi, năm mươi cùng hợp nhất
Bọc trăm con rạng giống Tiên Rồng
Bốn biển năm châu vùng Thái cực
Muôn năm nước Việt rục trời Đông.*

3/99

Lưu Nguyễn Từ Thúc

PHẦN IV **HÒAI NIỆM – TRI ÂN**



THÔNG TIN:

**VỀ CÁC GIÁO SƯ TỪNG GIẢNG DẠY TẠI
LUẬT KHOA ĐẠI HỌC ĐƯỜNG SÀI GÒN
(1955-1975)**

I/- TẠI HOA KỲ:

- 1/- Gs. Nguyễn Cao Hách,
San Diego, CA
2/- Mai văn Lễ
Houston, TX
3/- Lê Đình Chi
Sugarland, TX
4/- Phạm văn Thuyết,
Mc Lean, VA
5/- Trần văn Liêm
Arcadia, CA
7/- GS Trần như Tráng:
Fountain Valley, CA
8/- GS Nguyễn Q. Quýnh
Stockton, CA
9/- Gs. Vũ quốc Thùy
Olympia, WA
11/- GS Tạ văn Tài
Brooklin, MA
12/- GS Nguyễn M. Hùng
Fairfax, VA
13/- LS Bùi sơn Huy,
14/- Chánh án Hà Như Vinh
O Orange county, CA

- 15/- TP/ TC Mai van An
San Francisco, CA
16/- Gs. Nguyễn Văn Canh
Redwood City, CA
17/- Gs. Nguyễn Quốc Trị
18/- Chánh án Nguyễn Văn
Hào

II/- *TẠI PHÁP:

- 19/- GS. Vũ Quốc Thúc
20/- Gs. Châu Tiến Khương
21/- GS. Trần T. Hoài Trân
22/- GS. Tăng Kim Đông
23/- GS. Lê Quý Chi
24/- GS Vũ Việt Hương:

III/- TẠI CANADA:

- 25/- GS Nguyễn Hải Bình

IV/- TẠI VIỆT NAM

- 26/- Gs. Nguyễn Mạnh Bách
27/- Gs. Đặng Thị Tám
28/- Gs. Phan Tấn Chức
29/- Gs. Nguyễn Văn Ngôn

DANH SÁCH CÁC GIÁO SƯ LUẬT KHOA ĐÃ QUA ĐỜI

**Tòa thể Cựu sinh viên Đại Học Luật Khoa Sài Gòn thành kính tưởng niệm Quý Giáo sư:*

- 1/- Gs. Nguyễn Độ - Đã qua đời tại Pháp Quốc
2.- Gs. Hồ Thới Sang - Đã qua đời tại California,
3.- Gs. Trịnh Xuân Ngân - Đã qua đời tại Pháp.
4.- Gs. Nguyễn Huy Chiểu - Đã qua đời tại Canada
5.- Gs. Bùi Tường Chiểu - Đã qua đời tại Pháp
6.- Gs. Nguyễn Tấn Thành - “
7.- Gs. Vũ Văn Mẫu - “
8.- Gs. Bùi Tường Huân - “
9.- Gs. Trịnh Đình Khải - “
10.- Gs. Lưu Văn Bình - Đã qua đời tại Canada
11.- Gs. Vũ Quốc Thông - Đã qua đời tại Việt Nam

- 12.- Gs. Vũ Tâm Tư - Đã qua đời tại Việt Nam
13.- GS Nguyễn văn Bông - Qua đời tại
Sài Gòn
14.- Gs. Nguyễn Văn Thành - Qua đời tại Đức
15. Gs. Tôn Thất Trung Nghĩa - Qua đời tại Hoa
Kỳ
16.- Gs. Lê Đình Chân - Mới qua đời tại Canada
17.- GS Nguyễn xuân Lai - Đã qua đời tại
California, Hoa Kỳ.
18/Gs. Nguyễn huy Đẩu, đã qua đời tại Alexandria
, VA , Hoa Kỳ

GIÓ ĐƯA CẢNH TRÚC LA ĐÀ



Gs.VŨ QUỐC THỨC

Bản thân kẻ viết bài này không bao giờ có đầu óc địa phương phi lý như vậy: trái lại chúng tôi rất trân quý đồng bào miền Trung. Tuy nhiên khi bàn về một đề tài liên can tới văn học sử chúng ta cần phải khách quan và tôn trọng tinh thần khoa học. Tôi tin rằng tiếng chuông trong câu thơ trên là chuông chùa Trấn Vũ vì những lý do sau đây.

Trước hết, địa danh Trấn Vũ không đưa ra một cách đơn lẻ mà đặt trong một tổng thể gồm 4 địa danh: Trấn Vũ, Thọ Xương, Yên Thái, và Tây Hồ. Cả bốn địa danh này đều thuộc một khu vực chung là vùng tây cổ đô Thăng Long, tức Hà Nội cũ. Chùa Trấn Vũ là một thắng cảnh nằm trên đường Cổ Ngự, một đường đi ngăn cách Hồ Tây và Hồ Trúc Bạch. Thọ Xương là tên cũ của một huyện sát thành Thăng Long, trên bờ Hồ Tây, trong đó có những làng danh tiếng như làng Bưởi, làng Thụy Khê, làng Yên Thái, vân vân... Đặc biệt là làng Yên Thái chuyên nghề làm giấy bản: trong làng suốt ngày vang tiếng chày giã bột giấy của nhân dân. Như vậy toàn bài thơ tứ tuyệt liên can tới một vùng nhất định là vùng ngoại thành phía Tây của cổ đô Thăng Long. Nếu cho là tiếng chuông của chùa Thiên Mụ thì làm sao giải thích được sự hiện diện trong cùng câu thơ của huyện Thọ Xương, một nơi cách xa Huế hàng nghìn dặm?

Đọc bài thơ tứ tuyệt nói trên, ta có thể tưởng tượng là tác giả đã sáng tác ở đâu trong hoàn cảnh nào. Rõ ràng là lúc đó ông (hay bà?) ta đang ngụ ở một nơi trông ra Hồ Tây cách chùa Trấn Vũ cũng như làng Yên Thái không xa lắm nên mới nghe được tiếng chuông chùa cũng như tiếng chày giã bột giấy của dân làm giấy. Trước biến cố ngày 9 tháng 3 năm 1945 kẻ viết bài này từng cư ngụ ở đường Pépinière, một con đường đi từ đường Quan Thánh qua trường Bưởi (tức Lycée du Protectorat sau đổi tên là trường Chu Văn An), tới Vườn Ươm Cây của Thành Phố Hà Nội (vì thế con đường mới mang tên Pépinière) rồi tới các làng Thụy Khê, Yên Thái. Đứng trên gác ngôi nhà tôi cư ngụ, nhìn qua cửa sổ có thể thấy

Mới đây tôi được đọc trên mạng lưới Internet một bài phiếm luận lý thú về hai câu thơ, thời tiền đô hộ Pháp. Đó là hai câu lục bát:

*Gió đưa cảnh trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương ...*

Ngay từ hồi còn học ở Trường Thành Chung Nam Định (1934 - 1937), tôi đã được đọc hai câu thơ này, nhưng không phải là tiếng chuông Thiên Mụ mà là tiếng chuông Trấn Vũ. Theo tôi nhớ thì đây là hai câu đầu của một bài thơ tứ tuyệt:

*Gió đưa cảnh trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương,
Mịt mù bãi cát màn sương,
Nhịp chày Yên Thái, bóng gương Tây Hồ..*

Thiên Mụ là tên một ngôi chùa danh tiếng ở ngoại thành Huế, còn Trấn Vũ là tên một ngôi chùa cũng rất nổi danh ở phía tây thành Thăng Long cũ (tức Hà Nội). Vậy thì địa danh nào mới đáng coi là chính xác? Dĩ nhiên những ai sinh trưởng ở miền Trung, đặc biệt ở vùng Thừa Thiên, có xu hướng chọn địa danh Thiên Mụ. Trái lại những người gốc miền Bắc tin rằng địa danh Trấn Vũ mới đúng sự thật.

Vườn Ươm Cây và đàng xa là mặt nước Hồ Tây. Như vậy việc tác giả bài thơ thuật rằng mình nhìn thấy mặt nước Hồ Tây sau bãi cát phủ sương mù ở bờ hồ đồng thời nghe thấy tiếng chuông chùa Trấn Vũ và tiếng chày giã bột giấy của dân làng Yên Thái, là việc có thực, không phải bịa đặt để thi vị hóa. Tác giả đã ngẫu hứng vào lúc nào? Theo tôi nghĩ lúc đó là bình minh vì bốn chữ canh gà Thọ Xương. Hồi theo cấp tiểu học, tôi từng thuộc lòng một bài thơ khác khởi đầu như sau:

*Trống canh năm gà vừa gáy sáng,
Bừng mắt dậy trời đã rạng đông!
Ngắm phong cảnh đẹp vô cùng:
Hỏi ai thêu dệt? Ấy Ông Thọ Trời!*

Tác giả không nói tới tiếng trống cầm canh của đồn Thọ Xương mà lại nói tiếng gà gáy. Tất nhiên gà gáy vào lúc bình minh chứ không gáy ban đêm: có lẽ tiếng gà gáy đã vang lên cùng lúc với tiếng trống điểm canh năm chẳng? Vì thế tác giả mới nảy ra ý nghĩ ngộ nghĩnh là con gà gáy điểm canh! Đây là một nghệ thuật chơi chữ táo bạo của các nhà thơ, nhà văn, có dụng ý đánh động sự hiếu kỳ của độc giả hay thánh giả. Từ xưa đến nay đã ai thấy gà gáy điểm canh suốt đêm đâu! Chẳng trách có người đã hiểu lầm và dịch canh gà Thọ Xương là chicken soup of Thọ Xương (bouillon de poulet de Thọ Xương)!

Tiếng chuông chùa cũng như tiếng chuông giáo đường thường có ảnh hưởng gây xúc động trong tâm hồn những người nhạy cảm. Thời Nhà Đường, một thi sĩ Trung Hoa, ngủ trên thuyền ở bến Cô Tô, giữa đêm bỗng nghe thấy hồi chuông từ chùa Hàn San vọng lại. Ông ta ngẫu hứng đã sáng tác một bài thơ trữ danh trong đó có hai câu:

*Cô Tô thành ngoại Hàn San Tự
Dạ bán chung thanh nào khách thuyền!
(Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San)*

Hồi chuông mà tác giả của chúng ta đã nghe thấy không có tính cách bất thường như hồi chuông giữa đêm khuya của chùa Hàn San: đó chỉ là hồi chuông được giống lên mỗi buổi sáng. Tuy nhiên đối với những người đang có chuyện ưu tư hay phiền não nó nhắc nhở cho họ rằng mọi sự trên cõi đời trần tục này đều là vô thường!

*Đánh tan tục niệm hồi chuông sớm!
Gõ vỡ trần tâm tiếng mõ trưa!*

Tác giả của chúng ta có ở trong trạng thái tâm thần đó không? Ta không thể quyết đoán, chỉ biết chắc rằng ông (hay bà) ta đã chú tâm đến hồi chuông này. Có thể thôi!

Dựa trên các chi tiết trong bài thơ, tôi giả thiết như sau: tác giả vừa thức dậy, nhìn ra ngoài vườn thì thấy nhiều cành trúc trong bụi trúc trước nhà la đã trước gió, rồi nghe thấy tiếng chuông ban mai của chùa Trấn Vũ vang dội cùng lúc với tiếng gà gáy từ phía đồn canh của Huyện lỵ Thọ Xương. Tác giả thâm nghĩ "Thật chẳng khác chi con gà đã thay lính cầm canh báo cho ai nấy biết rằng canh năm tới rồi!". Tác giả nhìn về phía bãi cát ở bờ Hồ Tây, thì thấy sương mù mờ mịt. Mặc dù còn tranh tối tranh sáng như vậy, đã nghe thấy tiếng chày giã bột giấy của dân làng Yên Thái. Rồi qua màn sương, tác giả thấy mặt nước Hồ Tây lóng lánh như một tấm gương vĩ đại... Ngẫu hứng nhà thơ đã sáng tác bốn câu lục bát, còn được truyền tụng cho đến ngày nay.

Rõ ràng đó là một bài thơ tả cảnh, rất hiện thực. Tuyệt nhiên không phải là thơ tả tình vì không có một câu nào, một từ nào, nói lên tình cảm của chủ thể. Điều bất ngờ là do các biến chuyển của thời cuộc, bài thơ dần dần trở thành thơ tả tình, hơn thế nữa: đã được dùng như một thông điệp để biểu lộ một thái độ chính trị.

a) Sự biến chuyển thứ nhất là việc nước Pháp chiếm Nam Kỳ làm thuộc địa (1863) rồi đặt nền bảo hộ trên hai miền Bắc Kỳ và Trung Kỳ (1884). Lợi dụng tình trạng khiếm nhược của Triều đình Huế, nhà cầm quyền Pháp đã dần dần biến chế độ bảo hộ trên giấy tờ thành một chế độ trực trị trong thực tế. Những thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định ở Bắc Kỳ hoàn toàn do các cai trị viên Pháp quản lý. Bộ mặt của những thành phố này thay đổi sâu xa. Trước cảnh tang thương ấy, nhiều sĩ phu cựu học cảm thấy nhớ tiếc thời đất nước còn tự chủ: thời Hà Nội còn gọi là Thăng Long với những hình ảnh, những âm thanh được ghi trong bài thơ tứ tuyệt "Gió Đưa Cành Trúc La Đà"... Các cụ đã ngâm nga bài này để nói lên tâm trạng hoài cổ của mình và gián tiếp bày tỏ nguyện vọng cần vương phục quốc. Nhưng sau sự thất bại của các nhà kháng chiến như Phan Đình

Phùng, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thiện Thuật... của các phong trào duy tân như Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, sau khi thấy các vị vua có tinh thần đấu tranh như Hàm Nghi, Duy Tân, Thành Thái bị lưu đày ra hải ngoại... nhiều cụ đã chán nản, chua chát ghi nhận những sự thật ngang tai chóng mắt. Thí dụ: Cụ Tú Trần Kế Xương trong mấy câu:

*Vợ lăm le ở vú!
Con tấp tểnh đi bơi!
Khách hỏi nhà Ông đến:
Nhà Ông đã bán rồi!*

b) Sự biến chuyển thứ hai xảy ra trong những năm đầu của thập kỷ 1930. Sau khi những âm mưu khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng và của Đảng Cộng Sản Đông Dương bị nhà cầm quyền thuộc địa thẳng tay đàn áp, Pháp áp dụng chính sách "lập lò đánh lặn con đen" với hy vọng ru ngủ nhân dân hai miền Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Vua Bảo Đại được Pháp đưa về hồi loan chấp chính, Triều đình Huế được tân trang với sự bổ nhiệm một số nhân vật tân học vào Viện Cơ Mật nhưng cơ cấu chính trị và hành chính vẫn giữ nguyên vẹn với các định chế lỗi thời như định chế quân chủ thiên mệnh, định chế quan lại, định chế xã thôn tự trị... Nguyên vọng của các tổ chức đấu tranh và những người yêu nước là phải canh tân toàn diện chứ không phải là cải cách nửa vời, giả dối! Bài thơ "Gió Đưa Cành Trúc La Đà" bị coi như tượng trưng xu hướng thủ cựu, một xu hướng chỉ có lợi cho nhà cầm quyền thuộc địa. Sau khi vua Bảo Đại bổ nhiệm sáu vị thượng thư "tân học" để thay thế lục bộ cũ, tuần báo hải hước Phong Hóa đã đăng một bức hí họa trong đó sáu cụ "Thượng mới", quần trùng áo dài, đeo thẻ bài lưng lửng, chen chúc nhau trên một con thuyền nhỏ bé lênh đênh trên sông Hương. Dưới bức họa ghi hai câu thơ lục bát:

*Gió đưa cành trúc la đà
Một thuyền chạt ních bài ngà thượng thư ...*

Bài thơ "Gió Đưa Cành Trúc La Đà" trước kia được coi là biểu tượng của thái độ chống thực dân Pháp thì nay đã biến thành biểu tượng của thái độ thủ cựu, hợp tác với nhà cầm quyền thuộc địa Pháp!

c) Sự biến chuyển thứ ba xảy ra sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 với sự di cư của hơn một triệu người Việt tị nạn ra ngoại quốc. Nhiều người tị nạn đã mượn bài thơ "Gió Đưa Cành Trúc La Đà" để nói lên nỗi lòng tưởng

nhớ quê hương của mình. Tất nhiên những người gốc miền Trung đã sửa lại tiếng chuông Trần Vũ thành tiếng chuông Thiên Mục.

Ba mươi năm đã trôi qua. Số người tị nạn ở hải ngoại, cộng với con cháu họ và những người Việt không chịu hồi hương sau khi chế độ cộng sản Liên Xô tan rã, đã lên gần ba triệu. Khỏi cần chứng minh là nhiều thanh thiếu niên không biết gì về lịch sử cũng như văn chương Việt Nam. Nhiều người nói tiếng Việt còn không sôi. Do đó, khi họ đọc bài thơ trữ danh "Gió Đưa Cành Trúc La Đà" họ đã không hiểu những từ ngữ dùng trong bốn câu thơ. Nếu tra tự điển để tìm nghĩa từng chữ thì có thể sai lầm thảm hại như tác giả bài phiếm luận nói trên đăng trên internet đã chứng minh một cách rí rỏ. Chẳng hạn người ta có thể nghĩ rằng "la đà"ø là một đàn la và lạc đà rồi suy luận rằng cành trúc là cây roi tre của kẻ chặn đàn la và lạc đà này. Rồi Thiên Mục thì được hiểu là Vợ của ông Trời, chuông đồng của chùa giống như chuông điện chỉ cần bấm là kêu leng keng, còn canh gà Thọ Xương có lẽ là canh xương gà trong các tiệm ăn Tàu! Tác giả bài phiếm luận đã dựa trên những sự lầm lẫn đó để làm bài thơ trào phúng sau đây:

*Roi tre vun vút vun ra:
Lũ lạc đà với lũ la chạy cuồng...
Vợ Trời giáng một hồi chuông
Gọi về ăn bát canh xương gà Tàu!*

Nếu dụng ý của tác giả bài phiếm luận là chế giễu các thanh thiếu niên không có đủ kiến thức về ngôn ngữ và văn chương Việt Nam, thì tôi nghĩ rằng cũng tội nghiệp cho họ quá! Họ đâu có được học hỏi về ngôn ngữ và văn chương Việt Nam như ông, cha của họ!

Kẻ đáng trách chính là chúng ta, những người lớn tuổi thuộc thế hệ ông, cha của các thanh thiếu niên ấy. Chúng ta đã không làm hay không làm đủ bốn phận truyền đạt cho con cháu chúng ta những kiến thức về văn hóa dân tộc mà chúng ta đã hấp thụ.

Thiên phiếm luận đăng trên Internet về bài thơ "Gió đưa cành trúc la đà" đã giúp chúng ta ý thức sâu sắc hiểm họa vong bản đang đe dọa con cháu chúng ta. Chúng ta không nên trì hoãn nữa: cần phải làm một cố gắng quyết liệt để chấn chỉnh tình trạng này./.

VŨ QUỐC THÚC

(Paris)

BÀN NGANG TÁN DỤC:



HUẾ - SAIGON – HÀ NỘI
Hay
GIÓ ĐƯA CẢNH TRÚC LA ĐÀ

-Chính Phong Nguyễn Hoàng-

* Một vài ý kiến về “ GIÓ ĐƯA CẢNH TRÚC LA ĐÀ”. của Giáo sư VŨ QUỐC THỨC.

Có phải miền Trung lấy thơ của miền Bắc hay không ?

Lột lòng mẹ, em may mắn được đặt vào cái nôi êm ái của “đất Kinh Đô ngàn năm văn vật” :

“Địu dàng nếp đất An Dương, xưa nay là chốn văn chương nổi tài”

(An Dương thuộc xã Tân Tiến, huyện Bình Lục ; xưa có nhiều người học giỏi, lắm tài).

“Chẳng thơm cũng thể hoa nhài, chẳng lịch cũng thể người Thượng Kinh’.

(Thượng Kinh là đất kinh đô, ở trên hết các nơi khác trong nước, đó là Thăng Long).

“Nước hồ Tây vừa trong vừa mát, đường Chợ Bưởi lấm cát dễ đi.”

(Hồ Tây rất lớn, diện tích trên 500 héc-ta, ở phía tây bắc Hà-Nội).

Đây ! thấy chưa ? Ngay đầu đời em đã được cha mẹ nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Từ bé nào văn tài ... hào hoa phong nhã, lịch lãm có thừa. Với cảnh trí thanh thản, êm đềm, thấm thiết : nào phủ Tây Hồ (thờ chúa Liễu Hạnh), đền đền Ngọc Sơn , rồi đường vô chợ Bưởi lấm cát dễ đi...

Một trong những cảnh đẹp nhất kinh thành Thăng Long, phải kể đến : đền Quán Thánh.

A.-“ Gió đưa cành trúc la đà (1)

“Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương (2)

“Mặt mù bãi cát màn sương (3

“Nhịp chày Yên Thái, bóng gương tây hồ.

Theo cuốn kho tàng ca dao Việt do Nguyễn Văn Kính... chủ biên :

Câu (1) có bản viết là “phát phơ ngọn trúc trắng tà”.

Câu (2) : “tiếng chuông Trấn Quốc canh gà Thọ Xương”

Câu (2) : “tiếng chuông Thiên Mục canh gà Thọ Xương”

Câu (3) : “tuyết mù khói toả ngàn sương”.

Trước hết ; chúng ta hãy xét sơ qua về địa danh đền Trấn Vũ, Thọ Xương, Yên Thái, Tây hồ và chuông đền Trấn Vũ .

*Đền Trấn Vũ hay Trấn Vũ cũng có tên là Đền Quán Thánh, tọa

lạc cuối đường Quan Thánh cạnh hồ Tây Hà-nội, ngày nay là đường Thanh Niên. Đền thờ ông thánh Trấn Vũ, công có ba chữ “Chấn Vũ Quán”, là nơi thờ những vị theo đạo thần tiên (Lão Tử) ảnh hưởng của Trung Hoa và Việt Nam.

Theo truyền thuyết Trung Hoa, Trấn Vũ được Ngọc Hoàng cho coi giữ phương Bắc, có bộ hạ là rắn và rùa, thần này có tài trị hồ tinh quái nhiều dân lành.

Theo truyền thuyết của Việt Nam, Trấn Vũ là thần ở núi Sài (thuộc Thụy Lôi, huyện Đông Anh ngoại thành Hà-nội). Vị này đã giúp An Dương Vương trừ ma quái quấy nhiễu, khi xây thành Cổ Loa, ông thường du ngoạn ở hồ Tây và trừ hồ tinh 9 đuôi, thường lần quất trong núi đá, rừng lim bên phía tây hồ này.

Dân gian truyền tụng rằng đền Quán Thánh có từ đời Lý Thái Tổ, là một trong tứ trấn bảo vệ phía bắc của thành Thăng Long.

Trong đền có một chuông cao 1m50, đúc năm 1677 với tượng đồng đen Trấn Vũ nặng gần 04 tấn, cao 3m96, chu vi tượng là 3m48. Tượng thần ngồi xoắn tóc, tay phải chống gươm, lưỡi gươm có rắn quấn, chống lên lưng rùa, tay trái bắt quyết.

Chính bức tượng này, mới nổi tiếng về nghệ thuật đúc đồng của ta, cách đây mấy thế kỷ trước. Cũng do tính cách trừ ma quái của thánh Trấn Vũ, mà dân gian khi tới lễ đền, đã xoa tay lên bàn chân tượng, khiến chân ngài lấm bóng.

Hồi sáu, bảy tuổi, vào dịp tết hay ngày rằm, em thường được mẹ dẫn đi lễ chùa, như đền Ngọc Sơn, chùa một cột, nhất là đền Quán Thánh. Em còn bé quá, nên mẹ phải bế em lên xoa chân tượng Quán Thánh,

lấy phước để hay ăn chóng lớn. Em cũng đã tung tăng chạy nhảy trên đường Cổ Ngự, với cây cao bóng cả. Rồi ghé thăm vườn bách thú (sau này đổi tên là vườn Bách Thảo vì không còn thú nữa). Ôi ! biết bao kỷ niệm êm đềm lúc thiếu thời.

***Thọ Xương :** vào thế kỷ 15 ; đầu đời Lê Lợi, kinh thành Thăng Long gọi là Đông Kinh, “nằm trong một đơn vị hành chính, có tên là phủ Phụng Thiên, phủ này gồm 2 huyện Quảng Đức và Vĩnh Xương. Sang đời nhà Mạc (1541-1546). huyện Vĩnh Xương đổi ra là Thọ Xương, nằm trong quận Hoàn Kiếm và Hai Bà Trưng ngày nay.

***Yên Thái :** thuộc vùng Bưởi, quận Ba Đình Hà Nội. Yên Thái có nghề làm giấy, ngoài ra còn có giếng nước trong nổi tiếng ở đầu làng :

“Yên Thái có giếng trong xanh

Có đôi cá sấu ngồi canh đầu làng

Ài qua nhẩn nhủ cô nàng

Yêu nhau xin chớ phũ phàng đổi thay.

Quý vị thấy tình quá đi chứ!. Rồi :

“Yên Thái có hồ Nguyệt Nga.

Có sông Tô Lịch, đôi ta chèo thuyền.”

(Hồ Nguyệt Nga ở phía đông sông Tô Lịch).

Sông Tô Lịch gắn liền kinh thành Thăng Long cũ, phát xuất từ sông Hồng, chảy qua Thụy Khuê và Yên Thái. cả đôi đã tình còn du dương nữa! (chèo thuyền trên sông Tô).

***Tây Hồ :** còn gọi là Hồ Tây; là một hồ vĩ đại, chu vi 15 cây số, thuộc huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức – giáp với huyện Từ Liêm, được xem là một thắng cảnh nổi tiếng của Thăng Long thành.

Cho dù là : “phất phơ ngọn trúc trắng tà” hay “gió đưa cành trúc la đà” (3), hoặc “tuyệt mù khói tỏa ngàn sương” (3), hay “Mịt mù bãi cát màn sương” (3). Dù là thơ hay ca dao, 4 câu trên (A), đã tả cảnh buổi sáng tinh mơ, sương còn mờ mịt, khi gà vừa gáy canh năm. Cùng lúc, tiếng chày giã bột giấy vọng lại từ làng Yên Thái, hiệp với tiếng chuông đèn Quán Thánh giống lên như để đánh thức bà con Hà Thành, sau một đêm dài an bình với nhiều mộng đẹp : Dậy đi ! dậy đi bà con, đêm đã tàn, lại bắt đầu một ngày mới, ánh bình minh đã hé lộ nơi chân trời, trải nhẹ trên ngọn trúc la đà soi bóng ven hồ.

Thật tuyệt trần : an bình và hạnh phúc!

Con chuột (mouse), lướt trên mạng... Chợt thấy Lê Quang Thái trình làng bài thơ “Hanội tức cảnh” do cụ Dương Khuê (1835-1898) sáng tác :

“Phất phơ ngọn trúc trắng tà

Tiếng chuông Trấn Võ canh gà Thọ Xương
(hai)

Mịt mù khói tỏa ngàn sương

Dịp chày An Thái mặt gương Tây Hồ.

Năm Mậu Ngọ (1918), cụ Phạm Quỳnh thăm Huế, viết ký sự “10 ngày ở Huế”, đã chuyển dòng thứ hai của bài thơ trên, thành :

“Tiếng chuông Thiên Mục canh gà Thọ Xương”.

Ngâm cả 4 câu thơ trong bài là :

(B). **“ Gió đưa cành trúc la đà (a)**

Tiếng chuông Thiên Mục canh gà Thọ Xương (b)

Thuyền ai xuôi mái sông Hương (c)

Có nghe tâm sự đôi đường đắng cay (d).

Hai cảnh trí có những yếu tố giống nhau, nhưng ở hai miền khác nhau.

Chùa Thiên Mục tọa lạc trên một quả đồi ngay bờ sông Hương - Huế. Chùa được cất năm 1601, trong chùa có 32 pho tượng bằng vàng (vàng thiệt). Nay đã bị lấy mất ; có tháp bảy tầng , cao 21m20, mỗi tầng thờ một tượng Phật, có bia đề năm 1715 và 1804. Chuông đúc năm 1710 (đúc sau chuông đèn Trấn Vũ 33 năm – 1677). Chuông nặng 2.052 kí lô và được treo trong lầu 6 góc.

Chùa bắt nguồn từ một truyền thuyết : “Ngày kia : có một cụ già đầu bạc phơ, mặc quần xanh áo đỏ ngồi ở đỉnh đồi và nói : “rồi sẽ có một vị chân tu đến lập chùa ở đây thờ Phật để cầu phúc giúp nước giúp dân. Nói xong cụ biến mất!

Từ đó, dân chúng gọi núi này là Thiên Mục Sơn (núi Bà Trời). Đuan Quốc Vương tức Nguyễn Hoàng khi du ngoạn nơi đây, nghe được truyện này, tự cho mình là vị chân Chúa, bèn ra lệnh cất chùa với biển đề “Thiên Mục Tự”.

Thiên Mục chung thanh (tiếng chuông Thiên Mục), là tên một bài thơ của vua Thiệu Trị vịnh, đã liệt chùa vào 20 thắng cảnh đẹp nhất của đất thần kinh (Huế).

Thọ Khương, nằm cạnh bờ nam sông Hương, đối diện với chùa Thiên Mục - Thọ Khương là tên nguyên thủy . Sau được vua Gia Long đổi thành “Thọ Xương”, vì Khương phạm húy của vua cha tên Hiếu Khương Hoàng Đế. Đến đời Minh Mạng lại đổi thành Long Thọ Cương và ngày nay đổi thành Long Thọ - xin vấn tắt như sau :

Thọ Khương = Thọ Xương = Long Thọ

Khương = Long Thọ

(Nguyễn Thuý) (Gia Long đổi) (Minh Mạng đổi)
(ngày nay) Qua đó, câu (

B) trên vờ tả cảnh (a) và (b), lại vừa tả tình (c) và (d).

Đất Hà Thành ngàn năm văn vật, có chuông đèn Trấn Vũ đóng lên vào sáng sớm, thì chùa Thiên Mục, tiếng chuông còn vang xa hơn, quện với tiếng gà gáy

sớm đã đưa những con thuyền xuôi ngược tấp nập trên dòng sông hương, khiến lũ khách phải ngầy ngất trước cảnh và tình :

**Học trò trong Quảng ra thi,
Thấy cô gái Huế mà đi không đành.”**

Thật vậy, những tà áo trắng phất phơ, bên vành nón bài thơ, làn tóc thề buông lơi, với hàng hàng lớp lớp nữ sinh , khua vang tiếng guốc trên cầu TràngTiền, thu hút các chàng trai xứ Quảng.

Nhắc đến Sông Hương, chúng ta không thể quên được núi Ngự:

**Đò chèo sông Hương tiếng hò văng vẳng
Dương trông núi Ngự gió thoảng vo vo
Anh nghe ai ngẩn chợ đón đò
Bỏ mấy lời nguyện ước hẹn hò trước sau.**

Thế rồi, đò và lũ khách tiếp tục hành trình :

**Đò từ Đông Ba đò qua đập Đá
Đò về Vỹ Dạ thảng ngả Ba Sinh
Lờ đờ bóng ngả trắng chênh
Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.**

Con đò nhỏ bé cứ thong thả lướt trên sông Hương, từ chùa Thiên Mụ, xuyên qua Đông Ba, rồi về Vỹ Dạ - nơi tập chung bao văn thi nhân. Trong đó, có Ứng Bình Thúc Dạ, cụ quê ở phường Vỹ dạ Huế (1877 – 1961), là cháu nội của Túy Lý Vương Miên Trinh, cụ là một nhà thơ nổi tiếng với nhiều thể loại. Nhưng nổi bật nhất, phải kể đến những bài hò quện với văn học dân gian như :

**Chiều chiều trước bến Văn Lâu
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông ?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Đưa câu mái đẩy, chạnh lòng nước non.**

Văn Lâu còn gọi là Phú Văn Lâu, là một tòa nhà nhỏ hai tầng, nằm phía ngoài kinh thành, xây vào cuối đời vua Gia Long (1819), mặt hướng xuống Sông Hương. Lầu này được treo các chiếu chỉ của nhà vua, hay niêm yết bằng các thí sinh trúng tuyển trong các khoa thi lón.

Tương truyền rằng : thời Pháp thuộc, Trần Cao Vân và vua Duy Tân thường giả vờ làm người câu cá bên bến Văn Lâu, hoặc hồ Tĩnh Tâm để trao đổi kế hoạch chống Pháp. Tháng 5-1916 lần cuối gặp vua, chiếc thuyền thấp thoáng bên sông, chờ sẵn để đón vua rời kinh thành đã bị bại lộ. Vua bị bắt, Pháp đầy ngài sang Châu Phi, còn Trần Cao Vân và Thái Phiên bị chém đầu.

Theo gót chân người lũ khách, cầu Tràng Tiền như thêm nhịp, nước sông Hương chảy hoài vào tận Đồng Nai.

**Rồng châu ngoài Huế, ngựa tể Đồng Nai
Nước sông Hương sao lại chảy hoài
Thương người xa xứ lạc loài tới đây.**

Lũ khách tới, rồi đã hẹn hẹn thề thề :

Bao giờ cạn lạch Đồng Nai.

Nát chùa Thiên Mụ mới phai lời thề.

Nước còn phải rẽ hai thì lời thề sao lại không phai nhạt ?!

**Nhà bè nước chảy chia hai,
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về.**

Thôi; chia tay từ đây, vì lũ khách còn nặng uân đôi vai với hai chữ “nước non”.

Người viết chạy lòng vòng theo chân lũ khách : khi Huế, khi Sài Gòn và Hà Nội, với những câu ca dao, câu hò của ba miền đất nước để thừa quý vị, nhất là bạn trẻ rằng : “quê hương ta tuy nhỏ bé, nếu so với Mỹ quốc, Trung quốc, nhưng tinh thần dân tộc của người Việt ta lại rất vĩ đại.

Này nhé ; qua hàng ngàn năm đô hộ giặc Tàu, chúng chỉ muốn ăn sống nuốt tươi dân tộc ta, nhưng đều thất bại nhục nhã. Rồi : “thằng Tây nó ở bên tây, bởi Vua Chúa Nguyễn rước thầy đem sang, cho nhà cho nước ta tan hoang” và “Thằng Nhật có cái gươm dài, dân ta chỉ có nắm tay củ gừng”.

Vào thời điểm trên (1945) gần hai triệu người miền Bắc chết đói!

Miền Trung : “**quê hương em nghèo lắm ai ơi, mùa đông thiếu áo, mùa hè thiếu ăn... Trời bầy con lụt mỗi năm, à... ời...**”

Khổ thay! ấy vậy mà dân ta đều vượt qua, để tồn tại tới ngày nay.

Còn quê hương còn dân tộc thì chúng ta còn bảo vệ, đó là trách nhiệm chung. Và lại, không đâu bằng quê hương “east or west, home is best”.

Các bạn trẻ ơi ! dân ta nghèo, nhưng rất giàu lòng nhân ái và trọng lễ - trí - tín, Lại có tinh thần ham học, cần cù, nhẫn nại, bất khuất nhưng không hiếu chiến.

Xét về con người Việt Nam, một số người đã nhận xét như sau : “mỗi người Việt Nam đều là một văn nhân hay ít ra có một tâm hồn thi nhân”. Có ngoa lắm chăng ?.

Thực vậy ; từ quê nghèo thân thương, các trẻ chăn trâu đã mang một tâm hồn nghệ sĩ rồi: “Nằm trâu thổi sáo vui đời Thuần Ngưu“(đời an bình của vua Nghiêu, vua Thuần bên Trung Hoa (2256-2208 trước T.C).

Nói chung, hơn 4000 năm lịch sử, dân tộc ta từ ngàn xưa tới nay đã sáng tác hàng mấy chục ngàn câu ca dao tục ngữ, thi thơ – văn không biết bao nhiêu mà kể, đọc suốt đời không xong. Thành quả này đã trả lời bài viết của Giáo sư Vũ Quốc Thúc :

“ (c)... Sự biến đổi xảy ra sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, với sự di cư của hơn một triệu người Việt tị nạn ra ngoại quốc. Nhiều người tị nạn đã mượn bài thơ “Gió đưa cành trúc la đà” để nói lên nỗi lòng

nhớ quê hương của mình. Tất nhiên những người gốc miền Trung đã sửa lại **Tiếng chuông Trấn Vũ thành tiếng chuông Thiên Mục...**” (bài viết Gió đưa cành trúc la đà của giáo sư luật khoa Vũ Quốc Thúc đăng trên mạng).

Sự quyết đoán trên, e có phần hơi hấp tấp chăng ?

Cà kê đề ngỗng mấy trang giấy, làm mỏi mắt bạn đọc (xin tạ tội). Người viết cũng chỉ có một mục đích chứng minh rằng : tiền nhân khả kính của chúng ta đã để lại biết bao văn – thi phú, các cụ ngẫu hứng sửa qua đổi lại, lấy ý này tiếp ý khác, khiến con cháu (hậu sinh) chẳng biết đâu mà lần, thí dụ bài hát phường vải có câu ;

“Lặng nghe lời nói như ru,

Đêm thu dễ khiến nét thu ngại ngừng.

Truyện Kiều của Nguyễn Du lại có câu ;

“Lặng nghe lời nói như ru,

Chiều xuân đã khiến nét thu ngại ngừng.”

Hát phường vải có câu :

“Vùng trăng ai xẻ làm đôi.

Đường trần ai vẽ ngược xuôi hỡi chàng”.

Truyện Kiều có câu :

“Vùng trăng ai xẻ làm đôi.

Nửa in gôi chiếc nửa soi dặm trường”.

Qua hai câu tương tự trên, đồ ai xác định được truyện Kiều chịu ảnh hưởng của tiếng hát phường vải, hay ngược lại phường vải (thơ ca dân gian) ảnh hưởng thi ca Kiều.

Như đã trình bày ở trên ; cụ Dương Khuê làm “câu thơ (A). gió đưa cành trúc ...

Cụ Phạm Quỳnh sau khi thăm Huế, sửa lại “tiếng chuông Thiên Mục thay vì tiếng chuông Trấn Vũ (B) ? Không biết (giả dụ), cụ nào là cha đẻ của câu thơ (A), không biết cụ nào sửa thơ (câu thứ hai) tiếng chuông Trấn Vũ thành tiếng chuông Thiên Mục (trường hợp nếu không phải cụ Phạm Quỳnh) ? Thì tiền nhân nào đó đã “vô tình” vứt mớ bong bóng cho bọn hậu sinh gỡ. Mà càng gỡ càng rối, để rồi dân miền Trung ăn búa tạ với tội “sửa thơ – trộm tria (ăn cắp), cướp (bắt chước), đạo thơ (danh từ văn chương), cầm nhầm thơ (tội này còn nặng hơn tội cầm nhầm vợ bạn) để làm của mình .

Các bạn miền Trung nhỏ bé xấn xính của già ời (em xinh em bé tên là Hương Giang, các o (cô), các mẹ (bà) ời có nhớ quê hương, còn biết bao bài thơ chữ tình, chữ cảnh của quê hương mình, việc gì phải chép thơ miền Bắc, để rồi nên cớ sự!

Bà con tỵ nạn cũng thừa biết rằng, tội ăn cắp hay chiếm đoạt tác phẩm văn học, nghệ thuật là lỗi thôĩ, rắc rối lắm ! tuy không “tu huyên” thì cũng phải bồi thường mót chi. Các bạn có bán quê nghèo (phần miếng gan, miếng tiết, thì con cháu “Bác” đã bán hết rồi!)

“Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa.... nào thác Bản Dốc, rồi Trường Sa, Hoàng Sa dầu mỡ cũng vào tay chú ba

Tàu, còn gì nữa mà bán? Sạch bách, lấy gì mà chạy thầy kiện ?

Xin bỏ nhỏ : trường hợp này “bàn ngang tán đọc” tình nguyện cãi thí không công. Cãi dzăng nước miếng, cãi đồ mồm hôi , cãi chầy cãi cối, cãi vung tán tăn (vì mấy chục năm nay không được cãi, đang ngứa miệng), cãi mất bằng luôn (có bằng đầu mà mất), nhưng cũng cãi...

Nếu họ kiện tại Mỹ, thầy kiện tôi chẳng tốn tí nước miếng nào, vì chỉ cần xin toà tuyên bố “vô thẩm quyền” là mình thắng chắc như bấp.

Còn nếu họ kiện ở Việt Nam thì có mà “kiện củ khoai”. Như vậy chúng mình sẽ bắt chiến tự nhiên thành, xin các bạn cứ vui vẻ khoẻ mạnh mà đi cày ở cái xứ tự do này.

Tuy nhiên, “ngang phè” này cũng khuyên các bạn, bận sau có sửa đổi thơ của ai thì nên khéo khéo, chứ mà lâm vào tình trạng biết một mà chẳng biết hai thì quê lắm ! Đây là cái lỗi biết mù mờ, biết không ra biết, biết mang máng như trong câu chuyện Tô Đông Pha và Vương An Thạch sau đây :

Tô Đông Pha, cha và em được kể như ba đại văn hào đời Tống bên Trung Quốc, năm 20 tuổi (1086) đã đỗ tiến sĩ, vua Tiêt Tông phong cho ông làm hàn lâm học sĩ (1086) và binh bộ thượng thư, vậy mà đã hiểu nhầm câu :

**“Minh nguyệt sơn đầu khiêu,
Huỳnh cầu ngọa hoa tâm.”**

(của tể tướng Vương An Thạch)

Tô Đông Pha cho rằng sao “trắng sáng lại kêu (hót) ở đầu non; chó vàng lại nằm trong cái hoa được “. Nên sửa chữ “khiêu” (kêu, hót) thành ra chữ chiếu, chữ tâm thành chữ “âm”, (âm hay âm can có nghĩa là bóng mát, nơi không có ánh sáng. Âm trái nghĩa với dương, được tượng trưng cho đất, cõi âm (ý người viết).

Như vậy, câu thơ trên được sửa lại là : “trắng sáng (minh nguyệt), chiếu (khiêu) ở đầu non. Con chó vàng (huỳnh cầu), nằm (ngồi - ngọa) dưới bóng râm (âm) của cum hoa.

Thấy Pha hiểu lầm câu thơ của mình, lại có ý ngông và ngạo mạn (người viết thêm mắm muối), nên tể tướng Vương An Thạch chẳng muốn gọi đến sai sể để giảng giải v.v...mà chơi khăm tổng (ra lệnh đổi Pha đến một miền khi ho cò gáy!). Đi một ngày đàng học một sàng khôn Pha mới thấy rằng nơi đây có một giống chim tên là “Minh Nguyệt” và “Huỳnh Cầu “ là tên một giống sâu chuyên phá hoại hoa làm hoa mau tàn.Như vậy, quả Pha đã sửa lợn lành ra lợn què. Xấu hổ và nhủ thâm sửa thơ của người khác, mà không thông sự lý là không thấu đáo sự việc, đúng là biết một mà chẳng biết hai

Cho chắc ăn, chúng ta nên học nằm lòng “biết thì thừa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe”!

Ồ đời; ai giám vỗ ngực mà nói rằng ta là “number one”. Vì núi cao lại có núi cao hơn – “cao nhân tất hữu cao nhân trị”. Tuy nhiên, biết phục thiện là người thức thời mới sống hài hoà và hoà đồng trong xã hội loài người được, còn sự làm lẫn ai lại không? “**thánh nhân còn có khi lầm**” và “**vua chúa còn có khi lầm, hướng chỉ bà lão tám lăm tuổi đầu !**”

Lầm thì sửa, sửa còn sai thì sửa nữa (luận điệu của VC), sửa nữa vẫn sai thì sao? thì... hết sửa!

Tóm lại, để chấm dứt cuộc tranh luận, toà phán:

Bởi các lẽ trên:

- Hà Nội có chuông, có đèn, có thơ của Hànội.
- Huế có chùa, có chuông, có thơ của Huế. Không bên nào “sỉ” (lấy) của bên nào cả, vì: Huế Sài Gòn - Hà Nội đều là quê hương của Việt Nam ta.

Về quyền lợi dân sự, toà phán:

Ồ đời muôn sự của chung,

Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.

Nguyễn bị có thời hạn 10 ngày để thượng tố lên “Thiên Tào”

Bãi!

Thưa quý vị, phần trên đây đã giải tỏa thắc mắc thứ ba (phần C) của giáo sư Vũ Quốc Thúc, kể như được thông qua. Thêm vào nó còn giải thích thêm phần mở của bài khảo luận “Nếu cho là tiếng chuông của chùa Thiên Mụ thì làm sao giải thích được sự hiện diện trong cùng câu thơ của huyện Thọ Xương, một nơi cách xa Huế hàng nghìn dặm?” Xin thưa! chuông chùa Thiên Mụ chỉ vang xa khoảng 5 cây số quanh kinh đô Huế. Chuông đèn Trấn Võ cũng chỉ vọng ra quanh kinh thành Thăng Long mà thôi. Chỉ e rằng nếu mãi tranh luận về văn thơ thi phú, để quên đi việc cảnh giác các con em, con cháu rằng: nguy cơ Trung Cộng đã và đang thôn tính nước ta! Hỏi rằng, liệu đèn Trấn Võ, chùa Thiên Mụ có còn để mà chúng ta ngâm nga những bài thơ tuyệt tác trên không? Hay lúc đó chính tiếng chuông chùa Hàn San “**dạ bán chung thanh náo khách thuyền**”:

“Thuyền ai đậu bến Cô Tô.

Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.”

Tiếng chuông nửa đêm đã đánh thức con dân VN dậy lao động cho nước đàn anh của Bác và Đảng!

Thật nực cười cho cảnh “traị cò cãi nhau”, ngư ông (Trung Cộng) hưởng lợi.

Biết nói gì đây, khi mà con em chúng ta nơi quê nhà đang bị:

“Đép râu dầm nát đời son trẻ,

Nón tai bèo che lấp nẻo tương lai.

(ca dao sau 1975).

Người lớn thì:

“Cô giáo phải bán bia ôm.

Ôm phải học trò, ăn nói sao đây?”

Còn thầy giáo phải bán bia ôm thì thầy ôm ai đây?

Còn gì cay đắng cho bằng:

“Chiều chiều trên bến Ninh Kiều.

Dưới chân tượng “Bác” dĩ nhiên hơn dân.”

Khổ thân chưa! trên 80 triệu dân ta phải sống dưới chế độ, mà:

“Cướp đêm là giặc cướp ngày là quan (cán bộ)

Thanh cha thanh mẹ thanh gì?

Hễ có phong bì thì nó thanh kiu (thank you).

Chúng ta làm được gì đây, nơi quê hương thứ hai này? Hay chỉ biết chửi đồng:

“Tiên sư Cộng Sản Việt Nam,

Cuối đời bán cả giang sơn nước nhà!”

Giáo sư Vũ Quốc Thúc đã lo cho: “số người tị nạn ở hải ngoại công với con cháu họ và những người Việt không chịu hồi hương, sau khi chế độ cộng sản Liên Xô đã tan rã, số người Việt đã gần ba triệu. Khỏi cần chứng minh là những thanh thiếu niên không biết gì về lịch sử, cũng như văn chương Việt Nam (đoạn c), bài khảo cứu của giáo sư Vũ Quốc Thúc.

Sự lo lắng của giáo sư cho bọn trẻ ở hải ngoại thật là quý báu, khuyến khích và hướng dẫn chúng học tiếng Việt, văn chương Việt một điều mà các bậc phụ huynh phải lưu tâm, để chúng hiểu bài thơ “gió đưa cành trúc la đà”; la đà thành đàn lạc đà, cây trúc là cây roi tre của kẻ chăn lạc đà thì thưa giáo sư, cứ cây roi tre đó quất nát đít chúng, là chúng phải hiểu la đà không phải là lạc đà. Chỉ e một nỗi nơi đất tự do này, đánh con hay đánh học trò nát đít (tức gây thương tích cho trẻ thì đi tù đấy). Chỉ bằng dùng roi ấy đánh cha mẹ chúng đã không biết dạy con từ thuở còn thơ thì coi bộ có hiệu quả hơn.

Nhưng may mắn thay cho đồng bào tị nạn chúng ta, đến nay đã hơn hai ba thập niên, bọn trẻ đã học hành ra rít, đem lại những thành quả không thể tưởng tượng được. Nào Bác sĩ, kỹ sư, chuyên gia, khoa học gia, bom gia, chính trị gia... làm cho Đảng gia ở trong nước cũng phải xin nổi khúc ruột ngàn dặm:

“Ngày đi đảng gọi Việt gian,

Ngày về thì đảng chuyển sang Việt kiều

Chưa đi phản động trăm chiều

Đi rồi thành khúc ruột yêu ngàn trùng.”

Nói gần nói xa chẳng qua nói thật, chính ông bà “via” nơi quê nghèo cũng được ám dạ:

“Có con mà gả chồng xa.

Tháng tháng nó gửi đô la kìn kìn”.

Là một kinh tế gia lão thành, giáo sư dư biết đồng tiền (đô la) nó thơm lắm, chẳng phải dạy bọn trẻ “la đà” hay “lạc đà” tự chúng sẽ biết, cả bọn già ở quê nhà cũng phải giả từ Bác và Đảng để theo:

“Đồng đô la (tiền) không phấn không hò.

Đồng đô la (tiền) khéo điểm, khéo tô mặt người”.

Thưa giáo sư, rõ ràng đó là một bài thơ tả cảnh rất hiện thực. Tuy nhiên không phải là thơ tả tình, vì không có một câu nào, một từ nào, nói lên tình cảm của chủ thể. Điều bất ngờ là do các biến chuyển của thời

cuộc, bài thơ dần dần trở thành thơ tả tình. Hơn thế nữa, đã được dùng như một thông điệp để biểu lộ như một thái độ chính trị.

Thưa giáo sư, giáo sư rất sáng suốt đã nhận biết bài thơ (A) là một bài thơ tả cảnh, xin bài nhận hiện nhân và đồng ý một trăm phần trăm. Tuy nhiên, tiểu nhân không hiểu vì sao bài thơ lại biến đổi thành bài thơ tình biểu lộ một thái độ chính trị ?!

Thưa quý vị, bài thơ là bài thơ, khi đã được thi nhân thai nghén và sinh ra. Còn sinh ra thế nào thì còn lại như thế ấy, thi nhân có thay đổi tâm tư, diện mạo... thì thay đổi, chứ bài thơ không cách chi mà "đổi" hệ được", cho dù đó là hệ "tình" hay hệ "chính trị". Chẳng lẽ chú gà trống sáng nào cũng vươn cổ để vọng ra tiếng gáy từ huyện Thọ Xương, nay biến thành con gà mái dầu vừa béo vừa mập cho nồi "chicken soup", hay gánh phở rong tại chợ Bưởi ?

Cho dù chính phủ Pháp chiếm Nam kỳ làm thuộc địa (1863) có thay đổi nước ta như thế nào đi nữa, cũng không thể ảnh hưởng đến bài thơ (A) tuyệt tác "gió đưa cành trúc". Các cụ thượng thư lừng lừng (nguyên văn) bài ngà có tiếc rẻ cự trào cũng không sao biến đổi được bài thơ để trở thành thơ tình cảm và chính trị được. Họ thay đổi câu thơ để hợp tâm trạng, hợp thời pha lẫn tính cách khôi hài, có đôi chút mỉa mai ? Ai cảm họ ?

"Gió đưa cành trúc la đà,

Một thuyền chạt nịch bài ngà thượng thư."

Tỷ như bài hát của nhạc sĩ Lam Phương (thơ mộng) : "Ai đang đi trên bờ đê... tai lắng nghe muôn câu hò đê mê". Lũ trẻ ranh đầu đường sớ chợ, máy nước đã ê a : " Ai đang đi trên Cầu Bông, té xuống sông ướt cái quần nylon"... (mông đánh).

Được phỏng vấn trong Paris by night, về sự đổi lời bản nhạc.

Lam Phương tỏ ra thích thú vì nhạc của mình đã đi vào lòng của đại chúng...đáng vui phải không nhạc sĩ Lam Phương ?!

Đem yếu tố chính trị, đạo đức, tâm lý hay khoa học để gán cho một tác phẩm, không khác nào đem râu ông nọ cắm cằm bà kia. Ngay cả thơ hay ca dao, khiến chúng biến dạng như đầu rồng mà cắm đuôi lạc đà phải không ạ ?

Thôi thì cứ tùy "cảm nhận" của mỗi người đối với một tác phẩm nghệ thuật nói chung và bài thơ nói riêng. Do cảm nhận ấy, mà tác phẩm mới tồn tại và sống mãi trong dân gian và trở thành bất diệt.

Kính thưa giáo sư, kính thưa thầy "**không thầy đố mày làm nên**" , trò là học trò của thầy từ hơn nửa thế kỷ trước, tại ngôi trường Luật ba gian, không tầng – ở đường Duy tân cây dài bóng mát. Cũng như các trường khác, mỗi thầy phụ trách mỗi lớp, mỗi môn. Mà học trò thì hàng trăm, hàng ngàn đứa, nên thầy ít khi nhớ mặt trò, nhưng các trò thì không khi nào quên

thầy được. Thầy đáng hào hoa phong nhã, tầm thước, không đồ sộ như anh Đệ, Liễn. Quát và Đạt cồ. Thầy học giỏi, tiền sĩ thứ thiệt "made in France", chứ không phải tiền sĩ giấy. Rồi Thạc Sĩ.

Nói chung, đẹp trai, vì không đẹp sao chị sinh viên X. lại trồng cây si ngay ở bậc dưới chân thầy giảng ? làm các nữ sinh viên khác không dám "mết" thầy.

Lại có một lần, sau khi giảng bài, trên hành lang ra cổng trường, tài xế mở cửa xe... chị Y. đứng đợi ở cổng trường từ bao giờ... thầy chưa kịp bước lên xe... chị đã lấn sả vào băng sau, khiến thầy choáng váng (không biết vì men... tình hay ... sợ). Trong khi đó thì chúng trò cười hô hố!

Nói nhỏ đủ để thầy nghe, chứ "U" mà biết được là không song đây (thầy u là danh từ miền Bắc, tức bố mẹ - thầy mẹ). thầy là thầy giáo, vậy phụ nhân của thầy thì chúng trò phải gọi là Cô ; trồng treo "u" cũng là cô đấy.

Thưa thầy, được đồng môn Sĩ Thụ e mail cho bài "Gió đưa cành

Trúc..."Điều mừng nhất của chúng trò là thầy niên kỷ thầy nay đã ngoài 90, mà sao vẫn còn minh mẫn quá, còn viết lách. Nhất là nhuệ khí cao ngút trời qua những bài bình luận, dẫn giải văn thơ rành rẽ. Đặc biệt quan tâm đến các thế hệ con, cháu, chắt dốt tiếng mẹ đẻ, dốt văn chương chữ nghĩa ! Đúng là :

"Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy,

Cố công mà học có ngày thành danh.

Nhờ chữ thầy dậy, nhớ công thầy, Hội Cựu Sinh Viên Luật Khoa thập niên trước, có mời Thầy Cô Mỹ du để thầy trò gặp nhau hàn huyên tâm sự, nhưng đều được Thầy Cô từ chối vì lý do tuổi tác... Năm nay 2010, Hội tổ chức "đại hội cựu SVLK thế giới, chắc thầy cũng chỉ cho một bài học hàm thụ như hàng năm ?!

Nên, trò cũng đành xin được hàm thụ góp ý trong bài "gió đưa cành trúc la đà". Quả trò không dám "múa diu qua mắt thầy", mong thầy dậy bảo thêm cho.

Thưa thầy, chín mươi còn phải học chín mốt nữa là chúng trò mới tròn trĩnh bấy mí thì sao lại không học thầy dài dài ... cho được.

Năm mới, chúng trò xin kính chúc Thầy Cô sức khoẻ nhiều nhiều và mãi mãi./-

Chính Phong Nguyễn Hoàng.

Houston Texas



NHÌN VỀ QUÁ KHỨ:



Tôi học và hành nghề chuyên viên kinh tế như thế nào ?

Phạm Văn Thuyết (pthuyet@yahoo.com)

Nhận lời viết bài cho kỷ yếu kỳ này, tôi muốn theo gương Giáo Sư Vũ Quốc Thúc¹ viết về việc tôi đã học Kinh tế, và qua năm tháng, đã

lấy kinh tế học làm sinh kế ra sao. Mục đích là muốn chia sẻ kinh nghiệm với các bạn trẻ muốn học và làm việc như một chuyên viên kinh tế, nhưng trên hết, tôi muốn gởi bài này đến các Giáo sư trường luật Sài Gòn, đặc biệt là Giáo Sư Vũ Quốc Thúc, như một lời tri ân vì những sự giúp đỡ chân tình trong tình sư đệ.

Trường Luật ngày tháng cũ.

Trường Luật ngày tháng cũ là những ngày tháng êm đềm của tuổi 20. Nơi đó đã cho tôi nhiều kỷ niệm, và tôi đã gặp những người bạn quý mà tôi vẫn giữ liên lạc cho đến bây giờ. Đó cũng là khi tôi theo đoàn sinh viên Đại học Hà Nội di cư vào Sài Gòn để thấy Sài Gòn một khung trời rộng mở, khác với Hà Nội chật hẹp với một xã hội tiểu tư sản tù túng

Tôi học kinh tế qua hai chặng đường, một ở Việt nam (Cao học I và II) và sau đó ở Hoa Kỳ (MA và Ph.D). Cả hai chặng đường, với chương trình khác nhau, đã cho tôi những kinh nghiệm và nhận thức khác nhau, rất có ích cho công việc về sau này.

Tôi bắt đầu học Kinh Tế Học từ năm 1954 trong chương trình Cử Nhân Luật(chế độ 3 năm). Nhưng sự hiểu biết về Kinh Tế Học của tôi đến rất chậm, có lẽ chỉ sau năm thứ ba, và phần nhiều do sự tình cờ đọc một số sách ở ngoài nhà trường. Chương Trình Cử Nhân thời ấy là chương trình phỏng theo chương trình bên Pháp, và sách ở Thư viện cũng là sách Pháp. Các môn học về luật thì có nội dung khá cụ thể, còn phần kinh tế học, nói chung rất khó cho sinh viên nắm được nội dung ra sao, và học để làm gì.

Giáo sư đầu tiên là G.S Kherian, sau đó về Pháp khi Đại học được trao trả cho Việt Nam. Giáo sư Vũ Quốc Thúc thay thế làm Khoa Trưởng. Các sách giáo

khoa của Pháp (là căn cứ cho các bài giảng) về Kinh Tế Học lúc đó là các bộ sách dày (traité) như cuốn Marchal vv.Loại sách này đưa ra cách tiếp cận (approach) kinh tế học qua lý thuyết giá trị (theorie de la valeur) trừu tượng, làm nản lòng người mới học nhập môn kinh tế học.

Lựa chọn ngành Kinh Tế

Tôi bắt đầu hơi hiểu nội dung môn Kinh Tế Học lúc học Cao học và nhờ vào hai sự kiện :(1) học với các Giáo Sư Vũ Quốc Thúc, Giáo Sư Nguyễn Cao Hách và Giáo Sư Châu Tiên Khương và (2) tôi bắt đầu đọc rất nhiều sách kinh tế tiếng Anh.

Lý do tôi chọn Cao Học Kinh Tế mà không theo Cao Học Luật vì không muốn làm Thẩm Phán hay Luật Sư. Một phần do mẹ tôi không muốn tôi làm những nghề Mẹ tôi cho là “thất đức”, thí dụ làm Thẩm Phán, nếu quyết định sai lầm sẽ bị “báo oán”, hoặc làm “Thầy cãi” nghe nói có thể “đổi trắng thay đen”. Phần khác là do những năm học Luật tôi thường đọc “Pháp Lý Tập San”, thấy rất hay nhưng đồng thời cũng nghĩ: Thôi chết! Những bản án, hay những biện minh trạng, viết công phu như thế này mà nếu không được đăng trên Tập san thì chắc sẽ nằm đầu đó dưới gầm các toà án; nói cách khác, nếu theo nghề luật thì suốt đời sẽ bỏ công soạn những tác phẩm như thế chỉ để cho vài người quan toà đọc mà thôi. Cuối cùng, tôi đã không theo những nghề Luật vừa kể khi mới ngoài hai mươi tuổi, vì thấy hình ảnh của những bạn đồng học theo nghề luật hay làm công chức Bộ Ngoại Giao có vẻ không hợp với tánh ham chơi của tôi.

Và thế là tôi chuyển qua Kinh Tế Học với bài giảng Cao học đầu tiên của Giáo Sư Vũ Quốc Thúc về các lý thuyết phát triển kinh tế. Quả đúng là “danh bất hư truyền”. Giáo sư Thúc, lúc đó cũng như sau này, là một Giáo sư và một chuyên gia có sự trình bày sáng sủa, rõ ràng (clair) nhất. Tôi đã học ở Ông phong cách (sáng sủa) này, và suốt những năm làm chuyên viên tôi vẫn gắng noi theo. Một điều nữa rất đáng khâm phục là mặc dầu được đào tạo trong hệ thống Pháp nhưng ông

đã nhìn xa trông rộng, và ngay từ những năm cuối thập niên 1950 Ông đã bỏ công đọc những sách cập nhật tư tưởng kinh tế bằng Anh ngữ để dạy cho bậc Cao học. Thật là đáng quý, và như thế có lẽ các bài giảng “doctorat” của Đại Học Việt Nam lúc ấy tiến bộ hơn bên Pháp, (như tôi biết ba năm sau đó, khi tôi qua Pháp xin nộp Luận án), bởi vì Giáo Sư Thúc đã dùng những sách mới nhất lúc bấy giờ về môn Phát Triển Kinh Tế (Artur Lewis, Ragnar Nurkse, Abramovitz) cho sinh viên đọc. Các bài giảng của Giáo Sư Thúc khiến tôi bắt đầu thấy hứng thú và nghĩ có lẽ Kinh Tế Học cũng có thể là một ngành chuyên môn có ích.

Giáo Sư Nguyễn Cao Hách là người khiến tôi rất “ấn tượng”. Không phải vì cách nói, viết, sáng sủa nhưng là cái tinh thần học giả (erudition) của ông. Cũng như Giáo Sư Thúc, được đào tạo trong hệ thống Pháp, nhưng Ông đã nhìn thấy Kinh Tế Học Mới (modern economics) phần lớn do các tác giả nói tiếng Anh. Không những Ông đọc sách tiếng Anh, còn giảng bài ở bậc Cao Học bằng Anh ngữ, và dùng những sách mới nhất vào thời ấy như John Due, Richard Musgrave, (cũng là những sách tôi dùng lại khi qua Mỹ du học sau này). Tôi vẫn nhớ lớp học môn Public Finance của Ông, chỉ có bốn hay năm sinh viên theo học, trong một căn phòng nhỏ của trường Luật năm xưa. Đó cũng là căn phòng Giáo Sư Thúc giảng bài. Chính ở căn phòng này tôi bắt đầu tìm hiểu Kinh Tế Học là gì và học nó để làm gì?

Một vị giáo sư nữa của trường Luật tôi vẫn luôn nghĩ tới và giữ liên lạc hàng năm là GS Châu Tiến Khương, dạy Droit Maritime và Economie Rurale với những bài giảng rất tiêu biểu của hai môn học này. Ông đã cho tôi niềm tự tin khi Ông đề nghị tôi đi dạy ở các đại học khác thay cho ông, khi tôi mới chỉ có bằng Cao Học I. Là người rất điềm đạm, Giáo Sư Khương thân với học trò, thể theo tinh thần đại học Pháp ông chỉ muốn coi mình là người anh lớn trong nghề (ainé) và có khi yêu cầu sinh viên đã ra trường xưng hô bằng Anh trong truyền thống này. Những năm gần đây khi trả lời thư chúc tết của tôi, ông thường trách tôi sao không nói đến những năm cùng là đồng sự với ông, lại chỉ nói đến những năm là sinh viên mà thôi. Ngoài lý do tôn kính của một sinh viên đối với giáo sư cũ, âu đó cũng là cái tâm thức học trò mà chắc ai cũng muốn nhắc đến nhiều hơn là hồi ức của người đã đi làm việc, mặc dầu số năm tôi đi dạy ở Trường Luật nhiều hơn những năm đi học ở đó. Thật là ngạc nhiên, trong cái phong cách của một giáo sư đặc biệt Pháp, ít ai có thể ngờ G.S Khương lại thường dịch nhiều thơ Đường ra quốc văn, và tôi cũng hân hạnh được ông gởi cho mấy bài.

Kinh tế học là gì và học để làm gì ?

Câu trả lời chỉ rõ ràng khi tôi học Cao Học bậc hai, với sự trùng hợp của hai sự kiện (1) có hai giáo sư ngoại quốc, một là người Anh tôi quên tên (sau này lại cùng làm việc với tôi ở Ngân hàng Thế Giới) và Giáo Sư người Mỹ, Frank Child, sau này là Khoa trưởng của Đại Học California ở Davis, và (2) tôi đã “khám phá” ra hai cuốn sách của Samuelson (giải nobel 1970, vừa mất năm nay, 2009): cuốn Economics, sách giáo khoa đương thời ở Mỹ, và cuốn Foundations of Economics, nguyên là luận án Ph.D của Samuelson. Cuốn Economics này, như ai cũng biết, đã là sách giáo khoa trong nhiều thập kỷ ở Mỹ cũng như ở vài chục nước trên thế giới. Thường vẫn gọi là sách “baby Samuelson” vì nó dễ đọc hơn cuốn Foundations. Khác với sách Traité của Marchal (Pháp), sách của Samuelson theo cách tiếp cận cụ thể: Ông nêu ra ba vấn đề căn bản của Kinh Tế Học là (1) sản xuất cái gì (2) sản xuất ra sao, và (3) sản xuất cho ai (phân phối lợi tức). Lý thuyết giá trị ở sách Marchal chính là căn bản của vấn đề 1, lý thuyết tiêu thụ. Và tất cả những phần chính của Kinh Tế Học đều gồm lại trong một lý thuyết toán học là lý thuyết tối ưu hoá với cường chế (optimization subject to constraint), và điều này đã được trình bày trong sách Foundations. Khi tôi đọc được hai chương trong sách Foundations (tôi không đủ trình độ toán học lúc đó để đọc hết) và hiểu được điều trên thì tôi “ngộ” ra rằng Kinh Tế Học “có thể có thật” và có một nguyên lý xuyên suốt trình bày được bằng toán học (toán vi phân), chứ không chỉ là những bài giảng bằng lời văn. Đó cũng là lý do tôi lựa ngành kinh tế định lượng khi du học ở Mỹ sau này (và có lẽ nhờ trình bày cách này trong bài làm 5 giờ để thi Cao Học II ở trường Luật, tôi đã được điểm rất cao).

Học ở ranh giới của kinh tế học

Đó là những năm du học ở Mỹ (đại học Pennsylvania trong hệ thống Ivy League, có trường Wharton nhiều người biết) vào những năm sau của 1960's.

Trước đó, đã nhiều lần tôi có học bổng đi học ở Đức và Mỹ (Duke University), nhưng đã không tiện đi, vì muốn ở lại đi làm, giúp Bố Mẹ và các anh em. Đến năm 1964 tôi quyết định đi du học vì hai lý do. Lý do thứ nhất có hơi hướng của tinh thần thuộc địa, và là thực tế lúc ấy cũng như bây giờ : Ở Việt nam nếu không có bằng cấp ngoại quốc thì dù giỏi cách mấy cũng sẽ vất vả, vì luôn phải chứng tỏ mình giỏi không khác những

người có bằng cấp ngoại quốc. Đây cũng là kinh nghiệm cá nhân, vì trước khi du học tôi đã làm việc chung với nhóm chuyên viên học ở Pháp tập trung ở Tổng Nha Ngân Sách thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, và đã được đề nghị đồng hoá về ngạch Tham Vụ Chuyên môn dành cho chuyên viên du học về nước, nếu tôi ở lại tiếp tục làm việc (Tôi đã từ chối đề nghị này và bỏ đi du học).

Lý do thứ hai : Vị Giáo Sư Mỹ (Robert Johnson) thuộc Brookings Institution ở Vietnam mà Giáo Sư Thúc uỷ quyền để trông coi việc làm luận án Tiến Sĩ của tôi, đã thúc đẩy tôi phải đi Mỹ làm cho xong. Ở Vietnam ông không thể hoàn tất trách nhiệm giúp tôi, vì tôi ham chơi, kéo dài việc làm luận án. Và thế là tôi khăn gói lên đường, qua học bổng của Ford Foundation.

Trước khi đi, tôi đến chào Giáo sư Thúc, Ông có vẻ hơi giận vì tôi đã không nghe lời Ông đi Pháp mà đi Mỹ. Ông muốn tôi đi Pháp nộp luận án, rồi sẽ thu xếp giúp tôi thi aggregation (thạc sĩ)² như Ông, vì cấp bằng này đối với Việt Nam thì danh giá hơn Ph.D của Mỹ, và quyền lợi giáo chức cũng nhiều hơn, do chế độ đẳng trật ở đại học vẫn phò theo quy chế của Pháp. Thực là chí tình. Trong tình sư đệ cô truyền, Ông không những giúp tôi về mở mang kiến thức, còn lo đến cả tương lai đời sống của tôi. Băn khoăn trong ý nghĩ này, trên đường qua Mỹ tôi đã ghé Paris liên lạc với Giáo Sư Gaston Leduc (là chủ trì luận án tiến sĩ cho nhiều kinh tế gia Vietnam học ở Pháp) để xin nộp luận án, và Ông đã nhận lời. Tuy nhiên sau mấy năm học xong ở Mỹ, tôi có trở lại Pháp, nhưng “trốn” không nộp these nữa, vì đã quá mệt và trong lòng thì rất buồn vì mẹ tôi đã mất trước khi tôi về. Mặt khác tôi muốn về ngay Việt nam khi còn đang chiến tranh để có thể tham dự một cách nào đó. Tôi đã nhập ngũ, và sau khi tốt nghiệp trường sĩ quan Thủ Đức, được trở lại Đại Học Luật Khoa và Trường Cao Đẳng Quốc Phòng. Tôi ở trong quân đội cho đến ngày đi tản 1975 với cấp bậc Trung úy trừ bị biệt phái.

Những năm học ở Pennsylvania thật không uống công: Ở đây người đi học đã tới sát biên thùy của kinh tế học mới. Thí dụ về Micro, sách dùng là sách Foundations của Samuelson hoặc những sách cùng trình độ. Về Econometrics, thì người dạy là Giáo Sư Lawrence Klein (Nobel 1976). Ông có hai cuốn sách giáo khoa nổi tiếng về ngành này, nhưng những bài giảng của Ông lại chỉ là những tờ nghiên cứu mới Ông đang làm vài hôm trước, và đem ra thảo luận với Sinh viên : Người học có cảm tưởng đang ở ranh giới cuối cùng của sự hiểu biết về ngành này.

Lúc trở về nước tôi đã được yêu cầu dạy môn học này lần đầu tiên ở Vietnam. (Vào năm đó 1967, ở Pháp cũng chỉ mới dạy môn này được vài năm và sách dùng

gần như dịch lại sách của Klein cho Les Cours St Jacques)

Tôi vẫn thường giữ liên lạc với Giáo Sư Klein, nay tuổi đã rất lớn. Tôi cũng chịu ơn Giáo Sư Klein rất nhiều, ngoài việc là học trò: Năm 1975 khi đi tản qua Mỹ, tôi đến thăm Ông, Ông nói “tôi chờ anh đã lâu, sau khi nghe Sài Gòn sụp đổ” và ngay buổi chiều, một ông Khoa Trưởng ở một Đại Học nhỏ đến mời tôi làm giáo sư qua sự giới thiệu của Giáo sư Klein. (Tôi đã không nhận lời, vì sau đó tôi đi làm cho World Bank để có dịp đi đây đó cho khuây khoả nỗi buồn xa xứ). Khi ở World Bank tôi vẫn còn nhận được lời mời của nhiều Đại Học khác ở vùng Pennsylvania, tất cả đều do Giáo sư Klein giới thiệu.

Số tôi thật may đã gặp được các ân- sư, từ Việt Nam ra đến nước ngoài. Mặt khác, nhìn lại những chặng đường đi học tôi vẫn thấy quá dài và cái “opportunity cost” có lẽ là cao.

Kinh tế học: học và hành

Tôi không rõ các đồng nghiệp khác nghĩ thế nào, nhưng tôi vẫn nghĩ cũng như những nghề khác, đa số những việc mà một chuyên viên kinh tế phải làm để mưu sinh là những việc nhàm chán : đó là việc phân tích các dữ kiện để đưa đến một kết luận về chính sách.

Sự nhàm chán đó có thể chấp nhận và được đền bù, nếu làm việc trong nước mình, để có cảm giác công việc có ý nghĩa, ngoài việc kiếm tiền. Tôi đã may mắn có cảm giác này khi trở về Việt nam dạy học dù tiền lương ít ỏi, hay khi làm việc chung với anh em chuyên viên trước 1975 ở Tổng Nha Ngân Sách, với các Bộ Tài Chánh, Kinh Tế (cổ vấn), với nhóm Kinh Tế Hậu chiến, hoặc sau đó trong hơn 20 năm làm việc cho Ngân Hàng Thế giới có hơn 10 năm đi về Vietnam nhiều lần cho chương trình công tác của WorldBank nhằm chuyển đổi kinh tế Vietnam ra khỏi hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa, một hệ thống đã làm kinh tế tan nát.

Chính vì vậy tôi vẫn thường khuyến cáo các sinh viên của các nước nhỏ, trong những điều kiện bình thường, khi du học xong nên trở về nước làm việc. Ở một nước nhỏ thì sự đóng góp của một chuyên viên, dù làm việc gì, cũng có thể góp phần thay đổi trong quá trình phát triển. Trái lại nếu làm việc ở Mỹ hay Âu Châu, thì sự đóng góp của mình không nhìn thấy kết quả hay ảnh hưởng bao nhiêu, vì ở những nước này số chuyên viên rất đông, và mình chỉ là một phần tử rất nhỏ. Tôi không bao giờ quên cảm giác ngây ngất khi dạy ở Đại Học Cần Thơ trong một lớp học giữa cánh đồng lúa xanh bao la ở một vùng quê Hậu Giang ! Cái cảm giác đem kiến thức mới như econometrics từ nơi xa để “chuyển giao công nghệ” cho những người trẻ ham học

ở miền quê thật khó có công việc nào có ý nghĩa hơn. Tôi vẫn còn nghĩ là tôi có thể sống vui và làm việc như thể cả đời cũng được.

Vậy kinh tế gia làm được gì, làm sao để trở nên chuyên gia kinh tế giỏi?

Nhiều thập kỷ đã qua khi còn trường Luật Saigon, phu nhân của một bạn đồng sự vong niên (hơn tuổi tôi) phàn nàn sao ông chồng của bà là chuyên gia kinh tế mà không giàu. Lý do là kinh tế học không dạy cách làm giàu (học MBA có lẽ gần với mục đích này hơn). Kinh tế gia chỉ là chuyên gia phân tích những hoạt động sản xuất và tiêu thụ (vi-mô/microeconomics) hay những “hiện tượng” kinh tế và chính sách kinh tế của quốc gia (vĩ-mô/macroeconomics). Nếu may mắn thì chuyên gia kinh tế cũng lợi dụng được đôi chút về hiểu biết của mình để kinh doanh. Như ở Vietnam, trước và sau 1975, rất ít chuyên gia kinh tế làm được như vậy.

Việc kinh tế gia làm, tốt hơn là làm kinh doanh, chính là trả lời ba câu hỏi Samuelson đã nêu trong sách Economics và đưa ra các khuyến cáo về chính sách. Lẽ tất nhiên những việc làm này nghe thì “kinh điển” nhưng rất hệ trọng, nhất là trong lĩnh vực kinh tế vĩ mô. Quả vậy, sự áp dụng các kiến thức kinh tế vĩ mô đã đưa Hoa Kỳ và thế giới ra khỏi cuộc đại khủng hoảng năm 1929 – 1939 và sẽ ra khỏi cuộc suy thoái toàn cầu dai dẳng hiện nay. Và cũng vì sự ích lợi của chuyên gia kinh tế là “có thật” và cần thiết, nên nhiều nơi như các cơ quan quốc tế IMF/World Bank đã có chế độ bù đắp, ưu đãi (thiệt ra là quá ưu đãi, trước những năm 1990) các chuyên gia kinh tế của họ. (Nhân nói về World Bank các bạn trẻ muốn tham gia làm việc ở đây thì nên biết họ thường tuyển dụng những người tốt nghiệp ở một trường đại học danh tiếng).

Làm sao để trở nên một chuyên viên kinh tế giỏi? Hình như Samuelson có nói rằng khám phá trong khoa học tự nhiên hay chính xác, thường làm khi còn trẻ tuổi, nhưng Khoa học Xã hội (trong đó có kinh tế học) thì càng nhiều tuổi càng hay hơn.

Nhưng lớn tuổi, nhiều kinh nghiệm cũng không đủ bảo đảm là chuyên viên kinh tế giỏi. Tôi vẫn nhớ anh HXT, một đồng nghiệp trẻ hơn tôi, một lần nói với tôi rằng Economics phải học nhiều và đọc rất nhiều mới được. Quả đúng như vậy. Vì kinh tế không phải là khoa học chính xác (học xong biết chắc liền) nên cần rèn luyện lâu năm, tức là đọc rất nhiều và quan trọng hơn nữa là trao đổi (cọ sát về tư tưởng) với đồng nghiệp luôn luôn. Một bạn đồng sự của tôi sau khi rời khỏi nơi làm việc, về quê cũ chừng một năm, nói rằng anh cảm thấy bị tụt hậu về tư tưởng. Nhất là khi làm việc về chính sách vĩ mô, một chuyên viên nếu không có nhiều năm tự rèn luyện, sẽ chỉ còn dựa vào những điều đã học trong sách khi

trước và không có tự tin để có tư duy độc lập được (vì thế ta thường thấy có những chuyên viên kinh tế, do thiếu tự tin, khi viết bài thường trích dẫn ý kiến các tác giả có tiếng, một phần cũng vì cần có sự hỗ trợ cho ý kiến của mình). Đặc điểm của một chuyên viên kinh tế “trưởng thành” chính là tư duy độc lập.

Dòng tư tưởng kinh tế chính ngày nay, trong thời đại này là Tân Cổ Điển (Neo Classical tên gọi khác là Kinh tế thị trường hay kinh tế tư bản). Ngoại trừ Keynes thuộc về cận đại (1930’s mà tư tưởng này đang được dùng để đưa kinh tế ra khỏi suy thoái) còn trong chính mạch (mainstream) Tân Cổ Điển, những ý kiến chủ đạo đã có từ một trăm năm nay. Một chuyên viên kinh tế có tư duy độc lập, thực hành và áp dụng các nguyên tắc căn bản vào thực tế sao cho linh hoạt, và không thấy bị ám ảnh bởi sách vở, và đó là điều phân biệt giữa một chuyên viên trưởng thành và một chuyên viên chưa có “tay nghề” cao.

Tay nghề cao là do sự rèn luyện, và rèn luyện bản chất là một quá trình lâu dài. Đối với người ham học lấy sự học làm vui (**học nhi thời tập chi, bất diệc lạc hồ – Khổng Tử**) (1) thì rèn luyện là việc dễ, còn không thì dễ nản, và chỉ còn tự an ủi: vẫn còn bằng cấp ta đã đạt được từ nhiều năm trước tuy nay đã cũ. Và đó thật là sự an ủi bất đắc dĩ, khác với sự rèn luyện, chịu khó của người lấy sự học làm vui.

*Thay lời kết

Tôi mong câu chuyện tản mạn về đời đi học kinh tế và làm việc của tôi có ích một phần nào với bạn đọc đang học ngành này.

Năm mươi năm đã trôi qua kể từ lúc tôi học bài học kinh tế đầu tiên. Trong năm mươi năm ấy thế giới đã thay đổi nhiều, kinh tế thế giới và Việt Nam cũng thay đổi nhiều, lý thuyết kinh tế thay đổi nhiều và kiến thức kinh tế của các kinh tế gia cũng tăng lên nhiều. Tuy nhiên sự thiếu hiểu biết của giới kinh tế gia (về nguyên cơ, rủi ro, tiềm ẩn trong hệ thống tài chính Mỹ do các “sản phẩm tài chính” phức tạp liên quan đến subprime mortgage) đã là lý do vì sao cuộc suy thoái hiện nay đã không được tiên liệu hay ngăn ngừa trước. Bài học này cho thấy chuyên viên kinh tế luôn phải rèn luyện và còn phải học nhiều sau khi đã có bằng cấp.

Virginia, tháng giêng 2010

Phạm Văn Thuyết

(1) Trong Đặc san Luật khoa 2010 in thành sách đã in sai chữ “**hữu** nhi diệc lạc hồ”, nay xin sửa lại cho đúng là “**bất** diệc lạc hồ”. Xin cáo lỗi cùng độc giả.

HOÀI NIỆM VỀ



G.S. NGUYỄN-HUY-ĐẦU, THẦY TÔI

Tạ-quốc-Tuấn

Khi đọc báo **Luật Pháp & Đời Sống** tôi rất bàng hoàng thấy đăng tin giáo sư Nguyễn-huy-Đầu đã qua đời ngày 22.9.2008. Tôi rất bàng hoàng là vì tháng 7/2007 một người con gái chúng tôi đi công tác ở Virginia đã hầu chuyện điện thoại với giáo sư, mà giáo sư đã biết cháu, cùng những người con khác của chúng tôi, từ năm 1970. Giáo sư cho hay giáo sư chỉ có già thôi chứ vẫn khỏe mạnh như thường. Hơn nữa, lúc đó vì giáo sư đang sửa soạn đi xa nên cháu không đến nhà thăm giáo sư và phụ nhân được.

Tôi đã có cái may vừa là môn sinh của giáo sư lại vừa là nhân viên làm việc dưới sự lãnh đạo của giáo sư trong những năm cuối cùng của Việt-nam Cộng-hòa.

Lần đầu tiên tôi gặp giáo sư tại Trường Luật ở Sài-gòn. Trong năm thứ ba Cử nhân Luật, niên học 1959-1960, ngoài chương trình thường xuyên ra, Trường Luật bắt đầu một chương trình mới là chương trình thực hành và môn thực hành đầu tiên là Dân Sự Tố Tụng do giáo sư Nguyễn-huy-Đầu phụ trách.

Điều ngạc nhiên và cũng vô cùng thích thú là giáo sư không ở trên bục giảng còn các sinh viên ngồi tại các bàn xếp bên dưới như mọi khi; trái lại, giáo sư cho xếp các bàn sinh viên quây lại nhau thành hình chữ nhật và giáo sư ngồi giữa các sinh viên (khoảng 30 người, kể cả tôi). Do một sự tình cờ (hay là do duyên tiền định?), giáo sư đến ngồi bên trái tôi. Trong suốt học kỳ giáo sư giữ nguyên chỗ ngồi này.

Vì khi đó giáo sư đang giữ chức Chánh Nhất Tòa Thượng Thẩm Sài-gòn (giáo sư giữ chức này từ đầu thập niên 1950) nên việc giảng dạy của giáo sư chú trọng về thực tế hơn là lý thuyết (những bài giảng của giáo sư sau được in trong một quyển sách nhan đề là **Luật Dân Sự Tố Tụng Việt-nam**, do bộ Tư Pháp xuất bản, Sài-gòn, 1962).

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân, tôi theo học ban Cao học Kinh tế trước rồi Cao học Công pháp sau, nên tưởng không bao giờ còn gặp lại giáo sư nữa. Bằng đi một thời gian 7, 8 năm. Lúc tôi đang làm việc tại Tòa Đại sứ VNCH ở Đài-bắc thì được tin giáo sư đã bỏ ngành tư pháp sang Bộ Ngoại giao, theo lời mời của Tổng trưởng Ngoại giao Trần-chánh-

Thành (luật sư). Tại đây giáo sư giữ chức Tổng Thanh tra.

Giáo sư mới làm ở Bộ Ngoại giao được vài tháng thì tháng 10/1969 tôi từ Đài-bắc trở về làm việc ở Bộ Ngoại giao. Lúc này đây ông Trần-văn-Lắm (được sĩ) đã làm Tổng trưởng Ngoại giao thay ông Trần-chánh-Thành và giáo sư phụ trách Ban Nghiên cứu và Suu tầm. Khi gặp tôi ở bộ, giáo sư đề nghị tôi vào làm việc trong ban của giáo sư với chức vụ Chuyên viên Nghiên cứu Suu tầm đặc trách các vấn đề Cộng sản.

Vì ban Nghiên cứu Suu tầm mới được thành lập, không ai nhận thấy tầm quan trọng của nó, nên không nhân viên ngoại giao và lãnh sự nào muốn làm việc ở ban này vì cho rằng làm công việc nghiên cứu suu tầm rất buồn tẻ, không có vị thế, lại “không xứng đáng” với chức vụ ngoại giao lãnh sự, nhất là không có cơ hội gặp gỡ các nhân viên ngoại giao lãnh sự ngoại quốc, không được tham dự tiệc tùng của các sứ quán. Họ còn quan niệm rằng công việc nghiên cứu suu tầm không giúp ích gì cho họ khi họ được cử đi làm việc ở các sứ quán. Trái lại, vì từ thuở còn học ở tiểu học, tôi hàng ngày đã chứng kiến phụ thân ngoài giờ làm việc ở sở ra lúc nào cũng cầm cùi nghiên cứu các vấn đề lịch sử và văn học, và vốn có óc tò mò luôn luôn muốn tìm hiểu mọi khía cạnh của bất cứ vấn đề, nên tôi đã say mê nghiên cứu từ khi bước chân lên trung học. Do đó, thấy đề nghị của giáo sư rất hợp với sở thích của mình, tôi bèn nhận lời ngay.

Tuy nhiên, chỉ mới làm việc với giáo sư có 5 tháng thì tháng 3/1970 tôi lại được cử sang Ấn-độ làm việc. Tôi đã tưởng không bao giờ còn được làm việc với giáo sư nữa, nhưng chỉ non nửa năm sau, giáo sư cũng được cử sang làm Tổng Lãnh sự tại New Delhi.

Từ đây, trong ngót 4 năm trời (cuối năm 1970 đến đầu năm 1974), tôi đã làm việc dưới sự lãnh đạo của giáo sư. Trong thời gian này, tôi đã học hỏi được rất nhiều nơi giáo sư và cũng hiểu biết nhiều về tài năng, kiến thức và tính tình của giáo sư nhiều hơn.

Ấn-độ là đất Phật, vì đây là nơi đức Thích-ca Mâu-ni đản sinh (tại phần đất này nay thuộc nước Nepal), đi tu, ngộ đạo, truyền đạo và hóa thân (tất cả đều ở trên phần đất thuộc Ấn-độ); ngoài ra Phật học viện đầu tiên cũng được lập ở thành phố Nalanda thuộc

tiểu bang Bihar (còn tồn tại cho đến ngày nay). Trong khi đó, giáo sư là một Phật tử rất tinh thông Phật học. Giáo sư đã chỉ dẫn cho tôi, một người theo Công giáo, rất nhiều về đạo Phật. Từ đó tôi bắt đầu nghiên cứu đạo này. Ngoài ra, giáo sư cũng có một kiến thức quảng bác về lịch sử, tôn giáo và văn hóa Ấn-độ.

Vì thế, những lúc rảnh rỗi, không bận công vụ, hai thầy trò chúng tôi thường đi lòng kiếm các sách vở về đạo Phật, về lịch sử cũng như văn hóa Ấn-độ. Đây là chưa kể những dịp đi công tác xa, giáo sư và tôi bao giờ cũng dành thì giờ đi thăm những di tích lịch sử, tôn giáo và thắng cảnh trong vùng.

Ngoài đạo Phật ra, tôi còn học hỏi nơi giáo sư được rất nhiều về lịch sử và chính trị, dù là Việt-nam hay thế giới, vì giáo sư có một cái nhìn rất bao quát lại độc đáo về hai bộ môn này. Vì là một luật gia nên bắt cứ một vấn đề nào cũng được giáo sư nghiên cứu đến tận nguồn tận gốc, mổ xẻ, phân tích, đối chiếu, tổng hợp kỹ lưỡng trước khi đi đến kết luận. Cũng vì vậy, giáo sư trao cho tôi phụ trách các báo cáo chính trị cũng như thu thập tin tức, và thường luôn luôn bàn bạc cùng tôi, chỉ dẫn tôi, ý nghĩa, căn nguyên của từng vấn đề một.

Không giống như đa số các vị đại sứ khác, thường chỉ đọc báo chí địa phương nơi các vị làm việc để làm báo cáo trình về bộ, giáo sư còn cho mua thêm các báo và bản tin của các cơ quan đoàn thể trong nước, của những nước lân cận và cả quốc tế nữa, để dựa vào đó mà tìm hiểu, đối chiếu, phân tích các biến cố, các sự kiện chẳng những là có liên quan tới Ấn-độ mà nhất là có liên quan tới Việt-nam nữa. Vì vậy, hàng ngày và hàng tuần tôi phải đọc mấy chục tờ báo và bản tin để theo dõi tình hình Ấn-độ và Việt-nam về mọi phương diện. Thói quen mua nhiều báo đọc này tôi còn giữ khi sang định cư bên Mỹ, cho đến khi nghỉ hưu mới thôi vì không có tiền.

Dưới sự hướng dẫn của giáo sư, phương pháp nghiên cứu vấn đề của tôi có nhiều tiến bộ, giúp tôi chu toàn nhiệm vụ trước năm 1975 cũng như sau này trong các biên khảo của tôi.

Ngoài ra, được sự khuyến khích của giáo sư, ở Ấn-độ tôi đã theo học một khóa về Liên-hiệp-quốc Học (United Nations Studies) do Viện Liên-hiệp-quốc Học thuộc Liên Đoàn Các Hiệp Hội Liên-hiệp-quốc Ấn-độ (Institute of United Nations Studies of the Indian Federation of United Nations Associations) tổ chức (tháng 1-4, 1971), một khóa về Luật Hàng Không và Không Gian (Air and Space Law) do Học Viện Luật Hàng Không và Không Gian Ấn-độ (Indian Institute of Air and Space Law) tổ chức (tháng 6-11, 1971) cả hai ở New Delhi, và bắt đầu từ tháng 9/1973 còn theo học hàm thụ chương trình thi lấy bằng Master of Arts in Political Science của Viện Đại Học Himachal Pradesh

thuộc tiểu bang Himachal Pradesh (đáng tiếc là mới học được 1 năm thì mãn nhiệm kỳ phải về làm việc ở Bộ Ngoại giao, tiếp theo là biến cố 30.4.1975, rồi tị nạn sang Hoa-kỳ, nên không tiếp tục học được nữa).

Ở Trường Luật Sài-gòn, ít nhất là trong 6 năm đầu sau khi viện đại học quốc gia được người Pháp trao trả lại, môn Luật Hàng Không và Không Gian không được giảng dạy (mặc dù trong môn Quốc Tế Công Pháp ở hai cấp Cử nhân và Cao học Công pháp có phần về chủ quyền lãnh không của quốc gia), còn môn Liên-hiệp-quốc Học không được giảng dạy đầy đủ thành một ban hay một ngành mà chỉ được giảng dạy cũng trong môn Quốc Tế Công Pháp ở cả hai cấp Cử nhân và Cao học Công pháp. Riêng môn Chính Trị Học thì ở năm thứ ba Cử nhân có giảng dạy dưới dạng thức nhập môn tư tưởng chính trị mà thôi.

Mặt khác, cuối năm 1973 tôi đã hoàn tất một tài liệu viết bằng Anh ngữ, **The Sovereignty over the Paracels and the Spratlys and International Law**, mà tôi từ cuối năm 1970 đã thu thập tài liệu và nghiên cứu trong hơn 3 năm ở Ấn-độ. Khi đánh máy xong tài liệu, tôi có trình giáo sư xem thì giáo sư đề nghị dùng nó làm luận án tiến sĩ luật khi có dịp.

Sau đó 2, 3 tuần thì xảy ra vụ Trung-Cộng cưỡng chiếm quần đảo Hoàng-sa của Việt-nam. Khi giáo sư được lệnh của Bộ Ngoại giao VNCH tới Bộ Ngoại giao Ấn-độ trình bày vấn đề và lập trường của VNCH, giáo sư đã dẫn tôi đi theo (hôm đó là chiều 30 Tết). Khi gặp ông Giám đốc phụ trách các quốc gia Đông-nam Á-châu (ông đã từng phục vụ tại Tòa Đại sứ Ấn-độ ở Bắc-kinh, giỏi Hoa ngữ và là một chuyên gia về Trung-quốc), giáo sư đã bảo tôi dựa vào tài liệu của tôi mà trình bày cho chính phủ Ấn-độ hay về chủ quyền của Việt-nam trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

Chính một phần của tài liệu này cuối năm 1974 đã được tôi trình bày lại bằng Việt ngữ để đăng trong **Tập San Sứ Địa** (do cố giáo sư Nguyễn-khắc-Kham giới thiệu) với nhan đề “*Nhận Xét Về Các Luận Cừ Của Trung-hoa Liên Quan Tới Vấn Đề Chủ Quyền Hai Quần Đảo Hoàng-sa và Trường-sa*” (số 29, th. 1-3/1975, tr. 217-257), và từ đó được hiệu đính và bổ túc vài lần rồi đăng trong một số báo ở Hoa-kỳ và Gia-nã-đại, gần đây nhất là trong báo **Luật Pháp & Đời Sống** (từ số 50 đến số 55, với nhan đề hơi thay đổi).

Trong những dịp đi công tác xa với giáo sư, tôi còn biết thêm được là giáo sư có tính xuề xòa, không bao giờ quan tâm đến việc mình là trưởng một nhiệm sở ngoại giao. Vì thế, những lúc đi đường, giáo sư có thể dừng lại ăn uống, có khi ở trong tiệm, có khi ở ngay bên đường. Tôi còn nhớ mãi, có một lần hai thầy trò chúng tôi đi công tác ở Bangalore (còn viết là Bangaluru), thủ phủ của tiểu bang Karnataka ở tây-nam bộ Ấn-độ. Sau khi hoàn tất công tác, trên đường về không thấy có một tiệm ăn nào cả, mà chúng tôi đều

rất đói. Nửa đường, thấy có một quán cóc dưới một gốc cây to, giáo sư bảo tài xế dừng xe lại, rồi giáo sư thân nhiên ngồi xuống chiếc ghế dài là một thân cây còn nguyên cả vỏ cây, gọi món ăn, rồi ăn một cách tự nhiên, rất là ngon lành.

Giáo sư rất thưởng thức những món ăn Ấn-độ, cho nên mỗi khi đi công tác giáo sư không như các nhân viên khác linh kinh mang theo cơm và các món ăn Việt-nam. Có lần hai thầy trò chúng tôi đi công tác xa một tuần lễ, ngày ba bữa giáo sư toàn ăn các món Ấn-độ, mặc dù có nhiều tiệm ăn bán cả đồ ăn Âu-Mỹ nữa. Đây cũng là một điểm hai thầy trò chúng tôi giống nhau.

Xét về một phương diện khác, giáo sư là người rất thanh liêm. Trong thời gian làm việc chung với giáo sư, tôi chưa lần nào thấy giáo sư làm điều mờ ám về tiền nong. Vì ngoài phận sự chính về ngoại giao và lãnh sự sự vụ ra, tôi còn làm quản lý kế toán của sứ quán. Trong ngân quỹ của bất cứ một sứ quán nào cũng có một khoản tiền, thường được gọi là “*quĩ mật*” để dùng vào việc mua tin mật hay trả thù lao, phí tổn cho những người hay hội đoàn có nhiều thế lực hoặc ảnh hưởng để họ phổ biến tin tức hay chính sách, lập trường, v.v., của VNCH. Trong khi nhiều ông đại sứ, tổng lãnh sự khác đã lấy tin tức đăng trong báo địa phương và báo cáo về Bộ là tin mật mua được, rồi lấy tiền quỹ mật bỏ túi riêng (có ông còn lấy tiền đó mua vé máy bay đưa vợ con đi chơi riêng không có dính dáng đến một công tác nào cả, trả tiền khách sạn, tiền ăn uống, tiền giặt giũ quần áo, tiền in ảnh chụp trong chuyến đi chơi của gia đình, v.v.) thì giáo sư mỗi lần mua được một tin mật nào hoặc nhờ được người nào viết bài hay lên tiếng hộ, cũng đều bảo tôi viết chi phiếu hoặc lấy tiền mật đúng số tiền trả và tận tay trao cho những người này.

Mới làm việc với giáo sư được hơn 3 năm thì giáo sư được cử đi làm Đại sứ ở vương quốc Maroc. Trước khi đi, giáo sư có nói với tôi là sẽ xin Bộ Ngoại giao VNCH cử tôi sang Maroc làm việc. Khi tôi mãn nhiệm kỳ ở Ấn-độ về Sài-gòn (tháng 6/1974) thì hay tin Bộ đã chấp thuận yêu cầu của giáo sư rồi. Tuy nhiên, thủ tục chưa làm kịp thì xảy ra biến cố 30.4.1975, nên tôi đã lỡ mất cơ hội lại làm việc với giáo sư.

Một việc khác chứng tỏ mối quan tâm của giáo sư đối với gia đình tôi, dù tôi không được làm việc với giáo sư nữa. Đó là khi hay tin tôi mãn nhiệm kỳ ở Ấn-độ trở về Sài-gòn, từ Maroc giáo sư viết thư ngay về cho ái nữ thứ nhất, lúc đó đang làm việc cho cơ quan United States Catholic Charities (U.S.C.C.) ở Sài-gòn, nhờ kiếm việc làm cho nhà tôi. Do đó, vừa về tới Sài-gòn được một hôm là nhà tôi đã được tuyển vào làm phụ tá cho nữ tu Giám đốc Cô Nhi Viện Bình-trịệu. Cũng nhờ thế mà cuối tháng 4/1975 gia đình tôi đã

được đưa sang Hoa-kỳ. Gia đình chúng tôi mãi mãi nhớ ơn gia đình giáo sư.

Sau biến cố 30.4.1975, khi từ Maroc sang ở tiểu bang Florida (Hoa-kỳ), giáo sư biết được địa chỉ của tôi ở Dallas, Texas, nên đã viết thư liên lạc ngay, rồi khi giáo sư và phu nhân dọn về ở chung với gia đình ái nữ thứ hai ở Galveston, Texas, vợ chồng chúng tôi đã xuống thăm ngay. Từ đó, giáo sư và tôi thường xuyên thư từ cho nhau. Đến khi gia đình giáo sư dọn lên ở thành phố Alexandria, tiểu bang Virginia, thì giáo sư và phu nhân hai lần xuống Dallas thăm vợ chồng tôi và tôi cũng mấy lần lên Alexandria thăm giáo sư và phu nhân.

Năm 1990, lúc tôi nộp đơn xin theo học ngành Luật Ngân Hàng Quốc Tế tại Trường Luật thuộc Viện Đại Học Boston (cấp bằng Master of Laws in International Banking Law), theo đòi hỏi của nhà trường, giáo sư đã viết thư giới thiệu tôi với nhà trường (một người giới thiệu nữa là giáo sư Nguyễn-văn-Canh, bạn học của tôi tại ban Cao học Công pháp Trường Luật Sài-gòn).

Chỉ từ năm 1995, vì nhà tôi mắc chứng nan y ngày một nặng mà các con thì sống ở xa, chỉ có hai vợ chồng sống với nhau thôi, nên tôi không thể đi thăm giáo sư và phu nhân được. Ngay cả có lần giáo sư dừng chân ở phi trường Dallas-Fort Worth, chờ đợi phi cơ đi California, giáo sư có gọi điện thoại cho tôi, rủ ra phi trường gặp giáo sư, nhưng kẹt vì không biết trước không thể nhờ ai trông nom nhà tôi, nên tôi không đi gặp giáo sư được. Thật là đáng tiếc.

Không những là giáo sư thích tôi, mà cả phu nhân cũng quý vợ chồng và con cái chúng tôi. Ở Ấn-độ, những lúc đi chơi, dù là gần hay xa, bao giờ giáo sư và phu nhân cũng rủ vợ chồng chúng tôi và các cháu cùng đi. Vì ở nhà chúng tôi gọi các con bằng tên súc vật, nên giáo sư và phu nhân lúc nào cũng gọi tên súc vật của các cháu, chứ không bao giờ gọi tên thật của chúng. Cho đến hiện nay các cháu đã 40-50 tuổi cả rồi, nhưng hề hỏi thăm đến các cháu giáo sư hay phu nhân vẫn gọi tên súc vật của các cháu.

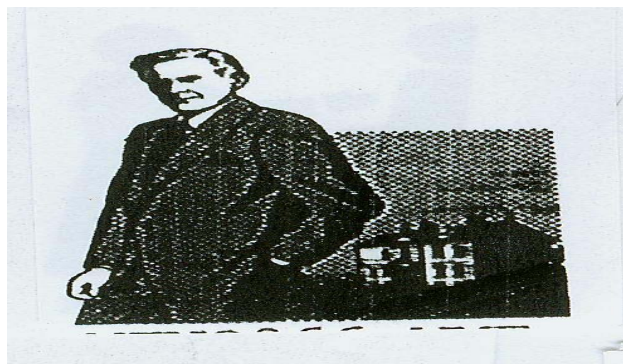
Do vậy, mỗi khi có cháu nào đi công tác ở Virginia hay Washington, D.C., bao giờ cũng thay mặt vợ chồng chúng tôi liên lạc hỏi thăm giáo sư và phu nhân. Lần cuối cùng, tháng 7/2007, như đã nói ở đầu bài này, một người con gái chúng tôi (là luật sư) trong dịp đi công tác ở Virginia đã gọi điện thoại, xin lại thăm, nhưng vì giáo sư sắp đi xa không gặp được mà chỉ nói chuyện điện thoại khoảng nửa giờ thôi. Lúc đó giáo sư cho biết chỉ có già thôi, chứ vẫn còn khỏe mạnh, chẳng có bệnh tật gì. Không ngờ nay đọc báo mới biết tin giáo sư đã qua đời, tôi có điện thoại cho cháu hay, cháu cũng ngạc nhiên.

+Tôi ăn hận mãi là mấy năm nay chưa có dịp nào lên thăm gia đình giáo sư cả. Giờ đây tôi chỉ còn biết cầu nguyện cho hương hồn giáo sư chóng được tiêu diêu miền Cực Lạc và xin được chia buồn cùng phu nhân và bảo quyến.

CSVLK Tạ Quốc Tuấn

ĐÓNG GÓP CỦA GIÁO SƯ VŨ-VĂN-MẪU TRONG VIỆC XÂY DỰNG NỀN LUẬT HỌC VIỆT-NAM

TẠ-QUỐC-TUẤN



Cách đây 7 năm, vào ngày 20.8.1998, ngành luật học Việt-nam đã mất đi một nhân tài: giáo sư Vũ-văn-Mẫu, Luật khoa Thạc sĩ, người được nhiều sinh viên mệnh danh là Thái sơn Bắc đẩu của ngành luật học Việt-nam. Giáo sư không phải chỉ là một luật sư, một luật gia bình thường như nhiều luật sư, luật gia khác ở trong cũng như ngoài nước Việt-nam, mà là một pháp học gia đúng với nghĩa của danh từ. Giáo sư đã có công rất lớn trong việc xây dựng nền luật học hiện đại Việt-nam.

Giáo sư đã tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Luật học thuộc Viện Đại học Đông-dương năm 1938⁽¹⁾, sau sang Pháp du học ngành tư pháp và tốt nghiệp với hai bằng tiến sĩ và thạc sĩ, rồi hồi hương, mới đầu dạy học ở trường Luật khoa Hà-nội⁽²⁾ sau ở trường Luật khoa Sài-gòn.

Giáo sư tích cực hoạt động, góp phần xây dựng và phát triển ngành luật học quốc gia chẳng những qua việc dạy học tại trường luật và ấn hành những tài liệu giáo khoa (một việc rất ít giáo sư khác đương thời làm), mà lại còn bằng những công trình nghiên cứu về các vấn đề thuộc ngành dân luật chuyên môn của giáo sư, và đặc biệt nhất là về cổ luật Việt-nam.

Đóng góp quan trọng đầu tiên của giáo sư là biên soạn, cùng với ông Đào-văn-Tập, bộ TỰ ĐIỂN PHÁP-VIỆT: PHÁP LUẬT, CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ (1955) để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho nền luật học quốc gia trong buổi sơ khai.

Thực vậy, môn luật học được chính thức giảng dạy ở Việt-nam năm 1917, trong thời Pháp thuộc (1862-1945), tại Trường Cao Đẳng Pháp Chánh Đông-dương (năm 1917-1933), sau đổi là Trường Cao Đẳng Luật học (1933-1938) rồi là Phân khoa Luật (1938-1954) thuộc Viện Đại học Đông-dương (sau đổi là Viện Đại-học Hà-nội), và sau khi chính quyền

thực dân Pháp trao trả nền đại học cho quốc gia Việt-nam, tại Luật khoa Đại học đường thuộc Viện Đại học Sài-gòn (1955-1975), cũng như là thuộc Viện Đại học Huế (1960-1975). Cho đến khi nền đại học Việt-nam được người Pháp trao trả năm 1955, các sinh viên Việt-nam đã được các giáo sư, dù là người Pháp hay người Việt, giảng dạy bằng Pháp ngữ; ngoài ra, các tài liệu hay sách giáo khoa đều viết bằng Pháp ngữ. Trong khi đó, từ sau khi Việt-nam giành lại được độc lập khỏi tay người Pháp năm 1945 số người Việt-nam thông thạo Pháp ngữ, nhất là giới học sinh sinh viên, càng ngày càng ít đi, bởi vì chương trình giáo dục Hoàng-xuân-Hãn áp dụng từ 1945 đã lấy Việt ngữ làm chuyển ngữ chính trong các bậc tiểu và trung học, còn Pháp ngữ chỉ được coi là một sinh ngữ, ngang hàng với Anh ngữ, với số giờ học rất ít trong mỗi tuần (4 giờ nếu là sinh ngữ chính hay 2 giờ nếu là sinh ngữ phụ).

Giáo sư Vũ-văn-Mẫu sớm nhận ra tình trạng này nên thấy cần phải cung cấp cho các sinh viên luật, chính trị và kinh tế, cũng như những người nào mà công việc hay chức vụ có liên hệ đến ba ngành này, một dụng cụ giúp họ hiểu được các tài liệu liên quan tới những địa hạt này viết bằng Pháp ngữ cũng như giúp họ sử

dụng và diễn tả những từ và ý về ba địa hạt này bằng Việt ngữ một cách chính xác. Bộ TỰ ĐIỂN PHÁP-VIỆT: PHÁP LUẬT, CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ vì thế được ra đời. Cho tới nay bộ tự điển của giáo sư Vũ-văn-Mẫu vẫn là tài liệu tham khảo căn bản và là nền tảng cho việc biên soạn các tự điển của những người khác, ngay cả các tự điển song ngữ không phải là Pháp-Việt.

Ngoài ra, sau này giáo sư Vũ-văn-Mẫu còn biên soạn hai bộ khác là TỰ ĐIỂN PHÁP-VIỆT: PHÁP CHÍNH, KINH TÀI VÀ XÃ HỘI (1970) và TIỂU TỪ

DIỄN LUẬT VÀ KINH TẾ (1973). Bộ tự điển sau cùng này giáo sư biên soạn chung với một số người khác.

Mặt khác, sau khi người Pháp trao trả Viện Đại Học Sài-gòn cho Việt-nam, giáo sư Vũ-văn-Mẫu đã được cử làm Khoa Trưởng Trường Đại Học Luật Khoa Sài-gòn. Giáo sư liền cùng với các giáo sư đồng nghiệp khác như Vũ-quốc-Thông, Vũ-quốc-Thúc, Lưu-văn-Bình, Vũ-văn-Hiền, Nguyễn-Độ, v.v., soạn thảo một chương trình luật học hoàn toàn Việt-nam. Nói là hoàn toàn Việt-nam chẳng những với nghĩa là các môn học được giảng dạy bằng Việt ngữ (ngoại trừ một vài môn nhiệm ý, như Luật Hàng Hải, Luật Hiến Pháp Đối Chiếu, Hình Luật Đối Chiếu, v.v., được giảng dạy bằng Pháp hay Anh ngữ) mà còn với nghĩa là các môn dạy đều dựa trên căn bản luật pháp Việt-nam và trong tinh thần Việt-nam (trừ hai môn Quốc Tế Công Pháp và Quốc Tế Tư Pháp). Ngay cả những môn không phải là luật, như kinh tế, tài chính, ngân sách... cũng đều lấy Việt-nam làm trường hợp nghiên cứu hay lập luận.

Đồng thời, ngay từ năm 1956, dưới sự hướng dẫn của giáo sư Vũ-văn-Mẫu, trường Đại Học Luật Khoa Sài-gòn đã biên tập và phát hành LUẬT HỌC KINH TẾ TẬP CHÍ, một tờ quý san chuyên đăng những công trình khảo cứu về các vấn đề luật pháp, hành chính, kinh tế, tài chính, hay phê bình các án lệ của các tòa Thượng Thẩm và tòa Phá Án (sau gọi là Tối Cao Pháp Viện) viết bằng Việt ngữ hay Pháp ngữ. Tạp chí này được chủ trương để cung cấp cho sinh viên cũng như nhiều người khác thêm những tin tức, tài liệu, tư tưởng quý báu, bổ túc cho những bài giảng dạy của các giáo sư trong lớp. Giáo sư Vũ-văn-Mẫu có nhiều bài đăng trong tạp chí.

Đứng về một phương diện khác mà xét, chúng ta thấy giáo sư Vũ-văn-Mẫu đã cho ấn hành một số tài liệu quan trọng về pháp luật và nhất là dân luật Việt-nam hay lấy Việt-nam làm trọng tâm. Đáng kể nhất là các tài liệu DÂN LUẬT KHÁI LUẬN (1958, 1961), VIỆT-NAM DÂN LUẬT LƯỢC KHẢO (1959, 1963), VIỆT-NAM DÂN LUẬT LƯỢC GIẢNG: LUẬT GIA ĐÌNH (1973), PHÁP LUẬT NHẬP MÔN (1973), PHÁP LUẬT DIỄN GIẢNG (1975), v.v. Tuy những tài liệu này là sách giáo khoa viết cho sinh viên luật, nhưng các người khác vẫn có thể dùng các tài liệu đó để tìm hiểu hay nghiên cứu nhiều vấn đề pháp lý liên hệ. Điểm quan trọng là các vấn đề đã được trình bày theo quan niệm và tập tục

của người Việt-nam. Đôi khi cần, giáo sư cũng đối chiếu với pháp luật và dân luật của các nước khác, nhất là của nước Pháp.

Giáo sư Vũ-văn-Mẫu chẳng những chỉ góp phần vào việc xây dựng nền luật học hiện đại Việt-nam mà lại còn có công lớn trong việc nghiên cứu và phổ biến cổ luật Việt-nam nữa. Đáng kể trước, đồng thời, và sau giáo sư cũng có một ít người đã viết về cổ luật Việt-nam, nhưng họ chỉ nghiên cứu về một vài khía cạnh hay vấn đề pháp lý nào đó thôi (chẳng hạn chế độ đa thê, của hưởng hỏa, tình trạng pháp lý của người vợ góa, v.v.), nhưng không ai làm công việc này trên bình diện tổng quát, bao trùm mọi khía cạnh, mọi vấn đề của cổ luật để người ta có được một cái nhìn toàn diện về cổ luật, cũng như không ai nghiên cứu kỹ càng về lịch sử cổ pháp Việt-nam.

Một quan niệm rất sai lầm của nhiều người cho rằng một luật sư chỉ cần biết đến những đạo luật, những bộ luật, cũng như những án lệ hiện hành là đủ, không cần phải biết đến cổ luật là một món vô bổ, không có lợi gì cho sự biện hộ cho thân chủ của mình⁽³⁾. Họ có biết đâu rằng những kiến thức, những hiểu biết về cổ luật nhiều khi cũng có ích, có công dụng, cho việc bênh vực quyền lợi của thân chủ, nhất là trong những vấn đề luật hiện đại không qui định.

Một đạo luật hiện tại không phải tự nhiên mà có hay là sáng kiến của một người nào, một nhóm người nào, mà nó là kết quả đúc kết của nhiều biến cố, nhiều tình trạng đã xảy ra trong xã hội, khiến cho các nhà lập pháp thấy cần phải qui định biện pháp đối phó rõ ràng, cụ thể và hợp lý để giải quyết. Vì thế một đạo luật hiện tại thường hoặc là thoát thân từ một đạo luật trong quá khứ, hoặc là sự cải tiến của một đạo luật cũ, một biện pháp cũ, một quan niệm pháp lý cũ. Sự hiểu biết cổ luật vì thế rất quan trọng, có thể giúp không ít cho việc hành nghề của một luật sư. Cũng có khi một đạo luật hiện tại có khiếm khuyết, không qui định hay qui định không rõ ràng đầy đủ về một vấn đề pháp lý nào đó. Trong trường hợp này, các nhà tư pháp, cũng như các luật gia, nhiều khi phải tham chiếu luật xưa để tìm hiểu cách giải quyết vấn đề mà luật hiện tại không đề cập tới hay qui định thiếu sót. Đó cũng là lý do tại các trường đại học luật khoa trên thế giới đều có giảng dạy thêm cổ luật của nước họ, hoặc thành một môn học riêng hoặc dưới hình thức pháp chế sử hay định chế sử, để giúp cho sinh viên, các luật sư tương lai, có

được một số kiến thức và dụng cụ cần thiết để bổ túc cho các kiến thức về luật hiện tại.

Để phổ biến cổ luật Việt-nam, giáo sư Vũ-văn-Mẫu đã nhập môn học này vào môn Dân Luật mà giáo sư đảm nhiệm việc giảng dạy. Sở dĩ giáo sư làm như vậy là vì quan niệm rằng đại đa số các vấn đề tranh chấp kiện tụng giữa hai hay nhiều cá nhân với nhau đều thuộc lãnh vực dân luật (còn gọi là hộ luật). Nếu giảng dạy cả hai thì sinh viên sẽ có được một cái nhìn quán thông về các vấn đề pháp lý hơn.

Ngoài ra, giáo sư đã cho ấn hành hai tài liệu quan trọng là **CỔ LUẬT VIỆT-NAM LƯỢC KHẢO** (1968, 1970, 1971) và **CỔ LUẬT VIỆT-NAM THÔNG KHẢO VÀ TƯ PHÁP SỬ** (quyển thứ nhất, tập nhất in năm 1974; quyển thứ nhất, tập hai in năm 1975; quyển thứ hai in năm 1975). Hai tài liệu này, nhất là tài liệu thứ hai, vừa là sách giáo khoa vừa là sách trình bày một cách giản lược lịch sử cổ pháp Việt-nam từ khi lập quốc cho đến thời Pháp thuộc, và các luật lệ liên quan đến gia đình (cả tiểu lẫn đại gia đình), kế ước, trách nhiệm, hình luật, tổ chức tư pháp và tố tụng trong cổ luật, v.v.

Quan trọng hơn nữa là trong thập niên đầu kể từ khi Trường Đại Học Luật Khoa Sài-gòn được trao trả cho người Việt-nam, giáo sư Vũ-văn-Mẫu đã tổ chức việc phiên dịch các tài liệu luật cổ của Việt-nam viết bằng Hán tự sang Việt ngữ.

Bốn tài liệu đã được lần lượt phiên dịch và xuất bản là: (a) **QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT** (còn gọi là bộ Luật Hồng-đức, bộ Luật Nhà Lê) do Lương-thần Cao-nãi-Quang dịch (1956); (b) **LỊCH TRIỀU HIẾN CHƯƠNG LOẠI CHÍ** của Phan-huy-Chú (chỉ dịch các quyển 13-19, Quan Chức Chí, 29-32, Quốc Dụng, và 33, đại cương về việc san định hình luật của các triều đại) do Cao-nãi-Quang và Nguyễn-sĩ-Giác dịch (1957); (c) **HỒNG ĐỨC THIỆN CHÍNH THƯ** do Nguyễn-sĩ-Giác dịch (1959); (d) **LÊ TRIỀU CHIẾU LỆNH THIỆN CHÍNH** do Nguyễn-sĩ-Giác dịch (1961). Tài liệu nào cũng được giáo sư đề tựa và giới thiệu.

Sau hết, nhiều bài biên khảo có giá trị của giáo sư về những vấn đề pháp lý hay giới thiệu luật Việt-nam được đăng trong nhiều tạp chí trong cũng như ngoài Nước⁽⁴⁾.

Với thời gian vốn vẹn 20 năm (1955-1975), những đóng góp kể trên của giáo sư không phải là nhỏ, nhất là khi đem so sánh với những người có cơ

hội, có phương tiện, và có khả năng như giáo sư mà đóng góp lại quá nhỏ bé. Đáng tiếc là từ sau biến cố 1975 giáo sư Vũ-văn-Mẫu không còn môi trường hoạt động, kể cả khi đã sang sinh sống bên Pháp. Sự ra đi vĩnh viễn của giáo sư đã để lại một lỗ hổng lớn trong lâu đài luật học Việt-nam, không biết bao giờ mới được lấp kín. Tuy người ta có thể không tán thành, không đồng ý với những ý kiến hay hoạt động chính trị của giáo sư, nhưng không ai có thể phủ nhận đóng góp và vai trò của giáo sư trong việc xây dựng nền luật học Việt-nam.

Luật gia Tạ Quốc Tuấn

Chú Thích:

(1) Cũng trong năm 1938 trường Cao đẳng Luật học được đổi thành Phân khoa Luật.

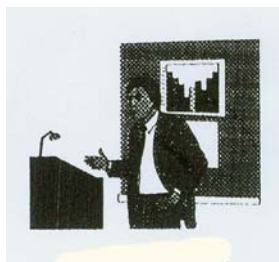
(2) Giáo sư còn giữ chức Phó Khoa trưởng trường Luật ở Hà-nội (nửa đầu năm 1954), Khoa trưởng đầu tiên của Luật khoa Đại học đường ở Sài-gòn (năm 1955-1957), Bộ trưởng Ngoại giao trong thời Đệ Nhất Cộng hòa (1954-1963), Nghị sĩ Quốc hội thời Đệ Nhị Cộng hòa, thủ tướng 1 ngày 29.4.1975.

(3) Trong những người cùng học luật với chúng tôi năm 1955-1956 đã có ít nhất là ba người (cũng là bạn của chúng tôi) phản đối việc học cổ luật Việt-nam và bỏ sang học ngành đại học khác, dù khi đó cổ luật Việt-nam chỉ được giảng dạy làm phần mở đầu của môn dân luật mà thôi, chứ chưa thành một môn học riêng như sau này.

(4) Thí dụ một bài của giáo sư Vũ-văn-Mẫu giới thiệu về luật Việt-nam đã được Francisco Vega Sala dịch sang tiếng Tây-ban-nha mang nhan đề “Introducción al Derecho Vietnamita” và được đăng trong **Revista del Instituto de Derecho Comparado**, Barcelona, số 22-23, 1964, tr. 38-71.



HÒAI NIỆM:



KỶ NIỆM VỚI GIÁO SƯ NGUYỄN ĐỘ

Ls. Đoàn Thanh Liêm

California, 2009

Tôi theo học ở Đại Học Luật Khoa Saigon khóa 1955-58, đó là khóa đầu tiên của Trường Luật mà vừa mới được người Pháp trao lại cho chánh phủ Việt Nam. Vị khoa trưởng tiên khởi kể từ niên khóa 1955-56 là Giáo Sư Vũ Văn Mẫu, lúc đó còn kiêm nhiệm thêm chức vụ bộ trưởng Ngoại Giao thời chế độ Đế Nhất Cộng Hòa nữa. Qua năm sau, tôi lên học năm thứ hai ban cử nhân Luật và được học với Giáo Sư Nguyễn Độ trong hai môn, đó là môn Luật Hành Chánh và môn Hình Luật Tổng Quát.

Giáo Sư Độ người vừa tầm thước, lúc đó vào cỡ tuổi 35-37, nhưng ăn vận trẻ trung, mái tóc luôn chải ép gọn, với cặp kính trắng khá thanh nhã làm toát lên sự thông minh trí thức. Hồi đó giáo sư vẫn còn độc thân và được các sinh viên sầm xì là ông có lối sinh hoạt hồn nhiên, vui sống như cái thời ông còn theo học ở bên Pháp ngày trước. Ông hay đậu chiếc xe hơi Wolkswagen xinh xắn tại sân trường.

Bài giảng của giáo sư nặng nhiều về lý thuyết và kèm theo các chi tiết minh họa thực tế, nên nhiều sinh viên miền Nam mà theo học theo chương trình Pháp ở bậc trung học, thì phải dày công theo dõi lắm mới có thể nắm bắt hết ý nghĩa được. Có bạn nói là cours này “rối mù quá” (touffu). Nhưng mà nếu sinh viên chịu khó tra cứu thêm ở các sách báo khác ở thư viện của trường, mà hồi đó phần lớn là tài liệu bằng tiếng Pháp, thì sẽ thấy được là các bài giảng của giáo sư đã được soạn thảo rất công phu với đầy đủ chi tiết cả về lý thuyết lẫn về thực hành. Một số sinh viên học toàn thời gian (full time student) như các bạn Nguyễn Đình Thăng, Cao Huy Thuần và tôi, thì hay rủ nhau vào thư viện của trường để tìm kiếm sách báo đọc thêm. Và chúng tôi tìm được vài bài ký tên “Nguyễn Độ” được đăng trong tập san “Repertoire Dalloz” là loại ấn phẩm về luật pháp từ lâu vẫn có uy tín của nước Pháp. Có thể nói ít có giáo sư ở trường Luật Saigon thời đó mà lại có bài phân tích, phê bình luật học mà được chọn đăng nơi tập san uy tín như vậy.

Tôi vẫn còn nhớ hồi đó vì cơ sở của trường trên đường Duy Tân còn thiếu phòng ốc, nên chúng tôi hay phải qua học nhờ bên cơ sở của Viện Đại Học Saigon trên đường Trần Quý Cáp. Và mấy lần sau lớp giảng, tôi có thắc mắc phải đến hỏi Giáo Sư Độ để nhờ giáo

sư giảng nghĩa thêm cho. Mà lần nào tôi thấy giáo sư cũng đều vui vẻ chỉ dẫn thêm cho sinh viên; đôi khi cuộc trao đổi có thể kéo dài đến 10-15 phút, mà giáo sư không hề tỏ ý là bị sinh viên làm phiền hà chi cả. Thành ra, riêng về bản thân mình, tôi luôn có ấn tượng tốt đẹp với Giáo Sư Nguyễn Độ, ngay từ cái ngày mới được thụ giáo với ông vào năm 1956-57 lúc đó.

Sau khi tốt nghiệp ra trường mấy năm, tôi lại có duyên làm việc chung với Giáo Sư Độ nữa. Thật là một dịp may mắn hy hữu cho tôi. Sự việc như sau: Năm 1961, sau khi tu nghiệp tại Quốc Hội Hoa kỳ về, thì tôi được cơ quan cử tôi đến làm nhiệm vụ thư ký cho Giáo Sư Nguyễn Độ trong việc soạn bản dự thảo Bộ Hình Luật cho Ủy Ban Tư Pháp Định Chế của Quốc Hội, mà lúc đó do Dân Biểu Lại Tư làm chủ tịch. Tôi đến gặp giáo sư tại tư gia nơi cư xá giáo chức đại học trên đường Duy Tân gần với đường Hiền Vương. Cách xa mấy năm, nay thầy trò lại gặp nhau, tôi thật vui mừng. Giáo sư nói với tôi, “Ông cứ việc nghỉ buổi chiều, đến tối cỡ 6.00-6.30 sau khi cơm nước xong, thì chúng mình sẽ cùng nhau làm việc. Vào buổi tối trời mát, thì làm việc mới thoải mái được...”

Khi bắt tay vào làm việc, thì giáo sư căn dặn tôi đại khái như sau, “Tôi nhận làm việc này là do lời yêu cầu của ông Dân Biểu Lại Tư cũng là bạn bè quen biết từ lâu trong giới luật gia. Nhưng tôi đã ra điều kiện với ông Lại Tư rằng: tôi sẽ không ra trước Quốc Hội để mà phải trả lời những “questions idiotes” của mấy ông dân biểu đâu. Vì thế, cho nên ông chịu khó ghi chép cẩn thận về những điều tôi nói ở đây, để rồi sau này chính ông sẽ giải thích cho các ông dân biểu. Chứ riêng phần tôi, thì tôi chỉ là một người cố vấn cho Ủy Ban Tư Pháp Định Chế của ông Lại Tư mà thôi, tôi không nhận việc phải trả lời thắc mắc của mấy ông dân biểu đâu. Xin ghi rõ là điều kiện tôi đã thỏa thuận với ông Lại Tư là như thế đó...” Càng làm việc gần với ông, tôi càng thấy rõ được sự uyên bác của ông về mặt luật học. Và tôi càng cảm mến phong cách lịch sự tinh tế của ông nữa.

Công việc tôi làm thư ký với Giáo Sư Độ chưa hoàn tất, thì vào đầu năm 1962, tôi phải đi trình diện Khóa 13 trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Và cũng vì năm 1963, chế độ Đế Nhất Cộng Hòa bị giải thể sau

cuộc chính biến 1/11, thì Quốc Hội cũng bị giải tán, nên bản dự thảo này cũng đã không thể nào được đưa ra biểu quyết để trở thành một đạo luật nữa.

Hồi làm sĩ quan trong Phòng Pháp Chế & Tổ Tụng của Bộ Quốc Phòng năm 1963-65, tôi còn hay được theo dõi các bài kết luận của giáo sư trong tư cách là cố vấn của Tham Chánh Viện trong hệ thống tòa án Hành Chánh dưới thời Việt Nam Cộng Hòa nữa. Tôi luôn đánh giá cao cái lối lập luận rất chặt chẽ vững vàng của vị luật gia có tên tuổi lớn trong lãnh vực luật Hành Chánh ở Việt Nam hồi đó.

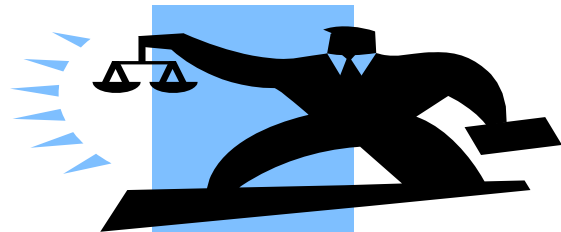
Sau đó, lâu lâu tôi vẫn đến nhà thăm giáo sư, và lúc nào tôi cũng được ông và bà xã tiếp đón niềm nở, quý mến trân trọng. Nhất là sau năm 1975, thì giáo sư lại càng rảnh rỗi hơn. Ông được bổ trí dạy môn Pháp Văn cho sinh viên, thì ông chẳng cần phải mất thời giờ soạn bài vở gì cả. Giáo sư kể nhiều chuyện ở ngoài Bắc, vì các ông Nguyễn Cơ Thạch, Phan Hiền lúc đó là cấp thứ trưởng ở Hanoi thì đều là bạn học chung từ hồi trước năm 1945. Lại nữa bà Nguyễn Cơ Thạch còn là cousin với bà Nguyễn Độ, nên mối liên hệ lại càng khăng khít giữa hai gia đình.

Kết cục là gia đình Giáo Sư Độ đã được di định cư bên nước Pháp khá sớm, không bao lâu sau khi Giáo Sư Vũ Quốc Thúc cũng được bảo lãnh sang Pháp. Sau khi giáo sư đi qua Pháp rồi, tôi vẫn lại có duyên với căn nhà cũ của ông tại đường Duy Tân, vì căn nhà sau đó lại được cấp phát cho Bác Sĩ Ngô Tôn Liên là bạn cùng ở đại học xá Minh Mạng với tôi hồi năm 1955-56. Con gái của Liên lại là bạn học chung với con gái của tôi ở trường trung học Minh Khai nữa. Thành ra mỗi lần đến chơi với Bác Sĩ Liên, thì tôi lại nhớ đến Giáo Sư Nguyễn Độ ngay tại căn nhà, mà từ mấy chục năm xưa tôi đã sát cánh làm việc với giáo sư.

Nay giáo sư từ già cõi đời ở bên Pháp đã mấy năm rồi, nhưng đối với tôi thì Giáo Sư Nguyễn Độ luôn để lại trong tôi một hình ảnh trong sáng của một người trí thức, của một vị luật gia rất tận tâm với chức nghiệp và của một vị thầy có một sở học thật vững chắc hồi giữa thế kỷ XX ở miền Nam Việt Nam.

Tôi xin viết những dòng chữ này để ghi lại một ít kỷ niệm thân thiết riêng tư của tôi với vị giáo sư khả kính và khả ái, mà tôi có duyên được gần gũi thân thương khởi đầu cách nay đã trên 50 năm rồi. Xin cầu chúc giáo sư luôn thanh thân nơi cõi vĩnh hằng.

Ls. Đoàn Thanh Liêm



THƠ XUÂN

Mây Ngân



Nhà Thơ Mây Ngân xứ Huế bên người tình muôn thuở với bài thơ khai xuân gửi cho Đặc san Luật khoa 2010

XUÂN VỀ !

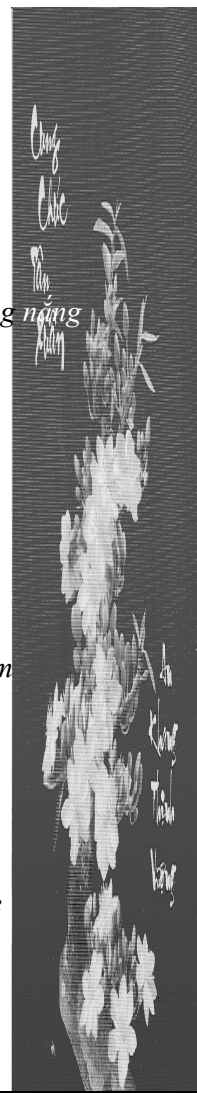
Đã mấy mùa Xuân ta đợi chờ
Gió mùa dật mộng nắng đan tơ
Trải dài mái tóc tháng năm đợi
Thương nhớ ai hoài tiếc tuổi thơ

Xuân về người có nhớ gì không
Cúc Đào trước ngõ gió đông đưa
Nghiêng nghiêng cánh Bướm vờn trong nắng
Mai vàng lời lã tấm thiệp hồng.

XUÂN NHỚ !

Đã mấy mùa Xuân mẹ mãi chờ
Mai vàng trước ngõ mây giăng tơ
Dạo ấy Quê nhà xuân nồng ấm
Hồn nhiên bên mẹ đầy mộng mơ
Đàn con bé nhỏ tuổi ngây thơ
Giờ đây khôn lớn ở đôi bờ
Đông Tây ngăn cách xa ngàn dặm
Xuân về nhớ mẹ dật vàng thơ
Cúc Đào lời lã đón gió xuân
Lửa hồng bánh Tét cháy bập bùng
Quây quần bên mẹ đón giao thừa
Bao giờ có lại xuân năm xưa
Tóc mẹ bây giờ đã ngả màu
Mắt mờ chân yếu tai không nghe
Xuân về vắng mẹ lòng xao xuyến
Mẹ Việt bao giờ hết thương đau.

Mây Ngân



HÒAI NIỆM VỀ



THẦY TRÒ và BẠN HỮU

Chính Phong Nguyễn Hoàng

Đại Hội Thường Niên 2008 của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam đã quyết định tổ chức một cuộc “Hội ngộ mùa xuân 2010 cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn toàn thế giới tại Houston, Texas – Hoa Kỳ”. Các bạn cựu sinh viên Sài Gòn, từ trẻ đến già và... sồn sồn, cùng các thân hữu khắp năm châu bốn biển, đều có thể góp mặt trong cuộc Hội ngộ hiếm hoi này.

Ai có thể từ chối được ? khi mà “*cái già sống sộc nó đang theo sau*”. Thảm hơn nữa là anh Đạt, anh Liễn lại luôn miệng ngâm “*một mai về với ông bà, nắp sau nải chuối, ngấm gà khỏa thân*”. Các ông ơi, chết rồi mà còn ham ! Sống đây tội gì lại không hưởng “*Hội ngộ mùa xuân 2010*”, đợi chết xuống âm phủ biết có hay không ?

Thật vậy ; thông báo vừa “lên”nét” là các bạn xa gần, tới tấp email về tham dự. Xin đa tạ tấm thịnh tình của các bạn ! chúng tôi cố gắng tổ chức để tiếp đón các thầy và bạn, càng hoàn hảo càng tốt.

Riêng già tôi ngoài những ý trên, còn có chút tiểu xảo : Hò hét hát hồng gì mà sau đó được tổ bún thang chị Đạt nấu, xôi nếp nướng, chị Liễn đồ, Thạch bấy màu chị Thiện Ý đồ là thấm giọng, mát ruột rồi “*ăn đi trước, hát hò kịch kẹo gì hạ hồi giải phân* “. Nhưng, “*ăn rồi đã vậy, múa gậy (bút) sao đây*”? khi ban tổ chức ra đề tài cho đặc san 2010 : *Hoài niệm tri ân*, liên quan đến trường mẹ Luật Khoa. Đó là những lý do hiện diện “tấm chân tình” lòng thông sau đây :



• Hoài Niệm và tri ân, cố Luật sư TRẦN VĂN TUYÊN :

Buổi chiều ngày 25-4-1975, nắng nhẹ trước sân toà Sàgòn. Khác hẳn những ngày thường, sao quạnh huu vắng lặng . Maitre Trần Văn Tuyên dăm chiêu chống tay vào bức tường hoa toà án. Tôi bước tới

chào, rồi hỏi : “*thưa maitre...maitre nghĩ gì về “đi” hay “ở” và quyết định sao ?!*”

Maitre đáp : “ Tôi nghĩ rằng ra ngoại quốc thì làm được trò trống gì ?- vì trước kia tôi đã ở ngoại quốc khá lâu”.

Thiếu suy nghĩ, tôi hấp tấp : “*Thưa maitre, Làm gì cũng được, cho dù phải làm người giữ trẻ để nuôi các con ăn học*”.

Sau này tôi mới hiểu ra rằng “làm trò trống gì” có nghĩa là làm gì cho quốc gia đất nước, đối với một chính trị gia chân chính Trần Văn Tuyên, chứ không phải “làm gì để sống” ở nước ngoài.

Thật vậy ; với tư cách là một luật sư, maitre Tuyên thường cãi không công cho các vụ án chính trị dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Sự kiện này khiến Tổng Thống Diệm nghi ngờ ông chống đối. Nhưng thực ra, Ông chống đối độc tài, thối nát và gia đình trị nên ông bị bắt giam tù đầy.

Trong luật sư đoàn, với tư cách đàn anh, hay



Ls. Tuyên trước văn phòng số 40D Gia Long, Sài Gòn

bạc cha chú (ông sinh năm 1913, trưởng nam luật sư Trần Tử Huyền, lại là bạn đồng nghiệp với chúng tôi). Ông lúc nào cũng tỏ ra lịch sự, trang nhã, khoan dung và thân thiện. Ông thường dạy đàn em những bài giảng về luật pháp và nghề nghiệp rất bổ ích.

Thời Pháp, đến thời Nhật, rồi thời Việt Minh, ông đều giữ những chức vụ quan trọng, nhưng với tinh thần quốc gia dân tộc nên các chính quyền trên đều muốn diệt ông, xin đơn cử một số chức vụ sau đây mà ông đảm nhận :

-Bộ Trưởng Bộ Thông Tin trong nội các Bảo Đại -1949.

-Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng chính phủ Trần Văn Hữu – 1950-1951.

-Phó Thủ Tướng, đặc trách kế hoạch, chính phủ Phan Huy Quát -1965.

-Đồng Lý Văn Phòng Bộ Ngoại Giao trong chính phủ liên hiệp quốc-cộng – 1946.

-Đại diện Việt Nam tại hội nghị Liên Quốc Đông Dương ở Pháp -1950.

-Cố vấn đặc biệt của phái đoàn Việt Nam tại hội nghị Geneve về Đông Dương 1954.

-Đại diện Việt Nam tại hội nghị Hoà Bình PACEM INTERRIS ở Geneva 1967. Cuối cùng, 1975 ông nhất định không xuất ngoại sang Mỹ, vì “nếu bỏ đi thì ai ở lại đấu tranh công khai với Cộng Sản ? nếu CS có giết thì cũng là một cách đền nợ nước, không thành công thì thành nhâ vậy”, (tập hồi ký của Lê Trọng Văn), ông đã tuyên bố như vậy.

Kết quả là CS đã bức tử người anh hùng bất khuất, yêu nước thương dân tại trại Hà Sơn Bình (Bắc Việt).

Ôi ! “anh hùng tử - khí hùng nào tử !”

Một tấm gương sáng cho thế hệ trẻ có tinh thần yêu dân, yêu nước sau này.

• Hoài niệm và tri ân cố giáo sư VŨ QUỐC THÔNG :



H.9 Cố Gs. Khoa trưởng và Bà Vũ quốc Thông (chụp trước khi mất vào năm 1988)

Chiếc tàu dầu “Bông Hồng 9” rời kho 5, bến Thương Cảng Sài Gòn đúng 10 giờ sáng ngày 30-4-1975. Trên đường ra khơi, thuyền trưởng cho tàu stop tại Nhà Bè để “vớt”bầu đoàn không thể, có thiếp, cùng chủ tàu 36 Hồng Thập Tự, Trần Đình T... Xong ; lại tiếp tục cuộc hành trình. Chưa bao xa, thì “ầm”, một viên đạn (đại bác ?) khoét lủng sườn tàu. Sợ chìm,

cháu Tâm cởi áo, nhét lỗ thủng. Lại một viên đạn nữa bay vào, chỉ cách mặt thuyền trưởng chừng hai gang tay, khi ông đang đứng trong phòng lái trên boong tàu để điều khiển thủy thủ đoàn.

Đồng hành, chiếc Việt Nam Thương Tín từ phía Thủ Thiêm đang lướt trên sông, lãnh mấy quả đạn làm nhà văn Chu Tử phải mạng vong.

Bên này, ở tàu Bông Hồng 9 ai nấy đổ mồ hôi hột ! Khi ông chủ tàu hô : “ai Phật giáo : cầu Phật , ai Công giáo : cầu Chúa”! Dốt cuộc, tàu thoát hiểm vượt ra khơi.

Riêng tôi trộm nghĩ “nếu tàu chìm ở khúc sông này, e rằng gia đình còn ở lại, không biết mấy đứa nhỏ sống chết ở đâu !...”

Ròng rã hơn 05 ngày trên biển ngày 6-5-1975, tàu “neo” tại philipine. Trước khi cập bến, thuyền trưởng nhận được cái “list” danh sách trên 400 hành khách bắt đắ dĩ mà tàu đã vớt từ bến Thương Cảng ra sông. Liếc qua tờ danh sách , tôi thấy hai tên quen quen , bèn chạy ra boong tàu cất cao giọng : “Có phải anh Vũ Quốc Thủy và Vũ Quốc Định là con của giáo sư Vũ Quốc Thông không ? Đúng vậy, vợ chồng anh Thủy tóm tắt : “thầy mẹ chúng tôi vào bến kho 5 từ sáng sớm, đi lang thang mãi mà chỉ thấy chiếc Trường Xuân đầy ắp người, tàu hư máy, không thủy thủ đoàn, đâu giám liều mạng chen lên tàu. Ngược lại chiếc Bông Hồng 9 , tàu vừa nhỏ cũng không có ai lái ... thầy cô nản lòng nên đã quay về một chập trước rồi ! Ở đời hay vướng mắc vào hai chữ “nếu và nhưng”, nếu như thầy cô nản lại một đôi giờ thì gặp tụi này rồi, vì cả hai vợ chồng tôi đều là học trò cũ của thầy tại trường Luật. “ my house” là sĩ quan hàng hải thương thuyền, nhưng đã chuyển sang nghề cải, nay nhào xuống tàu làm thuyền trưởng bắt đắ dĩ. Nếu thấy thầy, làm sao trò quên được, ắt phải trái thăm dò mời thượng khách lên xe hoa (tàu Bông Hồng 9) này rồi. Cả tàu, hơn 400 người, có ai tổn đồng xu các bạc nào !

Cũng vì suốt đêm 29 rạng ngày 30, dù giới nghiêm, chúng tôi cũng liều lặn lội đi kiểm thủy thủ đoàn, khi xuống bến thì trời sắp hùng sáng, thầy cô đã bỏ về

Ấu cũng là số phận ! thầy cô phải ở lại với CS...chúng tôi vừa tiếc vừa xót xa, vì thầy cô lỡ tàu.

Thầy vừa hiền lành, vừa đạo đức với môn Pháp Chế Sử, đã khai tâm,mở trí chúng tôi rất nhiều, nhất là tôi lại xuất sắc với môn ấy (thi viết được 12 điểm môn của thầy).

• Hoài niệm và tri ân chánh án BÙI ĐÌNH TUYÊN :

Từ giã Maitre Tuyên ; đi lần vào dãy hành lang là văn phòng các thẩm phán sử án ! Phòng

của Chánh Án Bùi Đình Tuyên ngay đây. Với vẻ thần thờ bên chồng hồ sơ đầy ắp. Tôi lệ miệng : “kính chào ngài chánh án”.

- *Chào bà Luật sư, mời vô ngồi chơi cái đã... giờ phút này tâm trí đâu mà làm việc !*

À này, nếu có đường đi nước bước thì chớ quên tui này nghe chưa !

Buộc miệng tôi nói chắc : “*đâu dám bỏ rơi chánh án và gia đình ! đi thì cùng đi một đám chứ* (tương như kỳ di cư 1954-1955).

Nét mặt chánh án vụt tươi hẳn lên : “*Ừ, xin nhớ, đừng bỏ rơi tui này !*”

Trong giây phút mà lời dặn quên - nhớ tới hai lần.

Tại sao tôi lại nói chắc như vậy ? Như đã trình bày, ba mấy cháu trước khi vô luật sư đoàn, ông còn có nghề hàng hải. Tuy chưa có tàu trong tay, xong với nghề cũ, hiện trạng và hiện thời lại đắt giá. Chẳng thế mà ngày 17-4-75, chính chủ hãng tàu TĐT điện thoại nhờ ông mang hộ chiếc tàu chở tôm sang Nhật với thù lao lớn. Chủ tàu đã hứa trong thời gian ông vắng nhà, nếu có biến cố gì xảy đến, chủ tàu bảo đảm bồi vợ con thuyền trưởng xuất ngoại trước. Chúng tôi đã từ chối sự mời gọi này, cũng chẳng ham tiền.

Quả nhiên ngày 30-4-75 sập tới, chính chúng tôi đã vớt ông chủ tàu tại Nhà Bè. Nhưng ; lời hứa với chánh án Tuyên đã không thực hiện được, bởi mấy ngày cuối cùng điện thoại bị cắt không ai liên lạc với ai được. Và lại nhà chánh án ở tận Thị Nghè, xa bến tàu và xa cả nhà chúng tôi. Thêm vào giới nghiêm 24/24 !

Hồi tưởng lại, khi mới di cư (1954-1955) , bỏ cửa bỏ nhà mà đi với hai bàn tay trắng. Tuy nhiên, bố mẹ chúng tôi vẫn cho các con đi học, tôi chẳng biết thân phận, học vốn lười lại ham chơi, nên thi trung học, trượt vô chuỗi luôn mấy khóa. Cái mộng con xin vô học sư phạm, làm cô giáo trường làng tan thành mây khói. Hận đời, bầy đặt học nhảy, không phải nhảy slow, tăng gô hay cò cò, mà nhảy lớp đệ ngũ , đệ tam nên mới phải vô trường tư. Ở đây, trò đã gặp thầy Bùi Đình Tuyên dậy lý hóa. Thầy là kỹ sư nông lâm súc. Thầy đã dẫn chúng tôi đi thăm trại nuôi heo và rồi trò đã đến thăm nhà thầy ở trong một ngõ hẹp, ngòong ngoè, căn nhà gỗ một gian. Đây cửa bước vô là thấy ngay một buồng chuối tây treo tòng teng nơi góc phòng dài cả thước, thầy mời “cứ tự nhiên , ăn đi, chuối tốt có nhiều potassium”.

Thấy cảnh gà trống nuôi con của thầy, với ba “chic” con trên dưới 10 tuổi, chúng tôi không khỏi bùi ngùi. Thầy không để ý, nói tỉnh : “Đi chợ mua cả buồng cho đỡ mất thời giờ, treo đây trái nào chín trước, tui nhỏ vật ăn trước.

Mấy tháng sau, tôi lại nhảy trường tư khác, thế là thầy trò chia tay nhau, đồng thời thầy trò cũng không còn liên lạc với nhau nữa.

Đùng một cái thầy Tuyên lại xuất hiện ở toà Sơ thẩm Sài Gòn xử về thiếu nhi phạm pháp và xử giao thông, mà thầy thường nói đùa là xử những vụ “chó cán xe- xe cán chó”.

Cả hai đều ngạc nhiên! Với tôi, sao thầy từ kỹ sư đổi sang ngành chánh án. Còn với thầy ngạc nhiên hơn trò : “Bà Luật Sư, bà cho tôi biết lý do, nguyên nhân nào thúc đẩy bà học để có địa vị... thành công như ngày nay ? (thầy đã nâng địa vị trò lên ngang hàng với thầy)! Tôi muốn biết để tôi khuyên vợ tôi, S. ngày trước cùng học với bà... Tôi nhớ ra S. ngồi cùng bàn với tôi, rồi nhủ thầm “thầy cũng hào hoa ra phết mới lọt vào mắt xanh của cô học trò vừa trẻ, vừa xinh, người tầm thước, dịu dàng...”, nay trở thành nội trợ trông nom con cái.

Thầy lại tâm sự : “tôi đứng tuổi, tôi muốn S. tiếp tục học, tôi có đủ khả năng cho S. xuất ngoại du học, để sau này có việc gì xảy đến... S. có thể thay tôi mà dậy dỗ, nuôi dưỡng đàn con còn dại, sau tú tài là S. nhất định không chịu học nữa. Tôi đoán thầy đã đề cập đến trường hợp của tôi, tăng bồi cô học trò xưa trước mặt S. làm S. khó chịu hoặc mặc cảm ? Cho nên đôi khi vợ chồng chúng tôi tới thăm thầy ở Thị Nghè, (có lẽ)? nên S. đã lánh mặt.

Năm 1977, gia đình chúng tôi tái định cư tại Houston. Nhà tôi sau làm Bộ Xã Hội, một hôm điện thoại về nhà cho tôi hay S. đã tới Sở Xã Hội nộp hồ sơ... và nói rằng chánh án Tuyên còn kẹt lại ở quê nhà... Tôi lật đặt xin số điện thoại của S. và đợi tới tối mới gọi S. thì bên đầu giây rõ ràng tiếng S. nhưng trả lời “ở đây không có ai tên S. cả”. Tôi thất vọng và đoán rằng S. vẫn còn mặc cảm nên cố lánh mặt tôi. Tôi nghĩ lan man có khi nào ở trong trại tù cải tạo Thầy nghĩ rằng , đã có một học trò thất hứa !

Thầy là một anh tài : kỹ sư – giáo sư . Còn nữa, anh Liễn nói thầy có nghề được rồi thẩm phán.

Với quá trình học vẫn đã nêu ; cũng như các LS, thẩm phán khác, khi “Nam kỳ khởi nghĩa tiêu công lý, Đồng khởi vùng lên mất tự do”. Các ngài đã “được” vào trường... “cải tạo” để học lại tại “con ranh, con lộn” hết năm này qua năm khác, mà không hiểu nổi bốn chữ “chủ nghĩa xã hội”, vì khối óc của quý vị kiên cường, cứng như sỏi, bầm không lỗ, bỏ không vào. Lòng dạ như sắt như thép mới tiêu hoá được bo bo, cộng với nước mắm thối. Hỏi rằng đầu óc đâu mà thuộc được mớ luật rừng, rồi như mớ bong bóng của Bác và Đảng, qua sự dạy dỗ của “giỏi a đồng chí Đỗ Mười,” lớp 2 chưa đỗ đã ngồi bí thư”.

Muốn yên thân thì hãy “Hoan hô độc lập tự do, để cho tớ nhá bo bo sái hàm”. Chứ mà cứ khư khư luận điệu như Luật Sư Tuyên : “không bao giờ làm tay sai cho đế quốc và cũng chưa làm gì đắc tội với tổ quốc, tội phục vụ đồng bào và tội nặng nữa là tội chống Cộng Sản độc tài đảng trị”.

Các vị có giỏi đến mấy cũng không thể nào đỗ để ra khỏi trường cải tạo, thì mứt mùa may ra mới lên được cổng thiên đàng, qua nấc thang danh vọng đắng cay. Người ta thường nói “Better to reign in hell than serve in heaven”. Nghĩa là thà làm vua dưới địa ngục còn hơn làm thầy tớ trên thiên đàng phải không quý vị ? Song, già bần ngang ra rằng làm vua trên thiên đàng (Cộng sản) sao bằng làm đầy tớ ở nghĩa địa vùng đất tự do ? Càng nghĩ đến thầy, càng nhớ những lúc thầy tâm sự và giảng giải “muốn vô ngành tư pháp, bắt buộc phải có bằng cử nhân luật” :

a)-Thẩm phán công tố do Bộ Tư Pháp tuyển (khi cần).

b)-Thẩm phán xử án do Tối Cao Pháp Viện tuyển (khi cần).

Tất cả phải qua kỳ thi viết và vấn đáp. Thời anh Hạo, họ đặc biệt miễn thi cho các cựu quân nhân, nếu có bằng cử nhân luật (giải ngũ mới được miễn thi, chứ đang còn tại ngũ như anh Hạo thì vẫn phải thi. Thi đậu rồi (hay hợp lệ miễn thi). Các ứng viên phải qua một thời hạn khoảng 06 tháng tập sự ngành công tố) : a)-Với phòng biện lý. b) ngành xử án với thẩm phán xử án.

Cuối cùng, Các ứng viên sẽ được bổ đi làm nơi nào cần nhân sự.(Anh Trần Hạo, cựu thẩm phán đã bổ túc).

Tôi cũng tâm sự với thầy Tuyên rằng con đường vào luật sư đoàn của tôi không dễ dàng lắm đâu : đỗ cử nhân luật xong, muốn trở thành luật sư không đơn giản như thi vào thẩm phán, mà phải vượt qua một hàng rào kẽm gai đầy đặc .Chiều gia phả chín mươi đời nội ngoại nhà tôi thì chẳng thấy ai là “thầy cò, thầy cãi cả.” Mà cũng chẳng có ai làm kỹ sư bác sĩ, chỉ toàn là nhà nho, nhà hiền. Mà nhà nho thì nay cũng suy quá đi :

“Cái học nhà nho đã hỏng rồi

Mười người đi học chín người thôi

Ông nghề ông cống cũng nằm co

Sĩ khí rụt rè gà phải cáo.”

(Trần Tế Xương).

Tuyệt nhiên cũng chẳng có bà con, cô bác hay người thân, bạn bè thân nào mở văn phòng luật sư. Mà cũng chẳng thấy văn phòng nào cần luật sư tập sự. Đỗ cử nhân Luật rồi mà cứ loanh quanh như gà mắc dây thung, đợi chờ vô vọng...

Đem bầu tâm sự ngổ cùng anh bạn (anh Ngân). Anh lại tâm sự với chị ruột của anh là chị Lê Thị Rớt (chị là một thương gia nổi tiếng tại Vĩnh Bình). Chị đứng tuổi lại đứng đắn, còn độc thân tại chỗ. Xe Toyota tài xế lái khi Sài Gòn, khi Vĩnh Bình như đi chợ. Chị có lòng lắm, nên khi nghe em là anh Ngân than thở hộ bạn đang tìm chỗ tập sự luật sư thì chị hứa là sẽ tìm hộ cho.

Thú thực tôi không lạc quan và tin ở chị, bởi chị chỉ là một thương gia, chứ không phải là một “luật gia”.

Chị Rớt nói rằng chị cùng quê với thủ tướng Nguyễn Văn Lộc, văn phòng của luật sư Lộc nằm trên đường Gia Long, lúc đó lại giao cho luật sư Phạm Thụy Hùng trông coi, vì ông Lộc ở Pháp.

Một buổi chiều, chị Rớt bảo tài xế đánh xe trực chỉ Gia Long đường, đem nội vụ trình bày với anh Hùng – đưa anh vào thẻ kết, nhận luật sư tập sự thêm thì không có chỗ ngồi (VPLS Lộc lại rất hẹp), có vẻ thót đuôi chuột, không phòng riêng cho LS tập sự là trái với tiêu chuẩn của luật sư đoàn. Từ chối thì mất lòng chị Rớt, một người rất thân với chủ văn phòng. Anh Hùng phải theo kế Gia Các Lượng như sau :

Thấy văn phòng LS Phan Kiến Khương và Võ Văn Quan ở 71 Gia Long, là một văn phòng nổi tiếng bạn : hộ, LS Phan Kiến Khương phụ trách.Hình, LS Võ Văn Quan cộng thêm 02 LS

tập sự Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Oanh mà vẫn làm không hết việc. Tìm được kẻ hở ấy, anh Hùng đề nghị với maitre Khương và Maitre Quan nhận thêm tập sự. Thế là Nguyễn thị Mệt này được chui vào cái phòng ngang dọc 02 thước, kê 3 cái bàn cộng 3 cái ghế đầu lưng nhau. Với chúng tôi không có gì trở ngại, vì ăn hết nhiều, ở hết bao nhiêu ! Song, LS Hùng phải chấp nhận một điều kiện là làm mọi thủ tục, cũng như dẫn ứng viên đi chào ông chánh nhất tòa thượng thẩm (quan trọng nhất), rồi đến các thẩm phán khác. Về phần luật sư thì chào ông thủ lĩnh luật sư đoàn, rồi các hội viên trong hội đồng luật sư đoàn. Được lời như cõng tấm lòng, anh Hùng rất sốt sắng và vui vẻ lãnh nhận. May mắn tôi được tập sự tại một văn phòng nổi tiếng, nên đã học hỏi được rất nhiều về nghề nghiệp.

Sau khi niêm yết tên tuổi trong phòng luật sư đoàn một tháng, mọi thủ tục nêu trên hoàn tất, ứng viên sẽ được tuyên thệ để thành luật sư tập sự. Khi tuyên thệ, ứng viên được khoác trên người chiếc áo “tô” đen với cặp tay viền lông thỏ trắng và một tua cũng viền như trên. Luật sư Võ-D đã kể cho tôi nghe đã sử dụng chiếc áo đen : rằng ... thừa xửa thừa xưa luật sư luôn cài thí (không lấy công) cho thân chủ, cài xong là đi liền... người được bệnh vực, để tạ ơn chạy theo bỏ tiền hay tặng vật vào cái túi may bằng lông thỏ đeo sau lưng luật sư. Đó là tiểu tiết để ghi lại trên cái áo “tô” của luật sư ngày nay và cái đuôi áo được cột ngược lên tượng trưng cho cái túi.

Sau khi tuyên thệ, luật sư tập sự được biện hộ (bệnh vực) cho thân chủ trước phiên xử hình hay hộ, trước tòa hoà giải, sơ thẩm, thượng thẩm ngay cả tòa án quân sự với quy tắc là “dưới danh nghĩa của chủ văn phòng nơi mình tập sự. Thí dụ : luật sư ... thay mặt cho luật sư Phan Kiến Khương và Võ Văn Quan, xin biện hộ cho ...

Luật sư tập sự, đồng thời không được ký tên trên đơn khởi tố ... lý do ... và các giấy tờ khác liên quan đến vụ kiện.

Cổ nhiên những vụ kiện, hay thân chủ của luật sư tập sự vẫn là của luật sư tập sự. Có văn phòng, đôi khi còn trả lương hàng tháng cho luật sư tập sự.

Sau thời gian 03 năm, luật sư tập sự phải qua một kỳ thi ra trường mà ban giám khảo là ông

Chánh Nhất toà thượng thẩm và thủ lĩnh luật sư đoàn ra đề tài và khảo hạch.

Bài thi gồm : thi viết : - một vụ kiện hộ. Đầu thi viết, ứng viên qua một bài hình cãi trước ban giám khảo với một vụ kiện hình. Cả hai bài thi hộ hay hình đều ẩn ở trong những điểm “pháp lý” mà thí sinh phải tìm ra, chứ không phải cãi hay, hay cãi hùng. Không tìm ra điểm pháp lý, kể như sang năm thi lại. Thi đi thi lại 3 năm mà không đỗ thì kể như thí sinh được mời đi chỗ khác chơi, không có cơ hội tái ngộ.

Đỗ rồi, tức trở thành luật sư thực thụ như ai, khắc bằng đồng treo trước văn phòng (văn phòng luật sư tập sự với ..., nếu họ yêu cầu ở lại cộng tác. Nếu không thì phải đã từ, ra mở văn phòng riêng).

Xin thưa thêm : đã là luật sư của luật sư đoàn thì phải theo những qui tắc của luật sư đoàn mình. Không kể tuổi đời mà kể tuổi đoàn : thâm niên kể từ khi gia nhập luật sư đoàn, vô trước là đàn anh, đàn chị. Khi gặp nhau, luật sư ít thâm niên phải chào trước, khi biện hộ phải nhường luật sư thâm niên cãi trước. “Đất lè quê thói” – “giang sơn nào anh hùng đây”, phải có luật có lệ chứ không thể lấy luật giang hồ ra để đối xử với nhau.

Luật sư đoàn cũng có những chế tài rất nghiêm khắc, nếu đoàn viên vi phạm : nặng nhất là “cởi áo” và mời ra khỏi luật sư đoàn, nhẹ thì cảnh cáo v.v...

Thí dụ : bằng treo trước cửa phải cùng cỡ, không ai có quyền làm bằng to như các tiệm buôn và bắc đèn nhấp nháy.

Với tôn chỉ “hữu xạ tự nhiên hương” Luật sư không được quảng cáo trên báo chí, Radio hay Ti vi.

Thù lao : luật sư toàn quyền ấn định, nhưng chỉ ấn định một lần, không được tăng thù lao khi thắng kiện.

Sau năm 1954-1955, từ vĩ tuyến 17 trở vào Nam, chúng ta có tòa thượng thẩm Huế và tòa thượng thẩm Sài Gòn. Song song, ta cũng có luật sư đoàn Huế và luật sư đoàn Sài Gòn. Luật sư ở miền này sang miền kia biện hộ phải xin phép thẩm quyền tòa mình cãi, điều này không gây nhiều khó khăn trên thực tế.

Như đã trình bày tổng quát vì hai ngành biện hộ (luật sư) và xét xử (thẩm phán) là hai ngành song hành trước cán cân công lý ; người viết nhận thấy chương trình đào tạo một thẩm

phán đơn giản, ngắn hơn là đào tạo một luật sư. Không kể đến những ưu điểm luật sư đoàn đã dành cho thẩm phán đoàn. Chẳng hạn : miễn thi, miễn tập sự cho các giáo sư trường luật, các thẩm phán, ngay cả toà quân sự. Ngược lại, luật sư muốn chuyển sang ngành thẩm phán (cho dù là thẩm niên bao lâu) đều phải thi, nếu đậu mới được tập sự và bổ nhiệm.

Sau khi trình bày, tâm sự với thầy Tuyên về hai ngành, có lẽ thầy nhận thấy vào nghề luật sư coi bộ mất nhiều công sức hơn ngành thẩm phán, nên thầy cứ khen miết sự kiên trì của học trò. Riêng trò không thuộc loại tài cao trí lớn, ở trường học quá vất vả, với trường nghề quá phức tạp. Nghề luật sư là một tư chức : mới nghe tưởng là nghề tự do, song nó không tự do chút nào, vì có quá nhiều qui tắc, cộng thêm với sự giao tế (cũng vướng vào quy tắc) như đối vớt tòa, với thẩm phán, với giới thừa hành (cảnh sát... nhân viên toà án v.v...). Rồi với đồng nghiệp và nhất là với “thân chủ”, vì nếu không có thân chủ thì làm gì có luật sư... Bởi các lẽ trên : khi con chim sẽ thoát lồng son “nghề nghiệp luật sư”. Nói riêng, cái lồng vĩ đại “cộng sản” nói chung. Tôi, con chim sẽ nhất định từ bỏ những cái lồng ấy, không một chút lưu luyến, hay tiếc rẻ, và cũng không bao giờ muốn chui lại vào những cái lồng ấy “Thà làm chim sẽ trên cành”, còn hơn làm kiếp hoàng oanh trong lồng ! (Nightingales will not sing in a cage).

Theo luật sư Liễn cho biết : “Thầy sang Mỹ khoảng năm 1989 ở Vạn Thành Hồ, Thầy đã mất chừng một năm sau đó”. Rất bàng hoàng ! Thế là không bao giờ được gặp lại thầy nữa để tâm sự, để giải bày “sự thất hứa bất đắc dĩ của trò”.

Thầy là chú Hoàng Oanh đã vượt khỏi chiếc lồng son “tị hiềm, xảo trá của cuộc đời” để tung bay trên bầu trời trong xanh vô tận.

“Sống làm tướng, thác làm thần”. Kính xin thần linh chứng giám.

Kính dâng một bông hồng lên các Vị ra đi vì quốc gia dân tộc.

CHÍNH PHONG NGUYỄN HOÀNG

Hội ngộ Luật Khoa mùa xuân 2010 tại Houston, Texas.

Thơ

Cù Hòa Phong

XUÂN CANH DẦN



Bài Xướng

*Đầu năm mai nở, cúc vàng tươi,
Tết đến tha hương chớm nụ cười.
Riem mức dưa hành bày đủ cả,
Bánh chưng củ kiệu sắp đầy vơi.
Chúc mừng xuân mới, đa danh lộc,
Quảng gánh đông xưa, phúc tuổi đời.
Nguyên đán ba ngày xanh bách nhật,
Canh Dần cung hỷ đến muôn nơi.*

Câu Đối Tết:

***Khai bút mừng xuân, trâu đen về cày ruộng rẫy,
- Mở trang sử mới, hổ đỏ đến tế non sông.**

Cù Hòa Phong

ĐỊA CẦU THIÊN HẠ SỰ

Bài họa

*Đất phủ tuyết dày, trời sáng tươi,
Xôn xao hè phố tiếng ai cười.
Trên trang vi-tính, hoa xuân nở,
Bên góc đại-dương, nước mắt vơi.
Đất sụp Hai-ti, người thiếu sống
Trời tru Nước Việt, đạo thua đời.
Tắm thân lưu lạc ngồi suy gẫm,
Địa ngục, Thiên đàng có khắp nơi.*

Câu đối Tết:

***Năm qua Kỷ Sửu, thấy sức ghé óm nhom, vẫn phải
xuống ruộng cày trâu.
- Tết đến Canh Dần, nghe oai hùng sợ hãi, nhưng lờ
lên lưng cỡi còp.**

Uyên Trang

NHỚ VỀ:



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HUẾ



Trước năm 1975, tại Việt Nam có ba trường Đại học Luật khoa. Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn là trường luật kỳ cựu nhất và có số sinh viên theo học đông

nhất. Sau đó vào năm 1957, tại Huế có thêm trường Trường Luật. Vài năm sau trường Luật tại Cần Thơ được thành lập, trực thuộc Viện Đại Học Cần Thơ.

Trường Đại học Luật khoa Huế nằm cuối đường Lê Lợi, bên hữu ngạn sông Hương, nơi có nhà gaxe lửa và Tòa Đại Biểu Chính Phủ Trung phần Việt Nam. Mặt chính của trường Luật hướng ra going sông Hương êm đềm. Một mặt hướng về một con đường ngắn nối đường Lê Lợi và đường Nguyễn Huệ. Có một công viên nhỏ cây cối um tùm ở ngã ba này. Có hai dãy nhà lầu hai tầng xếp thành hình chữ L ngược chiều. Một phía là văn phòng Khoa Trường và phòng Tổng Thư Ký cùng một số nhân viên làm việc. Phía kia là phòng học của các sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ ba. Giảng đường chính là tòa nhà một tầng nằm biệt lập giữa sân trường. Nơi đây thường là nơi học tập của các sinh viên năm thứ nhất, vì là nơi rộng rãi và thoáng mát nhất.

Khi tôi vào học năm thứ nhất thì các bạn học thời Trung học tại Trường Quốc Học đã lên năm thứ hai. Đó là các anh Trần Anh Tuấn, Nguyễn Cầu Hải, Bửu Hồ, các anh Nguyễn Quốc Dũng, Ngô Văn Lân và một số bạn khác tôi quên mất tên học năm thứ ba. Tôi học cùng lớp với các anh Hồ Công Lộ, Lê Quang Cường, Mai Gia Lập, Trần Xuân Phú, Nguyễn Văn Kiêm, Lê Thức Thái, Nguyễn Chí Kha...

Nhà tôi ở phía sau trường Quốc Học, gần cầu Bến Ngự, từ đó đến Trường Luật rất gần. Trời Mùa Thu ở Huế có vẻ đẹp rất lạ. Bàng bạc đầu đó cái phong cách quý phái, đài các của một thời quá vãng. Quạnh hiu chốn nào, là xào xạc tiếng lá vàng rơi như lời thầm thì than tiếc cho những mất mát của going lịch sử và của kiếp người.

Tôi thơ thẩn thả bộ đến trường trong không khí Mùa Thu xứ Huế lãng mạn như một bức tranh cổ. Những ngày đầu có các môn Dân Luật của Thầy Chánh Án Nguyễn Tọa, Pháp Chế Sử của Thầy Cao Huy Thuận, kinh tế với Giáo sư Bùi Tường Huân. Luật

sư/ Giáo sư Nguyễn Sĩ Hải dạy môn Hình sự hay Hình sự Tổ tụng. Khoa Trường đầu tiên là Gs. Tăng Thị Thành Trai. Vị Khoa Trường kế tiếp là Tiến sĩ Phan Văn Thiết. Sau đó là Gs. Bùi Tường Huân mới du học từ Pháp về. Nhưng Ông chỉ làm Khoa Trường một thời gian rất ngắn, rồi được chọn vào chức Tổng Trưởng Bộ Giáo Dục trong Chính phủ của Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ. Khoa Trường kế tiếp là Gs. Mai Văn Lễ.

Tôi thường hay ngồi ở những dãy ghế cuối lớp. Nghe tiếng giảng của các Thầy tiếng được tiếng không. Mắt ráo rác nhìn ra ngoài sân tìm kiếm những vần thơ vụn.

Những lúc rảnh rỗi giữa các giờ học, chúng tôi thường ra trước cửa trường ngồi lên hàng rào gỗ để nói chuyện gẫu và ngắm các nữ sinh Đồng Khánh với những tà áo dài trắng tha thướt đi qua. Nhiều cô e lệ lấy nón che ngang mặt, điệu bộ rất dễ thương.

Thỉnh thoảng có một vị sĩ quan cao cấp, đó là Thiếu Tướng Nguyễn Chánh Thi từ Tòa Đại Biểu Chính Phủ đi bộ ngang qua Trường Luật với một hai người cận vệ. Ông đi về hướng dinh Tỉnh Trưởng gần đó. Có lúc Ông dừng lại thăm hỏi chúng tôi về đời sống thường nhật. Đối với sinh viên Huế lúc đó, ông là người hùng của chế độ đương thời.

Rồi mùa mưa đến. Mưa hoài mưa hủy. Mưa giai giảng từ ngày này qua ngày khác. Ngồi trong giảng đường vẫn còn cảm thấy cái lạnh thấm vào lòng. Nhiều lúc mưa to gió lớn, nước mưa tơi tạt cả vào một góc giảng đường.

Có một đề nghị từ phòng Khoa Trường: Trường Luật cần phải có một Đặc San. Một Ban Đại Diện gồm các sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ ba được thành lập để điều hành Đặc San này.

Thế là tôi có dịp cúp cua dài dài, lấy cớ là chọn bài vở, liên lạc với nhà 2in sửa bài....

Thời gian này, Viện Đại Học Huế có 1mặt nhà in rất tốt tân do Đức Quốc viện trợ: Bài đánh máy được tự động chuyển xuống dàn khuôn chữ để lên khung in, nên việc ấn loát rất nhanh. Mai Gia Lập và Tôi thường hay chờ nhau lên nhà in để coi bài và sửa dấu chính tả. Lâu lâu tôi mới lại lơi vãng về trường. Nói là nhanh, nhưng để hoàn tất Đặc San, chúng tôi đã phải tốn mất trên ba tháng trời. Đặc San gọn nhẹ, trình bày trang nhã. Hình thức trông giống như tờ Sáng Tạo hay Hiện Đại; đó là những nguyệt san văn học nghệ thuật nổi tiếng đương thời. Có lẽ vì quý mến và hay đọc hai tạp

chỉ đó nên tôi bắt chước mẫu hình thức này. Đặc san mang tên CHÂN DUNG. Nghe tên cũng có vẻ thời thượng. Đặc san dày khoảng trên dưới 120 trang. Nội dung cũng không tệ. Nào là các bài biên khảo của các vị Giáo sư về Luật học, về tiến trình Dân Chủ, có chuyện ngắn, có thơ.

Buổi ra mắt Đặc San không có gì long trọng. Với hơn 300 cuốn do Ban Báo Chí mang về chắt bừa bộn ở phòng Tổng Thư Ký chật hẹp. Nhà trường cần phải tổng khur chúng đi càng nhanh càng tốt để lấy chỗ cho nhân viên văn phòng làm việc. Ngoài một số được tiêu thụ ngay tại trường, chúng tôi thành lập những nhóm nhỏ mang sách đi bán cho các phân khoa và các trường Trung học quanh vùng. Gần nhất là hai trường Trung học nổi tiếng là Quốc Học và Đồng Khánh, cùng nằm trên đường Lê Lợi, chỉ cách Trường Luật không đầy một cây số. Thế là chúng tôi lại có dịp đi bán báo để cúp cua dài dài.

Trong năm đó. Ba Mẹ tôi di chuyển vào Sài Gòn. Tôi vào sống trong Cư Xá Đại Học nằm trên Đàn Nam Giao. Nơi đây tôi có dịp làm quen với nhiều bạn mới và có dịp đi thăm nhiều miền Phú Cam Huế như Lăng Cô, Truôi < Quảng Trị...

Cư Xá Đại Học Huế nằm trên đầu dốc Nam Giao, cảnh trí rất là thơ mộng. Quang cảnh tươi mát vì tiếp giáp với những đồi thông. Nơi đây, sinh viên nội trú tùy thời gian và hoàn cảnh, được cấp phát một phòng riêng hay phòng có hai người ở chung. Phòng ốc sạch sẽ, thoáng mát. Hàng ngày sinh viên được ăn hai bữa trưa và chiều với thực đơn tương đối đầy đủ với một giá rất rẻ.

Thường ngày chúng tôi hay kéo nhau xuống thư viện Đại học Huế để học bài và tra khảo án lệ như lời dẫn của các Giáo sư. Thứ nhất, lúc đó tôi không theo kịp bài giảng trong trường nên không thấu hiểu những khái niệm trừu tượng về nguyên tắc sơ đẳng của những môn luật học. Vì thời gian học thi ít, chơi thi nhiều, tôi không kịp ghi tên dự thi lên lớp. Tôi tự nghĩ có thi cũng không thể nào đậu được.

Thời gian đi quá nhanh. Niên học đã kết thúc. Tôi bỏ thi luôn khóa 2. Ba Mẹ tôi đánh điện bắt phải vào Sài Gòn, nếu không các Người sẽ cúp viện trợ. Thế là tôi buồn bã thu xếp hành trang. Tôi cũng gói ghém luôn giấc mộng làm văn sĩ hút vào trong tâm khảm.

Tôi bỏ lại Huế, bỏ lại khung trời thanh xuân với rất nhiều kỷ niệm. Tôi tiếp tục ghi danh học năm thứ nhất Trường Luật Sài Gòn. Các bạn Luật Huế sau này như Hồ Công Lộ, Nguyễn Văn Kiêm trở thành Luật sư, hành nghề tại Đà Nẵng. Kiêm qua đời tước năm 1975 vì bệnh tật. Hồ Công Lộ vượt biên sau năm 1975, hiện định cư tại Úc. Trần Anh Tuấn du học Mỹ lấy bằng PhD, sau 1975 kẹt lại ở Việt Nam, nay là Phó Chủ Nhiệm Đoàn Luật sư Sài Gòn. Lê Thúc Thái hành nghề Luật sư tại Huế trước và sau năm 1975. Mai Gia Lập

phục vụ trong ngành cảnh sát, hiện định cư tại Quân Cam.

Tôi có ba người bạn cũ có giao tình đặc biệt. Năm 1979 tôi gặp lại Lê Quang Cường và Bửu Hồ lần đầu tại Downtown Los Angeles. Lúc đó người đi tào còn hoang mang trong cơn cuồng phong của lịch sử. Một thời gian sau, Bửu Hồ qua Nhật thu phái Thiền Zen. Hiện Ông trở thành Thiền Sư Thích Phụng Sơn. Lê Quang Cường trở thành người đồng hành với tôi trên lãnh vực nghề nghiệp tại Quận Cam trong một thời gian dài. Mấy năm gần đây, anh ít xuất hiện. Nghe nói anh chu du bốn biển, hoặc về ở đâu đó bên Việt Nam để thực hiện những mộng tưởng cuối cùng.

Riêng với Trần Xuân Phú, tôi với anh không thân thiết nhiều khi học chung tại Trường Luật Huế, vì anh là sinh viên ưu tú, học hành rất chăm chỉ. Khi hành nghề luật sư ở Sài Gòn, thỉnh thoảng chúng tôi gặp nhau cũng chỉ chào hỏi qua loa. Sau biến cố 1975, gặp lại Phú, anh hiện là Giảng viên tại Đại học Luật khoa Cần Thơ. Anh được chế độ mới lưu dụng. Nhưng qua kinh nghiệm tôi biết anh đang có sự giằng kéo trong nội tâm và hiện anh đang chịu đựng một sức ép ghê gớm. Anh không tin tưởng những người mới chung quanh anh mà hàng ngày anh vẫn phải tiếp xúc. Anh sợ cả đám sinh viên đến những cán bộ giáo dục lúc nào cũng theo dõi để tìm những sơ hở của anh. Tôi trở thành người bạn tâm đầu của anh. Nhiều lần tôi ghé thăm anh tại Cần Thơ. Anh ân cần mời tôi ở lại nhà anh. Sau đó nhờ anh giới thiệu với bà con bên vợ anh tại Vĩnh Long, tôi đã mua một con tàu và vượt biên thành công vào đầu năm 1978. Tôi đã nợ anh món nợ ân tình. Nghe nói sau đó một vài năm, anh cũng vượt biên và định cư tại Canada.

Đối với quý vị Giáo sư Trường Luật Huế, sau 1975 tôi chỉ gặp lại có hai vị: Gs. Nguyễn Sĩ Hải và Giáo sư Lành. Một vị là Khoa Trưởng Đại học Luật Khoa Huế, một vị là Khoa Trưởng Đại học Luật khoa Cần Thơ, thời Đệ Nhị Cộng Hòa.

Sau năm 1975, lâu lâu tôi có gặp Gs. Lành tại trường mẫu giáo đường Hiền Vương, góc Duy Tân. Tôi và Gs. Lành thường ngày mang con đến trường mẫu giáo này. Một dịp tôi rủ Gs. Lành vượt biên trong chuyến đi do tôi tổ chức. Ông ậm ừ, nhưng không tham dự. Có một người em vợ ông đi theo tôi. Khi tôi định cư tại Hoa Kỳ năm 1978, nghe nói gia đình Gs. Lành sau đó cũng vượt biên nhưng không đến được bến bờ tự do. Gs. Nguyễn Sĩ Hải dạy Pháp Chế Sử năm thứ nhất. Ông rất quắc thước. Trông ông giống như hình ảnh của những văn quan dưới thời quân chủ. Bài giảng của Giáo sư rất cô đọng và trong sáng. Ông để ý đến cả dấu chấm, dấu phẩy trong câu văn.

Doi voi quy vi giao su truong Luat Hue, sau 1975 toi chi gap lai co hai vi. Giao su Nguyen Si Hai va Giao Su Lanh. Mot vi la Khoa Truong DHLK Huế,

mot vi la Khoa Truong DHLK Can Tho, thoi de nhi Cong Hoa.

Sau năm 1975, thầy trò chúng tôi có dịp hội ngộ trong cái gọi là Trung Tâm Nghiên Cứu Luật Pháp của Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Hàng ngày các Giáo sư, Luật sư, Thẩm phán chế độ cũ hội họp tại trụ sở của Bộ Tư Pháp cũ trên đường Thống Nhất để bàn bạc và soạn thảo những bộ luật mới mà mãi mãi chúng không bao giờ được ban hành. Tôi ở cùng tổ Dân luật với Gs. Hải. Lúc rảnh rỗi tôi hay tiết lộ với người tin tức về vượt biên. Ông thích thú và chăm chú nghe. Có vẻ Giao su miễn cưỡng chấp nhận ở lại. Ông tìm hiểu và nghiên cứu về thuật châm cứu. Nhiều lần Giáo sư đem đồ nghề ra biểu diễn cho chúng tôi. Mất giáo sư lúc nào cũng có vẻ buồn xa vắng. Vì Giáo sư có một người con cùng khoa Luật với chúng tôi, ls. Nguyễn Sĩ Hùng trước đây bị động viên vào Thủ Đức, sau đó bị mất tích trong những trận đánh cuối cùng tại Miền Trung

Thời gian trôi qua nhanh quá. Mới đó mà đã trên 50 năm. Những kỷ niệm về ngôi Trường Luật Khoa đầu tiên mà tôi theo học như còn in đậm trong tôi Dù rằng chỉ theo học có một năm tại Trường Luật Huế, nhưng tôi có rất nhiều kỷ niệm đẹp về ngôi trường này.

Tôi ít có dịp được liên lạc với những sinh viên Trường Đại Học Luật Khoa Huế, ngoại trừ anh LQC. Nhưng tôi biết là họ vẫn còn đang hiện diện đâu đây. Chắc hẳn trong tâm tư họ vẫn còn mang nặng những kỷ niệm vàng son của một thời quá vắng.

Bạn Mai Gia Lập một nhà thơ mới thời đó, hiện đang ở Orange County. Thượng Tọa Bửu Hồ - Thích Phụng Sơn đang chu du hành đạo khắp các tiểu bang Hoa Kỳ. Ls. Nguyễn Quốc Dũng hành nghề luật sư rất lâu tại New York. Có 1 thời gian anh là luật sư điều hành một Tổ hợp luật sư Mỹ tại Việt Nam. Ls. Hồ Công Lộ im hơi lặng tiếng bên xứ Úc. Bạn Trần Anh Tuấn vẫn sống ở Sài Gòn.

Rất nhiều các đồng môn Trường Luật Huế, Trường Luật Sài Gòn và 2 Trường Luật Cần Thơ đang sống rải rác trên khắp thế giới. Xin các bạn hãy lên tiếng để chúng ta nối vòng tay lớn góp sức xây dựng một nền Dân Chủ Pháp Trị Cho Tổ Quốc Việt Nam.

Mong các bạn liên lạc với mạng: WWW.AIHUULUATKHOA.COM

Rất nhiều các đồng môn trường Luật Huế, trường Luật Saigon và trường Luật Cần Thơ đang sống rải rác trên toàn thế giới.

Xin các bạn hãy lên tiếng để chúng ta nối vòng tay lớn góp sức xây dựng một nền Dân Chủ Pháp Trị cho tổ quốc Việt Nam.

Nguyễn Viết Đình

1/2010

THƠ

MÂY NGÀN

XUÂN VỀ NHỚ HUẾ

Ta người xa Huế đã lâu
Đò chèo bến đậu Ván Lâu tự tình
Xa xa vọng tiếng kinh cầu
Chuông chùa Thiên Mụ đêm thâu trầm buồn

Hương Giang nước biếc êm đềm
Thuyền ai neo bến chân thềm Đông Ba
Qua cầu áo trắng mưa sa
Tóc mây ướt đầm làn da ửng hồng

Mưa dài dính hạt mưa đông
Vết chân bước vội sang sông cùng người
Xuân về đào thắm sắc tươi
Mai vàng trước ngõ vui cười gió đông

Đò đi Đập đá Bao vinh
Xuôi về Cửa thuận giao tình Kê Môn
Vườn hoa ong bướm dập dờn
Chờn như sóng lại giữa hồn đau thương

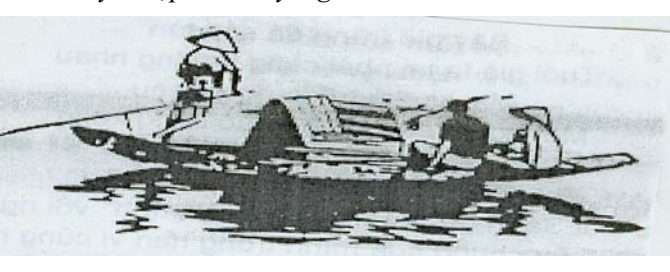
THỜI GIAN

Người xưa xa thăm bóng thời gian
Mây nước nổi trôi đời vạn nẻo
Trời Nam mờ mịt đời vô vọng
Nhân sinh phù thế kiếp bề bang

Cho ta tìm lại bóng thời gian
Nhật cánh hoa Lan óng ánh vàng
Nắng hồng lấp lánh sương mai đọng
Lãng quên chuyện cũ cảnh điêu tàn.

Mây Ngàn

Trích tuyển tập thơ Mây Ngàn "Gió Núi"



TRƯỜNG SA : NIỀM ĐAU NỖI NHỚ.

Đỗ Công Thành

LTS.Đỗ Công Thành, Trung Úy QLVNCH, nguyên Chỉ Huy Trường căn cứ bảo vệ hải đảo Trường Sa trước 30-4-1975. Mới đây, sau khi gặp lại đồng môn CSVLKSG Đỗ Hữu Phương ở California, một trong những người tham gia trong phái đoàn Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn đến ủy lạo quân dân cán chính Việt Nam Cộng Hòa trên quần đảo Trường Sa vào năm 1974, “Chúa đảo Trường Sa” Đỗ Công Thành đã viết bài **“Trường Sa: Niềm Đau Nỗi Nhớ”** thể theo lời yêu cầu của Ban Biên Tập Đặc san Luật Khoa 2010, qua CSVLK Đỗ hữu Phương. Bài viết này cũng như bài viết của Đỗ Hữu Phương cùng đăng trong Đặc san này đều có ít nhiều giá trị sử liệu xác định thêm bằng chứng thực tế về chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam trên quần đảo Trường Sa. Tòa soạn trân trọng giới thiệu bài viết này đến quý độc giả đồng môn Luật khoa Sài Gòn và thân hữu.

Thư gửi về em.....

Đêm lắng sâu, mọi người đều an giấc, đàn chim hải âu trên đảo cũng không còn cãi nhau giành chỗ, chỉ còn tiếng sóng từ khơi xa vọng về thăm thì hẹn hò bờ cát. Người lính trẻ lần bước theo từng ngọn sóng đang cuộn ánh trắng lấp lánh vỗ bờ.

Đêm trên hải đảo thật yên bình trong khi quê hương đang ngập chìm khói lửa. Anh nhớ về đất liền, nhớ về vùng quê miền Đông, nơi anh còn bà Mẹ già và hai đứa em thơ, lo nghĩ về miền Tây nơi mà đứa em trai của anh vừa rời trường đại học đang cầm súng chiến đấu. Quê anh với giòng sông Đồng Nai hiền hòa, xanh mát, quanh năm nước ngọt, từ bao đời đã chuyển tải phù sa đắp bồi trên bãi mía, ruộng lúa xanh rờn, với vườn bưởi ngọt nổi tiếng khắp nước....Quê hương của anh thật thanh bình, thật đẹp với những cù lao, cồn cát vàng óng mà từ thuở bé chiều anh cùng lũ bạn thường bơi đến bắt ốc, hến...cùng đùa chơi thỏa thích. Những ngày ấy, giờ làm sao tìm lại được, dòng sông tuổi thơ ngày nào giờ loang đầy lỗ bom đạn....Những thằng bạn từng chia nhau trái ổi, trái me lúc tuổi thơ, bây giờ không giận, không hờn nhưng lại chia ra hai ngã, nếu có gặp nhau chưa chắc kịp nhìn...!Quê hương ơi, chinh chiến bao năm với nhiều mất mát..... nếu có còn chẳng là những đôi mắt quầng thâm của bà Mẹ đêm đêm nhìn ánh hoả châu thăm cầu nguyện sự an lành cho những đứa con xa...Rồi có một ngày chinh chiến tàn, anh trở về quê, trở về quê tìm tuổi thơ mất bao năm nào. Vui cùng ruộng nương, cùng đàn trâu, với cây đa khóm trúc hàng cau; với con đê có chiếc cầu tre, với sông sâu, với nương dâu, thiên đường này mơ ước bao lâu. Rồi anh sẽ.....với cây đàn ghi ta, dưới ánh trăng, anh hát với cả lòng mình, với niềm ước ao một quê hương Việt Nam thanh bình. Bước chân bên bờ biển lạnh, đắm chìm trong từng năm ký ức, từng dòng nhật ký anh ghi hiện về...

-16 giờ chiều 29 Tết, Đại Đội 4 Tiểu Đoàn Mãnh Sư 371 đang bố trí án ngữ khu vực Đồng Đơn, Suối Nghệ,



Trường Sa của Việt Nam

mật khu Hắc Dịch, nhận lệnh Bộ Chỉ Huy tiểu khu Phước Tuy rút quân về dưỡng binh tại thị xã Phước Lễ. Toàn đơn vị điều ngạc nhiên, sao bỗng dưng năm nay được ăn Tết tại thị xã ? quá vui rồi !.

- 15 giờ ngày mừng một Tết, lệnh cấm quân ban hành, anh được gọi về trung tâm hành quân họp khẩn cấp. Sau khi Trung Cộng chiếm Hoàng Sa ngày 19-1-1974, anh nhận lệnh đưa toàn bộ đơn vị ra tham chiến tại quần đảo Trường Sa. Bài học từ thuở bé còn vang “...nước Việt Nam có hình cong chữ S, với 2000 km bờ biển cùng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và nhiều hải đảo...”. Theo bộ Hoàng Triều Cương Thổ và Địa Dư Nhất Thống Chí thì từ triều Lê, hàng năm ngư dân Việt Nam đến thu tổ yến (yến sào) ở các đảo của Hoàng Sa; một số đảo có cư dân sinh sống, hoặc đến tạm trú trong thời gian ngắn rồi về đất liền. Riêng quần đảo Trường Sa (Tây Sa) thì thuộc xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy. Sử sách đã ghi nhận, nhưng vì quá xa bờ, sóng ngang, gió xoáy mạnh, nên thuyền bè khó đến. Vì thế, đến nay vẫn không có cư dân sinh sống tại nơi này. Do vậy anh hay nói đùa với các bạn, quần đảo Trường Sa như một đứa con lạc loài của đất mẹ Việt Nam.

- 8 giờ sáng ngày mừng 2 Tết, tại căn cứ hành quân Đoàn Trọng Thảo, ĐĐ4/371 được tiểu khu Phước Tuy rút quân số ở một vài đơn vị khác về bổ sung rất nhiều,

và đặt tên “Lực Lượng Trần Thủ”. Đây là lực lượng trẻ, tinh nguyện, trang bị hỏa lực mạnh. Sau đó, Lực Lượng này được đưa ra Bộ Tư Lệnh vùng ba Duyên Hải tại căn cứ Cát Lở, (Vũng Tàu). Các đoàn công vơ rầm rập ra vào vận chuyển vũ khí, máy móc, thuốc men, xăng dầu...không khí căng thẳng bao trùm...Không biết tin tức đã được tung ra ngoài từ đâu, khi nào, mà ngoài cổng Bộ Tư Lệnh, gia đình, thân nhân binh sĩ đang chen chúc gọi nhau inh ỏi... Lệnh hành quân đã phân nhiệm, đơn vị chủ lực đổ bộ và trần thủ do anh chỉ huy. Chỉ huy trưởng chiến dịch Trần Hưng Đạo 48 là Đại tá Nguyễn văn May- ông nguyên là Tư lệnh hạm đội Hải Quân VNCH. Mục tiêu tiến chiếm, trấn giữ quần đảo Trường Sa, ngăn chặn bước tiến quân của Trung Cộng; làm bàn đạp cho các mũi tiến quân sắp tới trong kế hoạch tái chiếm quần đảo Hoàng Sa của quân lực Việt Nam Cộng Hoà.

- 12 giờ trưa ngày mùng 2 Tết, thân nhân được vào sân chờ Bộ Tư Lệnh thăm viếng, tiễn chân Lực lượng trần thủ trước khi lên đường. Sân cỏ đầy ắp người đưa tiễn, vợ chồng, con cái, cha mẹ, anh em xúm xít bên nhau tíu tít. Anh cảm thấy buồn, nhìn ra cổng mà lòng mình đang ao ước gặp một người mà mình thương yêu nhất : Mẹ anh, mặc dù anh không dám báo tin. Bất ngờ, trong những phút sau đó, anh nhìn thấy mẹ anh đến, bà tay xách, nách mang quà cáp, vật dụng cá nhân đang vội vã vào cổng tìm con. Anh mừng rỡ nghẹn ngào, chạy ra đón mẹ...Vượt hàng trăm cây số đến tiễn con đi. Nhìn mắt mẹ, anh biết bà rất lo âu và cố giữ bình tĩnh dẫu đi những giọt nước mắt sắp sửa rơi xuống. Trước khi ra về, bà nắm tay bảo rằng: “ Con cố gắng giữ gìn sức khoẻ để bảo vệ, lo lắng cho anh em...má đêm đêm nguyện cầu cho con..

- 1 giờ sáng ngày mùng 3 Tết, để giữ bí mật tuyệt đối cuộc hành quân, đơn vị xuất quân âm thầm. Dương vận hạm HQ 405 đi đầu và một khu trục hạm hộ tống rời cảng không một tiếng còi hự, không một ai vẫy tay từ giả tàu rời bến. Tàu không mở đèn, lặng lẽ trong đêm tối hướng về biển đông. Cùng lúc HQ5 và HQ15 đang án ngữ vùng 1 nhận lệnh quay về đón đơn vị hành quân tham chiến Trường Sa. Ánh đèn thành phố Vũng Tàu dần mờ xa sau lưng; hướng trước mặt là bầu trời và mặt biển nhấp vào nhau thành một màu đen với vài ngôi sao lấp lánh trên không trung.

Đường đến Trường Sa không dễ dàng với sóng ngang, gió xoáy và dấy đặc thêm san hô mà tàu phải đi theo một hải trình nhất định. Cách Vũng Tàu 550 hải lý với những thêm san hô rộng lớn hàng trăm cây số thường bị ngập nước lúc triều cường. Lệnh hành quân ngắn gọn, nhưng trách nhiệm thật nặng nề vì đây là nhiệm vụ và danh dự của người lính phải bảo vệ sự toàn vẹn của lãnh thổ. Trường Sa chỉ có 12 đảo lớn kéo dài khoảng 800Km, với cực Bắc ngang với Phan Thiết, gồm các đảo: Song tử đông, Song tử tây, Sinh tồn, Sơn

ca, Nam yết, Trường sa, An bang, Thái bình, Nam sơn, Loại ta, Thi tu và Vĩnh viễn. Đảo Song tử đông và bốn đảo sau cùng do chính phủ Phi Luật Tân kiểm soát từ lâu. Đảo Thái Bình(Itu Aba), chính phủ Đài Loan đã thành lập trung tâm huấn luyện người nhái tại đây từ nhiều năm nay. Còn lại 6 đảo đơn vị anh có nhiệm vụ trấn giữ.

- 7 giờ sáng ngày mùng 5 Tết, đảo Song tử tây đã xuất hiện trong tầm nhìn kính viễn vọng. Một vấn đề lớn xảy ra khiến Bộ chỉ huy chiến dịch bối rối vì trên đảo này có treo cờ của Phi Luật Tân. Các sĩ quan họp khẩn cấp và định xin lệnh của Bộ Tổng Tham Mưu. Anh bạn đồng minh này chơi xỏ lá thật, trước đó mấy ngày trên bàn hội nghị cấp cao, chính phủ Phi đã xác nhận chỉ ở Song tử đông, giờ lại “ thừa nước đục thả...quân” dựng cờ bên người anh em Song tử tây !!! Tội nó định đặt mình trước chuyện đã rồi sao? Anh suy nghĩ, bây giờ không phải là lúc xin lệnh mà phải đánh...Anh bạn đồng minh chơi bậy, chơi xác phải đánh.. ý kiến hầu hết các sĩ quan trẻ và lực lượng trần thủ : đánh, đánh và đánh...Anh ra lệnh chuẩn bị đổ bộ vào đảo, và chính anh là người trong toán tấn công đầu tiên. Truyền thống oai hùng, hào khí dân tộc đang bùng dậy trong lòng mọi người..Sau một số đạn pháo bắn vào chung quanh đảo của 4 chiếc hạm ở mặt hướng đông. Toán đổ bộ đầu tiên trên 6 chiếc canô phóng như bay vào đảo...Liệu không xong, người bạn đồng minh Phi Luật Tân vội chạy về hướng Song tử đông...

- 17 giờ 30 ngày mùng 5 Tết, cuộc đổ bộ vào đảo Song tử tây hoàn tất. Quốc kỳ VNCH được dựng lên tung bay phất phới, xác nhận chủ quyền của chính phủ VNCH trong tiếng reo hò vui mừng của toàn thể anh em. Một cơn mưa bất chợt ập đến như biển đông chào đón những người con của đất liền; hay đây là những giọt nước mắt mừng mừng, tủi tủi của Mẹ vừa tìm được đứa con lạc loài về sum họp với đại gia đình dân tộc Việt Nam.

Sau hai ngày vận chuyển và lo bố trí lực lượng trần thủ, anh đặt Bộ chỉ huy tiền phương tại đảo Song tử tây, án ngữ cực Bắc đảo Trường Sa. Một toán quân ở lại tại đảo, sau đó lực lượng hướng về Nam, tiếp tục đổ quân vào các đảo còn lại. Những ngày đầu tháng 3-1974, đơn vị anh lần lượt đổ bộ vào các đảo Sinh Tồn, Sơn Ca, Nam Yết, Trường Sa. Bộ chỉ huy lực lượng trần thủ quần đảo đặt tại đảo Nam yết.

- Ngày 12-3-1974, sau khi hoàn tất việc cắm cờ và dựng bia chủ quyền trên đảo An bang xong, anh từ giả các bạn đồng đội chuyển sang chiến hạm HQ1 để quay về với Bộ chỉ huy tiền phương ở Song tử tây. Chiến dịch Trần Hưng Đạo đã hoàn tất mỹ mãn đúng như kế hoạch đã định: Không thương vong và giữ vẹn hòa khí với các bạn đồng minh. Công điện từ bộ Tổng Tham Mưu, bộ tư lệnh Hải Quân, bộ tư lệnh Quân Đoàn 3,

tiểu khu Phước Tuy, báo chí, truyền thanh, truyền hình rầm rộ chúc mừng và thông báo tin tức về Trường sa.

Tạm ổn về mặt quân sự, nhưng ngay lập tức có những vấn đề khác mà anh phải đương đầu: nước uống và bảo tố. Kết cấu các đảo ở Trường sa là san hô và phốt phát, chỉ cao hơn mặt biển từ 4 tới 6 mét; nên đảo giống nơi nào cũng lở lợ hoặc mặn không thể nấu ăn hoặc uống được. Vùng Trường sa lại là trung tâm của bão tố, thường các cơn bão từ biển đông thổi vào bờ biển Việt Nam đều phát xuất từ đây. Với những cơn giông bất thường chợt đến rồi đi, doanh trại tạm bằng lều vải đã có lần được một cơn gió hốt sạch xuống biển. Vì thế, ngoài việc lo điều nghiên về kế hoạch phòng thủ quần đảo, anh còn phải lo phương sách để lực lượng trấn thủ tự mưu sinh vào những ngày biển động. - 6 giờ sáng ngày 16-4-1974, công điện khẩn từ bộ TTM, theo tin đài phát thanh Mạc Tư khoa, Trung Cộng đã xuất quân với 20 hạm, trang bị tên lửa hiện đại tiến về quần đảo Trường sa. Các chuyến hạm đang hoạt động duyên hải vùng I và vùng II chiến thuật phải đến ứng chiến yểm trợ Song tử tây. Lên máy tiếp xúc, nhắc nhở chỉ huy và binh sĩ các đảo xong, anh lần lượt xem lại các kế hoạch phòng thủ mà anh đã soạn thảo, từ Tango 1, Tango 2 và Tango 3...anh thở dài...Bản tin sáng nay được phổ biến làm mọi người đều lo lắng vì tương quan lực lượng của hai bên. Bài học từ trận hải chiến Hoàng sa thất thủ và chiến hạm HQ 10 bị đánh chìm cùng thiếu tá Thà, hạm trưởng oai hùng hy sinh cùng với chiến hạm. Kế hoạch Tango 3 soạn thảo với một trận hỏa công trên biển, hủy diệt toàn bộ đảo nếu Tango 1 và Tango 2 đều thất bại!!!. Bất giác anh lại ngâm nga “cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi” rồi rảo bước kiểm tra các tuyến phòng thủ và các chốt hỏa công của kế hoạch Tango 3 ở quanh đảo.

- 5 giờ sáng ngày 17-4-74 đài quan sát của đảo thông báo đã phát hiện từ đường chân trời hướng đông bắc có nhiều tàu lạ xuất hiện. Lực lượng vội vàng vào nhiệm sở tác chiến. Anh báo tin khẩn về Bộ TTM và tiểu khu Phước Tuy. Khoảng 9 giờ, đàn hải âu xuất hiện, hàng trăm con chim sất bay rợp trời, gầm rú inh ỏi bay lượn qua đảo rồi xuôi về hướng nam mất dạng. Đến 10 giờ, tin từ bộ TTM, đề thất hạm đội đã bố trí án ngữ cắt ngang tuyến biển từ Hoàng sa xuống Trường sa. Đàn chim sất ban nầy là của chú Sam đang biểu dương lực lượng diễn tập kế hoạch bảo vệ quần đảo Trường sa. Những ngày kế tiếp, lực lượng trấn thủ vẫn bố trí chờ đợi...vẫn cơm sấy, lương khô, ăn ngủ tại tuyến phòng thủ; đôi mắt luôn luôn nhìn ra khơi xa chờ dấu quân thù đến để “một phen tử chiến”. Nhưng sau đó nhận được tin các cánh quân của Trung Cộng đã quay về, họ không dám thẳng xuống Nam để tấn công Trường sa.

Sau những ngày bình yên, thanh thản, chiều ngày 12-5-1974, lần đầu tiên lực lượng trấn thủ hải đảo đón khách từ đất liền ra thăm viếng. Đây là phái đoàn Sinh

viên Viện đại học Sài Gòn và phái đoàn báo chí của tổng cục Chiến Tranh Chính Trị. Bất ngờ anh gặp lại Đỗ hữu Phương, người bạn học thân thiết nơi quê nhà từ thuở bé. Cuộc hội ngộ nơi đảo xa làm cả hai sùng sốt không nói nên lời, không sao tả xiết nỗi vui mừng, tay xiết chặt tay, rung rung nước mắt...người lính trẻ bỗng nhớ đất liền sau nhiều tháng xa cách...

.....Và rồi...đầu tháng 5-75, Trường sa thất thủ....anh cố dấu những ngẹn ngào, đau đớn....Đã 35 năm trôi qua, người lính trẻ năm xưa giờ tóc đã điểm bạc. 35 năm đã đủ để anh kiểm lại đoạn đường anh đã đi qua. Bây giờ nhớ về Trường sa, anh cảm thấy buồn, xót xa. Anh nhớ những cơn mưa vội, những ngày biển động, trốt xoáy triền miên, nhớ những hàng dừa trơ thân, cụt ngọn sau cơn bão tố. Nhớ bia chủ quyền có ghi đảo phả và huy hiệu Mãnh sư do chính tay anh lập. Nhớ đàn chim hải âu, én biển bay rợp trời. Nhớ đảo Song tử tây “Bắc lở, Nam bồi”. Nhớ thêm san hô đảo Sơn ca tuyệt đẹp mà anh đã đặt tên là “xa lộ không đèn”. Nhớ cây nhàu đảo Sinh tồn nơi anh cho đặt đài quan sát. Nhớ đảo An bang bị ngập nước lúc triều cường..... Trường sa ơi! Trường sa! Các chiến hữu của tôi ơi, giờ ra sao? Các bạn có thực hiện được Tango 3 hay trôi dạt phương nào?

Xưa yêu quê tha thiết

Giờ nhưng nhớ khôn cùng

Quê hương ngàn năm đợi

Ta cách xa nghìn trùng

Trường sa ơi! ta nhớ

Thuở đạp sóng kinh khơi

Nói “người” cùng quê Mẹ

Liên một dây rạng ngời

Trường sa ơi! có thấu

Đớn đau trong lòng ta

Nói nhục kẻ vong quốc

Niềm đau kiếp xa nhà

Quê hương giờ một dây

Sao mắt đưa con xa?

Ta nghe lòng quặn thắt

Suy tư về chôn xưa

Vẫy vùng “nam nhi chí”

Cho thỏa mộng tang bồng

Nói gót người đi trước

Đền đáp nợ núi sông

Ta muốn là bọt biển

Cùng sóng nước Trường sa

Nghìn năm dang tay rộng

Ôm ấp đứa con xa!!!

Trường sa ơi! chinh chiến

Cổ lai kỷ nhân hồi

Ta mong ngày trở lại

Trường sa mãi mãi trong tôi....

CSVLKSG Đỗ Công Thành.

(Las Vegas, đầu xuân 2010)

HỒI ỨC: TRƯỜNG SA : NHỮNG DẤU CHÂN KỶ NIỆM.

Csvlk Đỗ Hữu Phương

LTS : Cựu sinh viên Cao Học Đỗ Hữu Phương của trường đại học Luật Khoa Sài Gòn đã gửi cho Đặc San một bài hồi ức: " TRƯỜNG SA: NHỮNG DẤU CHÂN KỶ NIỆM" có kèm theo một vài hình ảnh phái đoàn sinh viên Luật khoa Sài Gòn, Văn Khoa Sài Gòn ủy lạo chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà đang đồn trú và bảo vệ quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Đồng thời, lại gửi thêm hình ảnh mới nhất, hình tác giả chụp chung với Trung úy Đỗ Công Thành chỉ uy trưởng quần đảo Trường Sa,Bài viết này ít nhiều có giá trị sử liệu, xin trân trọng giới thiệu đến quý độc giả đồng môn Luật khoa Sài Gòn và thân hữu, đồng hương Việt Nam.



←*Tác giả & Trung Úy Đỗ Công Thành, "Chúa đảo" Trường Sa, hình chụp tháng 2 năm 2010

Sau mùa hè đỏ lửa 1972, tôi được dịp đi cùng nhiều phái đoàn sinh viên Sài Gòn thăm viếng đảo Phú Quốc, đảo Thổ Châu, vùng núi Thất Sơn tỉnh Châu Đốc, Đà Lạt, Nha Trang, Huế và đặc

biệt là chuyến viếng thăm anh em chiến sĩ Thủy Quân Lục Chiến đang gìn giữ cố thành Quảng Trị, một thành phố ở địa đầu của giới tuyến mà Quân Đội ta đã tái chiếm vài tháng trước đó. Trong hơn hai tháng sinh hoạt tại Huế, Sinh Viên Saigon chúng tôi phụ trách phần tổng kiểm kê dân số tỉnh Quảng Trị di tản về Huế tạm sinh sống. Chính nhờ sự kiểm soát chính xác dân số tỉnh Quảng Trị, Chính Quyền địa phương cung cấp thực phẩm cũng như nhà cho dân tạm trú chu đáo hơn và như vậy tiết kiệm ngân quỹ cho Quốc Gia. Hè 1974 sắp đến, anh em sinh viên đề nghị một chuyến du lịch táo bạo và đầy nguy hiểm : Thăm viếng các anh chiến sĩ đang đồn trú tại quần đảo Trường Sa.



Sinh viên đoàn Luật Khoa Sài Gòn ủy lạo các chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà bảo vệ hải đảo Trường Sa của Tổ Quốc Việt Nam (Ảnh của cựu Trung Úy Đỗ T. chụp năm 1974)

* *Phái đoàn Sinh viên Luật khoa & Văn Khoa Sài Gòn ủy lạo chiến sĩ QLVNCH bảo vệ hải đảo Trường Sa của Tổ Quốc Việt Nam. (Ảnh của TrungÚy Đỗ T...chụp năm 1974 tại bia chủ quyền tại đảo SONG TỬ TÂY)*

Sau khi Trung Cộng đánh chiếm đảo Hoàng Sa vào ngày 19-1-1974 thì vùng đảo Trường Sa đã trở nên sôi động và hầu như chiến tranh có thể bùng nổ tại đó bất cứ lúc nào. Chính Quyền tỉnh Phước Tuy đưa quân đến trấn giữ để bảo vệ lãnh thổ. Hai tháng sau đó, vùng

biển Trường Sa đã trở lại yên ổn. Chúng tôi đệ trình lên Bộ Tư Lệnh Hải Quân về chuyến thăm viếng chiến sĩ đồn trú tại hải đảo và được Bộ Tư Lệnh chấp thuận. Bộ Tư Lệnh Hải Quân cung cấp đầy đủ phương tiện di chuyển và thực phẩm cho chuyến đi.

***Đảo Song Tử Tây->**

Mục đích của chúng tôi là đem niềm vui đến với các anh chiến sĩ và mang đến các anh những món quà thiết thực nhất cho cuộc sống tại hải đảo. Mục đích chuyến đi thì thật đẹp và hấp dẫn, nhưng chuẩn bị cho đầy đủ và chu đáo thì cũng là

một mối lo cho anh em sinh viên chúng tôi. Ngay sau đó, chúng tôi đến những cơ sở xuất nhập cảng thực phẩm đệ trình để xin họ cung cấp cho chúng tôi một số thực phẩm khô như : mì gói, lạp xưởng, nước mắm, bánh , kẹo, kem và bàn chải đánh răng, thuốc lá..... Vì mục đích cao đẹp của chúng tôi đối với các anh chiến sĩ đồn trú vùng đất xa xôi nhất của đất nước, những hàng sản xuất tặng cho chúng tôi rất nhiều thực phẩm, ngoài sự dự đoán của chúng tôi. Đặc biệt, hàng nhập cảng rượu tặng cho phái đoàn 10 thùng rượu Napoléon. Thật quý giá vô cùng.

Tổng số sinh viên Luật Khoa và Văn khoa tham dự là 62 người, thêm phái đoàn báo chí của Tổng Cục Chiến Tranh Chính trị 6 người với sự hướng dẫn của nhà văn Quân Đội Phan Nhật Nam. Trong 62 sinh viên tham dự có 25 nữ và 37 nam. Sinh viên Văn Khoa tham dự đông hơn, vì có một số sinh Viên đến hải đảo để nghiên cứu về địa chất cũng như những sinh vật đang sống trên các đảo. Ngoài ra chúng tôi thành lập một đoàn văn nghệ với đầy đủ nhạc cụ... ..Ngày đi được ấn định là 10 tháng 5- 1974 vào lúc 8 giờ sáng, ngày về sẽ là ngày 25- tháng 5- 1974. Địa điểm tập hợp là tại bến Bạch Đằng phía bên trái của Bộ Tư Lệnh Hải Quân.

Đúng 7 giờ sáng , anh em trong ban tổ chức chúng tôi có mặt đầy đủ. Tàu HQ 15 đã đậu tại bến Bạch Đằng không biết tự bao giờ. Bạn bè từ từ đến, tay bắt, mặt mừng vui vẻ. Ai ai cũng mang túi xách, riêng đoàn văn nghệ thì mệt hơn, phải dùm dề thêm đàn, kèn, trống, máy móc và loa phóng thanh. Những thùng quà đã được các anh lính Hải Quân đưa xuống tàu trước đó. Hai phái đoàn Luật khoa và Văn Khoa có đầy đủ cờ và biểu ngữ riêng của họ. Sau khi lên tàu và điểm danh số người tham dự đầy đủ là 62 sinh viên. Tàu nhỏ neo vào lúc 9 giờ sáng, xuôi dòng sông Saigon ra biển. Thời tiết hôm ấy thật đẹp, nắng ấm và mát mẻ. Anh em sinh

viên không ai bị say sóng, người nào cũng tươi vui và thích thú. Chiếc tàu từ từ nhẹ nhàng lướt sóng. Đứng trên bong tàu, mỗi người trong chúng tôi, ai ai cũng có một thời gian ngắn, tâm tư lắng đọng, ngắm nhìn màu

xanh của biển, đang mơ mộng hoặc đang ước nguyện một điều gì đó tốt đẹp cho tương lai; hoặc đang hồi tưởng những kỷ niệm đẹp trong những lúc đi lang thang trên hè phố Saigon bên cạnh người tình. Trong giây phút đó, một bàn tay để nhẹ trên vai tôi, tôi quay lại thì đó là Kim

Oanh, một người bạn gái rất thân với tôi. Chúng tôi đã quen nhau từ khi chập chững bước chân vào ngưỡng cửa trường đại học Luật Khoa vào mùa Thu năm 1967. Một ngôi trường cổ kính, củ kỹ nhưng rất thơ mộng dưới hàng cây dài bóng mát. Trong những năm qua, bất cứ cuộc du ngoạn nào, Kim Oanh luôn luôn có tham dự, giúp đỡ cho tôi rất nhiều trong những thành công tốt đẹp. Nàng là con gái Tây Đô của vùng đồng bằng sông Hậu, còn tôi, là con trai xứ bời sông Đồng Nai..... Buổi chiều nắng đẹp ngày 12-5-1974 tàu đến đảo Song Tử Tây. Nơi đây là Bộ chỉ huy tiền phương của Tiểu đoàn Trinh Sát Mãnh Sư 371 . Tôi không nhớ rõ lúc ấy là mấy giờ, nhưng sau khi những chiến sĩ trên đảo đã chuẩn bị sẵn sàng để chào đón phái đoàn sinh viên và báo chí. Độ hơn 40 chiến sĩ đứng trước mặt chúng tôi, một anh lính trẻ bước ra, ngỏ lời chào mừng phái đoàn. Đêm hôm ấy trăng tròn và sáng thay thế cho ánh đèn trên hải đảo. Dầu vậy, chúng tôi cũng không nhận rõ gương mặt của anh lính trẻ ấy là ai. Anh tự giới thiệu : Tôi, Trung úy Đỗ Công Thành, chỉ uy trưởng Tiểu đoàn Mãnh Sư 371, đại diện anh em chiến sĩ đồn trú tại đây, xin gửi lời chào mừng phái đoàn sinh viên và báo chí đến thăm viếng. Tiếng vỗ tay vang lên cùng với tiếng chuyện trò trong không khí vui vẻ nhộn nhịp. Và không ai chú ý gì đến anh lính trẻ được gán cho cái danh hiệu Mãnh Sư Chúa đảo vẫn còn tiếp tục nói. Sau khi chấm dứt những lời chào mừng, anh đến bắt tay từng người một. Khi ấy tôi mới nhận ra anh sĩ quan trẻ là người bạn cùng học một lớp với tôi tại trường trung học Ngô Quyền. Chúng tôi mừng rỡ, ôm chầm lấy nhau, sau nhiều năm xa cách, mỗi người một ngã từ khi rời ghế trường trung học.

Sau đó, Chúa đảo đãi cho phái đoàn một buổi ăn tối thật ngon gồm : Cơm được nấu tại đảo, thịt hộp, khô cá mà chính các anh lính phơi làm khô trước đó.



Trong bữa cơm, Trung úy Thành kể : Sau khi Hoàng Sa đã bị Trung Cộng tiến chiếm thì chính quyền tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa) vội vàng đưa Tiểu Đoàn Trinh Sát Mãnh Sư 371 ra trấn giữ. Xuất quân ngày 27 tháng 2 năm 1974 tức mừng 2 Tết đến quần đảo Trường Sa.

Quân số của Tiểu đoàn được bổ xung đầy đủ khoảng 200 người được chia ra đóng giữ 6 trong số 11 đảo lớn gồm : Song Tử Tây, Sơn Ca, Nam Yết, Trường Sa, Sinh Tồn, và An Bang. Đảo Nam Yết nằm giữa các đảo Sơn Ca, Sinh Tồn và Trường Sa cho nên Trung úy Thành cho đặt hậu cứ tại đây gồm có trạm Y Tế và trung tâm Truyền Tin. Những đảo này nằm cách nhau độ 100 hải lý. Riêng đảo Song Tử Tây ở hướng Bắc của quần đảo Trường Sa, gần Hoàng Sa.....và anh tiếp, nếu Trung Cộng từ Hoàng Sa tiến quân xuống hướng Nam sẽ chạm súng với quân đội ta ở Song Tử Tây trước. Vì vậy, Bộ Chỉ Huy tiền phương được đặt tại đảo này. Song Tử Tây và Song Tử Đông được coi như là anh em sinh đôi, có chu vi gần bằng nhau và cách nhau độ 5 hải lý. Đảo Song Tử Đông, đảo Vĩnh Viễn, đảo Loai Ta và đảo Thi Tư do Phi Luật Tân chiếm đóng từ lâu. Đảo lớn nhất là Itu Aba do Đài Loan làm chủ. Đài Loan đã lập trung tâm

huấn luyện người Nhái tại đây từ lâu lắm rồi. Trung úy Thành kể tiếp: Sau khi đặt chân lên đảo Song Tử Tây thì Tiểu đoàn của anh đã chạm súng ngay với quân đội của Phi Luật Tân. Tiểu đoàn của anh đã đẩy lui quân đội Phi chạy ngược trở về đảo Song Tử Đông. Anh nói: Sau khi Trung Cộng chiếm Hoàng Sa, lợi dụng thời gian lộn xộn đó, Phi Luật Tân muốn tiến chiếm đảo Song Tử Tây của ta, nhưng chúng đã bị đẩy lui. Hướng về phía Nam của đảo Trường Sa là đảo An Bang. An Bang là đảo nhỏ nhất, mỗi lần thủy triều lên là nước biển ngập toàn đảo. Vì thế, quân đội ta không thể đóng quân tại đảo này được. Dầu vậy, khi có phương tiện, lúc thủy triều xuống, Trung úy Thành và một số anh lính đến thám sát đảo này. Theo lời Chúa đảo nói : “ chú em út An Bang này khỏe re, vì sống rất xa các anh chị, cho nên nếu các anh chị có bị Trung Cộng tiến đánh thì còn lâu lắm mới tới đưa em út này bị ăn đòn. Vì vậy, cái tên An Bang xem như là một sự an bài của Thượng Đế”.

Buổi tối đầu tiên trên đảo thật vui, Chúa đảo tổ chức đốt lửa trại. Anh nói, chung quanh đảo này có nhiều vụng gác, nhưng đêm nay tất cả đều bỏ ngõ để tất cả anh em tụ tập cùng vui. Toán văn nghệ sinh viên

trở tài, ca, múa, nhảy..... cùng với tất cả anh em chiến sĩ quay quần bên ngọn lửa bập bùng. Chúa đảo là một nghệ sĩ lãng mạn, anh trở tài ngâm thơ, vừa đàn Guitar vừa hát làm rung động nhiều trái tim của các nữ sinh viên. Đã hơn 4 giờ sáng, chúng tôi vẫn còn vui đùa, vài anh sinh viên lăn ra ngủ từ bao giờ. Đêm đó khí hậu thật mát, gió nhẹ, không có muỗi, xa xa vọng lại vài tiếng chim hải âu hay những loài chim biển khác.....

Sáng sớm hôm sau 14-5-74, Trung úy Thành đưa chúng tôi đến thăm viếng bia chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa tại đảo Song Tử Tây. Anh kể, từ khi đến đây, khi rảnh, anh và đồng đội xây bằng xi măng Bia chủ quyền này. Tôi nhớ trên bia có khắc những dòng chữ : Việt Nam Cộng Hòa, tỉnh Phước Tuy, Tiểu

Đoàn Mãnh Sư 371, ngày Đại Đội đến, và phù hiệu Mãnh Sư. Đứng vào lúc này, phái đoàn sinh viên tặng Tiểu đoàn một tấm Plaque để lưu niệm với những dòng chữ : Quần đảo Trường Sa, lưu niệm hè 1974, Sinh Viên Viện Đại Học Saigon.

***Hình chụp tại
bia chủ quyền tại
đảo TRƯỜNG**



SA.(1974)

Trung Úy Thành cảm ơn phái đoàn, anh nói, chính anh sẽ gắn tấm lưu niệm này lên bia chủ quyền tại đây. Hôm nay là một ngày nắng ấm, bầu trời trong xanh, gió mát, thật đẹp, thật lý tưởng. Chúa đảo đưa chúng tôi đi tắm biển. Đây là bãi biển nơi hoang dã, các sinh vật sống tự nhiên. Những con Vích dẻ trứng từng cụm trên bãi biển dọc theo những bụi cây. Mỗi lần sóng đánh, nước dâng lên mang theo rất nhiều cá, chúng tôi chỉ rượt theo đám cá bằng những cây nhọn. Sò, ốc, rùa..... thì nằm đầy trên bãi cát. Nữ sinh viên thích thú nhất là tha hồ chọn nhiều vỏ sò, ốc thật đẹp. Xa xa chúng tôi nhìn thấy Chúa đảo, anh chàng nghệ sĩ “beau” trai đang từng bước, từng bước thâm, lang thang bên cạnh người đẹp Văn Khoa. Một buổi chiều trên hoang đảo, cặp trai gái từng bước bên nhau như một đôi tình nhân yêu thương thắm thiết. Cặp tình nhân này đã quên mất bạn bè, và họ cũng không biết là bạn bè đang nhìn về họ và cười to lên.....

Anh em lính trên đảo nấu cơm cho chúng tôi ăn. Buổi ăn tối hôm nay đặc biệt có thêm cá tươi nướng trui, chim quay, ốc sò nướng vĩ, trứng Vích luộc.....nhất là có rượu Napoléon đang ướp lạnh dưới

nước..... thật tuyệt. Sau buổi cơm tối, Trung úy Thành đem thư phân phát cho các anh lính. Trung úy Thành cho biết, hàng tuần đều có một chuyến tàu tiếp tế lương thực, thuốc men, nước uống, mang thư đến và chuyển thư về đất liền.

Các anh lính dựng lều, những tấm Poncho làm giường cho phái đoàn nghỉ ngơi. Tôi được dịp tâm sự cùng nhiều anh lính trẻ. Có anh đang nhớ những bạn bè nơi quê nhà, lúc trẻ cùng nhau đi bộ cấp sách để trường, đi bắt cua, bắt cá nơi đồng ruộng. Có anh đang nhớ người yêu, có anh đang nhớ về người vợ vừa mới cưới vài tháng.....Có anh nói , tôi nhớ tô phở gà Hiền Vương, hay tô phở xe lửa đầu đó ở Saigon. Có anh tâm sự với tôi, ở đây buồn quá giống như ở tù trên hoang đảo, ở tù trong tự do, không phải tác chiến và không chết !!! Một anh lính vừa đọc thư xong, với gương mặt buồn bã, đến tâm sự với tôi, anh nói : Tôi vừa đọc thư của em gái tôi cho biết là Mẹ tôi bệnh nặng đang nằm tại bệnh viện, Bà ao ước trông tôi về phép thăm Bà. Trong thư có đoạn :” Má sợ Má không còn sống được lâu nữa, Má mong muốn được gặp con lần cuối ”....Tôi thấy thương cho anh lính trong hoàn cảnh đau khổ này. Tôi đến nói lại với Trung úy Thành, yêu cầu Trung úy nếu có thể được cho anh lính ấy về phép để thăm Mẹ anh ta. Trung úy Thành lặng thinh, gương mặt cuối xuống trầm ngâm, tỏ vẻ cảm động, anh nói, tôi sẽ cố gắng cho anh lính ấy về phép khi tàu tiếp tế đến đây. Những người khác buồn buồn thì rủ nhau lái những chiếc Cano lướt sóng, hay đi bắt cá về nướng ăn.....Cà phê và thuốc lá cũng chỉ có giới hạn, thay thế vào đó các anh đi đào củ sâm về nấu nước uống. Các anh tự an ủi cho chính mình và nói “ uống nước sâm cho mát, không nở bề ngang cũng nở bề dọc.....”. Có những anh thích làm thơ, ca hát, hoặc chế cây để làm những kỷ vật, âm thầm lặng lẽ sống cho qua ngày tháng.....Trung úy Thành cho biết những ngày đầu tiên đặt chân lên đảo, anh em rất cực khổ, không chỗ ở, gió rất mạnh, lạnh buốt, bão đến thường xuyên hằng ngày. Ban ngày vừa cần lều để ngủ thì ban đêm bị gió cuốn đi mất.

Sau đó, Công Binh đến xây nhà tiền chế cho Đại đội trú ngụ. Hiện tại (1974) không có dân sinh sống trên quần đảo này. Anh nói, vì mặt đất chỉ cao hơn mặt nước biển từ 4 đến 6 thước, nên mỗi lần thủy triều lên cao thì nước biển có thể bao phủ hết cả đảo. Hơn nữa không có nơi nào có thể đào giếng có nước ngọt, nếu có chỉ lờ lợ, mặn mặn. Trên đảo có những nơi có thể trồng rau, hoặc những loại cây khác. Trên đảo có nhiều cây dừa rất cao, có lẽ là do những trái dừa trôi dạt lên đảo mọc lên từ lâu lắm rồi. Đặc biệt giầy sâm mọc rất nhiều khắp mọi nơi trên đảo. Nếu dân chúng sống tại đây bằng nghề chài lưới, đánh cá thì họ cũng không có tàu lớn để đem cá về đất liền.

Sáng sớm hôm sau, Trung úy Thành và một vài anh em lính tiễn đưa phái đoàn đi đến thăm những đảo khác, anh nói, vì nhiệm vụ nên anh không thể theo phái đoàn. Vả lại, tại mỗi đảo đều có quân đội đồn trú tại đó tiếp đón. Sau khi rời đảo Song Tử Tây, tàu HQ 15 trực chỉ về hướng Nam đưa chúng tôi đến đảo Nam Yết. Đứng trên bong tàu nhìn lại, tôi thấy đảo Song Tử Tây rất nhỏ với hình trăng lưỡi liềm, hai đầu cong và nhọn. Một mảnh đất nhỏ bé của quê hương vậy mà từ xưa Tổ Tiên chúng ta vào thế kỷ thứ 17, các vị Vua thường phái lính đến thăm viếng. Và tôi cảm thấy buồn, không biết bao giờ tôi có dịp trở lại đây. Chiếc tàu từ từ rời xa, những ngọn dừa cao ngất cũng từ từ rời khỏi tầm mắt của tôi....Hồi tưởng lại những gương mặt của các anh lính không lâu trước đó, những gương mặt buồn, bụi ngùi cảm động khi tiễn chúng tôi tại bong tàu. Các anh là những chiến sĩ vô danh, những người hùng đang gìn giữ và bảo vệ mảnh đất của dân tộc Việt.

Ngày hôm sau chúng tôi đến đảo Nam Yết. Các quân nhân tại đây vất vả lắm mới đưa tất cả chúng tôi lên đảo. Đây là hậu cứ của Tiểu Đoàn cho nên lính trên đảo này khá đông, thêm một số lính Công Binh đang làm đường và xây những căn nhà cho lính trú ngụ. Đảo này có mặt đất cao hơn, bằng phẳng và khô ráo. Chúng tôi đã từng đi dạo trên những con đường mòn chạy dọc chung quanh đảo. Tại đây có rất nhiều cây dừa đẹp lắm, cây nhàu, một loại cây có thể nấu nước uống. Tại đây có một sân bóng chuyền. Các anh lính nói, buồn buồn rủ nhau ra chơi banh. Phía Sinh Viên lập thành đội banh để đấu với đội banh của các anh lính. Dĩ nhiên đội banh chúng tôi mỗi trận đều thua thảm bại...

Sau đó chúng tôi được đưa đến thăm đảo Sinh Tôn trong thời gian ngắn. Riêng đảo An Bang chúng tôi không ghé đến vì đảo này nhỏ, mặt đất thấp, nước ngập nhiều nơi. Và đảo cuối cùng mà chúng tôi thăm viếng là đảo Trường Sa. Đảo Trường Sa là đảo có nhiều cây rậm, nhiều cây dừa, địa thế đất cao, khô ráo và đẹp hơn. Chúng tôi được dịp đi chung quanh đảo, đảo này có hình tam giác, đoạn dài nhất của đảo độ 1000 thước. Vì vậy, Công Binh bắt đầu xây một đường bay dài 800 thước, nhiều đường mòn lớn, xe có thể chạy được. Trên đảo này tôi thấy có trồng nhiều rau để ăn như : rau muống, dền, hành lá, rau lang, bầu, mướp, bí, bắp. Tại đây có giếng nước ngọt, nhưng không ngon như nước trong đất liền.. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa vừa xây xong một cầu tàu, vì vậy việc di chuyển từ tàu lên đảo rất nhanh và tiện lợi. Tôi thấy trên đảo có nhiều công sự phòng thủ vững chắc với những bao cát chung quanh, một đài khí tượng rất cao. Hiện tại có một đại đội lính đồn trú, một số người nhái, và một đơn vị công binh đang hoạt động.

Đặc biệt trên đảo này có nhiều căn nhà nhỏ mà toán công binh vừa xây xong. Vì có phương tiện đầy đủ nên phái đoàn chúng tôi ở tại đảo này lâu hơn. Chúng tôi có những ngày sống trên đảo Trường Sa thật thú vị, vui vẻ. Chung quanh đảo là những bãi cát trắng, nước biển trong xanh, thật đẹp không khác gì mấy so với đảo Thổ Châu và Phú Quốc mà chúng tôi đã có dịp đến. Chúng tôi được tự do tắm biển, đi khắp mọi nơi trên đảo mà không sợ thú hoang nào. Những ngày có sự hiện diện chúng tôi, đảo Trường Sa trông giống như một làng quê hẻo lánh, người người qua lại, nhộn nhịp.....

Một năm sau, vào những ngày đầu của tháng 5-1975, khi chiếc tàu HQ 502 đưa những người đi tản đến hải cảng Subic Bay của Phi Luật Tân, tôi được dịp ngang qua vùng biển Trường Sa. Tôi nhớ lại, một năm trước, cũng vào thời gian này, tôi và các bạn sinh viên đang sinh hoạt trên những đảo này. Chúng tôi có hẹn nhau là sẽ gặp lại tại đây vào mùa hè năm nay. Bây giờ tôi đã nhận ra là ước mơ sẽ không bao giờ thực hiện được. Lòng mình cảm thấy buồn, đau đớn, tủi hận..... mất tất cả rồi !!!.

Thời gian trôi qua thật nhanh, đã 35 năm rồi, không biết các anh lính trẻ đồn trú tại đảo Trường Sa và các bạn sinh viên bây giờ đang ở đâu?. Nguyễn Kim Oanh, người bạn gái thân nhất của tôi, đã từng chia sẻ những vui buồn với tôi trong suốt khoảng đời trai trẻ bây giờ đang sống nơi nào ? : Cần Thơ hay Sidney, Cali hay Paris..... Mặc dầu mái tóc đã đổi màu, nhưng tôi hy vọng là tất cả chúng ta vẫn khỏe, sống vui, và sống có hạnh phúc . Mảnh Sứ Chúa đảo hiện đang sống tại thành phố tráng lệ đầy ánh đèn màu của Tiểu bang Nevada. Riêng tôi đang sống tại vùng đồi núi nắng ấm của miền Nam Cali. Hỡi các bạn của tôi, mặc dù chúng ta không hẹn được ngày trở lại đảo Trường Sa, nhưng Trường Sa vẫn trong tim chúng ta và quần đảo Trường Sa vẫn mãi mãi là của dân tộc Việt Nam.

Xin tất cả chúng ta liên lạc với nhau qua địa chỉ email : truongsa1974@yahoo.com

Đỗ Hữu Phương.

Cựu SVLKSG

(Viết theo trí nhớ. Mùa xuân 2010.)



Thơ Vui Vũ Ngọc Định

Lô Tô Téch-Xìt



Quần quanh chỉ có sáu (6) con,
Thế mà đầu óc tôi om tôi mò.
Năm tư (54) con số chọn cho,
Thắng hàng trúng sáu khỏi lo kéo cây.
Trúng rồi xin nghỉ việc ngay,
Tiền mà lãnh được thắng tay tiêu sài.
Tiếc thay mộng vỡ hoài hoài,
Vỡ rồi lại dết lâu dài mộng sau.
Thứ Tư không ai trúng đâu,
Đợi hôm Thứ Bảy bắt đầu chờ mong.
Vừa qua ba chục (30) đi đoong,
Kỳ này sáu chục (60) đã hồng trúng chưa?
Ngày ngày kẻ cổ kéo bừa,
Biết rằng hụi chết không chờ lòng tham.
Tiếc tiền nghĩ lại chẳng ham,
Hơn hai chục (20) triệu đi làm bao lâu ?
Nào ai có bảo ai đâu,
Muốn lên quan tể làm giàu cho mau.
Khác chi đàn muỗi lau nhau,
Thấy đèn thấp sáng lao đầu thiêu thân

Thất Nghiệp

Than ôi ! thất nghiệp tìm đâu có,
Thất nghiệp nằm dài nghĩ càng lo.
Dồn dập bâu (bill) về gần cuối tháng,
Tiền nhà, nước, điện với xe hơi,
Chưa kể tiền phon, rê-dít cạc (credit card)
Gạo ăn không có lấy gì tiêu.
Phen này nhà mất, xe bị kéo,
Biết ở nơi đâu đi tới đâu?
Quê cha đất tổ giờ cũng mất,
Trốn nợ chui vào hang hốc nào?

Vũ Ngọc Định

Cựu sinh viên ĐHLK Sài Gòn

Khai bút Xuân Con Cọp

ĐẤT NƯỚC TA ĐẸP TƯƠI:

CHÙA HƯƠNG



Nam Phương

*Bao giờ anh đưa em đi chùa Hương,
Anh không đáp được, hỏi thêm buồn.
Quê người Hoa nở chào năm mới.
Em !Cúi đầu ! Ôi em dễ thương
{thơ của Thi sĩ Trần văn Lệ}*

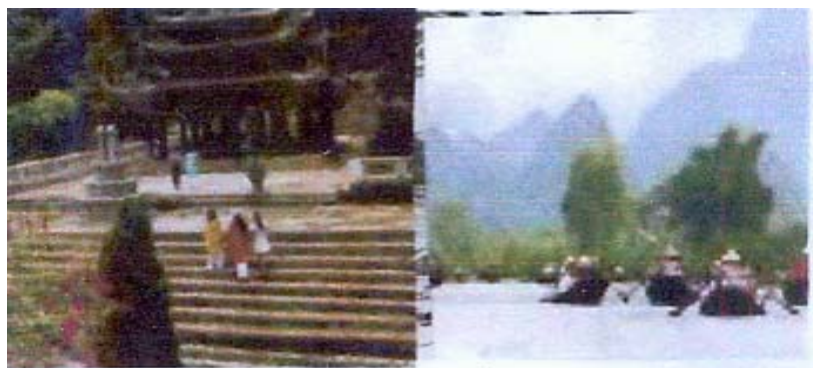
Tôi là một cô gái Bắc, nhưng sinh trong Nam. Với tôi Hà Nội ba mươi sáu phố phường .năm cửa Ô. và Hồ Tây là những hình ảnh thật xa xôi, mơ hồ. Tôi không có được những cảm xúc thật đậm đà của

*“Em ơi Hà Nội phố ,
Ta còn em mùi hoàng lan.
Ta còn em mùi hoa sữa.
Con đường vắng rì rào cơn mưa nhỏ,
Ai đó chờ ai tóc xõa vai mềm.
Như một bài hát mà tôi đã từng nghe được.*

Ấy thế mà tôi lại có dịp được về Hà Nội.; thăm một thành phố ngàn năm văn vật. đã chưa hề để lại trong tôi một dấu ấn nào; nơi đây tôi đã đi Chùa Hương.

Chùa Hương chỉ là trong hàng chục ngôi chùa , đền. đình. năm rải rác trong một vùng đồi núi rộng lớn. có khi cách nhau cả mươi cây số và được nối liền bằng những dòng suối êm ả lượn vòng theo chân núi. Chùa Hương còn được gọi là chùa Hương Tích, một cảnh chùa đẹp nhất tại miền Bắc Việt Nam. thờ Phật Bà Quan Âm. Chùa xây trong động Hương Tích .thuộc xã Hương Sơn .huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông.[nay được gọi là Hà Tây], nằm ven bờ bên phải của sông Đáy. Chùa chỉ cách Hà Nội có hơn ba mươi cây số. Phong cảnh ở đây thật là u nhã. thanh thoát và tuyệt mỹ. Ngồi trên chiếc thuyền nan hình thù như chiếc lá ,tôi trầm nghĩ:

*Giữa dòng đầy nước lòng gương,
Mượn chèo ngư phủ đưa đường Đào nguyên,
Lạ cho vừa bến mũi thuyền,
Mà trăm nẻo với ngàn phiên sạch không.
Bầu trời non nước xa trông ,
Biết đâu nước Nhục non Bồng là đâu.*



[Thơ của Chu Mạnh Trinh]

Sông Đáy Bến Đục

Đi viếng chùa Hương du khách có thể đi bằng haicách .

- Đường thủy đi theo sông Đáy về Bến Đục. Từ đây đến bến đò Suối và đi đò đến chùa Ngoài. Sau đó đi theo đường núi qua chùa Giải Oan rồi đến chùa Trong còn gọi là chùa Hang. Đây chính là động Hương Tích.

-Đường bộ có thể thuê xe về Hà Đông. Đi qua huyện Thanh Oai, làng Vân Đình rồi đến Bến Đục. Từ Bến Đục. chúng ta lại phải dùng đường thủy để đến chùa Ngoài; sau đó mới vào chùa Trong như đã trình bày ở trên.

Chùa Hương được xây vào khoảng cuối thế kỷ thứ 17; chùa được vua Lê Huy Tông dưới niên hiệu Chính Hòa [1680-1704 thời Hậu Lê] phong là “Nam Thiên Đệ Nhất”; hiện bốn chữ này vẫn còn khắc trên vách động. [Theo lịch sử .bút tích này là của Tể tướng Vương Trĩ Sâm khắc năm 1770]. Chu Mạnh Trinh trong một lần viếng Hương Sơn đã cảm tác qua bài hát nói :”Hương Sơn phong cảnh”

*Bầu trời, cảnh bụi,
Thủ Hương Sơn ao ước bấy lâu nay.
Kìa non non, nước nước, mây mây,
“Đệ Nhất động” “hỏi là đây có phải ?
Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lững lơ khe yển cá nghe kinh.
Thoáng bên tai một tiếng chày kinh,
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng*

Rừng mai ở đây không phải là những cây mai vàng mà chúng ta nhìn thấy ở miền Nam Việt Nam; mà là những cánh rừng mơ chạy ngút ngàn dọc theo thung lũng Hương Sơn. Mùa xuân đến hoa mơ nở trắng xóa cả một góc núi đồi khiến ta không thể không nghĩ đến bài :”Cô hái mơ” của thi hào Nguyễn Bính.

*Hỡi cô con gái hái mơ già,
Cô chưa về ư? Đường thì xa.
Mà ánh chiều hôm dần sắp tắt,
Hay cô ở lại về cùng ta ?
Nhà ta ở dưới gốc cây dương ,
Cách động Hương Sơn nửa dặm đường*

*Có suối nước trong tuôn róc rách
Có hoa bên suối ngát đưa hương,*

Ngoài những cánh rừng mơ nở trong sương
sớm,Hương Sơn còn đưa ta vào những nơi:

*Réo rắc suối đưa quanh,
Ven bờ ngọn núi xanh
Nhịp cầu xa nhỏ nhỏ
Cảnh đẹp gần như tranh.*
{ Thơ Nguyễn Nhược Pháp}

Chùa lấp sau rừng cây:Chùa ở đây là chùa
Ngoài[tức là Thiên Trù].Nếu không vội vã ,ta có thể
nghỉ qua đêm ở chùa Thiên Trù để chiêm ngưỡng

*Một chốn rừng xanh thành cổ tích,
Ngàn năm hoa mộng vẫn còn tươi*

[Thơ của Trần văn Lê]

Sau đó:Mai ta vào chùa Trong”.Trên đường vào
chùa Trong. ta có thể ghé qua
suối Giải Oan, động Hình Rồng
“*Này suối Giải Oan,này Chùa
Cửa Vồng,
Này am Phật Tích này động
Tuyết Quỳnh*”

[Thơ của
Chu Mạnh Trinh]

Đường vào hang chùa là
dốc đá khoảng 120 bậc .Vào
năm chúng tôi vắng cảnh chùa
,mỗi người đều phải dùng một
cây gậy tre để chống,giúp cho
đường lên dốc đỡ nhọc.Nhưng
vài năm gần đây từ Thiên Trù
đã có Cáp treo đi động giúp ta
lên thẳng động Hương Tích.Nhưng phương tiện tân
tiện này đã làm mất đi cảm giác đẹp của cái thú
.Đường lên núi rừng,sao hải hùng,

*Ồi gió lộng,muôn lá rụng ,
Làm sao xuyên tim tôi...*

Vào trong động,vẻ đẹp lạ thường của những nhũ
đá đã đủ tạo thành một công trình điêu khắc thuyết mỹ
của tạo hóa.Nhũ đá ở đây có khối to,khối nhỏ với
muôn vạn hình thù khác nhau;có cái từ trên trần rủ
xuống;có cái từ sàn động mọc lên;tất cả đều tỏa ra
muôn màu,muôn sắc.khi được ánh mặt trời chiếu vào
;thật là

*Nhác trông lên ai khéo họa hình.
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt
,Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt
Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây..*

[Thơ Chu Mạnh Trinh]

Nhũ đá ở đây có những dáng rất giống các ngoại
vật theo óc tưởng tượng của mỗi người Mới vào cửa

động là một khối đá giống như đồng Gạo nên được đặt
tên là Đụn Gạo.Dưới chân Đụn Gạo là một hòn đá nhỏ
gọi là Cối Giã Gạo.Gần Đụn Gạo là Núi Cô,núi
Cậu,nơi mà rất nhiều người hiếm muộn đã đến Cầu
tự.Núi Cô nhỏ hơn núi Cậu,nhưng giống nhau ở chỗ có
các hòn đá hình thù giống như các em bé, đứa nằm
nghiêng, đứa nằm sấp hoặc đang bò lồm ngồm . đầu
nhấn thính.Núi Cậu cỡ ngang tầm với một khối đá giống
như bầu sữa mẹ,quanh năm suốt tháng nước suối rỏ
xuống trông y hệt một giòng sữa nhỏ xuống không
ngừng.Cùng một hang với núi Cô,núi Cậu nhưng xích
vào trong là Cây Vàng,Cây Bạc chất đầy những những
hình tròn giống như những đồng tiền lấp lánh khi có
ánh sang chiếu vào. Đi vào trong góc động phía tận
cùng còn có những nhũ đá giống như chuồng Lợn,ao
bèo,nong tầm,cái Kén...Trên trần động nhiều thạch
nhũ nhỏ ra trông giống như hình chín cái đầu rồng
được đặt là Toà Cửu Long.



Tất cả những hình
tượng trên đều do trí
tưởng tượng của người
mà ra.Tuy nhiên có một
công trình điêu khắc
thật nghệ thuật do bàn
tay của các Nghệ nhân
tạo ra đó là tượng Phật
Bà Quan Âm tạc bằng
đá xanh.Tượng ngồi ở tư
thế đặc biệt ,tay phải
cầm viên Minh Châu
,chân trái duỗi ra đặt
trên một hoa sen
nở,chân phải co lại dưới
chân cũng có một hoa

sen.Theo bút tích khắc trên đá thì tượng được tạc vào
năm 1793.Trong động còn có một quả chuông đồng
cao 1 mét 24 phân, đường kính đáy vào khoảng 63
phân, được đúc vào năm Thịnh Đức thứ 3 tức năm
1665.

*Chùa Hương giữa giòng nước xanh,
Biết bao êm đềm
Con thuyền đưa tôi tới nơi thần tiên
Chùa Hương với đôi núi cao.
Biết bao êm đềm
Phút mơ màng quên hết ưu phiền.*

[Nhạc Hoàng Quý]

Cảm ơn Tạo hóa đã ban cho con người
một tác phẩm nghệ thuật tuyệt mỹ.Cảm ơn người bạn
đời đã đưa tôi đến một nơi thanh tịnh và siêu thoát này.
Hạnh phúc của tôi là được thấy một Việt Nam nguyên
vẹn để còn có dịp :“Anh sẽ đưa em đi chùa Hương “

Xuân Canh Dần 2010.
PHƯƠNG NAM

CHỮ XUÂN TRONG TRUYỆN KIỀU

Cựu SVLKSG **Đỗ Hữu Phương**.



Tác giả Đỗ Phương & vợ cùng các con tại Cali

“Mỗi năm mỗi tuổi như đuổi xuân đi”. Nhưng để bù lại, “mỗi năm mỗi tuổi” ta lại học thêm được ít nhiều kiến thức, lại khám phá ra một chữ hay của văn chương. Năm mới, mùa xuân đã đến, thêm một mùa xuân tươi thắm trong cuộc đời, tôi động bút từ trước lúc hoa đào phong nhụy viết về chữ “Xuân” trong Kiều mà tôi tìm được như chợt quên đi, như chưa hề nghĩ đến “cái già xồng xộc” đang đuổi sau mình, như không hề nhớ mỗi độ xuân về vẫn thường nhẩm đọc câu thơ đầu Khúc giang để ngẫm lại cái triết lý như sống gấp có từ ngàn xưa của Đỗ Phủ: “Nhất phiến hoa phi giảm khước xuân” (mỗi cánh hoa rơi, giảm tý xuân)!

Câu chuyện được khơi mào vào một ngày xuân năm trước, khi một bóng một đèn đọc lại truyện Kiều. Ấy là cái đoạn: sau phút bất gặp “tình yêu sét đánh”, Kim Trọng tìm cách dọn nhà tới gần nơi ở của nàng Kiều để mong “ngày ngày hằng trông” thấy nàng trong gang tấc. Và nàng cũng chẳng nỡ phụ lòng chàng, đôi khi đã xuất hiện thấp thoáng sau bức “tường Đông”. Bằng sự ma mãnh của con tim yêu đương muôn đời, một hôm, nàng đã tìm cách cài chiếc thoa lên cành đào, cho chàng “bắt được” để nhân đó mà thổ lộ tâm can. Và quả nhiên ngày hôm sau, từ sớm tinh mơ mờ đất, chàng và nàng vịn vào cố ấy để gặp nhau. Kẽ vừa giả vờ “ra ý tìm tòi ngăn ngại” thì đã có người “lên tiếng xa đưa ướm lòng”! Thật rõ ra là trò con trẻ! Nhưng sau những câu thơ tưởng như vờ vờ vệt vệt đó hôm nay vẫn làm xôn xang bao trái tim già?

*“Tan sương đã thấy bóng người,
Quanh tường ra ý tìm tòi ngăn ngại.
Sinh đà có ý đợi chờ,
Cách tường lên tiếng xa đưa ướm lòng.
Thoa này bắt được hư không,*

*Biết đâu Hợp Phố mà mong châu về?
Tiếng Kiều nghe lọt bên kia,
On lòng quân tử sá gì của rơi...*

Thế là, họ chính thức “tán” nhau từ câu 311. Vì hai bên đều mắc lưới tình của nhau rồi, nên họ tán nhau tuy vẫn chương mà xem ra vẫn “sát sạt” quá; bàn chuyện hệ trọng một đời người mà nhanh chóng quá! Và đến câu 436 tức là chỉ đối đáp chừng ba chục câu thơ, mà ta thấy Kiều đã nhận lời. Vì thế, tôi mới nảy ra cái băn khoăn là :Tại sao chỉ trong thoáng chốc buổi sáng tinh sương ấy, mà trước câu Kiều tuyên bố “ghi tạc đá vàng” với Kim, Nguyễn Du lại viết:

*Lặng nghe lời nói như ru,
Chiều xuân để khiến nét thu ngại ngừng.
(Câu 347, 348)*

Viết như thế thì hóa ra họ “tán” nhau từ giờ tập thể dục qua buổi trưa, vắt sang buổi chiều? Trong truyện Kiều, ta cũng nên nhớ lại cái “sự xuân” này cũng đã được Nguyễn Du dùng hình tượng “mưa gió nặng nề” để đặc biệt tả cái “đêm xuân” mà nàng Kiều bị rơi vào tay họ Mã.

*“Tiếc thay một đoá trà mi,
Con ong đã tỏ đường đi lối về!
Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương.
Đêm xuân một giấc mơ màng,*

Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ !. (câu 847-852).”

Chữ “đêm xuân” ở đây phải được hiểu là đêm của “sự xuân” chứ không phải là đêm mùa xuân vì đây đang là “Đêm thu một khắc một chày” (câu 805), cái đêm Kiều theo Mã Giám Sinh, mà trước lúc lên xe, nàng đã lén cầm con dao, để “Dao này thì liệu với thân sau này”. Tuy nhiên, về hình thức, về danh nghĩa, đây chính là đêm cưới gả “Sính nghi rẻ giá, nghênh hôn sẵn ngày”, đêm “động phòng hoa chúc”, đêm của ái ân. Thế mà quái gở thay, sau “một cơn mưa gió nặng nề” cục súc, thay vì bằng việc nâng giắc, chăm sóc Kiều, thì đơn giản như gã thợ sơn tràng, đục xong cây gỗ để xỏ lạt xuôi bè, vừa “xong việc”, Mã Giám Sinh biến mất trong đêm như một tên ăn trộm “Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ”! Phải hiểu theo nghĩa đặc biệt của chữ “xuân” trên đây, ta mới thấm hết nỗi đau của nàng Kiều trong cái đêm kinh hoàng buồn tủi ấy, mới thấy bốn câu thơ trên chữ “đêm xuân” chưa hẳn đã là tốt cùng của nỗi đón đau! Và ở đoạn thơ sau, khi Kiều cầm dao tự sát, Tú bà vội thuốc thang đợi nàng tỉnh lại bắt đầu lừa đảo tiếp: Xin lỗi con. Vì ta không biết con là con nhà lành nên mới đem con tới chốn lầu xanh. Thôi thì:

Thuốc thang suốt một ngày thâu,
Giấc mê nghe đã dầu dầu vừa tan.
Tú bà chực sẵn bên màn,
Lựa lời khuyên giải mơn man gỡ dần.
Một người dễ có mấy thân,
Hoa xuân đương nhụy ngày xuân còn dài.
Cũng là lỡ một lâm hai,
Đá vàng sao nở ép nài mưa mây.
Lỡ chân trót đã vào đây,
Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non.

Văn cảnh này văn bắt ta phải hiểu chữ “xuân” theo nghĩa đặc biệt ấy: Ta hứa với con rồi mà. Con cứ khóa cái “buồng xuân” ấy lại. Ta không bắt con tiếp khách nữa đâu. Ta hứa sẽ tìm nơi tử tế để gả bán gầy dựng cho con:

“Người còn thì của hãy còn,
Tìm nơi xứng đáng là con cái nhà.”

Nhưng Kiều đâu biết được cạm bẫy văn đợi nàng ở lầu Ngưng Bích.

“Trước lầu ngưng Bích khóa xuân,
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung.”

Trúng kế đã dao của tên sở Khanh mặt mo, Kiều phải cúi đầu nhận làm dĩ trước mặt Tú bà!. Đến nước này rồi mà chữ “xuân” của Nguyễn Du vẫn còn phát sinh ý nghĩa mới: ngoài sự miêu tả cái đau đớn của Kiều trong những câu thơ trước, đến đây, chữ “xuân” còn như ngấm chiều tuyết cho phẩm cách của nàng trong những ngày đảo điên “nước đục bụi trong” giữa “chôn lạp loài” không lối thoát. Ấy là câu thơ Nguyễn Du miêu tả tâm trạng nàng Kiều “khi tỉnh rượu, lúc tàn canh” trong nhà chứa:

..... “Mặc người mưa Sở mây Tần,
Những mình nào biết có xuân là gì!”

Với nghĩa ít gặp của chữ xuân trên đây, câu thơ đã miêu tả đầy đủ cái lạnh cảm đến vô cảm, như trái với tự nhiên của Kiều. Thì ra nếu các chữ “xuân” trên đây mang nghĩa “sự xuân”, “việc xuân” thì riêng ở câu này chữ “xuân” lại là cái lạc thú của sự xuân: Kiều không hề tìm thấy chút lạc thú nào ngay giữa nơi mà bản năng con người sẵn sàng thức dậy. Với chữ “xuân” rất nhục thể này, Nguyễn Du đã xếp nàng Kiều đứng riêng một chỗ trong xóm nguyệt hoa, thậm chí, còn đứng cao hơn chị em trong “Lâm Dĩ” của Vũ Trọng Phụng và cao hơn hẳn nỗi oan nghiệt của người đàn bà trong thơ Nguyễn Bính:

Mẹ con chỉ đợi hồng đôi má
Đợi một chiều xuân kia thấm tươi.
Đời cha lưu lạc quê người mãi,
Kiếp mẹ đêm đêm bán khóc cười.....

Cựu SVLKSG **Đỗ Hữu Phương**,
Cali Mùa Xuân 2010

770

THÓANG BUỒN ĐẦU XUÂN

Bao mùa hoa nở,
Bao mùa lá tàn,
Máu đào vẫn đỏ,
Xuân này, mấy xuân?

Xuân đến nơi phồn hoa,
Xuân qua miền quan ải,
Em lo mùa xuân không trở lại?
Hãy nguyện cầu cho dân Việt sớm thành công!

Để cho anh thoải mái chỉ tang bồng,
Về xum họp dưới mái lều ẩm cúng.
Tôi một kẻ đang say tìm lẽ sống,
Xa gia đình từ buổi dựng Sao Mai.

Bụi viễn phương mờ phủ khắp hình hài,
Mơ Nguyễn Huệ, tôi chờ xuân chiến thắng.
Xuân năm nay sao trở về trong thâm lặng?
Nhuỵ lạc loài, bờ ngõ trong lòng tôi

Nguyễn Văn Ngãi

Cựu sinh viên Đại học Luật khoa Sài Gòn

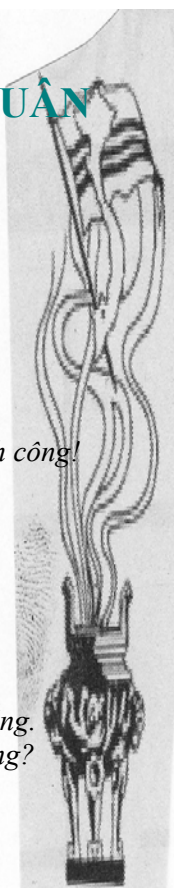
• * * * * *

NGÔI SAO TỔ QUỐC

Kể từ giông bão đầu thu
Bốn phương gió ngược lửa thù hò reo
Tôi nương mái cỏ tiêu điều
Một ngày bình cách đốt vèo lửa son
Ngủ quên, vọng nhỏ chẳng còn
Đầy tay máu lửa, sạch trơn ân tình
Cánh đồng tội ác lên xanh
Từ thi úp mặt, trường thành lặng câm
Đêm ôm rừng núi âm thầm
Suy tư chết ngộp cho tâm vóc tôi
Tình yêu càng lụy cho người
Bến thương hò hẹn ngút trời phong ba
Nắm mồ hoang cỏ vàng hue
Bơ vơ bao mái tóc thề điểm sương
Tự nghìn sâu tiếng kêu thương
Non cùng thủy tận đầu trường trơ trơ
Dòng song định mệnh không bờ
Ngôi sao Tổ Quốc bây giờ thêm xa

Thái Anh Duy

CSVLKSG- Tuyển tập Thơ “Cõi Tình Trên Quê Hương”



NỤ CƯỜI TÒA ÁN:



NHỮNG CHUYỆN TỂU VỀ LUẬT SƯ BÊN MỸ QUỐC

Sưu Tầm: Nguyễn Sĩ Thụ



LTS. Luật Sư Nguyễn Sĩ Thụ trước đã Tập Sự tại Văn Phòng Luật Sư Jean Lambert, sau đó chuyển qua Văn Phòng Luật Sư Phan Kiến Khuong và Võ Văn Quan, tại Saigon, Việt Nam. Bà được ghi danh Luật Sư Thiệt Thọ trên danh biểu Luật Sư Đoàn Tòa Thượng Thẩm Saigon ngày 9 Tháng 4, 1974.

Bà Nguyễn Sĩ Thụ hiện đang làm việc trong Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ (US Department of Defense) chuyên lo về Ngành Khế Ước (Contracts)

Lời ghi chú của tác giả:

Để tạo nụ cười cho Đặc San Luật Khoa 2010, tôi đã lược lặt vài chuyện tếu về Luật Sư bên Mỹ Quốc, thường bị mang tiếng là tham tiền, chỉ biết tiền và tiền mà thôi. Luật Sư ở Việt Nam trước 1975, khi tuyên thệ Luật Sư Thiệt Thọ hứa là sẽ Bảo Vệ Mẹ Góa và Con Côi. Mọi sự trùng hợp giữa những chuyện tếu về Luật Sư bên Mỹ Quốc và Luật Sư ở Việt Nam là hoàn toàn ngoài ý muốn của tác giả.

1. Một Luật Sư Giàu

Hàng năm Hội United Way (UW) đến quyên tiền giúp đỡ những Hội Đoàn Từ Thiện tại Mỹ Quốc. Người đại diện của UW xét sổ sách thì thấy ông LS nọ lợi tức hàng năm trên triệu dollars mà không cho một xu nào cho Hội UW. Người đại diện đến văn phòng của LS. Ông LS nói:

-Đầu tiên, tôi xin phép nói với ông rằng bà Mẹ tôi đang nằm Nhà Thương, sắp chết, không có bảo hiểm bệnh tật. Kể đến, tôi có 5 đứa con sau 3 lần ly di. Sau rớt, chồng của em gái tôi chết bất đắc kỳ tử, cô ấy không ai giúp đỡ nuôi nấng 4 đứa con thơ.

Ông đại diện UW hồ thẹn đáp:

- Tôi xin lỗi LS. Tôi không biết về gia cảnh của ông, nên mới đường đột đến xin tiền cho Hội UW.
- Vâng, tôi muốn ông hiểu cho, tôi không giúp ai trong chính gia đình tôi, vậy tại sao tôi phải giúp những người tôi không quen biết?

2. MUỐN LÊN KHÔNG GIAN

Cơ quan NASA có cuộc phỏng vấn những người bậc Trí Thức để gọi lên Hành Tinh Mars. Chương trình chỉ gọi 1 người và người đó sẽ lên Mars, nhưng sẽ không được trở về Quả Đất.

Đại diện NASA hỏi các nhà trí thức đòi trả bao nhiêu tiền để thi hành chuyện thám hiểm không gian này.

Nhà Trí Thức thứ nhất là một Kỹ Sư. Ông trả lời: Tôi muốn được trả 1 triệu dollars, và tôi sẽ biếu trọn số tiền này cho Đại Học Massachusetts Institute of Technology (M.I.T.)

Nhà Trí Thức thứ nhì là một Bác Sĩ. Ông nói ông cần 2 triệu dollars: “ Tôi sẽ để lại 1 triệu cho gia đình tôi và 1 triệu cho việc nghiên cứu về khoa học.”

Nhà Trí Thức thứ ba là một Luật Sư. Ông thì thăm trong tai người phỏng vấn: “ Tôi muốn 3 triệu dollars”

Người phỏng vấn của NASA rất ngạc nhiên hỏi: “Tại sao nhiều hơn 2 Nhà Trí Thức kia?”

Luật Sư trả lời: Nếu anh trả tôi 3 triệu dollars, tôi sẽ đưa lại anh 1 triệu dollar, tôi chỉ giữ 1 triệu dollar và chúng ta sẽ gọi anh Kỹ Sư lên Mars.

3. LÀM VIỆC TỪ THIÊN

Một buổi chiều kia, một LS đang ngồi trong xe limousine, tình cờ ngó thấy 2 người đàn ông bên vệ đường, ăn cỏ. Bồn chồn trong bụng, ông LS bảo tài xế ngừng xe lại và ông bước ra xe để hiểu sự tình. LS hỏi một người:

- Tại sao hai anh ăn cỏ?
- hai anh em chúng tôi không có tiền để mua thức ăn, đói quá, nên phải ăn cỏ.”
- Vậy hai anh có thể đến nhà tôi, tôi sẽ cho các anh ăn.

Người đàn ông nói:

- Nhưng tôi có vợ và 2 đứa con nữa. Họ đang đứng bên kia đường.
- Cho họ cùng theo anh

Nhìn thấy anh chàng nghèo thứ nhì, vẫn đứng tro tro, LS nói:

- Anh cũng đi luôn.
- Nhưng thưa ông, tôi còn 1 vợ và 6 người con đang chờ ở nhà.
- Thì cho tất cả lên xe của tôi, về nhà tôi ngay.

Tất cả mọi người vui vẻ cùng lên xe limousine dài, xe có thể chở trên 10 người, nên hơi chật chội.

Một người đàn ông nhìn thấy xe limousine bắt đầu lăn bánh, quay qua ông LS và nói:

- Ông thật tốt bụng, cảm ơn ông đã cho tất cả 2 gia đình chúng tôi về nhà ông đêm nay.

- Tôi rất mừng gặp 2 anh hôm nay. Các bạn sẽ rất thích mảnh vườn nhà tôi: cỏ chưa kịp cắt và đã lên cao gần 30 cm. Vị luật sư đáp

4. LỜI TRẦN TRỐI

Có một ông già, 82 tuổi xuân, sau khi đi khám bác sĩ về, thì biết ông không còn sống bao lâu nữa. Ông cho gọi 3 người quan trọng nhất trong suốt cuộc đời của ông và báo tin buồn:

1. Ông Bác Sĩ

2. Ông Cố Đạo

3. Ông Luật Sư

- Hôm nay tôi được tin buồn là tôi sắp chết nên tôi cho gọi các ông lại. Các ông là những người quan trọng trong cuộc đời của tôi. Tôi muốn nhờ 3 ông một việc. Tôi để sẵn đây ba phong bì có \$50,000 trong đó, và nhờ mấy ông, sau khi tôi nhắm mắt lìa đời, xin bỏ phong bì này trong quan tài của tôi.

Sau khi ông nhà giàu chết rồi, 3 ông đến viếng. Một tháng sau tình cờ 3 ông gặp lại nhau và tâm sự. Ông Bác Sĩ nói:

- Thú thật với 2 ông, tôi chỉ bỏ vào quan tài \$40,000, vì ông này còn thiếu tiền khám bệnh chạy chữa lên tới \$10,000. Tôi đã phải lấy lại số tiền nợ này.

Ông Cố Đạo nói: Tôi phải thú thật là tôi chỉ bỏ vào quan tài số tiền là \$25,000, Tôi đã dùng \$25,000 cho việc nhà Thờ.

Ông Luật Sư rất bất bình, hành động của ông Bác Sĩ và ông Cố Đạo, đã không làm trọn lời hứa với người chết.

Ông LS nói: Tôi rất buồn, hai ông không làm theo lời hứa. Tôi đã viết một cái chi phiếu, đúng \$50,000, bỏ vào phong bì và đặt vào quan tài. Như vậy chỉ có tôi là làm trọn lời hứa với kẻ quá cố thôi...

5. CÔNG LÝ ĐÃ THẮNG

Chuyện xảy ra trước khi có cell phone, e-mail hay fax.

Một Luật Sư Tập Sự tại một văn phòng nổi tiếng, được cử đi đại diện văn phòng mình đến một tỉnh lẻ, để cãi một vụ án rất quan trọng cho một Thân Chủ lâu đời của Văn Phòng. Sau một tuần lễ làm việc hết mình, bản án được tuyên bố, ông thân chủ đã trắng án, được trả tự do ngay!

Luật Sư Tập Sự này rất hớn hờ đánh điện tín về Văn Phòng vắn tắt 4 chữ: “Công Lý Đã Thắng”. Luật Sư lão thành của Văn Phòng tức tức hỏi âm: “Chống Án Lập Tức”.

6. THÂN CHỦ MỚI

Một người lần đầu tiên đến một Văn Phòng Luật Sư rất nổi tiếng và hỏi:

- “LS có thể cho tôi biết lệ phí của LS là bao nhiêu không?”

- “Giá của tôi là \$400 để trả lời 3 câu hỏi.”

Người đàn ông hỏi tiếp: “LS có nhận thấy là giá như vậy quá cao không?”

- “Tôi đồng ý với ông. Vậy câu hỏi thứ ba của ông là gì?” Luật sư hỏi.

7. LỆ PHÍ “CONSULTATION”

Một con chó của ông LS chạy rong ngoài đường, vô một cửa hiệu bán thịt và ăn cắp một cây xúc xích. Ông Hàng Thịt tức giận, đến tận Văn Phòng Luật Sư và hỏi:

- “Nếu có một con chó không có dây cổ, đến ăn cắp một cây xúc xích của hiệu tôi, xin hỏi vậy tôi có quyền đòi bồi thường nơi chủ nó không?”

- “Chắc chắn, chủ con chó phải bồi thường giá cây xúc xích” LS trả lời:

- “Vậy là LS nợ tôi \$8.50. Hôm nay, chó của ông đã ăn cắp của tôi một cây xúc xích”

LS không một lời phản đối, viết một chi phiếu trị giá \$8.50 đưa trả ông Hàng Thịt. Ông này hớn hờ ra về.

Vài ngày sau đó, ông Hàng Thịt nhận được một giấy đòi nợ của Luật Sư. Giấy ghi là: Nợ \$100 về việc Tham Khảo Vấn Đề Luật Pháp.

8. NHỜ ÔNG, TÔI THAY ĐỔI Ý KIẾN

Luật Sư vừa thắng kiện hỏi thân chủ:

- Tòa vừa tuyên anh được Trắng Án. Vậy ông nói thật cho tôi biết, anh có ăn cắp chiếc xe ấy không?

- “Sáng nay tôi say mê nghe lời hùng biện của LS. Tôi đã thay đổi ý kiến, tôi bắt đầu nghĩ rằng tôi không có ăn cắp...”

9. THAY LỜI CẢM ƠN

Thân Chủ, vừa thắng kiện:

- “Tôi không biết lấy gì để cảm ơn Luật Sư đã giúp tôi thoát khỏi cảnh tán gia bại sản, và tù tội!”

- Bà yên tâm, từ khi người Phoenicians đã phát minh tiền tệ, thì chỉ có một cách để trả lời thách mắc của Bà. Luật sư đáp

10. TRÊN PHI CƠ

Chuyến bay đang bị giông bão, Phi Công Trưởng ra lệnh cho các Tiếp Viên Hàng Không đi kiểm soát mọi hành khách coi có buộc dây an toàn tại chỗ ngồi chưa. Vài phút sau đó, Phi Công Trưởng hỏi xem mọi người đã ngồi xuống buộc dây chưa? Cô Tiếp Viên trả lời:

- Mọi người đều đã buộc dây, trừ 2 ông Luật Sư còn đi vòng vòng, và đưa danh thiếp (business cards)...

*Sĩ huy
sưu tầm*

Chuyện dài diễn đàn :



MẠNG LƯỚI XÃ HỘI

CWSVLK Phạm Huy Thịnh

Môi sinh tinh thần của cộng đồng người Việt hải ngoại đang bị ô nhiễm do sự xuất hiện lan truyền nhiều tin đáng nghi ngờ, không đúng sự thật :

-Các “ tin vịt “ (hoax) đã có từ lâu, nhất là bản dịch ra tiếng Việt các “ tin vịt “ cổ xưa này ,

-Mạo nhận địa chỉ điện thư gửi thư mời kết bạn, loại thư rác-lừa đảo,

-Trao đổi ý kiến với ngôn từ nặng nề, viết những điện thư, phổ biến thông tin không dẫn chứng nguồn gốc,... đưa đến hậu quả là sự hoang mang, sự chia rẽ trong cộng đồng,

Những người quan tâm luôn luôn cố gắng tỉnh thức, phân tích-kiểm chứng-tổng hợp các dữ kiện liên hệ để xác định sự việc tế nhị, nhạy cảm, gay cấn, xảy ra là do vô tình hay cố tình mà có cách hành xử thích hợp, giúp cho sinh hoạt trong thế giới ảo được triển nở tốt đẹp.

Những sự kiện không vui trong sinh hoạt của một diễn đàn nhỏ bé mà người viết tham gia thiết nghĩ cũng chỉ là một phần trong bối cảnh chung mà thôi .Môi sinh tinh thần trong diễn đàn hạn hẹp này cũng phần nào bị ô nhiễm .

Cách đây không lâu, thế giới ảo của cộng đồng người Việt hải ngoại bị thư chứa sâu bọ điện toán lan chuyễn làm ô nhiễm môi sinh tinh thần. Sự việc được phân tích và phương cách đề phòng và giải trừ được phổ biến rộng rãi. Kết quả, thời gian gần đây hiện tượng thư chứa sâu bọ điện toán sút giảm , ít thấy xuất hiện quá nhiều vi hữu . Bây giờ là mạng lưới xã hội (Social networking) thuộc loại thư rác-lừa đảo (spam-scam) , bị kẻ xấu lợi dụng để chọc phá, xách nhiễu, khiến người xử dụng lưới bực mình, mất vui đôi chút. Môi sinh tinh thần lại bị ô nhiễm.

Gần đây, trong diễn đàn nhỏ bé mà người viết tham gia, nhiều vi hữu bị kẻ xấu giả mạo địa chỉ gửi i-meo thuộc loại thư rác-lừa đảo cho vi hữu khác, có khi gửi ngay cả lên diễn đàn, thậm chí có trường hợp 1 vi hữu cứ nhận được ...dài dài thư rác do Myfanbox.com gửi dùng tên của 1 vi hữu khác mà vi hữu này xác nhận là không gửi và cũng không phải là thành viên của Myfanbox. Các vi hữu này đều là nạn nhân của kẻ xấu.

Nhiều sự kiện trên một số diễn đàn cho thấy là có những điện thư, do vô tình hay cố ý , dưới nhiều

hình thức khác nhau, làm cho không khí trong diễn đàn trở nên căng thẳng, mất vui .

Với sự hiểu biết giới hạn, người viết mạo muội trình bày về cách vận hành của mạng lưới xã hội , đề nghị một số việc nên làm khi gặp phải những trường hợp không vui này ,và rất mong được quý vị quan tâm đóng góp thêm ý kiến, kinh nghiệm giúp cho môi sinh tinh thần được trong lành.

1.-MẠNG LƯỚI XÃ HỘI

Những công ty khai thác dịch vụ xã hội trên lưới hiện nay có rất nhiều đều có cùng mục đích...kiếm tiền . Có công ty đứng đắn nhưng cũng có những công ty bê bối .

Những công ty loại này là những công ty hoạt động hợp pháp , dùng những mảnh lời chiêu dụ lắt léo, qua những trình tự khác nhau, nhằm mục đích:

-Đạt được sự chấp thuận, sự cho phép của “khách hàng” để xử dụng danh sách trong sổ địa chỉ của họ mà gửi thư mời hàng loạt , thư rác.

-Lấy được số thẻ tín dụng để moi tiền thành viên khi xử dụng một “dịch vụ đặc biệt” nào đó , “mua hàng giá đặc biệt”, nhưng kết quả có khi là dịch vụ dỏm, hàng dỏm, không nhận được hàng. Đòi lại tiền không được. Thành viên bị lừa tiền.

Những công ty này rất dễ bị khiếu nại, bị thưa kiện vì gửi thư rác, lừa tiền thiên hạ. Khi làm ăn không được nữa thì ...đóng cửa công ty này, mở ra công ty mới với tên khác , và thành viên được chuyễn sang công ty mới. Chẳng hạn như Reunion.com trở thành Mylife.com, sms.ca biến dạng thành Fanbox, Myfanbox

1.1. Cách vận hành công ty khai thác mạng lưới xã hội

1.1.1. Cách vận hành của các công ty khai thác mạng lưới xã hội đều na ná giống nhau .

Khi nhận được thư mời mà tiết lộ mật khẩu trương mục điện thư là xập bầy, là cho phép công ty nhân danh thành viên gửi thư mời tới tất cả mọi người trong sổ địa chỉ .

Nếu thành viên từ chối cung cấp mật khẩu thì được dụ mở rộng nhóm bằng cách tự đánh máy từng địa chỉ người quen muốn mời . Công ty sẽ gửi thư tới những địa chỉ này thay cho thành viên.

Thế là xong . Công ty đã thủ kỹ càng là được sự chấp thuận của thành viên trước khi gửi thư mời nhân danh thành viên. Nhận được thư, thấy tên người quen mời thì nhấn chuột xem chơi. Chu trình dụ khi tái diễn. Người nhận thư rất dễ bị “xập bẫy”.

Dài dòng về cách “chiêu mộ “ thành viên này để thấy rằng có thể đã có sự hiểu nhầm khi cho rằng “ mở xem thư mời là bị ngay virus xâm nhập chòm sỏ địa chỉ gửi thư đi tùm lum “, dù rằng có cảnh báo là khi bấm vào đường dẫn trong thư rác sẽ bị mã độc (malware) xâm nhập.

1.1.2.-Những công ty cung cấp dịch vụ xã hội này dư biết sẽ có những người lợi dụng công ty để gửi thư chọc phá, xách nhiễu người khác nên cũng có biện pháp tự vệ, ngăn ngừa kẻ xấu thực hiện âm mưu của họ . -Lưu trữ IP của người thăm viếng trang nhà của họ để trả lời giới chức có thẩm quyền khi cần.

-Hạn chế số lần gửi thư “theo đơn đặt hàng” nhằm mục đích xách nhiễu của kẻ xấu. Họ luôn luôn kiểm tra sự xác thực , thành tâm của người tìm vào gia trang của công ty để ghi danh ,ủy quyền cho họ gửi thư mời , bằng cách công ty gửi thư yêu cầu họ xác nhận. Nếu thư bị hoàn trả, địa chỉ ma, hay không nhận được hồi báo xác nhận thì họ ngưng gửi thư mời để tránh phiền nhiễu . Thông thường, trong trường hợp “thân chủ” là người ghi danh lần đầu, công ty sẽ ghi i-meo, ngay cả ghi IP như trường hợp Jhoos.com, của “thân chủ” khi gửi thư mời “khách hàng” mới để ”tự vệ”.

-Ngược lại, nếu họ nhận được hồi báo thì tư cách thành viên của người ghi danh lần đầu được xác nhận và công ty sẽ thay mặt thành viên kiên trì, liên tục gửi thư mời và các thư khuyến mại khác cho khách hàng tương lai theo yêu cầu – hay không – của thành viên và có thể chỉ đề tên chứ không ghi i-meo của “thân chủ” thành viên.

- Khi thành viên rút tên ra khỏi công ty thì công ty cũng ngưng gửi thư nhân danh thành viên.

1.2.- Phân tích-tổng hợp các sự kiện giúp nhận định được thực hư .

Khi biết cách vận hành của công ty cung cấp dịch vụ xã hội như tóm tắt trên đây, căn cứ vào nhịp độ, số lượng nhận được thư rác , căn cứ vào sự giải thích của bạn bè nếu có, căn cứ vào những sự kiện liên hệ đã xảy ra trong quá khứ ... thì có thể rút ra được kết luận THỰC-HƯ để hành xử cho thích ứng tùy theo từng trường hợp.

-Nếu nhận được thư mời kết bạn từ địa chỉ người quen, rồi sau đó bạn ta viết thư xin lỗi vì bị ..”xập bẫy” thư nhận được từ người khác, hoặc vì không biết mặt trái công ty, thì cùng nhau cười xòa, xóa đi hoặc fwd báo cáo thư rác là xong .

-Trường hợp biết có kẻ xấu mạo danh , giả địa chỉ i-meo để chọc phá, gây chia rẽ, hoang mang giữa những

người quen biết nhau thì nên viết thư khiếu nại với dẫn chứng để nhờ giới chức có thẩm quyền can thiệp.

-Khi công ty gửi mà cho biết địa chỉ điện thư của người họ thay mặt, thì dễ cho người nhận thư biết thực hư, dễ liên lạc để xác nhận thật giả.

-Nếu công ty chỉ đề tên, không ghi địa chỉ điện thư thành viên, thì người nhận gặp khó khăn hơn trong việc xác định thật giả vì trùng tên có thể xảy ra còn trùng điện thư thì không thể có .

Muốn tìm hiểu thêm về loại công ty cung cấp dịch vụ xã hội mang tính cách thư rác-lừa đảo và biện pháp đối phó thì xin tham khảo tại :

<http://www.consumerfraudreporting.org/FanboxScam2.php>

<http://consumerist.com/380751/reunioncom-will-scrape-your-address-book-then-spam-your-contacts>
<http://spamid.net>

2.- GIẢI PHÁP ĐỀ NGHỊ

Sinh hoạt trong thế giới ảo thì người tốt, kẻ xấu lẫn lộn. Nhận được thư rác là chuyện thường. Nhận được thư khi đọc phải cau mày cũng không hiếm . Để góp phần giúp cho môi sinh tinh thần được trong lành thì cần tìm hiểu thực hư của sự việc để sau đó có cách hành xử thích hợp.

Sự thẳng thắn, thành thật, ôn hòa trong trao đổi nhằm chứng tỏ thiện chí, giải tỏa khúc mắc là yếu tố căn bản giúp xác định thực giả, đúng sai của vấn đề .

Khi đã nhận chân được vấn đề thì phản ứng của mỗi người mỗi khác và thay đổi tùy theo từng trường hợp. Lý luận vững chắc , lời lẽ nhã nhặn, kèm dẫn chứng mới mong thuyết phục được người đọc. Đôi khi im lặng lại là cách trả lời, là giải pháp thích hợp để khỏi tạo thêm ồn ào , để khỏi “xập bẫy”... Với thời gian, mọi chuyện sẽ sáng tỏ.

Về quan điểm cho rằng khi nhận được thư rác thì chỉ xóa đi là xong, không thắc mắc gì cả, im lặng là vàng, thì có người đồng ý, cũng có người không đồng ý .

Lý do không đồng ý với quan điểm là khi nhận được thư rác thì chỉ xóa đi là xong , có thể tóm lược như sau:

- biết sự thực về nguyên nhân gây sáo trộn mà cứ im lặng giữ cho riêng mình, không chia sẻ với người khác thì không hữu ích gì cho tập thể, cho xã hội .

- chính mình tiếp tục nhận được thư rác, mất thì giờ xóa bỏ , tài nguyên thế giới ảo bị lãng phí, , kẻ xấu tiếp tục tung hoành , ...

- khi nhận được thư lạ lại không đọc qua, cứ xóa đi ngay không thắc mắc gì cả, thì có thể gặp trường hợp kẻ xấu giả mạo i-meo của mình ghi danh sử dụng một dịch vụ nào đó và tổ chức này gửi thư tới i-meo của

mình để xác nhận mà mình ...”không biết” để có phản ứng thích hợp thì thiệt hại cho chính mình trước đã .

Tóm lại, những người theo quan điểm sau cho rằng cần có thái độ hành xử thích hợp để cho chính mình được thư thái , thoải mái trước đã, và như vậy người khác cũng được hưởng sau.

2.1.- Những việc nên làm

Một cách tổng quát, khi nhận được i-meo có tính cách bất thường, làm mình khó chịu thì nên công khai hóa cho mọi người biết để không có người này nhìn thấy thì cũng có người khác nhìn thấy sự thật, thấy những gì che dấu đằng sau (chẳng hạn như nhận được thư với địa chỉ điện thư của mình gửi lên diễn đàn mà không phải do chính mình gửi ...). Khi nhìn thấy sự thật, có chứng cứ, thì chia sẻ cho người khác biết , dù chỉ cho một số ít người chọn lọc, chứ đừng giữ làm của riêng !

Những biện pháp đề phòng, đối phó chung khi xử dụng i-meo, khi nhận được thư mời từ các hãng gửi thư rác-lừa đảo thì nhiều người đã biết. Với sự hiểu biết giới hạn, xin trình bày vài ý kiến như sau :

2.1.1.- Thường xuyên kiểm tra lại máy và thay đổi mật khẩu.

2.1.2.- Nếu muốn mời bạn mình tham gia nhóm trong một công ty khai thác dịch vụ xã hội thì nên viết thư báo cho bạn mình biết trước khi gửi thư mời để bạn mình khỏi ngỡ ngàng và dễ quyết định.

2.1.3.-Không trả lời, không bấm vào bất kỳ đường dẫn nào trong thư rác vì bấm như vậy là xác nhận i-meo của mình là ...”tốt” và chỉ càng nhận thêm thư rác.

2.1.4.- Không muốn nhận được thư rác thì ngăn chặn, lọc tên miền công ty gửi thư rác. Dịch vụ i-meo nào cũng có phần này. Hiệu quả đối với thư rác không ghi i-meo cá nhân nhưng khó thành công trong trường hợp thư rác ghi i-meo “người quen” là người gửi.

2.1.5.- Thay vì bấm Delete, xóa đi cho xong chuyện, thì bấm vào Spam (Yahoo), Junk (Hotmail) ...để báo cho giới chức phụ trách biết đó là thư rác để họ hoàn chỉnh phương tiện lọc thư. Đây là việc tối thiểu nên làm vì cũng chỉ cần một động tác bấm chuột như bấm Delete mà thôi.

2.1.6.- Báo cho chính quyền biết công ty khai thác thư rác bằng cách chuyển thư rác với “đầu thư đầy đủ”(full header) tới : spam@uce.gov, CFR2008A@consumerfraudreporting.org.

2.1.7.-Một khi đã là thành viên, muốn ra khỏi mạng lưới thì có thể vào gia trang để rút tên hoặc bấm vào đường dẫn dành cho việc này trong thư nhận được. Nếu không xong thì phải viết thư riêng.

2.1.8.-Muốn không còn là thành viên, không muốn nhận thư rác thì có thể viết thư cho hãng yêu cầu họ bỏ tên mình ra khỏi danh sách mạng lưới xã hội của hãng. Nếu i-meo của mình bị ai đó giả mạo thì cũng nói rõ cho họ biết và yêu cầu họ điều tra và ngăn chặn sự việc

tái diễn. Nhớ đính kèm thư rác liên hệ với đầu thư đầy đủ. Nếu cần thì nhờ giới chức có thẩm quyền cao hơn can thiệp.

2.2.-Cách đọc đầu thư đầy đủ

Tham khảo mục “Trợ giúp”- Help- để biết cách Vào

http://www.consumerfraudreporting.org/email_headers.php tham khảo cách xem đầu thư đầy đủ và cách đính kèm đầu thư đầy đủ khi báo cáo vi phạm trực tuyến.

Vấn đề chính yếu trước khi báo cáo vi phạm là phải biết được địa chỉ IP (IP address) của máy gửi thư rác và địa chỉ giới chức trách nhiệm để khiếu nại.

Các tài liệu hướng dẫn cách đọc đầu thư đầy đủ để truy lùng nguồn gốc IP và cách khiếu nại, kể cả thư mẫu, có rất nhiều trên lưới, cụ thể là tại địa chỉ : <http://spam.abuse.net/userhelp>

2.3.-Cách kèm đầu thư đầy đủ

Không có đầu thư đầy đủ thì giới chức nhận thư khiếu nại không xét tới.

Không phải cứ đã xem thấy đầu thư đầy đủ rồi chuyển tiếp thư -fwd- là đầu thư đầy đủ tự động đi kèm. Yahoo là một thí dụ. Dù đã xem thấy đầu thư đầy đủ thì khi “Chuyển tiếp” hay “Trả lời” cũng chỉ có đầu thư đơn giản (brief header) đi kèm.

Để có đầu thư đầy đủ trong thư khiếu nại, sao/dán đầu thư đầy đủ vào notepad, rồi lại sao/dán từ notepad vào thư báo cáo vi phạm.

2.4.-Cách tìm địa chỉ khiếu nại và gửi thư báo cáo vi phạm

Dùng phương tiện trực tuyến tại <http://www.Spamid.net> để truy tìm các địa chỉ có thể khiếu nại. Sao/dán đầu thư đầy đủ vào phần dành sẵn rồi bấm “ Prepare email”. Một danh sách địa chỉ các giới chức trách nhiệm hiện ra. Dùng địa chỉ nào là do sự lựa chọn của người gửi thư khiếu nại. Thông thường là địa chỉ cuối cùng trong danh sách tìm thấy. Cũng có thể gửi thẳng thư khiếu nại từ [spamid.net](http://www.spamid.net).

Trường hợp thư ghi i-meo người gửi thì xem đầu thư đầy đủ có thể thấy tên miền trách nhiệm và khi kiểm lại trên lưới thấy tên miền này có gia trang chính thức thì có thể gửi thư khiếu nại tới đây. Tuy nhiên, cần bản vẫn là IP nguyên thủy tìm thấy trong đầu thư đầy đủ và từ đó tìm ra địa chỉ khiếu nại.

Nếu vì lý do gì đó không tìm được địa chỉ chính xác để gửi thư thì cứ gửi tới : abuse@..., admin@..., postmaster@..., webmaster@..., hostmaster@..., info@..., (tên miền liên hệ), thì sẽ có thư tới tay giới chức trách nhiệm của hãng. Trông đợi sẽ có thư bị hoàn trả vì không đúng địa chỉ.

Đừng quên gửi bản sao (CC) lá thư này cho : spam@uce.gov.

Trường hợp bạn mình xác nhận là họ không gửi, i-meo của họ bị giả mạo thì thư khiếu nại ghi rõ thêm điều này và gửi bản sao CC cho bạn mình.

Lưu trữ lá thư khiếu nại này và các thư rác liên hệ khác trong một hồ sơ (folder) riêng để làm bằng chứng khi cần khiếu nại tiếp tới giới chức có thẩm quyền cao hơn.

2.5.-Trường hợp là nạn nhân :

Nếu cảm thấy bị là mục tiêu xách nhiễu liên tục qua thư rác , thư chứa sâu bọ điện toán, thấy i-meo của mình bị giả mạo, máy điện toán bị tin tặc xâm nhập....thì khiếu nại với IC3, The Internet Crime Complaint Center (IC3) tại <http://www.ic3.gov/default.aspx> . Trung tâm này phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền khác như FBI, NW3C, BJA để giúp giải quyết mọi loại tội phạm qua internet.

Xin tham khảo thêm các chi tiết về cách thức, tài liệu, hồ sơ phải giữ...tại gia trang IC3 như ghi trên.

Tham khảo thêm tại

<http://www.consumerfraudreporting.org> để biết các dịch vụ tương tự như IC3 của Hoa Kỳ cho mỗi quốc gia .

2.6.- Kết quả:

Khi hãng khai thác thư rác nhận được thư yêu cầu họ bỏ tên mình ra khỏi danh sách mạng lưới xã hội của hãng và thấy có CC cho các cơ quan khác thì thông thường họ bỏ tên mình vào danh sách đặc biệt , không gửi thư rác cho mình nữa , không cho kẻ xấu mượn i-meo của mình nhờ họ gửi thư, để tránh phiền nhiễu.

Giới chức có thẩm quyền càng nhận được nhiều thư khiếu nại thì càng sớm tới “gỗ cửa” công ty khai thác thư rác.

Khi cơ quan công lực “hỏi thăm” về thành viên của hãng thì hãng phải trả lời và cung cấp IP ,từ đó truy ra thủ phạm .

*** Những điều trình bày trên đây chắc chắn là còn thiếu sót, xin quý vi hữu bổ túc thêm cho đầy đủ.

Điều quan trọng khi nhận được thư chọc phá là bạch hóa, là đưa lên diễn đàn cho mọi người biết, và nhờ đó, có thể kẻ xấu chẳng qua là bất đắc dĩ, do nể nang quen biết, vì công việc, rơi vào hoàn cảnh “gặp thời thế, thế thời phải thế “, thấy mọi người đã biết đầu đuôi ngọn ngành cả rồi, không còn “múa” gì được nữa, mà ngưng ...xách nhiễu người khác thì đây là một điều đáng mừng . Chúng ta nên quên những chuyện “vớ vẩn” đã qua mà vui với bạn bè.

Ước mong được các vi hữu quan tâm tiếp tay thực hiện, giúp cho sinh hoạt trong thế giới ảo được trong lành bằng cách báo cáo vi phạm, cân trọng khi phổ biến tin tức, kiểm tra sự xác thực của những thông tin giật gân, ôn hòa khi tranh luận , luôn luôn tinh thức ..V...V...

Mong lắm thay! .

Phạm Huy Thịnh

12/2009

THƠ DZUI

* * * * *



BAO NHIÊU TUỔI LÀ GIÀ?

Thất thập xưa khó tìm ra,
Ngày nay thất thập mỗi nhà đều đông.
Ngày xưa thất thập ngồi không,
Ngày nay thất thập còn mong đi làm.
Ngày xưa thất thập lão làng,
Ngày nay thất thập là chàng thanh niên.
Thất thập về nước liên miên,
Các cháu gái nhỏ luân phiên chào mời:
"Mừng anh thăm nước nhà chơi,
Mời anh cắt tóc, thành thời gọi đầu,
Mời anh trẻ đẹp sang giàu
Đón em qua Mỹ, em hầu hạ anh."
Các bà bảy chục xuân xanh,
Tóc đen, má phấn, xăm viền vành môi.
Bà nào cũng đẹp, cũng tươi,
Là lướt sần nhảy, nói cười thật duyên.
Các bà đáng dập dùi hiền,
Các ông say đắm nghiêng nghiêng mắt nhìn.
Bây giờ tôi vững niềm tin
Trả lời câu hỏi linh tinh ban đầu:
"Tuổi già khởi sự từ đâu?
- Tuổi già khởi sự khi nào ta quên:
Quên chồng, quên vợ, quên tên,
Quên cười, quên bạn, quên mình là ai?"
Để cười, ta được trẻ dai.

HP-TNT 2/23/2009



TƯỜNG THUẬT: TÌNH ĐỒNG MÔN LUẬT KHOA SÀI GÒN.

- * * * * *
-

Trong dịp nghỉ hè tại California, niềm vui lớn nhất là đã được gặp gỡ một số Đại lão Niên Trưởng, Đại Maitre, Niên Trưởng và một số đồng liêu (cùng lớp) và đồng môn (cùng trường) Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn ở Orange County (Nam California) và San Jose (Bắc California). Sau đây là tường thuật ngắn và một số hình ảnh ghi lại những cuộc gặp gỡ thăm tình Luật Khoa ấy của Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng từ Houston, Texas đến California (2 đến 12-7-2008).



** Thụy, Khoa và Kỳ, và hai Phu nhân của Kỳ và Thụy (không thay mặt) hàn huyên sau tiệc họp mặt*

Trước hết là cuộc gặp gỡ các đồng môn Luật Khoa Sài Gòn tại thung lũng hoa vàng San Jose, Bắc California. Đúng vào ngày Quốc Khánh Hoa Kỳ, tức Thứ Sáu 4 tháng 7 năm 2008, chúng tôi được người nhà đưa tới bến xe đò Hoàng lúc 9:15AM định đi chuyến 9:30 để đến San Jose khoảng 4 hay 5 giờ chiều. Nhưng đến nơi mới hay xe đã chạy vì đã đầy khách nên khởi hành sớm hơn 15 phút. Người nhà bèn chờ chây một vòng đến chợ Viễn Đông tính đón xe đò Việt Nam thì mới hay hãng này dẫu ng như không còn hoạt động. Chúng tôi gọi điện thoại báo cho đồng môn Bùi Viết Tường, nhờ báo lại anh em định đón tôi ở bến xe là trễ xe đò nên có thể ngày mai mới đi được. Nhưng vì nóng lòng muốn gặp an hem sớm một ngày như đã dự trù, nên chúng tôi đã gọi điện thoại cho hãng xe đò Hoàng xem còn chuyến nào khác trong ngày July 4th nữa hay không, thì được biết, thường thì không có, nhưng nay do nhu cầu

đồng khách nên họ định sẽ có chuyến đi San Jose lúc 4:00PM, cứ ghi tên nếu có đủ người họ sẽ báo lại. Trờ về nhà cậu em vợ ở khu Little Sài Gòn, gọi điện thoại cho đồng môn luật khoa Trần Đình Khê đến đón về nhà hàn huyên tâm sự cho đến gần giờ xe khởi hành mới lại đưa chúng tôi ra bến xe. Chúng tôi thật xúc động khi thấy đồng Môn Trần Đình Khê vẫn đứng dưới bến chờ xe đò Hoàng đi khuất mới lái xe đi. . . . Và cảm động



** Khoa, Thụy, Kỳ & Phu nhân, Thắng và Anh*



** Thắng, Khoa, Thụy & Vân Anh, Phu nhân & Kỳ, Anh*

hơn nữa khi đồng môn Bùi Viết Tường đã ra đón chúng tôi tại bến xe lúc 10 giờ đêm, rồi chở đến một quán Café Stabur để gặp những người bạn đồng môn Phạm Ngọc Anh (cùng tập sự văn phòng các luật sư Lý Quốc Sinh, Trần Tấn Thái, Mai

Văn Đại, nhưng đã là luật sư thực thụ trước chúng tôi một năm), Các đồng liêu Trần Minh Lợi (Người mà khi về lại Houston được biết đã âm thầm dùi mài kinh sử để lấy được mảnh bằng Tiến Sĩ Luật cho bạn bè con cháu nể phục chơi !?! ?) Nguyễn Cao Thăng, Yên và . . . Chúng tôi xiết chặt tay và ôm chầm lấy nhau khi vừa gặp gỡ và không ngần ngại ăn miếng Piza của chủ tiệm Piza Nguyễn Cao Thăng đem đến, để sau đó kéo nhau đi ăn Phở và hàn huyên cho đến 12 giờ khuya mới chia tay, hẹn ngày mai gặp lại.



** Từ trái sang phải: Khoa, Kỳ, Thăng và Anh trước mộ phần Ls, Trần Tân Thái*

Đúng 10 giờ sáng Thứ Bảy Mùng 8 tháng 7 năm 2008, chúng tôi đã hẹn gặp anh chị Luật sư Trần Từ Huyền và Phu nhân Lê Phượng (Ái nữ của Cố Luật sư Lê Văn Mão) và được anh chị mời đi ăn trưa cùng Luật sư Niên Trưởng Lê Duy San ở một quán ăn có những món ăn đặc biệt Ba Miền Bắc Trung Nam Việt Nam. Sau đó, theo hẹn về nhà người bạn đồng liêu, đồng nghiệp thân thiết Nguyễn Gia Thụy & Lưu Văn Anh để được gặp nhóm bạn thân thiết là Phạm Ngọc Anh, Vũ Hữu Kỳ và Phu nhân từ Sacramento đến (Chung văn phòng tập sự) Đỗ Khoa.

Trong bữa ăn thân tình anh em cùng nhắc lại những kỷ niệm sâu đậm với nhau của một thời đã qua và cuộc sống gia đình hiện tại. Mặc dầu đây là lần thứ ba chúng tôi đến San Jose gặp nhau, nhưng lần này có lẽ là đông đủ hơn, chỉ thiếu niên trưởng đồng nghiệp Nguyễn Đình Phương (Biệt danh Phương Gà Tre vì vóc dáng nhỏ nhắn như . . . Gà tre của anh, vì Ngài đang lam một vòng du lịch ngao du sơn thủy các nước Á Châu thì phải?).

Sau bữa ăn hợp mặt, chúng tôi tạm biệt vợ chồng Thụy Anh, để cùng các đồng nghiệp chung văn phòng tập sự Phạm Ngọc Anh, Vũ Hữu Kỳ, Đỗ Kim Khoa đến nghĩa trang viếng mộ Maitre Trần Tân Thái. Qua

điện thoại, con trai Trưởng của Maitre Thái hướng dẫn chúng tôi đến nơi để tro cốt của Maitre Thái. Vòng lên vòng xuống triền dốc, đồi cao của nghĩa trang, cuối cùng anh em chúng tôi cũng tìm gặp và cùng nhau vái lạy trước di ảnh nơi để hai cốt, gọi là một chút nghĩa cử của tình sư phụ. . .

Không 7 giờ chúng tôi hẹn gặp lại nhóm bạn Trần Minh Lợi, Nguyễn Cao Thăng, Yên và . . . ở Quán Phở, nhưng trước đó được Ban Đỗ Khoa đưa về nhà Ls. Phạm Ngọc Anh để biết nhà và thăm Phu Nhân cũng là một đồng nghiệp. Tiếc rằng Phu nhân Maitre Anh đã đi chợ chưa về. Tại quán phở, chúng tôi đã bàn đủ thứ chuyện trên đời, nhưng có một chuyện liên quan đến Trường Luật là anh em bàn việc thực hiện một cuốn Niên Giám Luật Khoa. Ai cũng thấy là sáng kiến hay, song việc thực hiện đòi hỏi nhiều công sức đóng góp của tất cả anh em Luật Khoa Sài Gòn thuộc mọi thế hệ. . . Tất nhiên anh em mới chỉ bàn sơ và hẹn nhau sẽ bàn thêm và lên kế hoạch cùng nhau thực hiện. Buổi gặp gỡ này coi như tạm chia tay nhau với nhóm bạn cùng lớp, để hôm sau đồng môn Bùi Viết Tường dành một ngày Chủ nhật đưa chúng tôi đi thăm thành phố San Francisco để biết một trong những thành phố có cảnh sắc đặc biệt của Hoa Kỳ.



** Từ trái qua phải: Lê, Lợi, Anh, Yên và Thăng (Hình trên)-*

Trên đường đi đến thành phố San Francisco, chúng tôi ghé thăm Đại Maitre Nguyễn Hữu Thống, cũng là một cộng tác viên Báo Luật pháp & Đời sống của chúng tôi ở Houston. Chúng tôi đã được Luật sư

Nguyễn Hữu Thống và Phu nhân, hiện là phó Chủ tịch Hội Luật Gia Việt Nam đón tiếp thân tình và chụp hình lưu niệm. Sau khi thăm thành phố San Francisco, chụp hình lưu niệm nơi cây cầu nổi tiếng Cự Kim Sơn, Phở Tàu, Phở Ý. . . Trên đường về, chúng tôi ghé thăm nhà văn Chinh Nguyên, một đồng môn Trung Học Buôn Mê Thuật, đã được anh tiếp đón

thân tình tại nhà và khoản đãi những món ăn Việt Nam tại nhà hàng Nha Trang nổi tiếng trong vùng. Anh còn tặng chúng tôi một số sách ấn hành gây quỹ yểm trợ cho Phong Trào dân Chủ trong nước.



** Từ trái qua phải (Hình trên)- Lê, Yên, Thăng, Thăng và Lợi .*

Sáng Thứ hai 7-7-2008, chúng tôi đã được anh Bùi Viết Tường chở ra bến xe đò để kịp đi chuyến sớm nhất lúc 8 giờ sáng để trở lại Nam California, nơi tôi đã có hẹn một cuộc họp mặt đồng môn với anh em CSVLK trong Hội Ái Hữu Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn.

Theo lời mời của Niên Trưởng Hội Trưởng Hội Ái Hữu CSVLKSG, Cựu Thẩm Phán Đặng Đình Long và Tổng Thư Ký Ls. Võ Văn Đình. Chúng tôi đã có mặt tại một nhà hàng thanh lịch tại Orange County, trước giờ hẹn 15 phút. Bữa ăn trưa có sự tham dự của Luật sư Niên Trưởng Trần Thị Cẩm, và hai đồng môn luật khoa khác.

Cuộc Hội ngộ đồng môn luật khoa tại Nam California đã diễn ra khoảng 2 giờ, rất thân mật, thăm tình đồng môn Luật Khoa. Mọi người chụp hình lưu niệm và lưu luyến chia tay, không quên hẹn ngày tái ngộ.

*Houston, ngày 18-7-2008
Thiên Ý Nguyễn Văn Thắng*



MỪNG HỘI NGỘ

*Bao năm xa cách đợi chờ ,
Hôm nay họp mặt những người chiêm bao
Tình xưa , nghĩa cũ dạt dào ,
Biết bao kỷ niệm lẽ nào lại quên !
Vui sao thầy cũ , bạn hiền ,
Gặp nhau tâm sự hàn huyên thắm ngày .
Trải bao vị đắng , mùi cay ,
Đến đây tay siết chặt tay nghẹn ngào !
Ôi ! tình sư đệ đẹp sao ,
Không còn cách trở , ngăn rào nơi đây .
Cùng nhau góp sức dựng xây ,
Nối vòng tay lại tình này thăng hoa .
Mai đây khi tuổi về già ,
Nhớ hoài kỷ niệm đậm đà hôm nay ...*

San Jose , 01 / 01 / 2010

LS. Phạm Ngọc Anh



THỰC PHẨM NÀO KHÔNG BỊ THAY ĐỔI THEO THỜI GIAN ?



VŨ ĐÌNH RUNG

- **Người Á Đông** chúng ta coi mật ong như một dược phẩm để trị các bệnh như: Đau bao tử, táo bón, mất ngủ, ho, v.v...

- **Người Châu Âu và Mỹ** dùng mật ong như một thực phẩm. Hàng năm các nhà nuôi ong công nghiệp sản xuất khoảng 180 ngàn tấn mật nhưng vẫn phải nhập cảng thêm từ nhiều quốc gia khác trên thế giới.

Để tìm hiểu tại sao người Mỹ và Châu Âu lại dùng mật ong nhiều như vậy, xin quý vị đọc lời giải thích của các giáo sư, bác sĩ về khoa dinh dưỡng:

- **Mật ong là một thực phẩm bổ dưỡng** không chất béo, đây là một ưu điểm của mật ong mà ít thực phẩm khác có được. Thành phần của mật ong được kiểm chứng không có lipid nên khi cần bồi bổ sức khỏe chúng ta không phải lo ngại làm tăng lượng Cholesterol trong máu.

- **Mật ong cung cấp một lượng đường hoa cần thiết cho cơ thể.**

Ngày nay khi dùng thực phẩm người ta thường chú ý đến chất béo và chất đường.

Dùng đường nhiều có nguy cơ đưa đến các chứng mập phì ở trẻ em và bệnh tiểu đường ở người lớn tuổi. Đường hoa trong mật ong là dạng đường fructose giống như đường trong các loại trái cây. Loại đường này dễ chuyển hóa mà các bác sĩ thường khuyên chúng ta nên

dùng trái cây. Loại đường trong mật ong khác với các loại đường Glucose (đường mía, sirop trong nước ngọt). Cần phải lưu ý chất ngọt rất cần thiết cho cơ thể, dùng mật ong là một lựa chọn đúng.

- **Mật ong là thực phẩm dễ hấp thụ**, trên thực tế có nhiều thực phẩm bổ dưỡng khi chúng ta ăn lại cần nhiều thời gian để chuyển hóa. Mật ong có ưu điểm là khi chúng ta dùng chỉ sau 15 phút cơ thể đã tiếp nhận được năng lượng (calorie) từ mật ong nên giúp phục hồi sức khỏe nhanh cho người bệnh, người lao

động quá sức và rất tốt đối với những người lớn tuổi mà khả năng hấp thụ thức ăn kém.

- **Mật ong thiên nhiên là thực phẩm không bị thay đổi theo thời gian.** Nhiều lần các nhà khảo cổ khi khai quật các thành cổ dưới lòng đất đã tìm thấy những hũ mật ong; khi đem kiểm nghiệm hoạt lực của mật ong không hề thay đổi. Mật ong thiên nhiên có tác dụng diệt nấm nên không có loại men tạp nào có khả năng làm thay đổi tính chất của mật ong.

Thưa quý đồng hương,

Mật ong thiên nhiên là một dược phẩm và thực phẩm quý, nhưng ngày nay các nhà nuôi ong công nghiệp chạy theo số lượng, khai thác triệt để trong mùa hoa và sau đó cho ong ăn nước đường nên không tránh khỏi một tỷ lệ đường lẫn trong mật. Đáng buồn hơn nữa là tại nhiều quốc gia còn pha chế bừa bãi.

Năm 2002 cơ quan FDA của Hoa Kỳ cấm nhập khẩu mật ong từ

Trung Quốc lý do có nhiều chất độc hại (*báo Anh ngữ và Việt ngữ*

đều có đăng tin). Năm 2003 mật ong tại Việt Nam phần lớn kém phẩm chất, không đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. (*Đài Á Châu Tự Do và đài VOA đã phát thanh*).

Mật ong của Cơ Sở Bách Hoa Tinh với kỹ thuật khai thác thủ công chọn lọc, trong Đại Hội Ong Mật tại Hoa Kỳ đã được gọi là Wild Honey (mật ong rừng) và công ty AMERICAN NATURAL HERBS tin nhiệm đặt hàng.

BẮT ĐẦU MỘT NGÀY VỚI TINH THẦN PHẤN CHẤN:

Bác sĩ Thomas người đang chăm sóc sức khỏe cho hơn một trăm người già trong Nursing Home. Ông về thăm bố mẹ là chủ nhân vườn cây ăn trái lớn tại Louisiana. Ông rất ngạc nhiên khi thấy sức khỏe bố mẹ ông thay đổi tốt.

- Bố ông bị bệnh áp huyết cao phải uống thuốc mỗi ngày. Một năm trước đây ông hay bị chóng mặt nên

không còn phụ được với những người phụ việc để tưới và hái trái cây. Lúc này, bố ông hăng hái với công việc và tỏ ra linh hoạt.

- Mẹ ông bị chứng suy nhược thần kinh từ ba năm nay. Bà đã để vườn rau và các chậu hoa khô héo. Hôm nay nhìn những bông hoa rụng rớt, ông hiểu sức khỏe của bà đã hồi phục.

Khi tìm hiểu ông được biết, bố mẹ ông đã dùng Sữa Ong Chúa là sản phẩm của chúng tôi tặng ông bà thường xuyên vì ông bà cho chúng tôi đặt ong để khai thác tại vườn cây ăn trái này. Trong bữa cơm tối với Bác sĩ Thomas tôi đã trình bày tài liệu của Bác sĩ Yves Donadieu nói về tác dụng điều chỉnh huyết áp và chống suy nhược thần kinh của Sữa Ong Chúa. Sau đó ông đã dùng Sữa Ong Chúa để thực nghiệm trên các bệnh nhân của ông. Bước đầu ông cho biết: “Những người được dùng Sữa Ong Chúa vào buổi sáng họ cảm thấy tinh thần phấn chấn và thích tham gia vào các sinh hoạt nhiều hơn. Đây là kết quả nhận thấy rõ rệt nhất bởi tác dụng của Sữa Ong Chúa”.

TIN TƯỢNG TUỔI GIÀ KHÔNG BỊ LỆ THUỘC

Được Đông Y Sĩ Cảnh Thiên, một thầy thuốc có trên 40 năm kinh nghiệm hành nghề cho biết ***“Sữa Ong Chúa có tác dụng rất tốt trong việc giảm mỡ trong máu và ngăn ngừa các bệnh về tim mạch”***. Chúng tôi đã cung cấp Sữa Ong Chúa cho các giáo sư bác sĩ tại Đại Học Y Khoa với yêu cầu tìm hiểu thành phần nào trong Sữa Ong Chúa có tác dụng tốt như vậy. Trong bài báo này chúng tôi xin thông tin hai tác dụng chính của Sữa Ong Chúa về lĩnh vực này.

1.- Thường khi xét nghiệm máu chúng ta thường để ý đến hai loại Cholesterol xấu (LDL) và Cholesterol tốt (HDL). Nhưng ít người lưu tâm đến loại mỡ trung tính. (Triglyceride) chất này luôn có trong máu và khi được phân hóa tốt nó trở thành chất bổ dưỡng cho cơ thể. Nhưng đối với những người có chỉ số Triglyceride cao trong máu mà thiếu vận động hoặc gan suy yếu thì các triglyceride này có nguy cơ biến thành Cholesterol xấu (LDL) trong máu. Sữa Ong Chúa với hàm lượng Vitamine rất cao, cộng với các Vitamine Vaposolubles hòa tan trong chất béo giúp chuyển hóa các loại mỡ trung tính thành chất dinh dưỡng nuôi cơ thể. Người dùng Sữa Ong Chúa lượng Cholesterol giảm rất nhanh. Đây là điều chắc chắn được kiểm chứng qua y học.

2.- Khi theo dõi tình trạng sức khỏe của những người lớn tuổi, những người thận yếu, nhịp tim cao, áp

huyết cao và nhất là những người hay hút thuốc lá, các giáo sư, bác sĩ phát hiện trong máu của những người này có một loại amino acid tên gọi là Homocysteine. Homocysteine lưu hành trong máu và gây thường tổn cho các mạch máu bằng cách gây ra những vết nứt ở thành động mạch. Khi các vết nứt này lớn các Cholesterol xấu (LDL) sẽ bám vào các vết nứt này, dần dần tạo nên những khối cản làm tắc nghẽn mạch máu đưa đến nguy cơ bị các bệnh về tim và tai biến mạch máu não. Các bệnh này gây tử vong cho hàng trăm ngàn người Hoa Kỳ, và đáng buồn hơn phần lớn những người bị tai biến mạch máu não trở thành bại liệt phải sống lệ thuộc vào người khác.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi dùng Sữa Ong Chúa Vitamine Pyridoxine trong Sữa Ong Chúa kết hợp với Homocysteine sẽ biến thành Cysteine tốt cho cơ thể và Folic acid trong Sữa Ong Chúa kết hợp với Homocysteine sẽ biến thành Methionine là một amino acid tốt cho sức khỏe. Như vậy khi dùng Sữa Ong Chúa sẽ ngăn chặn được những nguy cơ đưa đến tai biến mạch máu não về các bệnh về tim mạch.

Sữa Ong Chúa còn có nhiều tác dụng khác, nhưng trong phạm vi bài này chúng tôi chỉ muốn dùng kết quả kiểm chứng y học để xác định giá trị của Sữa Ong Chúa theo Đông Y mà Đông Y Sĩ Cảnh Thiên đã cho biết.

Tốt hết xin quý vị dùng Sữa Ong Chúa tươi và nguyên chất.

* ONG CHÚA KHÔNG CÓ SỮA – VẬY SỮA ONG CHÚA TỪ ĐÂU?

Nhận được thư của một khách hàng trọng tuổi ở Houston nguyên văn như sau: ***“Tôi đọc báo thấy cơ sở của ông giới thiệu về Sữa Ong Chúa, tôi rất ngạc nhiên vì trước đây ở Bình Định (Việt Nam) tôi cũng có nuôi một ít đàn ong để lấy mật và phấn hoa dùng trong gia đình và cho bạn bè, đôi khi lấy được ít sáp ong để làm đèn cây. Nói như vậy để ông biết rằng tôi cũng biết ít nhiều về ong. . Ong Chúa không có sữa và nếu có đi nữa thì sẽ lấy được bao nhiêu khi mỗi đàn ong chỉ có một con Ong Chúa. Tuy thế, tôi cũng mua về dùng thử thấy khỏe, ăn được ngủ được. Tôi đề nghị với ông: sản phẩm tốt đương nhiên sẽ được nhiều người đón nhận. Cần gì phải lấy tên là Sữa Ong Chúa, làm như vậy khác gì treo đầu dê bán thịt chó”***.

Chúng tôi xin cảm ơn ý kiến xây dựng của vị khách hàng trọng tuổi nói trên. Thật sự Ong Chúa

không hề có sữa, chúng tôi xin được giải thích như sau:

Ngay từ thời thượng cổ, người nuôi ong đã phải lưu tâm đến một hiện tượng khá lạ lùng, là tại sao Ong Chúa cũng nở ra từ một trứng ong như tất cả các ong khác, mà Ong Chúa lại to hơn, dài hơn và trọng lượng gấp hai lần ong thợ. Tại sao Ong Chúa lại có khả năng đẻ ra một lượng trứng khổng lồ mỗi ngày từ 2000 đến 2800 trứng. Tại sao Ong Chúa có thể sống lâu từ 3 đến 5 năm, trong khi ong thợ chỉ sống vốn vẹn từ 2 đến 3 tháng.

Sau nhiều năm khảo cứu, các nhà khoa học nhận ra từ khi còn là ấu trùng, trong mũ tường, Ong Chúa đã được cung cấp một thứ thức ăn đặc biệt giống như dịch kem mẫu sữa, chất này được tiết ra từ hạch hạ hầu của ong non từ 3 đến 5 ngày tuổi gọi là Gelée Royale, tiếng Anh gọi chất này là Royal Jelly và người Trung Hoa gọi là Thạch Vua. Riêng Việt Nam được biết đến chất này khi chuyên gia Quách Đại Cương đến Việt Nam mang theo giống ong Ý Đại Lợi. Đây là giống ong có khả năng tự đàn đông để khai thác sữa khác với giống ong nội địa. Ông viết sách về nuôi ong và được ông Nguyễn Huy Du chuyển dịch sang Việt ngữ, in tại nhà in Vĩ Hưng Chợ Lớn năm 1962. Trong sách này gọi Thạch Vua là Sữa Ong hay mật tiết tinh. Không biết từ lúc nào Hội Nuôi Ong Việt Nam và các thầy thuốc gọi Royal Jelly là Sữa Ong Chúa. Ngày nay các nhà bào chế thuốc ghi thành phẩm bằng Việt Ngữ là Sữa Ong Chúa. Nên Cơ Sở Bách Hóa Tinh cũng ghi là Sữa Ong Chúa. Như vậy, mặc dù được gọi là Sữa Ong Chúa, nhưng thực sự không phải là sữa do Ong Chúa tiết ra mà là thực phẩm đặc biệt dành cho Ong Chúa.

Quý vị muốn mua sản phẩm ong mật để bồi dưỡng sức khỏe và trị bệnh, cơ sở chúng tôi có bán:

- Mật Ong Sữa Chúa 1 lọ 8 oz giá \$20.00 US
- Sữa Ong Chúa tươi và nguyên chất 1 lọ 60.000mg giá \$60.00 US. Check hoặc Money Order xin gửi về:

VŨ ĐÌNH RUNG

Cơ Sở Bách Hóa Tinh

119 E Woodman St.

Abbeville, LA 70510

Sản phẩm sẽ tới tay quý vị sau một tuần lễ (*miễn lệ phí gửi hàng tại Hoa Kỳ*)

*** Thành phố Houston, TX quý vị có thể mua tại:**

- **Việt Nam Pharmacy** 2922 Milam St.
- **Lotus Pharmacy** 8200 Willrest & Beechnut #8
- **Bảo Châu Pharmacy: 12002 Veterans Memorial Dr. # C**

- **Nhà thuốc Vạn Hòa Đường.** 8300W.Sam Houston, góc Beechnut, trong khu chợ Việt Hoa.

- **Nhà thuốc Hoa Đà,** 11210 Bellaire Blvd. # 126

- **Hong Kong Pharmacy,** 5700 S. Gessner # G

- **Nhà thuốc Thiên Ân,** 8282 Bellaire Blvd. # 132, Houston TX 77036.

- **Nhà sách Thiên Nga,** 2929 Milam St.

***Thành phố New Orleans Louisiana:** - Ken' Pharmacy 4626 Alcee Fortier Blvd. # C.

THƠ DZUI

EM ĐI SHOPPING

Hôm qua đi shopping về,
Em mang mấy túi Macy's khoe chồng .
Đây là cái áo coat lông ,
Giá sale ngàn chín rẻ không hả mình ?
Còn đây cái váy da xinh ,
Mặc vào em giống mình tinh Hoa Kỳ ,
Và đây cái nhẫn chín ly ,
Hạt trong nước lý đẹp ghê hẻm mình ?
Em ơi ! dừng lại cho nhanh ,
Máu không lên óc ,tim anh sắp ngừng ,
Sang đây anh vẫn ngại ngừng ,
Mình là tỵ nạn xin đừng theo Tây
Tóc huyền buông xỏa lâu nay ,
Sao em cắt ngắn đổi thay nâu vàng ,Nói ra lại bảo
chồng gàn ,
Em thay đổi quá chỉ làm khổ anh! Hoa chanh nở giữa
vườn chanh ,Thầy u mình với chúng mình chân quê,
Mai sau đi shopping về ,
Dấu vào Closet đừng khoe với chồng ,
Kéo không nó lại tăng xông ,
Thận suy,gan yếu ,còn trông mong gì!

Ngô Sĩ Hùng

Tìm Bạn Bốn Phương

Nữ 45 tuổi đẹp sang,

Có nhà, có tiệm, không màng lợi danh.

Em yêu mái ấm yên lành,

Ba lần ly dị mấy anh chồng lười.

Anh nào phong nhã tốt tươi,

Yêu người chung thủy xin mời đến em.

Nữ 50 tuổi đen dòn,

Ba con, bốn cháu lon ton đầy nhà.

Chồng nay bám gót người ta,

Chính chuyên, em chẳng kêu ca buồn phiền.

Anh nào thông hiểu nổi niềm,

Nếu trên bốn chục cảm phiền viết thư.
